

Ngô gia văn phái

HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ

Dịch giả:
Nguyễn Đức Vân và Kiều thu Hoạch

Mục lục

Hồi thứ nhất	3
Hồi thứ hai	13
Hồi thứ ba	31
Hồi thứ tư	50
Hồi thứ năm	70
Hồi thứ sáu	83
Hồi thứ bảy	108
Hồi thứ tám	126
Hồi thứ chín	141
Hồi thứ mười	159
Hồi thứ mười một	179
Hồi thứ mười hai	199
Hồi thứ mười ba	210
Hồi thứ mười bốn	224
Hồi thứ mười lăm	233
Hồi thứ mười sáu	243
Hồi thứ mười bảy	251

Hồi thứ nhất

*Đặng Tuyên Phi được yêu cầu, đứng đầu hậu cung
Vương Thế Tử bị truất ngôi, ra ở nhà kín.*

Triều Lê Trang Tông Dụ hoàng đế (Tức Lê Trang Tông, tên là Duy Ninh (1533-1548). Các chú thích từ đây trở đi đều của người dịch) trung hưng cơ nghiệp ở sông Tấn Mã (Tức sông Mã ở Thanh Hoá). Bấy giờ Thế Tổ Minh khang thái vương Trịnh Kiểm làm phụ chính, giúp vua dẹp yên được đảng họ Mạc và trở lại kinh đô cũ. Rồi từ đó, họ Trịnh đòi đòi kế tiếp tước vương, nắm giữ hết quyền bính trong tay, hoàng gia mỗi ngày một suy yếu dần.

Truyền đến đời Hiền Tông Vĩnh hoàng đế, niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1786), thì Thánh Tổ Thịnh Vương (Tức Trịnh Sâm, mới lên ngôi chúa) chuyên quyền cậy thế, làm oai làm phúc; vua Lê chỉ còn biết chấp tay rũ áo mà thôi.

Thịnh vương là người cứng rắn, thông minh, quyết đoán sáng suốt, trí tuệ hơn người, có đủ tài về văn lẫn võ, đã xem khắp kinh sử, biết làm văn làm thơ. Sau khi Thịnh vương lên nối ngôi chúa, từ kỷ cương trong triều đến chính trị trong nước, hết thảy đều được sửa đổi; bao nhiêu tướng giặc, đảng nghịch, đều lần lượt bị dẹp tan, Chúa có cái chí muốn làm bá chủ, nào diệt giặc Trấn Ninh, nào phá bọn Công Chất [đây là hai cuộc khởi nghĩa nông dân lớn ở thế kỷ 18. Cuộc khởi nghĩa của Lê Duy Mật ở vùng Thanh-Nghệ, lấy Trấn Ninh làm căn cứ, kéo dài 32 năm (1738-1770). Cuộc khởi nghĩa của Hoàng Công Chất ở vùng Sơn Nam và Tây Bắc, kéo dài 30 năm (1739-1769)], quân nhà chúa đã đến, không chỗ nào là không thắng. Lúc đó bốn phương yên ổn, kho đụn đầy đủ, chúa dần dần sinh bụng kiêu căng, xa xỉ, phi tần thị nữ kén vào rất nhiều, mặc ý vui chơi thoả thích.

Một hôm, tiếp dư (Một cặp bức của vợ vua, dưới bậc phi) Trần Thị Vịnh sai nữ tỳ Đặng Thị Huệ bung một khay hoa đến trước nơi chúa ngồi. ả họ Đặng này, quê ở làng Phù Đổng, mắt phượng mày ngài, vẻ người mười phần xinh đẹp. Chúa nom thấy rất bằng lòng, bèn tư thông với ả.

Từ đó, Thị Huệ càng ngày càng được nhà chúa yêu quý, ả nói gì chúa cũng nghe và hễ có việc gì là chúa cũng bàn với ả. Rồi ả được ở chung một nơi với chúa, y như một cặp vợ chồng nhà thường dân. Xe kiệu, quần áo của ả cũng đều được sắm sửa hết như đồ dùng của chúa.

Thị Huệ từ lúc được nhà chúa chiều chuộng, hơi có vẻ lộng hành. Hễ có chuyện gì không vừa ý, là ả xây xắm mặt mày, rồi kêu khóc thảm thiết để làm rối lòng chúa.

Chúa có một viên ngọc dạ quang, lấy được trong khi đánh dẹp phương Nam, vẫn giấu ở trên đầu khăn làm đồ trang sức. Một hôm Thị Huệ lấy tay mân mê viên ngọc. Chúa nói:

- Nhè nhẹ tay chứ, đừng làm ngọc sây sát!

Thị Huệ bèn ném viên ngọc xuống đất mà khóc rằng:

- Làm gì cái hạt ngọc này! Chẳng qua vào Quảng Nam kiếm giả chúa hạt khác là cùng. Sao chúa nỡ trọng của khinh người như vậy?

Rồi ả tự ý bỏ ra ở cung khác, từ chối không gặp chúa nữa. Chúa phải dùng nhiều cách dỗ dành cho ả vui lòng, lúc ấy ả mới chịu làm lành với chúa.

Kịp đến khi Thị Huệ có mang, chúa liền sai người đi lễ khắp trăm thần để cầu sinh con thánh. Đến kỳ, ả sinh được một trai, vào năm Đinh Dậu, niên hiệu Cảnh Hưng 38 (1777). Chúa hết sức yêu mến đứa bé, lúc đầy trăm ngày, chúa lấy tên của mình lúc nhỏ là Cán mà đặt cho nó, để tỏ ra nó cũng giống mình.

Khoa thi hương năm ấy, chúa lấy hai câu: "Sơn xuyên anh dục, hà hải tú chung" (Nghĩa là: "Khí thiêng của sông núi tụ lại, sự tốt đẹp của hồ biển đúc nên", ý muốn chỉ về Trịnh Cán), để làm đề thi. Các quan văn võ đưa đón ý chúa, cũng có nhiều kẻ lấy chữ: "Tính huy hải nhuận" (nghĩa là: "Sao sáng, biển hoà" tức là điềm sinh ra bậc thánh) làm câu chúc mừng.

Lúc vương tử Cán đầy tuổi tôi, cốt cách tướng mạo khôi ngô, đầy đà, khác hẳn người thường. Đến khi biết nói, vương tử Cán đối đáp gãy gọn, cử chỉ không khác gì người lớn. Mỗi khi các quan văn võ vào thăm, vương tử tiếp đón với dáng bộ nghiêm chỉnh. Có người cách hàng năm mới gặp, vương tử cũng vẫn nhớ rõ họ, tên, kể lại chuyện cũ vanh vách. Chúa sai quan từ hàn làm bài tụng 16 chữ, để viên a bảo (viên quan trông nom việc nuôi nấng, dạy dỗ con cái của vua chúa) dạy truyền miệng cho vương tử. Vương tử chỉ nghe qua một lượt là đọc thuộc liền. Thấy vậy chúa càng quý vương tử Cán bội phần.

Cũng do đó, Thị Huệ mới ngầm có ý muốn cướp ngôi thế tử.

Lại nói, lúc ấy chúa đã có thế tử là Trịnh Tông (sau đổi là Trịnh Khải), do thái phi họ Dương đẻ ra. Thái phi tên là Ngọc Hoan, người ở làng Long Phúc, huyện Thạch Hà. Chị nàng là cung tần của Ân vương (cha Thịnh vương, tức là Trịnh Doanh), sinh ra Thụy quận công, được Ân vương hết sức yêu quý. Nhờ chị, thái phi được kén vào làm cung tần của Thịnh vương. Nhưng từ sau khi vào cung, nàng vẫn ngày đêm sống cô quạnh. Bỗng một đêm, nàng nằm mơ thấy vị thần đem cho tấm đoạn có vẽ đầu rồng. Nàng không hiểu đó là điềm gì, đem hỏi viên quan hầu là Khê trung hầu. Khê trung hầu biết chắc là điềm sinh thánh.

Hôm sau, chúa cho vò cung tần Ngọc Khoan vào hầu. Khê trung hầu cố ý giả làm nghe lầm, đưa ngay thái phi Ngọc Hoan đến. Thấy nàng, chúa có vẻ không thích, nhưng đã chót gọi đến, không nỡ đuổi ra. Sau đó chúa đòi Khê trung hầu vào trách mắng. Khê trung hầu cúi đầu tạ tội, đoạn thuật rõ đầu đuôi chuyện thái phi nằm mơ cho chúa nghe. Chúa cũng nín lặng không nói sao cả.

Thái phi trải qua một trận mưa móc, liền có thai ngay. Đến kỳ, nàng sinh ra một trai. Năm Quý-mùi, Cảnh Hưng 24 (1763).

Chúa tự nghĩ đầu rồng tuy có khí tượng làm vua, nhưng là rồng vẽ không phải rồng thật, mà lại chỉ có đầu không có đuôi, như vậy chưa hẳn đã là điềm tốt cả. Và lại ở triều trước, Trịnh Cối, Trịnh Lệ (Trịnh Cối là con Trịnh Kiểm, Trịnh Lệ là con Trịnh Doanh. Hai người này đều mưu đồ giành ngôi chúa, nhưng đều thất bại) cũng do người Long Phúc đẻ ra và đều mưu sự phản nghịch mà không thành. Do đó, chúa có ý không vui. Các quan văn võ vào chúc mừng, chúa lấy cớ rằng đứa con ấy không phải là vợ cả đẻ ra, từ chối không nhận lời mừng. Khi thế tử Tông đã lớn, dung mạo rất khôi ngô mà chúa cũng chẳng yêu chiều gì mấy.

Tính thế tử ham võ nghệ, không thích học hành. Năm lên bảy tuổi, chúa sai Nguyễn Khản (Nguyễn Khản là con Nguyễn Nghiễm, người huyện Nghi Xuân Nghệ Tĩnh có sách chép là Nguyễn Lệ) tiến sĩ khoa Canh-thìn (1760), làm tả tư giảng, và Trần Thản, tiến sĩ khoa Kỷ-sửu (1769), làm hữu tư giảng để rèn tập cho thế tử. Nhưng chẳng bao lâu, Thản chết. Còn Khản thì đang được chúa tin dùng, phải quán xuyến mọi công việc trong ngoài, nên cũng không mấy khi đến được chốn "màn giảng", chỉ có năm sáu viên tùy giảng bảo ban việc học cho thế tử theo như nếp cũ mà thôi. Chuyện đó chúa cũng có biết phần nào, nên lại càng không bằng lòng.

Theo lệ cũ, người con trai nối ngôi chúa hễ đến mười hai tuổi thì phải ra ở Đông cung. Bấy giờ các quan cũng có tâu trình việc ấy; song chúa không cho, bắt thế tử phải đến ở tại nhà riêng của quan a bảo là Hân quận công (Nguyễn Đĩnh). Như vậy, ngôi đông cung vẫn bỏ trống, như có ý chờ đợi người khác.

Đến năm thế tử mười lăm tuổi, thì con nhỏ là vương tử Cán ra đời, chúa hết sức yêu dấu đứa con nhỏ đó. Ba năm sau, thế tử đúng mười tám tuổi. Theo lệ cũ, thế tử đáng được mở phủ riêng; nhưng bấy giờ các quan chẳng ai dám tâu bày, mà chúa cũng không hề nhắc tới việc ấy. Như thế là người nối ngôi vẫn chưa định, nên lòng người rất phân vân. Hễ ai thuộc về thế tử Tông thì hòa theo thế tử Tông, ai thuộc đảng Thị Huệ thì vào phe vương tử Cán. Trong phủ chúa dần dần sinh ra bè nọ cánh kia.

Thị Huệ cho rằng thế tử Tông đã khôn lớn, lông cánh đã đủ; mà con mình hãy còn trứng nước, nên càng mưu mô để gây thêm thế lực.

Khi ấy Huy quận công Hoàng Tổ Lý (nguyên trước là Hoàng Đăng Bảo) đang có danh vọng lớn, thường dựa vào sự giúp đỡ của Thị Huệ; mà Thị Huệ thường cũng lấy quận Huy làm chỗ nhờ cậy bên ngoài. Quận Huy người làng Phụng Công, là cháu Bình Nam thượng tướng quân Việp quận công là Hoàng Ngũ Phúc, về người thanh dật, là tay văn võ toàn tài. Khoa thi hương năm ất-dậu (1765), Huy đi thi được trúng cách; đến khoa thi võ năm Bính-tuất (1766) Huy lại đỗ luôn tạo sĩ. Hồi ấy Ân vương còn đang trọng dụng quận Việp, mới gả con gái thứ cho quận Huy. Uy quyền quận Việp mỗi ngày một lớn. Có người ngờ sẽ xảy ra điều gì bất trắc, hoặc cũng có kẻ bảo quận Việp sắp lấy thiên hạ để truyền cho quận Huy. Căn cứ vào lời sấm hồi ấy có câu: "Nhất thi trực quần dương". (Một con lợn đuôi đàn dê); có kẻ tán rằng: Thi tức là quận Huy, bởi vì quận Huy tuổi Hợi (thuộc lợn), mà dương đây chỉ vào chúa và thế tử, vì cả hai đều tuổi Mùi (thuộc dê). Rồi những kẻ hiểu sự lại còn đặt ra câu sấm: "Thảo nhất điền bát" (Cỏ một, ruộng tám) để chỉ vào chữ Hoàng (thảo nhất điền bát chấp lại thành chữ Hoàng chỉ Hoàng Ngũ Phúc). Có kẻ lại nói: "Thổ sát vân gian nguyệt, hoàng hoa ánh nhật hương". (Mảnh đất sánh trăng trong mây; hoa cúc ánh hương mặt trời). Thổ, sát, nguyệt là chữ tế (chữ tế nghĩa là con rể, chỉ quận Huy). Hoàng, hoa, nhật là chữ Việp (Chữ Việp gồm chữ hoa và chữ nhất, còn chữ Hoàng là họ Hoàng), chỉ quận Việp. Thêm nữa, tên cũ của quận Huy là Đăng Bảo (Có nghĩa là: lên ngôi báu) người ta cũng lấy đó để dị nghị. Vì vậy quận Việp muốn tránh sự hiềm nghi ấy mới bảo quận Huy đổi tên Đăng Bảo ra Tổ Lý.

Sau quận Việp lấy cơ mắc bệnh đau mắt để xin từ chức, chuyện ấy chẳng nhắc làm gì nữa.

Lại nói năm Giáp-ngọ (1774), quận Việp phụng mệnh kéo quân vào đánh trong Nam, có đem quận Huy đi theo. Quận Huy vốn đã học được phép dùng binh gia truyền của quận Việp, nên được các tướng tá rất sợ phục. Huy lại khéo cắt đặt nhân tài, nên các tay hào kiệt đều vui lòng chịu sai khiến. Huy có công luôn luôn phá được quân địch, tiếng tăm mỗi ngày một lẫy lừng. Khi dẹp yên được xứ Thuận Hoá thì quận Việp qua đời. Chúa bèn giao luôn cho quận Huy quản lĩnh số quân của quận Việp, và cho làm trấn thủ Nghệ An.

Đóng ở trấn Nghệ An. Huy ra sức tiêu diệt trộm cướp, cấm đoán tiền (đổi tiền đẹp để tích trữ, làm cho tiền khan hiếm), trấn áp cường hào, ngăn chặn việc kiện cáo, làm cho trong hạt rất thịnh vượng, Huy lại thu dụng những kẻ anh tài, đặt ra nhiều chức liêu thuộc. Dưới trướng ông ta có những tên như tả, hữu tham quân chẳng hạn. Thế là thiên hạ lại ồn ào lên, đồn rằng quận Huy sắp sửa làm phản.

Chúa nghe tiếng, ngày ngày cùng viên triều thần tin cẩn là Nguyễn Khả và quan thế tử a bảo Hân quận công Nguyễn Đĩnh bàn cách giết Huy. Trong lúc bàn bạc, ba người vẫn dùng tiếng lóng "chữ thập" để chỉ quận Huy. Vì chữ thập cũng na ná chữ nghệ (chữ thập xoay chéo thành chữ nghệ viết tắt) là trấn Nghệ An, nơi quận Huy đóng quân.

Họ thường đuổi mọi người đi để bí mật bàn bạc, chỉ có Thị Huệ là biết được.

Công chúa vợ quận Huy, ngày đêm ra vào trong phủ luôn lọt Thị Huệ; Thị Huệ mới đem việc kín nói cho công chúa nghe. Quận Huy trong dạ không yên, dâng thư xin về triều. Chúa cho phép ngay.

Huy nghĩ rằng Thị Huệ tuy được chúa yêu, nhưng con trai của Thị Huệ còn nhỏ, trong khi đó thế tử đã lớn rồi, hòa theo Thị Huệ e không phải là kế lâu bền. Vì vậy, sau khi đã vào hầu chúa, Huy liền lấy châu báu đúc lót cho những kẻ chân tay của thế tử, để xin nương tựa vào thế tử. Rồi Huy lại đem một trăm lạng vàng và mười tấm đoạn Nam Kinh làm lễ yết kiến, để xin vào ra mắt thế tử. Nhưng thế tử không nhận đồ lễ, cũng không cho vào gặp, nói riêng với bọn hầu cận rằng:

- Thăng giặc ấy sao không ở trấn làm phản, mà lại vội về triều? Rồi đây ta sẽ tịch thu hết cả gia sản nhà nó, cần gì đồ lễ của nó bây giờ!

Quận Huy biết thế tử không dung mình, bèn quyết ý hòa theo Thị Huệ và âm thầm có chí phế lập.

Huy đem dâng ngôi nhà cũ của quận Việp cho vương tử Cán làm dinh thự. Từ đó, Huy thành ra người riêng của Thị Huệ. Mà trước mặt chúa, Thị Huệ cũng hết sức bao che cho Huy. Do đó, quận Huy được vào chính phủ (phủ của chúa Trịnh để phân biệt với triều đình của vua Lê) mở dinh quân Trung nhuệ, coi việc trong phủ, đồng thời kiêm lĩnh chức trấn thủ trấn Sơn Nam (địa bàn của Sơn Nam thời Lê gồm: Hà Đông, Hà Nam, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình), Quận Huy và Thị Huệ, trong ngoài liên kết với nhau, thế lực nghiêng cả thiên hạ. Các viên quan võ như chức cai cơ, trấn thủ, đều do cửa của họ mà ra. Lúc ấy, duy chỉ có Hồng lĩnh hầu Nguyễn Khả, trấn thủ Sơn Tây hiện đang làm tả tư giảng cho thế tử, và Tuân sinh hầu Nguyễn Khắc Tuân, trấn thủ Kinh Bắc tức con nuôi của Hân quận công, hiện đang làm a bảo cho thế tử, là còn dám có ý kia khác với quận Huy mà thôi. Như vậy là cái thế bè đảng đã thành rồi.

Lại nói, từ khi vương tử Cán sinh ra, thế tử Tông có ý rất tức bực, chỉ sợ mình không được lập làm chúa. Thế tử cùng với bọn gia thần là mấy tên hầu Thế Thọ, Thẩm Thọ... nho sinh Đàm Xuân Thọ và tên xuất thân tạp lưu (là hạng thư lại không đỗ đạt gì, không do chính ngạch mà ra) Vĩnh Vũ, ngày đêm bàn mưu, lo lắng không biết nên làm thế nào. Vừa lúc đó, chứng bệnh cũ của chúa lại phát, bệnh tình rất nguy kịch. Một đêm thế tử bỗng mơ thấy mình mặc áo châu chàm, đội mũ chũm đĩnh, đứng ở phủ đường. Sáng mai thế tử kể lại với bọn gia thần và nói:

- Ta mơ như vậy là điềm có tang, trong cung nay mai chắc sẽ có biến; ta phải sớm lo liệu trước mới được.

Bọn tôi tớ ấy liền khuyên thế tử nên ngắm ngàng sắm sửa binh khí, chiêu mộ dũng sĩ; một mai trong cung xảy ra chuyện chẳng lành, thì cứ việc đóng chặt cổng thành, giết quận Huy, và bắt giữ cả hai mẹ con Thị Huệ, khiến vương tử Cán không thể lên ngôi chúa. Mặt

khác báo cho hai trấn Tây, Bắc (Sơn Tây, Kinh Bắc) đem quân vào kinh, bắt ép các đại thần để dựng thế tử lên ngôi chúa.

Thế tử nghe theo và phao lên rằng mình sắp được lệnh đem quân vào đánh miền Nam. Rồi thế tử lại sai người báo ngầm cho Khê trung hầu, giao một ngàn lạng bạc cho nho sinh Đàm Xuân Thụ để Thụ phân phát cho bọn tay chân đi mua sắm vũ khí. Tiếp đó, thế tử mật báo cho các viên trấn thủ ở hai trấn Tây, Bắc, chiêu tập dũng sĩ.

Thế tử cất đặt xong thì bệnh của chúa cũng vừa khỏi, việc ấy bị tiết lộ. Hồi đó, có Nguyễn Huy Bá người ở Gia Lâm (làng Phú Thị, huyện Gia Lâm) tính tình nham hiểm, giáo hoạt, thường vẫn quen thói tổ giác kẻ khác để kiếm quan chức. Năm trước, chính vì Bá đã tố cáo âm mưu nổi loạn của Nguyễn Huy Cơ và Thụy quận công (Thụy quận công tức Trịnh Lệ con Trịnh Doanh, định giành ngôi chúa với Trịnh Sâm) mà y được làm chức tham nghị ở trấn Sơn Nam, dần dà, y ngoi lên chức tiền triều (những người không đỗ tiến sĩ mà được làm quan ở sáu bộ thì gọi là tiền triều), rồi lại thăng tới chức đốc đồng ở trấn Thái Nguyên. Lúc này vì có lỗi bị cách chức, y đang nóng lòng mong lại được ra làm quan. Y bèn sai con dâu cả vào làm đầy tớ cho Thị Huệ; rồi thường nhật nhanh những chuyện chơi bời đùa nghịch của Tông, xui con dâu kể lại cho Thị Huệ để nịnh nọt, lấy lòng. Mặt khác, y lại ngầm sai người nhà tin cậy tới làm bộ hạ của hai viên trấn quan Tây, Bắc để dò xét tình hình. Đến lúc ấy, y đã nắm được phần nào sự việc của bọn này, liền vào báo với Thị Huệ.

Thị Huệ đem việc đó bàn với quận Huy. Huy bảo Huy Bá viết bức thư kín, rồi Huy tự bỏ vào trong tay áo, đi đến phủ chúa, đuổi hết những người chung quanh, đem thư ra trình chúa.

Chúa xem xong, cả giận, định sai người giao xuống trị tội tức khắc. Quận Huy can rằng:

- Thế tử quả là có lỗi, nhưng sở dĩ thế tử dám làm chuyện to lớn như thế chính là do hai viên trấn thủ Tây, Bắc chủ mưu. Nay hai viên ấy hãy còn cầm quyền ở ngoài, nếu vội vã trừng trị thế tử, e sẽ có biến khác. Chẳng thà trước hết hãy gọi hai viên ấy về triều, giam cả ở trong phủ, rồi bấy giờ hãy tuyên bố tội trạng và trừng trị một thế.

Chúa cho là phải. Hôm sau chúa đòi thế tử vào cung, vờ quở mắng về việc xao nhãng học hành, rồi bắt thế tử phải đến ở trong một ngôi nhà ba gian trong Trạch các. Lại sai tiến sĩ khoa Bính-tuất (1766) là Nguyễn Quýnh làm tả tư giảng, và tiến sĩ khoa Mậu-tuất (1778) là Nguyễn Đích làm hữu tư giảng. Rồi sau đó chúa cho đòi hai viên trấn thủ Tây, Bắc về triều; bữa ấy nhằm ngày 15 tháng 8 năm Canh tý niên hiệu Cảnh Hưng (1780).

Lại nói, lúc ấy ở trấn Kinh Bắc (địa bàn Kinh Bắc gồm: Bắc Ninh, Bắc Giang, Phúc Yên) có viên đốc đồng là Ngô Thì Nhậm (người làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, con Ngô Thì Sĩ, sau làm quan với Tây Sơn), tiến sĩ khoa Ất-mùi (1775) vốn

là gia thần và tùy-giảng của thế tử, thường vẫn rất ăn ý với trấn thủ Tuân sinh hầu (Nguyễn Khắc Tuân). Về phía Tuân, không việc gì là không bàn với Nhậm, duy chỉ có việc âm mưu của thế tử là Tuân không hề nói đến. Trước đó mấy ngày, Sơn Thọ (có sách chép Hà Như Sơn) là gia thần của thế tử, lại từng là học trò của Nhậm, được thế tử sai đến kể rõ mưu mô của thế tử cho Nhậm biết; rồi lại ngầm ra lệnh cho Nhậm phái người cất lên lên vùng Lạng Sơn mua ngựa tốt để dùng vào việc binh. Thì Nhậm hoảng sợ nói:

- Thế tử là người sẽ nối ngôi chúa, mà nước là nước của thế tử, lo gì mất ngôi mà phải lập mưu ấy? Đây ắt lại do bọn tôi tở xúi giục. Thế tử trẻ người hăng máu, suy nghĩ chưa chín chắn, nên mới nghe theo họ. Chúa thượng là người xét đoán sáng suốt, há lại che giấu được ngài ư? E rằng tai hoạ sẽ xảy ra lúc nào không biết, bọn gia thần của thế tử rồi không còn đất gửi thân đâu.

Đoạn Thì Nhậm vội vã sang kể hết tình đầu cho Khắc Tuân nghe, và khuyên Tuân phải hoá tốc về kinh, can ngăn thế tử đừng làm việc đó, để tránh tai vạ sau này. Khắc Tuân không nghe, nói rằng:

- Tiểu chức này với quan lớn, chỉ biết việc tuần phòng khám xét; ngoài ra những việc không dính líu đến ta, thì không nên hé răng.

Thì Nhậm thở dài mà về.

Mấy ngày sau, quả nhiên có lệnh đòi Khắc Tuân và Thì Nhậm. Hai người vội vàng cùng đi. Tới kinh, họ thấy trấn thủ Sơn Tây (Hồng lĩnh hầu Nguyễn Khả) và a bảo Hân quận công (Nguyễn Đĩnh) đều đã bị triệu về, còn đang ngồi đợi tội ở nhà Tả-xuyên. Khắc Tuân xin vào điểm Quyển-bồng gặp chúa, nhưng chúa không cho vào, sai viên quan hầu là Quyển trung hầu ra trách Khắc Tuân rằng:

- Cậu và thằng Tông đã muốn làm giặc thì cậu cứ việc ra mà sắp sẵn binh mã, đây ta đã có các tướng mạnh để đối địch với cậu!

Khắc Tuân quay ra, gặp Thì Nhậm ở điểm Tiểu-bút, Tuân cầm tay Nhậm than:

- Tôi thờ chúa từ khi lọt lòng đến giờ, nay chúa gọi tôi là giặc. Hôm nọ quan lớn nói chuyện tôi cứ cho làm thường, nay việc đã như thế, tính sao bây giờ?

Thì Nhậm cũng hoảng hốt chẳng biết trả lời thế nào.

Khắc Tuân liền làm tờ khai, cung khai hết những việc trước rồi nhờ Quyển trung hầu đưa vào dâng chúa. Nhưng chúa đang giận, không xem, lại sai Quyển trung hầu đem tờ khai ra xé trước mặt Khắc Tuân.

Khắc Tuân lượm lấy tờ khai bị xé ấy mà ra, nhưng sợ hãi luống cuống chẳng biết đi đường nào.

Viên trấn thủ Sơn Tây lúc ấy cũng rất lo sợ, có điều muốn nói mà không dám tự bày tỏ. Ông ta bèn cùng Khắc Tuân nói với Thì Nhậm:

- Bọn tôi ở ngôi trọng yếu mà bị lời gièm pha nặng nề, bây giờ dù có nói gì, chúa cũng chẳng tin. Ngài nên đem những điều nghe thấy viết một tờ khai, đổ tội cho lũ tôi tớ, như vậy may ra bọn tôi mới khỏi bị oan, mà thế tử cũng sẽ được an toàn không việc gì.

Thì Nhậm bắt đắ dĩ phải làm theo ý hai người. Chẳng ngờ chúa nhận được tờ khai, lại càng giận dữ nói:

- Quả như lời nói của người ta không sai!

Rồi chúa sai Thì Nhậm và bọn quan hầu là Ngạn triều hầu, Đường trung hầu, án trung hầu cùng tra xét vụ án đó.

Thì Nhậm cùng bọn quan hầu định tìm cách gỡ tội cho Khắc Tuân và viên trấn thủ Sơn Tây, nhưng vì nhà có tang Nhậm phải bỏ việc quan mà về [Nhậm về chịu tang cha là Ngô Thì Sĩ. Theo Việt sử thông giám cương mục (sau đây gọi tắt là Cương mục) thì chính Nhậm hợp mưu cùng Huy Bá để tố cáo việc của Tông và Khắc Tuân. Ngô Thì Sĩ đã cố sức can mà nhậm vẫn không nghe. Sau khi nghe tin Nhậm đã phát giác việc ấy, Sĩ buồn bực, bèn uống thuốc độc tự tử. Nhậm vì có công tố giác, được thăng hữu thị lang bộ Công. Do đó, người đương thời có câu rằng: "Sát tứ phụ nhi thị lang" giết 4 người cha để làm thị lang). Bốn cha là: Sĩ, thân phụ; Tông, quân phụ; Khắc Tuân, và Xuân Hán, phụ chấp (bạn của bố). Có thuyết lại nói tứ phụ là Sĩ và Nguyễn Khả, Phương Định, Khắc Tuân ba người bạn của bố]. Chúa bèn giao cho viên đồng tham tụng là Nghĩa phái hầu Lê Quý Đôn, bảng nhãn khoa Nhâm-thân (1752) làm thay việc tra xét. Cuối cùng, nắm được hết tình hình tội trạng, chúa liền gọi các chính thần vào cung vừa khóc vừa nói:

- Quả nhân không may gặp phải thằng con bất hiếu, lũ bày tôi bất trung, chúng ngầm mưu việc phản nghịch; hình tích cũng giống như vụ Thừa Kiên, nhưng tâm địa thì tệ hơn nhiều. Việc bỏ con cả lập con thứ là bất đắ dĩ. Các người cũng nên hiểu rõ bụng ta, cứ theo phép nước mà định tội chúng nó đi!

Các quan trong triều bàn rằng: mấy tên phạm tội đều nên xử tử, còn riêng về thế tử thì không dám bàn. Lời bàn đó dâng lên, chúa cầm bút phê rằng:

"Cứ xét theo nghĩa của kinh Xuân-thu thì phải trị tội tên Tông thật nặng. Nhưng nghĩ tình cha con ruột thịt không nở như thế, vậy nên truất nó xuống làm con út, trọn đời giữ đạo làm tôi. Còn bọn các quan, thì viên trấn thủ Sơn Tây và Khê trung hầu, vốn đã theo hầu ta từ lúc chưa lên ngôi, cũng có công lao, đặc ân cho được tự liệu lấy. Riêng a bảo Hân quận công là người thật thà không tham dự và mưu đó cũng được tha tội chết, nhưng phải cách chức xuống làm dân thường".

Mệnh lệnh ban xuống, Khê trung hầu và Tuân sinh hầu đều uống thuốc độc tự tử. Dưới trướng Tuân sinh hầu có viên văn thư là Nguyễn Quốc Trấn cũng bị tội lây với chủ, phải ghép án tử hình. Lúc sắp bị chém, Quốc Trấn quát lớn:

- Trời không có mắt, triều đình không có quan, nỡ để Quốc Trấn mắc oan.

Rồi Trấn dặn người thân thuộc để giấy bút vào tay áo mình và nói thêm:

- Sống đã không bày tỏ nỗi oan được, chết phải kiện ở âm phủ.

Mọi người nghe câu nói đó, ai cũng thương xót cảm động.

Thế tử Tông bị truất rồi, chúa bắt cứ phải ở trong ngôi nhà ba gian, cho người giám sát chặt chẽ; phạm những việc ăn uống Tông đều không được tự do. Bọn gia thần của Tông cũng không được phép ra vào thăm hỏi. Do đó, phe đảng của thế tử, mỗi người lần trốn đi mỗi nơi. Còn phe cánh của Thị Huệ thì mỗi ngày một mạnh. Các quan lớn nhỏ không ai là không nịnh nọt, hùa theo, mà nhà chúa cũng càng trọng ả hơn trước.

Thừa dịp ấy, Thị Huệ bèn hỏi con gái chúa là công chúa Ngọc Lan cho em trai mình là Đặng Mậu Lân.

Công chúa này tên chữ là Ngọc Thuyên, là cô con gái yêu quý nhất của chúa. Nguyên chính phi họ Hoàng sinh được hai nàng công chúa. Cô lớn là công chúa Ngọc Anh, tên chữ là Ngọc Loan, đã gả cho Đương trung hầu Bùi Thế Toại, con trai cả của Đoàn quận công Bùi Danh Đạt làm trấn thủ Nghệ An trước kia. Còn Ngọc Lan là cô thứ hai, chưa có chồng, được chúa rất yêu chiều.

Ngọc Lan vóc người yếu đuối, từ nhỏ vẫn ở trong cung thủy tinh, kiêng nắng, kiêng gió. Nơi Ngọc Lan ở, chúa bắt thị tỳ phải nói năng sẽ sàng để cho nàng khỏi giặt mình. Khi Ngọc Lan đã lớn, mỗi lần vào thăm chúa, chúa đều cho phép cùng ngồi với mình như lúc nàng còn bé. Phạm những điều Ngọc Lan cầu xin chúa, không có lời nào là không đất. Các quan vào hàng công thân, quý tộc, nhiều người đã tới cầu hôn, nhưng chúa chưa hứa gả cho ai. Đã có lần chúa hạ chiếu chỉ cho các quan văn võ, cùng con cháu các dòng họ công thân vào phủ để cho công chúa tự kén chọn. Chúa bảo công chúa hãy chọn được ai vừa ý thì chúa sẽ gả cho người đó. Nhưng Ngọc Lan vẫn chưa kén được ai vừa lòng.

Đến nay, Thị Huệ cầu hôn cho em trai, chúa sợ mất lòng ả ta, bắt đắc dĩ mà phải gượng nhận lời.

Lại nói, Đặng Mậu Lân này vốn là một tên hung bạo; từ khi Thị Huệ được chúa yêu dấu Lân lại càng ỷ vào thế chị để làm những việc càn rỡ. Hết thầy áo quần, xe kiệu của y, nhất nhất đều rập kiệu theo đúng như của vua chúa. Thường ngày, Lân vẫn đem theo vài chục tên tay sai, cầm gươm vác giáo đi nghênh ngang khắp kinh ấp. Hễ gặp xe kiệu, bất kỳ là của đám quan quân nào, Lân cũng đều càn khía đánh nhau làm cho họ nhục nhã, rồi lấy

thể làm thích thú. Gặp đàn bà con gái giữa đường, hễ người nào trông vừa mắt, tức thì Lân sai tay chân quây màn trướng ngay tại chỗ, rồi lôi người ấy vào hiệp liền. Ai không chịu, Lân xẻo luôn đầu vú. Chồng hoặc cha kẻ bị nạn, nếu dám hé răng kêu ca, lập tức Lân sai quân vắn gãy răng, hoặc cũng có người bị đánh đến chết. Người thiên hạ sợ Lân hơn sợ beo sói.

Chúa cũng biết thế, nên tuy đã trót nhận lời gả công chúa cho Lân mà trong bụng vẫn còn có ý thương tiếc. Vả lại chúa nghĩ, công chúa người yếu ớt, mảnh khảnh, không thể chịu nổi một tên đàn ông cường bạo như thế. Nên đến ngày về nhà Lân, chúa lấy cớ rằng công chúa chưa từng lên đậu lên sởi, để không cho phép Lân hợp cẩn (Theo lễ xưa, đêm tân hôn vợ chồng uống chung một chén rượu, gọi là hợp cẩn). Rồi chúa sai quan a bảo cùng nhiều thị nữ đi theo để hộ vệ công chúa. Tiếp đó, chúa lại phái thêm cả viên nội sai là Sử trung hầu đến làm giám chế, không cho Lân xâm phạm tới công chúa.

Thật là:

*Ái ân, cô gái không e sợ
Hoan hỉ, chàng trai lại dở dang.*

Chưa biết việc tới thế nào? Hãy xem hồi sau phân giải.

Hồi thứ hai

*Lập Điện đô, bầy quan nhận di chúc,
Giết Huy quận, ba quân phò Trịnh vương*

Lại nói, Đặng Mậu Lân tuy đã lấy được công chúa Ngọc Lan, nhưng cứ mỗi lần vào với công chúa thì lại bị Sử Trung ngăn cản; vì vậy Lân hết sức tức giận, nói với Sử Trung rằng:

- Chúa bảo con gái chúa là tiên dưới trần, nhưng ta coi ra, thật không bằng con bé ở xách giày nhà ta, có quý hoá gì? Đây ta không phải ham gì nhan sắc của nó; nhưng tôn kém mất bao nhiêu tiền của mới lấy được một con vợ, nếu không ra hôn thì cũng phải vắn một trận cho nẫu như ra như bùn, để đền đáp lại sự phí tổn, rồi bây giờ sẽ tống cổ nó đi. Còn mày, mày muốn sống muốn tốt thì hãy tìm đường kiếm nỏ mà bước đi. Kéo nữa lại kêu ta không bảo trước.

Sử Trung đáp:

- Đó là mật chỉ của chúa thượng, không phải tôi dám như vậy!

Lân nói:

- Mày thử hỏi chúa, xem chúa ở vào địa vị tao liệu chúa có nhịn được không?

Sử Trung nói:

- Quan lớn đừng nên quá lời như vậy, nhà chúa không thể so sánh với người thường.

Lân nổi giận ùng ùng mà rằng:

- À, mày đem chúa để dọa tao phỏng? Chúa là cái quái gì?

Dứt lời, Lân tuốt gươm chém Sử Trung. Sử Trung chết ngay.

Giết xong Sử Trung, Lân bèn sai đóng chặt cửa dinh, ra lệnh trong không được ra, ngoài không được vào, định ngầm thủ tiêu cái thân Sử Trung.

Ngọc Lan nghe chuyện, sợ quá, lập tức bảo một thị nữ chui qua một lỗ hờ nhỏ chạy về phủ chúa báo tin.

Chúa cả giận, sai viên quan hầu đốc thúc một toán lính đến bắt Lân.

Lân cầm gươm lăm lăm, đứng trước cửa dọa:

- Đứa nào muốn chết thì cứ vào đây!

Chúa lại phải sai quận Huy đem quân vây bắt Lân, giải về phủ, giao cho triều đình xử tội. Các quan đều nói tội giết sứ giả đáng bêu đầu.

Thị Huệ nghe tin, khóc lóc xin chết thay em. Chúa bắt đắc dĩ phải tha cho Lân tội chết và giảm xuống thành tội đi đày ở châu xa.

Lại nói, vương tử Cán rất tuấn tú, thông minh, nhưng người vốn yếu đuối. Lúc còn ẵm ngửa, vương tử đã mắc chứng cam: bụng to, rốn lồi, da nhợt, gân xanh, chân tay gầy khẳng khiu. Chúa phải sai người đi tìm danh y khắp bốn phương về chữa cho vương tử (Hải thượng lãn ông Lê Hữu Trác cũng đã từng bị triệu vào kinh để chữa bệnh cho Cán (xem Thượng kinh ký sự). Những người do nghề thuốc mà vào phủ đều được thăng trưởng: Nguyễn Thực từ chức huân đạo lên đến chức tiền triều; Chu Nghĩa Long là người khách buôn Trung Quốc, được phong tước hầu coi việc quân. Thuốc thang tốn kém kể có hàng trăm vạn, nhưng chạy chữa hết năm này qua năm khác mà bệnh vẫn không khỏi.

Chúa lại sai người đi lễ bái khắp các đền đài có tiếng linh thiêng; một mặt cho thiết lập đàn tràng ở ngay trong cung để ngày đêm đèn nhang cầu khẩn. Vậy mà bệnh của vương tử vẫn đâu hoàn đấy.

Có kẻ tố cáo với chúa, nói là vì Tiệp dư (Tiệp dư đây không rõ ai, bản chữ Hán không ghi tên họ người nào; bản dịch của Ngô Tất Tố, cho là Dương Ngọc Hoan có lẽ là phỏng đoán như vậy) không được yêu, sinh ra ghen ghét, mượn bọn đồng cốt chôn hình người gỗ ở trong cung để trấn yểm.

Chúa giận lắm, sai bắt người nhà Tiệp dư để tra hỏi. Nhưng bọn ấy trốn hết, tìm khắp tứ phía không lùng bắt được người nào cả. Sau, kẻ tố cáo tự dẫn người đến đào chỗ chôn người gỗ, cũng không thấy gì, việc này mới thôi.

Tuy nhiên, bụng chúa cũng vẫn còn ngờ, nên cứ để mặc cho Thị Huệ làm chay làm bùa, tha hồ cúng lễ. Do đó, bọn đồng cốt ra vào tấp nập; mà bệnh của vương tử Cán vẫn khi tăng khi giảm chẳng ra thế nào.

Đến khi thế tử Tông bị tội, thì gặp lúc bệnh của vương tử Cán đã hơi đỡ. Năm sau vương tử lên đậu, từ tuần nung mủ đến tuần đậu lặn đều không có gì quản ngại. Chúa hết sức vui mừng nói:

- Thì ra trẻ con cam sài cũng là sự thường, chẳng cần phải lo. Mà hễ nó đã lên đậu, lên sỏi thì tức là nên người rồi.

Bấy giờ các quan trong ngoài đều có lời chúc mừng.

Nhiều người khuyên chúa giáng chỉ lập vương tử Cán làm thế tử cho yên sự mong mỏi của thiên hạ. Chúa nghe lời ngay.

Thánh mẫu thái tôn (tức là mẹ Trịnh Sâm) được tin liền nói với chúa:

- Thế tử Tông với vương tử Cán đều là cháu cả, già này thực không coi đứa nào hơn đứa nào. Có điều thế tử đã lớn và khoẻ mạnh, còn vương tử thì nhỏ tuổi lại hay đau yếu; khuyên chúa hãy nghĩ đến tôn miếu xã tắc, tạm dành ngôi đông cung lại đó, may ra đứa con út (chỉ Tông vì Tông bị giáng xuống làm con út) kia nó biết hối lỗi thì hay, bằng không, đợi lúc vương tử khôn lớn hãy lập trưởng cũng chưa muộn gì.

Chúa đáp:

- Tên Tông và tên Cán đối với mẹ là cháu, chưa bằng đối với tôi là con. Người xưa đã nói: "Biết con chẳng ai bằng cha". Tôi cũng chưa đến nỗi mê lẫn, vả chẳng triều đình bàn bạc chung như thế, chứ cũng chẳng phải vì tôi yêu đứa con nhỏ mà bày đặt ra việc này. Mẹ há chẳng biết rõ rồi sao? Nay nếu không sớm định người nối ngôi, bọn tiểu nhân đâm ra dòm nom, mong chờ, tôi e tai họa sẽ xảy đến lúc nào không biết. Huống hồ ngôi báu của thiên hạ cốt phải giao phó vào tay người xứng đáng. Đã coi tôn xã làm trọng, thì đứa con đẻ ra cũng không được tư túi; lẽ nào tôi lại dám tư túi với đứa con nhỏ? Nếu như cuối cùng bệnh của Cán không khỏi, thì thà lập Côn quận công (có bản chép là Quế quận công, tức Trịnh Bồng, anh em con chú bác với Sâm, con Trịnh Giang), trả lại dòng chính cho nhà bác; chứ không thể nào giao cho cái thằng Tông bất hiếu, để nó làm hỏng cơ nghiệp của tổ tiên.

Thánh mẫu không dám nói gì nữa.

Chúa bèn sai các quan trong triều làm tờ tâu lên vua Lê, xin lập vương tử Cán làm thế tử (Bấy giờ có nhiều người không đồng tình việc lập Cán, nên đã đặt ra câu ca dao:

Đục cùn thì giữ lấy tông:

Đục long, cán gãy, còn mong nổi gì?

Dùng chữ tông và cán theo nghĩa đôi để chỉ vào Trịnh Tông và Trịnh Cán.).

Lại nói, từ mấy năm nay, bệnh cũ của chúa vẫn thường hay phát trở lại, khi thì một tháng, khi thì nửa tháng. Mỗi lần bệnh phát thường hết sức nguy kịch, nhưng rồi dần dần cũng lại khỏi. Chúa rất sợ nắng gió, bình thường phải ở luôn trong thâm cung và nơi đó phải thấp nền suốt đêm ngày. Nếu không phải triều hội lớn, thì không bao giờ chúa ra gặp các quan. Sập ngự trong phủ chúa có che trướng thủy tinh, kiệu của chúa đi cũng treo rèm thủy tinh, để ngăn nắng gió. Các quan muốn trình báo việc gì, đều do quan hầu đem tờ khải vào. Chúa muốn phán gì cũng do quan thị truyền chỉ ra. Dẫu đến các bậc thân quý, cũng phải một năm hoặc nửa năm mới gặp mặt chúa một lần. Còn các hàng văn võ trong

triều, thì thường không hề được thấy mặt rồng. Việc của phủ chúa, bên ngoài người ta đồn đại như là việc thiên tào. Cứ như thế, sự ngăn cách, che lấp ngày càng thêm tề.

Đến lúc này, bên của chúa lại nguy kịch. Thị Huệ ngày đêm hầu hạ. Trong hàng đại thần chỉ có quận Huy là được ra vào. Mẹ chúa và các con gái chúa cũng ít khi được tới gặp, hàng ngày thăm hỏi sức khoẻ của chúa, họ chỉ đứng ngoài cửa buồng và hỏi qua bọn quan hầu mà thôi.

Nhân cơ hội ấy, Thị Huệ bèn nói với chúa:

- Thiếp thờ chúa thượng, nhờ ơn được quá thương yêu, thành ra nhiều kẻ thù ghét; không biết rồi đây mẹ con thiếp sẽ gửi thân vào đâu?

Chúa yên ủi rằng:

- Thế tử đã chính thức lên ngôi đông cung, nước là nước của nó; rồi đây Khanh sẽ làm mẹ cả thiên hạ, kẻ nào còn thay đổi được?

Thị Huệ lại thưa:

- Sợ không dự định trước, đến lúc tình thế khẩn cấp sẽ bị người khác cướp mất.

Bấy giờ quận Huy cũng có ở đó. Chúa nhìn Huy nói:

- Sau này ngươi cần hết sức giúp đỡ chính cung và thế tử, để cho yên lòng ta.

Quận Huy thưa:

- Tôi dám đâu chẳng hết lòng về việc này kỳ cho đến chết. Nhưng ngay bây giờ, nhân lúc chúa còn tỉnh táo, xin hãy kịp thời truyền mệnh lệnh cho thế tử Cán nối ngôi và lập chính cung làm vương phi, cùng coi việc nước, để cho có mệnh lệnh sẵn sàng.

Chúa khen:

- Phải đấy! Khanh cần làm phụ chính cho vương tử.

Quận Huy lại thưa:

- Vâng lời di chúc làm người phụ chính, tôi chẳng dám gánh vác một mình. Hiện nay có Khanh quận công là bậc chí thân, Hoàn quận công là bậc sư phó đại thần, Châu quận công và Tứ xuyên hầu đều ở trong chính phủ, vốn có đức vọng, Diễm quận công là a bảo của đông cung, Thủy trung hầu là bảo vệ của đông cung, đều là những bầy tôi tin cậy. Vậy xin nhà chúa hãy cho phép những viên ấy cùng nhận cố mệnh (mệnh dặn lại lúc sắp chết) với tôi.

Chúa bằng lòng.

Quận Huy liền sai Tứ xuyên hầu thảo tờ cổ mệnh, và quan thiêm sai Nhữ Công Điền làm tờ sách phong Tuyên phi. Giấy tờ lập xong, Huy bỏ vào tay áo đem dâng chúa để xin điền tên.

Bấy giờ bệnh chúa đã nguy kịch, nhân có thánh mẫu vào thăm, Thị Huệ phải ôm chúa ngồi dậy. Thánh mẫu đứng ở đầu sập vừa khóc vừa hỏi han. Chúa cũng khóc mà rằng:

- Con xin chấp tay cúi đầu lạy mẹ. Nay con chẳng may xấu số, không được thờ mẹ cho đến cùng. Nghĩ đến đạo hiếu chưa tròn, ruột gan con đau như dao cắt. Xin mẹ hãy ngy giá về cung, cố ăn ngủ cho thành thói, đừng nghĩ gì đến con mà đau lòng mẹ. Còn việc sớm hôm thăm hỏi sau này đã có tự vương (chúa nổi nghiệp, chỉ Trịnh Cán) thay con.

Thánh mẫu nức nở, sụt sịt, ngập ngừng hồi lâu, ý muốn nói đến ngôi thế tử, nhưng vì có Thị Huệ ở đây nên cũng khó hé răng, dùng dằng mãi chưa ra.

Chúa thấy vậy lại nói:

- Mẹ quá thương con, không nỡ dứt tình mà đi. Con trông thấy mẹ cũng đau lòng không thể nhắm mắt. Vậy cúi xin mẹ hãy ngy giá về cung.

Thánh mẫu bèn ứa nước mắt trở ra.

Chúa quay sang dặn Thị Huệ.

- Bệnh ta không khỏi, không ở được cùng khanh đến lúc bạc đầu. Nay ta về châu giời, khanh ở lại phụng thờ thánh mẫu, nuôi nấng tự vương; còn duyên sát cầm đàn hện đến kiếp khác.

Thị Huệ nấc lên đến hơn một khắc, rồi ả cắt tóc thề rằng:

- Chúa thượng chẳng thương thiếp, nỡ bỏ thiếp vò vố một mình! Thiếp xin liều thân mà chết theo chúa. Thờ phụng thánh mẫu đã có hai công chúa, giúp rập tự vương đã có các quan đại thân, chúa đừng giao những việc ấy cho thiếp.

Rồi thị khóc òa lên.

Chúa ngoảnh sang Thuý trung hầu nói:

- Sau khi ta qua đời, các người phải nên khuyên giải chính cung cho khéo, chớ để nàng liều mình. Vạn nhất nếu không ngăn cản nổi ý chí của nàng, thì cứ để nàng chung thuyền với ta mà đưa đi, cho nàng được hầu hạ ta ở nơi lăng tẩm.

Tiếp đó, chúa cho đòi quận Khanh, quận Hoàn vào chịu cổ mệnh.

Hai người vào, chúa truyền miễn lạy và cho ngồi. Hai người khóc lóc hỏi han sức khoẻ. Chúa nói:

- Con xin chấp tay cúi đầu lạy chú, lạy thầy. Chẳng may con bị bệnh nặng, nay đã nguy cấp, muốn cho thế tử Cán lên nối ngôi chúa. Vậy nhờ chú và thầy chung sức đồng lòng, giúp cho qua khỏi bước khó khăn này.

Dứt lời, chúa bảo Thị Huệ đặt mình nằm xuống.

Quận Huy quì xuống, rút tờ cổ mệnh trong tay áo dâng trình, nhưng chúa chỉ lấy tay xua đi.

Quận Huy lại thưa rằng:

- Nay thánh thể không yên, mà chỗ đề tên họ trong tờ cổ mệnh thì hãy còn để trống, vậy xin chúa hãy đề cho vương thân Khanh quận công viết thay.

Chúa không còn nói được nữa, chỉ gật đầu mà thôi.

Quận Khanh bèn lấy bút phê, rồi ngay trước sập chúa, lần lượt viết tên mấy người vào chỗ bỏ trống trong tờ cổ mệnh. Viết xong, lại dâng cho chúa xem; nhưng lúc ấy chúa đã nhắm nghiền hai mắt không biết gì nữa.

Thế là Trịnh vương qua đời. Bữa ấy nhằm ngày 13 tháng quận Huy năm Nhâm-Dần (1782). Chúa thọ 44 tuổi, làm chúa được 16 năm.

Sau khi chúa tắt thở, quận Huy một mặt cắt đặt cho các quan lo liệu việc tang lễ, một mặt sai Thủy trung hầu sao lấy mấy bản thư cổ mệnh và tờ sách phong Tuyên phi đưa ra chính phủ, để cho các quan triều tâu lên vua Lê.

Ngay hôm ấy, vua Lê hạ sắc dụ lập thế tử Cán làm Điện đô vương.

Trăm quan liền đem nghi trượng, binh lính đến cửa Kính-thiên để rước sắc về phủ chúa. Đến phủ, quan a bảo Diễm quận công bế thế tử-đã được mặc áo triều, đội mũ, mang đai màu hoa quì-đứng đón ở sân, quỳ xuống nhận sắc.

Xong đó, ngoài phủ đường đã đặt sẵn sập ngự, quận Diễm bồng thế tử Cán lên ngôi chúa. Các quan theo thứ tự lần lượt vào lễ mừng. Lễ xong, quận Diễm lại bế chúa mới (Trịnh Cán) vào cung Huỳnh để lạy thánh mẫu. Rồi sau đấy, mọi người đều thay triều phục, mặc áo trở để làm lễ phát tang.

Lúc Trịnh vương còn sống có soạn ra cuốn Vạn niên thư, phàm việc tang lễ từ lễ "phạm hàm" đến lễ "đại tường", "nhập miếu" (Phạm hàm: Lễ đặt vàng, ngọc hoặc các của quý khác vào trong miệng người chết. Đại tường: Lễ giỗ sau khi chết hai năm. Nhập miếu: Lễ rước linh hồn vào nhà thờ, để thờ chung với các tổ tiên), nghi tiết như thế nào đều đã

chưa rõ; cho cả đến mấy chữ miếu hiệu "Thánh tổ Thịnh vương" cũng được ghi sẵn. Nay cứ theo đó mà làm. Bảy viên đại thần ngày đêm túc trực ở trong phủ, chia nhau coi sóc mọi việc.

Lại nói về bảy viên phụ chính này.

Khanh quận công tên là Trịnh Kiều, tức là con thứ năm của Hy tổ Nhân vương, và là em Nhị tổ Ân vương, đối với chúa mới là hàng ông chú. Kiều là bậc tuổi cao, đức cả, song tính tình chất phác, thật thà, đối với công việc nên hay không nên cũng mặc, chẳng có ý kiến gì.

Hoàng quận công tên là Nguyễn Hoàn, người làng Lan Khê huyện Nông Cống, đỗ Tiến sỹ khoa Quý-Hợi (1743). Trước Hoàn làm hữu tư giảng cho Thịnh vương, sau lên đến chức thượng thư bộ Lại, rồi làm Tham tụng. Hoàn đã về trí sỹ nhưng lại bị gọi ra tham dự triều chính, Hoàn là một vị trọng thần của nhà nước, nhưng tính người hoà hoãn, chìm nổi theo đời, gặp việc thường dè chừng, không quyết đoán.

Tứ xuyên hầu tên là Phan Lê Phiên (có sách chép Duy Phiên hoặc Trọng Phiên), người làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, đỗ Tiến sỹ khoa Đinh-Sửu (1757). Phiên từng làm tả thị lang bộ Hộ, làm tham tụng; là người có phong độ đoan trang, học vấn rộng rãi, nhưng tính nết thâm trầm lại hay nương nhờ vào bọn quyền thế.

Châu quận công, Diễm quận công và Thuý trung hầu đều xuất thân từ hàng quan hoạn.

Châu quận công tên là Lê Đình Châu, người làng Liên Hồ, huyện Ngọc Sơn, hầu hạ các chúa trải đã mấy triều. Châu có làm chức tri binh phiên cơ mật, là người trung hậu, lúc đã già vì là bậc kỳ cựu, nên được vào chính phủ, nhưng không giữ việc gì.

Diễm quận công tức Trần Xuân Huy, người làng Khoái Lạc, huyện Thiên Bản; nguyên là gia thân của Thịnh vương, khi vương chưa lên ngôi. Lúc Thịnh vương lên cầm quyền, Huy được giao cho chức tri hộ phiên. Huy là người thuần thực, cẩn thận. Thịnh vương rất tin, sai Huy làm a bảo cho thế tử, ngày đêm ở luôn bên cạnh thế tử, không dự gì đến những việc bên ngoài.

Thuý trung hầu tên là Tạ Danh Thuý, người làng Khang Thượng, huyện Yên Mô, từng làm chức xuất nạp (một chức quan hầu cận của vua chúa chuyên giữ việc phát nhận giấy tờ, và truyền đạt mệnh lệnh) rồi lại làm trấn thủ Thanh Hóa (thời Lê trung hưng, Thanh Hoá gọi là Thanh Hóa). Thuý là người cơ trí, giỏi văn học, biện luận như gió. Thịnh vương vốn tin trọng, sai Thuý làm chức bảo vệ cho thế tử; nhưng vì Thuý tuổi trẻ chưa có danh vọng gì mấy, nên không tránh khỏi phải lép vế và chiều theo ý những kẻ đồng liêu.

Bởi vậy, hết thảy mọi việc trong thiên hạ đều do một tay quận Huy quyết định, không có ai bàn qua nói lại gì hết.

Nguyên sáu người kia, không phải hết thầy đều một lòng với quận Huy cả. Chẳng qua thấy họ có địa vị và danh vọng, nên quận Huy mới lôi kéo họ vào cùng cánh với mình để họ khỏi có ý khác mà thôi. Chỉ Diễm quận công vốn là phe đảng của Thị Huệ, xưa nay lại rất ăn ý với Tứ xuyên hầu; nên hai người này đều một bụng một dạ với quận Huy. Song quận Diễm là người dốt nát, ít hiểu biết, việc gì cũng phải nhờ Tứ xuyên hầu chỉ vẽ cho; mà Tứ xuyên hầu thì cũng như quận Huy, đều đang mê mẩn trong tình thế lúc bấy giờ. Còn Hoàn quận công là bậc lão nho. Thủy trung hầu là hạng khôn vặt. Rút lại không lường được bụng dạ của họ ra sao. Trong đó, thực thà không có ý gì, duy chỉ có Khanh quận công và Châu quận công mà thôi.

Quận Huy tự đứng làm chủ cuộc, phàm mọi việc đều tự mình gánh vác, không cần đùn đẩy cho ai; người khác có đồng ý hay không, Huy cũng chẳng thêm kể đến.

Lúc đó, chúa mới lên ngôi, vì còn thơ ấu nên người trong nước không khỏi có ý ngờ. ở phố phường người ta tím năm tùm ba bàn tán. Kẻ nói chúa mới bị bệnh rất nặng, chưa biết chừng ngày nào đó trong cung sẽ có biến; quận Huy uy quyền lớn quá, không khéo hấn sẽ cướp nước mất. Người bảo chính cung tư thông với Huy, ả sắp đem xã tắc giao phó cho quận Huy. Bấy giờ, đầu đường xó chợ có câu ca dao như sau:

Trăm quan ít sáng nhiều mờ (có sách chép: "Trăm quan có mắt như mờ" hoặc "Sáu ông có mệnh ngắn ngờ");

Để cho Huy quận vào rờ chính cung.

Huy nghe tin, bèn sai quan đề lĩnh đem móc sắt và kéo treo khắp các chợ, dọa rằng những ai còn dám tụ họp nói chuyện thì sẽ móc lưỡi cắt đi. Do đó, ở ngoài đường sá người ta chỉ dám ghé mắt ngó nhau; dân chúng kinh kỳ đều sợ nơm nớp.

Lại nói về thế tử cũ, từ khi chúa mới lên ngôi, Thị Huệ vẫn muốn ngầm hại thế tử, nhưng Thủy trung hầu thường tìm lời khôn khéo để che chở cho. Thị Huệ bị lời lẽ Thủy trung hầu giảng giữ, nên không dám quả quyết hành động. ả bèn bắt Tông ra ở tại nhà Tả-xuyên, rồi giao cho bốn đội Nội-khuông, Nội-dực, Nội-nhung, Nội-kiệu giám sát. Mỗi ngày chỉ có ba bữa cúng cha, thế tử mới được vào phủ đường, lễ xong lại về sở giam. Vì vậy, thế tử ngày đêm lo lắng, sợ rằng không giữ được tính mạng.

Mẹ thế tử là thái phi họ Dương nhờ người chị là quận phu nhân họ Dương kêu van với quận Huy rằng:

- Em thiếp là cung tần Dương thị mỗ và con út chúa là vương tử mỗ xin gửi lời lạy trình quan lớn xét cho: Đứa con út đó có tội, gạt bỏ là phải, không dám phản nản. Nhưng nay nó ở vào cảnh ngộ hiểm nghi, tình thế cấp bách, khôn xiết nguy hiểm sợ hãi. Vậy muôn vãn lần mong mọi quan lớn hãy rủ lòng thương, che chở cho nó được toàn vẹn; công ơn cứu sống của ngài, mẹ con nó xin ghi xương tạc dạ.

Quận Huy vừa khóc vừa trả lời:

- Tôi thờ tiên chúa, được chịu ơn huệ đã nhiều, nghĩa tuy là vua tôi, nhưng tình là cha con. Thế tử cũ cũng là con của chúa tôi, tôi có lòng nào, thì xin trời đất tru diệt. Phu nhân trở về, cho tôi gửi lời trình trước màn tang của vương tử và quý cung tần rằng, xin cứ yên lòng, tôi sẽ hết sức giúp đỡ, không có điều gì phải lo ngại.

Rồi Huy bí mật sức cho bốn đội quan quân, ra lệnh phải lỏng lẻo bớt trong việc giam giữ thế tử. Từ đó các gia thần và các người thân tin cũ của thế tử mới được ra vào dễ dàng, không ai xét hỏi.

Thế tử có người đầu bếp tên là Dự Vũ, vốn là người cơ trí, nói năng rành mạch. Một hôm, thế tử hỏi bên ngoài lòng người ra sao, Dự Vũ đáp:

- Nhà chúa bỏ con cả lập con út, thiên hạ đều căm ghét, nhất là quân lính lại càng bất bình lắm. Hôm nọ trong khi tân chúa lên ngôi, theo lệ có ban tiền bạc cho các quân sĩ, nhưng trong quân nhao nhao, có kẻ không chịu nhận tiền ấy. Sau, quận Huy phải ra lệnh nghiêm cấm, họ mới miễn cưỡng nghe theo, mà trong lòng vẫn còn hậm hực.

Thế tử mừng thầm, đem chuyện ấy bàn với một viên gia thần tên là Gia Thọ.

Thọ người làng Bát Tràng, huyện Gia Lâm, cũng là kẻ tinh khôn; hắn nói với thế tử:

- Lòng người như thế, nếu lấy nghĩa khí mà khích động, khiến cho họ một lòng tôn phò, thì việc lớn ắt thành.

Thế tử mừng lắm, bèn sai Dự Vũ làm cơm rượu, mời bọn biện lại trong đám thân quân tới đánh chén, rồi nói với họ rằng:

- Thế tử chẳng có tội gì, nhưng bị mù đàn bà ác nghiệt họ Đặng làm mê hoặc tiên chúa, vu tội hãm hại thế tử để cướp ngôi. Còn quận Huy vốn có chí phản nghịch, lợi dụng vương tử Cán bé dại để kiềm chế, nên hắn mới vào hòa với mù mà gây ra việc bỏ người này lập người kia, để hắn làm phụ chính cho tiện cái mưu cướp nước của mình. Nay tân chúa bị bệnh nặng, sự nguy biến chỉ trong sớm tối. Không biết rồi đây cơ nghiệp nhà chúa sẽ do ai làm chủ? Ba quân đều là người ở đất "thang mộc" ("thang mộc" nghĩa là tắm gội). Đất "thang mộc" là đất thiên tử phong cho các chư hầu, để làm nơi cung đón việc tắm gội hoặc nơi ăn ngủ trước khi vào chầu. Do đó, đất "thang mộc" cũng dùng để trở chung đất quê hương của vua chúa. ở đây đất "thang mộc" trở vào Thanh Hoá, đất quê hương của vua Lê.) và là binh lính ứng nghĩa, làm nanh vuốt của nhà nước, ai cũng sẵn lòng trung nghĩa. Nếu anh em còn nghĩ đến cái ơn của nhà chúa nuôi nấng trong hai trăm năm, thì hãy nên một lòng giúp đỡ nhà chúa. Mai đây nếu trời cho xong việc, tất nhiên sẽ có sách son, khoán sắt (văn thư viết bằng son, khoán ước chế bằng sắt, ban cho bầy tôi có công để tỏ ý cùng được hưởng phú quý lâu dài với nhà vua) lưu truyền muôn đời.

Mọi người đều nói:

- Chúng tôi vẫn có bụng đó, nhưng chưa biết ý vương tử ra sao. Sợ đến lúc ấy nhờ có điều gì kinh động, người lại đổ trách chúng tôi gây việc. Nay vương tử đã ngỏ ý cho biết như thế, thì việc này chắc không khó gì.

Sau đó, họ bèn ngầm đi báo cho nhau, hẹn ngày tụ họp ở chùa Khán Sơn (chùa Khán Sơn xưa ở trên trái núi đất gần khu vực vườn Bách Thảo Hà Nội, chùa bị phá từ cuối đời Cảnh-hung).

Lúc quân lính đến hội họp, bàn về việc ấy không ai là không hăng hái. Nhưng họ còn sợ thanh thế quận Huy, nên chưa biết khởi sự như thế nào cho ổn thoả.

Giữa lúc đang bàn bạc như thế, thì bỗng một người đứng phắt lên nói:

- Chỉ sợ anh em không cùng một bụng thôi. Chứ nếu ba quân đồng lòng, thì bắt quá chỉ thừa dịp cúng cơm sáng xong (theo tang lễ xưa, người chết khi chưa chôn thì gia đình mỗi ngày cúng hai lần cơm), đánh một hồi trống trong phủ làm hiệu, rồi kéo ùa cả vào, nắm căng hãn, vút chông gọng xuống dưới thêm một cái là xong thôi mà!

Mọi người đều reo mừng hưởng ứng, và cùng nhìn về phía kẻ mới nói, thì ra đó là viên biện lại của đội Tiệp-bảo (đội thân binh hầu hạ) tên là Bằng Vũ.

Gã Bằng Vũ này là người huyện Thanh Chương, xứ Nghệ An, ông cha vốn là công thần đời Lê trung hưng. Về sau tập ấm (đây dịch theo hai chữ ấm tận. Trong chế độ phong kiến, những kẻ làm quan, tùy theo thứ bậc, con cháu đều được nối nghiệp làm quan gọi là tập ấm; đến lúc nào không được hưởng tập ấm nữa thì gọi là ấm tận) đã hết, con cháu trở nên nghèo nàn. Bằng Vũ được người làng thuê đi lính thay. Gã người thấp bé, thanh nhả như dáng học trò. Sau khi vào đội Tiệp-bảo, nhờ biết dăm ba chữ, gã được làm chân biện lại. ở kinh, gã thường làm mướn đơn kiện cho người ta, vẫn lừng tiếng là tay điều toa trong việc xui nguyên giục bị.

Lúc này Bằng Vũ thủ xướng ra lời bàn đó, cả bọn liền bầu ngay gã làm chủ mưu, giao cho gã đánh trống trước để thúc giục ba quân. Bằng Vũ mạnh bạo nhận lời. Rồi cả bọn cùng nhau uống máu ăn thề. Nhưng họ không dự định ngày nào, chỉ hẹn nhau hãy nghe hiệu trống của Bằng Vũ thì cùng kéo đến để khởi sự.

Mưu toan bí mật đã bàn định xong. Chợt lại có người nói:

- Việc này hết sức quan hệ. Nên nhờ quốc cữu tâu với thánh mẫu, xin lĩnh ý chỉ của thánh mẫu mà làm. Vạn nhất quận Huy có biết, mình còn có mật lệnh làm cơ để mà nói, tỏ rằng mình vẫn làm việc minh bạch. Như thế mới là kế vạn toàn!

Người ấy là Bùi Bật Trục, quán làng An Toàn, huyện La Sơn, một tay danh sĩ xứ Nghệ. Bật Trục trước đã từng làm chức viên ngoại lang, hồi này vì bị mất quan vẫn nương nhờ ở trong nhà quốc cữu Viêm quận công (Viêm quận công Nguyễn Trọng Viêm là em mẹ Trịnh Sâm, do đó gọi là quốc cữu). Khi bọn biện lại hẹn quân sĩ đến tụ tập ở chùa Khán Sơn, Bật Trục cũng đã nghe phong thanh. Gã liền đem mưu mô của bọn quân sĩ nói nhỏ với Chiêu Lĩnh Bá (tức Nguyễn Trọng Chiêu), con Viêm quận công, và khuyên nên nhập bọn để hót lấy công ấy. Còn bản thân gã thì đứng ra làm người manh mối giữa Chiêu Lĩnh Bá và bọn quân sĩ. Vì thế, nên gã mới đến dự cuộc họp để nói với bọn họ như vậy.

Quân sĩ vốn không cần chỉ của thánh mẫu, nhưng thấy người nhà quốc cữu cũng có mặt trong cuộc hội họp, khước từ sẽ lộ chuyện. Vả lại, lời của Bật Trục nghe cũng có lý, họ bèn cùng đi với Bật Trục đến gặp quận Viêm.

Lúc quân sĩ chưa đến, Chiêu Lĩnh Bá đã đem chuyện nói trước với cha. Cha hắn ta vốn là người tầm thường, nghe thấy chuyện đó thì sợ lắm, bèn nói:

- Lũ lính tráng này là đồ thô lỗ, khinh suất nên mới làm việc ấy: mình can dự vào làm gì? "Con vua thì lại làm vua". Ai làm chúa ta cũng vẫn không mất cái chân là quốc cữu tiền triều. Nay lại muốn cầu công trạng, nếu việc thành, ta không thể giàu sang hơn thế này nữa; mà ngộ nhờ công việc vỡ lở, hẳn là chết không có đất chôn!

Chiêu Lĩnh Bá đáp:

- Bọn họ bàn bạc, ước hẹn với nhau đã đâu vào đấy rồi. Thế nào nay mai họ cũng ra tay, mà đã ra tay là phải xong việc. Cự tuyệt họ tức là bỏ uổng cơ hội. Vả chẳng sự giàu sang của cha dẫu đã đầy đủ rồi thật, nhưng cha cũng nên để cho chúng con nhân dịp này mà lập công danh. Hơn nữa con đã trót hứa với họ, bây giờ dù có muốn thoái thác cũng không thể được.

Một lát quân sĩ kéo đến. Quận Viêm bắt đắc dĩ phải ra tiếp.

Sau khi nghe họ nói, quận Viêm trả lời:

- Các anh em còn có lòng vì nước, tôi đây há lại dám có bụng dạ nào khác. Có điều anh em muốn xin ý chỉ của thánh mẫu, thì nên đến nhà cháu tôi là viên phó tri binh phiên Nguyễn Kiêm mà bảo viên ấy vào bẩm với thánh mẫu. Viên ấy giữ chức tri lệnh sứ, nên ra vào cung Huýnh người ta sẽ không nghi ngờ. Còn tôi, tôi cũng xin gửi lời trình thêm với thánh mẫu nữa.

Quân sĩ nghe lời, lại kéo cả sang nhà Nguyễn Kiêm.

Kiêm vốn là hạng hèn nhất, nghe quân sĩ nói thì hoảng hốt chối đây đây. Nhưng bọn người vẫn cố nèo:

- Việc này cũng đã bẩm với quốc cữu và Người đã dạy như thế.

Rồi họ thúc ép Kiêm phải đến nhà quận Viêm để nhận lời dặn mà vào tàu với thánh mẫu.

Nguyên việc bỏ con lớn lập con nhỏ, thánh mẫu vốn không hài lòng, vì vậy khi được nghe mưu toan ấy, thánh mẫu đã thấy hợp ý ngay. Nhưng dẫu sao cũng chưa thoát khỏi chí khí đàn bà, thánh mẫu sợ nhờ công việc bại lộ, quốc cữu sẽ bị vạ lây; nên muốn hãy ngầm dỗ dành quận Huy để hắn đưa thế tử Tông lên quyền ngôi chúa cho khỏi sinh biến. Lại nghĩ trong bọn bảy tên phụ chính, chỉ có quận Hoàn vừa là thầy học của chúa trước vừa là bố vợ Kiêm, bụng dạ có thể tin được, mà lại là bậc lão nho có nhiều mưu trí, có thể cùng bàn mọi việc với ông ta. Thánh mẫu bèn bảo Nguyễn Kiêm một mặt báo cho bọn quân sĩ hãy chậm khởi sự lại vài ngày, còn một mặt thì tới bàn mưu với quận Hoàn.

Quận Hoàn nói:

- Nếu ba quân làm như thế, tất sẽ gây ra rất nhiều việc lỗi thôi. Nay thánh mẫu quyết đoán sáng suốt như vậy, thực là phúc cho xã tắc. Lão thần đây cũng không thể nghĩ hơn thế được. Nhưng xin thánh mẫu hãy hạ chỉ dụ quận Huy, còn tôi ở trong sẽ nói thêm vào.

Kiêm đem lời ấy tâu với thánh mẫu. Thánh mẫu bèn sai người bảo quận Huy rằng:

"Nay tân chúa bị đau, trong nước đang lo lắng, nghi ngờ. Tướng quân nếu còn coi xã tắc là trọng thì, hãy nên tạm để cho vương tử Tông lên quyền ngôi chúa để yên lòng người. Đợi khi nào tân chúa trưởng thành, vương tử Tông sẽ lại trao trả chính quyền và lui về giữ trọn đạo làm tôi. Tướng quân nên đem ý đó bày tỏ với Tuyên phi và để vương tử Tông nhận Tuyên phi làm mẹ nuôi, lấy tướng quân làm a bảo. Mong rằng tướng quân hãy hết sức giúp đỡ cho được chu toàn!".

Quận Huy đáp lại rằng:

"Lý tôi gửi lạy dưới cửa thánh mẫu. Thánh mẫu đã lo đến việc lớn của xã tắc, tôi đâu dám chẳng vâng mệnh. Nhưng có điều việc này không phải ý của tiên vương. Tôi được tiên vương trao gửi con bề tôi, ngài đã dặn dò rất cẩn kẽ. Nay tử cung (quan tài của vua chúa) còn quản tại đây mà đã thay đổi mệnh ngài, lòng tôi tự thấy không yên. Vậy chuyện này xin hãy để liệu sau. Và tiên vương cũng không còn người con nào khác, chỉ có tân chúa và vương tử Tông mà thôi. Nếu tân chúa không gánh vác nỗi công việc, thì sau đó tất là phải đến vương tử Tông. Lúc đó vương tử Tông cứ việc đường hoàng mà thay thế, há chẳng tốt đẹp hơn sao, cần gì phải vội vã hấp tấp, làm việc trái với lẽ thường như vậy? Còn như kẻ lo lắng, thì lâu rồi họ khắc yên lòng; kẻ nghi ngờ, lâu rồi họ khắc tin tưởng. Dám xin thánh mẫu cứ yên tâm...".

Sứ giả ra chưa khỏi cửa, quận Huy đã hẳn học:

- Việc này dẫu có đánh chết ta cũng chẳng nghe!

Sứ giả về thuật với thánh mẫu. Thánh mẫu biết chí của Huy không thể lay chuyển, bèn đem lời Huy nói lại với Nguyễn Kiêm.

Kiêm sợ việc lộ, vạ lây, lại đến bàn với quận Hoàn.

Quận Hoàn nói:

- Bây giờ sự thế đã như vậy, thôi thì mặc cho ba quân họ muốn làm gì thì làm!

Tình cờ có một tên lính ở xã Vạn Lộc, huyện Động Sơn, đem các công việc báo với người cùng làng làm viên thêm tri binh phiên Trần Hữu Cầu. Cầu vốn tính hiếu sự, lại giỏi làm văn, tức thì soạn ngay bài hịch Ba quân phò chính, rồi ngậm đem dán ở khắp các đường phố. Do đó, trong kinh kỳ nôn nao cả lên.

Thấy chuyện đã vỡ lở như vậy, bọn Bằng Vũ cho là thế không thể dừng được, bèn quyết định ngay ngày hôm sau khởi sự, không cần phải tâu với thánh mẫu. Hôm ấy là ngày 24 tháng 10 năm Nhâm Dần (1782).

Bây giờ quận Huy cũng biết tai họa sắp xảy ra, liền nói toạc ra ở trong triều rằng:

- Ngày mai có biến, tôi sẽ chết. Nhưng tôi chết cũng phải có dăm ba mạng đi theo.

Các quan nói:

- Lẽ nào lại có chuyện ấy?

Quận Huy bèn đưa ra một tờ khai nói là Huy Bá tố cáo quận Viêm đang âm mưu làm phản và xin các quan hãy tra xét để trừng trị.

Gặp lúc trời sắp tối, người nhà quận Huy có kẻ khuyển hấn nên bế tân chúa đi trốn, rồi gọi quân bên ngoài vào bắt bọn gian; có kẻ khuyển hấn nên đưa nghĩa sỹ vào trong phủ để tự vệ... Nhưng quận Huy đều gạt đi mà rằng:

- Xưa nay thói đời vẫn hay phao nhảm, chưa chắc việc đó đã có thật. Mà dù có đi nữa thì cứ để thông thả rồi cũng tra ra, chúng nó trốn đi đằng nào được. Nếu việc quá gấp không thể trì hoãn bọn chúng, thì ta đây vâng mệnh của đấng tiên vương, sống thác cũng cam, cần gì mà phải hốt hoảng!

Đêm ấy quận Huy ngủ ở trong phủ, cũng chỉ đem theo vài người hầu như mọi ngày, không hề phòng bị gì hết.

Sáng mai, lễ cúng cơm bữa sáng vừa xong, các quan đang sắp lui trào, Bằng Vũ vào trong phủ, đánh luôn ba hồi chín tiếng trống.

Các quan ngỡ ngác nhìn nhau. Quận Huy sai người đóng chặt cửa các, bắt trói Bằng Vũ đem chém. Khi Bằng Vũ đã bị trói rồi, Thuỳ trung hầu bảo quận Huy rằng:

- Bọn chúng lập mưu này không phải chỉ có một đũa, nếu chém Bằng Vũ thì đảng gian sẽ lọt lưới hết. Chi bằng hãy giam nó lại, để tra xét thêm cho tiet hết mầm loạn.

Quận Huy cho là phải, thế là Bằng Vũ không bị giết chết.

Lại nói, quân lính nghe thấy tiếng trống tức thì người nào cũng nhảy nhót hăng hái, cùng cầm binh khí xô lẫn nhau mà vào trong phủ.

Lúc ấy cửa các đã đóng, quân lính ở bên ngoài không vào được, họ cứ đứng hò reo quát tháo long trời lở đất.

Quận Huy gọi quận Châu ra bảo:

- Cậu (Quận Châu là bà con họ ngoại của chúa Trịnh, do đó gọi là cậu) giữ chức binh phiên, làm sao không biết răn đe chúng nó?

Quận Châu sợ hãi, vâng dạ mà ra.

Quận Huy tự làm tờ khải rằng:

"Lý tôi kính khải như sau: Tôi được tiên vương giao cho giúp đỡ nhà chúa. Nay đám ba quân nổi loạn, làm cho kinh khuyết náo động. Tôi xin vâng lĩnh mệnh chúa đem quân giết chúng. Nếu dẹp được, ấy là nhờ về oai linh của chúa, nhược bằng không dẹp được, tôi cũng xin liều chết để xuống ra mắt tiên vương ở dưới âm cung".

Khải làm xong, quận Huy giao cho quan xuất nạp dâng trình, và xin lấy thanh bảo kiếm của chúa để ra đánh giặc.

Khi bảo kiếm đưa tới, quận Huy quỳ gối lĩnh nhận, rồi lập tức truyền lấy voi để ra trận.

Lúc ấy quận Châu đang đứng ở phía trái trong cửa các, cách quân lính một bức tường, lên tiếng dụ họ rằng:

- Làm lính phải biết lễ phép. Nay tử cung còn quân ở đây, các người không được làm ồn ào như vậy. Nếu có điều gì muốn nói, cứ về viết một tờ khải đem lại, ta sẽ trình bày giúp.

Quân lính hét lớn:

- Cậu cũng định theo quận Huy làm phản à? Nếu cậu không mở ngay cửa ra, chúng tôi trèo tường mà vào, thì xác cậu sẽ nát như cám!

Quận Châu run sợ, phải mở cửa. Quân lính chen vai xông vào.

Quận Huy chống kiếm lên voi, cuỗi ra giữa sân phủ, trở ba quân quát:

- Bớ ba quân! các người phải đâu về đây ngay, không được làm âm ỹ, ta sẽ chém đầu chúng mày!

Quân lính vốn sợ Huy, thấy hấn cười voi, lại càng khiếp đảm, đều ngồi sụp xuống nghe lệnh, không dám lên tiếng, cũng không dám xông tới.

Nhưng chỉ được một lát, bao nhiêu người đang ngồi lại nhao nhao đứng dậy, kéo ập vào trước đầu voi. Voi vươn đầu ra húc, quân lính chạy quanh chân voi để tránh cặp ngà. Rồi họ lấy khí giới đâm chém túi bụi, có kẻ cạy gạch ngói ở phủ ném ra tới tấp, voi co vòi mà gầm không dám húc nữa. Quận Huy giương cung định bắn, chẳng may cung bị đứt dây; lại vớ lấy súng để nạp đạn, nhưng mồi lửa tịt không cháy. Quân lính thừa dịp dùng luôn câu liêm lôi viên quản tượng xuống đất mà chém. Voi bước lùi trở lại. Quân lính xúm đến vây kín dưới chân voi. Quận Huy lấy mũi lao phóng xuống, làm bị thương vài người. Quân lính hăng máu kéo đến càng đông. Lại có một toán ở cửa Tuyên-vũ xông vào, đứng chắn ở đằng sau voi, khiến voi phải đứng im không thể nhúc nhích. Họ bèn dùng câu liêm móc cổ quận Huy kéo xuống, rồi đánh đâm túi bụi giết chết ngay tại chỗ.

Sau đó, họ phanh bụng quận Huy lấy gan ăn sống, còn thân chết thì lôi ra ngoài cửa Tuyên-vũ.

Em ruột quận Huy là Lý vũ hầu Hoàng Lương nghe tin có biến, vội vàng chạy bỏ vào phủ đường. Nhưng mới đi đến cửa chùa Báo Thiên thì bị quân lính quát đứng lại, rồi họ vớ luôn gạch đá trên đường đập cho vỡ đầu và vứt xác xuống hồ Thủy Quân (Hồ Hoàn Kiếm bây giờ).

Anh em quận Huy chết rồi, quân lính vui mừng reo hò như sấm. Họ kéo nhau vào nhà Tả Xuyên phò thể tử Tông lên phủ đường. Họ kiệu thể tử lên vai, rồi đứng xúm chung quanh, gào lên vui sướng:

- Xin ngài cao thêm nữa để thiên hạ đều được thấy mặt rồng, cho thoả lòng vui của mọi người!

Trong lúc gấp vội không có kỹ sập, họ phải dùng tạm chiếc mâm vẫn bày cỗ lộc làm ghế, đặt thể tử ngồi lên, rồi tám người kè vai vào khiêng. Chốc chốc họ lại nâng bổng chiếc mâm lên trên đầu mà đội; đầu mỗi lại hạ xuống vai, rồi vai mỗi lại nâng lên đầu. Cứ thế lên lên xuống xuống y như người ta giỡn quả cầu hoặc rước pho tượng phật. Mỗi lần thể tử được nhô lên cao, quân lính lại vỗ tay reo hò vang lên một chập. Những kẻ buôn bán ở các phố phường, chợ búa đều tranh nhau kéo đến xem chúa, sân phủ đông như họp chợ.

Quận Châu phải đem ngọn cờ đuôi báo phát ở giữa sân, rồi khua chiêng thu quân, mãi đến hơn một trống canh mới yên.

Mấy hôm trước, ngày nào trời cũng u ám. Hôm ấy tự dưng bầu trời lại trong sáng, mọi người đều cho đó là cái điềm thái bình, thánh chúa. Kẻ qua người lại trên đường đều

hý hứng nói: "Chúa ta lập rồi!". Thế rồi họ truyền miệng nhau mà reo mừng, kinh kỳ hôm ấy vì thế phải nghỉ phiên chợ.

Quân lính đặt chiếc sập ngự ở ngoài phủ đường, các quan đều dìu thế tử lên ngôi chúa. Cuộc lễ mừng xong rồi, các quan mới đem đạo sắc của nhà vua và tờ chỉ của thánh mẫu dụ ba quân về việc phò lập chúa, tới dán ở cửa các. Những tờ ấy đều là tạm thời thảo ra, nhưng được gọi là mệnh lệnh định sẵn.

Hôm ấy, việc biến xảy ra, Thị Huệ khiếp sợ vô cùng, phải thay đổi quần áo, nấp ở hậu cung. Các gia thần của vị chúa nhỏ cũng đều chạy trốn hết cả. Riêng quận Diễm bé chúa lánh đi ở một nơi khác, từ sớm đến tối không được miếng gì vào mồm, chúa gào khóc nheo nhéo. Quận Diễm phải dọa: "Không được khóc to, kéo quân lính nghe tiếng, chúng nó kéo đến đánh chết!" Chúa nhỏ sợ hãi, mới không khóc nữa.

Đến đêm, thánh mẫu sai người đi tìm Thị Huệ cùng chúa nhỏ về cung, cho thay quần áo và ăn uống. Chúa nhỏ vì quá sợ hãi không ăn uống gì được, bệnh càng thêm nguy kịch. Chúa mới (Trịnh Tông) bèn treo giải hễ người nào chữa khỏi bệnh cho chúa nhỏ, thì thưởng một trăm lạng vàng và phong cho tước hầu. Nhưng rốt cuộc không có ai nhận chữa.

Hôm sau, chúa mới ra lệnh cho quan tham tụng Tứ-xuyên hầu, thay chúa nhỏ làm một tờ khai xin tự lui xuống làm vương đệ. Tờ khai làm xong, chúa mới giao xuống cho các đình thần bàn bạc. Các quan xin giáng phong chúa nhỏ làm Cung quốc công. Được ít lâu sau thì Cung quốc công qua đời.

Lại nói, bọn quân lính tuy đã giết chết anh em quận Huy, nhưng cơn giận vẫn chưa hả. Phò lập thế tử Tông lên ngôi chúa xong xuôi, họ lại kéo đến quỳ ở trước mặt chúa xin phá tất cả dinh cơ của quận Huy.

Chúa ưng lời ngay. Ba quân liền reo lớn:

- Quan cứ lệnh, lính cứ truyền, mau đi phá huỷ dinh quận Huy anh em ơi!

Chỉ trong chốc lát, nhà cửa của quận Huy bị phá tan tành, một mảnh ngói cũng không còn. Rồi bọn quân lính càng thừa thế hoành hành. Phàm các quan văn võ hễ ai thuộc bề đảng của Thị Huệ và quận Huy, cùng những người dự vào việc tổ giặc vụ án năm Canh-tý (việc Tông mưu cướp ngôi khi trước) những viên quan hầu mọi ngày có tính nghiêm ngặt mà quân lính vẫn ghét, lúc ấy cũng đều bị phá nhà hàng loạt và bị lùng bắt đem giết chết.

Luôn trong mấy ngày, họ làm náo động cả kinh thành. Tông phải hạ chỉ ngăn cấm mà họ vẫn không thôi.

Sau, chúa phải sai người dò xét trong kinh kỳ, lén đến chỗ họ tụ họp, rồi bắt phứa lấy một người thường dân ở gần đó đem chém để ra oai. Từ đó về sau việc phá phách nhà cửa mới tạm ngừng, nhưng việc lùng bắt người để giết thì vẫn chưa dứt.

Lại nói, trong bọn thủ hạ của quận Huy có một người tên là Nguyễn Hữu Chính, quê ở làng Đông Hải, huyện Chân Phúc, trấn Nghệ An. Cha Chính nhờ nghề buôn bán, trở nên giàu sang, gia tư kẻ có hàng vạn, thường vẫn ở dưới cửa quận Việp. Chính, phong tư đẹp đẽ, trí tuệ hơn người. Lúc nhỏ theo học nho, đã đọc khắp các kinh sử, năm mười sáu tuổi đỗ hương cống; đã từng theo cha nương nhờ dưới cửa nhà quận Việp.

Chính giỏi về thơ văn quốc âm. Vì mến công nghiệp của Quách Tử Nghi nhà Đường, Chính có làm bài Quách lệnh công phú bằng chữ nôm, được nhiều người trong nước truyền tụng. Tính Chính lại hào hiệp, giao du khắp thiên hạ. Trong nhà Chính lúc nào cũng có vài chục người khách, khi ngâm thơ, khi uống rượu, tùy theo sự hứng thú mà thù tạc với nhau. Nhà Chính nuôi mười mấy ca nhi và vũ nữ; Chính tự tay soạn ra bài hát, phổ vào đàn sáo, ngày đêm bắt họ ca múa để mua vui.

Vì thế, Chính được xem là tay phong lưu bậc nhất ở đất Trường An (tức là kinh đô Thăng Long. Nguyên là tên kinh đô nhà Hán, sau thành danh từ chung chỉ kinh đô) hồi ấy.

Ngoài ra, Chính lại còn có tài khôi hài, mỗi khi bông đùa ai cũng phải phục.

Ở trong nhà quận Việp hơn mười năm, Chính mới được cử ra coi đội Thiện-tiểu; có kẻ thấy vậy chê rằng: "Sao nhỏ thế?". Chính liền đáp lại ngay: "Chớ cho điều thiện nhỏ mà không làm!" (câu này rút trong bài di chúc của Lưu Bị đời Tam quốc để lại cho con. Nguyên văn là: "Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi", ở đây Chính mượn hai chữ Thiện-tiểu của Lưu Bị để chỉ đội Thiện-tiểu với ý khôi hài). Cả đám đều bật cười. Tài bông đùa của Chính đại để là như vậy.

Khi quận Việp vào đánh phương Nam, Chính được đi theo giúp việc bút nghiên. Thấy Chính có tài, quận Việp hết sức yêu mến.

Sau khi quận Việp qua đời, có kẻ tố cáo rằng trong lúc làm việc quan, Chính đã đánh cắp vàng bạc của công kể đến hàng trăm vạn. Việc ấy liên lụy đến cả quận Huy. Chính bị tống giam vào ngục và bị tra tấn đến gần chết, nhưng vẫn nhất định không xưng. Nhờ vậy Chính mới được vô tội. Còn quận Huy thấy thế thì lại càng trọng Chính bội phần.

Lúc vào làm trấn thủ Nghệ An, quận Huy dùng Chính làm hữu tham quân; thường giao cho Chính luyện tập thủy thủ để chống giặc biển. Chẳng bao lâu Chính trở thành vô địch trong nghề thủy chiến. Ngoài biển, mọi người thường gọi Chính là "con hải ưng".

Đến hồi quận Huy đổi về trấn Sơn Nam, Chính cũng được đổi sang cai quản đội Tiền-trung, đem quân đi tuần mặt biển. Rồi ít lâu sau, Chính lại được đổi về trông coi cơ Tiền-ninh ở trấn Nghệ An.

Ngôi mã tổ nhà Chỉnh nằm ở trên núi Côn Bằng. Về thế đất ấy, sách địa lý nói rằng: "Ngàn vạn con rồng đuổi ngàn vạn con hổ; xung bá xung vương đều được như ý". Nhân đó Chỉnh mới tự đặt hiệu là Bằng lĩnh hầu.

Thời kỳ còn ở dưới trướng quận Việp, Chỉnh có một người quen cùng làng tên là Nguyễn Viết Tuyển, thi võ đỗ biên sinh. Tuyển vốn có sức lực hơn người, lại là tay can đảm, mưu lược, nhờ Chỉnh tiến cử lên quận Việp, nên Tuyển được coi trung đội của đạo Hậu-kiên đóng ở trấn Sơn Nam.

Đến lúc này nghe tin trong kinh có biến, Tuyển vội vã vượt biển về quê. Giương buồm ra đi từ ngày 26 đến ngày 28 thì đến làng Đông Hải. Tuyển đem hết mọi việc ở đường ngoài kể lại với Chỉnh. Chỉnh bối rối, hoảng hốt, không biết nên làm thế nào.

Thật là:

*Sóng nổi đất bằng ai chẳng sợ,
Nắng thiêu núi tuyết khó nương nhờ*

Chưa biết Chỉnh tính liệu như thế nào? Hãy xem hồi sau phân giải.

Hồi thứ ba

*Dương nguyên cứu bàn chém kiêu binh,
Nguyễn quốc sư mưu trừ nội loạn.*

Lại nói, Nguyễn Hữu Chinh nghe lời Viêt Tuyền, bị một phen giật mình sợ hãi, nhưng rồi lại cố trấn tĩnh ngay và giữ kín chuyện đó không để lộ cho ai biết, chỉ bí mật dặn vợ mấy điều, rồi đi thẳng đến trấn sở Doanh cầu để bàn với Dao trung hầu [tức Vũ Tá Dao, người huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh (Nghệ Tĩnh)].

Dao trung hầu nguyên là em rể quận Việp, hiện làm trấn thủ Nghệ An, nghe lời Chinh nói, sợ lắm, liền hỏi mưu kế nên như thế nào. Chinh nói:

- Trấn này giáp liền trấn Thuận Hoá, hiện nay phó tướng Phú Xuân là Thê quận công, đồn thủ Động Hải là Khôi thọ hầu (Thê quận công tên là Hoàng Đình Thê. Khôi Thọ hầu tên là Khôi Thọ), đều là môn đồ của cụ quận Việp; với chúng ta cũng là những người cùng thuyền. Quan lớn nên viết thư kín bảo quận Thê tìm cách giết viên đại tướng Phú Xuân, chiếm lấy thành đó, rồi kíp cho người ra dụ Khôi Thọ. Khôi Thọ thế nào cũng đem cả thành Động Hải mà hưởng ứng với ta. Còn ở đây, quan lớn cứ việc giữ lấy trấn này để làm cái thế môi răng với hai nơi ấy. Rồi ngài thu dùng hào kiệt, chiêu mộ thổ binh, chặn đường Hoàng Mai và đóng đồn lớn ở vùng Quỳnh Lưu để làm kế cố thủ. Còn về việc phòng giữ mặt biển, tôi xin đảm đương. Trấn này địa lợi có thể nương tựa, nhân tâm có thể trông cậy. Năm trước, quận Siêu bị tội với đức Dụ tổ (tức Trịnh Giang) cũng giữ trấn này để chống lại nhà chúa, cuối cùng đã thoát khỏi tai nạn. Huống chi sự thế ngày nay lại còn dễ dàng hơn hồi quận Siêu, nếu ngài làm được như vậy, ấy là đã lấy được nửa thiên hạ rồi. Chẳng những triều đình không làm gì nổi, mà ngài còn có thể giữ cõi yên dân, ung dung ngồi nhìn sự thay đổi của thiên hạ. Như thế, chẳng những trước mắt khỏi bị tai vạ mà về sau còn có thể lập được kỳ công nữa!

Dao trung hầu ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói:

- Kế của ông quả thực là hay lắm. Nhưng tôi tự liệu tài sức không thể làm được như thế. Xin ông nghĩ cho cách thứ hai nữa xem sao?

Chinh đáp:

- Ngoài kế ấy ra, chỉ còn một cách bỏ nước mà đi thôi!

Dao trung hầu lại hỏi:

- Nhưng mà đi đâu?

Chỉnh nói:

- Thiên hạ vạn nước lo gì không có chỗ đi?

Rồi Chỉnh ghé tai Dao trung hầu nói nhỏ mấy câu. Dao trung hầu nửa muốn nghe theo, nửa lại mơ hồ chưa quyết, liền nói với Chỉnh:

- Đó cũng là việc to lớn lắm, để tôi nghĩ lại xem đã!

Chỉnh nói:

- Bây giờ sự biến chỉ trong chốc lát, đợi khi ngài nghĩ lại thì có lẽ cái lệnh tróc nã đã tới nơi rồi. Vậy ngài hãy ở lại mà nghĩ, xin để cho tôi được tự tiện!

Rồi Chỉnh cáo từ ra về. Tới nhà, Chỉnh hỏi vợ biết mọi việc đã sửa soạn xong; bèn nói là có lệnh của quan trấn thủ sai đi tuần tiễu mặt biển, rồi đưa hết người nhà từ già đến trẻ và tất cả các thứ gia sản xuống thuyền. Mọi người trong nhà đều không hiểu là chuyện gì.

Khi tất cả đã ở trên thuyền rồi, Chỉnh mới gọi hơn ba trăm lính cơ do Chỉnh trông coi, bảo họ đứng ở bờ sông, nói rõ ràng duyên cớ cho họ nghe, để lại cho mỗi tên lính một quan tiền đen, rồi từ biệt họ. Đến tận lúc ấy, bọn lính mới hiểu công việc của Chỉnh.

Thuyền nhổ neo, Chỉnh cho bắn ba phát súng lớn, rồi sai chèo ra giữa dòng sông và kéo buồm cho thuyền chạy thẳng ra biển.

Lại nói, ba quân sau khi đã phò lập được thế tử Tông lên ngôi chúa, họ cậy vào công đó sinh ra kiêu căng. Hàng ngày họ tụ họp để cùng nhau bàn việc triều đình. Thường khi họ viết giấy đưa vào trong triều, nói việc này nên để, việc kia nên đổi. Nhiều khi những việc vô lý họ cũng bắt buộc triều đình phải làm. Chẳng những thế họ còn đòi hỏi những ơn này ơn khác, không biết thế nào là đủ. Triều đình hễ có ai bàn chuyện phải chăng, thì họ lấy việc phá nhà, đánh giết ra để hăm dọa. Những lúc các quan xử kiện, họ cũng nhúng tay vào, hoặc nhận bên nguyên là người họ, hoặc nhận bên bị là người quen, rồi ép các quan phải đổi trắng thay đen. Còn dân chúng trong vùng họ đóng có kiện cáo gì, thì họ tự ý đòi bắt và xử đoán lấy, không cần gì đến quan tư.

Các quan đều phải nhin hơi nuốt tiếng, không dám động chạm đến họ. Trong cung hễ động làm việc gì bất kể lớn nhỏ, họ cũng dòm nom bàn tán; hoặc bẻ việc này sao làm thế kia, hoặc hỏi việc kia sao làm thế này. Chúa và Dương thái phi cũng tự thấy bị bó buộc quá, không thể chịu nổi.

Triều đình bàn nên xét công ban thưởng, để tỏ rõ sự đền ơn, khiến cho họ đều được mãn nguyện; rồi sau đó sẽ dùng phép vua mà trừng trị dần dần. Chúa cho là phải, bèn sai

các quan bàn định về công giúp đỡ tôn phò nhà chúa. Phong cho Bằng Vũ là Suy trung dực vận công thần, tước hầu, coi đội quân châu chực ở nội cung. Quận Viêm, quận Hoàn cùng bọn Nguyễn Kiêm, Gia Thọ, Dự Vũ đều được phong làm Tuyên lược công thần và theo thứ bậc khác nhau, đều được thăng chức tất cả. Riêng ba chục người nhóm họp ở chùa Khán-Sơn lại còn được ghi tên vào sổ trung nghĩa và cho thăng thưởng thêm. Ngoài ra, các quân lính thủy, bộ, trong, ngoài đều được thăng chức một lần, đồng thời được ban tiền thưởng tùy theo công trạng nhiều hay ít. Triều đình lại cấp cho họ những đạo sắc bỏ trống chỗ đề tên người, họ có thể nhượng lại cho kẻ khác mà lấy tiền để hưởng được ơn huệ thực sự.

Sau khi quân lý đã nhận thưởng đâu vào đấy, chúa bèn dụ họ ai nấy đều nên tuân theo pháp luật để cùng vui hưởng thái bình.

Bấy giờ, quân lính liền răn bảo nhau rằng:

"Cánh mình đã phò lập ông ấy làm chúa, thì cũng đừng nên quấy nhiễu quá để cho ông ấy được biết cái thú vui làm chúa. Rồi xem sau này dần dần thuận cảnh ông ấy cư xử ra sao? Nếu ông ấy càn rỡ quá đáng, thì lúc bấy giờ sẽ liệu cách mà trừng trị. Chúng mình đảng nào cũng không mất quyền làm lính kia mà!".

Rồi từ đó, họ cũng bớt làm bậy.

Chúa được yên ổn đôi chút, liền đưa những người thân tín cũ vào các chỗ trọng yếu. Lấy tả tư giảng Nguyễn Khản làm tham tụng; cậu cả là Khuông thọ hầu Dương Khuông làm quyền phủ sự.

Nguyễn Khản người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, là con Xuân quận công Nguyễn Nghiễm. Khản sinh ra là một trang phong lưu công tử, thi đỗ rất sớm, theo phò Thịnh vương từ lúc chưa lên ngôi chúa, được vương rất đổi yêu mến. Kịp đến khi vương lên ngôi, Khản lại càng được tin dùng, được ra vào trong cung cấm, y như các viên nội giám.

Tính Khản hào hoa, trong lâu đài không mấy khi dứt tiếng sênh ca, hoặc tiếng ngâm thơ, đánh đàn để mua vui. Người ta thường xem Khản là bậc phong lưu đại thần. Tại đình Kim-Âu nơi Khản ở, có đủ cả nước, non, trúc, đá, cảnh trí hết sức thú vị. Thịnh vương hay ngự chơi nhà Khản, thường ban thưởng rất nhiều.

Trước Khản làm tả thị lang sung chức bồi tụng, với Xuân quận công cùng ở trong chính phủ. Sự yêu quý của chúa đối với Khản hồi ấy, thật là có một không hai trong hàng các quan văn võ.

Sau đó, Khản được đổi làm trấn thủ Sơn Tây và kiêm cả trấn thủ Hưng Hoá. Đến khi xảy ra vụ án năm Canh tý, tội Khản đáng phải chết, nhưng Thịnh vương nghĩ thương tình, đặc cách cho giảm nhẹ, chỉ bắt giam ở nhà quận Châu. Hồi ấy quận Huy và Thị Huệ cũng

muốn tìm cơ đưa Khả đến chỗ chết. Nhưng Khả biết ý đã làm một bài Tự tình khúc bằng chữ nôm, kể hết những sự đãi ngộ quý mến ngày xưa, rồi nhờ người lén đưa giấu cho chúa. Chúa xem bài đó, động lòng thương; nhờ vậy Khả mới thoát chết.

Kịp đến khi thế tử Tông lên ngôi, Khả lại được phục chức về ban cũ, rồi thăng chức thượng thư bộ Lại, tước Tấn quận công.

Nguyên ngày đi đánh dẹp phương Nam, Khả làm tham lĩnh trấn Nghệ An, kiêm trông coi về lương hướng của quân lính; Khả có dung túng cho người nhà quấy nhiễu xứ ấy. Nên bây giờ thấy Khả được phục chức, thì bọn lính xứ Nghệ lại lôi cái oán cũ ấy ra. Họ nhao nhao bảo nhau: "Lão ấy là người xa xỉ, phóng túng, năm xưa đã từng gieo rắc bao nhiêu tội ác cho trần ta, ta kiện nhưng không được xử. Nay lão ấy lại làm quốc sư, rồi nếu để lão ấy lại làm tể tướng nữa thì dân chịu sao nổi? Chi bằng chúng ta mỗi đứa cho một quả đấm cho xong đời lão ấy đi!

Nhưng rồi trong bọn lại có kẻ đứng ra khuyên giải, nên Khả mới được vô sự.

Dương Khuông là em ruột Dương thái phi; người rất dung tục bỉ ổi, không có tài năng gì hết. Vụ án năm Canh tý, tội tước, họ hàng, bè đảng nhà thế tử Tông đều bị tai vạ, riêng Khuông nhờ ngu si mà được hưởng phúc thái bình.

Khi thế tử mới lên ngôi, Khuông liền được giao cho trông nom cơ Trung uy, cùng với Dương thái phi nấp bên trong mà định đoạt mọi việc. Quân lính đã từng nhạo báng rằng: "Cậu ấy thì có tài cán gì? Chẳng qua chỉ nhờ vào cái bóng của người mặc váy mà được như thế. Nay vừa khỏi vòng cùng khốn, đã muốn vội giàu sang. Cũng ví như kẻ bị đói đã lâu, lúc gặp cơm thì ăn ngốn ăn ngấu rồi cũng đến nứt ruột ra mà thôi!".

Đến bây giờ thấy Khả và Khuông cùng vào chính phủ, lòng họ đều không phục. Tuy vậy, bọn họ cũng rất giáo quyết, kẻ này oán nhưng kẻ kia lại ơn, sau lưng họ chê mà trước mặt họ lại khen, chẳng còn hiểu đầu đuôi ra sao?

Vả chẳng những nhà có chức quyền trọng yếu thường thường chỉ nghe lời nói chuyện thái bình mà không nghe lời nói chuyện nguy biến. Việc gì cũng muốn mạnh bạo tiến tới, nhưng không biết ngoảnh nhìn mối lo về sau. Họ chỉ muốn nóng vội làm cho chóng được thái bình. Cho nên mới có những mưu kế sâu sắc, những lời bàn bạc kín đáo, mà việc cần kíp thứ nhất là đè nén bọn kiêu binh.

Tình cờ lúc đó, trong đám kiêu binh có bốn người lính già lấy danh nghĩa đồng đội, ức hiếp người lái buôn Đông Hà để mượn thuyền. Việc này bị người đội trưởng phát giác và triều đình đem chém cả bốn. Bọn kiêu binh đều oán là hình phạt quá lạm. Nhưng vì họ đã trót tự mình phát giác ra, nên cuối cùng cũng đành im.

Khản và Khuông thấy đám lính im lặng, cho là uy quyền đã được lập lại; hai người mừng rỡ bảo nhau: "Nhà nước đã sẵn có pháp luật. Nếu ta cứ giữ vững pháp luật như thế vài lần, thì dù chúng có kiêu cũng chẳng kiêu được!".

Bây giờ có viên tri huyện Đông Thành là Mai Doãn Khuê, người làng An Toàn, huyện La Sơn. Khuê vốn là tay giáo quyết ghê gớm trong trấn Nghệ An. Việc quân lính nông nghênh làm bậy, phần nhiều đều do hắn xui giục. Vì muốn tâng công với triều đình, Khuê bèn mật báo với Tán quận công Nguyễn Khản rằng:

- Triều đình cho rằng kiêu binh có thể dẹp được, nhưng không biết rằng hoạ lớn sắp xảy ra không thể nào ngăn nổi. Tôi nghe bọn lính bàn nhau: Hoàng tự tôn (Hoàng tự tôn là cháu nối nghiệp của hoàng thượng, chỉ Lê Duy Kỳ, tức Chiêu-Thống sau này) nguyên trước do họ đón về, nay hoàng thượng tuổi già, mà hoàng tự tôn cũng đã khôn lớn, họ muốn họp nhau tâu xin hoàng thượng nhường ngôi cho cháu. Khiến cho ngôi vua ngôi chúa đều do tay quân lính dựng lên, để công của họ càng to thêm. Trong bọn họ lại có một số người cậy mình có công rồi tỏ ý oán vọng, họ muốn phò cho nhà vua thống nhất thiên hạ, để cướp lại quyền ở nhà chúa. Nếu kế ấy mà thành được, tôi e các ngài sẽ không còn đất mà gửi thân nữa.

Tán quận công đem lời ấy tâu lại với chúa. Chúa sai Doãn Khuê phát giác chuyện đó. Khuê bèn vu cáo cho viên câu kê Siêu thọ bá, cháu gọi Tứ xuyên hầu bằng cậu, cũng có dự mưu.

Việc ấy được giao xuống tra xét thì không thấy bằng chứng gì hết. Nhưng triều đình vẫn cho là người tố cáo nói đúng, bèn đưa Siêu Thọ về giam ở quê quán. Còn Doãn Khuê vì có công phát giác, được phong làm Khuê lĩnh bá, cho cai quản toán lính châu hầu ở nội điện. Khuê lại còn được kiêm chức giảng quan cho hoàng tự tôn và được ở luôn trong nội điện để dò xét công việc của ông hoàng đó.

Lại nói, hoàng tự tôn Lê Duy Kỳ (trước tên là Duy Khiêm, hoặc Tư Khiêm), là con thái tử Lê Duy Vỹ đã mất.

Thái tử xưa vóc người đẹp đẽ, tư chất thông minh. Thấy nhà vua bị mất quyền, thái tử căm tức lắm, thường vẫn khảng khái nuôi chí thu phục lại quyền bính. Thái tử lại từng xem khắp kinh sử, yêu mến các nho sinh; nên hào kiệt trong thiên hạ không ai là không ngưỡng vọng. Trong lúc Thịnh vương còn là thế tử, chỉ vì tranh giành trên dưới mà vương có bụng ghét thái tử.

Khi ấy chính phi của Ân vương không có con trai, chỉ sinh được một con gái tức là công chúa Tiên Dung. Tiên Dung được vương hết sức yêu chiều. Năm nàng mới mười tuổi, chính phi xin với vương gả cho thái tử để sau này nàng làm hoàng hậu. Vương bằng lòng.

Một hôm thái tử và thế tử cùng vào thăm Ân vương; vương mời ăn cơm và để con rể với con trai cùng ngồi một mâm. Chính phi thấy vậy liền nói rằng:

- Sao chúa lại được cùng ăn với vua?

Rồi bà ta bắt ngồi riêng ra mỗi người một nơi. Thế tử giận tái mặt lại, nhưng vẫn cắn răng không dám nói. Lúc tan tiệc trở ra, thế tử bảo với thái tử:

- Hai chúng ta sẽ phải một người sống, một người chết. Vua ấy cũng không nên đứng cùng với chúa này!

Đến khi Thịnh vương lên ngôi chúa, liền lập mưu với gia thần là viên quan hoạn Thiệu quận công Nguyễn Kim Đĩnh (chính tên là Phạm Huy Đĩnh, người xã Cao Mỗ, nay là xã Kim Bôi, huyện Tiên Hưng, Thái Bình), vu cho thái tử Vỹ thông dâm với cung nữ của Ân vương; rồi đem tội đó tâu lên hoàng thượng để bắt thái tử bỏ ngục.

Trước đó, trong giếng Tam Sơn ở mé sau điện bồng có tiếng nổ như sấm. Thái tử dùng thuật số để bói, biết mình sắp gặp nạn, bèn đến nói với hoàng thượng. Hoàng thượng cũng lấy làm lo, vẫn phải luôn luôn cầu nguyện cho con.

Kịp tới ngày bị bắt, thái tử biết tai nạn xảy ra đến nơi, liền vào ẩn ở trong điện ngủ của hoàng thượng.

Quận Thiệu dẫn toán lính trước tiên xông thẳng vào Đông cung, định bắt thái tử đã rồi mới tâu vua, nhưng tìm khắp cả Đông-cung không thấy. Quận Thiệu liền vào thẳng trong điện, kể tội thái tử cho vua nghe, rồi nói rằng:

- Tôi nghe nói thái tử náu ở chỗ ngủ của bệ hạ, xin hãy bắt giao cho tôi.

Hoàng thượng ôm mãi lấy thái tử không nỡ rời ra. Quận Thiệu cũng cứ quỳ mãi ở giữa sân điện. Thái tử tự biết mình không thể thoát được, liền lạy trước mặt hoàng thượng, rồi ra cho quân lính trói.

Sau khi giải về phủ chúa, thái tử bị truất xuống làm dân thường và bị giam vào ngục. Rồi Thịnh vương ép hoàng thượng lấy người con thứ tư là Lê Duy Cận làm hoàng thái tử. Được ít lâu sau, quận Thiệu lại sai tay chân vu cáo cho hai nho sinh thi đỗ ở làng Đan Luân là Nguyễn Huy Sưởng [chính là Vũ Bá Sưởng người làng Đan Luân, nay thuộc Bình Giang, Hải Dương (Hải Hưng)] và Lương Giản (người xã Tào Sơn, huyện Ngọc Sơn, nay là Tĩnh Gia, Thanh Hoá), rằng hai người này âm mưu cướp thái tử ra khỏi ngục để cùng dấy quân làm loạn. Việc này được đưa xuống các quan bàn bạc, và bắt Sưởng để tra xét. Giản khi ấy đã kịp bỏ trốn. Còn Sưởng bị đánh đau quá, không chịu nổi roi vọt, đành phải nhận liều. Thế là thái tử phải ghép vào tội thất cổ.

Ngày hành hình, bầu trời tự nhiên tối tăm, giữa ban ngày mà chỉ cách nhau gang tấc cũng không trông rõ. Chừng hơn một khắc mới lại sáng sủa. Già, trẻ, trai, gái trong thiên hạ, không ai là không rơi nước mắt. Họ đều cho rằng đó là việc trái ngược nhất, bi thảm nhất từ xưa đến nay. Hôm ấy nhằm ngày 20 tháng chạp, năm Tân-mão, niên hiệu Cảnh-Hung (1771).

Sau khi giết thái tử, Thịnh vương bắt đầu có chí thống nhất đất nước, định bắt cả ba con của thái tử giam vào một nơi. Một hôm, chúa tể gọi ăn chay, rồi ngự ra hồ Tây để cầu thần báo mộng. Đang đi, chợt thấy trước mặt có một cái kiệu, trên kiệu có một người ngồi chỉnh chệch, nhìn kỹ té ra đó là thái tử Vỹ. Chúa truyền hỏi quân lính có ai trông thấy xe kiệu gì ở trước mặt không. Quân lính đều nói không thấy. Chúa lo lắng, liền sai quay ngay về cung. Đêm ấy, chúa đang nằm trong màn, bỗng thấy một người đầu đội khăn hồng, mình vận áo đỏ, tay cầm một chiếc mái chèo, vạch màn ra rồi đứng ở đầu giường trừng mắt nhìn mình. Chúa vội hỏi ai thì người ấy đáp rằng:

- Ta là Duy Vĩ đây!

Chúa cả sợ, bấy giờ mới biết đó là linh hồn của thái tử Vỹ.

Nguyên khi thái tử bị bắt thì một người đàn bà trong cung bế các con của thái tử chạy trốn về phía tây, vào ngủ nhờ nhà một người dân ở làng Dịch Vọng, huyện Từ Liêm.

Người dân này đêm trước đã mơ thấy có người bảo rằng: "Mày phải quét rửa nhà cửa, sân sường cho sạch sẽ, thiên tử và thái hậu sắp sửa tới nơi?" Tỉnh dậy hấn ta nghĩ bụng: "Mình là nhà dân, đâu được cái may mắn có các bậc chí tôn ngự tới?" Rồi suốt ngày hôm đó, hấn ta chấp tay đứng đợi ở ngoài cổng; nhưng đợi mãi mà vẫn chả thấy một ai. Đến xẩm tối, mới thấy một người đàn bà bồng con xăm xăm tiến đến trước cổng xin ngủ nhờ; hấn ta liền đón ngay vào trong nhà và mời ngồi lên chiếc phản cao nhất. Sau khi đã kể qua câu chuyện chiêm bao cho người đàn bà nghe, hấn ta lại nói:

- Cứ theo giấc mộng đêm qua của tôi như thế, thì bà và các cậu đây hấn phải là dòng dõi quý tộc; nếu không phải thân thích nhà vua, ắt cũng là họ hàng nhà chúa!

Người đàn bà đó chính là cung phi họ Nguyễn, nghe nói, vội gạt đi mà rằng:

- Câu chuyện chiêm bao, có gì là bằng cứ. Bác đừng nói nhảm, đó là việc chết người chứ không phải chuyện chơi đâu!

Ngay sớm hôm sau, mấy mẹ con lại từ giã chủ nhà mà ra đi. Nhưng chẳng bao lâu, bị người ta dò theo tung tích bắt được, đưa về an trí ở trấn Sơn Tây, rồi lại bị giải về kinh đô và giam ở ngục đề lĩnh.

Kịp đến khi quân lính phò thế tử Tông làm chúa, thì hoàng tôn (Lê Duy Kỳ) đã 17 tuổi. Nhân dịp ấy, quân lính bèn mang luôn kiệu tới nhà giam đón hoàng tôn về điện.

Hoàng tôn mặt rỗng mắt phượng, tiếng nói như chuông, quân lính thấy vậy đều khen: "Thật đúng là bậc thiên tử".

Bà nội thế tử Tông xưa nay vốn thân với thái tử Lê Duy Cận. Thấy hoàng tôn về, bà ta sợ thái tử Cận mất ngôi, liền sai người giả vờ mời hoàng tôn vào châu ở cung Huỳnh, để lừa bắt hoàng tôn đem chìm xuống sông Nhĩ Hà. Lúc hoàng tôn vào cung, bà ta cho tay chân bức hoàng tôn phải nằm lên cáng rồi bí mật khiêng đi.

Khi qua hồ Sen, hoàng tôn nằm trong cáng kêu gào ầm ĩ: lính canh nghe tiếng, quát phải đứng lại. Phu cáng và tên đi theo bỏ chạy tứ tung, nhân đó hoàng tôn được thoát nạn (theo Cương mục thì hơi khác; bà nội Tông sai hoạn quan Liêm Tăng ép Kỳ tới châu hầu, để bí mật giết chết. Kỳ chối không được, vừa khóc vừa đi. Do đó, quân lính phát hiện được la hét đòi tra ra kẻ thủ mưu. Họ tìm Liêm Tăng không thấy, có ý ngờ cho Cận chủ mưu). Bấy giờ ba quân ồn ào nhốn nháo, muốn tra ra kẻ mưu hại hoàng tôn để bắt mà giết đi.

Thái tử Cận nghe được chuyện đó, liền vào phủ hầu chúa.

Thấy kiệu thái tử để ở ngoài cửa phủ, quân lính đều tức giận nói: "Ngôi vua lại có thể cầu may mà được à? Để chi cái cửa này để hấn tiện đường chạy chọt làm những việc bậy bạ!"

Rồi họ phá tan chiếc kiệu. Thái tử Cận hoảng sợ phải ăn mặc giả làm thường dân mà lên về cung.

Chúa biết việc đó là do ở nơi bà mình gây ra, bèn dụ quân lính không nên làm ồn ào. Rồi lập tức sai triều đình bàn định việc dựng hoàng tôn Kỳ lên ngôi đông cung, cho được yên lòng ba quân.

Chúa ép thái tử Cận phải nhường ngôi và giáng phong làm Sùng nhượng công.

Thế là hoàng tôn Lê Duy Kỳ được lên ngôi làm hoàng tự tôn. Hoàng thượng liền sai đặt ra các giảng quan để trông nom việc học hành. Công phu dạy dỗ ấy, ngày tháng thêm nhiều mãi. Do đó cái tiếng thánh hiền nhân hiếu của hoàng tôn được đồn vang khắp cả trong ngoài. Cũng do đó mà quân lính mới có cái mưu tôn phò cho hoàng tôn lên làm vua. Đến khi Doãn Khuê tố cáo, tuy tra xét không thấy có bằng chứng gì, nhưng cuối cùng chúa cũng vẫn ngờ.

Một hôm, quân lính họp nhau, đem việc đón rước hoàng tôn ở nhà giam ra tâu lên hoàng thượng, để kể công và xin được ban ơn. Hoàng thượng cho ba quân vào lạy ở sân điện Vạn-thọ, tuyên chỉ ụy lạo họ. Rồi truyền cho viên tả phiên lại sai người đánh cá hồ Sen lên, chọn lấy cá trăm làm gỏi thết đãi cả bọn. Sau đó mới từ từ bàn đến cách thưởng công cho họ.

Lúc quân lính ngồi dự yến tiệc ở trên điện, có kẻ chạy đi báo tin với chúa. Chúa cho đòi ngay quốc sư Nguyễn Khản, quốc cữu Dương Khuông vào phủ và bảo:

- Cái mưu mô tôn phò của bọn kiêu binh thật là giập không thể tắt được! Hiện giờ chúng nó đang tụ họp trên điện nhà vua. Vậy ta nên làm thế nào?

Quốc sư Nguyễn Khản đáp:

- Xin cho bắt mà giết đi!

Chúa bèn sai viên đầu hiệu đội Nhung-nhất là Triêm vũ hầu (tên là Nguyễn Triêm) đem đội quân Phong-vân đến vây bắt.

Gã Triêm vũ hầu này người làng Phú Hoa, huyện Yên Lãng, thi đỗ tạo sĩ, dáng người hùng vĩ, có can đảm lại có sức khoẻ. Sau khi vâng mệnh chúa, Triêm vũ hầu liền xách gươm đi thẳng ra ngoài cửa phủ, rồi tuốt gươm ra, lấy tay gạt gạt vào lưỡi gươm mà nói: "Gươm sắc lắm! Gươm sắc lắm! Chém được đầu kiêu binh đây!". Tiếp đó gã dẫn quân xông thẳng lên trên điện, vây lấy chỗ bọn kiêu binh đang tụ họp ăn uống.

Ba quân đang mải mê chè chén, thấy có lính đến vây bắt thì đều hoảng hốt bỏ chạy tán loạn. Triêm vũ hầu và đội quân Phong-vân đuổi bắt được bảy tên, đem giải về phủ chúa. Chúa lập tức cho vời các quan tới để bàn cách xử trí. Các quan tới đông đủ, đem cả bảy tên ra tra hỏi. Bảy tên cứ thực tình khai hết, không có âm mưu gì khác cả. Các quan họp bàn đều có ý che chở cho họ. Riêng nguyên cữu Dương Khuông lại quả quyết mà rằng:

- Không phải hỏi tội trạng nào cả! Chỉ cái thói hay tụ họp mà không chừa cũng đáng xử chém rồi, còn phải bàn bạc làm gì nữa? Bọn chúng cứ cậy đông người mà ngông nghênh, không thể một lúc giết cho hết được. Nhưng hễ đứa nào phạm tội thì quyết không dung tha. Ví như cả bó đũa thì không thể nào bẻ gãy được, nhưng nếu cứ rút riêng một hai chiếc ra mà bẻ, thì lâu dần rồi cũng phải gãy hết. Hôm nọ chém bốn đứa đó, thế là chịu chết bốn đứa, có thấy chúng bắt đền được ai đâu?

Quốc sư Nguyễn Khản cũng nói thêm:

- Lời bàn của quốc cữu thực là có lý. Các quan cứ nên theo luật mà thi hành.

Các quan bèn chiều theo điều luật "vào trộm hoàng thành" mà xử cả bảy tên vào tội bêu đầu.

Tờ khai dâng lên, chúa sai đem tội phạm ra chém ngay hôm đó. Trong triều ngoài phố, ai cũng lấy làm hả hê. Bữa ấy nhằm ngày 15 tháng thái tử năm Nhâm Thìn, niên hiệu Cảnh Hưng (1772).

Sau vụ bảy kiêu binh bị giết chết, ba quân thấy đều đem lòng oán giận. Họ lại họp nhau bàn bạc.

Một người trong bọn nói:

- Ngày nay được có triều đình này, khiến cho chúa tôi ngồi yên mà hưởng phú quý, đều là do công sức của chúng mình cả. Thế mà, họ chẳng ơn thì chớ, lại còn cho là kẻ thù, động một tí là bị đè nén. Nếu chúng ta cứ chần chừ nín nhịn mãi, khiến cho cái mưu "bẻ đũa" của họ thành được, thì rồi bọn mình sẽ không còn người nào sống sót đâu!

Một người khác lại nói:

- Chúng ta không biết bẻ, chỉ biết "đả" thôi! Mau mau mỗi người một đám, đưa ngay chúng đi theo quận Huy, xem chúng nó có còn bẻ được nữa hay không?

Rồi họ hẹn nhau đến hôm sau, vào lúc tan châu thì sẽ khởi sự.

Có kẻ đem việc đó mật báo với các quan trong triều. Các quan nửa ngờ, nửa tin. Sớm hôm sau, quốc cữu Dương Khuông và Triêm vũ hầu đi lên vào trong phủ. Còn quốc sư Nguyễn Khản thì đóng cửa nằm nhà, không dám vào triều. Tan châu, quân lính chia nhau đi bủa vây các dinh thự. Vào nhà Dương Khuông và Triêm vũ hầu, không thấy hai người, quân lính tức thì hò nhau phá nhà. Chỉ trong chốc lát, cả hai dinh đó đều bị san thành đất bằng.

Riêng ở dinh quốc sư Dương Khuông, có một thủ hạ là người khách phương Bắc (chỉ người Trung Quốc lúc bấy giờ), vốn rất giỏi thuật đánh kiếm. Nghe tin có biến, hắn vội tuốt gươm ra đứng giữ ở cổng. Quân lính nom bộ dạng người khách phương Bắc ngờ ở trong còn nhiều tay kiếm khách khác, nên không dám vào. Nhưng lâu lâu, họ thấy ra ra vào vào vẫn chỉ có một hắn ta; tức thì cả bọn liền sấn ngay vào sát cổng. Người khách múa gươm ra đánh, chém bị thương vài người, quân lính kéo ùa vào, vằm hắn ra nát như bùn. Rồi họ xông thẳng vào trong dinh; lúc ấy Khản đã thay đổi quần áo, theo đường tắt chạy ra cửa ô Trường Bản mà trốn đi rồi. Quân lính lập tức phá tan dinh của Khản.

Chúa nghe tin dinh thự của quốc sư Nguyễn Khản có người canh giữ, cho rằng Khản đã phòng bị, chắc không việc gì; bèn sai một hiệu quân đến ngay đó để phân giải. Nhưng lúc quan quân tới nơi thì Khản đã bỏ trốn, dinh thự đã bị phá gàn hết.

Sau đó, đám kiêu binh lại kéo về phủ bảo với chúa rằng:

- Quốc sư mang quân ra ngoài làm loạn, xin chúa cho người đuổi theo!

Chúa bắt đắ dĩ phải sai viên thị thân là thiêm tri binh phiên Thoan trung hầu đem quân đuổi theo Khản; nhưng lại dặn ngầm là cứ đi từ từ để cho Khản chạy thoát. Thoan trung hầu đuổi đến ô Cầu Giấy không theo kịp Khản, lại quay trở về.

Quân lính giận Thoan trung hầu không chịu đem hết sức ra đuổi, liền kéo đến nhà phá luôn nhà hắn ta.

Thoan trung hầu cũng phải chạy trốn nốt.

Quân lính không bắt được ba viên quan ấy, lấy làm căm tức lắm. Sau khi dò biết quốc舅 Dương Khuông và Triêm vũ hầu lẫn trốn trong phủ chúa, họ bèn chia nhau chặn kín cửa phủ, rồi cho một toán xông vào bên trong, đòi chúa phải đưa hai viên ấy ra cho họ.

Chúa nói dối rằng:

- Không thấy ai trong này cả!

Quân lính đều nhao nhao:

- Chúng trốn vào phủ, đã có người trông thấy rõ ràng. Người ta còn nhớ cả giờ chúng đi vào nữa, thế nhà chúa còn chối à? Xưa nay há lại có chuyện vua chúa chứa giặc ở trong cung bao giờ?

Dương thái phi vừa khóc vừa dỗ dành các quân lính rằng:

- Cái thân goá bụa may nhờ có ba quân phò chúa mới được như thế này! Nay chỉ còn có một đứa em, xin ba quân hãy tha mạng nó, để cho được trọn vẹn cái ơn xương thịt.

Đám kiêu binh hét lên:

- Tha mạng cậu ấy à! Thế hôm nọ bảy mạng người chết, ai tha? Nếu còn cố giấu, cung khuyết sẽ ra tro ngay lập tức, cái đó chắc cũng không hay ho gì!

Thái phi bèn ngồi sụp xuống đất, chắp hai tay lại vái lạy, van xin.

Các quân lính lại nói:

- Không nói chuyện với đàn bà. Chỉ hỏi nhà chúa thôi!

Chúa nói:

- Bức bách nhau thế này, thà đừng lập làm chúa còn hơn!

Quân lính nói:

- Tưởng rằng muốn làm chúa nên mới lập, chớ nếu không muốn thì có ai ép?

Một người nữa hòa theo nói:

- Bẻm mép thế! Thôi, hãy xuống khỏi bệ đi! Chúng tôi mời Thụy quận công đến là khắc yên chuyện.

Chúa hoảng sợ, không dám ho he gì nữa.

Lúc bấy giờ đã sắp tối, bọn quân lính đều tản ra về, và họ còn nói thêm:

- Bất chúng nó cũng ví như bắt cá. Nước sâu thì cá còn lặn; đến mai tháo cho cạn nước, xem chúng nó có thể bay lên trời được không?

Đêm ấy, kiêu binh canh giữ cửa phủ rất chặt chẽ.

Chúa bàn với thái phi rằng:

- Khí thế của chúng như vậy, không thể dùng lời nói suông mà giảng giải được đâu. Cần phải mất nhiều của đấm mồm cho chúng nó, may ra mới xong, nếu không, thì phải xoay kế khác...

Thái phi đáp:

- Nghe nói có tên Nhuyễn Thọ, biện lại đội Nhưng-Nhất là một đứa giáo quyết, bọn kiêu binh làm gì cũng phải hỏi mưu nó.

Sáng mai, chúa bèn cho người ra dụ Thọ, ngõ ý dứt lốt, bảo Thọ hãy nhận thu xếp việc này, sẽ giao một vạn lạng bạc, ba vạn quan tiền, cho y mặc sức muốn làm gì thì làm, không cần hỏi đến. Lại hứa thêm rằng: "Nếu làm xong việc, sẽ còn có trọng thưởng nữa".

Nhuyễn Thọ trong bụng đã ưng, nhưng còn làm bộ khó khăn mà rằng:

- Bọn họ muôn người muôn miệng, khó mà nói năng được với họ. Vả chẳng, hễ đã ngõ ý dứt lốt thì thế nào họ cũng sinh ngờ vực. Rồi ngộ nhớ lúc ấy lại có một vài người bàn ngang vào nữa, làm cho cơn giận của họ bốc lên, thì lưng tôi phỏng chịu được mấy đấm?

Người của chúa sai đến vẫn cố kéo nài. Nhuyễn Thọ ngần ngừ đáp:

- Nếu vậy để tôi lựa chọn lấy mấy chục người hung hăng, táo tợn nhất, đem tình thực ra bàn với họ, rồi bảo họ phụ họa thêm với tôi. Nhưng khi bàn bạc, giả sử mấy chục người này có đòi thêm điều gì, thì tùy nhà chúa thương lượng lấy; tôi chỉ xin đứng ra làm kẻ dàn xếp mà thôi. Còn như cái khoản tiền bạc công cộng kia, cũng xin đợi đến lúc quân lính tập hợp đông đủ đã. Bấy giờ nhà chúa sẽ tự ngõ lời trước; tôi và mấy chục người này ở bên cạnh hòa thêm vào, như thế việc mới có thể thành được!

Người ấy về nói lại với chúa. Chúa bằng lòng, liền sai đưa riêng Nhuyễn Thọ một ngàn lạng bạc để hấn phân phát.

Gần chiều, quân lính lại tụ họp và tiến sát vào tận trong phủ. Chúa và thái phi lại phải ra đỡ dành. Bọn lính nói:

- Việc gì mà phải lăm môm! Cứ vào trong cửa cấm lòng khắp toà phủ, rồi túm búi tóc lôi ra, hỏi hấn xem cái nắm đũa ấy còn có thể bẻ được mấy chiếc nữa?

Chúa nói:

- Ba quân làm như vậy thì có sướng gì, chẳng qua chỉ thêm bản tay mà thôi! Nay quá nhân có chút quà mọn là một vạn lạng bạc, ba vạn quan tiền, xin đưa để khao thưởng ba quân, mong ba quân hãy nghĩ lại mà tha thứ cho hai cái mạng nhỏ bé đó!

Đám kiêu binh đáp:

- Chúa còn tiếc hai người đó, rồi sẽ thấy phủ đường cũng không giữ được đâu. Bọn tôi cần gì số tiền bạc ấy!

Giữa lúc họ đang nhao nhao, Nhuyễn Thọ bỗng vượt lên phía trước và nói:

- Nhà chúa là bề trên đã phải chịu nhũn như vậy; các anh em không nên ăn nói càn tà ráo máng quá!

Tiếp đó bọn mấy chục người kia cũng mỗi người một câu phụ hoạ thêm vào. Rút cục lính tráng ai chẳng hám lợi, họ bèn dụ giọng mà rằng:

- Đã thế, thì hãy tha cho em ruột thái phi. Còn Triêm vũ hầu là người giữa trời, bọn tôi phải xin mỗi người một miếng thịt để nhắm rượu, rồi sẽ tan về ngay tức khắc. Nếu không, thì dầu có số tiền ấy cũng chẳng làm cho ba quân nguôi giận được.

Chúa nói:

- Tha thì tha cả. Sao còn tách bạch người nọ người kia?

Quân lính nói:

- Nhà chúa nếu còn quanh co che chở cho Triêm vũ hầu; bọn tôi khi "máu đã nhập tim" (do câu tục ngữ: "Máu nhập tim, nhà lim cũng nhỏ"), thì ngay cả quốc cữu cũng không tha nữa!

Nguyên hôm trước Triêm vũ hầu trốn vào phủ, lẩn ở trên gác Kỳ-lân, vẫn dùng đôi kiếm để giữ mình. Trong lúc bọn quân lính đòi giết, Triêm vũ hầu bụng bảo dạ: "Nếu chúng không nghe nhà chúa điều đình, mà cứ xông vào bắt ta, thì phải đứng trên thang chém lấy dăm ba cái đầu của bọn chúng, chứ ta không chịu chết một mình!".

Đến lúc này việc đã gấp quá, chúa bèn sai người đến dỗ Triêm vũ hầu rằng: "Bây giờ xã tắc nguy nan như treo trên sợi tóc, nhà chúa không thể cố giấu tướng quân được nữa. Vậy xin tướng quân hãy vì chúa chớ tiếc cái chết, để cho nhà chúa được yên. Đó là công muôn đời của tướng quân!"

Triêm vũ hầu bắt đắ dĩ phải trèo thang xuống ra mắt chúa mà nói:

- Chết thì chết, thần xin hai tay hai kiếm tung hoành với chúng nó một trận, giết gọn lấy vài trăm đứa, cho hả bớt cơn giận của nhà chúa!

Chúa nói:

- Như thế chỉ làm cho thái phi kinh sợ, mà quả nhân cũng chẳng được yên nào!

Triêm vũ hầu quẳng hai thanh gươm xuống đất nói:

- Bỏ tay mà chịu như thế, thần đành chết uổng vậy!

Chúa khóc mà từ biệt Triêm vũ hầu. Rồi lại hứa với Triêm vũ hầu rằng, sau khi y chết, sẽ cấp cho một ngàn khoảnh ruộng làm của nối đời và phong cho làm phúc thần, bắt dân mười làng thờ cúng.

Triêm vũ hầu đáp:

- Thần chỉ vì chúa mà chết, đâu phải cầu mong tước lộc? Xin chúa hãy ra sức tăng thêm uy quyền, xoay loạn làm trị, thì thần dầu chết, xương vẫn không mục nát!

Chúa bèn tự tay viết sáu chữ: "Trung nghĩa tráng liệt đại vương" đưa cho Triêm vũ hầu. Triêm vũ hầu quì xuống nhận mảnh giấy đó, vê tròn, nuốt vào bụng, rồi lạy tạ chúa mà đi ra. Khi qua điểm Tiểu-bút, Triêm vũ hầu bị đám kiêu binh lôi kéo và hỏi:

- Gươm sắc của mày bây giờ như thế nào?

Triêm vũ hầu đáp:

- Tao không thể dùng thanh gươm đó chém đầu chúng bay là theo mệnh chúa và vì xã tắc đó thôi. Nhưng mà, chẳng lâu gì đâu, tao chết rồi, sẽ có người khác đến chặt đầu lũ chúng bay. Đến lúc ấy, chúng bay sẽ biết gươm có sắc hay không!

Quân lính xúm vào toan đánh Triêm vũ hầu, gã cản lại mà rằng:

- Đây là nơi nghiêm cấm, không được hành hung. Hãy để tao ra khỏi cửa phủ, ngồi yên đâu đấy, rồi tha hồ cho chúng bay muốn làm gì tao thì làm.

Đoạn gã bước khoan thai đến bên cạnh cầu đá, tìm chỗ, ung dung ngồi xuống và bảo bọn quân lính:

- Nào, bây giờ chúng bay làm gì tao thì làm đi!

Đám kiêu binh lấy gạch đá đập mãi vào đầu Triêm vũ hầu khiến máu chảy đầy mặt. Nhưng gã vẫn ngồi yên không cựa, khễ lấy tay áo lau mặt, rồi vừa cười vừa nói:

- Bây giờ tao không thi đấu võ, nhưng vẫn còn thi can đảm! Thế mới lạ chứ!

Ngay đó, một tên lính đứng sau cầm giáo đâm thọc vào lưng gã, gã mới chết.

Triêm vũ hầu chết rồi; quân lính vẫn chưa hết giận, lại vào buộc chúa phải xử lại vụ án vừa qua.

Chúa bắt đấng dĩ phải giao việc đó xuống cho triều đình bàn định. Quốc sư, quốc cữu đều bị bãi chức làm dân thường. Bảy tên lính bị chém ngày trước đều được đền mạng.

Từ đó, kiêu binh lại càng ngông nghênh hơn. Tại các đường phố, họ cứ dăng tay nhau mà đi. Các vị công hầu gặp họ đều phải quay xe tránh sang lối khác.

Lại nói, Nguyễn Khả lúc mới phục chức, được làm trấn thủ Sơn Tây; đến khi vào làm tể tướng thì cho em ruột là Điền nhạc hầu Nguyễn Cương (Cương mục chép là Nguyễn Điền. Có sách lại chép Nguyễn Điền) ra thay.

Hôm ấy, Khả lật đật trốn ra ngoài thành, dùng võng một đòn bắt hai người khiêng đi, nhằm hướng Sơn Tây mà chạy. Tới trấn, Cương ra đón vào trong dinh và hỏi duyên cớ. Khả đáp:

- Tục ngữ nói: "Quân bất trị". Thật là đúng lắm!

Rồi Khả đem đầu đuôi câu chuyện kể hết cho Cương nghe. Cương nói:

- Bây giờ việc đã như thế, anh định đối phó ra sao?

Khả vốn là hạng người xuềnh xoàng, không có cơ mưu, nghe em hỏi liền cười và đáp:

- Trừ ra có thuật quỷ thần, hễ thấy chúng nó họp nhau, tức thì theo đến mà ám ảnh, làm cho chúng nó đau bụng nứt ruột, như Tề thiên đại thánh bóp Hoàng My (Điển này lấy ở truyện Tây du), không biết đấng nào mà lần nữa, hoạ may chúng nó mới sợ. Chứ còn sức người thì không làm sao được!

Cương là kẻ có nhiều mưu mẹo khôn ngoan, liền nói với Khả:

- Tôi có một mẹo, có thể khiến cho chúng nó chết ráo.

Khả hỏi:

- Mẹo như thế nào?

Cương đáp:

- Ngày nay dân trong bốn trấn (Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương. Thời Lê, 4 trấn ở chung quanh kinh đô này được gọi là kinh trấn hay kinh lộ, là những nơi che chở cho kinh đô; ngoài kinh trấn lại có 9 phiên trấn hay phiên lộ như Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang.v.v... là phen giậu che chở cho các kinh trấn) đang oán ghét chúng nó đến xương tuỷ; nếu ai lấy danh nghĩa diệt kiêu binh để kêu gọi, thì chỉ cần hô một tiếng, không người nào là không hưởng ứng. Trấn này ở về miền thượng du, dân chúng thuần hậu dễ bảo. Trước kia anh làm trấn thủ Hưng Hoá, các tù trưởng địa phương đều là thuộc hạ của anh, anh bảo chắc họ phải nghe. Trên vùng Tuyên Quang, phiên mục Diễn quận công (tức Hoàng Văn Đồng giữ Mỏ đồng Tụ Long, Tuyên Quang) giàu có nhất thiên hạ, năm xưa có tội được anh cứu giúp, ông ta hẳn còn nhớ ơn; nếu viết thư lên rủ, thế nào ông ấy chả theo. Ở trấn Sơn Nam, quận Thạc (tức Hoàng Phùng Cơ) là tướng đánh trăm trận, vốn nổi tiếng là bậc vô địch. Rồi ở trấn Kinh Bắc thì Thần trung hầu (tức Trương Tuân), ở trấn Hải Dương thì Thái đình hầu (tức Trịnh Tự Quyền), đều là những tay có mưu trí. Bây giờ hãy dùng mật lệnh nhà chúa, sai họ ngầm nuôi nghĩa sĩ, giữ vững dinh trấn, và nghe theo sự điều khiển của anh. Còn anh, vốn là một vị tể tướng lại kiêm chức sư phó, thì một lời nói ra khỏi miệng, trấn nào lại dám không tuân theo. Bên Kinh Bắc còn có hai tên tướng giặc đầu hàng là tú Huy và cai Hồ, đều là những tay dữ tợn, tinh khôn. Hiện chúng đang ở chỗ viên nội thần Nhật trung hầu; nếu thả cho chúng và sai đi xui giục hai phủ Lạng Giang, Bắc Hà (đều thuộc Bắc Giang), chắc cũng giúp cho mình được một tay. Trên Thái Nguyên lại có tên giặc già là cai Già, thuở xưa đã từng làm môn hạ của anh, hẳn anh cũng có thể sai khiến được. Cả bấy nhiêu nơi ta hẹn nhau cùng ngày khởi sự. Phàm ưu binh (thời Lê trung hưng, kén lính ở 3 phủ thuộc Thanh Hoá và 12 huyện thuộc Nghệ An để chuyên bảo vệ kinh thành. Loại lính này được ưu đãi hơn các lính nơi khác, vì thế gọi là ưu binh, hoặc cũng gọi là lính tam phủ) Thanh-Nghệ, hễ đưa nào ở các trấn ngoài đều phải trừ cho hết. Đưa nào trốn thoát, cho dân sở tại cứ bắt mà giết đi. Rồi thì bốn phương tám mặt cùng ập vào kinh thành kiêu binh ắt sẽ không còn đường mà chạy nữa. Đó là một kỳ công muôn đời mới gặp, anh nên tính gấp đi!

Khản nghe xong, nói:

- Hay lắm! Nhưng nay chúa còn đang ở trong tay chúng; ném chuột lại có thể không kiêng đồ vật được ư? (ý muốn nói diệt kiêu binh lại sợ vạ đến Trịnh Tông)

Cương nói:

- Đó là việc rất dễ: Trước hãy sai người trình với chúa, bí mật lấy hết vàng bạc, của cải trong kho, phân tán ra các trấn; thái phi, vương tử và các cung tần cũng lén đưa cả ra ngoài thành, hễ gặp chỗ nào tiện thì hãy ở tạm. Sau đó ngầm báo cho quận Thạc đem thuyền chở quân đến bến Thanh Trì, nói phao là đi tuần sông: rồi giấu kín một chiếc đồ ngang, đợi sẵn ở bến Tây Long. Còn chúa thì sẽ mặc quần áo thường dân, cật lên xuống chiếc thuyền ấy đi xuôi đến dinh trấn Sơn Nam và tạm đóng tại đó. Xong đâu đấy bấy giờ các trấn mới cùng khởi sự. Như vậy, thì không còn lo ngại gì nữa!

Khản mừng mà rằng:

- Không có chú, tôi không nghĩ được đến thế. Dầu không thành cũng là một việc làm hả dạ!

Rồi Khản làm tờ mật khải đưa về cho chúa. Chúa mừng lắm, viết ngay tờ mật chỉ khen ngợi, đồng thời hẹn sẵn mọi việc. Tiếp đó, chúa mời thái phi cải trang và lên ra ngoài thành, đến tạm trú tại nhà người chồng bà dì thứ bảy của chúa ở làng Văn Giáp, huyện Thượng Phúc. Vương tử và các cung tần cũng đều theo cả đến đó. Một mặt, chúa cho mở kho lấy hết vàng bạc châu báu, sai các thị thần thân tín ngầm đem ra, giao phó cho bốn trấn. Một mặt, chúa cho hẹn với quan trấn thủ trấn Sơn Nam, đúng ngày 28 tháng ấy thì bí mật đến đón mình; lại hẹn với các trấn đúng ngày mùng một tháng sau thì các đạo sẽ cùng khởi binh cả một loạt.

Công việc sắp đặt như thế là xong.

Tới ngày hẹn, quận Thạc theo lệnh chúa đem thuyền đến đón.

Khi ấy trong kinh hết sức nhốn nháo: người ta kháo nhau rằng quan trấn thủ Sơn Nam sắp đem quân vào thành, để giết hết kiêu binh. Đám quân lính nghe tin ấy đều hoảng hốt, ngầm cho vợ con gói ghém hành lý đem ra ngoài thành và trốn tránh đi các nơi, còn ở kinh chỉ để lại những người thuộc "quân tịch" mà thôi. Rồi chúng kéo nhau vào phủ chúa, xin chúa cấp tốc khởi binh đánh dẹp. Chúa bắt đắc dĩ phải ra ngự ở Trạch các để ụy lạo ba quân.

Trong đám kiêu binh có kẻ biết mưu của chúa, liền mắng chúa rằng:

- Chúa đừng tưởng chúng tôi không biết mà hòng đem đầu lưỡi ra khua múa để che đậy. Từ đây theo cửa Tuyên Vũ đi ra, rồi đến bến Tây Long (tục gọi là Tây Luông, ở thẳng phía sau nhà hát thành phố Hà Nội bây giờ); chẳng qua chỉ độ trăm bước đã có thuyền của quận Thạc chờ đón sẵn sàng ở đó; trông trước trông sau, khi nào thấy không có người, thì bước lên thuyền cho nhanh rồi tìm đường mà đi chứ gì!

Chúa biến sắc mặt, nín lặng quay vào.

Từ hôm ấy, quân lính canh giữ phủ chúa rất ngặt. Những người nào ra vào, hễ hơi có vẻ khang khác là bị họ khám xét tra hỏi liền.

Vì vậy, chúa không dám ra khỏi cung. Quận Thạc nghe tin, lại rút quân về trấn của mình.

Chúa sai người ra báo lại với các trấn hoãn ngày khởi sự, nhưng chưa đến kịp thì các đạo theo đúng hẹn cũ đã rầm rộ kéo quân lên đường. Thiên hạ cực kỳ náo động. Hào kiệt các nơi đồng thời nổi dậy, ai ai cũng nói phải tiêu diệt hết kiêu binh.

Ngày hôm đó, hết thầy kiêu binh hai xứ Thanh-Nghệ đóng ở các trấn đều phải bỏ trốn, lúc đi qua làng mạc chúng không dám lên tiếng. Hễ kẻ nào buột miệng lời ra thổ âm Thanh-Nghệ, tức thì bị dân chúng bắt giết ngay. Bọn chúng phải luôn luôn giả cách làm người câm, ăn xin ở dọc đường, rồi lẩn mò về kinh, báo cho đám kiêu binh ở đây biết cái tin nay mai quân các trấn sẽ về họp ở dưới thành.

Được tin này, bọn kiêu binh ở kinh tức thì họp nhau bàn cách chống cự. Rồi họ chia nhau thành các đạo kéo đi. Nhưng đạo phía tây mới kéo ra đến Đại-phùng, đạo phía bắc mới kéo đến cầu Vịnh thì đã bị ngay các tay thô hào địa phương đánh thua. Họ phải bỏ cả khí giới, cố mang vết thương mà chạy về kinh.

Bấy giờ kinh thành chấn động, dân hàng phố kẻ chợ đều dất dứu bồng bế nhau ra ngoài thành chạy trốn.

Đám kiêu binh vừa sợ vừa tức, gọi chúa là giặc. Rồi họ kéo vào trong phủ, lấy hết binh khí, chia cho cơ đội các dinh nắm giữ. Phủ chúa lúc ấy không còn một tác sất nào để tự vệ.

Đêm hôm ấy, kiêu binh bắt được bốn tay nghĩa sĩ lén vào thành; họ liền bí mật đem đến hội sở của họ để tra hỏi. Mấy tay nghĩa sĩ đau quá, khai liệu rằng đêm nay quân ở ngoài sẽ vào đánh úp. Đám kiêu binh cả sợ, bèn bảo nhau phòng bị nghiêm ngặt. Súng nhồi sẵn mìn lửa, gươm tuốt khỏi vỏ, suốt đêm họ hò hét, đi lại rầm rập, kinh thành hầu như sắp vỡ.

Sớm hôm sau, họ đem chém cả bốn nghĩa sĩ, rồi xúm quanh phủ chúa mà trách rằng:

- Nhờ có chúng tôi phò, chúa mới được lên ngôi. Nay chúa lại coi chúng tôi là kẻ thù. Lính Thanh-Nghệ hai trăm năm nay vẫn là nanh vuốt cật ruột của nhà chúa. Bấy giờ chúa lại nổi dậy quân bốn trấn về giết hại lính hai xứ chúng tôi. Tin da dẻ mà ngờ cật ruột, gươm dao cưa để cắt nanh vuốt, kẻ nào bày ra mưu ấy đều là những kẻ bỏ thuốc độc cho chúa. Nếu chúa không mau dụ bốn trấn bãi binh, thì đừng có trách chúng tôi là vô lễ!

Chúa một mực chối là không biết, rồi ngầm sai người bảo các trấn bãi việc ấy đi.

Đám kiêu binh không biết là chúa đã ngầm ra lệnh đình chỉ, nên vẫn còn nghi ngờ. Họ bèn tụ họp nhau, bàn làm chuyện đại nghịch. Hẹn đến canh ba đêm ấy, nổ ba tiếng súng Bảo-Long làm hiệu, rồi cùng kéo vào phủ chúa để hành sự; sẽ lấy hết của cải đồ vật trong phủ chia nhau; sau đó lấy xe kiệu của chúa chở hết các đồ nghi vệ cùng sổ sách đưa đến nội điện, rồi rước hoàng thượng về Thanh Hóa để mưu toan công việc sau này.

Thật là:

*Áo cá hớ hênh nên chẳng quyết,
Lòng hồ cố chấp hoá ngờ nhau.*

Chưa biết việc này ra sao? Xin xem hồi sau phân giải.

Hồi thứ tư

*Nhờ ngoại viện, Hữu Chinh rửa thù thù
Tỏ lòng trung, Trần Quán chết theo chúa*

Lại nói, đám kiêu binh sau khi đã bàn định mưu mô xong, liền kéo nhau đến hỏi Trần Nguyễn Nhung. Nhung vốn quen làm giấy tờ cho đám lính; bèn lập ngay một bản điều ước, cắt đặt rõ người nào làm việc nào, rồi đưa cho họ. Sau đó, Nhung lại tức tốc đem mưu ấy vào báo với chúa. Chúa cả sợ nói:

- Hôm qua ta ngồi ở cung Trung Hoà, có con quạ khoang bay xuống trước sân vừa nhảy nhót vừa nhìn vào ta đến hai ba lần, như có ý muốn mổ. Ta phải sai thị thân lấy giáo ra xua mấy cái, nó mới bay đi. Thấy điềm ấy, bụng ta đã biết chắc là có kẻ dưới đang mưu hại ta. Nay quả nhiên đúng như vậy. Bây giờ người hãy nên vì ta mà giảng giải với họ, cho nó hợp với cái điềm "xua giáo" của ta.

Rồi chúa lại hứa cho Nhung tiền bạc, để Nhung ngầm phá mưu của quân lính.

Nhung là một người nông nổi, được chúa tỏ ý khen thưởng, tin dùng, liền đi khoe ngay với người khác. Quân lính biết mưu của họ đã bị Nhung tiết lộ, bèn lòng bắt, Nhung phải trốn về vùng Thanh Hóa.

Chúa thấy Nhung là kẻ đa tâm lại hay kiếm chuyện, nhân dịp hắn đi trốn, bèn cho làm chức ký lục ở Thuận Hoá.

Sau khi Nhung đi rồi, thì vừa lúc các trấn cũng bãi binh; vì vậy mưu của quân lính cũng thôi nốt.

Bây giờ lại nói về việc Nguyễn Hữu Chinh gióng buồm ra biển vào Tây Sơn trong năm Nhâm Dần (1782).

Áp Tây Sơn thuộc địa phận xứ Quảng Nam (Quảng Nam hồi ấy gồm cả ba tỉnh Nam-Ngãi-Định cũ. Áp Tây Sơn ở vào địa phận tỉnh Bình Định). Xứ này phía bắc giáp Hải Vân, phía nam giáp Gia Định, phía tây giáp Ai Lao, phía đông giáp biển; bờ cõi rộng hàng ngàn dặm.

Ở áp Tây Sơn có người họ Nguyễn tên là Văn Nhạc, tổ tiên nguyên là người Nghệ An.

Khoảng năm Thịnh-Đức (Lê Thần Tông 1653-1657), quân nhà Nguyễn ra đánh Nghệ An, chiếm cứ được bảy huyện phía nam sông Cả, rồi dồn bắt tất cả dân cư đưa về Nam cho sống ở vùng Tây Sơn. Tổ bốn đời của Văn Nhạc, chuyên ấy cũng bị bắt ở trong số đó.

Văn Nhạc trước kia nhà nghèo, nhưng sau nhờ vào việc gá bạc mà gia tư bỗng trở nên giàu có. Nhạc từng làm biện lại ở Vân Đồn, nên người ta vẫn thường gọi là biện Nhạc. Biện Nhạc vì tiêu mất tiền công, bèn trốn vào núi, tụ tập tay chân hơn một trăm người, rồi đi ăn cướp ở các châu ấp. Viên trấn tướng vùng ấy không sao trị nổi.

Từ đó, biện Nhạc tự xưng là chúa Tây Sơn. Một hôm, biện Nhạc tự ngồi vào trong cũi, cho bọn tay chân khiêng đi và loan báo ở dọc đường rằng đã bắt được chúa Tây Sơn tức biện Nhạc, xin đưa đến dinh trấn để trình nộp. Viên trấn tướng mừng lắm, mở cửa cho vào, rồi đem giam ở trong ngục. Đêm ấy, biện Nhạc phá cũi xông ra, cướp lấy thanh gươm của tên lính canh ngục, chém chết tên ấy, phóng lửa đốt luôn dinh trấn, rồi giết nốt viên tướng trấn và chiếm lấy thành (đây là thành Qui Nhơn, do trấn tướng Nguyễn Khắc Tuyên coi giữ. Theo một số tài liệu khác thì Nhạc chỉ là người vào làm nội ứng, bên ngoài lúc ấy đã có Nguyễn Thung cầm đầu một toán quân Tây Sơn ập vào, cùng với Nhạc cướp thành).

Bấy giờ chúa nhà Nguyễn là Nguyễn Phúc Thuận (tức Định vương) còn bé, quan quốc phó của triều đình nhà Nguyễn là Đạt quận công (Trương Phúc Loan) nắm hết quyền chính, làm lắm điều tàn bạo, nên lòng người trong xứ đều lìa tan.

Khi Văn Nhạc nổi loạn, lại mượn một bọn vô lại người phương Bắc (khi Nguyễn Nhạc khởi nghĩa, có hai thương nhân Trung Quốc là Tập Đình và Lý Tài chiêu tập các dân nghèo người Hoa-kiều theo giúp. Lý Tài xưng là Hoà nghĩa quân, Tập Đình xưng là Trung nghĩa quân. Quân của Lý Tài và Tập Đình chiến đấu rất hăng, làm cho bên địch vô cùng sợ hãi. Nhân đó, Nhạc thường chọn nghĩa quân của mình lấy những người cao lớn, cho ăn mặc giống như quân của Lý Tài và Tập Đình, lúc ra trận quân Nguyễn trông thấy bóng đã bỏ chạy. Người phương Bắc nói đây chính là trở vào những người Hoa-kiều đó) giả xưng làm quân cứu viện của Tập đình hầu, để chống với quân nhà Nguyễn. Mấy trận đánh nhau, quân nhà Nguyễn đều không thắng nổi, do đó mà thanh thế của Tây Sơn ngày càng to lớn hơn.

Năm Giáp Ngọ (1774) niên hiệu Cảnh Hưng, thánh tổ Thịnh vương nhân cơ hội đó, mới sai quan đại tư đồ Việp quận công làm Bình Nam thượng tướng, đem quân đóng ở La Hà và phao lên rằng sẽ vào tiếp viện cho chúa Nguyễn. Nhạc thấy vậy liền sai người đem cống một con ngựa hay, một thanh gươm báu, và xin theo về triều đình.

Hồi ấy, xứ Thuận Hoá mới dẹp yên, tướng sĩ đều ngại vất vả, muốn để công việc Tây Sơn sẽ tính toán sau. Do đó quận Việp mới làm tờ khai về trình với Thịnh vương, xin nên nhân dịp ấy mà vỗ về Nhạc. Vương cũng nghe lời, bèn cho Nhạc làm trấn thủ Quảng Nam và phong làm Tuyên úy đại sứ, Cung quốc công. Từ đó, hàng năm Nhạc vẫn dâng lễ cống đều đặn.

Quận Việp thường hay sai Nguyễn Hữu Chỉnh làm sứ giả qua lại với Tây Sơn. Thấy Chỉnh có tài biện luận, Nhạc rất yêu mến. Được ít lâu, Nhạc thấy có điềm rồng vàng, liền cho đóng ngai rồng, lên ngôi vua, tự xưng là thiên vương, đặt niên hiệu là Thái Đức. Triều đình biết vậy, nhưng cũng bỏ đó không hỏi gì đến. Bấy giờ Nhạc đang có ý muốn thôn tính Thuận Hoá, mà vẫn chưa có người để bàn định công việc. Nên khi được Chỉnh chạy vào với mình, Nhạc mừng lắm. Nhưng thực ra, trong lòng vẫn chưa tin. Chỉnh cũng nhận thấy điều đó, liền kể với Nhạc tất cả đầu đuôi câu chuyện của mình, rồi lại tình nguyện gửi vợ con làm con tin, để xin được nương tựa vào xứ sở của Nhạc, Nhạc bằng lòng.

Nhạc vốn đã mến tài của Chỉnh, nên đối với Chỉnh càng ngày càng thân mật, tin cậy. Ngược lại, Chỉnh cũng hết lòng thờ Nhạc, bày kế cho Nhạc đánh chiếm đất đai các nước Chiêm Thành, Xiêm La, Bồn Man. Rồi Chỉnh lại tự mình cầm quân đi tiên phong, xông pha vào những nơi tên đạn, khiến mấy nước lân cận ấy lần lượt đều bị đánh bại. Do đó, ân tình giữa Nhạc với Chỉnh lại càng thêm mặn mà.

Tuy thế, nhưng trong khi ở với Tây Sơn, Chỉnh vẫn hàng ngày mong về nước cũ. Lại nói, triều đình từ khi mất Chỉnh, rất lấy làm lo, thường vẫn chiêu mộ xem ai dụ được Chỉnh trở về thì sẽ trọng thưởng. Một người em rể của Chỉnh xin nhận việc đó. Triều đình liền cấp cho một đạo mật chỉ để người ấy lên đường.

Lúc gặp Chỉnh, người ấy chưa kịp nói gì thì Chỉnh đã hỏi:

- Chú lặn độn trèo đèo lội suối tới đây làm chi? Có phải định làm thuyết khách cho chúa Trịnh không? Chú coi mặt ta, xem từ khi đẻ ra đến giờ đã từng nghe ai xui khôn xui dại chưa, mà chú dám cả gan như vậy?

Người em rể chỉ còn biết cúi đầu nín lặng, không dám nói gì nữa.

Chỉnh lại hỏi tiếp:

- Nhưng thôi được, chú đã ở Bắc vào đây, ắt là biết rõ đầu đuôi sự việc. Vậy chú hãy kể cho ta nghe xem, từ sau khi Huy quận công bị nạn, thì công chúa (chỉ con gái Trịnh Doanh, vợ Huy quận công) và các cậu công tử lưu lạc đi đâu?

Người ấy đáp:

- Khi ấy, công chúa bị Dương thái phi giam vào hậu cung. Còn hai công tử nghe tin có biến thì bỏ chạy về huyện Yên Dũng, dấy quân trả thù, làm chấn động cả vùng Kinh Bắc. Chúa Trịnh sai viên trấn thủ Kinh Bắc là Mãn trung hầu đem quân đi đánh. Quân Mãn trung hầu bày trận ở núi Ba Tầng (nay ở địa phận huyện Việt Yên, Hà Bắc). Các công tử sai viên thủ lệnh Hoàng Tú làm tiền bộ đem quân ra đánh. Hoàng Tú bị chết ngay trước trận. Quân sĩ tan rã. Hai công tử đều bị bắt sống, đóng cũi giải về kinh.

Chỉnh nghe xong, than rằng:

- Tuổi trẻ bông bột, hèn nào không hồng việc! Nhưng cũng là một việc làm vì nghĩa, dầu thất bại mà vẫn về vang...!

Rồi Chinh lại hỏi:

- Thế đưa về kinh rồi sau ra sao?

Người ấy trả lời:

- Triều đình bàn định hai công tử đều đáng tội chết. Chúa nghĩ tình anh em cô cậu, ra ơn cho được tha tội chết. Nhưng lại bị thái phi ngầm sai người đến bắt uống thuốc độc. Có kẻ báo với chúa. Chúa vội sai viên trung sứ đến ngăn lại. Nhưng khi đến nơi thì cậu cả đã bị trúng độc chết rồi. Chỉ còn cậu hai hiện đang bị giam ở ngục cửa Đoài.

Chinh tỏ vẻ ngậm ngùi mà rằng:

- Thương thay! Phá tổ đồ trướng (đời Tam-quốc, Khổng Dung bị Tào Tháo bắt, lúc sắp bị giết chết, có kẻ đến báo hai con của Dung nên trốn đi; hai người đó trả lời: "Tổ võ thì trướng còn toàn vẹn làm sao được"- Câu này dùng theo ý đó)! Người ta có tội tình gì?

Lại hỏi:

- Còn công chúa, từ khi bị giam vào hậu cung thì việc ăn ở ra sao?

Đáp:

- Chúa cũng nghĩ tình cô ruột, không nỡ hành hạ gì cả. Song vì thái phi vẫn có hiềm cũ, nên đã làm cho khổ cực đủ đường. Công chúa vừa đau buồn vừa uất giận, nên đã thành bệnh mà chết rồi!

Chinh thở dài hồi lâu, rồi nói:

- Công chúa chết cũng là phải, sống mà làm gì nữa...!

Lại hỏi:

- Thế còn Đặng Tuyên phi thì thế nào?

Đáp:

- Khi chúa nhỏ bị bỏ, thái phi liền sai người bắt Tuyên phi đến trước mặt mình, kể tội, rồi buộc Tuyên phi phải lạy tạ. Tuyên phi không chịu lạy. Thái phi bèn sai hai thị nữ đứng kèm hai bên, níu tóc Tuyên phi rập đầu xuống đất. Nhưng Tuyên phi vẫn nhất định không chịu lạy, mà cũng không nói nửa lời. Thái phi giận quá, đánh đập một hồi, nhổ nước bọt vào đầu vào mặt, rồi đem giam vào nhà Hộ-Tăng ở vườn sau. Tại đây, Tuyên phi bị làm tình làm tội cực kỳ khổ sở. Một bữa, Tuyên phi lấy áo che mặt, trốn ra khỏi cửa

Tuyên-Vũ, chạy đến bên đò phố Khách thì bị quân lính đuổi kịp. Từ đó, lại càng bị giam giữ chặt chẽ. Năm sau trong nhà tẩm miếu trên lăng Thịnh-Phúc, tự dung bao nhiêu đồ thờ bằng gỗ, bằng vàng hễ động tay vào là nát mủn như bùn. Viên giữ lăng miếu vội vàng gửi thư về kinh trình rõ việc biến. Thái phi cho đòi cô đồng vào hỏi. Cô đồng phán rằng:

"Chúa thượng đã làm trái ý tiên vương; tội bất hiếu có hai điều: Chúa vừa lên ngôi, đã ngờ Đặng thị làm bùa yểm trong tử cung, rồi tự ý cạy mở tử cung, thay đổi quần áo khâm liệm, khiến cho xương ngọc không yên. Đó là một! Đặng thị là người mà tiên vương yêu dấu, bây giờ bị chúa làm cho tử nhục đủ đường, khiến vong linh tiên vương phải áy náy. Đó là hai! Nếu không mau hối lỗi tạ tội, tai biến sẽ còn nhiều nữa!".

Thái phi sợ hãi, lập tức vào nói với chúa. Chúa bèn sai quan tể lễ tạ tội, rồi cho Tuyên phi được trở lại làm cung tần nội thị vào thờ phụng tẩm miếu. Tuyên phi được vào hầu hạ lăng tẩm, đêm ngày chỉ gào khóc xin chết theo tiên vương. Đến ngày giỗ "đại tường" của tiên vương, Tuyên phi bèn uống thuốc độc mà chết. Chúa sai quan trấn thủ Thanh Hóa, theo lễ cung nhân táng Tuyên phi ở cách Vọng-lăng của tiên vương một dặm.

Chỉnh nói:

- Chết được đấy! Ta tưởng Tuyên phi chỉ có nhan sắc, không ngờ lại có tiết liệt như vậy. Nhưng không hiểu vì sao ngôi của Tuyên phi lại bị giáng làm cung tần như thế?

Đáp:

- Bởi vì khi chúa lên ngôi được một năm, người ta lục tờ cổ mệnh của tiên vương, thấy có chữ son của thánh mẫu ngự phê rằng: "Không phải bút rồng của tiên vương, không đủ làm bằng".

Chúa liền giao tờ đó cho triều đình bàn định, bấy giờ quan thiêm sai Phạm Nguyễn Du làm tờ luận về "quốc sách", nói rằng:

"Ngôi của chúa Điện đô với sách mệnh của Tuyên phi cùng tờ cổ mệnh, đều là cái mệnh của tiên vương trong lúc mê lẫn. Nó rất trái lẽ thường, sai đạo lý, không thể cho là phải được. Nay thánh mẫu là mẹ mà đổi lại ý của con thì thật là một việc hết sức chính đáng. Vậy cần phải truy xét về cái tội của những kẻ phụ họa, để làm cho sáng tỏ và nghiêm chỉnh pháp điển của nhà nước!"

Do đó mà Tuyên phi bị truất làm người thường. Rồi Tứ xuyên hầu vì viết tờ thư cổ mệnh, Khanh quận công vì tự tiện viết thay bút rồng, Thiêm sai Nhữ Công Chấn vì tự tiện thảo tờ sách mệnh phong Tuyên phi, xuất nạp Thuỳ trung hầu vì sao những tờ sách mệnh ấy đưa ra chính phủ... đều phải bãi chức về làm dân thường. Đặng thị sau này lại phải giáng làm cung tần, cũng là vì có đó.

Lại hỏi:

- Ngoài mấy việc ấy, còn chuyện báo ơn báo oán gì khác nữa không?

Đáp:

- Chúa mới lên ngôi hôm trước, hôm sau liền hạ lệnh rằng, tất cả mọi người đều được khoan dung, chỉ riêng những kẻ tổ giặc việc năm Canh tý thì không được tha. Vì vậy những kẻ này lần lượt đều bị bắt và bị làm tội hết thảy. Duy Ngô Thì Nhậm không biết trốn đi đâu. Những kẻ phải chết về vụ án Canh tý gồm có Tuân sinh hầu, Khê trung hầu và chồng dì Sáu, về sau đều được truy tặng tước vương và lập đàn chay để làm lễ cầu siêu, giải oan cho họ.

Chỉnh nói:

- Bãi bỏ mệnh của cha giữa triều đình, phô bày lỗi của cha với cả nước; đó là việc đại bất hiếu!

Lại hỏi:

- Tham tụng, bồi tụng bây giờ là những ai?

Đáp:

- Chúa mới lập nên, Tứ xuyên hầu liền bị bãi chức; quan bồi tụng Bùi Huy Bích lên thay chân và được phong làm Kế liệt hầu. Nay Kế liệt hầu vẫn một mình giữ ngôi tham tụng. Còn bọn Trương Đăng Quỳ, Mai Thế Uông, và Trần Công Thước được thay nhau làm bồi tụng. Đó đều là những bậc tai mắt nắm quyền chính hiện giờ.

Hỏi tiếp:

- Từ bấy đến nay, còn có điềm lành, điềm gở gì không?

Đáp:

- Điềm lành không thấy, chỉ có điềm gở thì nhiều: ngày rằm tháng một năm Nhâm Dần (1782), ở trong cung bỗng dội ra một tiếng rất to, rền vang đến hơn một khắc, làm rung chuyển cả trời đất. Không hiểu là tiếng gì?

Chỉnh nói:

- Đó là tiếng trống trời.

Người ấy kể tiếp:

- Năm Quý Mão (1783), núi vua Hùng tự nhiên sụt xuống hơn hai chục thước. Tháng sáu năm ấy, con sông Thiên-Đức (tức sông Đuống) cạn hẳn một ngày một đêm. Năm Giáp Thìn (1784), giữa đêm mừng một tháng mười, trong hồ Thủy-Quân (tức hồ Hoàn Kiếm)

thình lình có tiếng phát ra như sấm, nước hồ sủi lên sùng sục, sớm mai bao nhiêu tôm cá đều chết sạch. Cũng trong năm ấy, trên các cây cối trong phủ chúa, thường có hàng vạn con quạ ở đâu kéo đến, bay lượn lao xao, ngày đêm kêu gào quang quác. Rồi ở quãng bờ thành phía ngoài cửa các cửa phủ đường, bỗng dựng cũng sực xuống hơn mười trượng. Đó là những sự lạ to lớn, ai ai cũng biết. Còn những chuyện lật vật, thì không sao kể hết được.

Chỉnh chất lưỡng luôn mấy cái, rồi hỏi đến tình trạng bọn kiêu binh. Người ấy cứ theo sự thực kể lại hết đầu đuôi. Chỉnh xem chừng câu chuyện đã cạn, bèn sai nhà bếp làm cơm rượu, thết đãi cho người ấy ăn uống thật no say. Sau đó, Chỉnh mới căn vặn người ấy rằng vào đây để làm gì?

Người ấy thưa:

- Đương trung hầu thấy tôi với quan lớn có tình bà con, nên mới tâu với chúa, xin giáng chỉ sai tôi đến đây khuyên quan lớn về triều, cho khỏi mất công danh phú quý.

Chỉnh cười mà rằng:

- Chú là đứa ngu, ta thực không thềm chấp. Song ta chỉ ghét cái đứa sai chú đến đây dám khinh nhờn ta. Vậy ta kết quả tính mạng cho chú; nếu có oan ức thì cứ xuống âm phủ mà kiện cái đứa đã sai chú ấy!

Rồi Chỉnh hạ lệnh cho tay chân lôi luôn người ấy ra chém chết.

Nhạc thấy Chỉnh chém thuyết khách, lại càng thân cận tin yêu hơn.

Qua năm Bính ngọ (1786), khoảng cuối mùa xuân, đại tướng Thuận Hoá là Tạo quận công (tức Phạm Ngô Cầu) sai viên thuộc hiệu đội Dực-Hữu là Dương lĩnh bá Nguyễn Phú Như vào Tây Sơn nói về công việc biên giới của hai xứ.

Phu Như với Chỉnh vốn là chỗ quen biết, liền nói với Chỉnh những lẽ có thể lấy được Thuận Hoá. Rồi Như lại cho Chỉnh biết rằng hai xứ Thanh-Nghệ và cả bốn trấn hiện đang bị đói lớn, dân chúng đều ta oán kêu khổ, dân với lính chẳng ưa gì nhau, tình thế không thể lâu bền; nếu lấy được Thuận Hoá, thì việc dẹp yên thiên hạ không khó gì nữa!

Do đó, Chỉnh mới quyết định mưu kế về nước. Luôn bữa ấy, Chỉnh vào hầu Nhạc, bày cách thức lấy đất Thuận Hoá, và xin điều động binh tướng đánh chiếm ngay lấy Phú Xuân.

Nhạc theo lời, liền sai người em ruột là thượng công Nguyễn Văn Bình (tức Nguyễn Huệ), đốc xuất các quân thủy bộ; lại sai dũng tướng Võ Văn Nhậm (Võ Văn Nhậm vốn là tiết chế của họ Nguyễn, bị Tây Sơn đánh thua ở trận Gia Định, toan tự tử, sau nghe Nguyễn Huệ dụ hàng, Nhậm bèn theo Tây Sơn từ đó, rồi được Nhạc gả con gái cho) làm

tả quân đô đốc, Nguyễn Hữu Chỉnh làm hữu quân đô đốc, cùng theo hiệu lệnh của Bình, đến ngày 28 tháng tư thì kéo quân lên đường, tiến thẳng về phía thành Phú Xuân.

Lại nói, từ năm Giáp-Ngọ (1774), Thuận Hoá thuộc về bờ cõi nước ta (đứng về phía Lê-Trịnh ở Đàng ngoài mà nói. Năm 1774 quân Trịnh hạ được thành Phú Xuân), thành Phú Xuân trở nên chỗ đầu cùng của miền biên giới và là một thị trấn rất xung yếu. Bởi thế, triều đình mới để ba ngàn quân đóng đồn và ba vạn quân thay phiên canh phòng; lại cử một viên đại tướng, một viên phó tướng, cùng với một viên đốc thị, một viên phó đốc thị trông nom công việc đó. Các nơi trọng yếu từ đèo Hải Vân trở ra đều có lập đồn đóng quân. Rồi lấy dân địa phương để bổ sung thêm quân lính. Khai khẩn đất hoang để tăng thêm lương thực. Mở mang việc lưu thông trao đổi hàng hoá. Khai thác các nguồn lợi trên rừng dưới biển. Lấy việc thi cử để kén chọn người tài. Dùng danh vị, tước lộc để thu phục lòng người... Cách không chế, cai trị thật không còn thiếu sót điều gì. Chỉ đáng tiếc là viên đại tướng Tào quận công đứng đầu xứ đó lại là một người nhu nhược, chỉ quen lấy miệng lưỡi chống chế người, còn đến khi gặp việc quan trọng xảy ra thì lại không có tài năng đối phó kịp thời. Trước kia, viên đốc thị Nguyễn Lệnh Tân cứ mỗi lần nhắc đến việc phải gấp rút đánh lấy Tây Sơn, thì lại bị quận Tào gạt đi. Lệnh Tân bèn tâu về triều rằng: "Quận Tào là kẻ nhút nhát, ít mưu cơ, Thuận Hoá chắc chắn sẽ mất ở tay ông ta; xin hãy bãi chức ông ta và nhắc phó tướng lên làm đại tướng, hoạ may xứ này mới có thể giữ vững được". Chúa (Trịnh Sâm) nghĩ rằng Thuận Hoá là xứ vừa mới dẹp yên, lại thích tính ôn hoà, thận trọng của quận Tào, bèn bãi chức đốc thị của Lệnh Tân và cho người khác làm thay.

Bấy giờ bầy nhấm Lê Quý Đôn khảo cứu những sách ký về đất khởi nghĩa Tây Sơn, nói với chúa rằng: "Tây Sơn có đất thiên tử, đến mười hai năm nữa thì sức mạnh của họ sẽ không ai chống nổi. Đại tướng Thuận Hoá e không phải là tay đối địch được với họ. Xin chúa hãy lưu ý". Nhưng chúa cũng chỉ cho là lời nói quá đáng, không để ý gì mấy.

Rồi đó, bờ cõi không có chuyện gì, Nam-Bắc đều yên ổn, Thuận Hoá đang là một miền thái bình, vui vẻ.

Đến tháng tư năm Bính-Ngọ (1786), bỗng có chiếc thuyền buôn của người khách phương Bắc đi tới. Người khách vào ra mắt quận Tào, rồi giờ thuật tướng số ra nói rằng: "Hậu vận của ngài rất tốt, phúc lộc không thể kể xiết. Có điều hiện nay ngài đang gặp phải năm xung tháng hạn, cần đề phòng bệnh tật xảy ra. Mùa hè này ngài nên lập đàn mà cầu cúng thì tốt!".

Quận Tào tin lời, tức thì sai lập đàn chay rất lớn, cúng luôn bảy ngày bảy đêm. Quân lính phải phục dịch liên tục hết đêm này sang ngày khác rất là vất vả.

Thình lình thấy có tin báo bộ binh của địch đã lấy mất đồn Hải Vân, tướng giữ Hải Vân là Quyền Trung hầu (tức là Hoàng Nghĩa Hò) bị chết trong khi đánh nhau; hiện nay các đạo thuỷ binh của địch đang theo đường biển kéo ra, chỉ sớm tối sẽ đến đây. Quận Tào hốt hoảng về thành, không biết nên làm thế nào. Các quân lính vì suốt mấy hôm hầu hạ

đàn chay đang mỗi mội, thốt nghe tin có địch, ai nấy đều không còn hồn vía. Quận Tào vội cho người đi tìm người khách, thì đã mất tăm không thấy đâu nữa. Bấy giờ, quận Tào mới biết hẳn là thám tử của địch, đến bày mưu để đánh lừa mình.

Nguyễn Hữu Chinh khi ở Tây Sơn vốn đã biết quận Tào là người nhút nhát mà đa nghi, dụ hàng chưa chắc Tào đã tin. Chinh bèn viết một bức thư cho phó tướng Thê quận công (tức Hoàng Đình Thê) đại ý nói rằng: quân Tây Sơn tinh nhuệ lắm, không thể địch nổi. Quận Thê với Chinh xưa đều là thuộc hạ của quận Huy, nếu nay Thê chịu đem thành Phú Xuân ra hàng thì Chinh sẽ bảo đảm cho được giàu sang toàn vẹn. Rồi Chinh lấy sáp bọc kín (xưa các thư từ bí mật đều bọc sáp ong), và mật sai người cố ý đưa làm phong thư ấy vào dinh đại tướng Tào quận công. Quận Tào nhận được thư đâm ra nghi ngờ, sợ hãi, ngầm cố ý muốn hàng Tây Sơn, bèn tìm luôn bức thư đi.

Chẳng bao lâu, đại binh Tây Sơn kéo đến. Đại tướng và phó tướng bèn cùng nhau bàn cách chống cự.

Nguyên thành Phú Xuân ở ngay bờ sông, từ mặt nước dưới dòng sông lên chân thành, chiều cao khoảng độ hơn hai trượng. Lúc ấy thuyền Tây Sơn ở dưới sông bắn ngược lên, vì vậy không tới mặt thành. Trong thành, người ta đóng chặt các cửa, rồi dốc tất cả quân sĩ ở trên bắn xuống. Bộ binh của Tây Sơn phải lui cả vào trong thuyền. Trên thành bắn theo, thuyền của Tây Sơn bị chìm một chiếc. Nhờ vậy, tinh thần quân lính trong thành đã hăng hái lên được một chút. Chẳng dè, đêm ấy thủy triều lên to, nước sông tràn ngập khắp chân thành. Quân Tây Sơn thừa dịp thả thuyền tiến sát vào, bắn thẳng lên thành, rồi cho bộ binh vây chặt cửa thành.

Quận Tào tự mình chỉ huy các toán quân giữ cổng thành; rồi sai phó tướng quận Thê cùng các thuộc tướng là bọn Kiên kim hầu (tức Vũ Tá Kiên) ra ngoài thành đón đánh. Hai người con trai quận Thê đều làm quan võ, cũng theo cha ra đánh, cả toán dựa lưng vào bờ thành mà bày trận. Đánh nhau được hơn một canh, tên đạn đều hết, quận Thê cử người vào thành xin thêm. Quận Tào ngồi trên lầu thành, sai người đóng cửa chặn lại mà cự rằng: "Cơ nào đội ấy, ngoài việc cấp lương khẩu phần, đạn dược cũng đều có cả rồi, giờ lại còn vào đòi hỏi ai?" Quận Thê giận lắm, liền bảo với các tướng:

- Quận Tào phản rồi! Để ta phá cửa thành vào chặt lấy đầu thằng giặc già trước đã, rồi sau sẽ ra đánh.

Đoạn ngoảnh lại nói với các con:

- Chúng bay hãy đứng phía trước cản địch, ta vào một lát sẽ quay ra.

Rồi quận Thê co đầu voi quay vào. Voi vừa lùi lại, thế trận tức thì rối loạn, quân Tây Sơn thừa cơ sấn đến. Hai con quận Thê phóng ngựa ra trận, múa đao chém chết chừng vài trăm người. Quân địch kéo đến càng đông hơn, họ xông vào chém chân ngựa của hai

người. Ngựa quy, hai người lại hoa đao đánh bộ, giết thêm vài chục người nữa, rồi bị thương nặng và cùng đuối sức, bèn gọi cha ra cứu.

Quận Thê vội quay voi đến cứu, thì hai người đã bị chém chết ở trước trận. Liên đó, Kiên kim hầu cũng bị giết chết.

Quận Thê thu quân, toan bày trận khác, nhưng ngoảnh đầu nom lên thành thì đã thấy kéo cờ trắng rồi.

Tên quân tượng của quận Thê hốt hoảng, bỏ voi nhảy xuống đất chạy trốn. Quân địch đuổi theo voi mà bắn. Quận Thê chết ngay trên bàn voi.

Đại tướng Tạo quận công truyền mở cổng thành, xe quan tài ra hàng (tỏ ý xin ra chịu chết). Bình thả quân vào thành, chém giết bừa phứa. Đốc thị Nguyễn Trọng Đương chết trong trận đó. Còn bao nhiêu lính tráng trong thành chạy trốn ra ngoài, đều bị thổ dân giết sạch. Trong trận đánh này, mấy vạn mạng tướng sĩ đóng ở thành Phú Xuân đều không còn sống sót lấy một mống.

Chiếm xong Phú Xuân, Bình nhân đà thắng kéo quân ra lấy luôn đồn Động Hải. Tướng giữ đồn là Vị phái hầu cùng hiệp trấn là Ninh Tôn mới trông thấy bóng quân Tây Sơn đã chạy trốn. Thế là mất hết cả đất Thuận Hoá. Bấy giờ là ngày 14 tháng 5 năm Bính Ngọ niên hiệu Cảnh Hưng (1786).

Sau khi hoàn toàn lấy được Thuận Hoá rồi, Bình bèn họp các tướng bàn việc sửa lại địa giới La Hà; đồng thời sai làm tờ "lộ bố" (thư báo tin thắng trận) báo tin thắng trận về cho chúa Tây Sơn.

Lúc ấy, Chinh nói với Bình rằng:

- Ngài vâng mệnh ra lấy Thuận Hoá, đánh một trận mà xong, oai danh lừng lẫy khắp thiên hạ. Phép dùng binh có ba điều cốt yếu, một là "thời", hai là "thế", ba là "cơ"; ba điều ấy đều có cả thì đánh đâu cũng thắng. Nay ở Bắc Hà, tướng lười binh kiêu, triều đình không còn kỷ cương gì cả, ta thừa thế mà đánh lấy, như trong sách đã nói: "Chiếm nước yếu, đánh nước ngu, lấy nước loạn, lấn nước suy vong". Cơ và thời ấy không nên bỏ lỡ!

Bình đáp:

- Bắc Hà là một nước lớn, có nhiều người tài. Lời xưa có nói: "Con ong có nọc", há có thể khinh thường được ư?

Chinh nói:

- Người tài ở Bắc Hà chỉ có một Chinh này mà thôi. Nay tôi đã đi rồi, ấy là cái nước rộng không, xin ngài chớ nghi ngại!

Bình vốn khéo dùng ngôn ngữ để bẻ người, liền đùa rằng:

- Không nghi ngại người nào khác, chả hoá ra chỉ có ông là đáng nghi ngại thôi ư?

Chỉnh tái mặt mà tạ rằng:

- Sở dĩ tôi tự nêu lên cái ngu hèn của mình như thế, chẳng qua cũng chỉ để nói quá rằng nước tôi tuyệt nhiên không có người tài đó mà thôi! (Ý Chỉnh muốn nói chừa, ngoài Bắc chỉ có Chỉnh là tài mà Chỉnh cũng chỉ xoàng như vậy thì quả là ngoài Bắc không còn có người tài nữa)

Bình lại an ủi mấy câu, rồi tiếp:

- Một nước đã trải bốn trăm năm, nay bỗng chốc mình đến cướp lấy, người ta sẽ gọi đạo quân ấy là đạo quân gì?

Chỉnh đáp:

- Nước tôi có vua lại có chúa, đó là một việc hết sức trái ngược xưa nay. Chúa Trịnh tiếng rằng phò Lê, thực ra chỉ là ăn hiếp thiên tử. Người trong nước vốn không phục. Trước đây các bậc anh hùng mỗi khi nổi dậy, chưa từng có ai không lấy danh nghĩa phò Lê. Nhưng số họ Trịnh chưa hết, nên công việc của những người ấy đều không thành. Nay xét ở trong "địa ký" của họ Trịnh có câu: "Chẳng để chẳng bá, quyền nghiêng thiên hạ, truyền được tám đời, trong nhà dấy vạ". Mà tính từ Thái vương đến Tĩnh vương [địa ký: sách ghi lời dự đoán trước về thế đất để mã. Thái vương là Trịnh Kiểm; Tĩnh vương là Trịnh Sâm. Tương truyền Trịnh Kiểm lúc nhỏ nhà nghèo, thường ăn trộm gà hàng xóm để nuôi mẹ, ai cũng ghét. Họ bèn ném mẹ Kiểm xuống vực sâu ở làng. Qua một đêm, chỗ vực sâu ấy bỗng biến thành một gò đất. Sau có một thầy địa lý đi qua gò đất, đọc bốn câu rằng: Phi để phi bá, quyền khuynh thiên hạ, tộ truyền bát đại, tiêu tường khởi hoạ (nghĩa như trên). Câu "tộ truyền bát đại" có bản chép "truyền nhị bách niên" (truyền hai trăm năm)] thì đã đủ số tám đời rồi. Nếu ngài lấy có "diệt Trịnh phò Lê" mà kéo quân ra, thiên hạ không ai là không hưởng ứng. Đó chính là cái công không mấy đời có vậy!

Bình nói:

- Đó là việc rất hay! Nhưng nay ta vâng mệnh đi đánh Thuận Hoá, không phải vâng mệnh đi đánh nước người. Tự ý thay đổi mệnh lệnh của nhà vua như thế thì ra làm sao?

Chỉnh đáp:

- Trong kinh Xuân Thu có nói: "Thay đổi nhỏ mà công lao lớn, ấy là có công!" Như thế thì thay đổi cũng có ngại gì đâu? Huống hồ, ngài há chẳng nghe nói câu "tướng ở ngoài, mệnh vua có khi không cần phải theo" đấy ư?

Bình là một người thông minh, quyết đoán, được lời Chinh nói trúng với ý mình, tức thì nghe theo ngay. Bình sai Chinh đem đội quân tuyển phong, vượt vào cửa biển Đại An, đánh lấy kho lương Vị Hoàng (xã Vị Hoàng, sau là tỉnh lỵ Nam Định) trước; còn tự mình thì dẫn thủy binh theo sau, lại hẹn với Chinh hễ đến được Vị Hoàng thì phải đốt lửa lên làm hiệu.

Bố trí xong rồi, Chinh liền cầm quân đi trước. Lúc ngang qua mấy trấn Nghệ An, Thanh Hóa, Chinh sai nhiều toán du binh, mỗi toán chừng vài trăm người, chia ngả đi đánh các đồn để phô trương thanh thế.

Trấn thủ Nghệ An là Đương trung hầu, trấn thủ Thanh Hóa là Thủy trung hầu (tức Bùi Thế Toại và Tạ Danh Thủy) đều bỏ thành mà chạy.

Ngày mồng sáu tháng sáu năm ấy (1786) Chinh tới Vị Hoàng. Quân ở trong đồn mới trông thấy bóng quân Chinh đã bỏ trốn. Hơn một trăm vạn học lương ở đây đều bị Chinh chiếm gọn. Sau đó, Chinh bèn đốt lửa báo tin.

Bình thấy hiệu lửa, lập tức dẫn hơn một ngàn chiếc thuyền theo đường biển đi ra. Dân chúng Nghệ An lên núi, trông bóng lâu thuyền (loại chiến thuyền hạng lớn, khoang thuyền có lầu cao) cùng cờ quạt ngoài biển đều ngậm ngùi than: "Công rắn cắn gà nhà, hấn ta thật có tội. Song cũng là một việc không mấy đời có!"

Chinh ở Vị Hoàng hợp với quân của Bình, thanh thế rất lớn. Bảy giờ trong nước, những kẻ hai lòng thường hay lui tới dinh quân của Chinh, đem hết tình hình nước nhà mà kể với địch. Còn như tình hình quân địch ra sao, thì triều đình lại không hề hay biết gì hết.

Khi Phú Xuân bị vỡ, tin từ biên giới báo về kinh, những người dự bàn đều nói: Thuận Hoá vốn không phải là bờ cõi của triều đình, tiên triều hao phí bao nhiêu của cải trong nước mới lấy được xứ ấy, rồi lại phải đem quân đóng giữ, rốt cuộc chẳng có ích gì. Ngày nay mất đi cũng là một cái may. Bây giờ chỉ nên bàn tính việc đóng đồn ở trấn Nghệ An và định rõ cương giới cũ mà thôi. Ta lấy sự mất Thuận Hoá làm may, ắt họ phải lấy sự lán đất của ta làm điều đáng ngại. Như vậy hấn là ta không phải lo gì nữa.

Thế là kẻ trên người dưới, ai nấy đều yên lòng. Chợt nghe tin Nghệ An bị vỡ, quân địch sắp sửa đến nơi; triều đình bấy giờ mới hốt hoảng, bèn sai Thái đình hầu (tức Trịnh Tự Quyền) làm thống lĩnh, đem 27 cơ lính vào Nghệ An chống nhau với quân địch, Thái đình hầu lĩnh mệnh đã hơn mười ngày, mà sửa soạn vẫn chưa xong. Kịp đến khi rời thành được nửa ngày, thì quân địch đã tới Vị Hoàng. Bấy giờ triều đình lại sai luôn Thái đình hầu xuống giữ ở vùng Sơn Nam; và phái thêm Liễn trung hầu Đinh Tích Nhưỡng đốc lĩnh đường thủy, dẫn các đội thuyền Tả-vệ, Hữu-vệ, Ngũ-hầu, Ngũ-thiện, Ngũ-trung cùng với Thái đình hầu thủy bộ đều tiến.

Hồi ấy Nhưõng đang đánh nhau với bọn thủy khấu (bọn cướp trên sông, biển) ở vùng Hải Dương; đến lúc này, bọn thủy khấu đã hợp cả với quân Nam, vì vậy triều đình liền sai luôn Nhưõng về đánh giữ mặt Nam.

Nhưõng là danh tướng ở vùng Hàm Giang, vốn là con nhà dòng dõi, triều đình đem hết công việc thủy chiến giao phó cả cho Nhưõng.

Các thuyền quân của Nhưõng kéo đến đóng ở cửa Luộc [cửa Luộc, chỗ sông Luộc chảy vào sông Hồng Hà giáp liền với huyện Tiên Lữ (Hưng Yên) và huyện Hưng Nhân (Thái Bình)], cầm cự với quân Tây Sơn. Bấy giờ gió đông nam thổi rất dữ, quân Tây Sơn ở hạ lưu cho năm chiếc thuyền làm tiền bộ tuyền phong, giương buồm ngược dòng tiến lên, còn đại quân thì từ từ tiến theo sau. Nhưõng thấy những thuyền tuyền phong của địch xông đến, tức thì đem chiến thuyền chặn ngang sông, dàn thành thế trận hình chữ "nhất"; rồi truyền quân lính nạp súng Bảo-lân, bắn sang thuyền địch. Bắn phát đầu, thuyền địch đứng yên không động. Nhưõng truyền bắn phát thứ hai, các buồm của thuyền địch đều cuốn lại. Quân bên Nhưõng mừng rỡ, cho là bên địch có ý sợ. Nhưõng lại sai bắn luôn ba phát nữa. Lúc ấy bên địch mới bắn trả một phát súng lớn, tiếng nổ như sấm, đạn bay lên cây cỏ thụ bên bờ, làm cho thân cây bị gãy làm hai đoạn.

Bấy giờ Trưởng trung hầu (tức Đỗ Thế Dận) và viên đốc đồng Nguyễn Huy Bình đều một mình bỏ trốn. Quân của Thái đình hầu đóng ở cửa Kim Động [thuộc Hưng Yên (Hải Hưng)] cũng tự vỡ mà chạy.

Khi ấy, thư báo tin thua trận tới tấp đưa về kinh, các quan văn võ trong triều ai nấy chỉ cuống lên lo thu xếp chỗ nương náu cho vợ con, lo cất giấu của cải, không một ai dám ra nhận lấy việc đánh nhau với quân Tây Sơn.

Chúa thấy tham tụng Bùi Huy Bích ở ngôi tể tướng lâu ngày mà chẳng làm được việc gì, đến lúc này lại không có mưu kế gì để chống địch, trong lòng đã chán ghét. Rồi nhân những người xung quanh lại công kích Bích rất gay gắt, chúa bèn bãi chức tể tướng của Bích và cử ra trận đốc chiến.

Tể tướng đi rồi, lòng người càng nôn nao. Chúa bèn đòi Công Thước (Trần Công Thước, sau đổi là Công Xán) vào phủ, mật bàn xem nên đánh lui địch hay nên tránh địch. Công Thước thưa:

- Giặc kéo quân vào sâu xứ lạ, đó là điều mà trong binh pháp rất kỵ. Nên dủ cho chúng tới gần nữa, rồi đánh một trận mà tiêu diệt hết, đó cũng là cái thuật kỳ diệu trong phép dùng binh. Vả lại, kinh sư là cái gốc của thiên hạ, rời bỏ thì sẽ đi đâu? Chẳng những thế, nếu kiêu chúa lật đật ra ngoài thành, tất lòng người sẽ phải lìa tan, ấy là đem nước mà trao cho giặc vậy. Bấy giờ chỉ nên xin thái phi và cả sáu cung hãy tạm lánh ra ngoài thành mà thôi.

Chúa nghe theo lời Thước. Lại tự nghĩ rằng, trong hàng võ tướng chỉ có Thạc quận công là tay lão tướng có thể trông cậy được, bèn sai người ra trấn Sơn Tây tức tốc triệu ông ta về triều.

Được lệnh, quận Thạc liền đem ngay năm trăm quân nghĩa dũng về cứu kinh thành. Thấy quận Thạc về, lòng người cũng hơi vững. Khi quận Thạc vào ra mắt, chúa nói:

- Ông bỏ quả nhân hay sao? Bây giờ thế nước như vậy thì làm thế nào?

Quận Thạc khóc mà rằng:

- Thần chịu ơn dày của nhà nước, thế không cùng sống với giặc. Cha con thần tất cả còn có chín người, nếu phải dựa lưng vào thành mà quyết một trận tử chiến, thần xin cầm roi mà theo dưới chân chúa, chúa không lo gì hết!

Chúa bèn bỏ ra năm ngàn lạng bạc, giao cho quận Thạc để chi về việc binh. Thạc lập tức ra lo liệu việc quân, một ngày gọi được hơn một ngàn thủ hạ, toàn là những tên quân hết sức tinh nhuệ. Rồi theo lệnh chúa, quận Thạc tiến quân ra đóng ở hồ Vạn Xuân (tức đầm Vạn Phúc ở làng Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, Hà Đông, nay là ngoại thành Hà Nội).

Bấy giờ gió đông nam đang mạnh, đường thủy trở nên rất xung yếu. Sau khi các đội thuyền của Liễu trung hầu đã bị đánh bại, quân địch chiếm được cả một dải đất yên ổn chạy dài theo ven sông, rồi thuận đường kéo thẳng lên kinh kỳ. Tông sai cả bốn hiệu lính thủy đốc hết quân xuống ngăn địch ở cửa Thủy ái (Cửa Thủy ái nằm ở địa phận bãi Thủy ái, Thanh Trì, Hà Đông, nay thuộc ngoại thành Hà Nội).

Thuyền địch đến bến Nam Dư (cũng thuộc Thanh Trì, Hà Đông, nay thuộc ngoại thành Hà Nội), tức thì bỏ thuyền nhảy lên bộ, đánh úp vào đám lính thủy ở cửa Thủy ái. Trước đó, thủy binh ở đây nghe tin quân địch còn xa, nên không phòng bị gì hết, cứ cột thuyền lại rồi lên bờ đi tản mát, linh tinh ở các bãi sông. Khi quân địch thành lĩnh kéo đến, thủy binh không kịp lên thuyền, bao nhiêu thuyền bè đều bị địch chiếm hết cả. Cả đội duy có viên tiểu tướng họ Ngô (tức Ngô Cảnh Hoàn, theo Cương mục, Hoàn có người thiếp yêu là Phan Thị Thuần rất trẻ, đẹp. Sau khi Hoàn chết, nàng cứ nhờ nhờ may sắm quần áo và trang điểm như không có chuyện gì, mọi người chê cười cũng mặc. Đến hết giỗ 100 ngày, bấy giờ nàng mới trang điểm đẹp đẽ, bơi thuyền đến chỗ chồng chết mà tự tử. Nhân dân địa phương bèn lập đền thờ, khen là người con gái tiết liệt) là dám vác dao đứng ở đầu thuyền, đánh nhau với địch. Được chừng hơn một khắc, quân Tây Sơn dùng súng lớn bắn vào đầu thuyền, viên tiểu tướng ấy trúng đạn chết tại chỗ. Quân địch bèn kéo ùa lên bộ, xông vào trận của quận Thạc. Quân lính của quận Thạc khi ấy đang ăn cơm, chợt thấy địch ập tới, ai nấy bỏ cả khí giới mà chạy (theo Cương mục, lúc ấy có Mai Thế Pháp dám một mình vác dao ra chặn đường quân Tây Sơn, nhưng giết được mười người thì bị vây chặt, phải nhảy xuống sông tự tử). Quân Tây Sơn từ hai phía tả hữu cùng đánh dồn lại, chém

giết quân của quận Thạc toi bời, thầy chết nằm ngổn ngang khắp bãi. Những kẻ nhảy xuống hồ Vạn Xuân mà chết, cũng không biết bao nhiêu mà kể.

Quận Thạc chỉ còn hơn mười thủ hạ và tám người con. Bọn họ đều xúm quanh chân voi của quận Thạc, tựa vào voi mà chống cự lại quân Tây Sơn. Sáu người con của quận Thạc ra sức chiến đấu, chết ở trước voi. Quận Thạc liền sai quân tượng cho voi quỳ xuống, rồi ông ta nhảy xuống đất cùng hai người con cướp đường mà chạy tháo thân.

Thủy binh của Tây Sơn tiến thẳng đến bến Tây Long. Chúa thân hành ra ngự trên lầu Ngũ-long bày trận. Chia thành năm đạo quân: hiệu Tả-bộ giữ mặt Đông Long, hiệu Hữu-bộ giữ mặt Tây Hồ, hiệu Tiền-bộ giữ mặt cửa thành Tiền Lâu, hiệu Hậu-bộ giữ mặt Hậu Lâu, cạnh bờ hồ Thủy-quân, còn hai hiệu Nhưng, Kiệu ở trung quân để hộ giá.

Quân Tây Sơn từ bãi sông tiến vào, chúa ở trên lầu sai nổi hiệu trống trận, hiệu Tiền-bộ liền nổ súng bắn ra. Bắn được một hồi lâu, quân địch khom mình vừa tránh đạn vừa xông vào. Chúa bèn mặc đồ trận, xuống lầu, trèo lên mình voi, cầm cờ đỏ chỉ ba cái, vẫy ba cái, rồi sai thúc trống làm hiệu cho quân lính tiến về phía trước. Quân lính nghe trống giục, trông theo lá cờ liềm mạng tiến lên. Bên địch dùng "hoả hổ" (tên một thứ ống phun lửa của Tây Sơn) phun lửa bừa vào, quân lính nhà chúa đều sợ mất mật, bỏ cả khí giới ở bờ sông mà chạy thục mạng.

Chúa thấy quân lính tan tác, ngoảnh nhìn quanh mình, đã không còn một người nào; nhưng quân Tây Sơn không biết đó là chúa, hồi hả tranh nhau xông vào phủ chúa, không ai lại gần chân voi. Chúa vội cởi bỏ quần áo trận, đội khăn chữ đinh, tụt xuống ngồi núp trong ngăn hòm da ở mé sau bành voi, rồi co đầu voi quay về phủ. Khi qua cửa Tuyên Vũ, thì thấy tiền binh của địch chừng vài chục người đã vào lọt trong phủ và đang kéo cờ ở phía ngoài phủ; chúa liền quay voi men theo bờ hồ Minh Đường, nhằm phía cửa ô Yên Hoa (tức là ô Yên Phụ, Hà Nội bây giờ) mà chạy.

Bấy giờ Bình đã vào thành [Nguyễn Huệ vào Thăng Long ngày 26 tháng 6 năm Bính-ngọ (1786)], hạ lệnh nghiêm cấm quân sĩ không được cướp bóc của dân, rồi Bình vào phủ chúa nghỉ ngơi.

Mấy viên cận thần và các thân binh biết chúa chạy về phía tây, bèn lục tục chạy theo. Tới ngoài cửa thành, hãy còn có chín thớt voi hơn mười con ngựa và hơn ngàn người. Lúc qua địa phận Từ Liêm, dân quê thấy bóng gươm giáo, ngỡ là địch đến, vội dắt nhau chạy. Quan quân trông đằng xa thấy dân chạy tưởng là địch, quá nửa số người vứt bỏ cả khí giới mà trốn. Đến huyện Yên Lãng, thì có người con trai Nguyễn Thường là Nguyễn Noãn, quê ở làng Vân Điềm, huyện Đông Ngàn, vốn là gia thần của chúa, đón chúa ở dọc đường quỳ xuống mép đường bên trái mà thưa rằng:

- Ngày trước tôi vâng mệnh chúa đi mộ quân, hiện đã mộ được năm trăm tên, đang chờ ở phía bờ bắc sông này. Xin chúa hãy ngự giá sang phía bắc, tới làng tôi đóng tạm để lo tính công việc về sau.

Chúa bèn sai gọi đò để sang sông. Bao nhiêu chèo ở bến đò mỗi người lần đi mỗi ngả. Tìm mãi mới được ba chiếc thuyền nhỏ, mỗi chiếc chỉ chở được khoảng 13, 14 người. Chúa vội lên thuyền, chỉ có năm sáu viên quan hoạn trẻ tuổi và Noãn đi theo. Còn bao nhiêu quan quân và voi ngựa đều phải ở lại: khi nhìn thấy chúa đã sang đến bờ bên kia, thì họ cũng bảo nhau trốn chạy tan tác.

Chúa lên bờ, không thấy một tên quân nào, vội hỏi Noãn thì Noãn đáp:

- Lính tráng hiện ở làng tôi, xin chúa hãy quá bộ đi dần lên phía trước, làng tôi cách đây cũng không xa.

Chúa có ý hỏi bị Noãn làm lỡ việc, lại sợ đi nữa chưa chắc giữa đường có được yên lành hay không. Bấy giờ quanh mình chẳng có ai đáng tin; chúa nghĩ rằng chỉ có những bậc văn thần tiến sĩ là có thể trông cậy được, bèn hỏi Noãn:

- Những thôn ấp gần đây có viên tiến sĩ nào không?

Noãn thưa:

- Ở đây thì chẳng có ai là tiến sĩ. Chỉ có viên thiêm sai tri lại phiên Lý Trần Quán, trước kia phụng mệnh đi chiêu dụ nhân dân, vẫn đóng tạm tại làng Hạ Lôi, nhưng không biết hiện giờ có còn ở đó nữa không?

Chúa nói:

- Người hãy thử đi hỏi xem. Nếu còn thì nên bảo kín tình trạng này để cho viên ấy biết mà lo liệu giúp ta.

Noãn vâng mệnh, đi tới ra mắt Lý Trần Quán kể rõ đầu đuôi, rồi nói:

- Tôi trước vâng mệnh về quê mộ quân, hiện nay đã mộ được một số, đang đợi ở địa giới huyện tôi. Quan lớn hãy liệu cách nào mượn tạm lấy ít binh lính, khí giới hộ vệ cho chúa tới đó, thế là yên ổn.

Quán có người quen là viên tuần huyện Trang (tức Nguyễn Trang) ở làng Hạ Lôi. Trang vốn là một tên tướng cướp, thuở trước đã có học với Quán. Bấy giờ Quán trú ở Hạ Lôi cũng là nhờ có Trang che chở. Nghe Noãn nói thế, Quán bèn cho gọi Trang vào bảo:

- Hiện có quan tham tụng là Kế liệt hầu tránh loạn đến đây, muốn phiên anh hộ tống ra khỏi địa phận.

Trang xin vâng.

Quán liền cùng Trang theo Noãn đến yết kiến chúa.

Nguyên lúc Quán ở chính phủ chỉ là một viên quan nhỏ, chưa từng được thấy mặt chúa, mà chúa cũng chưa hề biết Quán bao giờ. Khi ấy, chợt thấy Quán đến, chúa bèn ngoảnh lại hỏi mấy viên thị thần:

- Đó là người nào?

Bọn thị thần đáp:

- Đó là Lý Trần Quán!

Chúa đang nhún nhường chưa biết nên nói câu gì. Quán khi được tiếp kiến cũng tỏ ra hết sức cung kính, điệu bộ rụt rè, khúm núm. Vô tình chúa và tôi đều lộ rõ chân tướng. Hồi lâu, chúa mới nói tâm sự với Quán.

Quán chỉ vào Trang thưa:

- Tôi có tên này, vốn là học trò cũ của tôi, việc đó hẳn rất có thể đảm đương được.

Rồi Quán quay sang bảo Trang:

- Anh phải cẩn thận hộ vệ quan lớn ra khỏi địa giới đây nhé!

Trang thưa: "Dạ!".

Quán bèn từ biệt chúa, trở về nhà riêng. Còn Trang thì đem theo năm mươi thủ hạ đi hộ vệ chúa. Lúc đi qua một ngôi nhà mà Quán đã từng ở, Trang giữ chúa lại trong một căn buồng bỏ không và hỏi:

- Ông có phải là Đoan nam vương thì cứ nói thực với tôi. Nếu không, rồi xảy ra việc gì, ông đừng có trách!

Chúa mới đầu còn định giấu giếm, bèn đáp:

- Sao anh lại đoán xằng như vậy? Ta chỉ là quan tham tụng Bùi Huy Bích mà thôi!

Trang nói:

- Ông chớ nói dối người ta. Cái bộ điệu che đậy của chúa tôi nhà ông lúc này tôi đã thấy cả rồi, còn che mắt ai được nữa? Từ xưa đến nay, hung phé là việc thường, ông cũng không thể tránh khỏi, đừng có làm gì nữa cho thêm nhọc mình!

Rồi Trang đưa chúa về nhà. Chúa giận lắm, đổi sắc mặt mà nói:

- Vua chúa phải có mệnh trời. Chính thật đại nguyên soái Đao nam vương là tao đây! Nếu có chết về tay người trong nước thì cũng là mệnh trời. Tha hồ cho mày làm gì thì làm!

Trang bèn sai người đi báo tin cho quân Tây Sơn. Hết thấy những kẻ đi theo chúa đều bị bắt giữ.

Quán nghe tin có việc biến, thân hành đến tận chỗ chúa, rập đầu xuống đất mà nói:

- Làm lầm chúa đến nông nỗi này, là do tội của tôi cả!

Tông đáp:

- Người ta ai có bụng nấy, khanh có can dự gì?

Quán lui trở ra, bảo Trang:

- Chúa là chúa chung của thiên hạ. Mà ta lại là thầy anh. Vua tôi là nghĩa lớn, sao anh nỡ làm như thế?

Trang đáp:

- Quan lớn không bảo tôi trước, khiến tôi trót lầm đến gặp chúa. Nếu chúa trốn thoát ở tay tôi, rồi nữa quân Nam đến hỏi tội tôi, liệu quan lớn có thể biện bạch hộ được không? Sợ thầy chưa bằng sợ giặc, yêu chúa chưa bằng yêu thân mình, tôi không để quan lớn làm cho lầm lỡ đâu!

Tiếp đó, Trang bức Quán phải trở về nhà, rồi quát thủ hạ dìu chúa về kinh đô.

Quán tới lạy chúa, vừa khóc vừa kêu gào rằng:

- Ôi trời ơi! Tôi giết chúa tôi rồi, trời có hay chăng?

Chúa an ủi:

- Tấm lòng trung thành của khanh, "cô" (lời khiêm xưng của vua chúa đời xưa) đã biết rồi đừng nên tự oán mình như thế!

Quán muốn nèo chúa ở lại chút nữa, nhưng chưa kịp nói thì chúa đã bị Trang đẩy đi rồi. Đi đến giữa đường, Trang dẫn chúa vào tạm nghỉ trong một cái quán. Chúa vớ được con dao con của nhà hàng, đưa lên đâm ngay vào cổ mình. Trang trông thấy vội giăng lấy dao. Mũi dao đâm vào huyệt còn nông, nên vết thương ở cổ cũng nhỏ. Chúa bèn dùng ngón tay chọc vào vết thương xé cho rách thêm ra, nhưng cũng bị Trang ngăn chặn. Một chốc, chúa thấy trong bụng nôn nao, buồn bực, đòi uống nước lạnh. Trang sai người lấy nước cho chúa. Chúa bụng nước uống xong thì chết liền. Trang đưa thi hài chúa đến kinh. Quân Tây Sơn mừng lắm, đem phơi xác chúa ra ngoài cửa Tuyên Vũ để cho thiên hạ cùng biết.

Sau đó, sai khâm liệm chúa đúng theo lễ vua chúa, rồi dùng kiệu rông đưa ra chôn ở lăng Cung quốc công (nơi chôn Trịnh Cán).

Còn Trang, được phong làm Tráng nghĩa hầu thêm chức trấn thủ Sơn Tây. Hôm ấy nhằm ngày 27 tháng 6 quận công năm Bính-ngọ (1786) (theo Trịnh thị thế gia, thì ngoài Trang còn có Nguyễn Noãn tức Ba Đóm cũng tham dự vào việc bắt Tông. Nhưng lúc Noãn đòi thưởng công thì Nguyễn Huệ cho là kẻ bất nghĩa và sai đem chém ngay).

Ở Hạ Lôi, Lý Trần Quán sau lúc từ biệt chúa, liền quay về nhà trọ, nói với chủ nhà rằng:

- Bề tôi mà làm lầm vua, tội thật đáng chết! Nếu ta không chết, không lấy gì tỏ được lòng này với trời đất. Vậy hãy sắm cho ta một cỗ quan tài, mười vuông vải trắng, để ta làm theo cái chí của ta.

Chủ nhà hết sức khuyên giải, Quán vẫn không nghe, nói rằng:

- Ta đã muốn chết, tự khắc còn có những cách khác, nhà ngươi không thể ngăn nổi đâu. Nếu quả là yêu mến ta, thì cứ để mặc ta làm gì thì làm.

Qua hai ngày sau, Quán càng phần uất, bồn chồn. Chủ nhà ngăn Quán chẳng được, biết lòng trung của Quán không thể lay chuyển, đành phải sắm sửa đầy đủ các thứ theo như lời Quán đã bảo.

Quán sai đào huyệt ở ngay vườn sau nơi nhà mình ở đặt sẵn chiếc quan tài xuống đó. Lại lấy vải trắng xé ra làm một chiếc khăn đội đầu và một chiếc dây lưng. Sau đó, đội mũ mặc áo chỉnh tề, hướng về phía nam lạy hai lạy. Lạy xong, lại bỏ mũ, lấy khăn trắng chít lên đầu, lấy dải lưng trắng thắt ngang lưng; rồi nằm vào trong quan tài, bảo chủ nhà đập nắp lại.

Tấm ván vừa đặt lên, bỗng Quán ở trong áo quan nói vọng ra:

- Hãy còn thiếu một câu nữa, phải nói hết cái đã. Chủ nhà lại mở nắp ra, Quán liền đọc hai câu rằng:

Tam niên chi hiếu dĩ hoàn,

Thập phần chi trung vị tận

(nghĩa là: Đạo hiếu ba năm đã trọn, Chử trung mười phần chưa xong).

Rồi Quán bảo với chủ nhà:

- Phiền ông đem câu ấy dặn lại con ta, bảo nó sau này dán ở nhà thờ mà thờ ta.

Nói xong câu ấy, lại tiếp luôn:

- Đa tạ ông chủ, ta vĩnh biệt ông từ đây nhé!

Chủ nhà và năm sáu tên đầy tớ cùng sụp xuống lạy chào ở trước quan tài, rồi đập nắp và lấp đất lên. Hôm ấy là ngày 29 tháng 6, năm Bính ngọ (1786) sau khi chúa chết hai ngày.

Quán người làng Vân Canh, huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766); tính nết giản dị, chất phác và rất hiếu thảo. Trong khi chịu tang mẹ, Quán ở nhà mồ luôn ba năm liền; miệng không ăn thịt cá, thân thể gầy rạc, chỉ còn da bọc xương. Quán thường tự nói: "Ta nay đã bốn chục tuổi đầu, nhưng những việc đã làm trong quãng đời vừa qua của ta, chỉ có ba năm chịu tang này là gần với đạo làm người". Bởi Quán cư xử không có điều gì đáng phàn nàn như vậy, nên khi sắp chết, Quán mới có lời tự hứa (nghĩa là tự cho rằng mình có điều đáng khen. ở đây chỉ vào câu "Tam niên chi hiếu dĩ hoàn", ý nói mình đã tận hiếu với cha mẹ) như thế

Sau khi Quán mất, thiên hạ ai cũng thương chúa và kính trọng Quán là bậc nghĩa khí. Rồi nhân đó truy nguyên đến kẻ gây ra tai họa, không ai là không oán Chính. Chính cũng cảm thấy điều ấy.

Chính có một người quen là Đỗ Thế Long, quê ở làng Hoảng Liệt, huyện Thanh Trì, vốn là một kẻ giáo hoạt. Hồi Chính nợ tiền công bị bỏ ngục, Long vì có khác phải tội, cũng cùng ở tù với Chính. Long làm các bài từ khúc bằng chữ nôm rất giỏi, so với Chính cũng không kém gì. Kịp đến khi Chính ở Tây Sơn ra, Long vẫn còn bị giam. Chính tới kinh, tức thì sai người thả Long ra, và đãi Long làm bậc khách quý. Mỗi lần có việc nước, Chính đều hỏi han Long. Long biết điều gì, không bao giờ không nói. Đã nói, không bao giờ Chính không theo.

Đến lúc này thấy chúa chết, Chính bèn nói với Long rằng:

- Chúa không tin bụng ta, nên mới đến nỗi tự huỷ hoại đời mình. Nếu chúa còn sống, hẳn ta cũng đặt vào một địa vị thanh nhàn không để đến nỗi phải mất danh lộc.

Long nghe lời lẽ của Chính, thấy Chính đối với chúa cũng có tình, bỗng nhiên Long nảy ra cái ý muốn lập lại họ Trịnh. Rồi nhân ý của Chính, Long bèn xoay chuyển thêm để cho đúng với cơ mưu của mình.

Thật là:

*Ác độc than người tàn phá trướng,
Ngây thơ cười kẻ giữ gìn con*

Chưa biết việc này ra sao? Xin xem hồi sau phân giải.

Hồi thứ năm

Phò chính thống, thượng công vào điện

Kết duyên lành, công chúa ra xe.

Lại nói, Đỗ Thế Long nghe lời lẽ Chính có ý hậu với chúa, bèn nhân đó nói với Chính rằng:

- Việc ông đã làm, tiếng làm nhân nghĩa, nhưng xét rõ ra thì lại là tàn hại! Ngày nay ông có cái thế nghiêng non lật biển, quả thật là nhờ vào sự giúp đỡ của quý quốc (chỉ Tây Sơn). Nhưng khi ông mới xuất thân, nào cầm quân, nào phong hầu, thử hỏi có cái gì không phải là ơn của nhà chúa? Chuyến này ông lấy tiếng "phù Lê, diệt Trịnh" để kéo quân ra, thật là quá lắm! Nếu bảo nhà chúa hiệp chế nhà vua là việc có lỗi, thì sao lại không nghĩ đến cái công tôn phò hai trăm năm trời? Theo người mới mà phản người cũ là bất nghĩa; bớ lỗi làm để lấp công lao là bất nhân. Đã bất nghĩa, bất nhân tức là tàn hại. Kẻ đại trượng phu lập thân, có thể tự mình đứng vào địa vị tàn hại được ư?

Chính nghe nói, sắc mặt tái mét, lặng đi hồi lâu mới đáp:

- Gây dựng là ơn riêng của một người, cương thường là nghĩa lớn của thiên hạ. Tôi làm cái việc tôn phò ấy, là cốt để chống đỡ cho nên cương thường. Đó là một việc nhân nghĩa vô cùng lớn lao, vậy mà ông lại cho là tàn hại, chẳng phải là ông nói nhau quá tệ ư? Nếu tôi không nghĩ sai, thì chắc là ông nói quá lời đấy!

Long nói:

- Nhà vua vốn đã tôn quý sẵn rồi, cần gì đợi ông tôn phò nữa? Chẳng qua ông cũng chỉ mượn có ấy để làm cho trôi cái mưu cướp bóc đó thôi. Nhưng mà, nhà nước đang như chiếc âu vàng lành lặn, bỗng dung vô cớ ông đưa người ngoài đến đây, làm hại chủ súy, làm hại nhân dân; người trong thiên hạ nhất định sẽ còn cho ông là beo, sói, điều quạ. Bảo là tàn hại cũng chưa phải là quá đáng. Nay ông dựa vào thế lực nước ngoài, cũng giống như cáo mượn oai hùm. E rằng lòng người còn nhớ họ Trịnh, chắc sẽ có ngày sinh biến. Và lại, mai đây người ta bỏ ông mà về; bấy giờ ông lấy cái thân cõn con để cõng cái tội tày trời, làm sao mà đứng vững được với thiên hạ?

Chính giận nghiến răng lại, nhưng vẫn còn làm ra vẻ mặt tươi cười mà rằng:

- Vậy thì ông bạn của giống beo, sói, điều, quạ nên làm thế nào bây giờ?

Long đáp:

- Ông ra chuyên này, chẳng qua muốn vì ngài trấn thủ trước (chỉ quận Huy) mà trả thù bọn kiêu binh. Nay kiêu binh đã diệt, ấy là chí ông đã thoả. Nếu ông có thể nhanh chóng xoay lại đường lối đã định, khéo điều đình với quý quốc, khiến cho họ mãn nguyện mà rút quân về rồi ông ở lại, chọn trong tôn thất họ Trịnh lấy một người khá, lập nên làm chúa, còn ông thì sẽ làm phụ chính. Đó thực là cái công không mấy đời có vậy!

Chỉnh nói:

- Đúng! Nhưng để tôi nghĩ xem đã. Bây giờ ông hãy về nhà, đi tìm người nào đáng nói, rồi liệu mà sửa lời nói cho khéo, đợi lúc người ta thích nghe, thì ông có thể dùng lời nói mà làm cho mình được vẻ vang đấy!

Long ra khỏi, Chỉnh bảo với mọi người chung quanh:

- Rồng [nghĩa của chữ "long" (tên Đỗ Thế Long)] thì phải đưa xuống nước, không nên cho ở trên cạn để nó làm mê hoặc thiên hạ.

Rồi Chỉnh sai người chặn bắt Long ở ngoài cửa, trói lại, đem ra đìm xuống giữa dòng sông Nhĩ-hà.

Lại nói, nguyên soái Tây Sơn ngay từ lúc mới đến Vị hoàng, đã làm tởn nói rõ về ý tôn phò và đã sai người bí mật dâng lên nhà vua. Người ngoài cũng nghe phong thanh chuyện đó. Nhưng phân đông đều cho rằng lòng giặc khó lường, lời nói suông chưa thể tin được. Bởi vậy, khi ấy quan, quân, lại, sĩ ở kinh thành ai cũng tranh nhau mà chạy trốn. Người nào còn bận việc quan hoặc còn đang mắc cỡ gì khác, chưa kịp ra ngoài thành thì đến ngày 26, cũng hốt hoảng đeo bọc mang hòm chuồn ra nốt.

Nhân lúc rối ren, dân chúng ở xung quanh kinh thành tha hồ rủ nhau đón đường cướp bóc. Ngựa xe, của nả của các họ hàng nhà chúa và của các đại thần, đại phu đều bị họ lấy sạch, không biết bao nhiêu người chỉ còn trơ chiếc mình không mà chạy.

Còn bọn kiêu binh, sau khi tan vỡ đều phải chạy trốn đi các nơi. Nhưng chúng đến đâu cũng bị dân quê kẻ tội kiêu ngạo lộng quyền ngày trước và làm cho nhục nhã đủ đường, không có ai chứa chấp.

Bữa ấy, có một người cởi trần tròng trọc cũng ở trong thành chạy ra, khi qua cửa ô bị dân chúng trông thấy, họ liền chỉ mặt mà nói:

- Thằng bụng phệ kia chẳng phải lính Nhung, Kiệu (Nhung và Kiệu là tên của hai cơ lính trong hàng ngũ kiêu binh hồi bấy giờ) là gì, lôi cổ nó lại mà đánh chết đi!

Người ấy vội đáp:

- Không phải, ta là huyện úy huyện Thọ Xương đây!

Mọi người cùng cười mà rằng:

- Người ta thường nói "bụng to như bụng ông huyện", thật không sai!

Người ấy cũng cười rồi đi.

Ngày hôm đó lính Thanh-Nghệ dắt díu nhau về quê, bị đói khát ở dọc đường, lại chết thêm đến hàng trăm tên.

Riêng có chi phái nhà vua, các gia thần nội điện, các lính tráng nội điện, cùng dân chúng ở phố phường quanh điện, thì vẫn yên ổn như cũ.

Đến ngày kinh đô bị mất, Bình vào thành, việc trước tiên là sai tỳ tướng đem một đội quân vây giữ cung điện. Lúc ấy hoàng thượng đang ốm, các hoàng tử đều hầu hạ ở trong điện. Thấy sân điện có quân lính đứng vây kín như bức tường, ngỡ là địch đến bức bách nhà vua, ai nấy vội vàng nâng hoàng thượng dậy, định đi ra vườn Tam Sơn ở mé sau điện mà trốn. Chợt thấy có viên tỳ tướng quì giữa sân, hai tay nâng tờ tâu lên trán để tiến dâng; gia thần nội điện vội chạy ra đón lấy và đem dâng vua xem. Trong tờ tâu, đại ý trước nói những lời thăm hỏi sức khỏe nhà vua, sau xin ngày khác sẽ vào ra mắt. Hoàng thượng xem xong tờ tâu, bấy giờ trong lòng mới yên.

Tinh mơ sớm hôm sau, Bình và Chính cùng vào điện Vạn Thọ để ra mắt nhà vua. Quan hầu vào tâu, hoàng thượng đang ở trong điện, sai người vén màn lên, đưa Bình vào hầu ở sập ngự. Bình sụp xuống đất lạy năm lạy và rập đầu vái ba vái. Hoàng thượng sai hoàng tử nâng Bình dậy, và mời đến ngồi vào một chiếc sập khác ở bên trái sập ngự. Bình nhún nhường không dám ngồi. Hoàng thượng phải hai ba lần dụ, Bình mới ngồi ghé vào một góc chiếu cuối sập, một chân bỏ thõng xuống đất.

Hoàng thượng uly lạo hết sức ôn tồn. Bình nói:

- Thần vốn là một kẻ hèn mọn ở đất Tây Sơn, gặp thời nổi dậy, chưa từng được mặc áo của bệ hạ, ăn lộc của bệ hạ. Nhưng vì thánh đức của bệ hạ tràn đi xa rộng, nên thần tuy ở chốn mọi rợ mà cũng vẫn một lòng kính mến. Ngày nay được thấy mặt rồng, cũng là bởi tấm lòng chí thành như hoa quì (Bình muốn nói: lòng luôn luôn hướng về nhà vua như hoa quì luôn luôn hướng về mặt trời) của thần xui khiến ra vậy. Và lại, cũng vì họ Trịnh vô lễ, lấn ép nhà vua đã lâu, cho nên hoàng thiên mới mượn tay thần diệt trừ họ Trịnh, để tỏ oai quyền của bệ hạ. May được thành công như thế này, thực cũng là nhờ phúc lớn của bệ hạ đưa đến. Nay thần chỉ cầu mong thánh thể khỏe mạnh, coi trị thiên hạ, cho thần được hưởng nhờ chút phúc thừa.

Hoàng thượng đáp:

- Đa tạ ông có lòng quá hậu đối với quả nhân, trèo đèo vượt suối từ xa đến đây, thật là vất vả cho tôi tớ ngựa xe. Hiềm nỗi quả nhân ở ngôi thanh bạch giản dị, không có gì để biếu tặng.

Bình nói:

- Thần vì nghĩa tôn phò mà đến đây, đâu dám kể công lao. Vả chăng, chuyến này thần ra cũng là bởi ý trời, không phải sức người làm được. Nếu bảo là thần có hậu tình riêng với bệ hạ mà kéo quân ra, thì đành rằng quân lính, thuyền bè, thần có thể điều khiển được, nhưng đến chuyện nước lụt rút xuống, gió nổi mạnh lên, há phải sức thần làm nổi? Đó thực là mệnh trời muốn bệ hạ thống nhất bờ cõi, để lưu lại nền móng cho ức vạn năm sau. Từ nay thần xin bệ hạ sắp đặt giường mỗi, yên kẻ trong, nuôi kẻ ngoài, để đưa cõi đời này lên cảnh thái bình. Ấy là thần được ban tặng nhiều lắm vậy!

Rồi Bình ngoảnh về phía Chính nói:

- Kia là bè tôi cũ của bệ hạ đấy!

Chính liền ra trước sập ngự lạy chào.

Hoàng thượng phán cho Chính ngồi.

Bình lại nói:

- Ông này đội ơn tước lộc của bệ hạ tưởng chưa nhiều lắm. Vậy mà tâm lòng trung thành của ông ấy đối với bệ hạ, thật là có một không hai trong nước Nam. Thần được đến đây cũng chính là nhờ vào công sức giúp đỡ của ông ấy một phần lớn.

Hoàng thượng nói:

- Chính biết trung nghĩa như vậy cũng là do ông gây dựng cho.

Chính rạp đầu rằng:

- Thật đúng như lời dạy của thánh thượng.

Hoàng thượng vỗ về, an ủi hồi lâu nữa, rồi Bình cáo từ mà rằng:

- Hiện giờ thánh thể không được khoẻ lắm, ứng tiếp mãi e rằng sẽ mỏi mệt. Thần xin tạm lui về nơi đóng quân. Từ nay về sau, thỉnh thoảng thần lại xin vào châu. Nếu bệ hạ còn muốn hỏi han điều gì, thần xin cung kính đợi chờ thánh chỉ.

Hoàng thượng nói:

- Quả nhân có nước mà không được tham dự, khoanh tay rủ áo đã hơn bốn mươi năm. Nay lại già lẫn, việc nước việc quân đều không quen thạo. Ông đã có lòng tôn phò, thì hãy nên ở lại tề quốc để giúp quả nhân, xin đừng ruồng bỏ!

Bình đáp:

- Thần chỉ vâng mệnh vua anh đi lấy Thuận Hoá; nay đã trót ra đây cũng là việc nhân tiện mà làm, thần không dám ở lâu. Tuy nhiên, vì bốn phương còn rối loạn, nên thần cũng phải đánh dẹp một phen cho yên đã rồi mới xin về.

Hoàng thượng sai trà đồng pha chè thết Bình. Bình ung dung uống chè, rồi lui ra. Chỉnh cũng ra theo.

Trong lúc ngồi châu, Chỉnh nhận thấy các quan tản mát chẳng ra sao: Gia thần của hoàng thượng thì không có người nào ứng đối nên lời. Còn về hoàng thân, chỉ có Thanh nguyên hầu Lê Duy Thiệu, áng sơn hầu Lê Duy Phục, mà cũng đều là những kẻ tầm thường. Xem chừng không còn ra triều đình nữa. Về hàng quan văn, chỉ còn hai người là Lê Duy Tân và Lê Duy Chiêu thì lại đều là những kẻ lêu lổng ở Trường An, vì cùng khôn quá không cần phải trốn, mới vào nương nhờ trong nội điện, rồi nhân có Thanh nguyên hầu tiến dẫn, nên được hoàng thượng dùng để coi về việc giấy má. Đối với hai người này, bụng Chỉnh cũng đều không ưa. Chỉnh tự nghĩ: "Gần đây, những triều thần có tham dự chính sự và hàng ngày mình cũng đã biết, thì chỉ có Tứ xuyên hầu Phan Lê Phiên, Kiến xuyên hầu Trương Đăng Quĩ, Thao đường hầu Ưng Sĩ Lãng (còn có tên là Ưng Sĩ Diển), Luyện đường hầu Trần Công Thước, Thiêm sai Nhữ Công Điền, Hoàn quận công Nguyễn Hoàn, cả thảy sáu người". Chỉnh bèn tâu xin hoàng thượng ban sắc gọi đến. Hoàng thượng lập tức cho đi vời ngay mấy người ấy vào triều.

Phan Lê Phiên và Nhữ Công Điền bị cách chức, ở nhà đã lâu. Nguyễn Hoàn, Trương Đăng Quĩ, Ưng Sĩ Lãng và Trần Công Thước đều ra lánh nạn binh đao ở ngoài thành. Khi có chỉ nhà vua đòi, các viên ấy đều vâng mệnh tới kinh, riêng Nhữ Công Điền lấy có mắc bệnh điên để từ chối.

Ưng Sĩ Lãng thấy chiếu vua đòi, ngỡ có sự quở trách gì, trước khi vào châu, vội đem chiếc ấn bộ Binh mà Lãng vẫn giữ, nộp cho Chỉnh để xin hàng. Nhưng Chỉnh trả lại ấn và bảo cứ ra. Thế là từ đó, các viên ấy ngày ngày lui tới triều đình để bàn việc nước. Những viên quan khác nghe tin, cũng đều lục tục đến kinh. Hoàng thượng liền truyền cho tất cả các viên quan trong triều đều phải tùy công việc mà giao thiệp với Bình.

Bình tự nghĩ rằng mình ở nước ngoài xa xôi mới đến, chưa am hiểu phong tục tập quán của xứ này; cho nên công việc giao thiệp với các quan trong triều, Bình đều nhất nhất nghe theo Chỉnh.

Một hôm Chỉnh nói với Bình rằng:

- Ngài lấy danh nghĩa tôn phò nhất thống mà ra đây thiên hạ ai cũng mong ngóng. Nhưng danh phải đi đôi với thực. Muốn cho nhất thống, thì những việc quân việc nước đều phải do hoàng thượng quyết định, đó mới là cái thực của sự phò tôn. Ngài nên làm cái gì cho rõ sự thực ấy đi. Hôm nọ, ngài vào ra mắt hoàng thượng ở điện Vạn Thọ, mới chỉ là việc gặp gỡ riêng, chưa được tỏ rõ với thiên hạ. Nay ngài nên chọn ngày lành, cử hành lễ châu yết cho thiên hạ đều biết. Như thế mới là việc quang minh chính đại.

Bình lấy làm phải, bèn chọn ngày mùng 7 tháng bảy.

Đến ngày, Bình xin hoàng thượng mở cuộc đại triều ở điện Kính Thiên, các quan đều theo thứ tự đứng hầu. Bình tự dẫn các tướng sĩ theo cửa Đoan-môn đi vào. Sau khi đã lạy năm lạy và rập đầu vái ba vái, Bình dâng lên tờ tâu nói về công diệt họ Trịnh, cùng các sổ sách quân, dân để hoàng thượng sai quan coi giữ.

Hoàng thượng nhận lễ triều yết xong, truyền đưa tiễn Bình ra khỏi cửa điện, rồi bãi triều.

Hôm sau, hoàng thượng sai quan đem tờ chiếu đến tận chỗ đóng quân của Bình, phong cho Bình làm nguyên soái phù chính dực vũ, Uy quốc công.

Bình làm lễ bái mạng nhận phong xong, liền sai sứ vào triều tạ ơn, rất là chu đáo. Nhưng sau đó, Bình bảo riêng với Chính rằng:

- Ta đem mấy vạn quân ra đây, chỉ đánh một trận mà dẹp yên được cả thiên hạ. Một thước đất, một người dân của nước Nam, không có cái gì không thuộc quyền sở hữu của ta. Ví phỏng ta muốn xưng đế, xưng vương, gì mà chẳng được. Sở dĩ ta nhường nhịn không ở những ngôi ấy, là hậu đãi nhà Lê đó thôi! Cái chức nguyên soái, quốc công, với ta có thêm được gì đâu? Phải chăng là nước Nam dùng cái danh hão ấy để lung lạc ta? Nếu ta không nhận thì e hoàng thượng bảo ta là kiêu căng. Song nhận mà không nói gì, thì người trong nước lại bảo ta là mọi rợ. Nên nhân tiện nói chuyện, thì ta cũng nói cho rõ mà thôi!

Chính biết ý Bình không bằng lòng, bèn bịa ra lời riêng của hoàng thượng rồi vờ tiết lộ với Bình rằng:

- Hoàng thượng đã có ý bảo riêng với tôi rằng: nhà vua đơn bạc, không có vật gì đáng tặng. Vẫn biết những cái danh tước nhỏ mọn, không đủ làm cho ngài sang thêm. Song vì tục lệ trong nước vốn chuộng lễ nghĩa, nên cũng gọi là tỏ chút lòng thành của hoàng thượng kính ngài mà thôi. Bản ý của hoàng thượng vẫn cho rằng mình đã cao tuổi, sợ sau khi ngài về, không thể nương tựa vào ai, nên người muốn nối liền tình thân hai họ, để cho hai nước đời đời kết tình thông gia giao hảo với nhau. Nhưng vì chưa hiểu ý ngài thế nào, nên hoàng thượng vẫn còn trù trù chưa dám nói rõ.

Bình đáp:

- Xưa nay những kẻ chinh phu xa nhà, tình khuê phòng rất là cần thiết. Hoàng thượng cũng xét đến chỗ ấy kia à? Ủ! Em vua nước Tây, làm rể hoàng đế nước Nam, "môn đương hộ đối" như thế, tưởng cũng không mấy người đã có được.

Mọi người ngồi quanh Bình đều cười.

Bình lại tiếp:

- Nhưng nói đùa đó thôi! ý nghĩ ấy của hoàng thượng thật là mưu kế già giặn. Người muốn cho hai nước hoà hiếu với nhau đấy mà.

Chỉnh biết là Bình bằng lòng, bèn vào tâu với hoàng thượng, kể hết đầu đuôi như vậy, rồi lại hỏi xem con cái hoàng thượng hiện còn mấy công chúa chưa gả chồng.

Nguyên trong số những người con gái đẻ sau của hoàng thượng, còn có đến năm, sáu nàng công chúa chưa chồng. Nhưng chỉ riêng có một nàng tên chữ gọi Ngọc Hân, là người có sắc đẹp và nét na hơn cả. Hoàng thượng rất yêu quý Ngọc Hân, thường ngày vẫn nói: "Con bé này ngày sau nên gả làm vương phi, không nên gả cho hạng phò mã tầm thường!" Lúc ấy nghe lời Chỉnh nói, hoàng thượng trong bụng cũng ưng, bèn bảo Chỉnh:

- Con gái chưa chồng của trẫm còn nhiều, nhưng chỉ có mình Ngọc Hân là có chút nhan sắc. Tuy vậy, thói thường yêu con vẫn hay thiên lệch, chưa biết ở mắt người ngoài thì ra sao. Người hãy ở đây, để trẫm đòi cả ra cho mà coi qua, rồi tùy người lựa xem người nào xứng đáng thì giúp cho thành việc đi!

Rồi hoàng thượng sai viên quan đứng hầu đi gọi các công chúa. Một lát, tất cả các cô con gái chưa chồng của hoàng thượng đều ra hầu ở trước ngự toạ. Chỉnh liếc nhìn một lượt, rồi nói:

- Được rồi! Mọi nhân duyên tốt lành này, thần xin làm mối, mười phần chắc xong cả mười.

Rồi Chỉnh về nói với Bình:

- Câu chuyện riêng hôm qua tôi nói với ngài, nay tôi đã vào tâu với hoàng thượng, Người vui mừng mà bảo tôi rằng: Nếu đã được ngài bằng lòng cho như thế, âu cũng là duyên trời run rủi. Hiện hoàng thượng có nàng công chúa thứ chín, tuổi vừa đôi tám, xin cho nương bóng nhà sau, hầu hạ khăn lược, để cho hai nước thành thông gia, đời đời hoà hiếu với nhau.

Bình nói đùa rằng:

- Vì đẹp loạn mà ra, để rồi lấy vợ mà về; bọn trẻ nó cười cho thì sao. Tuy nhiên, ta mới chỉ quen gái Nam Hà, chưa biết con gái Bắc Hà, nay cũng nên thử một chuyện xem có tốt không?

Những người cùng ngồi với Bình đều cười âm.

Chỉnh ra về, Bình lại nói thêm:

- Tôi xin kính lạy dưới bệ hoàng thượng vạn tuế! Ở nơi khe núi hẻo lánh xa xôi tới đây, há dám đường đột như vậy? Bây giờ may sao được bám vào cành vàng lá ngọc, thật là một mối duyên kỳ ngộ ngàn năm mới có. Kể ở khe núi này xiết bao mừng rỡ.

Chỉnh vào điện tâu lại với hoàng thượng. Hoàng thượng bèn gả công chúa Ngọc Hân cho Bình.

Bình chọn ngày mùng mười tháng ấy, sắm sẵn hai trăm lạng vàng, hai ngàn lạng bạc, hai chục tấm đoạn màu, bày biện gươm giáo cờ quạt; rồi sai viên thị lang bộ Hình đem các thứ lễ vật đó cùng một tờ tâu vào điện Vạn Thọ.

Hoàng thượng cho hoàng tử là Sùng nhượng công ra đó nhận lễ vật, làm lễ cáo ở nhà Thái Miếu, định ngày hôm sau thì đưa dâu. Rồi hoàng thượng lại truyền cho các hoàng thân, hoàng phi, công chúa và các quan văn võ, ai nấy đều phải sửa soạn ngựa xe, sớm hôm đó đợi ở cửa điện, để đưa công chúa về phủ của Bình.

Sáng sớm hôm sau, Bình lại sai quan đem một tờ tâu vào triều, xin cho làm lễ nghênh hôn. Một mặt, Bình khiến quân lính đứng sắp hàng ở hai bên đường, từ cửa điện đến cửa phủ. Trai gái trong kinh nghe tin, rủ nhau đi xem đông như ngày hội. Ai cũng cho là việc hiếm có xưa nay. Khi xe của công chúa tới cửa phủ, Bình ngồi kiệu rồng vàng ra đón, hết thấy mọi thứ lễ nghi đều theo đúng như lệ thường ở các nhà. Sau khi công chúa vào cung, Bình sai đặt tiệc ở bên ngoài để thết các vị hoàng thân, hoàng phi, công chúa và các quan văn võ đi đưa dâu. Trong tiệc, mọi người đều theo thứ bậc mà ngồi. Tiệc tan, Bình sắm riêng hai trăm lạng bạc, sai quan ngỏ lời kính tặng các vị nhà gái, và đưa tiền ra tận cửa phủ. Các quan ra về, lại họp ở nhà công đường bộ Lễ, ai nấy đều khen nhà vua kén được rể tốt, và bảo nhau: "Thế là từ nay nước An-nam ta đã có một nước dâu gia".

Công chúa lúc mới về còn có vẻ bẽn lẽn e thẹn, nhưng sau rồi cũng quen. Hôm vào làm lễ yết các vị tiên hoàng đế ở nhà Thái Miếu, Bình và công chúa giống kiệu cùng đi, lúc lễ xong lại giống kiệu cùng về.

Bình vốn có tính kiêu căng, chợt hỏi công chúa:

- Con trai con gái nhà vua, đã có mấy người được vẻ vang như nàng?

Công chúa đáp:

- Nhà vua ít lộc, các con trai con gái ai cũng thanh bạch nghèo khó. Chỉ riêng thiếp có duyên, lầy được lệnh công (tiếng gọi tôn trọng, chỉ Nguyễn Bình), ví như hạt mưa, bụi

ngọc bay ở giữa trời được sa vào chốn lâu đài như thế này, là sự may mắn của thiếp mà thôi!

Bình nghe câu ấy, thích thú lắm.

Đến ngày 14, bệnh của hoàng thượng đã nguy kịch. Bình muốn nhân lúc nhà vua đang còn sống, xin nhà vua nhận lễ chúc mừng về cuộc nhất thống để trong ngoài đều biết, cho trọn vẹn cái công tôn phò của mình. Bình bèn chọn ngày rằm để đặt lễ đại triều rồi dâng tờ tâu lên xin với hoàng thượng. Đúng ngày, triều đình bày cuộc đại nhạc ở mé đông và mé tây đàn trì (thềm son đỏ nơi cung điện nhà vua) Các lễ quan sắp đặt đồ nghi vệ cực kỳ trang trọng, rồi xin hoàng thượng ra ngự châu. Sau khi các hoàng tử đã diu hoàng thượng lên ngự toạ, ngoài điện nổ ba phát súng làm hiệu lệnh, trăm quan đều lần lượt làm lễ mừng. Lễ xong, hoàng thượng ban tờ chiếu nói về việc nhất thống sai đem dán ở ngoài cửa Đại hưng. Thần dân thiên hạ thấy vậy đều khen "phúc, lộc, thọ khảo" (Phúc là điều tốt lành, lộc là của cải, thọ khảo là sống lâu) của hoàng thượng thế là hoàn toàn tốt đẹp.

Sau ngày lễ ấy, bệnh của hoàng thượng càng nguy hơn, đã gần hấp hối. Công chúa mời Bình vào thăm, Bình nói:

- Nay tôi với hoàng thượng, nghĩa như cha con. Tôi thành thật muốn kịp thời vào thăm khi hoàng thượng còn sống, để chiêm ngưỡng mặt rồng, cho tỏ tấm lòng lưu luyến. Song, tôi mới từ xa tới đây, người trong nước chưa chắc đã tin hết cả. Hôm qua hoàng thượng ra ngự châu, ai biết thánh thể mang bệnh? Nếu như tôi vào thăm lại chẳng may đúng lúc Người về châu giới, há chẳng khiến cho tôi mang tiếng muôn đời với thiên hạ ư? Chi bằng, nàng cứ về thăm hoàng thượng và nói rõ với các anh em như thế, để ai nấy đều hiểu lòng tôi.

Công chúa Ngọc Hân bèn từ biệt Bình về cung thăm vua cha.

Đêm đó, hoàng thượng tinh thần tỉnh táo, bèn cho đòi hoàng tử tôn vào, dặn dò các công việc lớn lao của nhà nước, lại cho đòi công chúa Ngọc Hân vào để dạy bảo về đạo làm vợ. Trời trăng với con gái xong đâu vào đấy, đúng giờ mao ngày 17, hoàng thượng băng ở điện chính tẩm. Bảy giờ hoàng thượng thọ 70 tuổi, ở ngôi vua được 47 năm.

Nhà vua râu rồng, mũi cao, tóc hạc, mắt phượng, đi nhẹ như nước, ngồi vững như non; tính nét hiền từ, giản dị. Khi còn làm hoàng tử, vì việc ông hoàng Lê Duy Mật chống lại họ Trịnh, nên nhà vua bị chúa Trịnh nghi ngờ, đem giam vào nhà viên nội thị Hồng quận công. Đến năm Canh thân (1740) Nghị tổ (tức Trịnh Doanh) lên làm chúa, quận Hồng ra trấn Sơn Nam, chúa liền chuyển nhà vua đến giam ở nhà cậu mình là Bính quận công (Vũ Tất Thận, cậu ruột Trịnh Doanh, em thái phi Vũ thị). Khi chưa có lệnh ấy của chúa, một đêm quận Bính bỗng mơ thấy thiên tử tới nhà, cờ quạt pháp phới, nhã nhạc vang lừng, rõ ra cảnh tượng của đời thái bình. Sớm hôm sau liền thấy quận Hồng cho giải hoàng tử đến giam ở nhà mình, quận Bính hết sức ngạc nhiên, nghĩ rằng giấc mộng lúc ban đêm

không phải là chuyện tình cờ, bèn vào kể lại với chúa. Bấy giờ bốn phương đang loạn lạc, thế nước ngả nghiêng, chúa thấy điềm lành ấy, muốn nhờ vào phúc đức của nhà vua để dẹp cho yên thiên hạ, liền cho đón về, lập nên ngôi và đặt niên hiệu là Cảnh-Hung.

Sau khi nhà vua lên ngôi, bốn phương dần dần dẹp xong, thiên hạ lại bình yên. Chúa biết phúc của nhà vua rất lớn, nên càng hết sức tôn kính. Nhà vua cũng nhã nhặn, khiêm tốn, tin cậy vào chúa. Thịnh thoảng chúa lại dâng tiến thức nọ thức kia, vì thế sự chi dùng của nhà vua cũng được thừa thãi.

Lúc nhà vua ở ngôi, chẳng qua chỉ rửa áo khoanh tay, tìm trò mua vui chứ không có việc gì phải lo. Nhà vua lại giỏi về các kỹ nghệ lật vật. Bao nhiêu cung điệu Nhạc phủ, nhà vua đều chế ra bài mới, âm thanh cực kỳ du dương, trong sáng. Thường khi nhà vua lại còn theo tranh Tam quốc, sai các cung nữ mặc áo trận, cầm giáo mác, chia thế trận ba nước Ngụy, Ngô, Thục, rồi dạy họ các cách ngồi, đứng, đâm, đỡ, để mua vui trong lúc thư nhàn.

Những năm tuổi già, nhà vua bị Thánh tổ Trịnh Sâm đè nén đủ đường, người khác hẳn phải tức giận không thể chịu nổi, nhưng nhà vua vẫn vui đùa như thường. Những người gần gũi nhà vua thấy vậy đều can ngăn. Nhà vua liền đáp rằng:

- Các người mới chỉ biết một mà chưa biết hai. Nhà vua đối với nhà chúa, hiện nay đang ở vào cái thế bị ngờ vực; nếu trẫm lấy việc mất quyền làm tức giận, thì nhà chúa ắt phải ngấm ngầm tính việc chẳng hay. Vì vậy, trẫm phải mượn hứng vui chơi như thường để tránh tai vạ đó thôi!

Có lần, nhà vua lại nói với các cung nữ rằng:

- Trong đời ta, thế nào cũng có phen được trông thấy cuộc nhất thống, nhưng đó chẳng phải là điều mà ta vui mừng.

Các cung nữ hỏi lại:

- Nhà chúa chèn ép như vậy, nếu chúa bại là may cho nhà vua, có sao bệ hạ lại không vui mừng?

Nhà vua đáp:

- Trời sai nhà chúa phò ta. Chúa gánh cái lo, ta hưởng cái vui. Mất chúa, tức là cái lo lại về ta, ta còn vui gì?

Khi Đoan nam vương Trịnh Tông mới lên làm chúa, bọn kiêu binh có lần đã nghĩ đến cái mưu tôn phò nhất thống và lén đến xin ý kiến nhà vua. Những người xung quanh cũng đã khuyên nhà vua nên nghe theo mưu ấy. Nhưng nhà vua nói:

- Ta vì thành thật nghe theo trời nên mới được như thế này. Những chuyện do ở mưu người xếp đặt, ta quyết không làm. Nếu kẻ nào còn dám nói đến chuyện đó, trẫm sẽ lôi sang cho chúa, để theo phép mà làm tội.

Vì thế, mưu ấy mới thôi.

Đến hồi này, thấy Bình làm việc tôn phò, nhà vua bề ngoài tuy mừng nhưng bề trong thì lại lo. Những việc giao thiệp, tiếp đãi đều là bất đắc dĩ. Kịp đến khi bệnh nặng, nhà vua bảo với Hoàng tị tôn rằng:

- Ta chỉ sớm tối là được trút hết gánh nặng, cái lo sẽ dồn cả vào thân mày, mày phải nghĩ tới điều đó!

Lúc sắp băng, nhà vua lại trời thêm:

- Sau khi ta nhắm mắt, việc nối ngôi là việc trọng đại, chuyện gì cũng phải bảm qua với ông ấy, không được khinh suất.

Nói xong, nhà vua băng. Hoàng tị tôn bèn lên nối ngôi vua.

Trước đó, lúc công chúa Ngọc Hân mới về với Bình, Bình đã hỏi công chúa về đức tính của các vị hoàng tử. Người nào thế nào, công chúa cũng đều kể thật với Bình. Khi Bình hỏi đến nhân phẩm của hoàng tị tôn như thế nào, công chúa chưa thoát khỏi thói thường của người đàn bà, nghĩ bụng anh thân hơn cháu, lại sợ hoàng tị tôn sẽ cướp mất ngôi của Sùng nhượng công, bèn đáp:

- Nhân phẩm của Hoàng tị tôn cũng tầm thường thôi!

Do đó, Bình có ý không thích Hoàng tị tôn.

Đến khi bệnh của hoàng thượng đã tới lúc hấp hối, triều đình bàn nhau lập Hoàng tị tôn, và sai người ra nói với Bình. Bình không nghe. Sứ giả quay về nói lại ý Bình, cả triều bàn bạc phân vân, chưa biết quyết định ra sao. Thành linh trong bọn có một người lớn tiếng nói rằng:

- Tị Tôn không được làm vua, thiên hạ ắt loạn. Họ Lê sẽ mất, ấy là lỗi tại công chúa Ngọc Hân. Công chúa thực đã làm hại đến việc lớn của xã tắc, hãy xoá tên trong sổ họ đi, để cho công chúa về nước Tây Sơn mà yên hưởng giàu sang, họ ta chẳng thiếu gì một con người ấy!

Triều đình nhìn xem ai, thì té ra là hoàng thân Vượng quận công.

Công chúa sợ hãi, bèn về phủ xin với Bình. Bấy giờ Bình mới bằng lòng. Sau khi hoàng thượng băng, trẫm quan bèn phò Tị Tôn lên ngôi.

Hôm ấy, Bình ở trong phủ, nghe tin hoàng thượng băng, liền sai lính thị vệ sắp sửa đồ nghi vệ, xe kiệu, để chờ khi hoàng tự tôn được lập rồi, nếu có ai bên họ nhà vua lại trình và mời sang lo việc tang, thì Bình sẽ sàng đi ngay. Nhưng Hoàng tự tôn không hiểu ý đó, nên sợ phiền chẳng dám mời, mãi đến lúc khâm liệm xong xuôi và cho vào quan tài rồi, mới bầm với Bình.

Bình giận vì không được mời trước, cho là Hoàng tự tôn coi mình như người ngoài, bèn sai ngay người vào triều bắt phải hoãn lễ đăng cực (lễ lên ngôi vua), có ý muốn lập người khác. Sứ giả đến nơi thì lễ đăng cực đã xong, triều đình đem cái việc đã rồi ấy báo lại với Bình. Bình càng tức liền đòi công chúa về phủ, rồi mắng rằng:

- Tiên đế là vua chung của thiên hạ, không phải là vua riêng của hoàng tộc. Ta thương mến tiên đế, hôm qua vì tránh sự hiềm nghi không dám vào thăm; hôm nay muốn kịp lúc chưa khâm liệm, tới nơi để được thấy mặt ngọc, cho trọn cái tình bố vợ con rể; song tự dung ta đến, e rằng không phải phép. Sao hoàng tộc lại gạt ta ra ngoài, không thềm mời? Nếu không có ta, thử hỏi: Triều đình sẽ thành cái gì? Chính sự sẽ ra cái gì? Có sao lại dám sơ suất như vậy? Ta thử bỏ đây mà đi, xem hoàng tộc làm ăn ra sao?

Rồi Bình lập tức truyền lệnh cho các quân thủy, bộ sửa soạn hành trang, để sớm hôm sau rút quân về nước.

Công chúa khóc lóc xin Bình ở lại, một mặt ngầm sai người tỏ bày ý kiến với Tự hoàng. Tự hoàng vội cho người ra phủ tạ lỗi và xin Bình ở lại. Bây giờ, Bình mới thôi việc rút quân.

Đến ngày làm lễ thành phục, Tự hoàng sai quan mời Bình vào tế.

Bình mặc đồ tang, đứng ở trên điện tế, coi xét lễ nghi hết sức chu đáo. Lúc đang tế, có viên tả phiên lại hơi có vẻ cười, Bình sai lính ngay ra chém. Đại khái đối với việc tang lễ, Bình hết sức kính cẩn như vậy.

Bây giờ, Bình đã ngầm ngầm có ý định muốn về, bèn nói với các quan trong triều rằng:

- Tôi vâng mệnh vua anh đem quân ra ngoài cõi, đi hay ở không có kỳ hạn nhất định. Tôi vì nghĩa tôn phò mà tới đây, may mắn đã làm xong việc. Nay tôi là chàng rể, muốn ở cho hết đạo hiếu với bố vợ. Làm cho xong sớm việc tang tế kịp khi tôi chưa rút về, để cho trung hiếu vẹn cả hai bề, đó là ước muốn của tôi vậy.

Các quan đều nói:

- Chúng tôi xin vâng mệnh!

Rồi họ liền chọn ngày để đưa tử cung xuống thuyền.

Còn Bình thì suốt ngày đêm sửa sửa cho lễ táng, các đồ tế lễ tuy đơn sơ, giản dị, nhưng lễ nghi thì đều đầy đủ không thiếu sót gì.

Đến ngày đưa đám, Bình tự cưỡi voi, đem ba ngàn quân, hộ tống tử cung đến bên đò, rồi chờ cho lễ rước tử cung xuống thuyền xong xuôi đâu đấy, mới quay trở lại.

Lúc công chúa Ngọc Hân về phủ, Bình nhơn nhơn ra về tự đắc mà rằng:

- Tiên đế có hơn ba mươi người con trai, ngày nay báo hiếu lại chỉ ở một người con gái, nào có ai giúp đỡ cho được may mắn? Người xưa thường bảo "Con gái làm rạng rỡ cho nhà cửa", quả cũng đúng thật!

Công chúa cảm tạ và nói:

- Nhờ công đức của thượng công, thiệp được báo hiếu với hoàng khảo, mở mắt với anh chị em. Tục ngữ vẫn nói: "Trai không ăn mày vợ, gái phải ăn mày chồng", chính là như thế đó!

Bình nghe nói, thích lắm. Chợt có tin báo vua Tây Sơn sắp ra. Bình vội sai Chỉnh cho dán yết thị khắp kinh thành, nói là: "Thiên vương tuần du ra Bắc để xem xét phong tục, khoảng mười ngày nữa sẽ tới. Vậy bố cáo cho cả trong ngoài đều biết". Một mặt, Bình sai người tâu với tự hoàng, xin cho văn võ trăm quan ra ngoài cửa ô đón tiếp.

Ngày mồng năm tháng Tám, vua Tây Sơn đến kinh thành (ở một bản khác, thấy có thêm một đoạn như sau: "Hoàng thượng thân hành ra đón ở cửa Nam-giao và sai quan khâm mạng đứng ở bên đường, sau đó ngỏ lời chào mừng, rồi đi về. Chúa Tây Sơn sai người đáp lại, rồi truyền đánh xe vào thành").

Vua Tây Sơn chẳng quản muôn dặm đường xa tới đây, mà coi bộ lại hết sức hối hả, vội vã; mọi người đều không hiểu duyên cớ làm sao?

Thật là:

*Cá kình vượt biển giương vây nháy,
Cọp dữ lia rừng mượn cánh bay.*

Chưa biết vua Tây Sơn đến về việc gì? Xin xem hồi sau phân giải.

Hồi thứ sáu

*Chúa Tây Sơn lên rút quân về nước
Quân Đông Giang mưu khởi nghĩa phò vương*

Lại nói, khi Thuận Hoá mới vỡ, vua Tây Sơn nhận được thư báo tin thắng trận của Bình. Đại ý bức thư viết như sau: "Lũ thần vâng theo mưu mô của miếu đường, lại kính nhờ về oai trời thiêng liêng, Thuận Hoá, đã dẹp yên, thiên hạ đều rung động. Nay ở Bắc Hà quân kiêu tướng lười, thế có thể lấy được. Thần cúi xin mạn phép tùy tiện, đã uỷ cho hữu quân Nguyễn Chính đem tiền bộ thuỷ binh đi trước, thẳng tới Sơn Nam. Riêng thần hiện đang chiêu mộ nhân dân các vùng ven biển, chọn lấy đỉnh tráng để tăng thêm thế lực cho quân ta. Hẹn trong ít ngày sẽ dẹp yên xứ Bắc Hà. Còn quan ả, thành quách xứ Thuận Hoá, hiện đã giao cho Đông định công (tức Nguyễn Lữ, em thứ ba của Nguyễn Nhạc) coi giữ. Vạy xin bề trên ban cho chiếu chỉ để thần tuân theo".

Vua Tây Sơn xem thư, mừng rằng việc đã thành công, nhưng lại ghét cái chỗ tự chuyện của Bình. Và lại, vua Tây Sơn vốn đã biết Bình là người khôn ngoan, giáo quyết, sợ Bình lấy được Bắc Hà, lúc trở về ắt sinh ra kiêu căng, khó kiềm chế. Vua Tây Sơn lại còn nghĩ rằng: "Nhà mình đời đời vẫn ở Nam Hà, được xứ Thuận Hoá là nơi bờ cõi cũ, đủ rồi; không cần lấy thêm một nước lớn nữa làm gì. Ví dụ có lấy được, chưa chắc đã giữ được, vạn nhất vấp ngã một cái, thì sự tai hại không phải là nhỏ". Do đó, vua Tây Sơn liền sai người hoả tốc mang thư ra ngăn Bình. Nhưng khi người đưa thư tới nơi, thì Bình đã thân hành đem đại quân, thuận theo gió nồm trẩy ra Bắc rồi. Tiếp được tin này, vua Tây Sơn càng không hài lòng.

Qua ngày hai mươi sáu tháng sáu khi kinh sư bị vỡ, Bình lại gửi thư báo tin thắng trận về Tây Sơn. Trong thư đại khái nói rằng:

"Trước đây thần vâng mệnh cho phép tùy tiện đem quân ra dẹp Bắc Hà, trông nhờ vào oai danh của vương huynh, chỉ đánh một trận mà thắng. Nay nhà Trịnh đã diệt, thiên hạ thu về một mối, thần thể theo lòng ước muốn của người trong nước, phò lập nhà Lê, cho họ yên lòng. Bây giờ trong nước mới tạm yên, thần xin để cho quân lính được nghỉ ngơi, tạm đóng tại kinh đô nước họ, để vỗ yên dân chúng và cắt đặt mọi việc cho đâu vào đấy. Chờ đến dịp thu đông thuận gió, thần lại xin kính cẩn đem quân về nước".

Bức thư đến Tây Sơn vào ngày mười bốn tháng bảy. Vua Tây Sơn tiếp được thư, hết sức lo ngại, nghĩ bụng: "Bình luôn luôn lập được chiến công, đã làm cho hấn thêm kiêu ngạo. Huống hồ trong tay hấn lại nắm giữ đạo quân lớn, chuyên chế ở ngoài muôn dặm. Rồi Võ Văn Nhậm, Nguyễn Hữu Chính, những viên tướng dũng mãnh, mưu trí lại đều

thuộc quyền sai khiến của hắn. Nếu cứ buông lỏng cho hắn bay nhảy ở ngoài, lâu dần ắt phải sinh ra những việc không hay. Nhưng khí thế của hắn như thế, không thể dùng một lá thư mà gọi về được. Nếu mình không thân hành ra Bắc, bắt hắn phải về, ấy là thả hùm ra khỏi cũi, không bao giờ còn có thể nuôi dạy được nữa vậy. Thế rồi, luôn trong bữa đó, vua Tây Sơn tự đem năm trăm tên lính thị vệ ra thẳng Phú Xuân. Tới nơi, lại lấy thêm hơn hai ngàn quân Phú Xuân đi gấp ra kinh sư. Đoàn quân tất tưởi kéo đi, dáng dấp tiêu tụy, người ta không còn nhận ra đó là đám quan quân nào nữa.

Lúc vua Tây Sơn tới cửa biển Hội Thống ở trấn Nghệ An, có người dân quê đem ít đồ biển xin ra mắt, nói rằng:

- Chúng tôi thấy quan lớn đi qua, nhân có chút quà mọn, gọi là tỏ tác lòng thành kính.

Vua Tây Sơn tính vốn thật thà, không quen ăn nói văn hoa, thấy vậy, liền đáp:

- Tôi không phải là quan lớn, tôi là họ ngoại của chúa Nam Hà (Chúa Nam Hà chỉ vào họ Nguyễn, vì Nhạc gả con gái cho thế tử Dương của chúa Nguyễn, nên tự xưng là họ ngoại), vẫn quen gọi là biện Nhạc ấy mà! Các người hậu tình, thấy tôi đi xa, lương khô, ăn nhạt, mà đem cho những món ngon lành thế này, cảm ơn lắm, cảm ơn lắm!

Rồi lại hỏi hỏi đi luôn.

Thình lình thấy một bọn chừng vài chục người, kẻ nào cũng lưng đóng khổ, tay cầm đòn ống, mình trần trụi đứng ở ven đường. Chờ cho vua Tây Sơn đi qua, bọn đó liền kêu lớn lên rằng:

- Chúng tôi về Nam, bị Chương Tiển (một lục lâm hảo hán ở Nghệ An hồi ấy) đòi tiền mãi lộ, lấy hết của cải rồi.

Vua Tây Sơn hỏi:

- Nó đâu?

Bọn đó đáp:

- Nó lấy được của xong, vội vàng chạy vào trong dãy núi kia!

Vua Tây Sơn liền sai một tốp lính đuổi bắt. Vừa đến một chỗ núi hiểm, mấy chục người đó đều rút dao kiếm trong đòn ống ra và reo lên:

- Chúng bay đã biết bọn tao hay chưa; bọn tao đều là các bậc đàn anh trong đám thủ hạ của Chương Tiển. Hôm nay đến để chặt cái đầu của lũ "lông đỏ" (không hiểu sao lại gọi Tây Sơn là "lông đỏ" (hồng mao), chưa tra cứu ra. Trong Đại nam quốc sử diễn ca thấy có câu tả cách ăn mặc của quân Tây Sơn như sau: "Quân dung đầu mới lạ như rồng; Máo mao

áo đỏ chật đường kéo ra". Có lẽ tác giả đã căn cứ vào cách ăn mặc đó (mũ lông áo đỏ) mà gọi Tây Sơn là "hồng mao" chăng?) chúng bay đây.

Vừa reo họ vừa xông vào đâm chém, dao kiếm vung lên tua tủa, quân Nam bị đánh bất ngờ, thua chạy liểng xiểng.

Vua Tây Sơn cả sợ, từ đó, trên đường hành quân không dám vào ngủ trong nhà dân nữa; tối đâu giăng màn ra giữa đồng ruộng ở đó mà ngủ, còn các quân sĩ thì đều ngủ ngoài trời. Bởi lẽ đó, khi tới kinh sư, cả đoàn quân chỉ còn là một lũ nửa người nửa ngợm, mặt mũi hốc hác, coi không ra bộ quân của vua chúa nữa.

Thấy vậy, thiên hạ đều đồn đại lung tung. Kẻ thì bảo thành Tây Sơn đã bị nhà Nguyễn phá vỡ, vua Tây Sơn vì không giữ được nữa nên phải chuồn ra đây. Người thì nói Bình dùng mưu chước gian dối, mượn một kẻ khác giả làm vua anh để thêm thanh thế cho mình. Hào kiệt thiên hạ và những kẻ coi giữ châu quận ngầm nuôi binh mã, đều muốn dò xem thực hư thế nào, để tìm cách bắt lấy; nhưng rốt cuộc cũng không ai biết rõ tình hình.

Lúc vua Tây Sơn mới đến kinh, Bình ra tận ngoài ô đón tiếp và tạ cái tội tự chuyên của mình. Vua Tây Sơn nói:

- Tướng ở bên ngoài, nếu gặp việc có ích lợi cho nước nhà thì cứ tự ý mà làm cũng được. Bắc Hà có thể lấy, mà ông lấy ngay được, đó là chỗ thần diệu trong phép dùng binh. Vả lại, ông trèo đèo lội suối đi hàng muôn dặm để mở mang bờ cõi cho đất nước rộng thêm; thủ đoạn anh hùng như vậy, anh thực không thể nào sánh kịp. Nhưng mà, mình đi đánh nước khác, kéo quân vào sâu trong xứ sở của người ta, một chốc làm thay đổi hết nền nếp cũ của họ như thế; tránh sao khỏi sự thù oán của muôn họ. Anh luôn luôn lo ngại đến những việc bất ngờ có thể xảy ra, vì vậy phải lật đật ra ngay đây để nghỉ kẻo đỡ ông.

Rồi hai anh em cùng gióng ngựa đi vào thành.

Tới phủ, Bình dắt công chúa Ngọc Hân ra chào và nói hết cả sự thật với anh. Vua Tây Sơn khen:

- Chà, em vua Tây Sơn làm rỗi vua nước Nam, "môn đương hộ đối" mới nhân duyên đẹp thật!

Rồi lại bảo công chúa rằng:

- Người quý giá như thế này, thực không hổ là cô em dâu của nhà ta.

Hai người ôn tồn trò chuyện thân mật như anh em nhà thường dân vậy.

Hồi lâu, công chúa cáo từ lui ra. Bình sai quây màn ở cung chính tâm, mời anh vào nghỉ; còn tự mình thì chuyển ra ngủ ở gác Kỳ-lân.

Quân lính của Bình đem đi trước đây, các đội ngũ đều đã thay đổi một lượt. Đến lúc này, Bình đem binh phù nộp cả cho anh. Vua Tây Sơn nắm được binh quyền trong tay rồi, bèn bố trí lại đội ngũ y như cũ, còn sự thay đổi mới đây của Bình thì vờ như không hay biết gì cả. Thế là từ đó, bao nhiêu tướng sĩ lại đều chỉ nghe theo mệnh lệnh của "ông vua lớn".

Được ít bữa, vua Tây Sơn liền bí mật cùng với Bình bàn chuyện rút về. Bình đành phải vâng theo. Các tướng tá chỉ riêng có Võ Văn Nhậm được biết việc kín này, còn Chinh thì không được dự nghe.

Lại nói, lúc mới tới kinh, Chinh và Nhậm đều đóng ở lầu Ngũ-long. Nhậm đóng trước lầu, Chinh đóng sau lầu.

Chinh vốn là người bản quốc, nhiều kẻ quen thuộc, nên người trong nước chỉ biết có Chinh. Quan lại, dân chúng, ai đến ra mắt đều vào cửa Chinh. Sau lầu thường đông như chợ; mà trước lầu nơi Nhậm ở thì chẳng có lấy một ma nào lui tới. Việc ấy làm cho Nhậm có vẻ không thích. Thấy vậy, Chinh phải sai một tên thư lại mới vào làm việc, ngày ngày ngồi chực ở cửa Nhậm để mời khách đến chỗ Nhậm, nhưng khách vẫn không đến, Chinh bắt đắc dĩ lại phải xoay cách khác. Hễ khách nào tới thăm Chinh, sau khi đã thù tiếp xong. Chinh lại sai đưa người khách kèm theo đồ lễ đến cửa Nhậm. Nhưng rốt cuộc Nhậm vẫn không bằng lòng. Chinh bèn dời chỗ ở sang chùa Tiên Tích (ở xóm Nam Ngự, huyện Thọ Xương. Nay là đường Nam Bộ, Hà Nội).

Sau chuyện này, Nhậm bèn đem những lời gièm pha Chinh mà nói với Bình rằng:

- Hắn là một kẻ bày tôi đi trốn, chạy về với mình, muốn mượn sức của mình trả thù cho thầy, để hả cái lòng căm tức với nước cũ. Nay mình rong ruổi hàng muôn dặm, đưa hắn về nước, vẽ mày vẽ mặt cho hắn. Thế mà khi hắn đã đạt được chí nguyện, những người trong nước vào hòa với hắn, có kẻ lại đem hai câu đối: "Hồ tự Tây Sơn xuất, Long tông Đông-hải lai" (hồ từ non Tây ra; rồng ở biển Đông lại) ở tháp chùa Thiên Mục của nhà Nguyễn, để bảo ông là hồ, hắn là rồng. ý nói: "Hồ lìa khỏi núi thì thất thế, rồng ra khỏi biển vẫn vẫy vùng". Thế là chẳng những hắn không chịu để mình dùng, mà lại còn có chí ngang tàng nữa. Bây giờ mình giam mấy vạn người ngồi ăn không ở đây, để giúp cho hắn gây nên thế lực, nghĩ cũng khờ dại quá! Tôi nghe người trong nước này oán hắn rất sâu sắc, sợ dĩ họ chưa nổi dậy là vì còn sợ mình đó thôi. Nếu mình bỏ hắn mà về, người nước này hắn sẽ tranh nhau nhai thịt hắn. Và hắn thường nói: "Nhân tài Bắc Hà chỉ có mình hắn". Để cho hắn chết, mình lấy Bắc Hà sẽ càng yên ổn.

Bình tin lời Nhậm, nên từ đó đối với Chinh tuy ngoài mặt vẫn như thường, nhưng trong lòng thì rất ngờ vực.

Quân Nam vì đi xa cũng rất oán Chinh, ngày đêm mong cho Bình giết Chinh. Rồi họ biết thế nào Bình cũng đưa Chinh đến chỗ chết, nên họ khinh Chinh ra miệng. Một hôm,

bọn người trong nước vào hòa với Chính, có kẻ mang binh phù của Chính cấp bằng qua khu đất cấm; khi bị quân Nam gạn hỏi, người ấy đáp:

- Tôi có binh phù của quan hữu quân cấp cho đây!

Quân Nam bèn nói:

- Hữu quân là ai? Có phải Hữu Chính không? Được, cứ đợi đầy nửa tháng nữa mà xem hữu quân của các anh!

Chính nghe được chuyện đó, bèn sinh ra hai lòng với Bình. Và Chính cũng đã tính toán, biết rằng sớm muộn thế nào rồi Bình cũng phải đi, mình sẽ không thể ở lại kinh sư một mình được. Vì vậy, Chính ngầm có ý muốn chiếm cứ Nghệ An, bèn mật tâu với hoàng thượng rằng:

-Thần đem hấn ra, chỉ vì việc tôn phù. Bây giờ việc đã xong, thần quyết không theo hấn nữa. Chắc thế nào hấn cũng rút về, mà khi hấn đã về rồi, thì trấn Nghệ An tức là một bức phen giậu ở bên cạnh giống sài lang. Vậy xin bệ hạ cho thần vào đầy trấn thủ, một mặt Nam Hà thần xin đương cả!

Kịp đến khi nghe tin vua Tây Sơn ra. Chính lại đoán là vua Tây Sơn sẽ cướp ngôi của hoàng thượng và chiếm cứ đất nước. Rồi muốn dựa vào vua Tây Sơn để tránh tai vạ, Chính bèn khuyên hoàng thượng nên sắp sẵn ngọc tỷ mà ra hàng, lại giục các quan trong triều thảo gấp một tờ biểu xin hàng. Triều đình bàn bạc mấy ngày liền chưa quyết không ai dám hạ bút trước. Lúc vua Tây Sơn tới nơi hoàng thượng thân hành ra đón ở cửa ô phía Nam. Ngài đứng ở trong cửa ô, sai hoàng thân là Thanh nguyên hầu quý ở mé bên trái đường đi, để chào và nói thay hoàng thượng. Vua Tây Sơn khi qua cửa ô không đáp lễ, cứ giục ngựa đi thẳng và cho một người quay lại nói rằng:

- Quả quân thấy nhà vua lễ độ quá, sợ rằng nếu xa giá ở lại chậm trễ, hoặc giả làm phiền cho quý thể phải quỳ lạy một nhọc, rồi quả quân lại mang tiếng là thất lễ. Bởi thế, quả quân phải vội vã đi ngay. Xin ngự giá hãy cứ về cung, ngày khác thông thả sẽ cùng gặp nhau.

Hoàng thượng thấy vậy, biết vua Tây Sơn còn ưu đãi mình, nên khi về cung không bàn đến việc đầu hàng nữa.

Hôm sau vua Tây Sơn sai bày ở phủ đường ba chỗ ngồi. Chiếc sập của vua Tây Sơn kê ở chính giữa, bên trái là ghế của hoàng thượng, bên phải là ghế của Bình. Hai bên có hai hàng giáp sĩ đứng hầu cực kỳ nghiêm chỉnh.

Cuộc hội kiến này dùng lễ "hai vua gặp nhau", không ai phải lạy ai. Khi hoàng thượng ngự giá đến cửa phủ, vua Tây Sơn sai viên quan hầu ra đón. Hoàng thượng đi bộ vào trước thềm; vua Tây Sơn đang ngồi vội bước xuống đất và đứng sang bên cạnh sập để

tỏ ý kính lễ; rồi sai Bình xuống dưới thêm đón tiếp và mời hoàng thượng vào ghế. Mọi người đã ngồi yên chỗ, vua Tây Sơn liền hỏi:

- Hoàng thượng năm nay xuân thu độ bao nhiêu?

Viên quan đi theo đáp thay hoàng thượng, rồi nhân đó nói tiếp rằng:

- Quốc quân họ Lê chúng tôi gặp phải họ Trịnh lấn quyền lộng thế, mũ dếp đảo lộn đã lâu. May nhờ thánh thượng là bậc chí nhân đại nghĩa, sai tướng ra quân, vì quốc quân chúng tôi mà chinh đốn lại cơ đồ. Hiện nay đất đai cùng dân chúng nước Nam đều là do thánh thượng gây dựng lại. Nếu như thánh thượng muốn thu nhận một vài quận ấp của nước tôi để làm quà khao thưởng quân sĩ, thì quốc quân chúng tôi xin nhất nhất vâng mệnh.

Vua Tây Sơn đáp:

- Tôi nghe ngày xưa đức Thái tổ mở mang ra nước Nam Việt, công đức như trời. Tôi tuy ở xa khuất tại miền biển phương Nam, song cũng là đất của đức Thái tổ khai thác. Tôi vì giận kẻ cường thần hiếp chế nhà vua, nên phải làm việc tôn phò. Nếu là đất của họ Trịnh, một tấc tôi cũng không để; còn đất của nhà Lê, thì một tấc tôi cũng không dám lấy. Tôi nghĩ rằng nước ta đây mới dẹp yên, còn có nhiều việc cần phải sửa sang, vì vậy tôi phải ra để giúp đỡ nhà vua. Sau khi bốn phương đã phẳng lặng, anh em tôi lại xin rút về nước. Bây giờ chỉ mong nhà vua chấn chỉnh giuờng mỗi triều đình, giữ yên bờ cõi, cùng nước tôi đời đời kết nghĩa láng giềng, như thế là phúc cho cả hai nước vậy.

Viên quan theo hầu hoàng thượng lại thay lời mà rằng:

- Thánh thượng nghĩ đến công đức của tiên hoàng đế, ra ơn nối lại dòng dõi, khiến cho cơ đồ của tiên hoàng đế không đến nỗi tuyệt diệt; ơn ấy của thánh thượng thật là vô cùng. Quốc quân chúng tôi và các bề tôi xin đời đời giữ tình láng giềng hoà hiếu, không dám sai trái.

Vua Tây Sơn sai trà đồng pha trà đệ lên các ghế. Hoàng thượng uống trà xong, ung dung cáo từ ra về.

Vua Tây Sơn đứng dậy từ biệt. Bình tiễn hoàng thượng xuống thêm, vua Tây Sơn đi theo một quãng, rồi né mình bước giật lùi về chỗ, sai viên quan hầu đi hộ vệ hoàng thượng ra khỏi cửa phủ.

Hoàng thượng lên kiệu về cung, rồi sai các quan trong triều tới ra mắt vua Tây Sơn. Vua Tây Sơn lần lượt hỏi hết quan chức, họ tên từng người. Các quan trả lời xong, vua Tây Sơn liền nói rằng:

- Tôi nghe nói ở nước An Nam, tiến sĩ là quý nhất. Thế các ông có phải là tiến sĩ không? Tôi sẽ nói với nhà vua cho xin mấy ông đem về để dạy dỗ người trong nước. Vậy các ông có chịu đi theo tôi không?

Các viên quan trong triều đều thưa:

- Quốc quân chúng tôi bảo sao chúng tôi phải nghe làm vậy. Dẫu rằng sang đông, sang tây, sang nam, sang bắc, đi đâu chúng tôi cũng không dám chối.

Vua Tây Sơn lại hỏi:

- Các ông lúc mới thấy tôi đột ngột ra đây như thế, có ngờ tôi không?

Các viên quan đáp:

- Thánh thượng đã sai thượng công ra phò lập nhà Lê, việc ấy rõ ràng lắm rồi, lũ chúng tôi đâu còn dám ngờ.

Vua Tây Sơn nói:

- Ai ngờ tôi, kẻ ấy là người ngu! Chúa Trịnh bắt quân đi hàng muôn dặm, cố chiếm lấy đất Thuận Hoá, lấy nước lớn làm hại nước nhỏ, nên mới dẫn đến cái vạ ngày nay. Gương ấy há có xa đâu? Tôi nếu tham đất nước Nam, như vậy là lấy nước nhỏ mà hại nước lớn, còn mong lâu bền sao được? Giả sử đời tôi giữ được đi nữa, thì đến đời con cháu tôi cũng không thể nào giữ nổi. Tôi có ngu gì mà lại nuôi cái mầm vạ ấy? Chẳng bao lâu nữa anh em tôi sẽ về, các ông nên giúp rập nhà vua cho yên thiên hạ. Hai nước chúng ta sẽ kết nghĩa láng giềng, giữ vững tình hoà hiếu, để cùng hưởng phúc thái bình!

Các quan đều ca ngợi:

- Sách có nói rằng: "Bậc thánh nhân không chăm lo đến việc lập công ở phương xa". Thánh thượng nghĩ tới chỗ đó, thật là vượt quá người thường đến muôn vạn lần. Nhưng quốc quân chúng tôi hiện còn trẻ tuổi, nhiều việc chưa quen thạo, lũ chúng tôi lại đều là những kẻ tài hèn; thánh thượng nếu đã giúp cho nước tôi được còn, xin hãy tạm lưu lại đây, để vua tôi nước chúng tôi nhờ cậy vào oai linh của thánh thượng. Bao giờ bốn phương đều yên, giuờng mối đã dựng lại, bấy giờ ngự giá hãy về cũng chưa muộn.

Vua Tây Sơn nói:

- Có về cũng còn hàng năm hàng tháng, há phải đâu là chuyện ngày một ngày hai? Các ông chớ vội lo!

Các quan lạy tạ lui ra, rồi cùng bàn riêng với nhau: kẻ thì cho lời vua Tây Sơn nói là thật, người thì bảo lời vua Tây Sơn nói là giả; đại để cũng chỉ đoán có hai việc là ông ta đi hay ở lại, mà cứ hư hư thực thực, chẳng ai biết đích xác như thế nào cả.

Nhưng người trong nước biết rõ hay không biết rõ, vua Tây Sơn cũng chẳng cần. Chỉ riêng có Nguyễn Hữu Chỉnh là người trong bọn, lại là tay quý quyết, nên vua Tây Sơn mới phải tìm đủ mọi cách để kiềm chế mà thôi.

Lúc này, trong bụng vua Tây Sơn rất nôn nóng muốn về, nhưng bề ngoài vẫn tỏ ra vẻ ung dung, thư thái. Sau lễ tiếp kiến, vua Tây Sơn sai Chỉnh chọn ngày tốt, để vào làm lễ rằm ở nhà Thái-miếu. Chỉnh xin chờ đến sau tết Trung thu, vua Tây Sơn cũng bằng lòng. Rồi nhân nói đến chuyện hôn nhân của Bình, vua Tây Sơn bảo Chỉnh:

- Chú hai ra đây, được người làm mối cho cô vợ đẹp; riêng ta lại không ư?

Chỉnh thưa:

- Chỉ sợ thánh thượng chê gái Bắc Hà quê mùa mà thôi. Nếu như thánh thượng rộng lượng bao dung, thì sự đó cũng chẳng phải là khó!

Vua Tây Sơn cười mà rằng:

- Thế thì người còn nợ ta đây, phải trả mau đi nhé!

Chỉnh thấy lời lẽ của vua Tây Sơn có vẻ ung dung thông thả, do đó cũng yên lòng, bèn xin lui về.

Ngày 17 tháng ấy, vua Tây Sơn bí mật hạ lệnh cho tất cả các quân thủy, bộ đều phải sửa soạn hành trang nài nịt gọn gàng. Rồi sợ Chỉnh ở ngoài thấy rõ tình hình sinh nghi, vua Tây Sơn bèn cho đòi Chỉnh vào hầu, giữ chân Chỉnh từ sáng đến tối, người ngoài không được vào, tin ngoài không cho tới. Vì thế nên mọi việc xảy ra ở bên ngoài, Chỉnh đều không biết gì hết. Đến khuya, vua Tây Sơn mới thả cho Chỉnh ra. Kịp đến khi Chỉnh về nhà, người nhà có kẻ báo cho Chỉnh biết việc vua Tây Sơn sắp về, thì Chỉnh còn nửa tin nửa ngờ nói:

- Ta suốt ngày ngồi hầu, chuyện trò rất thư thái, làm sao lại có sự lật đật như vậy được?

Đến canh hai đêm ấy, vua Tây Sơn cho người vào gõ cửa điện, ngỏ lời từ biệt hoàng thượng, nói là sớm mai rút quân về Nam. Vậy mà Chỉnh cũng vẫn không biết gì cả.

Trước đó hơn mười ngày, đêm nào ở trại quân Nam cũng nổi chiêng trống vang trời, nhưng sang đến đầu canh hai thì chỉ còn thưa thớt vài tiếng, rồi từ canh ba trở đi thì lặng như tờ, không còn tiếng nào nữa. Vì thế, mỗi hôm cứ vào quãng nửa đêm, người trong kinh lại tưởng là quân Tây Sơn ngầm rút đi rồi; nhưng đến sáng ngày mai thì lại thấy doanh trại vẫn y nguyên. Từ đó về sau ai cũng cho là thường, không hề để ý. Mà tiếng trống canh cũng không còn lấy gì làm chuẩn xác nữa.

Phép quân Tây Sơn, lệnh cấm ban đêm rất ngặt. Thám tử của Chinh mọi đêm đều không được ra ngoài. Đêm ấy, khoảng đầu canh năm, bọn thám tử của Chinh liêu mạng xông ra đường không kể gì lệnh cấm; khi vượt qua mấy điểm canh, vừa đi vừa nghe ngóng thì thấy tất cả đều vắng lặng không có tiếng người. Chúng đi vòng đến cửa phủ, ngó khắp bốn phía cũng không thấy có người nào, mà chỉ thấy gáo mẻ nổi võ vút bừa bãi trên đường. Chúng vội vàng đi ra bến sông, thì ở đó chỉ có trời nước mênh mông, hàng trăm vạn lâu thuyền trước đấy, không biết đi đâu hết cả. Lập tức chúng chạy về báo với Chinh.

Chinh được tin ấy, trong bụng cực kỳ hoang mang, tự biết mình đã thất thế, ở lại thì không dám, mà bỏ đi thì cũng dở: đường thủy không có thuyền, đường bộ không có quân, muốn trốn không có chỗ trốn, không biết nên đi đường nào.

Người nhà Chinh khi ấy cũng rất sợ hãi. Nhưng Chinh trong lúc sống chết nguy cấp như vậy, vẫn còn dõ giọng bông đùa mà rằng:

- Ta đã đi khắp bốn biển chín châu, chẳng lẽ khi trở về xó bếp, lại bị chuột chù gặm chân ư? Không sợ! Không sợ! Ta cứ ở đây xem sao?

Bấy giờ bọn người nhà mới hơi vững dạ. Chinh bèn bí mật sai người chạy gấp ra bến Cơ Xá tìm thuyền. Tảng sáng, kiếm được một chiếc thuyền buôn. Chinh cùng bọn tay chân độ vài chục người đi đến cửa ô Tây Long thì bị dân chúng ở kinh kỳ từ tứ phía kéo ra đuổi bắt. Chinh một mình một đao quay lại đón đánh, mọi người phải chạy tán loạn. Thừa cơ, Chinh liền cướp đường chạy xuống bến sông, nhổ neo buông thuyền, thuận dòng xuôi thẳng ra cửa biển để theo quân Nam. Còn ngựa xe, khí giới, đồ đạc, của cải của Chinh đều bỏ lại ở chùa Tiên-Tích, không biết bao nhiêu mà kể.

Khi trời sáng rõ, có người đem chuyện đó tâu với hoàng thượng, hoàng thượng vẫn không tin. Sau cho người đi tra xét, mới biết là thật, hoàng thượng hết sức kinh ngạc, vội cho đòi các quan vào triều hỏi rằng:

- Anh em hẳn cướp hết của nước ta mà đi, để cái nước rỗng không lại đây cho ta, nếu như có việc nguy cấp thì lấy gì mà chống chế?

Các quan ngơ ngác nhìn nhau, chưa biết nên nói thế nào. Chợt viên quan hầu cận tâu rằng:

- Hôm qua vâng chỉ truyền sớm nay thiết triều. Bây giờ ngựa giá đã cột ngựa rồi, dám xin tâu lại.

Hoàng thượng bèn hỏi các quan:

- Phiên châu này hãy thôi chăng?

Các quan đều nói:

Hoàng thượng ra triều để ban chiếu chỉ đổi niên hiệu, đó là việc lớn, sao lại thôi? Hoàng thượng bèn ra ngự triều, rồi ban tờ sắc công bố việc đổi niên hiệu, lấy năm sau tức năm Đinh mùi (1787) làm năm đầu niên hiệu Chiêu-Thống. Trong tờ sắc đó, chỗ nào cũng một rằng nhờ đức vua của quý quốc, hai rằng nhờ thượng công của quý quốc, giọng văn đại để đều là những câu viết trong lúc vua Tây Sơn còn ở kinh sư; vả lại, những chỗ kể tội của họ Trịnh cũng hơi nhiều. Vì thế có người bàn rằng: Nay họ đã về rồi, nên đổi lại hết cả đi! Song trong khi vội vàng không làm kịp, nên lại cứ để như cũ không sửa đổi gì.

Tan châu, hoàng thượng bảo các quan ở lại triều đường họp thêm để bàn việc.

Nguyên hoàng thượng là người anh minh, quả quyết, từ lâu vẫn căm tức về việc bị nhà Trịnh chèn ép. Vả hoàng thượng với Thịnh vương lại có mối thù không đội trời chung (đây chỉ vào việc Trịnh Sâm giết Lê Duy Vỹ, tức là cha Lê Duy Kỳ), nên khi được Tây Sơn ra diệt Trịnh, hoàng thượng rất mừng. Lúc Đoan nam vương chết, hoàng thượng đang còn là hoàng tự tôn; tiên đế sai hoàng thượng đem các hoàng tử đến chỗ Bình ở tỏ lời chúc mừng, hoàng thượng đã nói với Bình rằng:

- Tôi có thù cha chưa trả, nay ông trả thù thay cho tôi, đòi tôi không còn mong gì hơn thế. Nếu thân này có phải chết ở quý quốc, tôi cũng không hề phàn nàn. Huống chi ông còn phò dựng họ Lê, khiến cho được thờ phụng tôn xã lâu dài, công đức ấy thật không nói sao cho xiết.

Bình đáp:

- Đạo trời vẫn hay đền bù. Đáng thái tử xưa bị hại, thì nay hoàng tự tôn cố nhiên là phải được hưởng phúc thái bình, thống nhất.

Kịp đến khi tiên đế băng, hoàng thượng lên nối ngôi, liền hăng hái tự gánh lấy việc nhất thống. Lại muốn nhân dịp quân Nam tôn phò, tự mình gây lấy uy thế, cho nên trong khi quân Nam chưa về, hoàng thượng đã nuôi ngầm vây cánh. Ngoài việc sai các hoàng thân ai về quê ngoại của nấy, để chiêu tập binh mã phòng khi dùng đến, hoàng thượng còn cho người tìm kiếm các nho sĩ, mời vào giúp việc cho mình. Về mặt quan văn, lúc ấy đã thu dùng được bọn Ngô Vi Quý, Vũ Trinh, Nguyễn Nễ. Hoàng thượng ngày đêm cùng họ trừ tính mọi công việc, ngay cả những mưu kế phải dùng đến trong lúc bối rối bất ngờ, cũng được lo toan chu đáo.

Bấy giờ, danh tướng trong thiên hạ thì có Thạc quận công Hoàng Phùng Cơ, Liễn quận công Đinh Tích Nhưỡng. Còn văn thần mà có binh lực mạnh mẽ thì có Dương Trọng Tế (còn có tên là Trọng Khiêm, người xã Lạc Đạo, huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ).

Hoàng Phùng Cơ từ khi thua trận ở Thuý ái, phải chạy về Sơn Tây, vẫn còn nấp náu chưa dám ra.

Nhường từ khi bị tan đạo quân ở Sơn Nam, liền về Cẩm Giàng, đem hết cả họ hàng ra chiếm luôn lũy trấn Hải Dương. Trấn này lúc trước chưa bị binh đao, trong thành còn có năm vừa thóc công, Nhường bèn đem số thóc ấy ra nuôi quân. Nhờ đó Nhường chiêu mộ được hơn một ngàn dũng sĩ, thanh thế lẫy lừng. Lúc ấy lại có một tên cướp biển là Thiêm Liên, nghe tiếng Nhường cũng đem đồ đảng xin theo, thành ra Nhường có trong tay cả thủy tới vài vạn quân.

Hồi Chính mới về kinh sư, đã có viết thư gọi Nhường. Nguyên Nhường với Chính đều là môn hạ của quận Việp, hai người vốn ăn ý với nhau. Nhưng khi viết thư trả lời Chính, thì Nhường lại kiếm cớ từ chối không đến, Chính cũng chưa có thì giờ hỏi đến việc ấy. Do đó, Nhường được chuyên giữ một lộ, ngày đêm ra sức luyện tập quân lính.

Còn viên văn thần Dương Trọng Tế thì vốn không biết việc binh. Nhưng Tế có Dương Vân là con trai người anh ruột, tính rất hung tợn, vẫn thường tụ tập những phường vô loại, hoành hành ở các làng xóm, ai cũng phải khiếp sợ. Lúc quân Nam ra, Vân ngầm cho gọi thợ rèn đến rèn đúc khí giới. Bình sai người tìm thợ rèn, nhân biết việc đó, bèn cho tróc nã bọn Vân. Vân đóng cổng làng, bắt hết những người của Bình đem giết đi. Trọng Tế cả sợ, bắt đắc dĩ mới phải khởi binh, kéo cờ, chiếm cứ huyện Gia Lâm. Chỉ trong mười ngày, quân của Tế đã lên trên một vạn. Quân tuần tiền của Tây Sơn sang đánh không hạ nổi.

Lúc quân Tây Sơn còn ở kinh thành, người trong kinh đồn rằng: hai đạo đông tây đã hợp quân làm một chặng bao lâu sẽ tới dưới thành. Đến lúc quân Nam lên rút đi, trong thành trống rỗng, các quan bàn nên gọi các hào kiệt vào giữ hoàng thành. Bấy giờ ai có người nào quen biết, đều xin nhà vua ban chỉ đi vời. Trong một ngày, chỉ dụ đưa đi đến hơn mười đạo. Nhường và Tế cũng đều ở trong số những người bị gọi.

Hoàng thượng cho rằng Tế là quan văn, nghe mệnh nhà vua tất phải đến ngay; còn Nhường là quan võ, lại có chút tiếng tăm, nếu mời mọc không trịnh trọng, chưa chắc Nhường đã chịu đến. Bởi vậy, hoàng thượng mới sai thảo một tờ sắc, lời lẽ cực kỳ ôn tồn, và trong sắc lại có các lời hứa như "nguyên huân" "đồng hưu", v.v... ("Nguyên huân" là người có công lao cao cả trên hết, "Đồng hưu" là hưởng chung mọi sự tốt lành) Rồi sai người đem sắc đưa cho Nhường.

Nhường đọc tờ sắc vừa khóc vừa nói:

- Nhà tôi mười tám đời quận công, ơn nước thật cao dày, đội trời đạp đất há dám quên ơn? Nay tôi còn có dăm ba người theo, cũng là nhờ về oai đức của nhà vua. Bấy giờ đã có chiếu mệnh ra đòi, đáng lý tôi phải lập tức đến ngay trước cửa khuyết. Nhưng vì tôi còn đang bận kiểm điểm binh mã, sắm sửa hành trang chưa thể đi được; vậy xin hãy hoãn cho tôi chừng năm ba ngày nữa, tôi sẽ vào triều sau.

Đoạn Nhường thảo tờ tâu và sai người theo sứ giả về kinh dâng vua.

Lúc Nhưỡng chưa đến kinh, người ở đây đồn rầm lên rằng Nhưỡng đem thủy binh đánh úp quân Nam, bắt được không biết bao nhiêu mà kể. Lại có tin nói rằng Nhưỡng đã tóm được Chinh, chặt hết chân tay làm hình "lợn người", chỉ trong sớm tối sẽ đưa tới kinh. Chợt lại có tin rằng con "lợn người" ấy đã được đưa đến kinh rồi. Thế là người ta tranh nhau đi xem. Một ngày có đến bốn năm lần háo hức, ồn ào lên, và cứ như vậy luôn trong mấy ngày liền. Bởi lẽ đó, hễ ai nghe tên Nhưỡng cũng đều khiếp phục và trông ngóng.

Hoàng thượng nhận được tờ tâu của Nhưỡng, thấy lời lẽ chan chứa lòng trung vua yêu nước, thì rất mừng, cho rằng Nhưỡng tất là người có thể tin cậy được, nên trong bụng cũng đỡ lo.

Lại nói, sau khi họ Trịnh bị diệt, quân Tây Sơn giết chết Đoan nam vương rồi kéo về Nam, những gia đình quan lại cũ và những bầy tôi còn sống sót ai nấy đều tiếc cho vương không khéo lẫn núp để đến nỗi bị nạn. Lòng họ vẫn còn chưa tuyệt vọng đối với họ Trịnh. Bấy giờ con đầu lòng của Đoan nam vương hãy còn nhỏ, vương thân Khanh quận công Trịnh Kiều thì đã già nua; chỉ còn có Côn quận công Trịnh Bồng và Thụy quận công Trịnh Lệ khi ấy đều khoảng bốn mươi tuổi, là có thể đảm đương được công việc.

Côn quận công là con trai Dụ tổ (tức Trịnh Giang), tính nét hiền từ khoan hậu, được nhiều người yêu mến. Cuối đời Thịnh vương, vì việc con thứ lỗi thời chúa đã muốn cho Thị Huệ nuôi Côn quận công Trịnh Bồng làm con, để nếu bệnh của vương tử Cán không khỏi, thì sẽ lập Côn quận công làm chúa. Nhưng rốt cuộc ý định ấy vẫn chưa thực hiện được. Đến lúc thế tử Tông lên ngôi, kêu binh mấy lần muốn phò dựng Côn quận công, họ vào tận nhà để thúc ép và đón rước ông ta, khiến ông ta phải lẫn vào phủ chúa kể rõ đầu đuôi với Đoan nam vương, rồi mới dám về nhà.

Còn Thụy quận công là con trai Nghị tổ (Trịnh Doanh) là em ruột Thánh tổ (Trịnh Sâm), vốn là người khôn ngoan và thông minh. Lúc Nghị tổ còn sống, quận Thụy thường vẫn có ý muốn cướp quyền con cả. Đến khi Nghị tổ mất, Thánh tổ lên làm chúa, quận Thụy bèn cùng với một người gia thần là Phạm Huy Cơ, tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1757) mưu toan việc cướp ngôi. Chẳng may bị Dương Trọng Tế phát giác, Thánh tổ lấy tình anh em ruột thịt tha tội chết cho quận Thụy, và bắt giam vào một nơi. Kịp khi Đoan nam vương lên ngôi, vương nghĩ nể mẹ quận Thụy là bà dì mẫu của mình, liền thả quận Thụy ra khỏi ngục. Ít lâu sau, gặp lúc bọn kêu binh oán giận vương, quận Thụy lại thừa cơ cùng với bọn này mưu cướp ngôi của vương. Nhưng việc cũng bị lộ. Mẹ Đoan nam vương vì lẽ quận Thụy là con trai của chị ruột mình, nên phải đứng ra cố xin với vương, vương nể lời mẹ, lại tha cho quận Thụy.

Lúc quân Tây Sơn kéo ra, quận Côn chỉ đem theo một con đòi, một tên đầy tớ, lánh vào huyện Chương Đức, lẫn lút trong đám dân gian làm kẻ ở ẩn lâu dài. Còn quận Thụy thì trốn về huyện Văn Giang, cùng với Thần trung hầu (tức Trương Tuân, người xã Như Quỳnh, huyện Văn Giang) ngầm chiêu tập binh mã, hòng có dịp là sẽ nổi lên.

Thần trung hầu là con trai của công chúa Quỳnh Anh, đối với quận Thuy và chỗ con cô con cậu. Thần trung hầu đỗ tạo sĩ, đã từng coi cấm quân, lại từng làm trấn thủ trấn Kinh Bắc. Khi nghe tin quân Tây Sơn đã rút, Thần trung hầu bèn dựng cờ viết hai chữ "cần vương", rước quận Thuy qua sông, rồi theo bến Thanh Trì đi thẳng lên cung Tây-long. Lúc này, quân của Dương Trọng Tế vâng chỉ hoàng thượng từ Gia Lâm vượt sông sang, tình cờ chạm trán với quân của quận Thuy.

Nguyên trước kia, Tế mới đỗ tiến sĩ và ra làm quan được ít lâu, thì đã phải bãi chức quan hơn mười năm vì tội ăn của đút; mãi sau nhờ công phát giác việc quận Thuy mưu phản, mới được phục chức. Bấy giờ gặp quận Thuy, Tế vô cùng sợ hãi, bèn đem quân xin hàng để chuộc lỗi xưa. Quận Thuy tức thì sai luôn Tế và Thần trung hầu đóng quân ở ngoài thành, khua chiêng đánh trống, thanh thế rất là lừng lẫy.

Khi ấy, hoàng thượng nghe tin Thần trung hầu đang lảng vảng ở bên ngoài, bèn sai người ra gọi vào. Thần trung hầu vào yết kiến, hoàng thượng liền bảo rằng:

- Ngươi là danh tướng con nhà dòng, nay dấy quân gìn giữ kinh thành, tấm lòng trung nghĩa ấy trăm rất ngợi khen. Vậy ngươi cứ mang quân vào, trăm sẽ tùy việc mà dùng.

Thần trung hầu quỳ tâu:

- Ở trong bốn biên, ai chẳng là tôi nhà vua. Bệ hạ khoan tay rủ áo không làm việc gì, thì còn cần chi binh lính bảo vệ? Duy có nhà chúa chẳng may bị lũ lính mọi làm hại, thì mới cần kíp phải dùng đến binh lính mà thôi!

Nói đoạn, Thần trung hầu lạy tạ đi ra.

Hoàng thượng giận, sai quan trấn điện đem quân đuổi chém. Mọi người phải cố sức can ngăn, hoàng thượng mới thôi.

Thần trung hầu về nói với Trọng Tế rằng:

- Xưa nay nhà chúa truyền ngôi, nối ngôi, có bao giờ phải xin mệnh lệnh nhà vua đâu? Thường thường khi công việc đã làm xong rồi, bấy giờ mới đệ tờ tâu vào triều. Ngay cả những tờ sắc dụ, sách phong, cũng đều do nhà chúa thảo sẵn trước, sau đó đệ lên hoàng thượng ngự lãm qua, rồi đưa trả về phủ chúa để tuyên bố thi hành, thế là thành mệnh (mệnh lệnh của vua làm thành từ trước), cần gì phải xin phép nhà vua cho thêm rắc rối?

Rồi hai người bèn tức tốc chỉnh đốn hàng ngũ binh lính, rước quận Thuy vào thành. Bấy giờ trời đã xẩm tối, chùng đến canh hai mới vào tới phủ. Họ bèn thắp đèn sáng trưng khắp cả phủ, đánh ba hồi chín tiếng trống, rồi phò quận Thuy lên ngôi. Thần trung hầu và Trọng Tế tự chia làm hai ban đứng ra lạy mừng. Lạy xong, họ lại bảo các quân sĩ cùng hò reo cho thêm rầm rộ.

Sau đó, hai người chia quân đi đóng giữ các cửa thành cùng các điểm canh trong kinh đúng như lệ cũ. Đến sớm mai, họ mới cho người đi gọi các quan văn võ.

Các quan văn là Hoàng quận công, Tứ xuyên hầu, Thao đường hầu, Kiên xuyên hầu, Luyện đường hầu, cùng vài ba viên tiên sĩ, khi ấy đang ở trong triều, thấy có giấy đòi, liền bảo nhau rằng:

"Quận Thuy từ trước đến giờ, đã từng ba lần gây việc mà đều không thành. Con người mà tâm địa như vậy, hẳn không phải là "của quý". Thần trung hầu là hạng công tử ăn chơi, bình sinh chỉ biết ban đêm uống rượu say mềm, rồi lăn ra ngủ đến khi mặt trời sắp xuống núi mới dậy. Như thế, trong một ngày còn được mấy giờ để lo việc nước mà còn muốn làm đại thần? Trọng Tế hỏi trước phản quận Thuy, nay lại theo quận Thuy, há cũng là "đồ vật ở chôn miếu đường" được ư? (câu này ý nói Trọng Tế không phải là người xứng đáng làm một vị đại thần ở triều đình) Huống chi, một việc lớn lao như vậy, mà trên không xin mệnh lệnh của nhà vua, dưới không thu góp ý kiến của mọi người, chỉ cầm đầu nhắm mắt để tự làm với nhau, lẽ nào lại thành việc được? Hoàng thượng vốn anh minh, quả quyết, chắc chắn bọn ấy không thể lẩn ép được. Chúng ta chớ nên hấp tấp, nhẹ dạ mà đến với họ, kéo sau này có hối lại cũng không kịp!".

Thế rồi, mấy người sai viên thư lại trả lời cho bọn Thần trung hầu và Trọng Tế, đại để như sau: "Các quan trong triều vì chưa vâng mệnh của hoàng thượng, cho nên không dám tự tiện tới phủ chúa. Xin hai quan lớn trình chúa hãy thảo giấy tâu xin mệnh lệnh của hoàng thượng, thì các quan sẽ xin vâng mệnh hoàng thượng sang phủ lạy mừng".

Trọng Tế bèn tự ý làm một tờ tâu rằng: "Thần là Trịnh Lệ kính tâu: Nhà thần đời đời nối nghiệp chúa, tôn phò nhà vua. Vừa rồi nhân vì quân mọi vào cướp, tôn miếu nghiêng đổ. Mây nhờ trung thần nghĩa sĩ một lòng giúp rập, giặc mọi nghe tin, đang đêm phải hốt hoảng chạy trốn. Hôm mùng mười tháng này, thần đã vào ở trong phủ. Vậy cúi xin ban cho sắc dụ, khiến thần được nối ngôi chúa, đời đời tôn phò, để giữ vững lấy cái cơ nghiệp vua, chúa trong ngàn vạn năm".

Hoàng thượng coi tờ tâu, cả giận nói:

- Nhà Trịnh là kẻ dưới mà dám lấn người trên, nên mới chuốc lấy cái nạn bại vong. Thế mà nay nó lại vẫn đi theo cái vết xe đổ ấy. Nó định khinh trẫm ít tuổi hay sao?

Khi ấy, quân của hoàng thượng chiêu mộ, đã có tới vài ngàn người, hiện đã đến ở trước cửa khuyết. Các quan tả hữu bèn khuyên hoàng thượng rằng:

- Chẳng qua hắn cũng giương to thanh thế đấy thôi! Ta cứ dọa cho hắn sợ, ắt là có thể nhân đó mà đè bẹp được hắn. Hắn có một vạn thủ hạ, quân ta cũng hàng mấy ngàn; nếu như hai bên đánh nhau, hắn muốn nuốt ta cũng chưa dễ đã nuốt trôi. Và chẳng nhân dân trong nước tuy nơi nào theo sự kêu gọi của hào kiệt nơi ấy mà nổi lên, và cố nhiên lại có

chia ra đám nọ đám kia khác nhau, nhưng cái lòng tôn vua thì đều như nhau cả. Nếu lấy việc chống lại nhà vua để nổi dậy, thì quyết không một người nào dám theo. Nay quận Thủy không chịu vào triều để bái yết, lại ngênh ngang ngồi trong phủ, chưa được mệnh vua mà đã xin sắc dụ, nếu ta dễ dãi cho hắn ngay, sau này khí thế của hắn mạnh thêm, sẽ có nhiều điều khiến ta không thể chịu nổi. Vậy xin cứ bắt hắn phải vào lạy trước đã rồi mới được lập, chắc chắn là hắn sẽ không dám tới. Hắn không tới, thì việc sách lập sẽ chậm, mà thế lực của hắn tất nhiên sẽ tan vỡ. Thần trung hầu, Dương Trọng Tế hai người ngồi sưng trong phủ mà đóng vai quan võ, quan văn phờng chèo, thì rốt cuộc cũng chẳng được mấy lúc.

Hoàng thượng theo lời, sai thảo một tờ chỉ, truyền dụ cho Trọng Tế, nói rõ lệ cũ mỗi khi lập ngôi chúa, thì chúa mới phải thân hành vào triều vâng mệnh nhà vua; rồi nhà vua mới hậu đãi bằng cái lệ "vào triều không lạy, tờ tâu không xưng tên". Thảo xong, hoàng thượng sai viên nội hàn là Lê Hữu Cáo đem tới phủ đường.

Trọng Tế xem rồi, tức thì xé tan tờ chỉ dụ ngay trước mặt sứ giả mà nói:

- Lạ thay, ta chưa từng thấy triều nào, đời nào lập ngôi chúa mà vua lại dám ngăn trở như vậy! Chắc là mấy thằng rồ dại đã lạy quân mọi hôm nọ, sợ rằng sau khi lập chúa, chúa sẽ hỏi tội chúng nó, cho nên chúng nó mới xúi bầy nhà vua đẩy thôi. Ta cần gì phải xin xỏ, cứ việc đem quân đến bắt hết mấy thằng xúi bầy ấy đi, cho trơ cái ngai gỗ ra. Xem vua có cho lập hay không cho lập?

Đoạn, Trọng Tế lại bảo sứ giả:

- Ông về tâu với hoàng thượng, chúa vẫn làm chúa, nhà vua có thiệt hại gì đâu? Xin hãy cứ lập đã, rồi sẽ vào lạy sau:

Sứ giả về triều tâu hết đầu đuôi, hoàng thượng càng tức giận mà rằng:

- Nó khinh ta quá lắm! Như thế nó còn phải xin mệnh của ta làm gì? Thôi mặc cho nó tự làm lấy, ta cũng không khiến nó lạy nữa!

Các quan trong triều thấy vậy, thấy đều run sợ. Giữa lúc ấy, bỗng có tờ tâu của quận Côn đệ vào, đại ý nói rằng: "Tổ tiên nhà thần giúp đức tiên đế gây nghiệp trung hưng, đội ơn thiên tử xét công ban thưởng rất hậu, phong cho ngôi chúa. Đến đời gần đây, vì chuyên quyền lâu ngày, đâm ra kiêu lộng, làm những việc trái với lẽ thường, đến nỗi sụp đổ mất cơ nghiệp của tổ tông. Nay thánh thiên tử thống nhất thiên hạ, đùm bọc che chở, tấm lòng rộng mở bao la như trời đất, chẳng nỡ làm tuyệt diệt tôn miếu nhà thần. Thần may được là dòng trưởng họ Trịnh, lánh nạn nấp ở dân gian, cái bụng mền nhớ tông miếu, băng khuâng suốt cả đêm ngày, chỉ vì chưa được chiếu chỉ, cho nên thần vẫn chưa dám tự tiện vào thành. Vậy dám đánh bạo tâu lên hoàng thượng xem xét".

Hoàng thượng coi hết tờ biểu, rất hài lòng, khen:

- Trẫm nghe nói quận Côn là người hết sức lễ độ, khiên tốn, quả nhiên không sai! Rồi ngài sai giao tờ biểu đó xuống cho triều đình bàn bạc. Các viên quan triều nghe tin quận Côn ở vùng Chương Đức, hiện có cái thế nổi lên được, ai nấy đều ngầm có bụng ngả theo, nên đều khuyên hoàng thượng xuống chỉ vời vào.

Quận Côn tiếp được chiếu chỉ, lập tức phân chia hàng ngũ người ngựa, luôn trong bữa ấy lên đường về kinh. Quan quân lại sĩ nghe tin, tranh nhau đi đón.

Thần trung hầu và Trọng Tế thấy vậy đều sợ hết hồn hết vía, đám người đi theo cũng hơi ngã lòng. Cả hai bấy giờ mới chịu lép vế cúi mình, sai người vào triều tâu xin cho quận Thụy tới lạy. Hoàng thượng ưng lời.

Khi sứ giả ra khỏi, hoàng thượng bèn sai lính phục sẵn ở bên cầu Cận-thiền, chờ quận Thụy và bọn Thần trung hầu, Trọng Tế tới nơi sẽ bắt lại để hỏi tội.

Nhưng quận Thụy rút cuộc cũng không dám vào. Trọng Tế biết việc không xong, bèn nói với quận Thụy, xin để mình và Thần trung hầu chia quân chống chọi với quận Côn. Quân của Trọng Tế ra đóng ở cửa ô Trường-bản (ở vào khoảng Giảng Võ, Voi phục trên đường Đại La, Hà Nội bây giờ), còn quân của Thần trung hầu thì đóng ở cửa ô Xã Đàn [nay ở vào khoảng làng Xã Đàn và Nam Đồng (Hà Nội)].

Rồi thừa cơ, Trọng Tế bèn bí mật sai Nguyễn Mậu Nễ đem một cánh quân lên đi xin hàng.

Nễ tới làng Nhân Mục, vừa gặp tiên quân của quận Côn. Nễ liền sai quân lính cầm gươm giáo xuống đất, hai tay chấp lên trán, đứng ở bên trái đường. Khi kiệu của quận Côn đến nơi, Nễ quỳ xuống, thuật rõ ý của Trọng Tế. Quận Côn bằng lòng, sai ngay Nễ làm tiên bộ tuyền phong. Đi đến dưới lầu Trường Thi, gặp quân của Thần trung hầu chĩa súng bắn thẳng vào, quân của Nễ liền ngồi thụp cả xuống đất để tránh đạn. Quân của Thần trung hầu kéo ừa tới. Quân của Nễ bấy giờ mới nhất tề đứng dậy, xông bừa vào đám quân của Thần trung hầu. Quân Thần trung hầu thấy quân Trọng Tế đã đầu hàng như thế, liền vất bỏ cả gươm giáo mà chạy. Quân Nễ và quân của quận Côn thừa thế đuổi thẳng đến trại Nam Đồng, chém được chừng vài trăm người, quân của Thần trung hầu thua to phải chạy vào thành. Thế là tất cả đều tan vỡ. Quận Thụy, Thần trung hầu, Trọng Tế không còn dịp nhìn nhau, nhắm thẳng phía cửa ô Ông Mạc, mạnh ai nấy chạy lấy thân mình.

Quận Côn kéo quân vào thành. Khi ấy đám tàn quân của Trọng Tế ở cửa ô Trường Bản, phía ngoài bị quân của quận Côn chẹn ngang, phía trong bị lính thị vệ của nội điện chặn giữ, thành ra chúng không còn đường nào mà chạy, phải liều chết cố đánh.

Chúng đâm một hoàng thân ngã ngựa chết. Hoàng thượng cả giận, liền sai quân bỏ vây, bắt hết cả bọn đem chém, máu chảy lênh láng, ngập đến mắt cá chân. Hôm ấy là ngày 14 tháng chín.

Lại nói, bấy giờ thanh thế của quận Côn rất là ghê gớm. Nhưng vì thấy y có vẻ cung kính, hoà thuận, nên hoàng thượng định hãy cứ vỗ về y, rồi sẽ ngấm ngấm uốn nắn dần. Đến lúc quận Côn đã vào trong thành, hoàng thượng liền sai dẫn y tới ra mắt ở điện Vạn Thọ. Quận Côn lạy năm lạy và rập đầu vái ba vái. Lễ xong hoàng thượng cho ngồi và bảo: Nhà chúa trải hai trăm năm tôn phò, công lao đối với nhà vua không phải là nhỏ. Trẫm muốn đền ơn thật hậu. Xét trong họ hàng nhà chúa, không ai được hiền như ông, vả ông lại là ngành trưởng, nên việc nói dòng tế tự trẫm vẫn để dành cho ông.

Quận Côn tâu rằng:

- Thần vốn là kẻ hèn mọn, tính lại ưa sự điềm tĩnh. Gặp lúc vận nhà suy bĩ, thần đành cam phận bỏ đi, những toan khoác áo cà sa mà sống cho trọn quãng đời thừa. May sao, nhờ hoàng thượng sẵn có mưu mô thần thánh, xoay lại vận hội trời đất, nên nạn nước lại yên, thần lại được trông thấy mặt trời. Bấy giờ, hoàng thượng lại nghĩ đến tiên tổ nhà thần, mà không nỡ dứt bỏ thần, thần kính xin được về triều để đợi mệnh. Gây dựng cho thần kiếp này, đều là ơn của hoàng thượng vậy!

Hoàng thượng khen phải, rồi hỏi luôn:

- Thế đã chọn nơi nào để đóng quân hay chưa?

Quận Côn đáp:

- Toà lượng phủ (phủ cũ của thế tử họ Trịnh) còn có thể che mưa che gió, thần xin ở đấy.

Ý hoàng thượng không muốn cho quận Côn ở trong phủ, bèn nói:

- Nhà cũ của ông không việc gì chứ?

Quận Côn thưa:

- Nhà thần ở chỗ hẻo lánh, lửa binh không lan tới, nhưng cũng bị người kẻ chợ cướp bóc, tàn phá, không còn chỗ nào nguyên lành.

Hoàng thượng lại hỏi:

- Thái phi và các vương tử của Đoan nam vương bây giờ ở đâu?

Quận Côn đáp:

- Trong lúc hoảng hốt vội vàng, mỗi người chạy đi mỗi ngã, đến khi tạm yên mới kịp dò hỏi. Nay vừa được biết, họ đều ở nhà Ngạn lĩnh hầu trên trấn Sơn Tây. Nghe đâu ba vị vương tử đã chết mất hai, giờ chỉ còn vị con cả mà thôi!

Hoàng thượng nói:

- Đoan nam vương xưa cũng có hậu tình với trẫm, trẫm rất thương xót, thường vẫn cho người thăm viếng phần mộ, sửa lễ cúng vái, để an ủi hương hồn. Trẫm cũng thường hay hỏi thăm tin tức thái phi và các vương tử, đến nay mới biết đích xác. Vậy hãy cho người đón về đây, trẫm sẽ hậu đãi!

Quận Côn đáp:

- Dạ!

Hồi lâu, quận Côn lạy tạ xin lui. Khi qua cửa phủ, vào thăm cung miếu, quận Côn gào khóc một chặp, rồi lại sai xe đưa về lượng phủ. Nhưng bọn tay chân nói:

- Thần dân thiên hạ rước ngài đến đây, chỉ muốn ngài ở phủ làm chúa, để họ lập chút công danh. Nay ngài lại nhường phủ không ở, chắc họ sẽ bảo ngài là "vương tử lại hoàn vương tử". Rồi đó lòng người chán nản, đại binh sẽ tan, khó mà thu thập lại được. Nếu về ở lượng phủ, thà rằng cứ ở Chương Đức làm một người thanh nhân, còn phải lôi kéo bao nhiêu người tới đây làm gì cho nhọc?

Quận Côn nghe lời, bèn lưu lại trong phủ, vào ở tại Trạch Các, rồi làm tờ tâu lên hoàng thượng, đại ý nói rằng: "Thần vào thăm gia miếu, trông thấy lửa hương ngụi lạnh, quang cảnh tiêu điều, lòng bồi hồi không nỡ bỏ mà đi. Vậy xin tạm chọn một ngôi nhà cạnh miếu để ở, cho tiện sớm hôm quét dọn thăm nom, để cho linh hồn tiên tổ được yên". Hoàng thượng xem tờ tâu, hiểu ý ngay, nhưng thế chưa ngăn cấm được, liền bảo với các quan tả hữu rằng:

- Nếu muốn ở phủ, tức là lại muốn được làm chúa rồi. Như thế thì cái nạn quận Thụy cũng vẫn chưa trừ được vậy. Cái ổ đã vỡ đó, hết kẻ kia đi, lại đến kẻ này lại, ồn ào bụi bậm làm dơ bẩn con người. Trẫm giận mình, lúc Tây Sơn mới đi, đã không kịp cho ngay nó một mẻ lửa cho rảnh!

Hôm sau, hoàng thượng sai các quan trong triều bàn việc sách phong cho quận Côn. Ý hoàng thượng chỉ muốn phong làm quốc công rồi cho hưởng lộc hậu hơn mà thôi. Nhưng các quan triều thấy quận Côn giữ binh ở phủ, chắc y không chịu ngồi suông; vả lại, coi cái thế thiên hạ hòa theo y bây giờ, thì có đè nén cho y khởi to lớn cũng chẳng được nào. Bởi vậy, không có người nào dám bàn trước. Chợt có kẻ xin với vua rằng:

- Nhà chúa từ khi Văn tổ (tức Trịnh Tráng) bắt đầu được phong là chức tiết chế thủy bộ chư doanh, bình chương quân quốc trọng sự và tước quốc công. Bây giờ, xin theo như lệ cũ ấy mới là có căn cứ.

Hoàng thượng bèn sai lấy quốc sử xuống để tra xét cho rõ, rồi bắt bớt đi hai chữ "tiết chế". Các quan triều đều phân vân chưa dám quyết định.

Giữa lúc ấy, chợt có tin báo Liễn trung hầu Đinh Tích Nhưỡng vâng sắc hoàng thượng đã tới. Nhưỡng có ba ngàn bộ binh đóng ở Bát Tràng, nói thặng lên là ba vạn, và ba trăm chiến thuyền đóng ở bên Thuý ái, nói thặng lên là ba ngàn; lại lấy hiệu quân là Đông-Giang. Người trong nước bấy giờ, nghe thanh thế của Nhưỡng, đua nhau đi theo rất đông.

Nhưỡng đem vài trăm khinh kỵ vào thành, dương dương tự đắc có vẻ coi khinh cả thiên hạ.

Hoàng thượng thấy Nhưỡng đến vừa lúc quận Côn cũng đến, e cuộc gặp gỡ ấy làm cho Nhưỡng bất bình, mới sai người dẫn Nhưỡng vào ra mắt, vỗ về an ủi cực kỳ ôn tồn. Nhưỡng cũng giải tỏ hết tâm lòng trung ái của mình. Hoàng thượng bảo Nhưỡng:

- Nhà ngươi nay đã đến đây, nên đem hết quân vào thành để bảo vệ kinh sư.

Nhưỡng lạy tạ rồi lui ra.

Hoàng thượng lại bảo Nhưỡng ra triều đình để cùng các quan bàn việc.

Các quan đem lệ cũ ở quốc sử ra nói với Nhưỡng. Nhưỡng nói:

- Tôi là kẻ võ biên không biết văn học; chẳng hay hoàng thượng đãi nhà chúa như thế là hậu hay bạc?

Các quan ngập ngừng chưa dám trả lời ngay. Chợt có Nguyễn Hàn đáp rằng:

- Nhà chúa không thể giữ nổi tôn miếu, hoàng thượng bảo tồn cho, như thế kẻ cũng đã là hậu.

Nhưỡng nhìn Hàn chòng chọc và hỏi:

- Ông là tiến sĩ phải không?

Hàn thưa:

- Phải!

Nhưỡng lại hỏi:

- Đỗ khoa nào?

Hàn trả lời:

- Khoa Kỷ hợi (1779).

Nhưỡng nín lặng đi ra.

Các quan cũng đều lui về.

Hôm ấy, thủ hạ của quận Côn vì muốn dựa vào uy thế của Nhưõng cho chóng thành việc, mới khuyên quận Côn mời Nhưõng đến để phó thác công việc.

Nhưõng từ chối mà rằng:

- Tôi là bề tôi nhà Lê nhà Trịnh, chỉ biết có nhà Lê nhà Trịnh, há lại có bụng dạ kia khác nào? Nay ông đến đây, việc phong tước còn chưa xong, tôi lại vừa mới đem quân tới, nếu tôi vào ra mắt ông, e khi ông được làm chúa, rồi nay mai hội bàn ở triều đình, tôi có điều gì không đồng ý kiến với họ, người ta sẽ ngờ cho tôi là tư tui với ông. Vậy xin hãy cứ chờ đến khi nào có mệnh lệnh nhất định của hoàng thượng, bấy giờ tôi sẽ đến lạy chào cũng chưa muộn gì.

Hôm sau, hoàng thượng xuống chỉ phong Nhưõng tước quận công, rồi sai nội hàn Lê Hữu Cáo khuyên Nhưõng một lòng giúp rập nhà vua cho thành công cuộc nhất thống.

Nhưõng nói:

- Tôi vâng chiếu đến đây, chỉ mong thánh thiên tử ở trên cầm quyền, nhất thống bốn biển, ấy là phúc của thiên hạ. Tôi đâu dám chẳng ra sức để làm cho tỏ hết lòng ngu của mình? Nhưng trước kia tôi trót phạm quân luật, làm tan vỡ cả một đạo quân, để cho việc nước đến nông nổi này; mà nay hoàng thượng lại tha tội cho, như thế cũng đã là may mắn lắm rồi. Còn bây giờ, trong lúc ngôi chúa vẫn chưa định, mà tôi lại đi nhận phong tước trước, thì dư luận của mọi người sẽ bảo tôi ra sao? Tôi thờ bệ hạ còn về lâu về dài, vậy nay hãy xin trả lại mệnh phong tước.

Tiện thể, Cáo đem việc hoàng thượng muốn phong cho quận Côn tước quốc công để dò ý Nhưõng. Nhưõng bèn đáp rằng:

- Thánh thiên thử chẳng thiếu gì trí tuệ, cứ dãi ngộ thế nào cho xứng với công đức của nhà chúa là được.

Cáo về triều, thuật lại ý Nhưõng, và xin theo đúng như lệ phong Văn tổ khi trước. Hoàng thượng lại sai các quan triều bàn bạc rồi phong quận Côn làm tiết chế thủy bộ chư doanh, bình chương quân quốc trọng sự, tước Côn quốc công, cấp ba ngàn tên lính, năm ngàn mẫu ruộng, hai trăm xã dân để cung phụng về việc tế tự nhà chúa. Sau đó, các quan lại đem ý của hoàng thượng nói với Nhưõng. Nhưõng chẳng có ý kiến gì khác. Các quan bèn đem lời bàn của triều đình tâu lên hoàng thượng. Hoàng thượng nghĩ rằng: Văn tổ ngày xưa lúc mới phong thì thế, mà rồi về sau, lại tiến lên đến ngôi chúa. Bây giờ nếu không nói trước rõ ràng, e rằng lâu dần sẽ lại sinh ra những chuyện khác. Bởi vậy, khi đã quyết định việc phong tước quốc công cho quận Côn, hoàng thượng bèn bắt các quan triều làm tờ sắc dụ, nói rõ từ nay về sau cứ đời đời nối tiếp tước công mà thôi. Các quan triều

vâng mệnh hoàng thượng làm đúng như vậy. Mấy chữ ấy ghi trong sắc dụ. Nhược không được biết gì hết.

Hôm sau, hoàng thượng, sai quan đem sắc đến phủ ban cho quận Côn, rồi lại sai đem dán bản sao ra ngoài cửa Đại hưng cho thiên hạ đều biết.

Nhưỡng xem tờ yết thị, thấy có chữ "đời đời nối tiếp tước công" liền hăm hăm mà rằng:

- Lấy tước công làm cái mệnh lúc đầu, còn có lý. Nay lại nhất quyết hạn định ở tước công, bắt con cháu nhà chúa đời đời kiếp kiếp cứ phải noi theo như thế mãi thì còn có lý nào nữa? Vừa rồi giặc đến, nhà vua được tôn phò, các quan văn võ không một người nào phải mất tước vị; riêng nhà chúa thì có tội tình gì mà lại bị thụt chức? Thử coi những kẻ tai mắt ngồi ở trong triều, ai không chịu ơn sâu của nhà chúa? Thế mà bây giờ người ta lại dùng những câu văn khéo léo để chiều ý nhà vua như vậy, thật là khinh bạc quá lắm! Được! Họ đã nổi tiếng vì câu văn khéo léo, thì ta cũng lại lấy câu văn khéo léo mà chọi lại, thử xem ai thắng ai?

Rồi Nhưỡng làm luôn một tờ yết thị như sau:

"Hàm-Giang, Đình mỡ kính đạt các quan văn võ quý đài:

Nay vâng sắc chỉ lập quốc công để nối dòng dõi nhà chúa. Nếu như lòng người đều đã thoả thuận, thì nên đến phủ lạy mừng. Nhược bằng ai còn nghĩ đến công đức nhà chúa, riêng có ý tâm xin thế nào, thì hãy đến cùng họp ở cung Tây-long, bàn với mỡ về việc thảo biểu dâng lên hoàng thượng, để cúi chờ thánh thượng xét định, cho thoả lòng mong mỏi của thiên hạ".

Khi mệnh ban tước quốc công mới ban xuống, ai nấy đều nghĩ rằng việc đó hẳn chưa hết miệng tiếng. Đến lúc này Nhưỡng đã đi trước mọi người, lập ra cuộc họp để tranh công đầu. Tuy nhiên, để phòng ngừa vì lỡ mắng thô bạo mà hỏng việc như bọn Thần trung hầu, Dương Trọng Tế, nên Nhưỡng cũng không dám dùng uy thế mà ăn hiếp các viên triều thần hiện đang theo nhà vua. Ngược lại, các viên triều thần khi mới gặp Nhưỡng, cũng chỉ ngồi im để xem Nhưỡng ngả về bên nào mà cân nhắc nặng nhẹ. Lúc thấy Nhưỡng kêu gọi hội họp, mọi người tuy không dám theo Nhưỡng, nhưng trong bụng lại sợ Nhưỡng, vì thế việc theo phò nhà vua cũng có phần chênh mảng. Còn nhà vua, tuy vẫn quyết tâm giữ mệnh cũ, không chịu thêm bớt nửa chữ, xong cũng chỉ xoay xở một mình, không ai là người giúp đỡ.

Bây giờ, trong hàng quan văn đến họp với Nhưỡng có Ngô Trọng Khuê, Nguyễn Gia Lịch (có bản chép Nguyễn Văn Lịch), Nguyễn Tông Điền, Nguyễn Huy Chiêu, Nguyễn Đình Thiệu, Phan Huy Ích... cả thảy sáu, bảy người.

Các quan đến dự cuộc họp, được Nhưõng đặt tiệc rất to để thết đãi. Tiệc xong, Nhưõng hỏi mọi người rằng:

- Cái mệnh "quốc công" các ông cho là thế nào?

Ngô Trọng Khuê đáp:

- Hai trăm năm nay có vua có chúa, công đức nhà chúa không thể vì một lần thất bại mà hết sạch. Nhà vua còn ít tuổi, nghĩ ngợi chưa chu đáo. Phụ họa với ý nhà vua để làm việc vô lý này, đó là lỗi của bọn chúng tôi. Phen này chinh đốn lại, phi ông thì không xong.

Nhưõng nói:

- Tôi họp các ông cũng chính vì việc đó. Bây giờ tôi muốn làm tờ tâu để xin với nhà vua, vậy các ông có hiệp ý không?

Mọi người đều đáp:

- Không hiệp ý thì đã chẳng đến đây; đã đến đây tức là không ai không hiệp ý.

Nhưõng nói:

- Nếu các ông đã hiệp ý, thì nên thảo ngay tờ tâu để tôi đem dâng hoàng thượng. Hoàng thượng dầu muốn chẳng cho, tôi cũng cứ cố xin, đến bao giờ được mệnh lệnh nhất định thì mới thôi.

Một viên quan võ là Nguyễn Gia Quán nói rằng:

- Thần trung hầu, Dương Trọng Tế cũng có tờ tâu hãn hoi, vậy mà chỉ đợi xin mệnh, cho nên rút cuộc mới hỏng việc. Nay có đủ cả quan văn, quan võ cùng hội họp như thế này, cứ kéo tuột vào trong phủ là tự khắc thành triều đình. Triều đình đã thành, thế lớn ắt phải trở về với nhà chúa. Kìa hãy thử nhìn hai điểm tả hữu (trước kia Trịnh Cương đặt tả điểm và hữu điểm ở ngoài cửa phủ đường, để làm chỗ trạm quan tra xét kiện tụng), không lại vẫn hoàn không. Đã đến nước ấy, cần gì còn phải đợi xin mệnh nữa?

Nhưõng đáp:

- Tôi muốn làm thế, kẻ cũng không khó. Nhưng thiết nghĩ chúa không chịu mệnh của nhà vua, bảo là thuận thì chưa lấy gì làm thuận. Và lại tục ngữ đã nói: "Chẳng ai mặc áo qua đầu". Vì vậy, tôi muốn cứ theo con đường ngay thẳng cho phải lẽ. Tôi không phải là quân ô hợp như bọn Thần trung hầu và Trọng Tế, để đến nỗi bị người ta bỏ rơi. Nếu tôi đã tâu xin, hãn là mấy ông thầy già ngồi trong triều có muốn làm rầy tôi cũng không thể được.

Sau đó, mọi người bèn thảo tở tâu, đại ý nói rằng:

"Nay kính vâng hoàng đế bệ hạ đoái nghĩ đến nhà chúa, muốn cho được bảo tồn dòng dõi, phong làm tước công, đòi đòi giữ việc cúng tế. Thần dân thấy vậy, chẳng ai không cảm kích. Nhưng nhà chúa từ đức Thái vương về sau vẫn được thiên tử ban cho tước vương. Mới rồi gặp cơn quốc biến, tiên chúa Đoan nam vương đã phải đem thân chết theo nước. Bây giờ nạn nước đã qua, vâng được thánh thượng bao dung, các bề tôi đều không ai bị mất quan tước, riêng có nhà chúa lại phải giáng phong. Như thế, thần dân nghĩ không đành lòng. Vậy dám cúi xin cho Côn quốc công được phong lên tước vương, cho thoả lòng mong mỏi của thần dân".

Hoàng thượng xem xong tờ tâu liền nói:

- Cứ nằng nặc đòi phong vương để ăn hiệp ta mới sướng hay sao? Nếu yên phận làm tôi, thì công với vương phong có khác gì? Và lại, mệnh vừa mới ban xuống mà đã muốn đổi, mệnh thiên tử đâu phải là trò trẻ con?

Các viên quan triều thấy vậy, tự nghĩ phò chúa đã không dự, giúp vua lại không xong, ai nấy đều muốn tháo thân mà đi. Tứ xuyên hầu vào tâu với vua:

- Lấy chúa hiệp vua, đó là cái gốc sinh loạn. Loạn đã đến thế, họ vẫn còn noi theo vết cũ mà làm, chẳng qua cũng là lòng trời xui khiến ra như vậy. Nhượng là kẻ vũ phu, không thể lấy nghĩa lý mà nói cho hiểu. Thần xin vâng chỉ đến nói thẳng với quận Côn, khuyên y hãy từ bỏ chuyện xin phong vương, may ra việc nước còn có thể làm được. Nếu không, phen này mà loạn thì lũ thần không sao xoay chuyển nổi. Dám xin hoàng thượng hãy tha tội cho thần!

Hoàng thượng bằng lòng, Tứ xuyên hầu bèn đến phủ nói với Côn quốc công rằng:

- Tôi chịu ơn sâu của nhà chúa, không phải là không muốn hậu với ông. Nhưng mà biến cố của nước nhà lần này, chính là một cơ khép mở rất lớn của trời đất; do đó, mọi việc đều không câu nệ vào nếp cũ. Nay nếu theo lệ nối ngôi ngày trước mà lập, để ép thiên tử phải làm cái việc không muốn làm, thì thật là quá ư vô đạo. Lũ chúng tôi, nghĩa không thể nín, cho nên phải nói với ông. Ông nếu bỏ qua lời nói của tôi, thì loạn lạc sau này, sẽ không thể cứu được nữa. Trong sách đã nói: "Nước có đạo thì làm quan, nước vô đạo thì ở ẩn." Lũ chúng tôi đành xin đi từ nay.

Côn quốc công đáp:

- Tôi vẫn tự biết là kẻ hèn mọn, đâu dám mong những điều quá đáng? Việc này là do Liễn trung hầu gây ra, tôi thật không dự, xử trí thế nào tùy lượng bề trên. Xin ông hãy vì tôi tâu lên hoàng thượng, soi xét cho tấm lòng ấy của tôi.

Tứ xuyên hầu thấy lời lẽ Côn quốc công có ý thoái thác, bèn về tâu với vua rằng:

- Việc này thần không thể nào xoay chuyển được nữa. Hoàng thượng dùng thần cũng là vô ích!

Rồi Tứ xuyên hầu từ biệt mà đi.

Những nghe tin ấy, nói với mọi người:

- Lão rập râu sâu mắt bỏ đi rồi, thế là bớt được một tên cáo già!

Lúc ấy, hai điểm tả hữu đều bỏ không. Những kẻ hội họp trước kia nay về ngôi trong triều, đều là bè đảng của Những. Hoàng thượng thấy vậy, than thở với bọn gia thần rằng:

- Ta nay không còn ai giúp rập nữa rồi! Tuy vậy, nó cũng không thể cậy đông người mà ăn hiếp ta được. Ta cứ không nghe, thử xem nó làm thế nào?

Thế rồi, sau khi Tứ xuyên hầu đã đi khỏi, hoàng thượng vẫn cứ giữ nguyên mệnh cũ, ngay cả số quân dân, cũng đều không cấp thêm cho Côn quốc công một người nào cả. Các quan văn trong toà nội hàn ở luôn bên cạnh vua sợ bị Những quở trách, nhiều người khuyên vua nên ưng cho lời xin của hắn. Nhưng vua đều không nghe.

Những thấy nhà vua cương quyết, cũng có ý chèn, bèn làm một tờ tâu kín, xin vua cứ cho Côn quốc công mang danh hiệu tước vương, còn các quyền bính thì vẫn thuộc về nhà vua. Trong tờ tâu ấy, lời lẽ của Những cực kỳ mềm mỏng. Rồi Những lại thân vào châu để xin với vua. Vì thế, nhà vua mới nguôi lòng mà nghe theo, phong cho Côn quốc công làm nguyên soái phụ quốc chính, tước án đô vương. Rồi vua sai viên quan trong triều là Nguyễn Du (Nguyễn Du quê ở xã Văn Xá, huyện Thanh Oai, Hà Đông, đỗ tiến sĩ khoa Ất tỵ (1785) năm Cảnh Hưng) đem sắc chỉ đến ban cho Côn quốc công.

Côn quốc công vâng mệnh, thân hành vào triều lạy tạ; đoạn về phủ sai người đánh ba hồi chín tiếng trống, làm lễ lên ngôi chúa. Hôm ấy là ngày mười chín tháng chín.

Sau khi án đô vương được lập, các quan tả hữu khuyên vương nên theo lệ cũ, đặt ra các viên tham tụng, bồi tụng, chương phủ, thự phủ, để dựng riêng một triều đình. Rồi họ lại trông mặt mấy viên đến họp ở cung Tây-long hôm nọ mà chỉ định người này làm chức này, người kia làm chức kia, sắp đặt rõ đầu vào đấy. Nhưng Những tự nghĩ hôm trước mình tâu với hoàng thượng như thế, mà nay đã vội tự ý tráo trở, lật lọng, e rằng như vậy là lừa gạt bề trên quá chừng. Vì vậy, Những vẫn còn trù trừ, chưa dám xin vương ra mệnh.

Còn hoàng thượng, thì cứ giữ theo mệnh cũ, đổi chức tham tụng làm bình chương, bồi tụng làm tham tri, thêm sai làm thêm thư, hai điểm tả hữu làm hai nhà nghị sự. Rồi bắt Những phải kíp chọn lựa các quan, xin chỉ hoàng thượng, rồi định ngày họp ở nhà nghị sự để chia đặt mọi việc. Nhưng ý Những chưa quả quyết, thành ra công việc cứ dùng dằng, lẩn quẩn luôn trong mấy hôm.

Đang khi ấy, chợt có tin báo Thạc quận công ở trấn Sơn Tây đã thu thập hết binh lính các huyện, đông đến vài vạn người, lại đem cả thổ binh của bọn phiên mục đất Phù Sùng ở vùng Hưng Hoá là Đinh Công Hồ và Đinh Công Trinh đi theo, nay mai sẽ tới kinh sư.

Thật là:

*Đã mạnh lại còn tay mạnh nữa,
Bất ngờ phòng chuyện bất ngờ hơn.*

Chưa biết quận Thạc đến kinh sư làm gì? Hãy xem hồi sau phân giải.

Hồi thứ bảy

*Phò Lê đế, đạo Vũ thành lại ra quân
Đốt Trịnh cung, chúa án đô phải bỏ nước.*

Lại nói, Thạc quận công (Hoàng Phùng Cơ) sau khi thua trận ở cửa Thuý ái, liền chạy về vùng Hưng Hoá, nương nhờ ở nhà một phiên mục là Đinh Công Hồ. Kịp khi nghe tin quân Tây Sơn đã rút về Nam, quận Thạc bèn tới trấn Sơn Tây, thu nhặt binh lính để về bảo vệ kinh thành. Khi ấy hoàng thượng vẫn thường cho người qua lại chỗ quận Thạc, vua tôi rất là ăn ý với nhau.

Đến lúc này được tin quận Thạc đã tới, nhà vua liền sai ông ta đem quân vào đóng ở cửa ô Trường Bản để bảo vệ hoàng thành. Lúc vào thành, quận Thạc đến lạy chào nhà vua, rồi sau mới ra chào án đô vương.

Bấy giờ, người trong kinh nhao nhao đồn rằng: "Thạc vào bè với vua; Nhưỡng vào bè với chúa. Hai người sẽ có ngày dàn quân đánh nhau. Cả hai đều là tướng mạnh chưa biết ai thua ai được?". Hoặc có người lại nói rằng: "Vua với chúa thế lực cũng ngang nhau, nhưng vua có phần mạnh hơn một chút".

Án đô vương thường sai người đến úy lạo quận Thạc, khuyên Thạc nên giúp đỡ nhà chúa. Nhưỡng cũng hay cho người đi lại biểu xén để liên kết với quận Thạc.

Thủ hạ của quận Thạc có người tên là Nguyễn Liên, thấy thế lớn trong thiên hạ đang có chiều ngã về phía chúa, nên cho rằng việc Nhưỡng phò chúa khó mà có thể xoay chuyển được. Rồi nhân đó, muốn cho quận Thạc hợp vào với Nhưỡng, Liên bèn cố khuyên quận Thạc bỏ vua mà theo chúa. Quận Thạc trả lời:

- Người ta khó nhọc mới làm được mâm cỗ ngon, mình bỗng xông đến, chọc ngay đũa vào mà ăn, còn ra cái mặt mũi gì nữa?

Liên nói:

- Hiện nay ngôi chúa tuy đã lập, nhưng quyền chúa chưa định xong. Ông Nhưỡng vì đã trót hứa với hoàng thượng là quyền bính thuộc về nhà vua, nên bây giờ không dám hé răng nói lại. Chúa ngồi chồm chồm ở trong phủ, mà hoá ra chính phủ chẳng có người nào, dân không biết theo ai. Việc ấy không có ông thì không xong. Người xưa có câu: "Làm việc thì dễ; làm cho nên việc mới khó". Bây giờ nếu ông gánh lấy cái khó ấy, thì công nghiệp chẳng kém gì ông Nhưỡng đâu!

Quận Thạc hỏi:

- Thế thì nên làm ra sao?

Liên đáp:

- Người ta có thể họp được các quan, sao ông lại không chịu họp? Nay ông hãy định ngày hội họp các quan để bàn về việc đặt tên các quan chức rồi sau đem những lời bàn ấy mà tâu xin với nhà vua, hẳn là nhà vua phải nghe theo.

Quận Thạc khen phải, rồi sai thảo tờ hiểu thị các quan văn võ, đại ý nói rằng:

"Khi Nguyễn Hữu Chinh đưa giặc vào cướp nước, mỗ vâng mệnh dẹp giặc, chẳng may đã sai phạm quân luật và làm tan vỡ quân đội, đến nỗi kinh thành không giữ được, thật là đáng chịu tội muôn lần. May nhờ lòng trời hồi hoạ (một quan niệm cũ cho rằng, mọi tai hoạ ở trên đời đều là do trời gieo rắc, khi tai hoạ hết, ấy là lúc trời đã hồi lại), quân giặc phải lén trốn về. Nay non sông lại y nguyên, vua chúa vẫn như cũ. Nhưng giuông mối đã đổ, triều chính lại càng rối bời. Tướng võ, quan văn, há nên một mực im lặng? Vậy xin định đến ngày này tháng này, hội họp ở bộ Lễ, cùng nhau bàn định, rồi sẽ tâu lên hoàng thượng và trình lên vương thượng biết; sau đó xin giao xuống cho thi hành, để chỉnh đốn lại thể thống của triều đình".

Mọi người thấy tờ hiểu thị đó, đều cho rằng quận Thạc vì nhà vua mà mở ra cuộc họp ấy, để báo thù lại cuộc họp của Nhữông ở Tây-long trước đây. Đến ngày đã định, quận Thạc kéo quân từ hoàng thành ra, Nhữông dẫn quân từ phủ chúa lại, người ta chắc là hai tướng sắp sửa đánh nhau, có kẻ sợ vạ lây đã phải lánh đi nơi khác. Nhưng đến khi thấy hai tướng đã gặp nhau mà không xảy ra chuyện gì, thì người ta lại đồn rằng quận Thạc lừa cho Nhữông ngồi vào họp rồi mới bắt, tướng trẻ tất phải mắc mưu tướng già. Rút lại, chẳng ai hiểu được ý định của quận Thạc như thế nào?

Kịp đến lúc các quan văn võ đến họp, chào hỏi nhau xong, quận Thạc nói:

- Chúa lên ngôi đã hơn một tuần, mà chính sự vẫn chưa ra đầu ra mối gì cả, các ông có ý kiến gì xin cứ bày tỏ, rồi cùng lựa chọn những điều đáng làm để đem tâu xin với bề trên.

Mọi người còn chưa biết nói thế nào. Trong đám có Ninh Tôn là tay lăm mưu mẹo giảo quyết, định dùng lối nói lập lờ nước đôi để dò ý quận Thạc, bèn lên tiếng mà rằng:

- Từ khi sáng nghiệp về sau, quyền ở nhà vua. Từ ngày trung hưng lại đây, quyền ở phủ chúa...

Tôn vừa mở miệng đến đây, đã bị Nhữông hỏi vặn ngay:

- Bây giờ là sau đời sáng nghiệp hay là sau đời trung hưng? Làm sao lại còn nói đèo thêm đời sáng nghiệp vào nữa? Xem viên ấy là quan chức gì mà nói dốt đến vậy?

Tôn vốn có tài đối đáp nhanh nhẹn, liền nói luôn:

- Ấy là tôi cũng chỉ viện dẫn ra để tỏ rằng, từ sau đời trung hưng thì như thế đó mà thôi!

Nhưỡng nói:

- Nếu vậy thì mời ông ra thảo bản nghị sự.

Tôn bèn thảo một bản nháp, đại ý như sau:

"Nhà vua, nhà chúa, vẫn là một thể. Nay tên gọi các chức quan ở phủ chúa phải theo như chỉ ý của nhà vua vừa mới định, nhưng cũng nên giữ cả tên gọi cũ. Vậy xin để chức bình chương kiêm chức tham tụng, tham tri kiêm bồi tụng, thêm thư kiêm thêm sai, đô cấp sự kiêm lục phiên tri phiên. Về hàng quan võ thì những chức chương phủ, thự phủ, sẽ thêm vào những chữ ngũ quân đô đốc phủ, tả hữu đô đốc. Còn nhà nghị sự ở ngoài cửa phủ đã quen tai mắt thiên hạ, xin cứ để nguyên như tên cũ. Các việc chính sự sau khi bàn xong, trước hết phải trình cho chúa biết, rồi sau mới tâu vua để xin nhà vua quyết định".

Nhưỡng coi bản nháp của tờ nghị sự, thấy lời văn chứa đựng những ý tứ khôn khéo, tiếng rằng theo vua mà kỳ thực là xem trọng ở chúa, bèn đổi ra giọng vui mừng mà rằng:

- Người ta khen ông là tay lão luyện về nghề từ hàn, quả thật là không sai! Vừa nãy tôi nói lỡ lời, xin ông đừng giận.

Rồi Nhưỡng bảo Tôn chép thành bản tâu để dâng lên nhà vua. Lúc bản tâu đã chép xong, Nhưỡng tự thấy rằng việc làm ấy và lời hứa của mình với nhà vua trước đây là trái ngược nhau, nên không dám giáp mặt vua, bèn cáo từ các quan mà về dinh. Các viên quan võ cùng đều theo Nhưỡng ra về hết. Chỉ còn lại quận Thạc và mấy viên quan văn vào điện để xin mệnh của nhà vua.

Hoàng thượng lúc đầu tưởng quận Thạc hẳn phải thuận theo ý mình, nên rất mừng, cho người dẫn ông ta vào ra mắt. Đến khi coi hết tờ tâu, hoàng thượng nổi giận mà rằng:

- Tham tụng, bồi tụng cứ việc tham tụng, bồi tụng, hà tất phải đèo thêm bình chương, tham tri? Chương thự cứ việc chương thự, can gì phải đèo thêm ngũ quân đô đốc? Bọn các người lấy hư văn mà đánh lừa ta; bịp bợm, xảo trá như vậy, há phải là lễ thờ vua?

Quận Thạc nghĩ xưa nay mình với nhà vua vốn có ân tình sâu xa, bỗng dưng vô cớ thay đổi thì thật là xấu hổ, vì vậy, không dám hé răng, chỉ cúi rạp đầu tạ tội mà thôi.

Ninh Tôn quỳ tâu:

- Nay ở ngoài thành đều là bãi chiến trường, thiên hạ đang loạn lớn, mà chính sự trong triều đình thì vẫn còn rối bời. Lũ thần trót phạm oai trời, thật là sợ hãi khôn xiết. Dám xin hoàng thượng soi xét.

Hoàng thượng nói:

- Ngoài thành đều là bãi chiến trường, vậy ấy hỏi tại nhà ai gây ra? Đâu phải là lỗi ở trẫm? Thôi đừng nói lắm, lũ người tưởng rằng bè đảng đông, có thể ăn hiếp được trẫm, thì cứ việc làm đi! Cần gì mà phải xin mãi?

Bọn quận Thạc đều sợ hãi, bỏ hôi toát ra khắp lưng, không dám nài xin gì nữa; bèn cùng nhau phủ phục ở sân rồng, mãi đến đầu canh một chưa dậy.

Hoàng thượng thấy họ cứ nằm lý ở sân, nghĩ rằng người ta đã có bụng khác với mình, không thể trông cậy được nữa, dầu có cố giữ ý mình cũng là vô ích, bèn ưng cho lời tâu của họ.

Bọn quận Thạc xin được mệnh lệnh rồi, liền lạy tạ mà ra.

Hôm sau, họ cùng vào phủ để lựa chọn các quan. Mọi người bàn bạc cho rằng, chúa mới được lên ngôi, những người mà hoàng thượng tin dùng như loại Tứ xuyên hầu, chưa nên gạt bỏ vội. Rồi họ bèn lấy Tứ xuyên hầu (tức Phan Lê Phiên) làm chức bình chương kiêm tham tụng; Kế liệt hầu (tức Bùi Huy Bích) và Khuê phong hầu (tức Phan Cận) cùng làm chức đồng bình chương sự kiêm hành tham tụng; quận Thạc làm trung quân đô đốc phủ, tả đô đốc chương phủ sự, tước Thạc vũ công; Nhưông làm đông quân đô đốc phủ, hữu đô đốc thự phủ sự, tước Liễn quận công; Ngô Trọng Khuê, Ninh Tôn đều làm tham tri chính sự kiêm bồi tụng; Nguyễn Huy Chiêu, Phan Huy ích, cả bọn gồm sáu người đều làm chức đô cấp sự trung, kiêm thêm sai tri phiên trong sáu khoa.

Mệnh đó được ban xuống. Tứ xuyên hầu từ chối không nhận. Kế liệt hầu thì tự thẹn mình không làm được công trạng gì, nói:

- Ta làm tể tướng không được tốt lành (trở việc Bùi Huy Bích trước kia làm tham tụng (tướng quốc) nhưng bất lực, để Tây Sơn lấy được Bắc Hà). Việc trước hãy còn tấm gương sờ sờ ra đấy. Một đời lại định mấy lần làm hại nước người ta nữa? (người ta đây chỉ vào nhà vua; quan niệm phong kiến cho nước là của vua).

Rồi Kế liệt hầu cũng không chịu nhận chức. Chỉ có Khuê phong hầu một mình gánh vác công việc. Nhưng bấy giờ quyền bính trong nước đều ở tay Nhưông. Còn quận Thạc thì già nua dốt nát, chẳng biết gì đến chính sự, chỉ giữ một chức quan cho đủ số mà thôi:

Quan liêu trong chính phủ đã đầy đủ, họ bèn ngày ngày bàn mưu tìm kế để đè nén nhà vua, muốn cho tất cả quyền hành về việc binh, việc dân đều thuộc về phủ chúa. Riêng có bổng lộc của nhà vua, thì họ bàn nhau đái hậu hơn các triều trước một chút. Nhưng

hoàng thượng cũng không chịu lép vế, cứ mỗi việc mỗi giằng giữ co kéo, thành ra các việc binh, dân, chính đều rối tung chẳng đâu vào đâu. Rồi đó hoàng thượng lại ra sức mộ thêm binh mã để tự vệ, và ngầm ngầm lập mưu chế ngự nhà chúa.

Lệ cũ, nội điện nhà vua có một viên quan phụ tá. Án đô vương bèn sai một hoàng thân tin cẩn của mình đến sung vào chức đó. Hoàng thượng bảo với vị hoàng thân ấy rằng:

- Ta vừa cho lên làm chúa, sập ngòi còn rung rinh, thế mà đã vội sai người đến dòm dò, làm như nền nếp lúc thái bình ấy. Ông về bảo chúa án đô rằng, chúa đã sai ông đến làm phụ tá cho trẫm, thì trẫm cũng khiến ông trở lại làm phụ tá cho chúa.

Vị hoàng thân ấy lui ra, hoàng thượng bèn dặn mấy người tả hữu:

- Các người hãy nhớ lấy, hễ mà người này còn lại đây nữa, thì cứ chặt chân hấn đi cho ta!

Thế là từ đó, vua chúa đâm ra thù nhau.

Hồi án đô vương mới vào kinh thành, Trọng Tế trốn về huyện Gia Lâm. Vương vốn mến tư cách của Trọng Tế, lúc này bèn cho sứ giả đi mời. Khi Tế đến nơi, vương nói:

Trong lúc giặc mọi vào cướp kinh kỳ, các quan văn võ hoặc chạy trốn hoặc đầu hàng, riêng người là nho thần lại dám lập đồn bên cạnh kinh thành để chống nhau với giặc; cái tiếng nghĩa khí của người đã làm rung động cả nước, bọn giặc càn rỡ sở dĩ phải trốn đi, cũng chính là sợ về oai phong của người. Điều đó, quận Thạc quận Liễu không thể sánh kịp. Và lại, người mới thoát vào thành đã lấy ngay việc lập chúa làm điều trước nhất. Tuy việc quận Thụy không thành, nhưng thanh thế nhà chúa lại nhen nhúm lên được cũng là từ đây. Nay ta mới được lên ngôi, nhà vua với ta lại chưa hoà thuận, mà thiên hạ thì đang còn rối ren, vậy người hãy cố ở lại giúp ta.

Sau đó án đô vương bèn cho Tế trông nom về việc tài phú. Nguyễn Mậu Nễ, học trò của Tế, cũng được cất nhắc lên làm chức tiền triều.

Tế vốn có bụng oán giận nhà vua, liền nói với án đô vương:

- Cái thuyết nhất thống (tập trung quyền bính vào tay nhà vua) do ở giặc Chính xướng ra, thật không nghĩa lý gì hết. Xưa nay nhà vua vẫn uỷ quyền cho nhà chúa, mà nhà chúa thì phò giúp mỗi giường của nhà vua; có hề "nhị thống" (quyền lực thuộc vào cả vua và chúa) bao giờ? Nhà vua đã chẳng chịu chung tai nạn với nhà chúa, trái lại còn lấy sự thất bại của nhà chúa để làm lợi cho mình. Bọn Tứ xuyên hầu đã cúi mình theo giặc, giờ lại hùa theo nhà vua mà không biết chi đến chúa. Đó đều là những việc mà lẽ trời, tình người đều không thể dung tha. Đạo nọ vì chúa đến chậm, thần bắt đắc dĩ mà phải phò Thụy quận công. Nếu chúa đến sớm, thì thần há lại để cho bọn đầu hàng giặc tới nay vẫn còn trốn khỏi hình pháp? Tôn thất nhà vua hãy còn nhiều, tìm một vị khác làm người

khoanh tay rủ áo, tưởng cũng không thiếu gì. Chúa mà đến sớm hơn nữa, ông vua "lông đở" hẳn đã phải đi theo bọn giặc "lông đở" từ lâu rồi!

Đoạn, Tể xui án đô vương cho quân vây điện vua ở, bắt hết bọn gia thân của vua giết đi, rồi bỏ vua này mà lập vua khác.

Muru mô đã định xong, Tể bèn sai Nguyễn Mậu Nễ đem quân chẹn ở phía trước điện, đồng thời ngầm cho Nhuận Trạch hầu (Bùi Nhuận) lên vào cửa Đông Hoa để đánh úp mé sau.

Hoàng thượng nghe tin có biến, liền sai các hoàng thân đem hết binh lính đã mộ ra chống giữ. Nễ cười voi đến ngoài cửa Đại Hưng, khí thế rất mạnh, khiến cho trong điện ai nấy đều run sợ, cơ hồ muốn tan vỡ. Thành linh thấy quận Thạc ngồi trên đầu voi từ phía sau điện xông tới cửa Đông Hoa, ngăn Nễ không được vào nữa và quát:

- Mày muốn sống thì mau mau thu quân về, bằng không, tao sẽ chặt đầu mày trước để bêu ra cho thiên hạ coi, rồi sau sẽ bắt nốt những tên trong đảng nghịch.

Nguyên quận Thạc vốn ghen với danh vọng của Tể, vả lại trong bụng cũng không ưng cái việc đại nghịch ấy; mặt khác, lúc bấy giờ, quận Thạc đang làm chức đề lãnh chính hiệu, phải gìn giữ hoàng thành, e rằng trong điện có biến thì mình cũng mang tội, vì vậy quận Thạc phải kíp ngăn cản.

Nghe Thạc quát, Nễ sợ hãi lùi ngay, Nhuận Trạch hầu cũng không dám vào nữa. Thế là trong điện được vô sự.

Hoàng thượng giận lắm, bảo các quan tả hữu rằng:

- Đàng ác đã đông, gốc họa khó mà nhổ nổi. Nếu không có hữu quân (chỉ vào Nguyễn Hữu Chỉnh) trở lại, thì việc tất không xong.

Rồi đó, hoàng thượng bèn bàn tính việc vời Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân ra bảo vệ kinh sư.

Lại nói, sau khi quân Nam lén lút về, Chỉnh cướp được chiếc thuyền hời hả đuổi theo, ra đến biển lại bị gió cản lại luôn mấy ngày, chùng hơn một tuần mới vào đến cửa biển Hội Thống. Lúc thuyền của Chỉnh đậu ở dưới bến Động Hải (tức xã Đông Hải, quê Chỉnh. Nay thuộc Nghi Lộc, Nghệ Tĩnh), thì cũng vừa gặp lúc anh em Tây Sơn đi đường bộ đã vào tới Vĩnh Doanh (tức vùng thị xã Vinh-Bến Thủy bây giờ) Bình nghe tin Chỉnh đã trốn thoát và theo về đến đó thì cả kinh mà rằng:

- Thằng chết tiệt này khéo tìm đường sống, thật chẳng khác gì mười lăm giống quỉ dạ xoa luân hồi làm hại, cắt cũng không đứt đi cho.

Tuy vậy, lúc Chinh vào ra mắt, Bình vẫn vỗ về yên ủi. Chinh xin theo Bình cùng về, Bình nói:

- Nay quận Thạc quận Liễn chưa trừ xong, nước An Nam phi ông không ai trị nổi; ông hãy tạm ở đây đã!

Rồi Bình sai người san sẻ các thứ súng đồng, súng sắt, cùng những khí giới, đồ lễ thu được ở Bắc Hà, đem đến Đông Hải cho Chinh.

Chinh từ chối không nhận.

Bình lại cho Chinh hai mươi lạng vàng, hai trăm lạng bạc, và để lại một trăm tên lính để hộ vệ cho Chinh, Chinh nghĩ để số lính ấy cũng chẳng dùng được bèn nhận vàng bạc, trả lại lính và nói:

- Tôi xin được tự mộ lấy quân địa phương mà dùng. Nếu như sức tôi không đủ, phải đưa thư cáo cấp, thì bấy giờ mong ông hãy chú ý sai tướng sĩ giúp đỡ tôi.

Bình ưng lời, rồi về Phú Xuân, lưu Chiêu viễn hầu đóng lại ở Kỳ Hoa để hưởng ứng với Chinh. Nhưng Bình về rồi thì Chiêu viễn hầu cứ đóng lý ở Kỳ Hoa không hề liên lạc gì với Chinh.

Chinh ở dưới thuyền, thủ hạ chỉ có hơn ba chục người, thành thử không dám bỏ thuyền lên cạn.

Người xứ Nghệ biết Chinh đang lúc thân cô thế cùng liền bàn nhau định ngày khởi binh bắt Chinh.

Chinh được tin, vội gọi người anh rể là Nguyễn Kim Khuê xuống thuyền để bàn cách đối phó. Chinh bảo Khuê:

- Nay trong nước rối loạn, tôi muốn chiếm cứ lấy trấn này để tính việc lấy thiên hạ. ý anh thấy thế nào? Mưu mẹo của anh sắp đặt ra sao?

Kim Khuê người làng Đặng Điền, huyện Chân Phúc, từng làm chức tri huyện, là bậc túc học và có mưu trí. Thấy Chinh hỏi vậy, Khuê liền bày mưu rằng:

- Tên tuổi ông, thiên hạ không ai là không sợ! Sức ông lấy Nghệ An, chẳng qua chỉ như trở bàn tay. Nay người trong trấn này tuy biết ông thân cô thế cùng, song họ vẫn chưa biết rõ hư thực thế nào. Tờ hịch của họ mới truyền đi, chỉ là những lời đưa đẩy lẫn nhau, chưa kẻ nào dám thò đầu ra trước. Nếu ông làm trước để chặn họ, hẳn họ sẽ trở tay không kịp. Hiện nay ông mà có được một ngàn thủ hạ, thì ông có thể dọc ngang khắp thiên hạ vậy!

Chinh nói:

- Anh nói rất hợp ý tôi.

Rồi đó, Chinh bèn làm tờ hịch lông gà (dịch chữ "vũ hịch". Thời xưa, trên tờ Hịch văn mộ quân người ta thường cắm chiếc lông gà, để tỏ ý phải thi hành thật mau, phải làm gấp như bay) để điều động quân lính. Hịch phát bắt đầu từ làng Chinh ở. Ra lệnh hễ chạm một khắc sẽ chém liền.

Ở làng bên cạnh có hai tên lính già, nguyên là lính ở các đội Nhung, Kiệu mãi về, thường vẫn hống hách với dân làng, thấy hịch của Chinh đến, chúng liền ra ngăn dân làng và bảo họ đừng nhận.

Chinh được tin, tức thì đem sai bọn thủ hạ sang cướp phá làng đó, đâm chết hai tên lính già, chém lấy đầu, rồi truyền hai cái đầu ấy đi khắp các thôn ấp, rao cho nhân dân biết.

Thế là cả huyện Chân Phúc, không ai dám trái mệnh của Chinh. Chỉ trong mười ngày, Chinh đã mộ được hơn một ngàn quân.

Các hào mục ở huyện bên cạnh, thấy Chinh dấy binh vội vàng tính việc đánh Chinh. Họ tôn viên trấn thủ cũ là Đương trung hầu (Bùi Thế Toại) lên làm thủ lĩnh, rồi ai nấy đều kéo quân đi theo.

Chinh lúc đó bị vây hãm tứ phía, tình thế hết sức nguy ngập.

Bấy giờ, ở kinh đô có Khuê phong hầu là người Nghệ An, thường được người làng cho biết Chinh hiện đang ở vào tình thế rất dễ bắt. Khuê phong hầu liền đem việc đó tâu trình với án đô vương; rồi xin cho Đương trung hầu ra làm trấn thủ như cũ, lại xin cử con là Phan Huy Ích làm chức đốc thị, và viên trấn thủ Thanh Hóa là Mãn trung hầu (tức Lê Trung Nghĩa, người xã An Hoạch, huyện Đông Sơn, Thanh Hoá) sung chức tham lĩnh, thu nhặt các tàn binh ở Thanh Hóa đem vào Nghệ An, rồi lại triệu tập binh xứ Nghệ và các hào mục, thổ dân sở tại để đánh Chinh. án đô vương bằng lòng.

Lúc lĩnh mệnh lên đường, Ích hưng hấn nói với mọi người rằng:

- Các ông hãy chờ đó, để tôi vào xứ Nghệ lấy đầu Hữu Chinh về cướp án quận công cho mà coi!

Ích lại còn sai bọn thủ hạ làm chiếc trống trận và dận:

- Phải làm cho rõ lớn, có thể chứa được người vào trong, để khi ta thúc đội tiên quân xông vào bắt được Chinh rồi, thì sẽ chọc thủng mặt trống, nhét hấn vào đó mà khiêng về dưới cửa khuyết.

Ngày Ích xuất quân, ai cũng cho rằng sự thành công có thể đứng mà chờ đợi. Hối Chinh ở Nghệ An, lúc nghe tin án đô vương mới lên ngôi, bèn đặt câu nói lái mà đùa

rằng: "yên đô là đồ yên" (âm Hán đọc án đô hay yên đô đều được). Ý Chính muốn bảo: nhà chúa có muốn yên cũng không thể yên được.

Kịp đến lúc nghe tin ở kinh thành các tàn quân đã họp thành cơ ngũ như cũ, lại nghe tin án đô vương đã sai người vào đánh mình; Chính bèn viết thư báo gấp vào Phú Xuân, nói là Thạch, Nhưỡng lại lập họ Trịnh, định chiếm cứ đất nước để báo thù xưa, xin cho quân cứu viện ra để chống nhau với chúng.

Bình được thư ấy, tức thì sai viên tả quân đem binh ra ngay.

Cùng lúc ấy, Chính lại viết thư cho Đinh Tích Nhưỡng. Trước hết Chính nhắc lại tình xưa nghĩa cũ; rồi nói rằng mình hiện đã đoạn tuyệt với Tây Sơn, xứ Nghệ An tiếp giáp xứ Thuận Hoá, chưa biết quân Nam sẽ ra đánh lúc nào. Tiếp theo, Chính xin hãy cho ở đó để đương lấy một mặt: sau khi bình yên rồi, nếu Nhưỡng có thể bảo toàn cho Chính, thì chẳng bao lâu, Chính cũng sẽ về triều.

Nhưỡng coi thư xong, liền gọi con rể của Chính là Siêu Vũ vào dinh mà bảo rằng:

- Ông anh với chú trước đây cùng ở trong cửa cụ Huy, cụ lớn đều coi như con đẻ. Chẳng may cụ lớn bị nạn, ông anh đã trả thù được cho ngài; riêng chú chẳng có công trạng gì, chú thẹn với ông anh nhiều lắm. Song ông anh ta, nói về nghĩa thời đã đủ rồi, mà nói về trung thời hãy còn chưa trọn. Nay chú phò nhà chúa, dựng lại cơ đồ; ông anh đã ngỏ ý muốn đóng giữ trấn Nghệ An lẽ đâu chú dám chẳng chiều ý? Nhưng ông anh chớ có lừa ta, rồi mà bất thành lính nổi dậy kéo quân về... Tuy nhiên, chú cũng nói thế thôi, chứ chú còn ở đây, thì dù ông anh có muốn về chú cũng chẳng nghe đâu. Anh về phải thưa lại ý chú như thế nhé!

Từ đó, Nhưỡng không để ý gì đến việc Chính nữa.

Bấy giờ án đô vương đang ngày ngày mưu sự chuyên quyền, không nghĩ gì đến các việc khác.

Có người thấy vậy, nói với Nhưỡng rằng:

- Hiện nay giặc dữ mới đi, bờ cõi còn chưa yên ổn, mà giặc Chính ở Nghệ An thế lực càng ngày càng lớn mạnh. Nhân trong lúc này lòng người đang phẫn chấn, hãy xin chúa ngự giá thân chinh để diệt hữu quân, đuổi Chiêu Viễn, lấy lại bờ cõi cũ của đất Nghệ An; thì như vậy cũng chẳng kém gì cái công dựng nghiệp trung hưng của các bậc tiên vương. Khi đã lập công mà về, quyền lớn tự nhiên sẽ vào tay. Cần gì chúa cứ phải quần quanh tranh giành những chuyện cũ rích, mà bỏ quân giặc không lo nghĩ đến? Vạn nhất Chính lại đem binh ra, thì lúc ấy lấy gì mà chống chọi?

Nhưng Nhưỡng chỉ làm thính.

Giữa khi ấy Chính lại sai anh ruột là giám sinh Nguyễn Ban lên ra kinh đô yết kiến hoàng thượng, để xin mệnh làm trấn thủ Nghệ An. Hoàng thượng liền hỏi kín Ban về tình hình quân lính của Chính. Ban được thể, nói thêm lên để phô trương thanh thế cho Chính. Hoàng thượng mừng lắm, bèn nói rằng:

Việc ấy, trước mặt trăm hữu quân đã từng tâu xin, mà trăm cũng đã hứa cho rồi. Nay lại xin nữa thì sẽ làm cho tờ sắc ban xuống. Vậy ngươi hãy ở đó mà đợi mệnh!

Các quan tả hữu thấy thế, khuyên nhà vua rằng:

- Hữu quân ở xa mà chúa thì gần. Chưa biết sau này hai bên thua được ra sao? Nếu như mệnh này ban ra, mà việc của hữu quân không thành, thì chúa sẽ có cơ mà nói. Hoàng thượng nghe theo, bèn thôi không dám hạ mệnh cho Chính.

Ban lật đặt ra về, nói dối là đã có sắc của vua cho Chính làm trấn thủ Nghệ An, được mở dinh quân Trung-Hùng, thăng tước Bằng lĩnh hầu, đồng thời khiến Chính phải đem quân về bảo vệ kinh sư.

Chính cũng vờ làm lễ bái mệnh, rồi truyền hịch đi kêu gọi các hào mục và thu thập các quân lính tản mát trong vùng.

Do đó, các tay hào mục đều bảo nhau:

- Hấn dẫu đáng ghét thật, nhưng nay đã chịu mệnh vua, nếu chống lại hẳn tức là chống mệnh triều đình, hẳn sẽ vin vào cơ đó mà nói, thì mình khó tránh khỏi tội.

Rồi họ bỏ Đương trung hầu mà theo Chính chỉ trong khoảng mười ngày, Chính đã thu nhặt được hàng vạn quân. Chính bèn cho người bà con là Nguyễn Kim Khuê làm chức thị sư, đặt ra những hiệu quân Tứ đột, Tứ thành, lấy danh nghĩa là vâng sắc tôn phò nhà vua mà hẹn ngày xuất quân. Quân của Chính tuy mới mộ, song đội ngũ chỉnh tề, hiệu lệnh nghiêm túc.

Bấy giờ ở kinh sư hoàng thượng đang tức vì bị bọn Nhưõng ăn hiếp, nên ngày đêm chỉ mong Chính kéo quân ra. Hoàng thượng bèn ngầm ban xuống một tờ chiếu giục Chính tức khắc lên đường.

Chính nhận được mệnh, vội hội họp đông đủ quân sĩ, rồi tuyên cáo với mọi người rằng:

- Bọn Đinh Tích Nhưõng và Dương Trọng Tế cầm quân ở kinh sư, ngầm mưu làm việc phản nghịch. Ta nay vâng mật chỉ đem quân về triều, để quét cho sạch lũ giặc bên cạnh nhà vua. Vậy các ngươi phải nên chung lòng gắng sức để cùng giúp nhà vua trong lúc khó khăn.

Khi quân Chinh qua bến Hoàng Mai ở huyện Quỳnh Lưu, thì gặp tham lĩnh Mãn trung hầu và đốc thị Phan Huy Ích, hai người vâng mệnh chúa án đô vào mộ lính Thanh Hóa đánh Chinh. Chinh lập tức sai đội thiết kỵ bất thành linh đón đánh. Hai bên giao chiến ở địa phận Ngọc Sơn (một huyện giáp liền với Quỳnh Lưu. Nay là huyện Tĩnh Gia, Thanh Hoá). Kết quả, Mãn trung hầu bị thua, chết tại trận, còn Phan Huy Ích thì bị bắt sống.

Chinh mắng Ích về những tội vào bè với Nhượng làm phản nhà vua, rồi hỏi:

- Nghe nói nhà ngươi làm cái trống lớn lắm, chọc thủng mặt trống có thể chứa được người phải không?

Ích run sợ mà xin lỗi.

Nguyễn Kim Khuê vì chỗ quen biết nên hết sức cứu gỡ cho Ích. Chinh cười khẩy mà rằng:

- Hừ! Cái bộ thầy đồ nói khoác, giết cũng vô ích.

Đoạn Chinh tha cho Ích và bắt phải đi theo mình.

Sau khi Chinh thắng được trận ấy, thanh thế càng lừng lẫy. Tin báo đến tai án đô vương, vương liền cho đòi Nhượng vào phủ để bàn cách chống cự.

Lúc này, hoàng thượng đã hạ mật chỉ sai các hào kiệt vùng Hải Dương đánh phá đất Hàm Giang để diệt trừ họ Đinh. Nhượng bắt buộc phải cố xin được lĩnh chức trấn thủ hai trấn Hải Dương và Yên Quảng. Rồi Nhượng tự đem bộ hạ kéo về miền đông.

Dân chúng các hạt Thượng Hồng, Hạ Hồng, Kinh Môn, Nam Sách vốn ghét Nhượng là kẻ tàn bạo, nên khi được mật chỉ của nhà vua, họ rất mừng. Lập tức họ họp nhau thành từng đoàn, đưa hịch kẻ tội ác của Nhượng, rồi bốn mặt ào ào kéo đến, vây kín thành trấn.

Nhượng liệu sức mình không ngăn nổi, bèn lừa lúc ban đêm, phá vỡ vòng vây, chạy về giữ Hàm Giang.

Khi ấy, ở kinh kỳ người ta đồn rằng Nhượng đã bị dân xứ đông giết chết, chỉ trong sớm tối hữu quân Nguyễn Hữu Chinh sẽ đến nơi, kinh sư ắt thành bãi chiến trường. Trong một ngày, người ta nhốn nháo bỏ chạy đến ba bốn lần. Lòng người nơm nớp lo sợ. Dân chúng trong thành khuân chuyển đồ đạc, dắt già bé trẻ, tranh nhau chạy trốn về các vùng thôn quê; quan quân ngăn cấm cũng không được.

Quận Thạc biết sự thế không thể làm gì được nữa, liền bàn riêng với bộ hạ rằng:

- Vua chúa thù ghét nhau, việc nước không có chủ. Quận Liên đã đi mất rồi mà giặc Chinh lại sắp đến, ta đóng寨 ở đây, thật là thất sách. Chi bằng rút về Sơn Tây, chiếm cứ miền thượng du, giữ vững thế căn bản, bảo tồn lấy lực lượng, ung dung xem việc thiên hạ,

chờ cơ hội mà nổi dậy, sau này ắt phải ký công. Các người đều ở dưới cờ của ta, roi cung giông ruổi, phải nên gắng sức. Trong lúc trẩy quân, cần phải đánh dẹp trộm cướp, làm cho dân chúng ăn ở yên ổn, chứ đừng có bắt chước quận Liễu, đi đâu làm việc tàn bạo ở đó, khiến cho dân chúng xứ đông đều phản lại mình.

Bọn thủ hạ đều nói:

- Chúng tôi đâu dám chẳng nghe theo tướng lệnh?

Quận Thạc liền thu quân trở về xứ Đoài (tức Sơn Tây).

Thế là quận Liễu đi, quận Thạc lại đi nốt, kinh sư khi ấy thành ra một nơi trống rỗng. Hoàng thượng truyền cho các hoàng thân đốc thúc những lính đã mộ được đêm ngày tuần phòng, canh giữ cung điện. Còn ở bên phủ chúa thì chỉ có viên quyền phủ sự Bùi Nhuận, viên hành tham tụng Mai Thế Ưông và viên bồi tụng Dương Trọng Tế, hàng ngày ngồi trong phủ đường thảo giấy bắt lính, thu lương. Nhưng các phủ huyện không một ai chịu làm theo. Người của phủ chúa sai đi, qua các thôn ấp đều bị dân quê đánh đập, lột quần áo, chỉ còn cái mình trần chạy về.

Chúa án đô thấy vậy rất lo, nói với Trọng Tế:

- Việc lớn hỏng mất rồi! Nếu không phải người có tài như Thiếu Khang, Thần My (Thiếu Khang là chất vua Hạ Vũ; Thần My là bề tôi của Thiếu Khang. Lúc nhà Hạ bị bọn Hậu Nghệ, Hàn Sác cướp mất nước, Thiếu Khang và Thần My đã khôi phục được) thì không thể cứu vãn được tình thế. Ta không tự lượng sức mình, trót đã làm chúa. Nhà người quá đổi trung thành, trót đã giúp ta. Nay giặc Chỉnh sắp kéo ra, thế lực cực kỳ mạnh mẽ. Tục ngữ có nói: "ở vào thế cưới hổ không thể xuống được". Muốn cho xong việc này, phi nhà người không còn ai.

Rồi chúa bèn sai Tế làm chức trấn thủ Thanh Hóa, đem quân chống nhau với Chỉnh. Tế bất đắc dĩ phải xin vâng mệnh. Nhưng khi nghe người ta nói đến tên Chỉnh thì Tế đã mất cả hồn vía. Kéo quân ra đến ô Cầu Dền, Tế còn trùng trùng đóng ở đó hai ngày, chưa chịu lên đường. Sau chúa phải cho người đến giục, Tế mới chịu đi. Quân Tế vừa mới đến làng Bình Vọng (tức làng Bằng, Thường Tín, Hà Đông (Hà Sơn Bình)), thì có tin báo Chỉnh đã vượt sông Thanh Quyết, Tế giật mình mà rằng:

Trừ phi có Phù Đổng thiên vương sống lại, còn ai có thể địch nổi với hắn? Quận Liễu, quận Thạc thật là biết thời cơ. Tiếc thay ta là kẻ đọc sách biết chữ mà lại không bằng mưu trí của bọn võ biên! Bây giờ nghĩ lại thì đã muộn mất rồi!

Liền đó, Tế thu quân qua bến Thanh Trì, không kịp vào gặp án đô vương nữa. Chạy một mạch thẳng sang vùng Kinh Bắc, rồi Tế mới sai người về dâng tờ khai, xin án đô vương cho lĩnh chức trấn thủ Kinh Bắc, để chiêu mộ hào mục ở đó mà mưu đồ cuộc nổi dậy khác.

Chúa án đô thấy tờ khai của Tế, sợ hãi luống cuống như mất cả hai cánh tay, lập tức cho gọi Bùi Nhuận. Nhưng Bùi Nhuận đã đem cả gia quyến trốn đi từ ban đêm rồi. Chúa lại cho đòi Sỹ Ưông. Ưông cũng thác bệnh xin về nhà riêng. Chúa khóc mếu nói:

- Ta chẳng may đẻ ra ở nhà chúa, lại bị một lũ tiểu nhân làm cho lâm lữ. Nếu sớm biết thế này, thà cứ ở Chương Đức làm ông sư già, chống cây thiền trượng (gậy của nhà sư) ở dưới cửa chiền mà lại hoá hay!

Rồi chúa ngoảnh lại hỏi bọn tả hữu:

- Bây giờ nên đi đâu?

Có người trong họ quê ở huyện Quế Dương tâu rằng:

- Xin chúa cứ trấn tĩnh, hãy vào nhà Thái-miếu làm lễ cáo biến, thu xếp thân chủ của tiền vương, để tôi ra sông tìm thuyền, chờ đến đêm khuya, tôi xin phò chúa qua sông sang bắc, đi về làng tôi. Nhà tôi đã trải mấy đời làm tướng cầm quân, hào mục vùng Từ Sơn đều ở trong cửa mà ra, nếu tôi lấy điều trung nghĩa mà kêu gọi, chắc hẳn không ai là không theo. Đinh Tích Nhưỡng ở Cẩm Giàng làm cánh tay trái; Dương Trọng Tế ở Gia Lâm làm cánh tay phải; Hoàng Phùng Cơ ở Sơn Tây làm ngoại ứng; còn chúa cứ việc đóng tại huyện Quế Dương mà hiệu triệu quân cần vương, đồng thời dựa vào thế hiểm của sông Nhị Hà để cố thủ. Chính tuy hung tợn, há dám sang sông đánh nhau cùng ta? Xin chúa đừng lo!

Chúa mừng rỡ mà rằng:

- Có lẽ trời chưa nỡ làm mất họ Trịnh, nên mới đem người mà ban cho ta. Nếu quả như lời người nói, thật là phúc lớn cho xã tắc vậy!

Đồng hồ (đây là đồng hồ ngày xưa: người ta dùng một cái bình đựng nước có khắc từng độ, và có lỗ cho nước nhỏ giọt dần dần, rồi cứ xem mực nước mà biết giờ giấc) nhỏ giọt xuống đến trống canh ba. án đô vương bèn lên sang bắc, quan quân theo hầu chỉ chừng vài chục người. Tàn binh Thanh-Nghệ ở trong bốn đội quân thị vệ không một tên nào đi theo.

Sớm hôm sau, hoàng thượng mới biết là án đô vương đã trốn đi lúc ban đêm tức thì ngầm sai người phóng hoả đốt hết phủ chúa. Khi phủ cháy, khói lửa bốc lên ngút trời, hơn mười ngày chưa tắt.

Thế là hai trăm năm lâu đài cung khuyết huy hoàng bỗng chốc đã thành ra bãi đất cháy đen! Xa gần nghe thấy tin đó, ai cũng thương chúa và trách vua làm quá đáng. Hôm ấy nhằm ngày mồng 8 tháng chạp năm Bính-Ngọ (1786).

Lại nói, khi qua khỏi sông Thanh Quyết, Chinh trước hết cho ngay bộ hạ là Lê Giốc đem biểu tới dâng nhà vua.

Trong biểu đại ý nói rằng: "Thần vâng chỉ kéo quân vào bảo vệ kinh sư, đã kính cẩn xuất quân từ tháng trước. Khi tới huyện Ngọc Sơn, Lê Trung Nghĩa (tức Mãn trung hầu) và Phan Huy Ích dám ra chống cự, thần vẫy toán thiết kỵ tiến đánh, chém chết Trung Nghĩa, bắt sống Huy Ích. Nhờ về oai trời, lòng hăng hái của quân sĩ tăng lên gấp trăm lần. Từ Thanh Hoá trở ra Bắc, thần đi tới đâu dân chúng vui mừng đón rước tới đó. Đến chỗ nào thần cùng đều kính cẩn tuyên bố oai đức của nhà vua, khiến cho đâu đấy đều yên nghiệp làm ăn. Thần nay thân mang giáp trụ, hồn mơ tưởng quân thiêu (khúc nhạc của vua Thuần. ở đây mượn để chỉ vào nhà vua), tác lòng khôn xiết nhớ mong cửa khuyết.

Hoàng thượng xem xong tờ biểu, mừng lắm, liền hỏi thăm về tình trạng khi ở trấn Nghệ An, Giốc cứ thực mà tâu. Hoàng thượng khen Chinh đã khéo quyền biến; rồi phong cho Giốc làm chức nội hàn viện cung phụng sứ thêm thư khu mật viện sự, trông coi cơ Tả oai.

Khi Chinh tới làng Thịnh Liệt, hoàng thượng sai các quan triều ra ngoài cửa ô đón tiếp. Lúc Chinh vào triều hoàng thượng cho ra mắt ở điện Trung Hoà và ân cần an ủi. Chinh tâu rằng:

- Gần đây, kiêu binh làm loạn, đại thần (chỉ quận Huy) gặp nạn, thần bây giờ đang cầm quân ở ngoài, vì chúa Trịnh không dong, nên phải bỏ nước trốn đi. Thần đã nghĩ kỹ, nguồn gốc của sự rối loạn ấy, là do cương thường sai trái, mũ dèp đảo lộn mà ra. Khoảng năm Canh Thân (1740), Tân-Dậu (1741), những kẻ trung nghĩa trong nước đều căm tức về chuyện ấy, người thì phò hoàng thân mà nổi dậy, người thì giữ quận ấp mà mộ binh. Công việc của họ tuy không thành, nhưng cái tiếng nghĩa khí cũng đã lan rộng. Coi đó đủ biết, người ta ai cũng chung một bụng ấy, không phải thần vì mưu riêng của thân mình mà gây ra hiềm khích. Vả chẳng thần lấy điều nghĩa mà cảm động lòng người, là cốt để chỉnh đốn lại cơ đồ nhà vua, làm sáng tỏ đạo quân thần cho hợp với lẽ trời đất. Chớ còn đối với chúa Trịnh, thần có thù oán gì đâu? Nay nếu lòng trời đã hồi việc gieo hoạ, mọi người đều biết sửa lỗi lầm; đó há chẳng phải là phúc lớn của nước nhà sao? Tiên đế thương tâm lòng ấy của thần, đã dùng những lời lẽ ôn tồn để dụ thần, thần thật cảm kích khôn xiết. Vậy mà người trong nước, những kẻ không hiểu thần, lại cho thần là có tội. Họ muốn mưu đồ bước theo vết xe đã đổ, rắp tâm giết chết thần để quấy rối chính sự buổi đầu của bộ hạ. Cúi xin bộ hạ xét kỹ lo xa, không có điều gì là không soi đến. Thần chẳng dám đổ vạ cho người để che lỗi của mình. Người xưa đã nói: "Biết tôi là vua". Mong ở lượng trên soi xét.

Hoàng thượng nói:

- Trẫm đã biết rồi! Ngày nay giúp trẫm dẹp yên loạn lạc, làm cho nước được thái bình, chỉ nhờ nhà người mà thôi!

Rồi đó, hoàng thượng thăng cho Chính làm chức bình chương quân quốc trọng sự, tước Bằng trung công. Một người thân cận với Chính là Nguyễn Kim Khuê và con trai Chính là Nguyễn Hữu Du đều được phong tước hầu, được cầm quân và cùng thuộc vào trong tướng phủ. Ngoài ra, bao nhiêu bộ hạ, tướng sĩ của Chính, cũng đều được theo thứ bậc mà thăng chức tất cả.

Khi Chính mới chạy về Nghệ An, trong triều có viên quan văn là Nguyễn Đình Giản, thường vẫn nói mãi về tội Chính dấy quân nước ngoài về phá nước nhà; lại xin gánh vác việc đánh Chính để giết tên giặc của nước, và thề không cùng sống với Chính. Bấy giờ triều đình cũng cho là người hăng hái, nhưng không dám chuẩn y lời xin của Giản.

Viên quan Nguyễn Đình Giản ấy, người làng Vĩnh Trị, huyện Hoảng Hoá, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ-Sửu (1769), là người chất phác, cương trực, hay công kích lỗi lầm của người khác. Kẻ có lỗi dẫu là bậc quyền quý, là bạn bè gần gũi hay là bà con thân thuộc, Giản cũng đều vạch lỗi ngay trước mặt, không hề kiêng nể. Bởi vậy mọi người đều khen Giản là thẳng thắn.

Đến lúc Chính vào kinh, thì Giản đang vâng mệnh đi chiêu dụ ở trấn Sơn Tây chưa về. Các quan bàn riêng với nhau: Giản chắc không về, mà có về chắc cũng không chịu khuất phục, nhất định Giản sẽ lập mưu với Hoàng Phùng Cơ để diệt Chính. Nếu Giản về triều, chắc Chính sẽ không dung, thế nào Chính cũng ngầm kiếm cơ để giết Giản. Hai sự việc ấy không biết rồi sẽ ra sao?

Kim Khuê nghe được những lời bàn ấy, bèn hỏi Chính:

- Ông cho Nguyễn Đình Giản là hạng người như thế nào?

Chính đáp:

- Cuồng trực! (thẳng thắn đến mức cuồng dại)

Khuê lại hỏi:

- Có thể dùng được không?

Chính trả lời:

- Chẳng những dùng được mà thôi, con người ấy còn đáng trọng nữa là khác!

Khuê lại hỏi tiếp:

- Ông không giận Giản, có phải là thật tình chăng?

Chính nói:

- Ông chẳng thấy quận Hoàn là bố vợ hấn, vậy mà hấn còn ngồi tại giữa triều kẻ tội ông ta rằng quỳ gối theo giặc, huống chi là người khác? Nếu mình có lỗi, hấn nói đúng. Còn như mình không có lỗi mà hấn nói, thì cũng không hại gì cho mình. Con người như hấn thực không nên giận. Mà có giận cũng không làm gì hấn tốt. Chẳng qua chỉ tỏ để cho người ta nhòm thấy chỗ nông sâu của mình thôi!

Khuê nhân đó bèn khuyên Chính nên vời Giản về dùng, để thu phục lòng người trong nước. Chính nghe theo, liền sai người đưa thư cho Giản, trong thư lời lẽ hết sức ôn tồn, mềm mỏng.

Giản trở về, vừa gặp lúc triều đình đang bàn việc sắp đặt quan chức. Phan Lê Phiên được cử làm bình chương sự; Trương Đăng Quỹ, Trần Công Xán làm đồng bình chương sự; Nguyễn Huy Trạc, Phạm Đình Du làm tham tri chính sự; Nguyễn Đình Giản làm phó đô ngự sử.

Khi mọi việc đã tạm yên, Chính liền sửa sang dinh thự ở toà Lọng phủ để ở.

Năm ngày Chính mới vào châu một lần, tan buổi chiều, lại ra ngồi ở chính sự đường để bàn bạc công việc. Còn những ngày khác, bất kỳ việc quan, việc dân, các quan đều phải tới dinh thự riêng của Chính, để xin Chính quyết định.

Từ đó, quyền Chính thật ngang với nhà vua, thế của Chính có thể lật nghiêng cả nước.

Bấy giờ, tiền tệ trong nước phần nhiều bị các nhà giàu giấu cất, nhân dân đều khốn khổ về nạn khan tiền, hàng hoá không lưu thông, vật giá cao vọt. Chính bèn xin với triều đình, ra lệnh thu vét hết tượng đồng, chuông đồng ở các chùa, miếu, đem về kinh sư, mở lò đúc tiền. Rồi Chính thả cho thủ hạ đi về khắp nơi, cướp bóc chuông tượng của các thôn ấp. Người nào mà dám giấu giếm, tức thì bị chúng tra khảo, trừng trị. Chỉ riêng có pho tượng thần bằng đồng đen ở quán Trấn Vũ phía bắc kinh thành, là chúng không dám lấy mà thôi.

Thấy Chính làm như vậy, trăm họ ai cũng ta thán. Một đêm, có người dán ở ngoài cửa Đại Hưng hai câu đối như sau:

*Thiên hạ thất tự chung, chung thất nhi đình an tại?
Hoàng thượng phần vương phủ, phủ phần tức điện diệc không!*

(Thiên hạ mất chuông chùa, chuông mất, vạc còn đâu nữa? Hoàng thượng thiêu phủ chúa, phủ thiêu, điện cũng tro thôi! Chữ "đình" (vạc) ở về trên, là tượng trưng cho cơ nghiệp của nhà vua)

Chỉnh nghe hai câu đó, lấy làm căm ghét lắm. Và chẳng, Chỉnh cũng tự đoán biết rằng, những việc mình làm đều không được dư luận đồng tình. Bởi vậy, Chỉnh càng mượn thế ra oai, để hòng khoá miệng mọi người.

Hồi Chỉnh trốn theo quân Nam, có viên quan võ là Hoàng Đình Xước vâng chỉ đốc lính coi giữ kinh thành. Khi đó, Xước gặp người nhà Chỉnh đeo gươm chạy ở trên đường, liền bắt lại hỏi. Người ấy xin nộp thanh gươm, Xước thu lấy rồi thả cho đi. Đến khi Chỉnh tới kinh sư, Xước đang đóng quân ở trấn Kinh Bắc, liền về ra mắt Chỉnh để trả lại thanh gươm. Chỉnh lập tức sai bắt Xước bỏ ngục. Nghe nói nhà Xước có nhiều đồ quý lạ, Chỉnh bèn đòi lấy kỳ hết, rồi mới tha.

Những việc làm của Chỉnh đại loại đều như thế thực là tàn bạo và không còn kiêng sợ gì cả.

Muốn thêm oai thế, Chỉnh lại tự đặt tên quân đội của mình là đạo Vũ Thành. Trong đạo chia ra năm doanh; nội quân gồm có hai vệ gọi là Thiết kỵ, Thiết đột; mỗi vệ chia làm năm đội; khí giới, màu sắc quần áo đều trang bị theo hình thức của triều nhà Thanh, để cho phân biệt với các toán quân khác. Tại Lượng-phủ, nơi ở của Chỉnh, nhà cửa, lầu đài, kiệu xe, quần áo hết thảy đều chế theo kiểu mới, có ý muốn sánh ngang với nhà vua. Trong thì nắm giữ quân cơ, ngoài thì chiếm quyền trấn thủ các trấn, phạm những chỗ cơ mật, trọng yếu, đều do vây cánh của Chỉnh chia nhau lĩnh chức. Tất cả mọi việc, Chỉnh đều chuyên quyền, làm trước rồi sau mới tâu vua. Thậm chí có việc đã bàn định tại triều mà vua cũng không được biết.

Uy quyền của Chỉnh ngày càng to lớn như vậy, nên hình tích của hấn cũng lộ ra hết. Người ta bàn tán sôi nổi, ai cũng bảo rằng Chỉnh sẽ làm chúa, và rồi đây Chỉnh hiếp chế nhà vua sẽ còn tệ hơn chúa Trịnh ngày xưa.

Hoàng thượng thấy thế cũng hơi ngờ Chỉnh. Một hôm, hoàng thượng đuổi hết tả hữu, rồi nói kín với hai viên nội hàn là Ngô Vi Quý và Lê Xuân Hợp rằng:

- Chỉnh tuy có công bảo vệ, nhưng dần dà đã thấy hấn có vẻ muốn lấn bức. Giá có thể chặn ngay lúc đầu, khiến hấn không thể càn rỡ được nữa, thì mới đúng với thuật nuôi chim ung (đời Tam quốc, Trần Đăng nói với Lã Bố rằng: "Tào công nói nuôi Lã Bố như nuôi chim ung, cáo thỏ chưa hết thì không dám cho ăn no, nếu ăn no ung sẽ bay đi mất.v...". ở đây dùng ý ấy). Nếu để khi thế lực của hấn đã thành, thì hấn sẽ khó trị, e cũng giống như nuôi cọp để lo về sau. Vậy các ngươi hãy nên tính hộ trăm!

Bọn Quý, Hợp tâu:

- Như lũ thần đã xem xét, thì Chỉnh là hạng người ý nghĩ cực kỳ hiểm độc, bụng dạ quá ư tàn nhẫn, mưu mô hết sức sâu sắc, giả trá rất đổi khôn ngoan, mà ứng biến thì mau lẹ tuyệt vời. Con người ấy thực là một kẻ gian hùng ở đời loạn, chưa chắc là một kẻ bày

tôi hiền tài ở đời trị. Cũng ví như loài chồn sói, không phải là vật có thể dạy dỗ; giống yêu ma, không phải là vật có thể kiềm chế. Chỉ còn có một cách là giết đi mà thôi. Nhưng giết hấn cũng phải có mẹo. Bệ hạ hãy nên coi hấn như người tâm phúc, đãi hấn với vẻ lễ mạo, cho hấn ra vào nơi cung cấm, không tỏ vẻ gì nghi kỵ này khác. Rồi đó, thỉnh thoảng lại mời hấn vào điện bàn việc, luôn thể đặt tiệc cho hấn uống rượu thật say. Vài lần như thế để hấn quen đi mà coi là thường, bấy giờ mới dùng thuốc độc mà giết. Như vậy, việc làm mới khỏi lộ, biến loạn cũng không thể do đâu mà xảy ra được. Theo ý ngu của lũ thần, chỉ có mẹo ấy là hay hơn cả!

Hoàng thượng nói:

- Chuyện này ra ở miệng các người, vào trong tai trẫm, đừng để cho người nào biết. Kinh Dịch có câu rằng: "Làm vua không kín chuyện thì mất bề tôi, làm bề tôi không kín chuyện thì mất thân mình". Các người phải lấy đó làm răn. Bao giờ gặp cơ hội có thể làm được, trẫm sẽ bảo với các người.

Thực là:

*Âu quen trên biển chùng không lạ
Thỏ mắc trong vòng hấn khó ra.*

Chưa biết việc này như thế nào? Hãy xem hồi sau phân giải.

Hồi thứ tám

*Dương Trọng Tế bị dâng tù trước nhà Thái học
Hoàng Phùng Cơ phải tự tử ở ngoài Tây thành.*

Lại nói, sau khi vua đã lập mưu giết Chính, một hôm viên nội hàn là Vũ Trinh có việc riêng vào yết kiến, vua bèn đem việc ấy bảo kín với Trinh, Trinh giật mình, nói:

- Người nào bày cho bệ hạ cái mưu ấy, thần trộm lấy làm nguy hiểm. Hiện nay ở ngoài có giặc mạnh, tin tức ngoài biên ải đang báo về khẩn cấp, ở trong triều đình thì mọi người còn nghi ngờ nhau. Bệ hạ đã dựa vào Chính làm nanh vuốt, thì nên đối đãi bằng cách thành thực, để cho y được vui lòng thần phục. Hễ mà biết cách giá ngự, thì kẻ loạn thần có thể thành kẻ lương thần. Sao lại đón trước sự dối trá của người ta để đoán chừng một việc chưa chắc đã có? Hình tích chưa lộ mà nghi kỵ đã sinh. Họ hàng bè đảng của Chính đều cầm nhiều quân và ở nơi trọng yếu, la liệt trong ngoài, một khi xảy ra biến cố, bọn ở kinh thành sẽ làm việc có hại cho xã tắc, bọn ở các ngoại trấn sẽ chạy theo quân giặc. Ấy là mình tự cắt vây cánh của mình để giúp cho kẻ thù vậy.

Vua liền đổi sắc mặt mà rằng:

- Nếu nhà ngươi không nói, thì có lẽ trẫm bị lầm rồi.

Tức thì vua đòi Vi Quý, Xuân Hợp vào quở trách và bảo mau mau thôi ngay việc ấy đi. Về sau Chính biết chuyện ấy, rất oán vua bạc bẽo và muốn hại ngầm những người bày ra mưu đó.

Chính bảo với viên tướng bộ hạ là Nguyễn Như Thái rằng:

- Ta đi khắp bốn biển, không kẻ nào dám ngó thẳng vào mặt ta. Mấy thằng học trò chưa thông hiểu việc đời ấy là cái thá gì mà dám cả gan như vậy? Chờ khi nào ta xuất quân đánh giặc, sẽ đem chúng để thử gươm xem có sắc không, rồi tổng cổ chúng xuống âm ty cho chúng gây chuyện với Diêm Vương.

Thái hỏi người nào, Chính trả lời:

- Chính là Ngô Vi Quý và Lê Xuân Hợp, bọn bè tôi thân cận của nhà vua đấy!

Từ đó, Chính cứ ở luôn trong dinh thự riêng, không vào triều yết. Mọi việc quân, việc nước, đều sai người vào tâu. Vua có ý kiến nên chăng thì lại sai các đại thần như bọn Phan Lê Phiên, Trần công Xán, Vũ Trinh đến dinh của Chính để biện bạch cho rõ.

Một hôm, trời rất rét, bọn Phiên ở trong triều, cử Trinh tới nhà Chính.

Trinh người làng Xuân Liên, huyện Lang Tài, nổi tiếng là người có tài và nhanh nhẹn, Chính cũng có ý kính mến. Vua thường dặn Trinh nếu có dịp thuận tiện thì nên biện bạch với Chính về chuyện hiểm nghi trước đó.

Hôm ấy, Trinh đến nhà Chính là để phúc tư về việc quân, ngồi chờ trên linh các mãi không được vào. Một viên công sai nói với Trinh.

- Thượng công đang ở nhà trong uống rượu không phải là giờ tiếp khách, quan lớn hãy về đã.

Trinh nói to lên rằng:

- Việc quân khẩn cấp, không thể báo chậm. Thượng công ngồi chơi, chỉ cách hai tấm cánh cửa, mà tắc tịt không thông; trên nhà dưới nhà mà xa nhau hơn hai ngàn dặm, thế là có làm sao? Tôi có việc công đến đây không phải là để gặp riêng, về cũng không được!

Chính nghe tiếng, vội sai người dẫn Trinh vào.

Sau khi nói xong, Trinh xin lui, Chính nói:

- Việc ấy đã có bọn tỳ tướng của quận Thái trông nom, sẽ phát binh phù ngay, không phải phiền đến sứ thần nhà vua phục mệnh. Ông hãy ở đây cùng uống chén rượu đã. Rồi Chính rót một chén rượu lớn đưa cho Trinh.

Trinh cố từ không nhận, Chính nói:

- Quan nội hàn nghi tôi chẳng?

Trinh đứng dậy tạ lỗi, xin uống, và nói:

-Tôi là kẻ bất tài, được thu dùng đã là quá lắm. Việc gây dựng cho tôi đều là nhờ ở nhà vua và quan tể tướng, dám đâu có bụng nghi ngờ như chuyện "cung treo rơi bóng" đời xưa (theo Tân thư: xưa Nhạc Quảng mời bạn uống rượu, cái cung treo ở trên tường soi bóng vào trong chén, người bạn tưởng là con rắn, uống xong về nhà thành bệnh. Sau Quảng phải mời bạn đến uống rượu một lần nữa ở chỗ ngồi trước kia và chỉ cho bạn biết rõ là bóng cái cung, soi vào trong chén rượu bấy giờ người bạn mới khỏi bệnh. - Đây mượn ý để chỉ sự nghi ngờ).

Chính im lặng không nói gì. Tan tiệc. Trinh ra bảo với viên thị sư của Chính là Nguyễn Khuê rằng:

- Gần đây lắm kẻ bịa đặt tin nhảm, trăm điều không có một điều thật. Bọn gian đó theo dệt ra những việc không có căn cứ, để gây sự nghi hoặc cho cả trong và ngoài. óc suy

xét của người tầm thường có khi không khám phá nổi. Nhưng người cao minh như ông lớn nhà ta, chắc là không để những câu nói ấy vào tai. Tuy vậy, về phần hình tích, có lẽ ngài cũng chưa khỏi lầm lẫn; tôi sợ rằng vì thế mà họ lại bịa ra nhiều chuyện. "Cọp ở chợ" (theo Chiến quốc sách: Bàng Thống nói với vua nhà Ngụy rằng: một người nói ở chợ có cọp thì vua không tin, nhưng hai ba người nói ở chợ có cọp thì vua sẽ phải tin, - ý nói tuy lời gièm pha không thật, nhưng nhiều người nói thì người nghe cũng phải tin) là việc không thể có, nhưng đến ba người nói thì người nghe cũng không rõ là có hay không. Huống chi những kẻ bịa chuyện, lại không phải chỉ có ba người mà thôi. Vì thế, tôi muốn nói rõ sự tình ấy, để dứt mối hiềm nghi từ lúc còn nhỏ bé, khiến cho giữa vua và tôi, tình ý thông suốt, trên dưới yên ổn với nhau, há chẳng hơn hay sao?

Khuê trả lời:

- Vâng! Ông hãy cứ về.

Sáng mai, nhân lúc rảnh, Khuê đem lời Trình thuật lại với Chính. Chính nói:

- Lời người ta nói cố nhiên không thể tin cả, nhưng cũng không thể hoàn toàn không tin. Ta đã xem kỹ, nhà vua là người nhân tâm và đa nghi, việc ấy chắc có. Tuy vậy, dù có dù không, cũng chẳng làm gì được ta. Vả chẳng, trong lúc bốn cõi còn nhiều giặc giã, hãy gác chuyện đó lại, khoan nói đến.

Lại nói, Dương Trọng Tế từ khi ở làng Bình Vọng rút quân chạy sang Kinh Bắc, liền cùng cháu là Dương Vân, học trò là Nguyễn Mậu Nễ, đắp đồn lũy ở huyện Gia Lâm để chống giữ và lo tính việc khởi binh. Vừa lúc ấy, chúa Trịnh chạy đến làng Quế ở (nay thuộc huyện Quế Võ, Hà Bắc), cho người đến gọi Tế, Tế nói:

- Vừa rồi, việc đi Thanh Hoá, trong phủ có Bùi Nhuận là võ tướng, Mai Thế Uông là thổ quan, chúa không sai hai người ấy mà lại dùng ta trước để thử quân giặc. Đó là chúa muốn đem ta mà cho giặc vậy. Bởi chúa đãi người không thật cho nên mới đến thế này. Bây giờ cùng chúa mưu tính việc lớn, đã có một lũ võ biên ở làng Quế ở, với ta làm gì?

Rồi Tế chối là việc quân khẩn cấp, không thể đến được. Tế tự mộ lấy vài ngàn người tráng đinh, đắp lũy từ làng Như Kinh đến làng Phú Thị (Như Kinh nay thuộc Văn Giang, Hưng Yên. Phú Thị thuộc Gia Lâm, Hà Nội), dựng lên ba đồn, chia quân đóng giữ. Tế cho Vân làm chức bình địch tướng quân, Nễ làm chức tham tán quân vụ. Lại đưa hịch đến các quận bên cạnh, kể cái tội nhà vua dựa vào Chính mà đuổi chúa.

Lời hịch đại lược như sau:

"Trong hồi nguy Mạc, nhà Lê đã không còn nước. Nhờ có Thái vương họ Trịnh giúp cuộc trung hưng, công nghiệp thấu đến trời đất, phúc khánh để cho con cháu. Hai trăm năm nay, vua Lê chỉ việc khoan tay rủ áo, chúa Trịnh coi hết mọi việc chính sự; thần dân trong ngoài cùng tôn phò và kính mến, không ai có lòng nào khác. Tên Nguyễn Hữu

Chinh vốn là một kẻ vong mạng, thoát chết, mưu đồ làm việc càn rỡ, đem giặc ngoài vào phá phách nước nhà, giết chủ cũ mà làm hại nhân dân, xưng ra câu "diệt Trịnh", mượn cái tiếng "phò Lê". Vua Chiêu thống là người do quân Nam và Chinh lập lên. Nể giặc lập mình, quên ân nghĩa tám đời chủ suý; đốt phủ đuổi chúa, tựa vào sức một lũ loạn thần. Đã không xứng đáng làm vua, lấy gì tiêu biểu cho nước. Tôi là viên đại thần (chức ngự sử) của tiên triều, nghĩa không thể nín. Nay sắp dấy quân giết Chinh, tìm lấy người hiền trong họ vua cháu chúa mà lập lên để nối cơ nghiệp vua, chúa thờ trước. Hẹn đến ngày mồng một tháng nọ sẽ kéo quân qua sông Nhĩ Hà. Các vị hào kiệt bốn phương người nào đồng chí với tôi, đều nên đứng hẹn họp quân, hợp sức tiến đánh, công khôi phục kịp sớm hoàn thành, nghĩa đồng hưu cùng ghi vĩnh viễn... "

Các thổ hào ở vùng Từ Sơn, Thuận Thành thấy lời hịch chỉ trích nhà vua, giọng nói ngược ngạo, họ bèn nói với nhau rằng: "Danh đã không chính thì lời nói cũng không thuận, mà việc sẽ không thành. Chúng mình đều là bề tôi của nhà vua, không nên theo y để chuốc lấy vạ". Bởi vậy, chẳng một người nào hưởng ứng với Tế; mà những người đã nhóm họp với Tế rồi cũng rút về dần dần, thành ra người giúp Tế càng ngày càng ít đi. Và chẳng bọn Tế, Vân sẵn có tính tàn bạo, hay cướp bóc của nhân dân, Nễ lại là tên ty bì dung tục, không hiểu biết gì, nên ai cũng chán ghét.

Lúc bấy giờ có người giám sinh ở huyện Văn Giang, bắt được tờ hịch của Tế, chạy lên báo với vua. Vua xem hịch giận lắm, vội vàng cho gọi Chinh mà bảo rằng:

- Trọng Tế xuất thân ở hàng tiến sĩ, sao lại được khinh vua. Trước đây y đã gọi trẫm là vua "lông đờ" (ý nói Chiêu Thống theo Tây Sơn) và xé tờ chỉ dụ của trẫm trước mặt sứ giả. Nay y lại viết ra tờ hịch, không kiêng sợ gì cả. Thằng giặc ấy mà không giết thì lấy gì để răn kẻ khác. Vậy phải cho quân đi đánh ngay.

Chinh lạy hai lạy, vâng mệnh lui ra, rồi sai Nguyễn Như Thái và Hoàng Việt Tuyền đem quân đi đánh Tế.

Lúc sắp đi, Chinh dặn họ rằng:

- Trọng Tế chiếm giữ vùng trộm mấy thôn ấp ở quê mình, chẳng khác con cáo nương nơi gò cũ. Thứ quân nhà quê của y cũng như bầy dê chăn ở ngoài đồng, cầm roi mà đuổi là chạy, có cần gì phải đánh! Các ông cứ giống trống mở cờ, đèn thẳng dưới lũy. Chắc hẳn chỉ có hai cách: không hàng thì chạy. Hấn hàng thì điệu ngay về, không được cướp bóc làng xóm. Hấn chạy thì không cần đuổi tới cùng, sợ sinh ra việc rắc rối khác. Ta nghe nói người vùng Kinh Bắc oán hấn đến tận xương, hấn chạy đến đâu chắc không có ai chứa chấp, sớm muộn thế nào họ cũng bắt hấn đến cửa quân cho hấn nộp đầu mà thôi.

Thái, Tuyền vâng mệnh dẫn quân qua sông.

Tế nghe tin báo, liền gọi bọn Vân và Nễ bàn việc chống cự. Vân nói:

- Giả sử Chinh tỵ đến đây, cũng không phải là kẻ đối thủ của cháu, huống chi mấy thằng thiên tỳ (những quan võ giúp việc cho chủ tướng) kia thì làm được trò trống gì? Cứ cho chúng nó đến để chịu chết. Chém đầu hai đứa ấy trước, rồi kéo tràn qua sông, bắt Chinh và dựng nước đều ở cả một chuyến này. Quan chú không phải lo lắng làm gì!

Tế mừng lắm, cho là phải, rồi cười nói:

- Cửa chùa đã có thiên thần hộ pháp, khắp ba ngàn thế giới, mười lăm loài quỷ, tự nhiên đều phải lui bước nghe theo. Đức Phật Thế tôn chỉ việc chấp tay ngồi trên toà sen nhận lễ dâng cúng mà thôi.

Mậu Nễ cũng nói:

- Tôi xin sắp sẵn trâu rượu, chờ khi tới kinh mở tiệc uống cho thật say. Lần này quan thầy sẽ là đức Phật sống của nước Nam Việt, trăm nghìn Phật La-hán chắc đều phải hiện chân thân để nghe ta chỉ vẽ.

Chú cháu, thầy trò tâng bốc, khoe khoang lẫn nhau, không còn để ý gì đến việc binh nữa. Chợt có tin báo quân của Thái, Tuyển đã đến. Tế bèn lấy thanh gươm trao cho Vân và nói:

- Kinh thư nói rằng: "Nãi ngôn để khả tích" (nghĩa là: Lời người đưa đến thành công). Phải nhớ lấy nhé!

Vân lạy hai lạy, nhận gươm lui ra, rồi dẫn quân lên mặt lũy, pháp phóng dòm ngó. Thấy thế quân của Thái, Tuyển rất mạnh, Vân bắt đầu tỏ vẻ lo sợ. Vả chăng, quân của Vân mới mộ, đều là hạng người ô hợp chưa qua trận mạc bao giờ, tai mắt chưa quen thuộc với chiêng trống cờ xí, họ tướng đó cũng như những đám rước thần, cúng Phật ở thôn quê mà thôi.

Vân tựa vào lũy mà dàn trận. Thái, Tuyển chia quân làm hai đường cùng đánh ập lại. Súng và hoả hổ cùng nổ ran một lúc, xa gần rung động, khói lửa ngút trời. Quân của Vân kinh hãi, tan vỡ, không sao ngăn được. Vân hoảng hốt, cuống quít, không biết làm thế nào, bèn cởi bỏ áo trận, rồi chạy trốn.

Trọng Tế ở trong đồn Lạc Đạo (tên xã, thuộc Gia Lâm, Hà Nội) cho người đến dò, thì Vân đã bỏ đi đâu mất, chỉ thấy hai đạo quân của Thái, Tuyển đang trèo lên lũy, chém giết tứ tung.

Người do thám sợ hãi chạy về báo tin, Tế nghe nói, vội vàng đứng dậy, ruột gan rối bời, chưa biết tính liệu ra sao? Lại thấy quân lính tan tác, mỗi người chạy mỗi ngã, Tế trông trước, nhìn sau, chẳng biết làm thế nào, bèn ngửa mặt lên trời, mà kêu rằng:

"Trời ơi, chỉ tại trời không phù hộ nhà chúa cho nên mới đến thế này đây!".

Rồi Tể dẫn vài tên tay chân vượt lũy chạy trốn. Chập tối, Tể chạy đến làng Ngọc Xá (sau đổi là Yên Xá, thuộc huyện Cẩm Giàng, Hải Dương (Hải Hưng)) thì Vân theo kịp. Đêm ấy chú cháu bàn với nhau vào ngủ nhờ ở nhà một người dân trong làng. Vân nói với Tể:

- Xin chú trước hết hãy vào Quế ỏ ra mắt chúa, chúa vốn tin và trọng chú, thấy chú chắc là mừng. Hơn nữa, ở đó đều là những người võ biên, được chú là văn thần bày mưu lập kế, chỉ huy mọi việc cho, thế nào chúa cũng nghe theo. Nhân cơ hội ấy, mình sẽ thu thập tàn quân để tính việc về sau. Chẳng qua chỉ trong mười ngày, thanh thế nổi lên là lại có thể làm nên việc.

Tể nói:

- Không được! Trước đây chúa cho gọi ta, ta chối không đến. Bây giờ thua trận mà đến, thì lấy cớ gì mà nói! Và chẳng như thế thì còn mặt mũi nào? Mà rồi những người ở Quế ỏ còn coi ta ra gì? Trước đây ta đã cộng sự với quận Nhưỡng, rất là tương đắc. Nay nghe ông ta chiếm giữ vùng Hàm Giang, và hiệu triệu nhân dân vùng Hải An, thủ hạ có tới vài vạn, thuyền bè đầy sông. Ông ta là tay tướng giỏi, ta nên đến ngay Hàm Giang, mưu tính với ông ta, rồi xin chúa dời xa giá về đó, bọn người ở Quế ỏ không thể không theo chúa tới họp. Nhân đó ta bảo họ nổi lên ở xứ bắc, cháu đem một cánh quân đi cùng họ; quận Nhưỡng thì nổi lên ở xứ đông; ta thì phò chúa đốc chiến. Các đạo hện nhau cùng cất quân trong một ngày, việc lớn chắc có thể thành. Không như trước đây, chỉ một toán quân chơ vơ, đến nổi bị giặc uy hiếp.

Vân nói:

- Phải lắm! Nhưng từ Ngọc Xá đến Hàm Giang, đường sá xa xôi, mà mình chỉ có năm sáu người lủi thủi đi đường, bộ dạng tiều tụy, trông chẳng ra sao. Và lại, vạn nhất xảy ra biến cố gì, giữa đường tay không, lấy chi mà chống đỡ. Vậy cháu xin mộ lấy dăm sáu chục tên lính, khí giới sắc bén, mở cờ giống trống mà đi; sớm lên đường chiều tới nơi, quận Nhưỡng thấy thế cũng không đến nổi khinh mình.

Tể nói:

- ý kiến của cháu cũng đúng. Cháu nên gấp rút đi mộ quân lính, hện chiều tối hôm nay phải đến đây ngay.

Không ngờ chú cháu y bàn luận cả đêm như thế, đều bị người trong nhà nghe thấy hết và biết rõ chuyện. Nửa đêm, họ liền đi báo với viên áp trưởng. Sáng dậy, khi Vân đã đi rồi, viên áp trưởng liền đem vài chục bộ hạ cầm khí giới và khiêng một cái cũi đến, bảo với Tể rằng:

- Mời quan lớn vào trong này! Đã có quân của quận Tuyên chờ ở gần đây, xin sẵn sàng hộ tống ngài về kinh yết kiến cụ Bằng trung công.

Tế vờ thất kinh mà rằng:

- Các ông lầm rồi! Tôi là học trò xứ Hải Dương, tới Như Kinh kiếm nơi dạy học, tình linh gặp việc binh đao, nên lại trở về xứ đông, có việc gì mà phải yết kiến bậc quý nhân trong triều?

Người áp trưởng cười mà nói:

- Quan lớn đừng có dùng miệng lưỡi nói dối người ta! Trước kia ngài đã bay lượn ở vùng Thăng Long, gằm hét ở hạt Kinh Bắc, tự cho là người tài giỏi độc nhất trong nước Nam. Học trò Hải Dương đâu có khí thế ấy? Bây giờ xin mau mau vào cũi để họ khiêng đi cho sớm. Đừng nhiều lời làm gì, mệt sức vô ích!

Rồi họ đẩy Tế vào cũi, giải đến dinh quân của Tuyên. Những nơi cũi Tế đi qua, nhân dân đều đổ xô ra hai bên vệ đường để xem. Có người gọi Tế mà bảo:

Ông nghe sao lại đến thế; tức thay thẳng kẻ cướp vô loại kia sao lại lọt lưới? (chỉ Dương Vân)

Trước đó, khi bọn Tuyên cầm quân ra đi, Chinh đã có lời răn bảo. Đến lúc bắt sống được Tế rồi, Tuyên liền đem quân thắng trận trở về, hết thầy đúng như lời Chinh đã dặn. Các quan trong triều đến dinh Chinh. Mừng việc thắng trận, ai cũng tấm tắc khen ngợi và khâm phục. Riêng Trần Công Xán lại nói:

- Không phải ông có tài tính liệu tình hình địch mà chỉ vì Tế vô mưu "Giống vật thương tình đồng loại" (dịch câu: "Vật thương kỳ loại", câu này do ở thành ngữ Thổ từ hồ bi, vật thương kỳ loại, nguyên nghĩa là: "Con thỏ chết con cáo buồn, giống vật thương tình đồng loại". ý nói người ta thấy kẻ đồng loại gặp nạn thì cũng buồn thương. Đây chỉ vào ý Xán mượn câu này để ngầm tỏ ý nói Tế cũng là kẻ đáng thương) thật là đáng buồn! Chữ "vô mưu" ở đây là Trần Công Xán ám chỉ việc Trọng Tế viết tờ hịch chỉ trích vua Lê trước kia.

Vua nghe tin đã bắt được Tế, liền sai thảo bản kẻ tội của Tế, để làm cho nghiêm chỉnh pháp điển. Chinh tâu:

- Xin kéo hẳn ra cửa Bắc mà chém đi là xong, chẳng cần phải làm bản bút mực!
Phan Lê Phiên nói:

- Với tên giặc khác, cố nhiên nên như vậy. Nhưng Tế là người học hành thi đỗ, xuất thân trong hàng tiến sĩ mà dám làm việc phản nghịch như thế, thật là kẻ tội nhân trong danh giáo. Sao được chết một cách im lặng như vậy? Bởi thế, cần vâng theo chỉ ý của hoàng thượng, nêu rõ tội ác của y, để cho người khác thấy y mà biết răn mình, thì bọn ngang ngược kia mới dẹp đi được.

Rồi Phiên cầm bút thảo lời "Luận tội" dâng lên rằng:

"Làm tôi phản vua, trời đất không còn chỗ chứa; mang tên là giặc, người nước cùng được giết đi. Vậy phải đục bỏ tên trong bia tiến sĩ, dâng tù trước nhà Thái-học, để tỏ rõ rằng y đã bị đuổi ra ngoài hàng kẻ sĩ, khiến cho không làm nhơ danh của nhà nho".

Vua truyền "đọc", rồi lập tức sai bọn Tuyên mặc quần áo trận, bắt Tế đưa đến nhà Thái-học phủ phục chịu tội, rồi điệu đến Trường thi võ mà chém.

Sau đó, vua lại thăng thưởng quân công cho bọn Tuyên, Thái, và theo thứ bậc mà ban cấp tiền bạc cho các tướng sĩ.

Nhân việc này, triều thần lại kiến nghị tâu với vua thăng cho Chính lên tước công một chữ (theo quan chế đời xưa, tước "một chữ" (nhất tự) là cao quý hơn tước có nhiều chữ. Ví dụ; Bằng công to hơn Bằng trung công), cho phép mở ra phủ quân Vũ thành, đúc con dấu Vũ thành và để Viện xu mật thống thuộc vào đấy. Chính nhân dịp, liền tâu xin cho con trai là Hữu Du làm chức doanh tướng, coi lĩnh toán quân ấy.

Vua ưng cho.

Từ đó, những việc thuộc về quân sự, Chính đều để cho Du điều khiển lấy. Chính lại xây dựng một toà phủ ở phía đông chỗ ở của mình, nhà cửa rất mực rộng rãi để cho Du ở, theo như lệ "thế tử ra ở phủ riêng" của chúa Trịnh ngày xưa. Bộ hạ của Chính nhân đó cậy thế làm nhiều điều phi pháp. Bất cứ là nha môn nào hay việc gì, hễ đã thấy những giấy tờ đưa đến, có đóng dấu quân Vũ thành, là không ai dám trái lệnh. Vì thế, triều đình không còn kỷ cương gì cả, mà lòng người cũng sinh ra chia lìa. Người hiểu biết đều cho là thế nào cũng có loạn. Có người cáo bệnh bỏ quan, tìm chốn nhàn tĩnh ở nơi xó rừng, góc biển để tránh tai vạ.

Chính cũng biết dư luận không ưa gì mình, muốn mượn con đường khoa mục, thu nhất nhân tài, để mua chuộc lòng người làm chức yên lành về sau. Chính bèn bàn với Lê Phiên tâu xin theo phép "kén học trò theo mười khoa" của Tư Mã Quang nhà Tống, đặc cách mở một chế khoa (Chế khoa là khoa thi do nhà vua tự ra đầu bài và tự chấm lấy văn. Nhưng đời sau, những khoa thi mở bất thường cũng đều gọi là chế khoa. - Đời Tống Triết-Tông, Tư Mã Quang xin vua cho đặt mười khoa (10 điều) để làm tiêu chuẩn kén nho sĩ. Mười khoa đó đại để như sau: Có nét; có tiết tháo; có mưu trí và sức khoẻ; thông minh; ngay thẳng; thông kinh sử; học rộng biết nhiều, v.v...). Các quan văn từ tam phẩm trở lên đều phải tiến cử những người mình biết, rồi cho phép họ vào trong sân điện, đối đáp những câu văn sách của nhà vua hỏi. Khi ấy, các danh sĩ trong nước ai cũng trau dồi chữ nghĩa và đức hạnh để chờ đợi ơn trên. Cả những người làm quan rồi cũng đều hăng hái ứng cử. Bấy giờ là tháng giêng mùa xuân, năm đầu niên hiệu Chiêu-Thống (1787).

Lúc đó có viên hiến phó là Ngô Tường Đào được cử vào khoa "hiền lương phương chính", dâng biểu cổ từ như sau:

"Hiện nay, nhân sau khi sụp đổ, những việc đáng cảm đáng than trong nước, kể không thể xiết. Không phải chỉ có "một đau, hai khóc, ba thở dài" (nói theo lời của Giả Nghị trong bài nói về tình hình trị an đời Hán Văn-đế) mà thôi. Nếu không có tài hơn đời thì sao có thể xoay chuyển được thời thế. Nhưng những bậc kỳ tài, kỳ ngộ, phải đâu hết thảy đều do khoa cử mà ra. Đời nếu có người tài, bệ hạ nên dùng lễ mà mời ra như vua Thang mời Y Doãn ở đất Sần, vua Văn vương thăm Lã Thượng ở sông Vị (Y Doãn là công thần đời nhà Thương, từng cày ruộng ở đất Sần, vua Thang ba lần đến mời ông mới chịu ra giúp. - Lã Thượng tức Lã Vọng, công thần đời nhà Chu, từng câu cá ở bờ sông Vị, vua Văn vương đi săn bắt gặp, hết sức kính trọng, đón lên xe mời về triều làm quân sư), ngô hầu mới mời được họ đến. Còn như thần đây lạm giữ một chức còn sợ chưa nổi, dám đâu làm như đến việc long trọng này, để thương tổn đến sự sáng suốt trong việc cất nhắc nhân tài của thánh triều".

Lê Phiên nghe bài biểu ấy nói với Công Xán rằng:

- Ông ta bảo cần phải có người có tài lạ, là muốn nói nước giặc đang nhòm ngó ở bên ngoài, chẳng bao lâu sẽ có nạn binh đao. Mình bỏ việc ấy không lo, mà lại đi mở khoa thi kén học trò, để vờ làm ra vẻ thái bình. sợ khi quân Nam trở lại, không biết dùng chức gì mà chống đỡ? Đó thật là cái lo trước mắt!

Năm ấy, những kẻ vào diện thi để đối đáp văn sách, có đến hai trăm người. Chính muốn kén chọn cả loạt để thu nhật danh sĩ trong nước. Nhưng đến khi xướng tên, thì hạng đúng tư cách thì đồ chỉ có hai người là Trần Bá Lãm và Nguyễn Gia Cát mà thôi. Chính có ý không bằng lòng, cho nên mùa đông năm ấy, Chính lại xin thi hội ở lầu Ngũ phượng, lấy bọn Bùi Dương Lịch vào hạng tiến sĩ, tất cả mười lăm người. Nguyễn Khuê là người bà con của Chính, đỗ vào thứ tư, dự luận trong ngoài có ý chê là tư vị.

Nhắc lại, khi Chính ở Nghệ An về triều, được vua trọng dụng, các thân thần, cựu thần của nhà vua chẳng ai được ở trên Chính. Vì vậy, Chính làm việc gì cũng trôi chảy, không còn lúc nào nghĩ đến tình hình nước địch và công việc ở ngoài biên cương nữa.

Lúc ấy, những người ở ngoài đối địch với Chính, thì phía tây có quận Thạc, phía đông có quận Nhưông, Chính đều xem kính. Mỗi khi chuyện trò với ai, Chính vẫn thường nói:

- Nhưông tuy là dòng nhà tướng, nhưng là người thô lỗ, không thạo mưu cơ làm tướng. Xưa kia ở dưới cửa tiên công (chỉ quận Huy), y vẫn coi ta là bậc anh. Về sau vì sự gặp gỡ khác nhau, thành ra mỗi người một ngã. Chắc Nhưông không dám tranh giành với ta, mà ta cũng không nỡ đánh nhau với Nhưông, hãy để y ra ngoài đã. Đến như quận Thạc

thì chỉ là người dũng mãnh, mà lúc gặp việc cần ứng biến thì lại không phải là giỏi. Và nay y đã tuổi già sức yếu, nên cũng không đáng sợ nữa.

Vừa lúc ấy, có người thân của Chinh là Lê Vũ ở Sơn Tây về, nói với Chinh rằng:

- Quận Thạc trước đi Hưng Hoá, chiêu dụ mấy viên quan Mường, mở lò đúc khí giới. Hiện nay đồ đảng ở bốn trấn có đến vài vạn, ông ta đang truyền hịch cho các thổ hào trấn Sơn Tây, hẹn ngày đem thủ hạ vào kinh. Nghe đâu ông ta có sai người đem tờ biểu bí mật dâng lên nhà vua, ông có biết không?

Chinh nói:

- Ta biết rồi. Trong tờ biểu, quận Thạc trình bày rằng: "Trước đã trái luật làm tan mất quân đội, sau vào bảo vệ kinh thành lại không nên công trạng gì, nhờ hoàng thượng có lòng bao dung, lại cho làm chức trấn thủ để cho bù lại tội xưa. Ngày nay có lòng luyến nhớ cửa khuyết, lại sợ ý ấy chưa được rõ ràng, kẻ không ưa sẽ được thế chỉ trích, đổ cho tiếng xấu, nên còn dè dặt chưa dám tới ngay...". Hoàng thượng có đưa tờ biểu cho ta xem. Ta đã đoán ngầm được ý của Thạc, chắc y không dám dùng quân sự chống cự lại ta, mà chỉ muốn giảng hoà. Y ở ngoài lâu ngày, tình thế cách trở, đâm ra nghi hoặc, sợ hoàng thượng không tin dùng. Mà đột ngột về kinh, thì lại sợ có ta ở trong triều, chưa biết hoạ phúc thế nào, nên mới dâng trước tờ biểu ấy để dò xem ý tứ của triều đình đó thôi. Ta cũng muốn tâu xin hoàng thượng giáng chỉ triệu y, nhân tiện ta gửi cho y một lá thư, nhưng khó kiếm được người xứng đáng để sai đi. Người đã biết rõ tình hình thì nên theo sứ giả của nhà vua mang thư cùng đi.

Lê Vũ xin vâng lời. Chinh bèn viết thư gửi cho quận Thạc, đại lược như sau:

"Trước đây tướng quân lên miền thượng du, xếp đặt công việc ngoài bờ cõi, trèo đèo vượt suối, thật là vất vả. Nếu tướng quân có ý chuyên giữ một phương để che chở cho miền tây, thì tôi xin đề đạt ý ấy lên nhà vua, cho phép tướng quân tùy ý mà làm. Nếu tướng quân cho rằng ở trong quân ngũ đã lâu, sức lực suy yếu, muốn nghỉ việc quân cơ, thì tôi dám đâu không giúp đỡ tướng quân chọn một địa vị tốt đẹp để cho tướng quân giữ trọn công danh, làm bậc tước tướng (vị tướng cũ đời trước còn lại) của tiên triều? Kẻ đại trượng phu ở đời chỉ có hai con đường là "hành" và "chi", cần phải sớm sớm chọn lấy một. Mong tướng quân tính liệu lấy".

Lúc mới nghe có mệnh lệnh nhà vua đòi, quận Thạc liền ra ngoài sân để bái nhận và hạ lệnh cho tướng tá kiểm điểm binh mã chờ ngày lên đường. Đến khi mở thư Chinh ra, quận Thạc bỗng nổi giận bảo Lê Vũ:

- Mà y là người riêng của Chinh phải không?

Sứ giả đỡ lời:

- Thư này Bằng công đã trình lên hoàng thượng xem; như vậy, người đưa thư tức là do hoàng thượng sai đi, không phải là người riêng.

Thạc nói:

- Tục ngữ có câu: "Bò con mới đẻ không biết sợ cạp". Chính là bảo hạng người như Nguyễn Hữu Chỉnh đây! Ta là con nhà võ biên, không biết văn hoa che đậy, việc gì cũng cứ thẳng băng mà làm. Điều gì không bằng lòng, chỉ biết có lưỡi gươm mà thôi. Nay ta nói cho các người nghe: Nguyễn Hữu Chỉnh trước thì phản bội nước nhà mà giúp Tây Sơn, sau lại ở hai lòng với Tây Sơn mà chiếm giữ đất Nghệ An. Đến khi Tây Sơn không nhìn nhận, người Nghệ An không dong, mới quay về với hoàng thượng. Các vị văn quan lại bị hấn lừa dối, để cho hấn có thể mượn mệnh lệnh của nhà vua, sai khiến người trong nước. Riêng có Dương Trọng Tế chống cự với hấn, nhưng vì không rõ nghĩa lớn, cho nên hấn có cơ mà nói. Quận Nhưõng lại là bạn quen của hấn, thành ra chỉ bay lượn ở vùng Hàm Giang, không dám vượt lên một bước, tiến về kinh đô mà hỏi tội hấn. Hiện nay, riêng ta thì lấy việc đánh Chỉnh làm trách nhiệm của mình. Các ông hãy về bảo với Chỉnh rằng: hấn quen dùng thói gian trá, giảo quyệt để lừa dối người trong nước, nhưng lừa dối thế nào được ta đây. Ta nay vâng chỉ về triều hỏi tội hấn. Nếu hấn có thể đánh với ta, thì nên ra ngoài thành vài dặm để chọi nhau cho tiện, đừng để kinh động đến cung khuyết. Bằng không thì hấn nên ra chịu tội ở ngoài cửa Đại Hưng, đã có triều đình xử trí.

Rồi đó, quận Thạc tiễn sứ giả về kinh, lại viết tờ biểu "xuất sư" dâng lên nhà vua, đại lược nói:

"Trước đây, thần vâng mệnh ra trấn Sơn Tây, vừa lúc ấy Nguyễn Hữu Chỉnh từ Nghệ An vào châu. Bệ hạ cho là Chỉnh có công tôn phò, nên giao việc chính trị trong nước cho hấn. Đưa tiểu nhân đắc chí, dần dà mưu đồ làm việc không hay. Cứ như ý ngu của thần, thì Chỉnh không phải là người bề tôi thuần thực, mà là một đứa tự mưu lợi riêng. Xem việc hấn làm, giống như ma quỷ; xét bụng hấn nghĩ, độc hơn hùm beo. Cúi xin bệ hạ xét rõ, cho phép thần được trị hấn ngay từ lúc đầu, để hấn không thể rông rở làm ác về sau, thì thật là phúc cho xã tắc...".

Tiếp đó, quận Thạc đưa tờ hịch đến các lộ Quốc Oai, Quảng Oai, kể rõ tội ác của Chỉnh, gọi Chỉnh là tên giặc ở cạnh nhà vua, nguyên thế nào cũng giết Chỉnh để triều đình được trong sạch.

Chỉnh nghe tin quận Thạc đem quân đến nổi giận nói:

- Tên giặc già này thật đáng giết! Không muốn làm người công danh ở thế gian, lại muốn theo gót thằng Trọng Tế làm con ma phản nghịch ư?

Rồi Chỉnh vào tâu với vua, xin sai bộ tướng là Lê Duật đem quân đi đánh quận Thạc, còn tự mình đốc suất đội quân lớn theo sau tiếp ứng.

Duật đến làng Đại Phùng (thuộc huyện Đan Phượng, Hà Đông, nay thuộc Hà Nội) thì quân quận Thạc cũng vừa tới đó. Hai bên mới giao chiến được một trận thì quân Duật chống không nổi đã rút bỏ khí giới mà chạy.

Con trai quận Thạc là Gia Vũ xin thừa thắng đuổi tràn, khiến hậu quân của Chính kinh sợ, để có thể giữ được toàn thắng.

Quận Thạc không nghe và nói:

- Quân lệnh sớm nay đã truyền là đúng trưa họp ăn ở làng Đại Phùng. Các quân lính đang đói mệt, chờ đợi nghỉ ngơi ăn uống, thì quân giặc thành lính kéo đến; ta mới vẫy quân một cái mà đã đánh lui được chúng, bây giờ nên nhân đây mà truyền cho quân lính ăn cơm là phải. Nếu lại khua cho họ tiến lên, chiều tối đến kinh thành, giặc tất nhiên dốc hết quân ra liều chết mà đánh, lúc đó quân ta vừa mệt vừa đói, lấy sức đâu mà chống? Binh pháp có nói: "Quân đi hàng trăm dặm để kiếm lợi, sẽ què thượng tướng"; đó là con đường nguy hiểm. Hãy cứ nghỉ quân mà ăn uống, ăn rồi thúc trống tiến lên, gặp giặc là đánh. Ăn no khí mạnh, lo gì không thắng địch? Và lại, ta bắt Chính như bắt trẻ con, có cần gì mà phải gấp vội để cho thất tín với quân lệnh.

Quận Thạc bèn truyền lệnh khua chiêng cho quân tạm nghỉ. Duật chạy đến nửa đường, ngoảnh lại trông biết là quận Thạc không đuổi; lại sợ Chính đến sẽ bị quở phạt, liền thu quân, dàn thành trận, quay trở lại đánh quận Thạc. Quân của quận Thạc đang ngồi lên khí giới mà ăn, hàng ngũ lộn xộn chẳng đâu vào đâu. Thấy quân Duật ào đến, quân quận Thạc không kịp đánh lại, sợ hãi, tan vỡ, chạy tứ tung. Lúc ấy quận Thạc đang ngồi trên đình Đại Phùng, vội vàng trèo lên mình voi, thủ hạ chỉ còn vài chục người, xúm quanh thân voi, ra sức mà đánh. Quận Thạc ngồi trên bành voi, ném lao giết chết quân Duật chừng vài trăm người. Duật không dám lại gần. Chốc lát thấy Chính đem đại quân kéo đến tiếp ứng, Duật liền vẫy quân vây quanh voi của quận Thạc, lấy giáo dài mà đâm. Quận Thạc co voi vào bãi cát, rồi xuống voi nhảy phốc lên ngựa, múa đao chém vung tàn tán, người ngựa qua lại như bay. Gia Vũ ở phía sau trận phi ngựa hô tới, xông lên phía trước, lăn xả vào đánh giết, làm bị thương quân địch rất nhiều. Một viên tỳ tướng của quận Thạc là Hoàng Đăng, tập hợp được vài trăm tên lính tản mát, cũng quay trở lại hợp sức mà đánh, Chính trông thấy thế, sợ quận Thạc thoát thân được thì sẽ phi ngựa trốn mát, bèn vẫy quân Thiết đột vây kín bốn mặt, nhắm vào ngựa quận Thạc mà bắn. Ngựa què, quận Thạc bị Duật bắt sống. Gia Vũ, Hoàng Đăng liệu chừng không thể chống nổi, đều theo lối Thượng Hiệp (tên xã, thuộc Sơn Tây. (Cũng ở gần vùng Đan Phượng)) mà tháo lui.

Trận này, quận Thạc tự mình đốc suất các phiên thần Hưng Hoá, thổ mục Sơn Tây, lại hợp với quân của cả hai trấn, khí giới rất là sắc bén. Sau khi thua một trận, hết thầy đều bị thu bắt, không còn sót một tý gì. Do đó, oai danh của Chính rung động khắp thiên hạ.

Tin thắng trận về đến kinh thành, các quan vào mừng. Vua Lê miễn cưỡng ra ngự triều, rồi nói riêng với Ngô Vi Quý rằng:

- Quận Thạc không phải là bề tôi bạo nghịch của trẫm. Quận Thạc còn sống thì tên gian hùng kia (chỉ Nguyễn Hữu Chỉnh) còn e sợ, nay chẳng may mà chết, trẫm rất thương xót, còn mừng nỗi gì?

Tiếp đó, Chỉnh rút quân về và giải quận Thạc vào kinh thành tâu xin đem chém.

Vua khuyên Chỉnh rằng:

- Quận Thạc trọng về phần nghĩa nhiều, mà ít hiểu về phần lý, cho nên danh với thực không xứng với nhau, hình tích khó mà rõ rệt. Nay thua trận bị bắt, phép vẫn nên chém. Nhưng nghĩ lại lúc Trọng Tế thả quân vây bức kinh thành, trẫm đứng chờ vợ một mình trong điện suýt nữa mắc phải tai biến bất trắc; nếu không có quận Thạc, làm gì có ngày nay? Theo như phép "Bát nghị" (theo sách Chu lễ, hình phạt có "Bát nghị" (tám phép bần), chia ra tám loại người thân của vua, người có công, người có tài, người quý hiển v.v... để xét xử phân biệt khác nhau mà định cách giảm tội) Lòng trẫm thật không nỡ, nên bãi lại để cho tỏ rõ cái ơn nghĩ đến công trạng hồi xưa.

Chỉnh đối với quận Thạc từ trước vốn không có hiềm thù gì, nay đánh một trận mà thắng, khí tức cũng đã hả, lại nghe lời vua khuyên dụ, bèn xin giao cho triều đình bàn lại. Ngự sử là Ngô Trọng Khuê thảo lời nghị tội khác, trong có câu:

"Làm quan chống lại mệnh lệnh của triều đình, tội vẫn đáng chém; nhưng đem công mà bù với tội, thì sự chết cũng nên có lẽ..."

Vua bèn sai đưa quận Thạc ra ngoài cửa Tây, cho uống thuốc độc.

Quận Thạc lạy hai lạy, rồi uống thuốc độc mà chết.

Lúc quận Thạc mới bị giải vào thành, nhân dân kinh đô xúm lại xem. Quận Thạc nói:

- Ta là tên tướng già Hoàng Phùng Cơ đây. Cha con một nhà đã có sáu người chết vì việc nước. Phải, trái đã có công luận. Thành, bại là bởi lòng trời. Ta không giết được Nguyễn Hữu Chỉnh, thế nào Tây Sơn cũng sẽ giết hắn. Đạo trời báo ứng không bao giờ sai; chỉ tiếc rằng ta không kịp trông thấy mà thôi.

Sau khi quận Thạc chết, thi hài được đem về chôn ở Sơn Tây, quân và dân ai cũng chảy nước mắt.

Lại nói, Nguyễn Hữu Chỉnh nắm hết quyền bính trong nước, việc gì cũng tự tay của y mà ra. Càng ngày y càng lộng hành, lòng người lìa tan, quan văn quan võ, ai cũng chán nản. Người nào theo lẽ công, giữ phép nước, đều bị bọn tướng sĩ cơ Vũ thành của Chỉnh quấy nhiễu. Người nào kháng khái dám nói thì nhiều khi bị chúng làm hại, tai họa xảy ra bất ngờ không sao mà lường được. Bởi thế, thường thường ai cũng kiêng nói. Cũng có người đã cáo bệnh, trả lại ấn tín, bỏ về nơi làng xóm.

Bọn hào mục gian ác ở đâu thì tụ họp ở đấy, rồi đi cướp bóc lẫn nhau. Ngoài thành vài dặm, đều là hang ổ của bọn trộm cướp.

Vua Lê lấy thế làm lo, bèn vời viên tham tụng cũ là Bùi Huy Bích vào triều để hỏi về việc thiên hạ. Bích sợ Chính không dám nói gì, chỉ từ tạ mà rằng:

- Thần may được thi đỗ, nhưng không có tài giúp đời trị nước. Chúa Trịnh xưa cất nhắc thần làm việc trong chính phủ; lính kiêu dân oán, quân giặc lấn cướp, thần không có một chức gì để cứu vãn. Kinh thành bị hãm, chúa soái mắc nạn, cái tội làm làm lỡ việc nước ấy, thần thật khó lòng mà trốn tránh. Nay nước nhà đã nhất thống, chính sự ban đầu đang sáng suốt, bệ hạ hãy nên tìm lấy những người tài giỏi khác. Còn như thần đây, thì dám đâu lại làm như đến triều đình, để lỡ việc thiên hạ? Cúi xin bệ hạ cho thần được lui về nơi ruộng đồng, làng xóm.

Lúc lui ra, Bích bảo riêng với người thân tín rằng:

- Thiên hạ sắp loạn mất rồi! Từ đây ta cũng bỏ mà đi thôi.

Rồi đó, ông ta đem cả gia quyến dời sang xứ đông.

Viên đốc đồng trấn Nghệ An là Phạm Huy Khiêm cũng bỏ quan đi lên vùng thượng du huyện Thanh Chương mưu đồ việc khởi quân cần vương. Khiêm có đưa tờ hịch kẻ tội của Chính, nhưng việc chưa thành thì đã chết (Huy Khiêm (có người đọc là Vĩ Khiêm, tức Phạm Nguyên Du)).

Bấy giờ, trong bọn sĩ phu tại chức, lại có hạng người khác, nặng lòng công danh, lấy việc dẹp loạn, phò nguy làm trách nhiệm của mình. Họ tụ tập các người đồng chí, chiêu mộ quân lính nghĩa dũng. Hào kiệt bốn phương, khi nhận được chỉ thư, cũng theo lời hiệu triệu mà đến với họ. Những đám như vậy, khắp nơi đều có.

Viên đốc trấn Cao Bằng là Lưu Tiệp (có bản chép là Lưu Côn, Lưu Tiệp quê ở làng Nguyệt áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội) nhận tờ mật chỉ của chúa Trịnh. Còn viên đốc đồng là Nguyễn Hàn (Nguyễn Hàn quê ở xã Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội, Tiệp và Hàn đều đỗ tiến sĩ) lại nhận tờ mật chỉ của vua Lê. Cả hai đều khuyên đỗ bọn phiên mục ở trấn ấy giúp sức, rồi lại cấp phát phù tín, sắm sửa khí giới cho họ, và dặn họ sẵn sàng chờ lệnh đòi gọi. Lúc bấy giờ một trấn Cao Bằng, chia làm hai đảng. Kể theo tiết chế của viên đốc trấn, thì không biết có viên đốc đồng. Người theo ước thúc của viên đốc đồng, thì lại không biết có viên đốc trấn. Hai người ai ở dinh nấy, không chịu họp chung với nhau. Tiếng là đồng liêu với nhau, thật ra chỉ là thù địch.

Tiệp ngầm sai viên phiên thuộc của mình đem thủ hạ về trá hàng Nguyễn Hàn, rồi lại cho người tới cầu hoà để đòi lại viên phiên thuộc cùng bọn đầu hàng ấy. Hàn không biết là mẹo lừa, cứ nhận bọn đầu hàng mà cự lời xin của Tiệp. Tiệp liền đem quân vây đánh Hàn. Bọn trá hàng bấy giờ mới nổi lên làm nội ứng cho Tiệp, quân của Hàn tức thì rối loạn tan

võ. Hàn hoảng sợ vội vàng bỏ chạy, bị giết chết liền. Vợ con của Hàn ở trong dinh cũng đều bị giết tất cả. Do đó, trấn Cao Bằng rối loạn lung tung. Bọn hào mục kẻ nào giữ ấp trại của kẻ nấy, rồi đem quân đánh giết lẫn nhau. Tiệp cũng không thể ngăn nổi.

Cùng lúc đó, Hà Quốc Ký ở Lạng Sơn, Triệu Văn Khương ở Thái Nguyên, Hoàng Văn Đồng ở Tuyên Quang, Đinh Văn Hồ ở Hưng Hoá và các tù trưởng ở vùng Phù Sương, Tây Lĩnh cũng đua theo, đâu đó đều chống lại mệnh lệnh của triều đình, quan lại ở trấn có người cũng bị chúng đuổi. Khắp trong bốn cõi không còn có chỗ nào yên tĩnh.

Thật là:

Quạ cáo tranh nhau, không đáng ngại.

Cọp, rông đánh lộn, mới ghê thay!

Chưa biết đại thể ra sao? Hãy chờ hồi sau phân giải.

Hồi thứ chín

*Tướng Tây Sơn Võ Văn Nhậm đem quân lấn ngoài bờ cõi
Quan bình chương Trần Công Xán vâng mệnh bàn việc biên cương*

Lại nói, khi ở Cao Bằng bắt đầu nhóm lên việc binh đao, Lưu Tiệp, Nguyễn Hàn đều có sai trạm đưa thư về kinh cáo biến. Tiệp bảo Hàn là phản nghịch, Hàn bảo Tiệp là phản nghịch, và cả hai đều nói "hiện đã điều quân vây đánh, chỉ khoảng mười ngày sẽ bắt được kẻ có tội".

Quan Bình chương là Phan Lê Phiên thấy thư ấy, rất kinh hãi mà rằng:

- Hai người đều là bậc thanh cao trong hàng triều sĩ, ra ngoài gánh việc phiên trấn, đáng lẽ phải vì việc công mà quên việc riêng. Sao họ không chịu nén lòng theo nhau, lại đi cầm đầu cho cuộc quấy rối? Đồng loại làm hại nhau, đó cũng là một biến cố lớn! Đáng ghê! Đáng sợ!

Vừa lúc ấy, các viên trấn thủ ở bốn lộ Lạng, Thái, Tuyên, Hưng cũng đều lần lượt gửi thư hoả tốc về cáo biến.

Vua Lê bèn bàn với Bạng công Nguyễn Hữu Chỉnh. Chỉnh thưa:

Các trấn đem quân đánh nhau, cũng là thói thường của bọn tù trưởng ở ngoài bờ cõi, chỉ cần hạ một bức thư, báo cho họ biết đường hoạ phúc, chắc họ sẽ nghe theo; dẹp yên việc ấy, không có gì khó. Riêng việc biến cố ở Cao Bằng thì lại do các viên quan trấn gây ra, bọn tù trưởng trên ấy đều không đáng trách. Cái tội tự tiện đánh nhau, giết nhau, triều đình sẽ phải có phân xử, vậy xin giao xuống cho các quan hợp bàn.

Quan đồng bình chương Trương Đăng Quỳ và quan tham tri Nguyễn Diệu đều xin gấp rút chọn hai viên đốc trấn, đốc đồng khác có tài cán lên coi thay việc trấn và luôn thể hạ chiếu chỉ triệu bọn Tiệp, Hàn về triều, may ra mới dẹp được cuộc rối loạn.

Phan Lê Phiên nói:

- Phải đấy! Rễ chùm, máu cứng, phải dùng đồ sắc! Viên quan cử lên coi trấn ấy, không thể dễ dàng muốn sai ai cũng được.

Quan đồng bình chương Trần Công Xán nói tiếp:

- Việc loạn ở Cao Bằng hồi xưa, viên đại thần đã qua đời là Nghĩa thành vương (tức Nguyễn Đình Bá) vâng mệnh lên vỗ về, ở luôn trên trấn ấy bảy năm, nhân dân các bản đều

mền phục. Sau ông mất tại đó, dân địa phương vì thương tiếc mà nghỉ mấy phiên chợ liền, lại dựng đền mà thờ. Quan xu mật hiện nay là Nguyễn Đình Tổ (người ở Khoái Châu, Hưng Yên (Hải Hưng)), chính là con của Nghĩa thành vương. Ông ta là người rộng rãi có độ lượng, tài xử sự cũng nhanh, vậy xin gấp rút sai đi ngay.

Vua Lê bèn dùng Nguyễn Đình Tổ làm đốc trấn Cao Bằng, lại sai Nguyễn Huy Túc làm phó đốc trấn. Rồi hạ lệnh giục hai người lên đường đi nhậm chức. Tổ nói:

- Cha thần sinh ở Cao Bằng, mất ở Cao Bằng, thần cũng sinh ở Cao Bằng, nay lại lên đó, việc sau này có thể biết rồi. Vậy xin cho phép mười ngày để thần xếp đặt việc nhà.

Khi hai người lên đến giáp giới tỉnh Lạng Sơn thì nghe tin Hàn đã bị hại, Tổ giật mình nói:

- Thương thay! Chết cũng bởi số, nhưng cũng lỗi tại ta đi chậm quá.

Rồi Tổ lập tức giục trạm đi dần lên. Khi trạm đầu báo tin quan đốc trấn mới là Nguyễn Đình Tổ đến, thì tù trưởng các nơi đều vui mừng chờ đón. Lúc Tổ đến Cao Bằng thì Lưu Tiệp còn đang đóng cửa thành, đánh nhau với dư đảng của Hàn. Tổ vâng lệnh tuyên bố uy đức của nhà vua, bảo hai bên phải giải tán quân lính, rồi thông dong xếp đặt mọi việc, trong cõi lại yên ổn như thường.

Một hôm, vừa gặp lúc đến yết kiến đền thờ Nghĩa thành vương, Tổ bảo Nguyễn Huy Túc:

- Tôi nay có lẽ sắp đi với tiền nhân, trách nhiệm ở bờ cõi rất nặng, rồi đây sẽ có những việc khó khăn, lớn lao. Trấn này thông với đất Trung Quốc, trước đây tôi đã đi sứ, cũng hơi thuộc đường lối, chỉ giận rằng không ở đây nữa. Ông còn ở đây, hãy nên cố gắng mà đương lấy mọi việc.

Tổ lại ngoảnh sang các phiên trưởng mà dặn rằng:

- Sau khi tôi đi rồi, các ông chỉ nên nghe lệnh quan phó đốc trấn, chớ như vừa rồi, gây ra nhiều việc, thì thế nào cũng có vạ lớn.

Mọi người đều lấy làm lạ mà hỏi, thì Tổ nói:

- Điều đó rất khó nói.

Chiều hôm ấy, Tổ về doanh rồi chết.

Huy Túc một mặt lo liệu việc ma chay, một mặt viết thư báo tin cho triều đình, rồi vâng chỉ của vua lĩnh chức đốc trấn Cao Bằng.

Lại nói vua Tây Sơn từ lúc rút quân về Nam, đến Nghệ An ở lại mười ngày, giao cho phó tướng Nguyễn Duệ giữ đất này, cùng đô đốc là Chiêu Viễn đóng quân ở doanh Hà Trung (thuộc Hà Tĩnh).

Sau đó, vua Tây Sơn lại đổi Chiêu Viễn vào đóng ở châu Bố Chánh, Nguyễn Duệ coi doanh Kỳ Hoa, tả quân Võ Văn Nhậm đóng một đạo binh quan trọng ở Động Hải (Bố Chánh thuộc Quảng Bình. Kỳ Hoa thuộc Hà Tĩnh. Động Hải tức Đồng Hới Quảng Bình (Bình Trị Thiên)) để làm thanh viện và nương tựa lẫn nhau.

Lúc Nguyễn Hữu Chỉnh theo kịp, thượng công (tức Nguyễn Huệ) ngỏ lời yên ủi dỗ dành, và bảo ở lại Nghệ An làm việc với Duệ. Bề ngoài tuy thượng công hứa hẹn với Chỉnh bằng những lời ngon ngọt, nhưng lại dặn riêng Duệ rằng:

- Chỉnh vốn người Bắc, trốn về với ta. Xem bộ hấn ta là kẻ phản phúc gian dối, không thể tin cậy. Vả chẳng người Bắc oán hấn rất sâu. Ta định bỏ hấn, để cho hấn chết. Không ngờ hấn lại trốn chết cố theo. Nghệ An là quê hương của hấn. Nay để nhà người ở lại đây, người nên xem xét kỹ lòng người xứ này, xem theo ai chống ai và tình hình động tĩnh của hấn ra sao. Chiêu Viễn ở gần đây, gọi một tiếng là đến. Tả quân cũng không xa đây lắm, có việc nên chẳng, người phải viết thư báo tin cho mau, và cùng bàn định với ông ta. Sống ở nước ngoài đất khách, người phải để ý đề phòng cẩn thận, chớ có dễ dàng tin theo Chỉnh mà mắc mưu của hấn. Người phải cẩn thận lắm mới được!

Sau khi thượng công về Nam, Chỉnh liền được chiếu chỉ nhà vua vời đưa quân ra Bắc. Lúc đi, Chỉnh để đồ đảng của mình là Nguyễn Duật ở lại làm việc với Duệ. Ngày chia tay lên đường, Chỉnh hai ba lần dặn dò và mong mỏi Duệ đối xử tử tế với mình; Duệ cũng tiễn đưa Chỉnh rất ân cần, tử tế.

Sau khi Chỉnh nắm được chính quyền, thường thường gửi thư qua lại với Duệ và biếu tặng rất hậu. Rồi Chỉnh lại ngầm sai người gọi Duật về kinh thành, để hỏi tình hình Tây Sơn và dò ý tứ của Duệ. Khi đã biết vua Tây Sơn và thượng công gây ra việc binh đao, anh em đánh lẫn nhau, tiếp đó lại được thư của Duệ hẹn cùng chung sức đánh vào phương Nam, thì Chỉnh rất mừng, cho là có thể mưu đồ lấy lại Nghệ An. Chỉnh bèn thu xếp mười lạng vàng và mười tấm đoạn, sai Duật đem vào biếu Duệ, nhân tiện lấy việc lợi hại họa phúc mà dọa hấn ta, lại dỗ dành hấn ta giữ lấy Nghệ An, ngăn chặn Chiêu Viễn, đắp lại lũy cũ Hoành Sơn, và vạch sông Gianh làm nơi biên giới như việc cũ trước đây (chỉ vào cuộc chiến tranh Trịnh-Nguyễn (1627-1672), sau lấy sông Gianh làm giới hạn để phân chia Đàng trong (Nam) và Đàng ngoài (Bắc)).

Lúc đó, người do thám của Võ Văn Nhậm ở Nghệ An biết rõ việc ấy, vội vàng về báo với Nhậm. Nhậm lập tức đưa binh phù triệu Duệ về. Duệ chống lại và nói:

- Tướng ở ngoài, mệnh lệnh của vua cũng có khi không cần phải theo. Lúc thượng công về, giao cho tôi đóng giữ đất này, nay tôi không dám tự tiện rời khỏi trấn này.

Nhậm được thư ấy, liền nói:

- Quả nhiên Duệ làm phản rồi!

Tiếp đó, Nhậm lập tức gửi thư cáo biến với thượng công; trong thư có đoạn viết: "Ngày trước dùng Chính tức là nhốt hổ gằm giương; ngày nay để Duệ, ấy là nuôi ong tay áo. Xin kíp phát quân ra Bắc, trước hết giết Duệ ở Nghệ An, rồi sau bắt Chính ở Thăng Long. Dẹp loạn và bình định đất nước ở một chuyến này, cơ hội không nên bỏ lỡ..."

Trong lúc ấy, thượng công và vua Tây Sơn đang có việc xích mích, cuộc binh đao giữa hai anh em chưa dàn xếp xong, việc nội chiến ở miền Nam so với mối lo ở miền Bắc còn cần kíp hơn nhiều. Bởi vậy thượng công không quả quyết thi hành, bèn sai người báo cho Nhậm biết, và giục Nhậm tiến quân ra Nghệ An bắt Duệ; rồi sau đó sẽ kiểm điểm quân lính, thu góp lương thực, chia đi đóng đồn ở các nơi hiểm yếu và viết thư hỏi Chính về tội thông mưu với Duệ, xem Chính trả lời ra sao. Nếu Chính còn biết sợ hãi, cố tình chối cãi, thì nên để đó sau này sẽ liệu, chưa nên đánh vội. Bằng Chính ra mặt chống lại, thì như thế là đã có cơ, lúc ấy cứ việc tiến quân ra đánh cũng không muộn gì.

Nhậm vâng lệnh, tự mình đem đại quân đi gấp. Chỉ trong một ngày một đêm. Nhậm đã đến doanh Kỳ-hoa nhưng Duệ không còn ở đó nữa.

Số là mùa đông năm trước, thượng công nghe tin Chính đem quân ra bảo vệ vua Lê, sợ có biến cố gì khác xảy ra, liền sai Nguyễn Văn Đức đem quân giữ phủ Diên Châu cùng làm chức trấn thủ với Duệ, để nương tựa lẫn nhau. Kịp đến khi nghe miền Nam đánh nhau, Duệ và Đức đều gửi thư cho Chính, mưu đồ hợp lực kéo quân về Nam, để thừa cơ làm loạn. Hai người hẹn rằng, sau khi đắc thắng, sẽ trả các đất từ Hoàn Sơn ra Bắc, nhưng Chính còn chần chừ chưa quyết định. Đến khi bị Nhậm phát giác, hai người bèn bỏ xứ Nghệ đem quân theo mạn ngược trở về Nam. Duệ về với vua Tây Sơn. Còn Đức vốn là một đại thần của chúa Nguyễn, bị quân Tây Sơn bắt, phải miễn cưỡng theo, chứ thực ra cũng không thích làm việc cho họ. Lúc đó, Đức bèn theo đường núi tây nam, trốn thẳng sang nước Tiêm La. Đức đi đã lâu, thượng công mới nhận được thư hoả tặc của Nhậm, vội sai quân đón bắt, nhưng cũng không kịp.

Nhậm đến Nghệ An, kiểm điểm binh lính, trưng thu lương thực, sửa soạn khí giới, rồi đưa thư ra Thăng Long, trách móc Chính gay gắt.

Chính được thư, giấu giếm không cho vua Lê biết, đoạn viết thư tạ tội, đại ý nói:

"Trước kia tôi bỏ nước cũ về với chúa công, nhờ ơn cho vào nơi mạc phủ, hầu hạ tui cung roi ngựa đến bốn năm năm. Mùa thu năm ngoái, đại quân về Nam không cho tôi biết, tôi cũng hiểu là thượng công muốn dùng cách đó thử tôi, để xem tôi lui tới ra sao. Lúc bấy giờ người Bắc cố lưu lại, nhưng tôi quả quyết bỏ họ mà đi. Nghĩ rằng lòng này không có đổi thay như thế, bậc cao minh hẳn đã soi xét đến. Lúc vào yết kiến thượng công ở Vĩnh

Dinh, tôi xin đi theo quân đội về Nam, ngài bảo tôi rằng: "Quận Thạc, quận Nhuồng còn làm ngang trở không thể không trừ khử, nhà ngươi hãy ở lại đây, lo liệu một phen". Tôi dám đâu không theo mệnh lệnh? Tôi đã đem thân mình mà ruổi rong theo chúa (chỉ vua Tây Sơn) thì còn dám tiếc gì? Vì thế, tôi tự mình xông pha tên đạn, quyết chiến với bọn Thạc, Nhuồng. Chỉ mong trừ được hai tên ngang ngược ấy, thì sẽ lập tức quay ngựa về Nam. Nhưng, tháng trước đây đánh ở Sơn Tây, mới bắt được có quận Thạc. Riêng Nhuồng thì vẫn đang vùng vẫy ở miền Hải Dương, còn cần phải đánh dẹp vất vả. Bởi vậy cho nên tôi chưa về triều được. Những kẻ ghét tôi, thấy tôi ở lại đất Bắc, liền đặt lời gièm pha. Sao họ không xét rằng, sau khi thượng công về Nam, tôi chỉ ở lại Nghệ An hơn mười ngày, rồi lại ra Bắc ngay, thì còn thời giờ đâu mà mưu toan với Duệ? Từ đó kẻ Nam người Bắc, ai làm việc nấy, tôi có hề đi lại gì với Duệ đâu? Nếu xét rõ tình cảnh ấy, hẳn không cần phải chờ tôi biện bạch gì thêm. Vả chăng, cái ngày mà tôi làm việc chung với tướng quân, không phải không lâu. Nếu quả là tôi có lòng gì khác, hễ dễ đã giấu được cho khỏi lộ? Tướng quân nên chuyển đạt lời tôi đến trước chúa công, thì tôi đội ơn nhiều lắm!".

Nhận được thư ấy, biết Chinh còn có ý sợ, Nhậm bèn viết bức thư khác, dùng lời nói khéo, vỗ về khuyên giải làm cho Chinh yên lòng, để mình còn có thì giờ sắp đặt công việc ở trấn Nghệ An. Tiện thể Nhậm cũng không quên buộc Chinh phải mau chóng dẹp yên quận Nhuồng, rồi rút quân về Nam, để khỏi trái với ý định.

Chinh tiếp thư, không hiểu rõ ý của Nhậm, cho rằng Nhậm có thể dễ lừa phỉnh, chắc không phải lo gì về mặt Nam.

Lúc bấy giờ, trong ngoài đều đồn đại rằng tướng của Tây Sơn là tả quân Nhậm, kéo quân ra Nghệ An, kén chọn lính tráng, định kỳ xuất phát, chẳng bao lâu quân Tây Sơn lại tới, Thăng Long sẽ thành nơi chiến trường. Vì thế, trong kinh nhón nháo, người chuyên vận đồ đạc, người bồng bế con cái, tranh nhau đi lánh nạn, lính Kim Ngô (tên một đội lính bảo vệ trật tự ở kinh đô) ngăn cấm không nổi. Nhiều viên đình thần đem việc đó tâu với vua Lê.

Vua Lê liền triệu Chinh vào hỏi. Chinh tâu:

-Người ta đồn nhảm, không cần phải tin. Thần đã cho người đi xem xét biết hết sự thật rồi. Vua Tây Sơn từ khi ở đất Bắc về Nam, liền vào thẳng chỗ quốc thành (tức Qui Nhơn). Còn thượng công thì đóng ở Phú Xuân, nghỉ quân để vui chơi, ban bố hiệu lệnh, sửa sang thành lũy. Bao nhiêu vật liệu, khí giới và các báu vật lấy được ở Bắc về, thượng công đều thu chứa lấy. Vua Tây Sơn sai sứ thần tuyên triệu, thượng công không chịu về triều. Mọi việc phong quan, ban tước và xử trí này khác, thượng công đều tự tiện quyết định. Vua Tây Sơn sai người đưa ấn phong thượng công làm Bắc bình vương và hỏi những thứ của báu lấy được ở phủ chúa Trịnh. Thượng công cũng chống lại không chịu dâng lên. Vua Tây Sơn giận lắm. Vì thế, anh em mới gây ra cuộc binh đao, ở trong một nhà mà đối với nhau còn dữ dội hơn là đối với nước thù địch. Ngay trong bọn họ với nhau cũng không đủ thì giờ để cứu vãn được tình thế cấp bách, đâu còn dám ra khỏi Hoàng Sơn một bước

để tranh quyền với ta? Ta cần làm sao cho việc nội trị có quy mô yên ổn, thế là sẽ được thái bình. Đến như trấn Nghệ An, thì chỉ cần sai một sứ giả đem bức quốc thư sang, bàn bạc với họ, một lời nói là xong. Ta cùng họ đã thành thông gia, ta cũng không cần lo xa làm gì.

Quan ngự sử là Nguyễn Đình Giản nói:

- Xưa nay tình hoà hảo thông gia, nói chung đều không thể tin cậy. Chỉ có bằng vào chức tỵ cường của mình, làm sao cho bờ cõi được vững chắc, ngăn chặn sự dòm dỏ của kẻ địch, thì như vậy mới có thể tin cậy được. Bắc bình vương cũng là một bậc anh hùng, xem thường ông ta không được đâu!

Chỉnh nói:

- Tôi đã từng cộng sự với ông ta, há lại không biết? Ông ta quả thật là bậc anh hùng, nhưng nhân tài xứ Bắc ta đây cũng không thua kém. Vạn nhất xảy ra việc binh đao, tôi xin chọi với ông ta, còn như bọn Võ Văn Nhậm đã chiếm giữ đất Nghệ An, nhưng cứ mặc y. Quân nước ngoài ở trợ, chẳng qua cũng như bọn Chiêu võ, Thuận nghĩa hồi xưa chiếm đóng bảy huyện phía nam Nghệ An, không bao lâu rồi cũng lại về ta (chỉ việc các tướng của họ Nguyễn là Thuận nghĩa hầu, Nguyễn Hữu Tiến và Chiêu võ hầu Nguyễn Hữu Dật, đánh chiếm được bảy huyện ở nam sông Lam hồi xưa (1655-1660), trong cuộc chiến tranh Trịnh-Nguyễn. Về sau, các miền ấy, lại bị họ Trịnh giành lại).

Vua Lê nói:

- Nhân tình lo sợ, nghi ngờ, họ đang coi việc động tĩnh ở phương Nam để định sự thế khinh trọng của nước nhà. Người nên tính kỹ liệu trước cho lòng trầm được thư thái.

Chỉnh tâu:

- Đó là việc trong chức phận của thần, dám đâu không hết lòng hết sức?

Ngoài mặt, Chỉnh tuy nói năng khuếch khoáng để trấn áp mọi người, nhưng kỳ thực, từ khi được thư của Nhậm, trong lòng Chỉnh rất đổi lo sợ.

Một hôm vào chầu, Chỉnh đuổi người chung quanh ra mà nói kín với nhà vua rằng:

- Võ Văn Nhậm tuy là tả tướng trong soái phủ của Bắc bình vương, nhưng vốn là rể vua Tây Sơn. Lâu nay chỉ huy việc quân, y vẫn đóng vai con rể của nước. Nay thấy anh em Tây Sơn xích mích nhau, Nhậm là kẻ đứng giữa, cố nhiên là phải tuân theo tướng lệnh, nhưng trong lòng lẽ nào lại hoàn toàn không nghĩ gì đến bố vợ? Vừa rồi có tên do thám nói rằng: "Nhậm ở Động Hải nghe việc biến cố ấy, bèn xin về hầu. Nhưng Bắc bình vương không cho mà bảo ra thẳng Nghệ An. Nay Nhậm đang ở vào địa vị nguy ngập và bị ngờ vực, nên không thể không có ý trông về bên trong. Thần xin nhân cơ hội này để thương

lượng về việc bờ cõi Nghệ An. Hết sức nhắm nhe vào ân tình của họ, lại lễ nhiều, lời ngọt, ngoài có Văn Nhậm tâng bốc, trong có công chúa đỡ lời; Bắc bình vương dù có lòng nào chẳng nữa cũng không thể không gượng theo mình.

Vua Lê khen phải.

Sáng hôm sau, nhân buổi chiều sớm, vua nói với các quan rằng:

- Nghệ An liền kề với Thanh Hóa, là một quận phụ vào đất "thang mộc". Con em đất ấy vẫn được lựa chọn vào quân túc vệ, làm nanh vuốt cho nước nhà. Đất ấy không thể để cho người khác chiếm giữ mãi. Trẫm sắp sai người đi Phú Xuân để bàn với Bắc bình vương một phen. Vậy các người hãy chọn xem người nào có thể sung vào sứ bộ?

Trương Đăng Quĩ thưa:

- Nguyễn Đình Giản và Phạm Đình Dư là người ngay thẳng có thể làm được việc ấy.
Phan Lê Phiên nói:

- Giản cương trực có thừa mà mềm mỏng ôn hoà thì không đủ. Dư tuy nghị luận vững vàng, nhưng xét việc hơi chậm. Bắc bình vương là người rất quý quyết, hay dùng mưu khôn lung lạc người ta. Trong lúc bàn bạc, khi nén xuống, khi nâng lên, không biết đường nào mà dò. Thần sợ rằng hai người ấy tranh biện với ông ta, thế nào rồi cũng làm hỏng việc nước.

Đình thần bàn mãi việc cử người, luôn mấy ngày vẫn chưa ngã ngũ. Chính bèn tâu để Trần Công Xán đi.

Vua Lê nói:

- Được đây!

Nhà vua bèn đòi Công Xán vào triều mà bảo rằng:

- Người là người trung trinh vì nước, lòng trẫm đã biết. Ngày xưa Phú Bật sang sứ Khiết Đan, làm cho nước địch phải kính trọng, công việc xong xuôi (Khiết Đan là một nước ở phía đông bắc Trung Quốc, thường hay xâm phạm bờ cõi. Đời vua Tống Nhân tông, quân Khiết Đan đến đóng sát biên giới và bắt nhà Tống phải cắt đất. Phú Bật được đi sứ, đã hết sức biện bạch, kết quả làm cho quân Khiết Đan phải lui và từ đó hai nước hoà bình được đến vài chục năm). Chuyến đi này, cũng giống như thế. Người cố vì trẫm vâng mệnh ra đi, cũng là Phú Bật của nước Nam đó. Một vị hoàng thân cùng đi, trẫm đã sai Duy án (Cương mục chép là Duy Hiên), còn một viên phó sứ nữa thì tùy người chọn lấy.

Xán hăng hái xin đi, và nói:

- Vua phải lo thì bề tôi mang nhục; thần đâu dám sợ khó khăn? Trong những người từng làm việc chung với thần mà thần đã biết, thì có Ngô Nho là có thể dùng được.

Vua ưng lời, rồi ban mệnh lệnh xuống. Cả triều đình đều khen là chọn được người xứng đáng.

Duy án là con thứ sáu của vua ý tông, và là ông chú họ nhà vua. án tính người cẩn thận, nho nhã và trung thực. Công chúa Ngọc Hân khi chưa lấy chồng, vẫn thường tôn kính án, mọi việc nên chăng đều hỏi ý kiến của án. Kịp đến khi công chúa về với Bắc bình vương, án thường nhân có việc tới gặp, Bắc bình vương cũng khen án nói năng lui tới có lễ độ. Lúc đó vì muốn luôn tiện hỏi thăm công chúa, cần chọn người hoàng thân xứng đáng, nên mới sai án đi.

Trần Công Xán, người làng Yên Vỹ, huyện Đông An, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1772) đời Cảnh Hưng. Hồi Đoan nam vương còn coi giữ việc nước, Xán đang ở chức tả thị lang bộ công, được sung chức hành tham tụng. Trong cuộc biến loạn năm Bính Ngọ (1786), quân Tây Sơn tiến sát kinh kỳ, quân quận Thạc tan vỡ, các quan văn võ đang đem đua nhau bỏ trốn, riêng có mình Xán xin với chúa quyết liều một trận sống chết. Xán bận quần áo trận, tay cầm gươm, hộ vệ chúa Trịnh ở lầu Ngũ Long.

Lúc Bắc bình vương vào kinh đô, vua Lê trước sai các quan lần lượt tới yết kiến. Thấy thần sắc của Bắc bình vương rục rờ, nghiêm nghị, ai cũng run sợ, hãi hùng, riêng có Xán là tiến thoái như thường, không mất phong thể của bậc đại thần. Bắc bình vương lấy làm lạ, đã mấy lần mời Xán đến, hỏi việc Bắc Hà. Hỏi đâu Xán đáp luôn đấy, nói như suối chảy, không có chỗ nào ngập ngừng, áp ứng.

Có lúc Bắc bình vương cố ý hỏi vặn, nhưng Xán vẫn lật qua lật lại, tranh cãi nhiều lần, không mấy may chịu khuất phục.

Bắc bình vương bảo với tả hữu rằng:

"Ta nghe Bắc Hà rất nhiều nhân tài, nay đến tận nơi thì chỉ thấy Trần Công Xán là có khí sắc con người mà thôi!"

Công Xán vốn được Bắc bình vương kính trọng là như vậy.

Xán đã từng làm thượng thư bộ Hình, được vào châu ở toà Kinh-diên, rồi lĩnh chức đồng bình chương quân quốc trọng sự. Trong triều đình, Xán là người cương trực, gặp việc có tài ứng biến, lại thêm có học thuật, vì vậy ai cũng tôn trọng. Xán lại là thầy học của Chính. Mỗi khi Chính có tâm sự gì, không thể nói với người ngoài thì không khi nào không hỏi Xán để quyết định. Vì thế, chuyện này Chính mới xin vua để sai Xán đi.

Ngô Nho người làng Tri Chỉ, huyện Phú Xuyên. Trước kia Xán làm đài quan (tức là chức ngự sử) coi việc chấm thi, đã lấy Nho đậu tiến sĩ khoa át-ty (1785), nên Nho vẫn

theo lễ thầy học mà đối đãi với Xán, thường tới nhà Xán luôn. Nho thấy Xán là người khảng khái, có khí tiết lớn lao, không thèm xu phụ quyền thế, nên hai bên thanh khí hợp nhau. Xán cũng yêu và trọng Nho, vì thế bảo Nho đi với mình.

Khi Nho mới nghe lệnh ấy, liền vào gặp Xán. Xán bảo Nho rằng:

- Nước địch đề lán, tin báo ngoài bờ cõi đang gấp. Nay chỉ biết ra đi chưa biết ngày về. Tôi là đại thần của nước nhà, nghĩa phải ra đi, sống thác không cần tính đến. Ông mới làm quan, ngôi thứ còn thấp, ở nhà lại có mẹ già. Trung hiếu không thể vẹn cả đôi đường, hãy thử nghĩ cho kỹ, tôi không dám ép ông đâu.

Nho trả lời:

- Tướng công chịu ơn dày của nước, tôi thì chịu ơn trí ngộ cao cả của tướng công. Đại thần gánh việc cho nước nhà, kẻ sĩ chết vì người tri kỷ, đều là nghĩa phải như thế, ngoài ra không biết đến việc gì khác.

Xán mừng mà rằng:

- Mạnh mẽ thay! Kẻ sĩ như thế đáng gọi là "đạt" vậy.

Rồi đem Nho vào yết kiến vua. Vua cho Nho lạy ở nội điện và hỏi:

- Nhà ngươi đã ôm ấp kinh luân, từng trải việc đời thử liệu xem chuyện đi này ra sao?

Nho tâu:

- Ngửa trông phúc lớn của nhà nước và mưu sâu của miếu đường, công việc xong xuôi tưởng cũng không khó. Và lại lúc ấy đã có vị lương thần chuyên việc ứng đối, chắc sẽ không để nhục đến mệnh vua. Thần làm người giúp việc chỉ biết làm hết chức phận mà thôi.

Nhà vua gật đầu, rồi sai quan bình chương Phan Lê Phiên cùng với Bằng công Nguyễn Hữu Chỉnh họp nhau bàn việc thảo quốc thư. Trong thư đại lược nói rằng:

" Nghệ An là đất nền móng trong cuộc trung hưng của bản triều, cùng với Thanh Hóa, đều là quận chân tay của nhà nước, quan văn tướng võ phần nhiều ở đó mà ra. Quân lính túc vệ cũng đều kén chọn đình tráng ở xứ ấy sung vào. Nếu như dùng người mà bỏ đất, để họ cách trở quê hương, xa lìa thân thích, xét về nhân tình, rất là trái ngược. Đức vua quý quốc trọng điều tín nghĩa, hoà với láng giềng, "suy bụng ta ra bụng người", chắc rằng không việc nhỏ mọn nào mà không soi thấu, huống chi là việc rõ ràng như thế. Nghĩ lại đức vua quý quốc lúc mới ra Bắc, vốn lấy việc tôn phò làm nghĩa thứ nhất. Tiên đế lúc sinh thời, từng mời ngồi trên giường, cầm tay cùng trò chuyện. Tiếng ngọc còn văng vẳng bên tai, vội quên sao được? Kịp đến khi tiên đế tựa ghế trời trăng mọi việc, ân cần lo cho kẻ tiểu tử này tuổi còn trẻ nhỏ, muốn nhờ vào phúc ảm của quý quốc, để làm nơi nương

tạ. Gần đây nghe tin quý quốc sai tướng ra đóng ở Nghệ An, lòng người ngờ vực, có kẻ cho rằng đó là do bọn bề tôi ở biên giới gây việc, không phải bản ý của quý quốc vương. Đến lúc tiếp được bức thư tư ra, mới biết thật là vâng mệnh lệnh của quý quốc vương. Trong thư vin vào có mùa thu năm ngoái bản quốc đã hứa cắt đất khao quân. Kể từ nay mới lên ngôi, chưa được rõ nguyên nhân việc trước, đã sai đình thần tra cứu lại cái ước cắt đất, thì là hai châu Bồ Chánh, Minh Linh (Bồ Chánh nay gồm các huyện Bồ Trạch, Quảng Trạch, Tuyên Hoá thuộc Quảng Bình. Minh Linh nay là Vĩnh Linh, Do Linh thuộc Quảng Trị (Bình Trị Thiên)), chứ không liên can gì tới bờ cõi xứ Nghệ An. Vả lại, hồi đó đã vâng lời quý quốc vương dụ rằng: "Quả là đất đai của nhà Lê, một tấc cũng không lấy". Nay nếu khao quân bằng đất thì không bằng khao quân bằng của. Vậy xin tính số thu nhập hàng năm của đất ấy, dùng làm chi phí khao quân; rồi cứ hàng năm đưa đến biên giới, làm thành định lệ lâu dài. Xa trông quý quốc vương xét cho, để trọn tình hoà hảo của hai nước. Cả nước chúng tôi đều lấy làm may lắm!".

Thư thảo xong, đệ lên vua xem. Vua sai lấy ở kho nội phủ một số vàng, đoạn màu, và lụa vải thô sản làm đồ biếu tặng. Rồi vời Trần Công Xán vào trước mặt để dặn dò và giao cho mang đi. Ngay hôm đó, bọn Xán lên đường. Trăm quan đều tiễn chân đến ngoài kinh thành. Riêng Nguyễn Hữu Chỉnh thì cùng Xán ngủ đêm ở chùa Thịnh Liệt. Xán bảo Chỉnh rằng:

- Bắc bình vương là người hiểm sâu khó lường, chuyến đi này vị tất ông ta đã nghe theo. Nhưng tôi đã vâng mệnh nhà vua thì cứ liệu chiều biện luận, liệu chết mà cãi. Còn công việc phòng bị thì sau khi tôi đi, ông phải chú ý thêm, chớ có sơ suất. Dọc theo địa phận miền núi Thanh Hóa, phải gấp rút chia đồn đóng giữ các nơi hiểm yếu đề phòng quân bộ. Cửa biển trong trấn Sơn Nam cũng nên đóng cọc ngang dòng sông, để chặn quân thủy. Nếu họ trái lời hẹn, mà tới đánh, thì ta đã có phòng bị trước, không đến nỗi để việc tới nơi mới hấp tấp.

Chỉnh nói:

- Xin thầy cứ đi, không cần phải quá lo. Lời nói của thầy ai chẳng nghe theo? Nếu không thì việc điều khiển quân lính của trò đây cũng chẳng kém ai. Vạn nhất có biến, há lại không làm nổi một trận sấm vang chớp giật, nghiêng biển, lật núi cho sừng bụng hay sao? Họ dù kiệt kiệt, cũng chẳng làm được gì.

Xán không cho lời nói của Chỉnh là phải.

Khi sứ thần đến đầu huyện Quỳnh Lưu thì có viên tướng của Võ Văn Nhậm sai ra đóng đồn ở đấy đón vào trong đồn. Xem xét đồ vật xong rồi, y chỉ cho ba viên sứ thần và mười tám người tôi tớ cùng đi, còn bao nhiêu đều bảo về.

Đến doanh trấn Nghệ An, Nhậm sai thết tiệc khoản đãi, rồi thông thả hỏi Xán rằng:

- Quan văn quan võ ở Bắc Hà như cụ phỏng được mấy người? Vua Lê giao nước cho tên giặc Chính, ý ngài tự nghĩ ra sao? Tôi nay đã lĩnh binh phù, sớm tối sẽ kéo thẳng ra Thăng Long, trước chém đầu giặc Chính sau hỏi tội vua Lê sao lại bội ơn dong nạp đưa làm phản? Rồi báo cáo rõ ràng với sĩ dân Bắc Hà, cho họ biết tại sao chúng tôi phải dùng quân? Vua Lê đã không giữ nổi nước nhà thì các trấn từ Thanh Hóa trở ra, chúng tôi không lấy, người khác cũng sẽ lấy. Nghệ An là một mảnh đất cò con, cắt hay không cắt có quan hệ gì đến việc mất còn của nước nhà mà phải đi xa xin xỏ cho mất công tròn non lợi suốt. Tôi chỉ e rằng con chim đã lìa tổ, đến lúc bay về lại không có cành để đậu nữa mà thôi!

Xán im lặng, mọi người nghe nói đều sợ hãi. Đến lúc trở ra, Xán bảo Nho rằng:

- Người Tây Sơn hành binh như bay, tiến quân rất gấp. Xem họ đi lại vùn vụt mau chóng như thần, chống không thể được, đuổi không thể kịp, xưa nay chưa hề nghe có giặc nào như thế. Ý tôi đã lo xa, phải đề phòng trước, lúc đi đã dặn ông Bằng phải như thế, như thế, không biết ông ấy có nhớ không? Nếu hơi chậm trễ, việc sẽ không kịp.

Nói xong, than thở hồi lâu rồi đi. Nho bèn nói với Xán rằng:

- Xem mưu kín của chủ tướng họ, thì việc thôn tính nước mình họ đã sắp đặt sẵn sàng. Việc tôn phù năm trước chẳng qua chỉ là mượn cớ mà thôi. Bọn lang sói vốn sẵn bụng ác, quyết không thể nói bằng nhân nghĩa. Bây giờ xe sứ thần đã ra khỏi bờ cõi, kinh thành sắp bị nạn đao kiếm, sự thế quá gấp, phải tính đường quyền biến để làm cho được việc, không nên câu nệ. Và xem ông Bằng từ khi đắc chí đến nay, đai vàng ngang lưng, bộ dạng nhơn nhơn tự đắc, không còn như hồi trước "nhá rễ cây mà làm nên việc". Tôi e rằng ông ta lính quýnh ra trận, thế nào cũng bị Võ Văn Nhậm bắt mất. Lúc đó vua ta đi hay ở lại, cũng chưa dám chắc. Chúng ta phải trừ tính thế nào để ngấm ngầm xoay lại then máy, may ra mới có thể cứu vãn được. Chỉ cần cho nước được yên, dầu có tự tiện cũng không hề gì. Nếu cứ vâng chỉ cũ, cố tranh cãi về việc Nghệ An, thì đúng như người ta vẫn nói: "Cướp đã vào nhà còn sửa phen đậu". Như thế thật là thất sách. Vậy xin chữa lại quốc thư để mang đi.

Xán nói:

- Chữa! Chữa như thế nào?

Nho nói:

- Chữa rằng: "Họ Trịnh chuyên quyền, vua Lê đã không còn nước. May nhờ quý quốc vương tôn phò. Nếu trời còn phù hộ nhà Lê, tiên đế đâu đến nỗi qua đời. Tôi là cháu kế tự còn nhỏ tuổi, nghĩ rằng gánh vác không nổi, để nhục cho xã tắc. Kinh thư có chữ "làm khách", Kinh thi nói rằng "có khách" (hai câu này đều có nghĩa là muốn nhường nước cho người khác. Ở đây, tỏ ý nhường cả nước cho Tây Sơn, và chỉ xin cắt lại cho một

mảnh để vua Lê lấy chỗ thờ cúng tổ tiên mà thôi), đều là việc cũ đời xưa. Kính xin cắt cho một phần đất để được nối đời thờ phụng tổ tiên. Thật là thuận mệnh trời để mà sống còn, cầu lòng thương của trời về dài lâu vậy!". Nếu họ chỉ muốn giữ nước, không có bụng làm hại mình, thấy nói như thế chắc hẳn phải mừng rỡ, thế nào họ cũng thả sứ thần về nước và chia đất cho ta. Nhân thế ta có thể khuyên vua ta hãy tạm ở đất ấy. Họ không có lòng ngờ ta, thì sẽ không đến dòm giở nữa. Bây giờ ta sẽ lo tính dần dần như vua Thiếu Khang ở Luân ấp, vua Câu Tiễn ở Cối Kê, tự nhiên sẽ có ngày trung hưng. Nếu không thế, họ đã tức giận mà ra tay hung tàn, thì bọn mình chỉ làm ma biển khơi. Điều đó tuy chẳng đáng kể nhưng vua ta sau khi phiêu bạt, long đong, không còn tác đất để nương tựa, thì dẫu đến tài như Khổng Minh cũng khó lòng mà trở tay.

Xán nói:

- Không được! Ông Bằng theo việc quân từ lúc đầu còn để chỏm, là tay lão luyện trong chốn trận mạc, nếu như đô thành mắc nạn binh đao, tướng cũng không đến nỗi khốn đốn lắm. Hai nước đánh nhau, chưa biết ai thua ai được. Chúng ta vâng mệnh đi sứ, mới ra khỏi cõi mà đã chửi quốc thư, mạo lời chúa, chẳng những bị tội với nước mình, mà nếu bên địch khám phá ra chỗ lừa dối đó, họ cũng không dong mình; tai vạ càng lớn, tiếng cười không biết bao giờ mới hết. Chi bằng cứ minh bạch mà làm, việc thành hay bại là tại ông trời, ta có lo gì.

Từ đó Nho không dám nói nữa.

Khi đến Phú Xuân, các sứ thần bày lễ vật vào yết kiến Bắc bình vương. Xán trình quốc thư lên. Bắc bình vương xem qua một lượt, rồi vứt xuống đất mà nói to:

- Thư này ai làm? Nói ra toàn điều vô nghĩa lý. Người Bắc quen dùng lời lẽ để dử người. Ta không phải trẻ con mà lừa dối được đâu!

Xán vẫn không đổi nét mặt, ung dung trả lời:

- Xin đại vương hãy bớt giận, để tôi nói rõ. Nếu muốn giết tôi, tôi cũng xin nói một lời rồi chết.

Bắc bình vương vốn trọng Xán, liền đổi nét mặt mà rằng:

- Ngày xưa ta vượt biển ra Bắc, phá Thăng Long, diệt họ Trịnh, cả nước khiếp sợ, trong triều ngoài nội đều chịu bó tay, không ai dám làm gì. Lúc bấy giờ nếu ta chiếm giữ đất nước, xưng đế, xưng vương, gì mà chả được? Nhưng vì ta xa mền đức của tiên đế, nên đem cả cõi đất nguyên vẹn trả lại ngài. Cơ đồ thống nhất đều do tay ta gây dựng lại. Bắc triều lại dùng chế sách "thượng công" để đền đáp ta. Chẳng biết "thượng công" là danh hiệu gì? Đối với ta có thêm được cái gì không? Kịp đến khi tiên đế cháu trời, lễ cả sơn lăng, ta giúp đỡ cho: tự vương nói ngôi, lễ lớn sách lập, ta chủ trương cho. Nay không cảm ơn những việc của ta làm, lại chứa chấp kẻ phản ta, chống cự với ta, mưu đồ dành lại

đất Nghệ An. Xử sự như thế, nhân tình có ai nín nhịn được không? Ta đã phái ra hai vạn binh mã, sai tả quân Võ Văn Nhậm thống lĩnh, thẳng tới Thăng Long, chặt đầu cha con giặc Chính về dâng. Chắc rằng khi Chính nghe tin quân ta kéo ra, thế nào cũng kèm tự tôn bỏ chạy. Bấy giờ ở dưới gươm đao, ngọc đá lẫn lộn, không biết tự tôn có giữ được yên lành hay không? Nếu có làm sao, người trong nước lại qui oán về ta thì thật phiền.

Xán thưa:

- Xưa đức Lê Thái tổ dẹp yên quân Ngô, mở mang nước nhà, công đức như trời. Vua Thánh tông tự mình làm nên thái bình, rạng danh đời trước, mở rộng về sau. Từ núi Thạch Bi ra bắc, từ dãy Đại Lĩnh (Thạch Bi ở Quảng Nam (Quảng Nam-Đà Nẵng) Đại Lĩnh ở Khánh Hoà (Phú Khánh)) vào nam, đều làm tôi làm dân, ai ai cũng phải tôn kính, trải qua hàng trăm năm. Họ Mạc tiếm ngôi, cả nước đều giận. Đấng tiên vương hội họp những người đồng chí, dựng lại họ Lê. Họ Trịnh nổi theo cũng vì có công phò Lê, cho nên mới sai bảo được bốn phương, và được mọi người hưởng ứng. Từ mấy đời nay, chúa Trịnh tuy là hiếp chế vua Lê, nhưng chính sóc không đổi thay, chuông khánh vẫn ở đây (Chính sóc là ngày mừng 1 tháng giêng; xưa các vua sáng nghiệp khi lên ngôi thường đổi chính sóc, đây mượn ý đó để nói đến quyền vua. Chuông khánh (nguyên văn là chuông và giá khánh) là những đồ thờ của nhà vua; đây ý nói miếu đường của nhà vua vẫn tồn tại), thiên hạ vẫn là thiên hạ của nhà Lê. Đại vương ruổi xe một mạch, thẳng đến kinh thành, tuy rằng oai danh đã vang dậy khắp nơi, nhưng cũng do lấy nghĩa cả tôn phò, khiến người ta tin phục, mới được như vậy. Nếu không, việc vào nước người ta, đâu có dễ dàng như thế. Tiên đế thoát thấy đại vương, tiếp đãi rất là long trọng. Trước ban sách mệnh làm tước công, rồi sau sẽ phong vương, đó là điển cũ của bản triều, không phải trả ơn không hậu, chớ nên thấy như thế mà cho là bạc. Một nước đã trải hơn ba trăm năm, trời cao chứng giám, lòng người tôn sùng. Đại vương đem cả cõi đất trả lại nguyên vẹn, là thể thuận ý trời, chiêu lòng dân, chưa có thể lấy đây làm ơn. Tiên đế mất đi, hoàng thượng nối ngôi, mọi việc đều bẩm trước với đại vương. Đại vương không làm chủ thì ai làm chủ nữa. Lý đã đến thế, đừng cũng chẳng được. Tôi không dám khen ngợi để dâng lời tôn hót. Đại quân về Nam, Nguyễn Hữu Chỉnh đuổi theo, đại vương để hấn ở lại Nghệ An, sao lại bảo hấn làm phản? Nghệ An vốn là đất cũ của bản triều, bản triều phải giữ lấy bờ cõi, sao lại nói là tranh giành? Đại vương phái binh mã ra, nếu là để thăm hỏi, bản triều đã có lễ nghênh tiếp. Bằng không, thì như người xưa đã nói: "Nước lớn có quân đánh dẹp, nước nhỏ có cách chống giữ". Tôi nay đã ra khỏi cõi, việc ấy không còn dám biết đến. Tự hoàng của nước tôi, trời đã sai làm vua, để vương có chân mệnh, gươm đao cũng phải lựa chọn, đại vương chớ có lo. Nếu như đại vương cứ thuận lẽ trời mà làm, gây lại nước đã suy, nối lại họ đã dứt, để cho nước của nhà họ Lê được yên ổn, thì những người làm tôi làm dân trong cả nước ai chẳng cảm đội công đức, còn có oán gì? Nhược bằng làm trái lại, thì sự thế thay đổi khác thường, tôi đây ngu dại, không thể nào mà thấy trước được.

Xán cứ cãi đi cãi lại mãi, không chịu khuất phục một lời nào. Đến lúc trời sắp tối, Bắc bình vương bảo:

- Hãy ra nhà trọ mà nghĩ đi nghĩ lại cho kỹ!

Xán nói:

- Nghĩ lắm luẩn quẩn lại dễ lâm lẩn, một chết là xong!

Bắc bình vương nổi giận, sai đem giam Xán vào ngục. Bọn án và Nho cũng đều bị chia ra giam ở các nơi khác.

Xán vào ngục, cười nói như thường, Bắc bình vương sai người đến dò, thấy Xán viết ở chỗ giam đôi câu đối như sau:

Đạt đức hữu tam, túng vị năng chi, nguyện học.

Tiểu tâm vô nhị, hành kỳ tố dã, hà vuu?

(Nghĩa là: Đạt đức có ba, dù chẳng làm nên xin học. Giữ lòng như một, noi theo chí cũ, oán gì?)

Tư mã Ngô Văn Sở xin giết chết bọn Xán. Bắc bình vương còn tiếc tài của Xán, bèn bảo trung thư Lê Văn Kỳ và viên quan bộ Lễ là Vũ Văn Trự rằng:

- Nhân vật Bắc Hà, Xán cũng vào bậc giỏi đấy! Ta muốn thu phục hắn để dùng, nhưng mà chắc hắn không chịu. Các ngươi thử hiểu dụ hắn một phen nữa xem sao?

Hai người bèn đến chỗ giam Xán, thấy Xán mang gông năm sấp, liền nói:

- Ông già sao lại tự mình làm khổ mình như vậy?

Xán trả lời:

- Cũng là số mệnh đấy thôi!

Kỳ nói:

- Quân tử có khi không cần theo số mệnh, chế ngự được số mệnh là cốt ở mình. Ví như đánh bạc, đồng tiền một sấp một ngựa; ta theo kẻ được mà đánh, thiên hạ sẽ khen ta là người đánh bạc giỏi.

Xán nói:

- Bởi thế cho nên đó chỉ là phường cờ bạc, chứ không phải đạo của người quân tử. Tôi nghe nói: "Kẻ làm bề tôi phải chết vì chữ trung". Đây là lời dạy của người xưa!

Hai người biết là không thể làm lung lay được ý chí của Xán, liền đi ra và nói với nhau:

- Nhà Hán có Tô Tử Khanh (tức Tô Vũ đời Hán Võ đế. Khi đi sứ Hung Nô, Tô Vũ bị Hung Nô giữ lại, bắt nuôi dê ở Bắc Hải 19 năm ròng, mà Tô Vũ vẫn giữ khí tiết không chịu khuất phục) nhà Lê có Trần Công Xán. Đáng thương, nhưng cũng đáng ghét thay!

Vừa gặp lúc đó, vua Tây Sơn gửi thư ra kể tội lỗi của Bắc bình vương và sắp phái quân tới đánh. Tướng sĩ dưới cờ của Bắc bình vương có kẻ trốn đi, Bắc bình vương liền bảo Trần Văn Kỳ rằng:

- Nay nước ta có việc lôi thôi, lòng người còn phân vân. Việc biến trong nhà không nên để nước láng giềng nghe biết. Sứ Bắc ở đây, tai vách mạch rừng. Họ ở xa đến để dò xét ta, giữ họ ở lại thì họ biết rõ tình hình trong nước, hoặc giả nhân đó họ xúi giục, gây ra việc không hay. Thả họ về thì lại bị họ rêu rao làm lộ việc, người Bắc Hà mà biết, thì lại sinh lòng khinh rẻ ta. Bởi thế, ta định ném bọn họ xuống biển, để cho hết tiếng tăm dấu vết, vậy cứ theo chước đó mà làm.

Rồi Bắc bình vương sai đô đốc là Võ Văn Nguyệt sắp sẵn vài chiếc thuyền biển, nói phao là đưa sứ thần về Bắc.

Lúc bọn Xán vào từ giã, Bắc bình vương nói:

- Các ông hãy về trước, chờ lúc tôi ra ngoài ấy vời vào gặp mặt, sẽ có cách xử trí việc Nghệ An.

Rồi Bắc bình vương lại đem tặng họ một trăm nén bạc và bảo:

- Đây là của công chúa gửi tặng, các ông đừng chối từ.

Tiếng gọi là đưa họ về, nhưng thật ra Bắc bình vương đã ngầm bày mưu cho Nguyệt, người ngoài không ai được biết.

Tháng ba, mùa xuân năm Đinh vị (1787) thuyền từ cửa Tư Dung (thuộc Thuận Hoá, nay là cửa Tư Hiền) giương buồm ra đi, không mấy ngày đã đến cửa biển Đan Nhai thuộc thị trấn Nghệ An. Nguyệt cùng bọn sứ thần ghé thuyền vào bờ, rồi cùng lên bộ.

Lúc ấy có người học trò của Xán là giám sinh Nguyễn Hiên, người huyện Chân Lộc, nghe tin thầy học được về, vội mừng rỡ đến chào. Chợt thấy nét mặt Nguyệt có vẻ khác thường, Hiên ngầm đoán được ý của hắn, bèn nói kín với Xán hãy xin đổi đi đường bộ.

Nhưng Nguyệt nói:

- Tôi vâng mệnh đưa sứ giả đi đường biển, thuận tiện mà ổn thoả, không nên đi đường bộ, trèo non vượt suối vất vả.

Rồi đó, cả bọn lại lên thuyền ra biển.

Vừa ra đến ngoài khơi, Nguyệt liền bảo bọn lái thuyền đục thuyền cho nước vào, chìm cả bọn sứ thần xuống biển. Hiên đứng trong bờ trông ra xa gào khóc hồi lâu mà về. Hôm ấy nhằm ngày 11 tháng 4, mùa hè năm Đinh vị (1787).

Xong việc, Nguyệt lại ghé thuyền vào bờ, nói phao cho trong ngoài biết rằng, thuyền gặp sóng gió bị đắm, để tránh cái tiếng giết hại sứ giả. Lúc bấy giờ, có người làm hai câu thơ rằng:

*Tên lưu vũ trụ bia ngàn thuở,
Nghĩa nặng cương thường biển vạn năm.*

Từ lúc bọn Xán đi Nam, Chính cho rằng việc thế nào cũng xong, nên đã nói toạc ra ở trong triều rằng:

- Tình hình Tây Sơn như ở trong tầm con mắt của ta. Họ sẽ mừng là ta đã không gây sự, để họ có thể chuyên tâm vào việc nước họ. Hiện nay cuộc nội chiến của họ đang rối ren, thì giờ đâu mà lo đến việc bên ngoài. Còn Võ Văn Nhậm thì chơ vơ ở Nghệ An ngoảnh về bên trong không có quân cứu viện, có làm được gì? Bắc bình vương thấy thư của ta đưa đến, thế nào cũng mừng mà nghe theo, xin đừng lo gì việc miền Nam!

Vì thế, những lời Xán dặn lúc ra đi, Chính đều không để ý tới, chỉ tâu xin cho Nguyễn Duật làm trấn thủ Thanh Hóa mà thôi.

Lúc Duật sắp đi, Chính dặn rằng:

- Chỉ nên giữ gìn bờ cõi cẩn thận, chớ có sinh sự để bên địch nghi ngờ. Đợi khi Trần bình chương trở về, sẽ dời vào làm trấn thủ Nghệ An, sửa lại lũy cũ ở Hoành Sơn, giữ vững bờ cõi để làm chức lâu dài.

Quan bình chương Phan Lê Phiên nghe được chuyện ấy, liền đến nhà Chính mà nói:

- Ông Trần đã già gặt việc đời, xét đoán công việc rất nhanh. Ngày thường ông ấy bàn bạc tính liệu như thần, đến lúc sự việc xảy ra, không việc gì là không đúng. Ông chớ nên xem thường!

Chính cũng không cho là phải. Phiên ra ngoài nói với người bạn đồng liêu là Trương Đăng Quỹ rằng:

- Ông Bằng vốn có tiếng là biết việc binh, thế mà không nghe lời can, coi thường quân giặc, sợ rằng quốc đô mới qua một cuộc tàn phá, không thể chịu nổi một trận giày đạp nữa. Chúng ta gánh chức phụ bật đã lâu, nếu "đổ mà không giữ, nguy mà không phò" thì còn dùng hạng tướng quốc như chúng ta làm gì?

Hai người than thở cùng nhau hồi lâu, rồi Phiên nói:

- Nghĩ lại công đức của tiên đế rất lớn, mà nay ngài chưa có miếu hiệu, không bàn định cho kịp lúc này, rốt cuộc điển lễ vẫn thiếu.

Hai người bèn cùng bàn với các quan, dùng sách vàng tôn xưng tiên đế làm Vĩnh hoàng đế, miếu hiệu Hiến tông. Rồi tâu với vua xin làm lễ cáo miếu. Chính nói:

- Theo lễ, việc tôn xưng miếu hiệu phải chờ sau ngày đại tường, khi đã rước linh vị vào miếu rồi mới cử hành, làm gì mà gấp thế?

Phiên nói:

- Việc đời chưa biết thế nào, bây giờ chính là lúc cần phải tôn mỹ hiệu của tiên đế cho xong ngay đi!

Chính nghe nói cũng im lặng.

Lại nói, lúc Nguyễn Hữu Chính từ Nghệ An vào kinh. án đô vương Trịnh Bồng chạy qua sông, sang trấn Kinh Bắc, vào tạm lánh ở làng Quế ô. ở đấy có viên võ biên tên là Nguyễn Đình Toại (Cương mục chép là Nguyễn Trọng Mại) vâng mật chỉ của chúa kêu gọi các thổ hào vùng Thuận Thành, Từ Sơn mộ quân nghĩa dũng, mưu đồ đánh Chính để dẹp yên nạn nước và khôi phục nghiệp cũ. Rồi đó, Toại lại đưa hịch cho các phiên thần ở vùng Lạng Sơn, Cao Bằng, bảo họ họp quân lại, làm việc cần vương.

Chính thấy vậy, luôn luôn tỏ ý muốn đánh, nhưng vì có Dương Trọng Tế chiếm giữ huyện Gia Lâm, đắp lũy chống nhau với Chính, đường đi còn bị ngáng trở một lối, nên Chính đành phải tạm gác việc ấy lại chưa làm vội. Kịp đến khi Trọng Tế đã bị giết, Chính bèn hối hả cho việc đánh chúa Trịnh là điều cần thứ nhất, liền tâu xin tự mình đem quân bản bộ tiến đánh.

Vua Lê nghĩ chúa Trịnh vốn có lòng kính thuận không nỡ đánh, vả trong bụng đang hết sức ghét Chính, không muốn cho hấn đắc chí, sợ sẽ thành cái thế lần át vua, nên muốn ngăn việc ấy lại. Nhưng rồi khó nói ra lời, nhà vua bèn sai viên nội hàn là Vũ Trinh tuyên rõ chỉ ý của vua và truyền cho Chính biết rằng:

- Gia đình họ Trịnh trải qua nhiều đời, thực có công lớn, nếu để người như Tử Văn mà phải tuyệt tự thì lấy gì mà khuyến khích điều thiện? (Tử Văn tên thực là Đẩu Cốc Ô Đồ, người đời Xuân thu, làm quan nước Sở, có công lớn trong việc trị nước. Sau người em họ là Đẩu Việt Thục làm loạn, đáng lẽ phải tru di cả họ, nhưng Sở Trang Vương tha tội cho người cháu của Tử Văn, và nói: "Người như Tử Văn mà bị tuyệt tự thì lấy gì mà khuyến khích điều thiện"). Chỉ bằng trước hãy làm bài cáo văn hiểu dụ rõ đường phúc họa cho y. Nếu y cứ u mê không tỉnh, sau đó ta hãy đem quân đánh. Ta cứ giữ niềm trung hậu, để cho người ngoài không nói vào đâu được, há không hơn hay sao?

Chính không nghe, nói:

- Nếu tôi không đem quân ra, để cho việc Trọng Tế giúp chúa được thành, xem y có xử hậu với hoàng thượng không? Anh hùng làm việc, há lại theo lòng nhân đức của đàn bà?

Rồi Chinh cố xin ra quân, vua Lê bắt đắc dĩ phải cho Chinh đốc suất các quân qua sông, thuyền bè chật cả mặt nước, khí thế rất là lắm liệt đáng sợ.

Chúa Trịnh nghe tin, vội vàng sai Toại đốc suất người trong họ ở Quế ỏ làm quân tiên phong, thổ hào Yên Dũng là Nguyễn Trọng Linh làm tướng chống bên tả, thổ hào Gia Bình là Trần Quan Châu làm tướng chống bên hữu, bày trận chờ sẵn.

Quân Chinh tới nơi, hai bên đánh nhau từ sáng đến trưa, chưa phân được thua; sau đều rút quân để nghỉ ngơi. Chinh sai người đưa tờ chiếu của vua tới dụ chúa, khuyên nên qui thuận, không nên chống cự. Chúa cười mà nói:

- Hữu Chinh đến đây lần này, ý muốn bắt sống ta, nếu nuốt trôi được, chắc không chịu nhả ra. Nay lại lấy lời ngon ngọt dỗ ta, thẳng nghịch tặc này qui quyệt đáng ghét thật. Tuy vậy, hắn đã mượn mệnh lệnh hoàng thượng đưa ra, ta không thể im lặng không trả lời. Chúa bèn tự thảo một tờ biểu trần tình, kể tội ác của Chinh và nói nhân dân ai cũng nghiêng rãng tức giận, xin hãy giết Chinh đã, rồi sẽ về triều, lời lẽ có nhiều câu gay gắt.

Thật là:

*Sóng mái ngoài dòng còn chứa quyết,
Trai cò trong ruộng vẫn giăng cò*

Chưa biết thua được ra sao? Hãy xem hồi sau phân giải.

Hồi thứ mười

*Lân dương hầu phò chúa vượt biển đến Yên Quảng
Bằng công Chinh mời vua qua sông đi Lạng Sơn*

Lại nói, Chinh thấy lời lẽ trong tờ biểu, gọi mình là thằng giặc, thì nổi giận đùng đùng, vung gươm quát to:

- Cái quân mất nước kia mà chưa biết sợ, còn dám múa bút khua lưỡi để lừa người trong nước! Hôm nay ta thề với hấn một sông một thác. Tướng sĩ các ngươi đều phải trông cờ nghe trống, ra sức xông vào trận mạc, chỉ có tiến không có lùi. Kẻ nào không nghe mệnh lệnh đã có thanh gươm này!

Rồi Chinh vận đồ trận, lên mình voi, cầm lá cờ đỏ vẫy các quân sĩ tiến về phía trước.

Nguyễn Như Thái té ngựa vào trận hò reo "giết giặc". Súng nổ, cung bắn, tên đạn bay tới tấp như mưa rào.

Quân bên tả của chúa chống không nổi cơ hồ sắp vỡ. Chúa bèn sai đội tiên phong hợp với hai đội tả hữu vừa đánh vừa lui vào trong lũy, rồi chia quân để cố thủ.

Chinh dàn quân giáp liền với lũy, bốn mặt đánh vào, suốt nửa ngày không lấy được lũy. Đến tối, mưa dầm rả rích, gió thổi ào ào, trời đất đen ngòm, cách gang tấc không trông thấy gì. Chinh hạ lệnh cho quân lính vây sát lũy của chúa. Chúa bèn chia quân làm ba toán. Những người dũng cảm thì làm hai cánh quân trước và sau, do Toại và Châu đốc suất. Những người già yếu thì cho làm cánh giữa, chúa tự dẫn đi.

Đêm đã yên lặng, chiêng trống im bật, đèn lửa tắt hết. Ngoài lũy súng bắn liên thanh không ngớt, mà trong lũy im lặng như tờ. Chinh sai quân do thám ngấm đến dưới lũy nghe ngóng, hình như trong lũy không có người, nhưng cũng không lường được hư thực ra sao.

Đến canh tư, mưa và sấm sét lại nổi lên dữ dội. Chúa sai mở rộng cửa lũy, bảo Toại, Châu ra trước, mỗi người đem năm mươi tên dũng sĩ, đánh thẳng vào doanh của Chinh; Toại đánh mặt tả, Châu đánh mặt hữu, mở một đường ở giữa. Tiếp đó chúa dẫn quân ra, nhằm phía đông mà chạy, để Toại và Châu làm đội chặn hậu.

Đêm ấy, quân của Chinh không phân biệt ai với ai, bắn nhau đâm nhau lộn bậy. Sáng ra mới biết rõ sự thật, thì đuổi theo không kịp nữa rồi. Chinh dẫn quân vào lũy, chỉ thấy nhà cửa trống không, sai quân tìm kiếm khí giới lương thực, chẳng được gì hết. Chinh rầu rầu không vui, liền rút quân về kinh.

Chúa Trịnh chạy đến Hàm Giang, nương tựa vào Đinh Tích Nhưỡng. Bao nhiêu quân lính già yếu, chúa đều cho về, chỉ để hai tướng Châu, Toại và hơn một trăm thủ hạ ở lại với mình. Nhưỡng sai dọn riêng một trại để cho chúa ở.

Tính Nhưỡng nóng nảy, lại không thông thạo nghề làm tướng, và cũng không phải thật thà có lòng trung nghĩa. Lời nói, việc làm thường ngày của Nhưỡng cũng đều là giả dối, cốt lấy tiếng mà thôi. Từ khi xuất thân tới nay, Nhưỡng chỉ quen thủy chiến, chứ chưa từng đốc suất lính bộ. Sau trận thua ở huyện Kim Động, Nhưỡng bỏ hết thuyền bè, thất thủ chạy về miền đông, giữ trấn thành Hải Dương. May nhờ ở đấy sẵn có quân lương, nhưng Nhưỡng không khéo vỗ về trăm họ, lại thả lỏng cho bộ hạ cướp bóc xóm làng, nên dân chúng hai phủ Thượng Hồng, Hạ Hồng đều căm giận. Hào mục các nơi hòa nhau nổi lên đánh lại, Nhưỡng phải bỏ chạy về Hàm Giang. Khi nghe tin Tây Sơn đã về Nam, Nhưỡng lại kéo quân vào kinh, định mưu lập quận Thuy để chống vua Lê. Đến khi quận Thuy thua chạy. Nhưỡng bắt đắc dĩ lại phải bám vào chúa Trịnh Bồng. Lúc nghe tin Chính lại ra Bắc, sợ Chính không dong mình, Nhưỡng bèn dẫn quân về đông, xin lĩnh hai trấn Hải Dương, Yên Quảng để tránh tai vạ. Khi chúa chạy về Quế ố, Nhưỡng vẫn vấy vùng ở phía đông, chưa hề lần nào đến thăm chúa. Đến lúc này, chúa đến Hàm Giang, Nhưỡng luôn luôn tỏ vẻ nhạt nhẽo, lễ ý xem chừng cũng đơn bạc. Toại và Châu đêm ngày ở bên cạnh chúa. Đối với Toại thì Nhưỡng ghen ghét là con nhà tướng; đối với Châu thì Nhưỡng khinh rẻ là kẻ bạch đinh. Hai người dò biết ý Nhưỡng, sợ có điều gì bất trắc, nên đều từ giả chúa và ra đi cùng một ngày.

Chúa khóc lóc tiễn đưa hai người và nói:

- Tục ngữ có câu "chết đuối vớ phải bọt", bám cũng không được, chẳng bao lâu nữa ta cũng đi thôi, giữ các người lại làm gì cho nhọc!

Chúa ở lại hơn 10 ngày. Nhưỡng không hề nói đến việc quân, việc nước. Chợt một đêm, Nhưỡng tới chỗ chúa ở mà nói:

- Trời thanh trăng sáng, vẻ thu rất đẹp, thần đã đem rượu lên thuyền chờ đợi, xin chúa đi chơi một lúc, ngắm xem phong cảnh, cho khuây nỗi buồn.

Chúa tỏ vẻ sầu não mà rằng:

- Phong cảnh vẫn như thường mà ngược mắt thấy non sông khác lạ. Ta chưa giết được quân thù, không nên quên ngồi trên áo giáp. Bơi thuyền uống rượu không phải là việc của ta ngày nay. Tướng quân hãy đi mà chơi!

Sau khi Nhưỡng đi, chúa rầu rầu tựa ghế, bảo bọn người hầu:

- Quan võ đều không thể trông cậy, hoặc giả bọn quan văn có khá hơn chăng?

Chúa bèn viết bức thư, sai người ngấm ngấm đưa cho quan bình chương là Trương Đăng Quỹ. Thư nói rằng:

"Kiếp này sinh ra lỗi thời, gặp lúc nhà nước lăm nạn; lăm dự vào dòng đích nhà chúa, rất lo cho việc tôn miếu xã tắc. Dâng biểu trần tình, may được hoàng thượng cho về triều kiến. Lúc mới về, chỉ muốn giữ lấy việc thờ phụng tổ tiên cho tròn đạo hiếu, thực không có bụng chuyên quyền giữ nước. Sự thế đổi thay, lại bị chư tướng ép buộc, thành ra trái ý hoàng thượng. Lúc Chinh vào kinh, cung khuyết liền bị tiêu hủy. Con chim bị cháy tổ, bay quanh không biết nương nhờ vào đâu. Vì thế phải phiêu bạt giang hồ, không dám về nơi kinh khuyết. Nay Quế ô, mai Hàm Giang, chỉ vì lo tìm nơi trú ngụ, bèn vương lấy hình tích chống chế triều đình, khiến kẻ ghét mình có cớ mà nói. Mạnh lòng kính thuận, không có cách nào thấu đến bề trên. Ông hãy dùng lời lẽ khéo léo, tâu bày giúp cho. Lần này, dù tiến dù lui, tùy theo mệnh lệnh của hoàng thượng".

Quỹ tiếp thư ấy, liền đem tâu vua. Vua ngậm ngùi mà rằng:

- Tấm lòng thật thà của chúa, trẫm đã lường biết. Chỉ vì không khéo xử sự trong lúc gặp biến cố nên mới đến nỗi như thế. Nếu đã nghĩ lại và biết hối lỗi, trẫm sẽ có cách đổi đãi, chẳng những giữ được dòng dõi, mà cũng không mất địa vị giàu sang.

Luôn dịp, vua Lê bèn sai Quỹ làm sứ thần đi nghênh tiếp, đón chúa về triều.

Lúc đó, chúa ở Hàm Giang, nghe nói Nhưõng và Chinh ngấm ngấm thông tin tức với nhau, ngỡ rằng bọn chúng có mưu đồ gì khác, liền than rằng:

- Đây không phải là chỗ yên lành có thể ở được. Ta thà vượt biển vào núi còn hơn là ngồi lại mà chịu nhục.

Rồi chúa sai người hầu bí mật mượn mấy chiếc thuyền buôn, đang đêm đem cả đồ đảng, thuận gió giương buồm chạy thẳng tới Sơn Nam. Sáng ngày Nhưõng mới biết, rất lấy làm kinh sợ mà nói:

- Chúa đi sang nam mà không báo cho ta biết trước, phải chăng là có ý ngờ ta? Nếu không theo chúa, lòng này không sao bộc bạch ra được, thiên hạ sẽ cho ta là người thế nào?

Tức thì, Nhưõng cũng cưỡi chiếc thuyền binh chạy theo chúa.

Chúa đến huyện Chân Định thì có Phạm Tôn Lân (Cương mục chép là Phạm Đình Thiện) lên thuyền yết kiến.

Lân quê ở làng Bác Trạch, huyện Chân Định (nay là huyện Kiến Xương, thuộc Thái Bình), vốn dòng dõi thế phiệt; ông tổ đời trước là Phạm Tôn Nhậm, một danh tướng của Trịnh Doanh, khoảng đầu niên hiệu Cảnh Hưng từng lập được nhiều chiến công, trong

quận áp ai cũng kính phục. Tính Lân hào hiệp, khách ăn trong nhà thường có hàng trăm, khí giới cất giấu đầy đủ. Trong đám thổ hào của trấn Sơn Nam hạ, Lân là bậc nhất.

Lúc ấy gặp chúa, Lân bàn việc binh cùng chúa, và vạch chương tiên thủ. Chúa rất mừng và nói:

- Tiếc rằng ta gặp người muộn quá! Người hãy gắng giúp ta để nổi công đức của tổ tiên ngày xưa.

Lân nói:

- Tuần vốn không có tài gì. May được nhờ oai linh của chúa, dám đâu không hết lòng hết sức.

Rồi đó, Lân mời chúa về nhà, nhóm họp đồ đảng, hộ vệ cho chúa.

Hôm sau, Nhượng cũng đã theo đến nơi. Trước hết, Nhượng sai người đưa một tờ khải cho chúa, trong nói:

"Nhà thần bao đời được đội ơn dày, một lòng với nhà chúa. Nay thần với Chính, nói về tình tuy có quen thuộc, nhưng nói về thế thì không thể nào đứng đôi. Cả nước ai cũng biết điều đó, thần dám có lòng nào để nhục đến tổ tiên đời trước, xin chúa soi xét cho, khiến thần có thể lập được chút công, bù lại lỗi trước...".

Chúa xem khải rồi hỏi ý Lân, Lân vốn nghe tiếng tăm của Nhượng, thường coi là tay cự phách xứ đông, nay may được chung sức làm việc thì rất lấy làm mừng, nên cố khuyên chúa đem lòng thành thực mà dùng Nhượng để thêm thế lực. Chúa nghe lời, Lân lập tức tự mình ra đón Nhượng cùng vào gặp chúa. Do đó, hai người rất là tương đắc. Họ liền đưa hịch đi các phủ Thái Bình, Kiến Xương, Thiên Trường (Thái Bình, Kiến Xương sau đều thuộc tỉnh Thái Bình. Thiên Trường sau là Xuân Trường thuộc Nam Định (Hà Nam Ninh)), hẹn cùng dấy quân đánh Chính. Trong khoảng mười ngày, người theo về có đến vài vạn. Họ định ngày cùng tiến quân, thuyền bè đầy sông, thanh thế lừng lẫy xa gần đều hưởng ứng. Nhiều người cho rằng, nghiệp chúa có thể tính ngày mà khôi phục. Con em nhà quan lúc trước, như bọn Đoàn Nguyễn Tuấn, Phạm Giáp, Nhữ Công Liêu, Đào Nhữ Toàn cũng đều chiêu mộ người làng đến họp. Các xứ đông tây cùng nổi dậy trong một lúc.

Bấy giờ Trương Đăng Quỳ vâng mệnh đi đón chúa, đến huyện Tiên Hưng, đường bị nghẽn, phải trở lại.

Vừa lúc ấy có người từ kinh thành tới yết kiến chúa, nói rõ việc Chính chuyên quyền kiêu ngạo, lòng người không phục, vua cũng nghi kỵ, và khuyên chúa nên kíp tiến binh đánh Chính. Chúa nói:

- Ta có viên tướng cũ là Bùi Nhuận, hiện ở kinh thành, coi quân Kim-ngô, lĩnh chức tư thành đề lĩnh, có thể bảo y làm nội ứng. Chức trách của Nhuận là việc tuần phòng, chắc không ai nghi ngờ.

Rồi chúa bèn sai người đưa tờ chỉ bí mật cho Nhuận, nói về việc ấy.

Tiếp chỉ, Nhuận liền bàn với người thân tín. Đổi hết các quân canh giữ cửa ô. Con Hữu Chính là Bái xuyên hầu dò biết việc đó, lập tức sai quân bắt Nhuận; rồi sai tướng của Chính là Nguyễn Việt Tuyển hiện làm chức trấn thủ Sơn Nam đem quân đánh chúa.

Lúc lính thủy của Tuyển tới sông Ngô Đồng (thuộc huyện Giao Thủy, Nam Định (Hà Nam Ninh)), mà lính bộ chưa đến cửa Đại Hoàng (thuộc huyện Yên Mô, Ninh Bình (Hà Nam Ninh)), có người dò biết về báo với chúa. Nhưỡng đem hai chục thuyền biển lớn nhất, dàn ngang sông thành trận chữ "nhất", trên đầu thuyền bày đặt các thứ súng, trông như bức thành. Quân Tuyển đến đánh, vì thuyền nhỏ không thể chống cự, nhiều chiếc bị súng Bảo-Long bắn chìm xuống sông, Tuyển sợ, định lui giữ Hoàng-giang (tên sông, thuộc phủ Lý Nhân, Hà Nam (Hà Nam Ninh)) để cùng bộ binh nương tựa lẫn nhau.

Thình lình có gió đông nam nổi lên, Nhưỡng liền sai các hải thuyền tản ra, ghé sát vào hai bờ, rồi buộc thuyền lại mà lên bộ. Tiếp đó Nhưỡng chỉ huy quân lính từ trên bờ theo chiều gió bắn xuống thuyền quân của Tuyển. Nhưng quân của Nhưỡng toàn là quân ô hợp, đứng, ngồi, tiến, lui chưa quen hiệu lệnh, lại hồ hững không có chí chiến đấu; nên sau khi lên bộ, hàng ngũ lộn xộn, chẳng ra sao. Tuyển ở dưới sông trông thấy vậy, liền hô to:

- Quân Nhưỡng thua rồi!

Thế là quân lính của Nhưỡng đâm nghi hoặc, rồi hoảng sợ, tan vỡ, đua nhau cướp đường mà chạy, giày xéo lẫn nhau, không sao ngăn cấm được nữa. Thuyền bè bỏ bừa ven sông, đều bị quân Tuyển bắt được.

Quân Lân ở sau, trông thấy quân của Nhưỡng thua chạy tan tác, lại nghe nói Nhưỡng đã bị giặc giết rồi, nên đều kinh ngạc run sợ. Riêng Lân cũng không thể kiềm thúc được nữa, thế là cùng lúc ấy, đám quân tan vỡ luôn. Lân bèn hộ vệ chúa, cưỡi một chiếc thuyền, xuôi dòng chạy sang phủ Thái Bình. Chừng nửa đêm, đến huyện Đông Quan, chợt nghe tiếng súng đùng đùng, giống như hiệu lệnh hành quân. Có người báo quân Tuyển đuổi theo. Có người ngờ là bọn kẻ cướp. Sau Lân sai người đi dò, mới biết đó là quân của Trần Mạnh Khuông.

Trần Mạnh Khuông là một người hào mục ở huyện Đông Quan, gia tư giàu có, lại có nghĩa khí. Khi mới tiếp được tờ hịch, lập tức tụ tập quân lính trong huyện để hưởng ứng việc nghĩa, hẹn ngày hôm ấy xuất quân ra đi. Lúc này quân Khuông đóng ở Bái Hạ, cách đây không xa.

Nghe nói, chúa bèn vội vàng sai người đến gọi Khuông. Khuông theo sứ giả tới yết kiến, chúa nói:

- Quả nhân tài hèn, đức kém, không biết tự lượng sức mình, hễ hành động gì liền bị vấp ngã. Bây giờ nên làm thế nào?

Khuông nói:

- Thua được là sự thường của nhà binh, dù là đạo quân thắng trận luôn, cũng phải có một lúc thua trận. Cho nên tướng giỏi đời xưa trước hết phải xem hình thế, đắp doanh lũy, chứa lương thực, phòng bị sẵn những khi xảy ra việc cần kíp, làm cho khi tiến có thể đánh, khi lui có thể giữ. Đó chính là cái chức vạn toàn, không làm gì đến nỗi thua một trận mà đã phải bẹp hẳn. ở huyện tôi có làng Bái Hạ, bốn mặt đều là đồng lầy, phía trước có sông lớn chặn ngang, chỉ có một lối ra vào, lại có khe nhỏ quanh co thông với con sông, có thể dùng để chuyển vận quân lương. Cuộc loạn lạc năm trước, địa phương đây ở vào chỗ xung yếu của hai vùng đông và nam, nên tôi đã cho sửa sang lại, nay hào rãnh đều đã bền vững. Chỉ hiềm luôn mấy năm mất mùa, thóc lúa tích trữ chưa được đầy đủ mà thôi. Xin chúa hãy tạm dời xa giá về đó, rồi thông thả sẽ tính chuyện sau.

Chúa Trịnh nghe theo, bèn phong cho Lân làm quân phủ trưởng sử. Khuông làm chức hành doanh sử, dẫn quân vào đóng ở ấp Bái Hạ.

Ở đó mới được vài đêm, Khuông sai người đi trưng thu lương thực chưa về, thì Chinh đã lại sai Nguyễn Như Thái đem lính bộ đến, hợp với quân của Tuyên, hai đường thủy bộ tiếp nhau, hai mặt trước sau đánh dồn lại. Trong đồn dựa vào tình thế hiểm yếu mà giữ, quân Chinh đánh luôn mười ngày không hạ được. Tuyên bèn đắp lũy dài để tuyệt đường lương thực của quân chúa. Quân chúa hết lương đến nỗi phải đào cả củ chuối mà ăn, tình thế rất là khôn quẩn.

Lân và Khuông vội gọi các thủ hạ mà bảo rằng:

- Ngồi đây để làm con ma chết đói của làng Bái Hạ, sao bằng quyết một trận tử chiến, giết lấy vài trăm tên giặc cho sướng tay? Các người ai là người có thể chung lòng góp sức với ta, để ta khỏi mang tiếng phụ chúa mà các người cũng không mang tiếng phụ ta. Dầu có chết còn được làm con ma trung nghĩa. May mà không chết, rồi đây công lao sự nghiệp sẽ không biết đến đâu mà lờng!

Mọi người nghe nói đều cảm động, có hơn trăm người xin theo. Đêm đến, bốn bề đã vắng lặng, họ bèn cuời thuyền nan, theo đường khe mà đi ra. Nhân lúc Tuyên và Thái sơ ý, họ liền phóng hỏa đốt doanh trại. Hai người hoang mang không kịp chống cự. Lân và Khuông tức thì phá vỡ vòng vây, đem chúa ra, cướp mấy chiếc thuyền, rồi theo cửa biển chạy thẳng về phía đông. Tuyên đem quân đuổi theo, nhưng không kịp. Thái thả quân vào làng Bái Hạ, chém giết lung tung, trai, gái, già, trẻ, không sót lại một người. Từ khi đấy

cuộc binh đao tới lúc này, không chỗ nào không có nạn chém giết, nhưng chưa có đâu bị chém giết thảm hại như ở đây.

Lại nói, sau trận thua ở sông Ngô Đông, Nhưông một mình chạy về phía đông, thuyền bè và đồ quân dụng bỏ mất gần hết.

Đến khi đồn Bái Hạ bị vỡ, chúa chạy về Hải Dương, lại cùng bọn Lân vượt biển tới đất Quảng Yên, giả làm khách buôn, chia nhau ở trọ trong các nhà dân ở châu Vạn Ninh (nay là đất Móng Cái (Quảng Ninh)). Chẳng bao lâu, Lân vì có việc nhà, cáo từ xin về, người theo hầu chúa chỉ còn lại Mạnh Khuông mà thôi. Sau đó hơn một tháng, Khuông lại mắc bệnh, rồi chết. Lúc bấy giờ, bên cạnh chúa không còn có ai, chúa một mình sống lẩn lút ở vùng ven biển, tình cảnh rất là điều đứng.

Chúa nghĩ bụng: "Giàu sang ở kiếp phù sinh, đều là cảnh mộng. Bởi vậy, ngày xưa đã có người xin thề đời đời đừng sinh vào nhà đế vương... Phật thương hết thấy chúng sinh bị chìm đắm trong biển khổ. Óc Người thông suốt, ý kiến Người thông suốt, thật như gương sáng muôn đời. Từ lúc ta ở trọ đất Chương Đức đã có ý nghĩ như thế. Bây giờ nên quay đầu lại là hơn".

Thế rồi chúa Trịnh gột sạch ma chướng ở đời, tự xưng là Hải đạt thiên sư, dạo khắp các chùa ở vùng Lạng Sơn, Cao Bằng.

Bấy giờ có người học trò đất Kinh Bắc tên là Vũ Kiên, chạy loạn lên ở Lạng Sơn. Một hôm Kiên gặp Hải đạt thiên sư ở chùa Tam Giáo, nhân trong lúc đàm kinh thuyết pháp, Kiên ngầm biết đó là chúa, bèn báo với bọn phiến thần ở đó là Hà Quốc Ký, và Nguyễn Khắc Trần (có bản chép là Nguyễn Khắc Lâm).

Hai người bèn vờ nói là có việc làm chay, đón Hải đạt thiên sư về nhà, rồi đuổi hết người nhà ra mà báo với nhà sư rằng:

- Chúng tôi nôi đời làm bề tôi ở chốn biên cương. ở xa vẫn mến oai đức của triều đình, thường chỉ nghe người ta nói vua Lê chúa Trịnh như ở trên trời. Nếu như thiên hạ vô sự, bọn chúng tôi làm gì được trông thấy chúa. Chẳng may nhà nước có nạn, xe chúa phải tới nơi biên ải, thần dân ai chẳng đau lòng. Lúc này chính là dịp cho kẻ trung thần nghĩa sĩ ra tài linh luân. Vậy chúng tôi xin rước chúa về ở Đoàn Thành (tức thành trấn Lạng Sơn), xướng nghĩa cả, để lo việc hưng phục. Trông nhờ vào phúc hồng của chúa, thành được công lớn thì may chăng lũ tù trưởng nhỏ mọn ở xứ mọi rợ này được dựng vào hàng cuối ở vân đài (Vân Đài: Đài cao chạm mây, nơi vua Minh-đế nhà Hán sai vẽ hình 28 người công thần), ấy là ý nguyện của chúng tôi.

Nhà sư nhắm mắt chấp tay, khoan thai trả lời:

- Sư già này xuất gia theo Phật, không can dự gì đến việc đời. Các ông chớ có nhận lầm, khiến cho đương lúc yên lặng, lại sinh ra bao nhiêu nỗi phiền não. Trong thiên hạ, ai

là vua, ai là chúa, đã có mệnh trời; sư già này chỉ biết một lọ một bát, tu hành ở cửa thiền, làm môn đồ đức Phật Như lai mà thôi.

Vũ Kiên lúc ấy cũng thưa rằng:

- Thần tuy chưa được vào châu phủ chúa, nhưng khi du học ở kinh sư cũng đã từng trông trộm dung nhan của chúa. Người trong nước còn có lòng ấy, chúa cũng không nên từ chối. Thần nghe nói, nghiệp vương phải khó nhọc, không thể ngồi yên mà làm nên được. Bởi vậy, Quang Võ đã phải bực cả tóc đầu, Tiên chúa (Quang Võ là vua đầu nhà Đông-Hán. Tiên chúa tức Lưu Bị, là vua nhà Thục đời Tam-quốc) thì phải mòn hết thịt vế. Những con nguy hiểm ở Quế ồ và Bái Hạ gần đây, cũng giống việc Tuy Thủy, Hồ Đà đời Hán (theo Hán thư, sau khi Hán vương là Lưu Bang vào chiếm Bành Thành, Sở vương là Hạng Võ đem quân trở về, phá tan quân Hán trên sông Tuy Thủy và vây Hán vương ba vòng, may gặp có gió lớn nổi lên, thổi tan quân Sở, Hán vương mới chạy thoát. Cũng theo Hán thư: Khi vua Quang Võ đi đến trạm Khúc-Dương, phía sau có quân Lương Vang theo đuổi, mọi người đều kinh sợ, Quang Võ cho người đi dò đường thì họ nói, trước mặt có sông Hồ Đà nước chảy mạnh lắm, không thể qua được. Quang Võ lại bảo Vương Bá đi xem lại. Vương Bá e quân lính hoảng sợ, bèn nói dối là ở sông băng giá đóng rất chắc, có thể đi qua được. Quang Võ bèn bảo Bá hộ vệ mình qua sông, nhưng mới qua được mấy người thì băng đã tan. ở đây, mượn hai điển này để nói làm nên nghiệp lớn thế nào cũng phải trải qua nhiều gian nan, nguy hiểm thì mới đi tới thành công), chỉ vì không nản chí, không ngã lòng, rốt cuộc họ đã làm nên nghiệp lớn. Thần chưa từng bao giờ thấy ai đường đường là một vị vương giả mà lại lui về làm nhà sư nhàn hạ. Xin chúa hãy nghĩ lại!

Nhà sư khóc và nói:

- Cái cảnh "Thử ly" "Mạch tú" ("Thử ly" là một bài thơ trong Kinh Thi nói về cảnh cung điện nhà Chu bị tan hoang thành ra ruộng lúa. "Mạch Tú" là bài hát của Cơ tử nói về việc nhà Thương mất nước, cung điện thành ruộng cấy lúa mạch. - ở đây chỉ cảnh tang thương của họ Trịnh) ở đâu cũng đều cảm động. Ta không phải là loài gỗ đá, sao không cảm hờn. Nhưng đã biết sức của ta, mà vẫn không thể dành được với trời, nên đành phải nín nhịn để giữ lấy mình, đâu còn dám làm càn để lại làm lần lần nữa?

Chúa đã nói lộ bản tướng, liền bị mọi người vin lấy mà bắt buộc phải truyền sắc lệnh ra để điếm quân, thu lương.

Bọn Ký và Trần đều là kẻ tầm thường, không nghiêm cấm nổi thủ hạ, để chúng làm bừa những việc phi pháp. Nhân dân không thể chịu đựng được, họ bèn nổi lên làm loạn, giết bọn Ký và Trần, rồi đuổi chúa đi. Chúa chạy về đất Hữu Lũng (nay thuộc Lạng Sơn) rồi từ đó nấp nấu trong chốn núi rừng, cả nước không còn thấy mặt chúa ở đâu nữa.

Họ Trịnh từ Thái vương là Trịnh Kiểm thụ phong, truyền đến Thịnh vương là Trịnh Sâm, vừa được tám đời thì xảy ra biến loạn. Rồi đến Đoan nam vương là Trịnh Khải, án

đô vương là Trịnh Bồng thì nghiệp chúa hết. Tất cả trước sau gồm 243 năm (theo Lịch triều hiến chương lại chí thì tất cả là 248 năm, gồm 11 đời chúa, kể từ Trịnh Kiểm năm Kỷ hội (1539) đến Trịnh Bồng năm Bính ngọ (1786)).

Xét trong địa ký chép về đất phát tích của tổ tiên họ Trịnh có lời đoán rằng: "Chẳng dễ chẳng bá, quyền nghiêng thiên hạ, truyền được tám đời, trong nhà dấy vạ".

Xem thế đủ biết, cái lý hưng vong tuy là việc của người, mà cũng tự có số mệnh vậy.

Lại nói sau khi Chính đưa Tây Sơn vào nước, dân chúng oán Chính thấu đến xương tủy. Lúc Chính tất tả chạy về Nghệ An, người cả một xứ ai cũng muốn giết Chính cho hả dạ. May được vua Lê có chỉ vời, Chính bèn lấy việc dấy quân ra bảo vệ nhà vua mà thoát khỏi tai nạn. Rồi Chính lại được nhà vua mở lòng tin dùng, cho nên mọi người trong ngoài chỉ dám oán mà không dám nói. Các quan văn võ trước kia chạy trốn ra ngoài, đều dấy quân và lên tiếng giết Chính. Chính mượn nhà vua để sai khiến cả nước, tự tiện làm oai làm phúc, luôn luôn đem quân đi trừ khử những người muốn làm hại mình. Thế rồi, bắt Trọng Tế, giết Phùng Cơ, đem quân đánh mãi án đô vương, làm cho vương phải chạy trốn lang thang không dám về kinh.

Việc Chính làm phần nhiều là càn bậy, nhưng đụng đâu là thắng đấy, nên chẳng ai biết làm thế nào. Vì thế, Chính càng ngày càng làm lắm điều bạo ngược, Chính tự cho rằng người đời chẳng ai bằng mình. Thậm chí Chính coi nhà vua như đứa trẻ con, khi bảo làm thế này, khi bảo làm thế kia, không còn kiêng sợ gì cả. Bụng Chính còn e dè, chỉ một Bắc bình vương mà thôi. Chính thường nói riêng với người thân tín rằng:

- Bắc bình vương là người anh hùng hào kiệt ở miền Nam ta cũng không thua. Hấn quý quyết hơn ta, nhưng ta khôn ngoan hơn hẳn. Năm trước ta từng cộng sự với hắn, nên ngày nay hãy nhường hắn một nước cờ, đợi khi trong nước tạm yên, ta sẽ chuyên tâm lo việc phương Nam. Lúc đó ta có thể tập hợp binh mã, cùng hắn giao phong trong một trận lớn lao. Đã trừ khử được vật ngăn trở rồi, thì từ dải đèo Ngang trở về Nam, lại là bờ cõi của nước nhà. Nay Trần bình chương vào Nam bàn việc bờ cõi, dù bất đắc dĩ mà phải nhường đất Nghệ An cho họ, thì cũng như cái mưu khôn xưa nước Tấn đem ngọc bích và ngựa tốt đút cho nước Ngụ, Hán Cao tổ đem đất Quan Trung nhường cho Hạng Vũ đấy thôi (thời Xuân thu, nước Tấn lấy ngựa hay và ngọc quý đút lót cho nước Ngụ để mượn đường sang đánh nước Quắc; đến khi diệt được nước Quắc rồi, Tấn liền quay lại diệt luôn cả nước Ngụ, thu lại ngựa và ngọc đã biếu-việc Hán Cao-tổ cũng tương tự, tạm nhường đất Quan Trung cho Hạng Vũ rồi sau lại lấy lại). Đúng như lời sách xưa đã nói: "Định lấy của nó hãy tạm cho nó" (câu này nguyên văn chữ Hán là "Tương dục thủ chi tất cô dữ chi" Trong Đạo đức kinh của Lão Tử cũng có câu tương tự là: "Tương dục đoạt chi, tất cô dữ chi" (muốn chiếm đoạt của nó, hãy tạm cho nó). Có thể tác giả dẫn câu này là thoát thai từ câu của Lão Tử). Điều đó người thường không thể biết được!

Vì thế, đối với việc Nghệ An, Chinh mới dùng lễ vật nhiều, lời nói ngọt, mong sao cho được vô sự; lại đem hết những điều uỷ khúc trong lòng mà dặn dò Trần Công Xán. Chinh cho rằng chuyến đi ấy thế nào cũng đẹp yên được việc binh đao, nên không còn để ý đến việc quân lương và việc bờ cõi nữa. Không ngờ rằng Bắc bình vương lập tâm bắt Chinh đã lâu, nhưng cơ mưu giấu kín quá nên Chinh không biết. Hoặc có người nhắc đến việc biên cương thì Chinh cũng xem thường, cho là kẻ hiểu sự đoán mò hay cho là tin đồn nhằm ngoài đường sá mà thôi. Tới lúc sứ bộ chết đắm ở biển, nhiều người trong triều bảo đó là do Bắc bình vương sợ lộ việc tranh chấp ở miền Nam mà giết ngầm đi, khi nội biến đã yên, thế nào họ cũng sẽ mưu đồ đánh ta; Chinh cũng vẫn không cho là phải...

Sau khi Bắc bình vương đã hoà với vua Tây Sơn (theo các tài liệu lịch sử, thì hai anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ giảng hoà với nhau ở thành Qui Nhơn (Nghĩa Bình) liền trở về Phú Xuân mở đại hội các tướng mà bảo họ rằng:

"Nguyễn Chinh là người đã chết, ta lại vẽ mặt vẽ mày cho. Nay hán bay nhảy ở Bắc Hà, phò vua Lê để sai khiến cả nước. Đã không lo đền đáp ơn ta mà còn định cản lại, mưu đồ giành đất Nghệ An, đặt làm một trấn quan trọng, để bắt chước việc chúa Trịnh xâm lấn phương Nam ngày xưa. Thằng giặc ấy thật đáng giết. Không biết hán đã sắp sẵn được bao nhiêu binh mã, có thể đánh nhau với ta được một trận hay không?"

Tức thì, Bắc bình vương sai bọn Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân, kéo quân ra Nghệ An, họp cùng Võ Văn Nhậm tính việc đánh dẹp phương Bắc. Tiếp đó lại cho Võ Văn Nhậm lĩnh ấn tiết chế, các tướng đều phải ở dưới quyền. Khi sắp đặt đã xong, Bắc bình vương hạ lệnh giục họ tiến quân. Bấy giờ đúng vào tháng mười một mùa đông năm Đinh vị (1787).

Khi Văn Nhậm kéo quân qua Thổ Sơn, trấn thủ Thanh Hóa là Lê Duật không dám chống cự, rút quân lui giữ Trinh Giang (sông Trinh Giang thuộc xã Trinh Sơn, huyện Hoằng Hoá, Thanh Hoá), rồi cho người phi ngựa về kinh cáo cấp. Tin cáo cấp một ngày đến chín lần, làm cho kinh thành nhao lên, nhân tình tan rã, vôi vàng mang xách, bông bế nhau ra ngoài thành để trốn tránh: phố phường đều đóng cửa thôi buôn bán đường sá cũng ít người đi lại, trong chốn đài sảnh chỉ còn người có chức vụ ở lại mà thôi.

Vua Lê sai các quan cùng họp ở dinh của Chinh để bàn cách đánh giữ. Chinh nói:

- Đòi nhà Tấn, khi quân nhà Tấn ập đến bờ cõi, Tạ An vẫn cười nói như thường; đòi Tống, khi quân Khiết Đan vào sâu trong nước, Khâu Chuẩn vẫn điềm nhiên như không. Các vị đại thần, cần phải trấn tĩnh, không nên tự mình bối rối trước, chỉ tỏ làm cho lung lay lòng người. Chức trách của Lê Duật là giữ đất đai, thấy giặc đến không thể không báo cáo, nhưng y cũng là một tay tướng giỏi. Võ Văn Nhậm vị tất đã dễ dàng nuốt sống được y. Và chẳng, sông Trinh Giang, sông Thanh Quyết (sông Thanh Quyết tức khúc sông Đáy thuộc huyện Gia Viễn, Ninh Bình (Hà Nam Ninh)), sông sâu nước lạnh, dù có thiên binh vạn mã chưa dễ đã vượt qua được một cách yên ổn. Công việc đánh hay giữ, đã có định cục, làm gì mà phải luống cuống.

Quan phó đô ngự sử là Nguyễn Đình Giản nói:

- Thanh Hóa là đất "thang mộc", lũng tâm mấy triều đều ở đấy. Nay người Tây Sơn tới đánh, cả vùng Tĩnh Gia đã bị chiếm mất, còn các vùng Thiệu Thiên, Hà Trung đều thành chiến trường, xã tắc nguy như treo trên sợi tóc. Ông làm vị quan đầu triều, binh quyền ở trong tay, định cục thế nào, thử nói ra cho rõ ràng, để chúng tôi đều đem hết ý kiến nông cạn, cùng ông lo liệu. Việc thiên hạ không phải là chuyện riêng một nhà, sao không nói cho mọi người đều biết? Ngày xưa người Nguyên cười người Tống rằng: "Đợi khi chúng bay bàn bạc ổn thoả thì ta đã qua sông rồi". Nay không lo liệu cho sớm, chờ khi quân giặc đã đến ô Cầu Dền thì giả sử Tạ An, Khấu Chuẩn (Tạ An, người đời Tấn, làm Đại đô đốc, có tài chỉ huy, đã cứu nguy cho kinh đô trong lúc đang bị hàng trăm vạn quân Bồ Kiên uy hiếp. - Khấu Chuẩn, người đời Tống, khi quân Khiết Đan xâm phạm bờ cõi, được vua Chân Tông giao cho chỉ huy quân sự, ông đã dùng kế buộc địch phải rút về nước) có sống lại, họ cũng không thể trấn tĩnh được!

Ninh Tôn và Nguyễn Bá Lan (có bản chép Nguyễn Nhuận) cũng đều nói:

- Quan ngự sử nói rất đúng.

Ngày thường Chính quen dùng miệng lưỡi để lấn át người ta, người ta cũng sợ khí thế của y, nên không dám tranh cãi lại. Nhưng lúc ấy, tin tức về quân địch gấp rút đưa đến, trong bụng rối beng, lại bị Giản bẻ, nên Chính chưa biết trả lời ra sao. Quan bình chương Phan Lê Phiên nói:

- Không cần nói nhiều, quân giặc đến chỉ có đánh mà thôi. Bộ hạ của ông, người nào có thể làm tướng, xin tâu với hoàng thượng cho làm tướng; toà Xu mật sẽ cấp binh bài, toà Độ chi sẽ cấp lương thực, ngày nay vào bái mạng, ngày mai tức tốc lên đường, không thể chậm trễ!

Chính nói:

- Ý tôi cũng vậy, nói trấn tĩnh là nghĩa như thế!

Chính liền tâu vua cho Nguyễn Như Thái làm thống lĩnh, Ninh Tôn làm tham tán quân vụ, đem quân cùng hợp với Duật, chống địch ở trấn Thanh Hóa.

Lại nói, Duật đóng quân ở Trinh Giang, Nhậm bèn sai người đến báo rằng:

- Ngày mai đại quân qua sông, người dám đánh nhau thì bày trận chờ đợi. Nếu không có thể đánh nhau thì mau mau tới đầu hàng.

Lúc đó Nhậm đóng quân ở phía nam Trinh Giang, trước tiên sai Ngô Văn Sở đem quân men theo chân núi đi về phía tây, cắt lên qua sông Tát Mã, đánh úp phía sau quân Duật. Duật không hề biết, tối hôm ấy rút quân chạy cả đêm; hôm sau tới Cao Lũng, đã

thấy quân Sở ở đây, quân Duật sợ hãi, chạy tan tác ra tứ phía. Duật bị quân Sở giết chết. Khí giới, lương thực, hết thảy đều bị địch thu lượm.

Quân Nguyễn Như Thái đi đến Châu Cầu (nay là thị xã Phủ Lý, Hà Nam (Hà Nam Ninh)), nghe tin Duật đã thua và chết, vội gọi Ninh Tôn cùng bàn, Tôn nói:

- Binh pháp dạy rằng: "Tranh được núi thì thắng, giữ chỗ hiểm thì vững". Giữa Thanh Hóa nội và Thanh Hóa ngoại có núi Tam Điệp (tục gọi là núi Ba Dội, ở chỗ giáp giới giữa Thanh Hoá và Ninh Bình ngày nay) ngăn cách, ấy là chỗ trời đất xây dựng, rất là hiểm yếu. Ta nên tiến quân gấp để giữ lấy, chớ để quân giặc chiếm trước. Được như vậy thì từ Trường Yên (tên phủ, sau đổi là Yên-Khánh, thuộc Ninh Bình (Hà Nam Ninh)) về bắc còn là của mình. Nếu núi Tam Điệp mà mất, thì lộ Nam Sơn thênh thang với những cánh đồng bằng phẳng rộng rãi, e khó tranh nhau với giặc, việc nước sẽ không thể làm thế nào được nữa.

Thái cho là phải, lập tức chỉnh đốn đội ngũ, đang đêm gấp rút tiến quân. Mờ sáng, quân Thái qua sông Giản Khẩu (tức sông Gián, cũng thuộc Ninh Bình (Hà Nam Ninh)) thì nghe tin quân Nhậm đã vượt qua núi Tam Điệp, Phan Văn Lân đã đem quân tuyển phong đóng ở Hàm Mai (có sách chép là Đa Mai), cách đây chỉ có vài dặm. Thái vỗ ngực kêu to mấy tiếng, rồi đem quân bày trận trên bờ sông Giản để chờ địch.

Quân Tây Sơn đến, chia hai ngả đánh kẹp vào. Quân Thái lẻ loi không có quân cứu viện, cố sức đánh nhau từ sáng đến trưa, tên đạn đều hết sạch. Bọn lính ở đằng trước trở giáo hàng địch. Thái biết thế không thể chống nổi, bèn cùng vài chục người bộ thuộc, phi ngựa chạy về phía bắc. Quân địch đuổi theo, bắn chết hết. Ninh Tôn chạy trốn vào nhà dân, được thoát nạn.

Văn Nhậm đã thắng trận, tức thì dẫn quân tiến lên.

Chỉnh đang ăn thì tin báo đến nơi, luồng cuông vút đũa, chạy vội vào nhà, gọi Hữu Du và bảo:

- Chiến tướng của ta chỉ có bốn người. Thái và Duật chẳng may chết rồi. Tuyển ở Sơn Nam, Thước ở Kinh Bắc, gọi về không kịp. Tình thế gấp rút ta phải tự ra cầm quân. Con nên sắp đủ binh lính, lương thực, cùng đi với ta. Quân cha, con cùng dốc một lòng mới có thể nên việc được.

Du nói:

- Sách có câu: "Thờ cha phải hết sức, thờ vua phải liêu mình". Con xin đi trước, đánh với giặc một trận lớn, không dám để cho vua và cha phải lo vì giặc. Cha cứ đi thông thả mà đốc thúc việc chiến trận, con sẽ lấy đầu thằng Võ Văn Nhậm đem về cho cha xem.

Lúc Chỉnh sắp ra đi, người hầu yêu nắm vạt áo của y mà nói:

- Thiếp nghe đâu các quan trong triều đều đã đem vợ con đi trốn trước rồi, đài sảnh hiện bỏ không tất cả. Bây giờ quan lớn lại ra đánh giặc, tướng sĩ cũng đều theo đi hết, riêng thiếp ở đây một mình, chịu làm sao được? Vậy xin cho thiếp một chiếc kiệu nhỏ để thiếp đi theo quan lớn.

Chỉnh nói:

- Trong vòng tên đạn, không phải nơi đàn bà nên đi, đừng làm cho người ta thêm rớt ruột nữa!

Rồi Chỉnh tự mình vào cung điện tâu xin xuất quân.

Vua bèn ngự ra điện Cần-chánh, truyền chỉ ban tiết việt (tức "phù tiết" và "phủ việt". Phù tiết: vật làm tin, thường làm bằng thanh tre viết chữ vào đó, rồi chẻ đôi mỗi người giữ một nửa, sau khớp lại để làm tin. Cũng có khi làm bằng vàng, ngọc hoặc gỗ... Phủ việt: lưỡi búa. Đời xưa khi đại tướng ra trận được vua ban tiết việt để trao quyền hạn và làm tin cho Chỉnh và dụ rằng:

- Trẫm dựa vào ông như dựa bức tường thành. Chuyển đi này quan hệ đến sự an nguy của nhà nước. Nhất thiết chớ có khinh giặc đánh tràn, phải tùy cơ mà làm, mau đưa tin thắng trận về để yên lòng trẫm!

Chỉnh tâu:

- Thần đã biết rõ tình hình của giặc. Võ Văn Nhậm mạnh mà không có mưu khôn, làm tỳ tướng thì dư sức, mà làm chủ tướng thì không đủ tài. Ngày thường hấn vẫn sợ thần, nay thấy thần, nay thấy thần đến, chắc là không dám chống chọi. Thần chỉ lấy khí thế mà đè nén, không cần phải đánh cũng thắng. Chuyển đi này, không quá năm ngày, sẽ có thư trạm tâu tin thắng trận, xin bệ hạ chớ lo!

Tâu xong, Chỉnh bái từ mà ra. Vua Lê thân hành tiễn đến ngoài cửa Đoan môn, rồi sai các hoàng thân và trăm quan tiễn đưa ra ngoài kinh thành.

Chỉnh đem quân đến trạm Hoàng Mai (nay thuộc ngoại thành Hà Nội), sai Hữu Du lĩnh các đội quân của cơ Ngũ-nhuệ đi trước.

Du đi đến sông Thanh Quyết, liền đắp lũy đất chạy theo bờ sông, chia đồn mà cố thủ. Lúc bấy giờ, khí trời rét buốt, quân lính của Du đêm ngủ giữa trời, túm năm tùm ba đốt củi để sưởi. Quân đi tuần của địch trông vào ánh lửa, thấy rõ tất cả, bèn về báo với Văn Nhậm. Nhậm cho quân cưỡi bè, sang thẳng bãi sông, ngấm bắn xuyên qua các khe hở trên bờ lũy, nhắm chỗ có lửa làm đích, bắn phát nào trúng phát ấy. Quân ở trong lũy hoảng sợ, bối rối, tự nhiên tan vỡ, Du rút quân về giữ Châu Cầu. Quân sĩ mười phần chỉ còn hai ba, không dám đón đánh, cũng không dám chạy về, phải vừa lui vừa dừng để đợi hậu quân (sự kiện này, Cương mục chép hơi khác; thuyền súng đạn của Du đậu ở bờ bắc sông, không phòng

bị gì: nửa đêm quân Tây Sơn ngấm bơi sang, buộc thừng vào các thuyền của Du, rồi kéo về phía bờ nam, tước đoạt hết súng đạn do đó Du thua...).

Lại nói, Chinh đem quân đến trạm Bình Vọng (tục gọi làng Bằng, thuộc Thường Tín, Hà Đông (Hà Sơn Bình)), tạm dừng lại nghỉ. Chợt thấy gió nam thổi vù vù, có đám mây đen chạy suốt từ tây nam đến. Chinh ngồi trong kiệu, giở sách bói ra xem, vừa gặp một quẻ, có lời đoán rằng: "Nước có giặc lớn, nguyên hung thua trận", Chinh tỏ ý buồn rầu, đang lúc trầm ngâm nghĩ ngợi, thành linh lại có đàn ong rùng vo vo bay đến, đua nhau đốt vào cổ Chinh. Chinh giật mình ngã xuống, sức nghĩ toàn là điềm gở, chân chừ không muốn tiến quân.

Chốc lát, thấy quân bại trận của Du tan tác chạy về nói:

- Quân ta đã vỡ, quân giặc đuổi theo sắp sửa đến nơi!

Chinh nghe nói, mặt mày thất sắc, tiến lui hai đường đều khó khăn. Tướng sĩ, bộ hạ cũng đều mất vía, đua nhau nói: "Thế giặc rất mạnh, chưa thể giao tranh với chúng được. Kinh thành ít quân, khó mà giữ nổi. Chi bằng dẫn quân về, lui giữ đất Kinh Bắc, chặn ngang sông Nhĩ Hà cho vững; rồi sau sẽ từ từ tính chước công thủ, thế là tiện hơn". Chinh nghe theo.

Sau một lúc, Hữu Du đến, Chinh kéo quân tức tốc về kinh. Xâm tới, vừa về tới thành, Chinh liền bảo quan tham tri chính sự là Nguyễn Khuê vào tâu với vua, xin đến ngày mai, xa giá đi sang Kinh Bắc (theo Cương mục thì vua Lê cho gọi mấy lần nhưng Chinh không đến, cuối cùng mới cho Nguyễn Khuê đến thay...). Rồi Chinh vào thẳng lượng phủ là chỗ mình ở, sắp xếp hành trang, sai người hộ vệ vợ con gia thuộc sang sông trước.

Lính Kim ngô biết chuyện, vội vàng vào điện tâu với vua rằng: "Gia quyến ông Bằng đi rồi!"

Vua Lê lật đật chạy đến dinh của Chinh. Lúc bấy giờ Chinh đang chạy đi chạy lại trước sân, dặn dò những người ra đi. Vua cầm lấy tay Chinh mà hỏi:

- Sự thế đã đến thế này thì làm thế nào?

Chinh thấy vua, thẹn thùng, run sợ, bèn lạy mà thưa rằng:

- Bệ hạ giao nước cho thần, thần không xứng đáng với chức vị, làm làm lỡ việc nước, tội ấy không dám chối cãi: hai mặt tây nam kinh sư, không còn có gì để nương tựa, thành trì cũng chưa đào đắp, chỉ có cửa ô mà thôi. Quân giặc thừa thắng ruổi dài, không có thành lũy nào ngăn cản; đánh thì không được, giữ cũng không xong, lấy gì để bảo đảm cho được toàn vẹn? Nay bệ hạ hãy nên đi sang phương bắc, để lo tính công việc sau này. Quân giặc từ xa đến đã mệt nhọc, lại bị sông lớn ngăn trở, thế nào cũng không dám đuổi ta. Trong khoảng mười ngày, ta được thư thả, rồi sẽ lo sâu tính xa, há lại không có cơ hội tốt để khôi

phục? Bệ hạ hãy về cung, tâu với hoàng thái hậu, xin đưa từ giá (xe của mẹ vua) đi trước, thần sẽ thân đem lính và voi đợi ở bên sông.

Dứt lời, Chinh nhón nhác đảo mắt ngó quanh một lượt, rồi đi. Vua cũng lập tức đi bộ về cung. Trên đường, đã thấy dân chúng dất dứu nhau cùng chạy. Bọn vô loại thừa cơ cướp giết, tiếng kêu khóc oai oái. Có kẻ giữ lấy vua, sờ nắn trong lưng không có gì, mới tha cho đi. Vua vội vàng đi về phía cửa Chu Tước, rồi vào cửa Tả Khúc. Vừa tới nơi đã nghe thái hậu và các phi tần tìm nhà vua không thấy, đang gọi luôn miệng: "Thừa dư (chỉ nhà vua) ở đâu?". Vua vội trả lời: "ở đây! ở đây!". Rồi nhà vua lập tức gọi lính thị vệ, nhưng chỉ được mười bảy, mười tám người, còn thì đều lần trốn không đến. Vua vội vàng sai lấy võng đòn tre cáng thái hậu và nguyên tử (con đầu của vua mà chưa lập làm thái tử thì gọi là nguyên tử) đi. Các tôn thất và phi tần đều phải đi bộ. Những đồ ngự dụng chỉ khênh đi được bốn hòm, còn bao nhiêu đều bỏ lại trong điện. Những đồ riêng tây cùng quần áo quý báu của bọn thị vệ, cũng đều bỏ rơi dần ở dọc đường.

Đến bến sông, phải giành giật lấy đò mà qua, bất cứ kẻ sang người hèn, ai mạnh thì được qua sông trước. Ở trong bãi cát, mọi người giẫm đạp lẫn nhau, có người bị ngã rồi bị xéo đến chết. Các tay lái đò chèo không kịp, hoặc có thuyền vì chở nặng quá mà bị đắm. Tiếng kêu khóc vang trời động đất. Kinh thành rối loạn lung tung. Bọn vô loại ùa vào trong cung, phủ, cướp bóc bừa phứa. Nhưng những vật lấy được, chúng cũng không dám chuyên chở ra ngoài thành, mà phải giấu ở các phố.

Gần tối, Võ Văn Nhậm đến nơi đem quân vào thành thì thấy cung điện, kho tàng chỉ còn tro lại xác nhà không mà thôi. Nhậm nói:

- Vào chợ còn được cái kim, huống chi là vào một nước. Ta nghe đất Bắc Hà giàu có, sao lại sạch trơn thế này? Ta ở xa đến mà lại không kiếm được một đồng tiền nào đưa về thì nói ra con nít cũng không nghe được.

Ngày hôm sau Nhậm bèn thả lính lùng khắp các nhà dân ở phường phố, lấy được của báu rất nhiều, đến cả của tư cũng đều lấy hết.

Có người dân đến cửa quân kêu rằng:

- Đời xưa hành quân, không hề chạm đến một mảy may của dân. Có người lấy lấy cái nón của dân để che áo giáp của quan, cũng không dung thứ. Sao nay dân gian lại bị hại đến như thế?

Nhậm quát to:

- Những vật quân ta lùng được đều là tài sản trong cung phủ nhà Lê, phải đâu là của nhà dân? Chẳng qua chúng bay nhân lúc rối loạn, tranh nhau ăn trộm, đại quân ập đến, không kịp cất giấu đấy thôi. Thằng này chính là bè đảng của bọn côn đồ, không thể tha thứ được!

Lập tức, Nhậm sai điệu người ấy ra chém. Do đó, dân chúng rất sợ, không còn ai dám kêu ca gì nữa.

Lại nói, cha con Chính cùng các quan theo vua chạy sang phương bắc. Vì sợ quân địch đuổi kịp, ai nấy chạy sấp chạy ngửa, người nọ níu áo người kia, chẳng còn ra thể thống gì cả. Chập tối thì vua tôi nhà Lê đến trấn Kinh Bắc. Gặp lúc trấn thủ là Nguyễn Cảnh Thước mưu đồ làm phản, mượn cơ ốm không chầu vua. Chính tới, quở trách gắt gao, Thước mới miễn cưỡng ra yết kiến.

Lúc ấy, dọc đường quân lính đã bỏ trốn quá nửa. Chính rất lo, liền kiểm điểm số lính còn lại, ưu binh và nhất binh (lính tuyển ở bốn trấn) chỉ còn hơn bốn trăm ba mươi người, ngựa hơn sáu chục con, Chính đem quân đi trước, qua sông Như Nguyệt (tức sông Cầu (Hà Bắc)), đóng đồn ở núi Tam Tầng (nay thuộc Hà Bắc), tự mình đốc suất quân lính đắp lũy, cắm rào, rồi sai Thước hộ vệ nhà vua đến sau.

Chính đi rồi, vua và thái hậu chờ đợi bên sông, lâu mãi chẳng thấy thuyền, liền cho gọi Thước đến hỏi.

Thước tâu:

- Các thuyền đều không ở đây, bệ hạ muốn sang sông gấp thì xin cho thần ít nhiều vàng lụa, mới có thể thuê được. Nếu không, dẫu đến sáng mai cũng vẫn ở đây. Giả sử quân giặc đuổi đến, thần xin dùng thùng gỗ để đưa bệ hạ qua sông. Nhưng chỉ e những đồ ngự dụng không thể giữ được mà thôi.

Vua nói:

- Trẫm có cả thiên hạ còn không giữ được, bây giờ lại còn tiếc cái gì nữa.

Tức thì nhà vua sai mở hòm cho Thước xem. Trong hòm chỉ có con dấu truyền quốc và bốn mươi lạng vàng mà thôi.

Vua nói:

- Tuỳ nhà ngươi muốn lấy gì thì lấy.

Thước nói:

- Đội ơn bệ hạ ban cho, thần xin chia một nửa.

Vua cho Thước tất cả. Thước liền gọi lái đò đưa thuyền đến bến, chở nhà vua và đám người cùng đi qua sông. Khi vua đã lên bờ, Thước lại cho người đuổi theo, lột chiếc ngự bào vua đang mặc. Vua ứa nước mắt, cởi ngự bào trao cho chúng, rồi chạy về núi Như Thiết.

Vua xin với thái hậu rằng:

- Con tài đức kém cỏi, không đủ làm chủ thần khí (trở ngôi vua), lại không sành sỏi trong việc xét người, bị Nguyễn Hữu Chỉnh làm lầm lỡ, đến nỗi kinh thành thất thủ, phiêu bạt ra ngoài, để gây mối lo cho thánh mẫu. Bây giờ trèo leo ở chốn núi rừng, nay đây mai đó, tình thế này không chắc đã sum họp một nhà được. Đã thế lại còn dất dứu nhiều người đi theo, sợ giặc dò biết, sẽ sinh ra tai biến bất ngờ. Con đã nghĩ đi nghĩ lại, chỉ có viên đốc đồng trấn Cao Bằng Nguyễn Huy Túc là người trung hậu có thể nương nhờ được. Vậy xin thánh mẫu hãy tạm lên Cao Bằng, nơi đó đường đất xa xôi, quân giặc không thể phứt chốc đi tới được. ở đó, công việc nên chăng thế nào, con xin viết bức thủ thư giao cho Túc. Đến như việc sớm khuya hầu hạ, em con có thể thay con. Dám xin thánh mẫu tạm yên lòng, để con ở đây ngẫm lo việc khôi phục, ngõ hầu có thể chuộc được tội lỗi.

Thái hậu nói:

- Trời đã không giúp xã tắc, già này sống chẳng bằng chết, nguyện lấy mảnh đất ở núi này làm nơi chôn cất hài cốt, chớ còn phải trèo non vượt suối làm chi nữa cho khổ?

Vua rập đầu chảy máu, mãi không dậy. Các quan cũng có nhiều người khuyên giải. Thái hậu mới ưng ý.

Rồi đó, em vua là Quang, thị thân là Quýnh cùng bọn tôn thất hơn ba chục người đều theo thái hậu đi lên Cao Bằng.

Hôm sau, vua sang huyện Yên Dũng (nay thuộc tỉnh Hà Bắc), vẫn thân đi theo chỉ có năm sáu người là bọn Nguyễn Đình Giản, Phạm Đình Dư, Chu Doãn Lê, Vũ Trinh, Trương Đăng Quỹ mà thôi.

Vừa lúc ấy, Võ Văn Nhậm sai bộ tướng là Nguyễn Văn Hoà đuổi kịp Nguyễn Hữu Chỉnh. Hai bên đánh nhau ở núi Tam Tầng. Hữu Du múa đao đánh mạnh, giết vài chục quân địch. Hoà chia một đội kỳ binh vòng ra sau núi đánh úp. Quân Chỉnh rối loạn, tự nhiên tan vỡ. Hữu Du chống cự không nổi, chết ở trước trận. Tham tri chính sự là Nguyễn Khuê cũng bị địch giết. Chỉnh lên ngựa nhằm hướng bắc mà chạy, ngựa ngã, bị quân địch đuổi kịp, chúng tranh nhau chĩa giáo chực đâm. Chỉnh vội kêu to:

- Xin cứ bắt sống mà đem dâng!

Quân địch bèn trói Chỉnh lại, bỏ cũi đưa về kinh.

Chỉnh xin gặp Văn Nhậm để nói một lời. Nhậm không cho, sai người kể tội Chỉnh rằng:

Mày vốn là tôi chúa Trịnh, phản chủ mà về với chúng tao để mưu đồ diệt họ Trịnh; rồi lại phản chúng tao về Bắc, lừa dối vua Lê, chiếm lấy ngôi cả, tự tiện làm oai làm phúc,

ngâm ngâm lo mưu lẩn cướp để tranh giành với chủ tao. Xét cuộc đời của mày, toàn học thói cũ của quân giặc loạn, phải phanh gan ruột mày ra, bỏ hết những cái dơ bẩn, để người Bắc lấy mày làm răn!

Rồi Nhậm bảo phanh thây Chính, thả cho chó ăn thịt.

Trong trận ấy, Hoà tuy bắt được Chính, nhưng chưa bắt được vua Lê, Hoà thả quân lòng mãi không được, bèn ngấm ngấm sai người dò tìm tung tích. Vua Lê nghe tin sợ quá, liền chạy trốn vào vùng núi Bảo Lộc (nay thuộc huyện Lạng Giang, Hà Bắc).

Lại nói, trước kia Lân dương hầu tà Phạm Tôn Lân theo án đô vương chạy ra Yên Quảng, rồi vì có việc phải cáo từ về nhà; nhân đó Lân mưu đồ chiêu dụ quân lính để giúp chúa Trịnh, nhưng về sau không biết chúa ở đâu, bèn nương nhờ vào người hào mục huyện Yên Dũng, là Nguyễn Trọng Linh (Cương mục chép là Dương Đình Tuấn, người huyện Yên Thế, Bắc Giang (Hà Bắc)).

Lúc ấy, nghe tin vua ở vùng Bảo Lộc, Lân bèn nói với Linh cùng nhau đi đón vua về. Rồi họ đốc suất nhân dân bảy tổng thuộc huyện Yên Dũng, đắp lũy ở phía bắc sông Nguyệt Đức (tức sông Cầu (Hà Bắc)), chống nhau với Hoà. Hoà đánh không được. Nhậm phải tự mình dẫn đại quân đến, đêm ngày đánh rất dữ. Quân Linh thua trận. Linh dắt vua Lê chạy trốn. Em Linh là Lung bị Nhậm bắt sống. Nhậm không giết mà sai đem thư dụ Linh, bảo phải nộp vua Lê, đại lược nói rằng:

"Tôi vâng mệnh ra Bắc, chỉ giết giặc Chính, không can gì đến tự hoàng nhà Lê. Tự hoàng là người của chúa thượng lập nên, bị giặc kèm đi, cùng chạy với chúng. Loài cáo vốn hay ngờ vực, vẫn mê không chịu quay về; bọ ngựa dám chống bánh xe, nên phải đem quân tới đánh. Nay nếu biết hối mà về ngay, còn có thể chuộc được lỗi trước. Nếu không, thì sẽ tìm người khác để coi việc nước. Ngôi chủ tể đã có người, thì tự hoàng không còn ngày trở về nữa, mà lũ các người rồi cũng bị vạ lây".

Linh nhận được thư, dùng dằng chưa quyết, lại sai Lung về báo với Nhậm rằng: "Sau khi bị thua, mỗi người bỏ chạy một ngã, thật không rõ vua Lê ở đâu. Xin cho phép mười ngày để đi tìm kiếm, rồi sẽ tự đến".

Đình Giản biết chuyện ấy, bèn tâu riêng với vua Lê rằng:

- Anh em Linh không thể tin cậy được. Các ông Đình Dư, Doãn Lê, Vũ Trinh đều là người Kinh Bắc, nên kíp sai đi chiêu dụ lấy quân để tự vệ, rồi dời xa giá đến phủ Thuận An (nay là huyện Thuận Thành, Hà Bắc). Còn các ông Đăng Quỳ, Văn Lân đều là người Sơn Nam, cũng nên sai về bản quán mộ quân, chờ lệnh trưng phát.

Vua Lê nghe lời, sai mọi người chia ngã mà đi làm việc, chỉ để Đình Giản ở lại hộ giá.

Vua Lê ngấm ngấm tới huyện Gia Bình (nay là huyện Gia Lương, Hà Bắc), vời tiến sĩ là Trần Danh án, đến hỏi về tình hình vùng đó. Án tâu:

- Thổ hào phương bắc đây có Trần Quang Châu, nguyên là xã trưởng xã Kênh Than, là người dũng cảm mà lại có sức mạnh. Trước đây nhân khi loạn, Châu tụ tập đình tráng, để giữ xóm làng. Trong huyện nơi nào có kẻ cướp thì Châu liền đem quân đến cứu. Trộm cướp không dám đụng chạm đến, cả huyện yên ổn, họ bèn bầu Châu làm chức huyện trưởng. Có lúc, Châu vác cày bừa, giả dạng làm người nông phu, hề gặp lính Tây Sơn là đánh chết liền. Quân Tây Sơn luôn luôn bị Châu giết hại, răn nhau không dám xâm phạm đến bờ cõi huyện này. Văn Nhậm nghe tin giận lắm, định đem quân đến bắt Châu. Châu bèn trốn vào vùng Chí Linh, Phượng Nhãn (Chí Linh thuộc Hải Dương (Hải Hưng). Phượng Nhãn nay sáp nhập vào huyện Yên Dũng, Hà Bắc), chiêu mộ dũng sĩ, chống nhau với địch. Người ở hai vùng đông bắc, theo về với Châu mỗi ngày một nhiều. Châu thường cho người dò la nơi ở của quân Tây Sơn, rồi đêm đến đem quân đi gấp tới nơi, đánh úp giết chết. Quân của Châu khi ẩn, khi hiện như thần, đánh đâu là thắng đấy. Quân Tây Sơn chẳng làm gì được. Châu vẫn muốn khởi nghĩa, nhưng chưa có ai làm chủ. Vậy xin đưa lá thư của bộ hạ đi để chiêu dụ Châu, chắc là Châu sẽ đến ngay.

Vua nói:

- Vậy nhà ngươi hãy sai người đi đi!

Châu nghe tin, mừng lắm, nói với mọi người:

- Quân ta nay đã có danh nghĩa rồi!

Châu bèn đem quân đến đón vua Lê, vua tôi gặp nhau rất là vui mừng.

Vua nói:

- Nghe đồn nhà ngươi dùng binh rất hùng dũng, nay quân giặc tụ tập ở vùng Bảo Khảm chừng hai trăm tên, nếu ngươi có thể đánh phá được chúng, ta sẽ cho ngươi làm chức trấn thủ xứ Kinh Bắc.

Châu nói:

- Việc đó rất dễ, song chỉ e khi chúng kéo hết quân đến, thần ít quân, lại không có quân cứu viện, thì không đủ sức đánh nhau với chúng, mà rồi lại không thể tránh đi nơi khác để giấu kín tung tích. Lâu nay những việc thần đã làm, chỉ có thể hả bớt tức giận mà chưa thể tự lập được cũng là vì có ấy. May nhờ oai linh của bộ hạ, lại được các tướng góp sức, thần xin tự mình chống đỡ một mặt, gặp giặc là đánh, có chết thì thôi chứ không chạy.

Vua nói:

- Mạnh mẽ thay! Thật đáng là bậc đại tướng.

Rồi đó vua bèn phong cho Châu làm quyền trấn thủ, tước Dao quận công. Châu liền mở cuộc diễu võ ở núi Vạn Kiếp (thuộc huyện Chí Linh, Hải Dương (Hải Hưng)), dựng cờ và trông đại tướng ở trên núi, rồi sai người tâu mời nhà vua tới xem.

Thật là:

*Thành lũy long đong lo việc nước,
Trạch bào hăng hái giết quân thù*

Chưa biết việc này ra sao? Hãy xem hồi sau phân giải.

Hồi thứ mười một

*Tây Sơn lại kéo vào thành chiếm giữ đất nước
Chiêu thống ba phen tính chước khôi phục kinh đô*

Lại nói, vua Lê thân hành tới xem điều võ ở núi Vạn Kiếp. Nhà vua ngự ở đền Trần Hưng Đạo, gọi Châu đến và hỏi:

- Có được mấy trăm quân?

Châu đáp:

- Trừ số người mới theo về, thủ hạ tinh luyện của thần chỉ có trăm người mà thôi!

Vua nói:

- Tiếc rằng ít quá!

Châu đáp:

- Quân cần tinh nhuệ không cần nhiều. Có trăm quân cảm tử, cũng đã đủ để hoành hành trong thiên hạ. Thần đã từng thử, quân giặc có lúc kéo tới đầy cả đồng, thần chỉ sai vài chục người xông đến trước trận, múa dao chém bừa, không lần nào giặc không tan vỡ.

Vua bảo:

- Đúng như lời người nói, nhưng đánh bất thành linh thì được, chứ đối trận mà đánh thì không được. Nay đang khi trốn chạy tan tác, nhân tình dễ loạn, làm gì cũng phải cho chu đáo mới có thể đứng vững để lo việc khôi phục. Vạn nhất bị vấp ngã thì không thể nào nhóm họp lại được nữa. Vì thế, thời xưa có người chịu nướng ở núi Cối Kê, có người chịu nép mình ở đất Ba Thục (ở đây Chiêu-thống muốn nói đến chí phục thù của các vua đời xưa ở Trung Quốc, như Việt vương Câu Tiễn thời Xuân-Thu và Hán Cao Tổ cuối đời Tần. Câu Tiễn bị Ngô Phù Sai đánh bại và cho ở đất Cối Kê, nhưng vẫn nhẫn nhục chịu đựng mọi cay đắng, ngầm nuôi chí lớn, sau quả nhiên trở lại diệt được nước Ngô. Hán Cao Tổ bị Sở Bá vương biếm phong vào đất Ba Thục. Cao Tổ tạm thời chịu lép vế, rồi về sau đã thắng Sở), người ta vẫn phải ỉn nhẫn mà giữ lấy lực lượng, không dám làm liều để rước lấy sự thất bại. Ngày nay, việc nước nhà cũng giống như vậy, nên trước tiên phải kêu gọi quân cần vương để thêm thanh thế, không nên lộ mặt ra vội. Trẫm đã sai các quan chia đường đi chiêu mộ binh lính, ở Kinh Bắc có Phạm Đình Dư, Chu Doãn Lê, ở Sơn Nam có Trương Đăng Quỹ, Phạm Văn Lân, ít lâu nữa họ sẽ trở về phục mệnh. Nhà ngươi nên đợi

họ, bây giờ hãy đóng quân ở trong núi, luyện tập số người mới theo, cho tất cả đều tinh nhuệ, để chờ sai khiến.

Vua lại sai Đình Giản qua miền thượng du trấn Sơn Tây, kêu gọi nghĩa binh các trấn Tuyên Quang, Hưng Hoá, hẹn ngày cùng đến. Còn tự mình thì đi tới vùng Hải Dương, truyền hịch chiêu dụ.

Lúc vua đến huyện Chí Linh, quan văn đi theo chỉ có ba người là Trần Danh án, Vũ Trinh và Ngô Thì Chí mà thôi.

Ngô Thì Chí có dâng vua bài "Sách lược trung hưng" như sau:

"Thần trộm nghĩ, dẹp loạn phải xem cơ, dùng võ phải có đất. Vua Thiệu Khang giữ Luân ấp mà sau mới dấy được nghiệp trung hưng; Vua Chiêu Liệt chiếm ích Châu mà sau mới chống được kẻ ngoại địch. Địa thế nước ta, Cao Bằng, Lạng Sơn nằm ở phía đông bắc, giáp với đất Trung Hoa. Núi sông hiểm trở, đủ để giữ vững, binh mã hùng cường, đủ để tiến đánh. Nay bệ hạ hãy ngự giá đến đó, sai một sứ thần sang báo với nhà Thanh, xin họ đem quân đóng áp bờ cõi, để làm thanh viện cho ta; đồng thời đưa mật chỉ cho hào kiệt bốn trấn, bảo họ hưởng ứng. Lòng người đã được khích lệ, ai dám không theo? Trăm quan kẻ nào chưa theo kịp, ai dám không tới? Ngoài tựa vào thế thượng quốc, trong nhóm họp quân cần vương, khiến cho thế giặc mỗi ngày mỗi trở trời, thế ta mỗi ngày một lớn mạnh. Rồi đó, ta sắp đặt phương lược, tiến lên khôi phục kinh thành, công nghiệp trung hưng hẳn có thể hẹn ngày mà làm nên được!".

Vua vời Chí tới và bảo:

- Người nói rất hợp ý ta. Mùa đông năm ngoái, ta sai hoàng đệ và các hoàng thân hầu thái hậu lên Cao Bằng, có đưa mật chỉ cho viên đốc đồng Nguyễn Huy Túc, dặn y dùng lời nghĩa khí khích động lòng người, liên kết bọn phiên tướng, tụ tập quân biên cương, cũng là sắp sẵn cho việc ấy. Nhưng còn Lạng Sơn thì ta chưa sai ai đi.

Chí tâu:

- Trước kia, khoảng năm Đinh Dậu (1777), niên hiệu Cảnh Hưng, cha thần đã vâng chiếu lên làm trấn thủ xứ Lạng Sơn, để tuyên bố uy đức của triều đình và chiêu tập những kẻ lưu vong. Nhân dân bảy châu, đến nay vẫn còn mến yêu. Thần xin lên đó, vâng chỉ chiêu dụ, nhân dịp báo tin cho Túc, tâu với thái hậu, hẹn ngày ra quân để đón xa giá. Thế là một chuyến đi mà được cả hai việc.

Vua Lê khen là phải rồi cho Chí đi. Chí mới đến huyện Phượng Nhãn thì phát bệnh, không thể đi tiếp, liền gửi tờ biểu về xin nghỉ ít hôm để điều trị. Vua bèn cho mười nén bạc để chi về việc thuốc thang.

Trong lời biểu của Chí gửi về tạ ơn vua, có đoạn viết:

"Gặp con nguy biến, chí hợp mà tâm đồng; nghĩa vua tôi ngàn năm mới gặp; trong đạo luân thường, phận ua mà tình nặng; tình cha con một nhà khác chi? Nay gặp buổi quốc gia còn lắm nạn; chính là khi thần tử phải quên mình. Dám đâu vì việc riêng mà tiếc thân; nguyện sẽ đeo bệnh tật để dẫn bước".

Vua xem tờ biểu lấy làm cảm động.

Vừa lúc đó, bọn Đình Dur, Doãn Lê sai người đưa tờ mật biểu tới nói rằng: "Các vùng Đông Ngàn, Kim Hoa, Võ Giàng, Quế Dương (nay đều thuộc Hà Bắc; riêng Kim Hoa sau đổi là Kim Anh nay thuộc Vĩnh Phú và một phần nhập vào huyện Sóc Sơn thuộc Hà Nội), lòng người đâu đâu cũng cảm tức. Bọn thần đã tuyên lời chiếu dụ, các hào mục đều xin dấy quân cần vương. Cúi xin xa giá trở về Kinh Bắc, để cho bọn họ được vào yết kiến. Rồi nhân đó, bệ hạ ban lời dụ trước mặt họ cho họ về nói lại với nhau, như vậy ai mà không theo? Khi đã phò giá về đóng ở đấy, thì người trong thiên hạ đều được trông thấy mặt trời. Đình Giản trước đây đi Sơn Tây, Tôn Lân trước đây đi Sơn Nam, cũng được xa nhờ tiếng tăm, uy linh của nhà vua mà đem quân về hợp. Hà tất phải lên Lạng Sơn, là nơi bờ cõi xa xôi cách trở? Bọn thần e rằng cứ nấn ná ngày tháng sẽ làm lỡ mất cơ hội, rồi lại bỏ chỗ gần mà lo chỗ xa, thì thật là thất sách!".

Vua Lê cho lời ấy là phải.

Vũ Trinh mời nhà vua về làng Xuân Liên, huyện Lang Tài (nay sáp nhập với huyện Gia Bình thành huyện Gia Lương). Cha Vũ Trinh là Vũ Chiêu làm tờ biểu xin dâng hai trăm lạng bạc để tiêu vào việc quân. Vua nhận số bạc ấy, bèn dùng nhà Chiêu làm nơi hành tại.

Lại nói, khi Bắc bình vương sai Võ Văn Nhậm ra đánh đất Bắc, vốn do mệnh lệnh đã định từ trước, nhưng trong bụng cũng hơi nghi ngờ Nhậm, bèn sai bọn Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân làm tham tán quân vụ để chia bớt quyền của Nhậm. Bắc bình vương lại bảo riêng với Sở rằng:

"Nhậm là con rể vua anh. Nay ta với vua anh có sự xích mích, lòng y chắc cũng không yên. Chuyến này y cầm trọng binh vào nước người, sự biến không thể liệu trước được. Nay ta không lo Bắc Hà mà chỉ lo về Nhậm mà thôi. Người nên xem xét từng ly từng tý, hễ có gì thì phải gấp rút báo cho ta biết. Ví như lửa cháy, dập tắt từ khi mới bén thì dễ dàng hơn".

Lúc Nhậm thừa thắng kéo xe ra Bắc, như vào làng bỏ trống, không một người nào dám chống cự. Nhậm có vẻ dương dương tự đắc. Kịp khi bắt sống được Nguyễn Hữu Chinh, Nhậm tự cho là uy vũ của mình đủ khiến người ta phải phục, khu xử việc Bắc Hà không có gì khó.

Khi nghe vua Lê chạy sang phía bắc, nương tựa vào Nguyễn Trọng Linh, Nhậm liền tức tốc gửi thư bắt buộc Linh phải đem vua Lê ra nộp. Nhậm lại cho đòi các người trong tôn thất và các quan văn võ phải đến cửa quân chờ hầu; thường dùng cách hắt hàm, đưa mắt, dùng bộ điệu, khí sắc để sai khiến mọi người mà chẳng ai dám làm gì.

Thế nhưng, rốt cuộc Nguyễn Trọng Linh vẫn không đến, các viên quan có thể lực cũng chẳng có ai tới. Trần Quang Châu ở Kinh Bắc. Nguyễn Viết Tuyền ở Sơn Nam, Đinh Tích Nhưỡng ở Hải Dương, ai nấy cầm quân giữ đất và nói phao lên rằng, chẳng bao lâu, bốn phía sẽ nhòm về kinh đô, cùng Nhậm quyết chiến. Rồi đó, hễ quân Tây Sơn có tên nào ra khỏi thành là bị bọn thổ hào giết chết. Giặc cướp cũng nhân dịp nổi lên khắp nơi, khói lửa liên tiếp. Lúc bấy giờ Nhậm mới có ý sợ, liền bắt hết nhân dân quanh vùng kinh kỳ đắp lại thành Đại La. Ngày đêm đốc thúc, không cho nghỉ ngơi chút nào, đến nỗi có người đang đội đất mà ngã sấp xuống. Làm lưng mệt nhọc, đói khát, ai cũng ta oán. Khi ấy, có người đồn rằng: Trần Quang Châu đã lên vào trong thành làm nội ứng, hẹn Nguyễn Viết Tuyền đem binh thuyền ngược dòng sông Nhĩ Hà đi lên để làm ngoại ứng. Nhậm bèn hạ lệnh lùng khắp kinh sư, những người ở trọ trong các phố phường đều đem chém chết.

Ngô Văn Sở nói:

- Mình cứ vững dạ, có lo gì họ? Nếu mình tự bối rối trước, thì còn trấn áp được ai? Chi bằng tha họ cho yên lòng dân.

Nhưng Nhậm không nghe. Vừa lúc ấy có người ở làng Cơ Xá, huyện Gia Lâm, tự xưng là Trần Đình Khôi làm chức thêm sự của nhà Lê, xin vào yết kiến. Nhậm cho mời vào và hỏi:

- Nguyễn Hữu Chỉnh là kẻ vong mạng, lấy trộm ngôi cao, tàn hại nhân dân, thiên hạ ai cũng căm giận. Người Bắc Hà mưu đồ đánh hấn mà không được, trở lại bị hấn làm hại. Nay ta trừ hấn đi cho, đáng lẽ ơn ta mới phải, sao ta vờ mà không ai đến?

Khôi đáp:

- Ông có tài quyết thắng ở ngoài ngàn dặm, lẽ nào lại không xét rõ tình người? Người Bắc Hà dù oán Chỉnh rất sâu, mà lòng nhớ nhà Lê chưa nguôi. Họ thấy ông giết Chỉnh, xa gần cũng đã mừng rỡ, nhưng vì ông chưa bàn gì đến việc phò Lê, nên người ta bàng hoàng trông ngóng, chưa dám đến vội. Nay tự quân đã bỏ nước mà đi, không có lẽ còn quay trở lại. Có Sùng nhượng công Lê Duy Cận, lúc tiên đế còn sống, đã chính vị làm đông cung, sau gặp việc biến cố năm Nhâm Dần (1782), mới bị kêu binh truất bỏ. Nếu ông khôi phục ngôi đó cho Sùng nhượng công để tạm coi việc nước, rồi đem việc ấy bá cáo khắp trong ngoài, yết một mảnh giấy ở cửa Đại Hưng, thì chẳng bao lâu các quan văn võ sẽ đến họp cả. Lúc bấy giờ việc thiên hạ ai cũng phải nghe ông, ông xoay vần dễ như trở bàn tay, lo gì mà không xong xuôi?

Nhậm gật đầu nói:

- Ông nói rất có lý. Ví như mổ trâu, cắt đúng đường gân khớp xương thì các thớ thịt sẽ đứt cả, không khó nhọc gì.

Rồi đó, Nhậm bèn sai mời Sùng nhượng công vào phủ, lạy lễ thượng khách mà tiếp đãi và bảo rằng:

- Thiên hạ vốn là thiên hạ của nhà Lê. Tự hoàng bỏ nước mà đi, trong nước không có ai làm chủ. Ông là thái tử cũ, đã có mệnh vua từ trước. Bây giờ ở ngôi ấy, ngoài ông ra thì còn ai nữa?

Sùng nhượng công nói:

- Nước mọn này mất cả giường mối, nhờ ơn thượng công (chỉ Nguyễn Huệ) đã gây dựng lại cho. Nhưng trời chưa thôi va, tự hoàng thơ ấu, bị tên loạn thần làm làm lỡ, phải chuốc lấy sự bại vong. Nay chúa công (chỉ Võ Văn Nhậm) không nỡ bỏ, lại lo nối lại cái dòng đã đứt, đó là điều may lớn cho nước mọn này. Chỉ hiềm tôi là người không có đức, nếu được lạm giữ ngôi ấy, thì công việc chinh đốn phen này, cũng xin nhờ chúa công giúp đỡ cho, may ra mới có thể tự lập được.

Nhậm cười mà rằng:

- Ông hãy cứ làm, không cần lo xa. Có tôi ở đây, bọn gian hùng dù muốn hại ông, cũng quyết phải sợ mà không dám hành động. Đợi khi thượng công ra đây, tôi xin nói giúp ông, ông sẽ được lên ngôi vua thật sự.

Sùng nhượng công nghe nói, mừng lắm, bèn sắm sửa lễ vật tới yết nhà Thái-miếu, rồi vào ở trong gian nhà phía tả điện Cần-chính, và cho Khôi đi tìm tất cả các quan đến để bàn việc.

Trước hết, Khôi tới nhà Lê Phiên. Phiên mắng rằng:

- Vua phải chạy đã không đi theo, lại theo người ta mà lập vua khác. Lời nói ấy sao còn đến tai ta làm gì?

Rồi Phiên bỏ trốn lập tức.

Khôi lại tới nhà viên tham tụng là Huy Bích. Bích từ chối không chịu gặp. Sùng nhượng công bèn thảo tờ dụ các quan đại ý nói rằng:

"Năm xưa đã nhường ngôi, quả không có lòng tham thiên hạ. Ngày nay tạm nắm quyền, chỉ mong giữ việc tế tự. Những ai hiểu cho ý đó, thì nên tới hợp tại triều".

Nhưng các quan văn, rớt cuộc chẳng một ai tới. Khôi liệu công việc chắc là không thành, bèn bàn tính với một người bạn. Người ấy trả lời:

- Anh nộp tiền để mua chút bằng sắc, triều không ngồi, tiệc không dự, mất nước không phải tội lỗi của anh, được nước không phải trách nhiệm của anh, chẳng qua anh muốn nhân lúc loạn lạc mưu đồ phú quý mà thôi. Nhưng Sùng nhượng công không phải món hàng lạ có thể buôn bán được, Văn Nhậm lại là kẻ đã tâm khó lòng tin cậy. Một mai Bắc bình vương đến, tai vạ thật là khó lường; mà sau này vua Chiêu thống trở về, anh cũng không có chỗ nào để dung thân nữa. Tục ngữ có câu: "Ở yên chẳng muốn, muốn chui đầu vào chum để mua vạ". Chính là nói hạng người như anh đó!

Khôi sợ, bèn bỏ trốn.

Sùng nhượng công ngồi chờ trong điện, chỉ có một vài hoàng thân và ba bốn tên võ biên, sớm tối ở chung với nhau; còn mọi công việc đều không đến tay. Hàng ngày hắn ta đi bộ đến phủ đường, chào chực Văn Nhậm và hỏi cách xử trí, song Nhậm cũng chẳng biết xử trí ra sao. Người kinh thành thấy vậy, đều gọi hắn ta là "giám quốc lại mục" (viên thơ lại coi việc nước).

Lại nói, Ngô Văn Sở từ khi nhận mật chỉ của Bắc bình vương và cùng Nhậm ra Bắc, lúc ở trong quân thường vẫn dùng lời nói ngọt như Nhậm, để ngầm dò ý. Đến lúc này, Sở bèn bảo Nhậm rằng:

- Chúng tôi vâng mệnh theo ông đánh dẹp, giặc Chỉnh đã bị giết, nhưng dư đảng của y ở vùng đông nam vẫn chưa dẹp yên, vua Lê vẫn còn chạy trốn ở ngoài, mà các quan cũng đều lẩn tránh. Nay ông cho Sùng nhượng công làm giám quốc, nhưng tôi xem lão ấy chỉ là phường a dua không được tích sự gì, rớt cuộc chỉ là một cục thịt trong cái túi da, làm sao mà sai khiến được kẻ khác? Từ khi có nước Nam tới nay, triều đại thay đổi không biết là mấy lần rồi. Thiên hạ nào phải là của riêng ai. Liệu có thể lấy được thì cứ lấy đi, rồi đặt quan, chia chức để xây dựng phen giậu, làm cho tai mắt của mọi người đều được một phen đổi mới. Nếu có kẻ nào lấy trộm danh nghĩa (ý nói những kẻ mượn tiếng phò Lê) thì cứ bảo là giặc, rồi đem quân tới đánh, ai dám chống lại? Việc gì mà phải mượn dũa tôi đòi ngoài chợ trông coi việc nước, để hẳn sắm vai ông chủ "tượng đất" trong vườn; còn mình thì cứ đóng mồi trong thành, làm tụi lính khách ở trọ nước ngoài?

Nhậm nói:

- Bọn Nhưõng, Tuyên chẳng qua hơi tàn thôi thớt; nắm lấy cánh tay tự nhiên phải đến. Vả ta xem bọn bề tôi nhà Lê chẳng có mặt nào như Điền Đan nước Tề, Vân Trường nhà Hán (Điền Đan là người họ vua Tề đời Chiến quốc; Vân Trường tức tên tự của Quan Vũ, là bạn kết nghĩa của Lưu Bị thời Tam Quốc. Hai người đều có tài trong việc đánh dẹp và giúp nhà vua khôi phục đất nước); chẳng qua họ sợ binh oai của ta, nên sớm chiều dùng dằng đó thôi. Nếu ta hạ một cái bẫy, hẹn ngày phải tới cửa quân, không tới thì chém,

chắc là chúng sẽ cởi áo mang roi đến xin chịu tội. Điều đó không phải là việc đáng lo. Chỉ vì lòng người đất Bắc còn nhớ họ Lê, không thể không chiều theo lòng mong mỏi của mọi người. Mượn hấn ra làm pho tượng gỗ, là cốt để chia rẽ đồ đảng của Chiêu thống, và ràng buộc lòng dân Bắc Hà đó mà thôi. Chỗ đó không phải chỗ lữ các ông có thể biết được! Các ông khoẻ sức đánh trận, ta sẽ giao cho các ông chia đường tiến đánh, rồi giữ lấy đất, làm bức tường thành cho ta, há chẳng tốt ư? Đến lúc đó, cuộc thế xoay vần, tự nhiên có nhiều việc hay, đường đường làm chủ không phải ta thì còn ai? Cần gì mà phải làm khách?

Sở im lặng ra về, rồi bảo với Lân rằng:

- Lão tiết chế thật khinh người quá. Hấn có tài đức, trí lược gì mà dám coi bọn ta là tội lính tráng? Xem hấn từ khi vào thành đến nay, đã làm được việc gì? Thúc ép dân phải gập rút đắp lũy và phò Lê Duy Cận làm giám quốc, đều là sắp sẵn cái mưu làm phản, để hồng tranh giành với chủ ta. Đã không biết lấy giặc Chính làm răn, trở lại muốn bắt chước nó. Không muốn sống lại muốn chết, thì cứ cho hấn đi theo Chính, để răn những kẻ khác!

Sở bèn lượm lặt các việc làm của Nhậm, cho là tội trạng làm phản, lấy Lân làm chứng, rồi ngầm sai người về Nam báo với Bắc bình vương (theo Cương mục thì Nhậm có làm những việc trái phép, như tự đúc ấn chương, chuyên quyền trong việc cất nhắc, xếp đặt quan chức, v.v... Nhưng bên cạnh đó, Sở vốn có hiềm khích với Nhậm, nên đã dâng mật thư vu oan cho Nhậm làm phản). Bắc bình vương nói:

- Thăng Võ Văn Nhậm đáng chết thật! Ta vẫn biết hấn thế nào rồi cũng làm phản, quả nhiên không sai.

Tức thì Bắc bình vương hạ lệnh tiến ra Bắc, đốc thúc các quân bộ và quân kỵ mã ngày đêm đi gấp. Chừng hơn mười ngày, đến thành Thăng Long. Bấy giờ đồng hồ vừa nhỏ giọt xuống đến trống canh tư, Nhậm đang ngủ say trong phủ. Sở được tin, liền dặn người do Bắc bình vương sai đến phải giấu kín việc ấy, không được báo cho Nhậm biết; rồi sai người ngấm ngầm ra ngoài thành đón Bắc bình vương. Người nhà và người xung quanh Nhậm cũng đều không ai biết gì. Chốc lát, Bắc bình vương vào thành, đến thẳng chỗ Nhậm nằm, Nhậm cũng vẫn chưa biết. Bắc bình vương liền sai võ sĩ là Hoàng Văn Lợi đâm chết Nhậm rồi khênh xác ra sau phủ đường (cũng theo Cương mục, lúc Nguyễn Huệ đến, Nhậm ra ngoài thành đón, Nguyễn Huệ liền nhường ngựa đang cưỡi và lọng che cho Nhậm vào thành, lại an ủi vỗ về ôn tồn. Sau đó, Nguyễn Huệ mới bắt Nhậm đem tra khảo và giết chết).

Mờ sáng, Bắc bình vương truyền lệnh cho Sở làm chức đại tư mã, thống lĩnh quân đội thay Nhậm, lúc đó quân lính mới biết.

Hôm ấy, Bắc bình vương cất đặt lại quan chức: Đô đốc nghĩa hoà hầu làm trấn thủ trấn Sơn Nam; Lôi quang hầu (có bản chép Tuyết quang hầu) làm trấn thủ trấn Sơn Tây; Nguyệt quang hầu làm trấn thủ trấn Kinh Bắc; Hám hổ hầu (có bản chép Hồ hổ hầu) làm

trần thủ trần Hải Dương. Còn Giác hoà hầu coi giữ bộ Hình, chánh ngôn hầu coi bộ Hộ, Ước thiện hầu coi bộ Lễ, Lộc tài hầu coi bộ Lại, và đều kiêm nhiệm chức hiệp trấn. Bắc bình vương lại bảo họ tiến cử những người mà họ hiểu biết, chia ra cho làm quan ở các huyện. Võ thì chia ra chức suất, chức nội; văn thì chia ra chức tri, chức ngoại. Cả sáu trấn (theo Dự am văn tập, dưới triều Tây Sơn, các trấn ở Bắc Hà được chia lại thành 7 nội trấn và 6 ngoại trấn. Đây là 6 ngoại trấn: Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hoá, Thái Nguyên, Yên Quảng) đều do Sở tuỳ theo tài năng mà cất đặt người, sau đó bắm lên xin cấp văn bằng, rồi cho ai nấy lĩnh quân bản bộ về trấn của mình. Bắc bình vương lại hạ chỉ vẫn để con thứ tư của tiên hoàng nhà Lê là Lê Duy Cận làm giám quốc, coi việc tế tự, và cho đòi hết thầy các quan văn võ phải tới cửa khuyết, chực sẵn ở nhà bộ Lễ, rồi theo viên lễ quan là Võ Văn Ước vào yết kiến.

Bấy giờ viên quan văn là Ngô Thì Nhậm vào yết kiến trước, Ước tưởng lầm là hoàng tử nhà Lê, liền mời cùng ngồi với mình. Tiếp đó, bọn Lê Phiên đến, đều lạy ở dưới sân, Ngô Thì Nhậm trong bụng rất áy náy, vội đứng dậy đi ra. Ước lấy làm lạ không biết là ai, bèn hỏi:

- Người vừa ngồi đây là ai thế?

Có người trả lời:

- Văn ban Ngô Thì Nhậm đấy!

Ước giận mà rằng:

- Ta vâng mệnh cai quản tất cả, sao lại được vô lễ như vậy?

Rồi Ước tức tốc sai người theo bắt.

Ngô Thì Nhậm đã biết trước chuyện đó, nên lúc ra, vội vàng trốn tránh ngay. Đến tối, Nhậm vào yết kiến viên trung thư lệnh Kỷ lễ hầu là Trần Văn Kỷ.

Kỷ người Thuận Hoá, vốn có văn học, là bậc danh sĩ ở Nam Hà. Năm Đinh Dậu (1777) niên hiệu Cảnh Hưng, Kỷ thi ở trấn đậu giải nguyên. Năm Mậu Tuất (1778), Kỷ tới kinh thi hội, sĩ phu ở Bắc Hà, Kỷ có giao thiệp quen biết ít nhiều. Năm Bính Ngọ (1786), Bắc bình vương đánh lấy thành Phú Xuân, sai người tìm Kỷ hỏi việc Nam, Bắc. Kỷ đối đáp rất nhanh và rất hợp ý, nên Bắc bình vương rất trọng, cho ở vào chỗ "màn trướng" (nơi ở của bậc tướng soái), việc gì cũng bàn với Kỷ, lúc nào cũng gần bên Kỷ, không mấy khi xa rời.

Lúc ấy Ngô Thì Nhậm tới gặp Kỷ, nói rõ tình trạng mình xúc phạm tới Ước, sợ bị hãm hại nên không dám đến, chứ không phải dám trốn tránh, rồi nhờ Kỷ giải cứu cho. Kỷ nói:

- Nghe ông là bậc kỳ tài, không may bị tiếng gièm pha, trốn tránh hơn năm sáu năm, sự tích lũy càng thêm tinh tuý. Nay ra ứng dụng với đời, chính là hợp thời. Tôi đã đem tên ông trình với chúa thượng khen tài ông có thể dùng làm việc lớn. May mắn nay được chúa thượng rủ lòng yêu mến, đã sai tôi tìm ông, vậy không phải cần gì đến ông Ước!

Tức thì Kỷ đưa Nhậm vào yết kiến Bắc bình vương. Bắc bình vương nói:

-Ngày trước, người vì chúa Trịnh không dung, một mình bỏ nước mà đi. Nếu ta không đến đây, người làm sao được thấy bóng mặt trời? Có nhẽ đó là ý trời muốn để dành người tài cho ta dùng. Vậy người hãy cố gắng mà lo việc báo đáp, thế là được.

Ngô Thì Nhậm rạp đầu tạ ơn. Bắc bình vương ngoảnh lại bảo Kỷ:

- Đây là người do ta gây dựng lại, nên thảo ngay tờ chế phong làm chức tả thị lang bộ Lại, tước Tình phái hầu, cùng với Văn Ước coi tất cả các quan văn võ của nhà Lê.

Hôm sau các quan lục tục kéo đến, lễ quan đưa vào lạy ở điện Chính trung. Bắc bình vương đòi hết lên sảnh đường mà bảo:

- Vua Lê do ta lập lên, nhưng là người tối tăm nhu nhược, không thể gánh nổi công việc. Sau khi ta về Nam, liền bị Nguyễn Hữu Chỉnh sai khiến tự rước lấy bại vong, đất nước này dù ta không lấy thì cũng bị người khác lấy mất. Nay ta để Sùng nhượng công làm giám quốc, các người hãy cố gắng ở lại giúp đỡ ông ta. Ta thật không muốn lấy Bắc Hà để kiếm lợi, nay mai lại sắp về Nam. Nhưng vì sợ tự hoàng tranh giành cùng giám quốc, thành ra ta làm ơn mà lại hoá ra gây loạn cho họ, nên ta phải để viên đại tư mã là Ngô Văn Sở ở lại trông nom việc binh, chờ khi bốn cõi tạm yên, ta sẽ gọi về.

Trăm quan từ giã lui ra, rồi nói riêng với nhau:

- Bắc bình vương tạm dùng lời nói ngọt để giá ngự chúng ta, chứ không phải thật bụng. Văn Sở cầm quân ở đây, thì Sùng nhượng công làm gì mà có nước? Hễ cử động gì liền bị họ nắm lấy cánh tay, ông ấy còn làm được chi? Ví như cây tầm gửi, bám vào cành cây khác, rễ không bén đất, sống lâu dài làm sao được? Chúng ta, người nào có thể đi theo vua lo việc khôi phục thì đi đi, nếu không thì nên ẩn xa cho sạch mình, chớ để cho người ta lừa phỉnh mà rước lấy vạ.

Sùng nhượng công cũng biết như thế, nên đã phải than rằng:

- Ta nay tiếng là làm giám quốc, thật ra chỉ là một ông tù giữ đền. Nhưng vì miếu xã ở cả đây, bỏ đi thì đi đâu? Thôi thì cũng đành cam lòng như thế, không hỏi hận gì nữa vậy!

Qua vài ngày, Bắc bình vương dẫn quân về Nam. Trước khi lên đường, vương chọn năm sáu viên văn thần là bọn Phan Huy Ích, Nguyễn Thế Lịch, Ninh Tôn, Nguyễn Bá Lan..., phong cho quan tước: Ích làm chức tả thị lang bộ Hộ, tước Thụy nham hầu, được

đưa về Nam (bản chữ Hán chép cả Ngô Thì Nhậm cũng được đưa về Nam; đó là chép lầm). Còn bọn Lịch, Tôn, Lan..., thì đều được phong chức hàn lâm trực học sĩ, theo đại tư mã Sở ở lại đất Bắc. Nguyễn Hoàn và Phan Lê Phiên đều xin về dưỡng nài, nhưng vẫn được Bắc bình vương cho giữ nguyên chức tước, và sai bộ Lễ cấp phát giấy tờ cho họ trở về làng xóm. Tham tụng là Bùi Huy Bích, thêm đô là Nguyễn Huy Trạc đều có đến kinh, nhưng không chịu cho dẫn vào lạy chào. Rồi đang đêm Bích trốn, còn Trạc thì tự tử ở đài Ngự-sử.

Những người trốn tránh không chịu ra thì có phó đô ngự sử Nguyễn Đình Giản, tham tri chính sự Lê Duy Đản, Phạm Đình Dư, đồng xu mật viện Nguyễn Duy Hạp, Phạm Trọng Huyền, thêm sai công phiên Phạm Quý Thích, đô cấp sự trung Nguyễn Đình Tứ, tất cả chỉ có bảy người mà thôi (theo Cương mục, thì số người này gồm tám viên, mà có một số tên khác hẳn đây).

Lại nói, bấy giờ vua Lê đang ở huyện Lang Tài, lại dời đến huyện Chí Linh. Các quan biết chỗ vua ở, nhiều người đến theo. Lê Ban ở Giáp Sơn (cũng gọi Hiệp Sơn, nay là đất huyện Kinh Môn, Hải Dương (Hải Hưng)) đem một trăm người nghĩa dũng đến yết kiến. Vua mừng lắm, phong cho làm chức ngự doanh sứ, tước trung nhạc hầu.

Ban nói kín với vua rằng:

- Trước đây, thần về Nghệ An, thấy nhân tình rất là căm phẫn, ghét Tây Sơn như cừ thù, nhiều người đã nhóm họp ở rừng núi để cùng lo việc khởi nghĩa. Các bậc phụ lão nghe tin thần ở Bắc vào, đều lần lượt đến hỏi nhà vua ở đâu, muốn cho con em đi theo. Nhân thế, thần mới cùng đi với họ. Dọc đường qua cửa biển, thần lấy điều nghĩa khuyên dụ, nhiều người xin đem thuyền qua biển, hẹn nhau họp ở ngoài khơi phủ Kinh Môn (địa bàn phủ Kinh Môn (Hải Dương) đời Lê rất rộng, gồm cả một số huyện của Quảng Yên và Kiến An hiện nay). Gần đây, thần được tin báo rằng: hiện có chừng hơn bảy chục chiếc thuyền và hơn ba trăm thủy thủ, khí giới lương thực đầy đủ, ít hôm nữa sẽ đến. Vậy xin xa giá ngự ra Giáp Sơn, hạ chiếu cho Trần Quang Châu đem quân bản bộ hộ vệ. Quân bộ do Châu thống lĩnh; mặt thủy thần xin đảm đương. Hai cánh quân nương tựa lẫn nhau. Trước hãy khôi phục trấn Hải Dương để làm nơi xa giá tạm nghỉ. Trấn ấy phía bắc có thể khống chế các huyện Từ Sơn, Thuận Thành; phía nam thông với các phủ Thái Bình, Kiến Xương, theo đường Yên Quảng có thể đến thẳng Cao Bằng, và kéo luôn sang vùng Lạng Sơn. Cơ trung hưng không còn cách nào khác nữa.

Vua Lê nghe theo, bèn hạ chiếu cho Châu làm chức đốc chiến ở đạo Kinh Bắc.

Quân chưa kịp tiến, thì vừa gặp lúc Đinh Tích Nhưỡng ở Hải Dương dâng tờ biểu xin theo đi đánh trận. Mọi người nghe tin, nói nhao lên rằng: "Nhưỡng là một thằng chẳng ra làm sao. Bảo là có nghĩa ư? Trước đây hắn đã toan giúp nhà chúa để chống lại mệnh lệnh nhà vua, lúc đầu phò quận Thụy, sau lại theo chúa án đô. Đến khi quận Thụy làm không nên việc và án đô bị thất bại, hắn đều bỏ đi không nhìn. Bất nghĩa đến thế là cùng! Bảo là

có tài ư? Chính hắn đã hai lần cầm quân chống giặc, thì một lần thua ở Kim Động, một lần thua ở Ngô Đồng, chỉ chạy thoát được cái thân, không chết là may đấy thôi! Xem một đời hắn, toàn không có nghĩa khí, lại không có tài chiến đấu, chỉ cậy thế con nhà tướng, quen dùng khí thế đè nén người ta. Khi hắn mới về Hải Dương, thả bộ hạ cướp bóc trong xứ. Người ta coi hắn là giống điều quạ gian giảo và gọi là giặc Nhưỡng. Hào mục các huyện đã viết thư cho nhau kể tội các của hắn. Họ đã họp nhau trong làng Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, hẹn nhau đến đánh phá Hàm Giang. Nhưỡng phải lui quân về huyện Bình Giang. Rồi nhân lúc ban đêm, kéo đến làng Lai Cách, giết hại không biết bao nhiêu người mà kể, đến nỗi thây nằm ngổn ngang đầy đồng. Sự tàn nhẫn của hắn như vậy, nên người Hải Dương ai cũng coi hắn là kẻ thù. Nay dung nạp hắn, chẳng những vô ích mà còn mất lòng nhân dân Hải Dương; thật là thất sách!".

Vua Lê cũng từng nghe tin: Nhưỡng bị mọi người không dùng đã ngấm ngấm đưa thư xin hàng Tây Sơn, nên lúc này cũng nghi ngờ không cho Nhưỡng theo đi đánh.

Các hào mục ở trấn Hải Dương nghe tin vua sang xứ đông, đều dâng tờ biểu, quyết xin đánh Nhưỡng. Vì thế, Nhưỡng bối rối quá, tính không còn chỗ nào để dung thân liền phát câu mà nói rằng:

- Vua đã không thương ta, ta còn cần gì vị nể vua?

Rồi Nhưỡng sai tên đồ đảng của y là Trần Liên đến Thăng Long ngấm ngấm tố cáo chỗ vua ở, và xin Văn Sở sai quân đi bắt. Ban đầu, Liên nghe tin vua lén lút ở trong nhà dân, chỉ có sáu bảy người theo, bèn báo cho Sở biết.

Sở hỏi cận kề, Liên vẽ rõ đường đi cùng chỗ ở của vua, rồi nói:

- Ví như vào chùa trộm một lão trọc lồi đi mà thôi!

Sở cười mà rằng:

- Nếu quả như lời ngươi nói, sao ngươi không lồi cổ đến đây cho ta, còn xin quân làm gì?

Liên đáp:

- Lồi ông ta đi chẳng qua chỉ một tên lính cũng đủ, nhưng chúng tôi còn sợ danh nghĩa, nên không dám làm. Việc ấy cố nhiên là việc dễ, nhưng lại khó đối với người trong nước, xin ngài xét cho chỗ đó!

Sở tin là thật, liền sai một trăm tên lính cùng đi với Liên. Không ngờ lúc ấy, Trần Quang Châu và Lê Ban đã đến chỗ vua ở, và quân lính bảo vệ cũng không ít. Đêm ấy nghe báo quân Tây Sơn vượt núi mà đến, hai người bèn chia hai đường đánh đồn lại, và giết chết sạch. Liên chạy trốn vào hang núi được thoát, rồi chạy về Thăng Long báo tin. Văn

Sở lập tức cho một đạo quân lớn đi đuổi vua Lê (theo Cương mục, thì Đinh Tích Nhưỡng đã đến vây đánh vua Lê hơn một tháng. Sau có hai người ở Hải Dương là Trần Đĩnh và Hoàng Xuân Tú đến cứu vua, chém giết hai người em của Nhưỡng. Nhưỡng mới phải bỏ chạy). Vua mới đến Giáp Sơn, các đạo quân cần vương còn chưa nhóm họp được hết. Chợt nghe tin quân địch sắp đến, Nhưỡng làm hướng đạo. Mọi người đều run sợ nói nhao nhao lên rằng: "Nhưỡng mà thông đồng với giặc thì Hải Dương không thể ở được". Châu xin vua lại về huyện Chí Linh. Ban thì xin vua đi Yên Quảng. Mọi người đang bàn bạc phân vân chưa quyết, thì vừa lúc Trương Đăng Quĩ và người con là Trương Đăng Thụ cưỡi chiếc thuyền biển từ phủ Kiến Xương đến yết kiến vua. Thấy thế, Quĩ bèn nói:

- Chí Linh là nơi đồi núi gập ghềnh, tắt ngang sang Gia Bình thì lại là đồng ruộng mênh mông. Ta quân ít sức hèn, đánh hay giữ đều không tiện. Còn Yên Quảng thì lại giáp với Hải Dương, đường sông, vũng biển, đều là cửa ngõ ra vào của Nhưỡng. Hắn đã ăn ở hai lòng, thì đó cũng không phải chỗ yên lành có thể trú ngụ. Trấn Sơn Nam đất tốt dân đông, đỉnh tráng có thể luyện làm quân lính, thóc gạo có thể trưng làm lương thực, sông ngòi chằng chịt như mạng nhện, cưỡi một chiếc thuyền, bỏ chỗ nọ đến chỗ kia, chẳng ai còn biết lối nào mà tìm. Bệ hạ đang lúc như con rồng ẩn bóng, không đâu yên ổn bằng đây.

Vua theo lời Quĩ, bèn quyết ý dời về phía nam. Còn lời bàn của Châu và Ban thì vua đều không nghe. Rồi đó, vua yên uỷ hai người, sai Châu dẫn quân về Bắc, Ban thì đem thuyền biển lui về Biện Sơn (núi Biện Sơn ở vùng biển huyện Tĩnh Gia, Thanh Hoá), chờ lệnh trưng phát. Thế là quân cần vương tan tác đi ra bốn phía, còn vua thì đi về phía nam.

Lúc tới nơi, vua đóng ở huyện Chân Định, dùng nhà Đăng Quĩ làm nơi hành tại. Quĩ đưa con em và người trong họ tới lạy chào, vua đều ban cho quan tước, sai họ chia nhau đi các làng, các huyện chiêu mộ quân nghĩa dũng. Xa gần nô nức hưởng ứng, đều xin hợp quân cần vương, hẹn ngày cùng đến, thuyền bè kẻ có hàng nghìn, quân lính có tới vài vạn. Các tay hào mục đều đến, vua tự mình ra yên uỷ họ. Rồi sai Đăng Quĩ chia quân làm năm đạo, trong từng đạo lại đặt ra các chức thống lĩnh, đốc chiến, tham quân, đốc hướng mỗi chức một viên, lập thành cơ đội, chờ ngày xuất phát.

Viên nội hàn là Lê Xuân Hạp bảo Đăng Thụ rằng:

- Quân lữ là việc lớn, không thể khinh suất. Trước hết nên điểm số quân, kén lấy người cường tráng sung làm chiến sĩ, cứ năm chục người làm một đội, năm đội làm một cơ, năm cơ làm một đạo, do viên thống đạo đốc suất. Những người còn lại thì để dùng vào việc chuyên chở và sai khiến, chớ để quân lính không tinh nhuệ lẫn lộn vào, tiếng là có số mà vô dụng. Nay nên kê rõ danh sách, dẫn vào bái mạng, để nhà vua ban cho binh phù, trao cho quân luật. Viên thống đạo vâng mệnh lệnh triều đình; các cơ đội thì chịu sự tiết chế của viên thống đạo. Người nào tuân theo mệnh lệnh thì có trọng thưởng; người nào không nghe mệnh lệnh thì bị tội chém. Sao cho quân lính đều hăng hái và biết khuôn phép,

sau đó mới có thể đưa ra trận mạc. Binh là việc dữ, chiến là việc nguy, không phải là trò trẻ con.

Thụ nói:

- Ngày nay chính là lúc đang cần gấp rút thu phục lòng người, mọi việc hãy tạm gác đi, chưa thể buộc ngay họ vào khuôn phép được!

Hạp nói:

- Thu nạp được nhiều người mà dùng không được chỉ sợ họ thấy giặc là chạy, rồi lại còn giày xéo lẫn nhau nữa, thì dù nhiều cũng chẳng làm gì. Sao không nghĩ đến việc cụ lớn đại thần nhà ta đã cố sức khuyên nhà vua qua sứ Sơn Nam, ông là con ngài, vâng mệnh cầm quân, vạn nhất mà bị vấp ngã, tội ấy tại ai?

Thụ không nghe, chỉ gọi các hào mục đến mà phân phái bằng miệng, tuyệt nhiên không có sổ sách gì để có thể tra cứu. Bởi vậy, đến khi có việc cần sai khiến, Thụ đều lơ mờ không biết đâu mà lần, đến nỗi phải chạy đi hỏi lảng xãng khắp nơi, trong quân ngũ chẳng còn có kỷ luật gì nữa. Quĩ cũng không biết, gọi Thụ hỏi về việc quân thì Thụ thưa:

- Các đạo nay đã tề tựu, quân số rất nhiều, ai cũng hăng hái đánh giặc. Xin đánh một trận để lập công!

Quĩ cho là phải, tâu xin chọn ngày xuất quân. Vua có ý ngần ngại mà rằng:

- Ta nghe những người giỏi về chiến trận, trước hết phải lo đến việc thua, rồi sau mới thắng được người. Nay ta xem thuyền bè thì đều là thuyền câu, thuyền chài, quân lính thì đều là những kẻ chợ búa ô hợp, dùng quân ấy mà đánh, có chắc là không bị thua chăng? Nghĩ đến cái cảnh sau lúc trốn chạy, cùng một và người bè tôi lo việc dựng lại cơ nghiệp, thì trầm dù không thể khôi phục được xã tắc cũng quyết chết với xã tắc, thì đánh nhau với giặc đến cùng, chớ có sợ gì xuất quân? Nhưng trầm muốn làm việc gì cũng phải tính kế vạn toàn, ngô hầu khỏi mang tiếng là vì khinh suất, vội vàng mà chuốc lấy vạ bại vong.

Quĩ ngoảnh lại bảo Thụ:

- Thánh thượng bảo như vậy, con nghĩ thế nào?

Thụ nói:

- Ngày nay, điều mà mình trông cậy, ấy là lòng người. Mọi người ai cũng kính mến ơn đức của thánh thượng, căm thù với giặc, nguyện xin đánh một trận lớn, giết cho hết giặc. Lòng người như thế, đánh đâu không tan? Đẽo cây gậy có thể quật ngã được nước Sở, dựng ngọn tre có thể làm mất nhà Tần (trong sách Mạnh tử, lời Mạnh tử nói với Lương Huệ vương có câu: Chế đình khả dĩ thất Tần, Sở chi kiên giáp lợi binh, nghĩa là đẽo cây gậy có thể đánh bạt giáp bèn gươm sắc của quân Tần, Sở. Theo Bắc sử, cuối đời Tần,

Trần Thắng và Ngô Quảng khởi binh, chỉ dùng cây cối làm gươm dao, dựng ngọn tre lên làm cờ mà đánh bại quân Tần); huống chi số quân này và số thuyền này, há không đủ giết chết quân giặc hay sao? Nếu cứ muốn quân lính quen thạo trận mạc, thuyền bè phải đủ lâu gác, thì trước đây quận Thạc, quận Nhưông đều là những viên tướng trải qua trăm trận, lính thủy bộ các doanh mà họ thống lĩnh đều là quân tinh nhuệ, hùng dũng, sao cũng không thể thành công mà lại phải tan vỡ? Vậy thần xin thả thuyền ngược dòng mà lên, quyết chiến với giặc. Xe nhà vua tới sông, quân sĩ hăng lên gấp trăm, chẳng qua năm ngày, có thể lấy lại kinh thành. Cơ hội này không nên bỏ lỡ!

Vừa lúc ấy Nguyễn Viết Tuyền đưa binh thuyền đến đón vua. Nhân thế, Đặng Quĩ khuyên nhà vua cho xuất quân.

Nguyên trước, Tuyền là người cùng huyện với Hữu Chính, làm bộ tướng của Chính, cùng với Chính vượt biển vào với Tây Sơn, xông pha những nơi nguy hiểm, không hề rời bên cạnh Chính. Đến lúc Chính về nước và đắc chí, liền tiến Tuyền với vua, nói là tài Tuyền có thể đương nổi một mặt. Vua bèn hạ chiếu cho Tuyền làm trấn thủ trấn Sơn Nam, thống lĩnh năm ngàn lính bộ và bảy chục chiến thuyền.

Tuyền giỏi về thủy chiến, nên khi Chính có hiềm khích với Tây Sơn, sợ Văn Nhậm lợi dụng lúc sơ hở mà đi đường biển đến, Chính bèn sai Tuyền đóng đồn ở cửa biển Đại Hoàng, đem quân đi tuần ngoài biển để dò la tin địch. Đến lúc kinh sư tan vỡ, Chính đưa vua chạy sang Kinh Bắc, Tuyền không được biết. Sau đó tin báo đến nơi, Tuyền mới lật đật ở biển rút về trấn, mưu đóng giữ đất ấy để chống với địch. Văn Nhậm đã có lần đánh Tuyền, nhưng không hạ được. Đến khi Văn Sở lên thay Nhậm, muốn dỗ Tuyền về hàng, bèn sai người vào Nghệ An, bắt cha và vợ Tuyền ra Thăng Long. Rồi sai vợ Tuyền cầm thư cha Tuyền viết để dụ Tuyền, đồng thời lại đưa tin rằng: "Nếu Tuyền không mau mau đầu hàng, thì sẽ giết cha!".

Tuyền lấy thư của cha, khóc và nói:

- Đời người có ba đẳng bề trên thì hoàng thượng là vua ta, Bằng công là thầy ta; mệnh cha không dám không theo, nhưng thù của vua và thầy không thể không trả. Giả sử đầu hàng mà được trọn đạo nuôi cha, trở về quê hương họ hàng làm người nông dân huyện Chân Phúc cho hết đời, thì dù được đăng nợ mất đăng kia, ta cũng cam lòng. Song chỉ sợ bị lừa dối, rơi vào tay quân độc ác, cả mình ta cũng bị nó giết hại, thì trung hiếu đều hỏng, để tiếng cười cho ngàn đời, làm kẻ ngu dại trong thiên hạ, như thế rất là không nên.

Rồi đó, Tuyền dặn vợ trở về từ tạ với cha. Cha Tuyền được tin, biết Tuyền không có ý cứu mình, bèn ngửa mặt lên trời mà than rằng:

- Đã không có thể cầu sống với con thì còn xin sống với người khác làm gì? Giả sử nó làm được như Vương Lăng (đời Hán, Vương Lăng là một tướng giỏi của Hán Cao-tổ; khi Sở Hạng Vũ đánh nhau với Hán, bắt mẹ Vương Lăng, rồi buộc phải viết thư dụ con về

hàng, nhưng bà không chịu, tự ấn cổ vào mũi gươm mà chết để cho con một lòng phò Hán), thì dù có chết như bà mẹ Lãng, ta cũng không hối tiếc. Nhưng ta xem nó chỉ như con lợn, con chó, khó lòng mà làm được như thế. Chết khi chính mắt trông thấy nó thất bại, thà rằng chết trước còn hơn!

Sở biết ý ông ta, liền sai người canh giữ rất nghiêm ngặt, và nói:

- Tuyền đã không có ý hàng, thì ta cũng không thể nuôi giặc.

Rồi Sở tự đem quân đi đánh Tuyền, đưa cả cha và vợ Tuyền đi theo. Sở sai đại đô đốc Nguyễn Văn Tuyết thống lĩnh thủy quân, còn mình thì thân hành đem bộ binh cùng Phan Văn Lân chia làm hai cánh tả hữu, men theo hai bờ sông cái, cùng tiến lên.

Đến bên Thanh Trì, Sở bắt được một tên do thám của Tuyền, tra hỏi thì y nói:

- Tuyền chỉ có tám chục chiếc chiến thuyền, đóng ở cửa ải Hàm Tử, mà không có quân bộ. Lương thực toàn lấy của dân, năm ngày một kỳ, nhưng cũng không được đều đặn. Quân của Tuyền có khi buộc thuyền ở ven bờ sông, rồi vào nhà dân cướp bóc, mọi người ai cũng chán ghét, thế không thể nào đóng lâu ở đây được. Gần đây, Tuyền lại sai đắp lũy đất ở sông Hoàng Giang, đốc thúc công dịch rất gấp. Nghe đâu ông ta sắp lui về đây để làm chức cố thủ.

Nhờ vậy, Sở biết rõ tình hình hư thực của Tuyền, liền bảo với Lân rằng:

- Quân ta chuyển này bắt Tuyền như bắt đứa trẻ con, không khó gì cả!

Sở bèn họp quân bộ, chia làm hai đạo, nhân đêm tối tiến về phía nam, vòng ra sau quân Tuyền, phục kích ở hai bên bờ sông, đợi khi thủy quân giao chiến với quân Tuyền và nghe thấy tiếng súng nổ, thì lập tức giục trống, hò reo xông lên, hai cánh cùng nhắm thuyền quân của Tuyền mà bắn.

Rồi đó, hai bên giao chiến ở vùng huyện Kim Động, quân Tuyền bất lợi, phải theo nước xuôi chèo gấp về nam. Sở thừa thế vẫy quân đuổi theo. Đến sông Hoàng Giang, quân Tuyền dựa vào lũy đất để giữ thế thủ, hai mặt thủy bộ nương tựa lẫn nhau để chống với quân Sở.

Lúc Tuyền thua ở Kim Động, sĩ dân mạn xuôi đều chưa ai biết. Trông thấy thuyền bè đầy sông, cờ quạt rợp trời, họ cho là quân Tuyền thế nào cũng thắng trận. Lại nghe vua Lê ở Chân Định, Tuyền đã cho thuyền đi đón, xe vua sắp đến, nên ai cũng nô nức mừng rỡ, tranh nhau đem đình tráng, mở cờ giống trống để đón quân vua. Tuyền thấy dân tình như thế, nên mới dâng biểu tâu xin nhà vua ngự ra coi quân. Đấng Quĩ cũng hết sức chú trọng việc nhà vua thân chinh. Vua Lê bắt buộc dĩ phải gắng gỏi nghe theo. Nhân dân vùng ven sông trông thấy tàn lọng nhà vua, đều xúm xít trên bờ, chen chúc đứng xem chật như nêm cối. Ai nấy đều nói: "Vua ta đến đây!" Rồi bảo nhau vái lia lịa và tung hô "vạn tuế".

Xe vua đi sang hướng bắc, đến sông Ngô Đồng, chợt thấy một người hớt hơ hớt hải chạy về phía nam. Quân lính liền bắt lại, hỏi có sao mà chạy. Người ấy miệng run cầm cập, không thể nói được, chỉ giơ ngón tay trỏ về một làng ở đằng xa, hồi lâu mới đáp:

- Giặc... đến... nơi... rồi!

Mọi người cùng lên trên cao mà nhìn thì thấy thấp thoáng ở trong đám cây cối um tùm, có một toán quân đang từ phía tây đi tới, cờ quạt khi mờ khi tỏ. Ai nấy đều nói: "Đúng là bộ dạng quân Tây Sơn". Họ vội vàng xuống thuyền, tâu rõ với vua. Vua nói:

- Quân Tuyền đóng ở phía trước, quân giặc sao lại vượt qua mà đến đây được?

Rồi nhà vua sai Xuân Hạp lên bờ, dùng ống viễn kính để xem. Hạp xem đúng là quân Tây Sơn, nhưng sợ quân sĩ kinh sợ, bèn trở lại tâu rằng:

- Bộ dạng toán quân ấy chưa được rõ ràng, nhưng quân Tây Sơn xuất quỷ nhập thần, rất là khó lường. Đề phòng việc bất trắc, đó là phép đời xưa. Vậy xin tạm dời thuyền ngự sang bờ bên đông xem sao?

Vua cho là phải.

Thì ra lúc bắt đầu đi đánh Tuyền, Sở đã dùng thủy quân thẳng theo dòng sông xuôi xuống làm chính binh; lại ngầm sai đô đốc Nguyễn Văn Hoà lĩnh đạo khinh binh do đường Bình Lục, Thiên Thủy vòng lại làm kỳ binh, để đánh úp phía sau. Nhưng Tuyền không hề biết.

Quân hai bên đánh nhau mới được vài hiệp, Tuyền sai tướng sĩ đặt súng bảo long ở trên bờ sông, để bắn quân địch. Chợt thấy quân địch trối cha và vợ Tuyền ở đầu thuyền, rồi chèo thuyền vun vút xông lên phía trước. Tuyền trông thấy, khóc và nói:

- Con bắn cha là trái với đạo trời!

Đoạn Tuyền vội vã hét quân sĩ thôi bắn, và lui vào trong lũy để cố thủ.

Bỗng nghe tiếng súng âm âm như sấm, khói lửa ngút trời, quân lính hoảng sợ, đều nói nhao lên rằng: "Giặc đã chặn mất đường về rồi".

Họ bèn bỏ chạy tan tác. Tuyền ngăn không nổi, liền cùng bộ hạ hơn trăm người nhắm phía nam sông Hoàng Giang mà chạy.

Thuyền vua Lê đóng ở bờ phía đông hồi lâu, sau nghe tin quân Tuyền thua trận, quân Tây Sơn xông ra bốn phía, chém giết rất giữ dội, thì mọi người đều mất hết hồn vía, bỏ cả thuyền bước vội lên bờ, cướp đường mà chạy. Nhà vua thấy vậy, liền thuận theo dòng sông buông thuyền chạy về phía nam. Khi tới một ngã ba sông, không biết đi về ngã nào, vua bèn sai gọi gấp Đặng Quĩ để hỏi, nhưng đã không thấy Quĩ ở trên thuyền nữa.

Lúc ấy gió bắc đang mạnh, vua sai giương buồm thẳng ra biển mà đi. Bốn bề mênh mang, mù mịt, trời nước một màu, theo gió cuồn sóng, lênh đênh trong biển khơi, việc sống chết lúc ấy thật không biết đâu mà lường. Vua Lê ngược mắt lên trời mà khẩn rằng:

"Nếu trời không muốn bảo tồn dòng dõi họ Lê, thì xin nguyện đi theo hải mã đến chỗ Quảng lợi vương ở biển Nam Hải, không cần sống làm gì nữa".

Nói chưa dứt lời, chợt thấy có một chòm núi, đột ngột hiện ra giữa những lớp sóng, sau núi có chừng vài chục chiếc thuyền. Vua vội vàng hỏi người cầm lái, thì ra đã đến hải phận Biện Sơn. Dần dần lại gần, thấy một người bận quần áo trận đứng ở đầu thuyền, nhìn kỹ chính là Lê Ban.

Vua vừa mừng vừa thẹn, chưa biết nói sao. Ban biết là thuyền vua, vội vàng đến bái yết. Vua ứa nước mắt mà nói:

- Ta hồi không dùng kế của nhà ngươi, bị Trương Đăng Quĩ làm lỡ. Biết trước thế này, thà ở Giáp Sơn mà thua, còn hơn là đến Chân Định mà thua, thêm một phen lặn lội, chỉ tỏ cho người ta chê cười. Nhưng thôi, cũng là việc đã rồi. Còn bây giờ thì nên làm như thế nào?

Ban tâu:

- Thần nghe nói: "Có lắm nạn mới dấy được nước, sự lo phiền mở rộng thánh đức". Xin bệ hạ chớ vì thế mà nhụt chí. Thua được là việc thường của nhà binh. Ví như đánh cờ, thua ván này bày ván khác, cố làm sao cho có nước cờ lạ hơn người, quy mô sắp sẵn rồi, mới có thể ra mặt. Hiện nay thế giặc quá mạnh, ta chưa chiếm được một mảnh đất nào, không thể đánh nhau với chúng. Thần xin bệ hạ lên đường vào Lam Sơn là đất hưng vương của Thái tổ ngày xưa, lấy đó làm nơi bảo vệ xa giá, rồi sai người truyền dụ các tù trưởng của dân mừng mán. Họ đều là dòng dõi phiến thần, ai mà chẳng háng hái? Thêm vào đó, lại thu nhặt quân hai xứ Thanh, Nghệ, họ đều là lính túc vệ thân cận xưa kia, ai là chẳng vui lòng đi theo? Thế rồi theo đường ven núi, qua lại liên lạc với nhau. Quân ở ba trấn Sơn Nam, Sơn Tây, Hưng Hoá xuôi dòng sông mà xuống, đột ngột từ trong núi kéo ra. Một ngày kia cả ba đạo đồng thời nổi dậy, tiến thẳng đến đô thành. Cuộc trung hưng của triều ta xưa kia, chính là dùng cách ấy.

Vua nghe lời, liền theo đường bộ đi về vùng Lam Sơn, trấn Thanh Hóa. Rồi sai Ban qua đất Thiên Quan (tên phủ, gồm đất các huyện Nho Quan, một phần huyện Gia Viễn (Ninh Bình) và một phần huyện Lạc Sơn (Hoà Bình) ngày nay) dụ quận Thái; sai tôn thất Duy Lan tới đất Phù Sùng dụ hai viên tù trưởng ở Tây Lĩnh.

Hai viên tù trưởng này vừa mới qua lại hoà hảo với Tây Sơn, không dám trở mặt ngay, họ đều nói:

- Chúng tôi mấy đời nhờ ơn nặng của nhà nước, há dám không hết lòng? Nhưng mà kinh doanh nghiệp lớn, ắt phải tích lũy lâu năm mới thành, không thể làm xong ngay trong khoảng mười hôm. Đời xưa Hán Cao-tổ, Đường Thái-tông còn phải khó nhọc đến năm sáu năm. Vậy xin lượng thánh xét kỹ, hãy cứ lấy Lam Sơn làm nơi ẩn nấu, thư thả để cho chúng tôi luyện tập quân mã, sửa chữa khí giới, thu góp lương thực, sửa sang đường sá, rồi mới có thể vâng mệnh nhà vua được. Nếu muốn làm gấp, e không phải sức của chúng tôi có thể làm nổi.

Lan về nói với vua rằng:

- Chúng nó thật không có lòng mộ nghĩa, nên tạm dùng lời thoái thác để cự tuyệt ta. Chỗ này sơn lam chướng khí không thể ở lâu. Vậy xin bệ hạ sớm lo liệu, đừng để mất thì giờ vô ích.

Vua cho là phải, bèn lập mưu thay quần áo như người thường, trở về Kinh Bắc, tạm trọ ở phủ Lạng Giang, sau lại dời ra phủ Từ Sơn, ở nhà viên tham tri là Đình Dư. Do đó, bọn Lê Đản, Doãn Lệ, Danh Án, Vũ Chiêu, Vũ Trinh, Xuân Hạp lại lần lượt lui tới chỗ vua ở. Vua cùng họ bàn mưu tính kế; Đình Dư nói:

- Nay bề tôi nanh vuốt của nhà vua chỉ có ba người là Ban, Tuyên và Châu. Tuyên từ sau khi thua ở Hoàng Giang, chạy về Nghệ An, nay không biết ở đâu? (theo Cương mục, thì sau đó Tuyên ra Thăng Long xin hàng Ngô Văn Sở, bị Sở giết chết) Châu bị Tây Sơn lùng bắt, lẩn trốn vào hang núi, không còn thì giờ lo toan công việc. Ban vắng chỉ đi chiêu dụ, còn ở Thanh Hóa, cũng chưa có tin tức gì. Hiện nay bệ hạ nương nấu ở nơi thôn ỏ, lũ thần đi lại luôn, sợ lâu dần có người biết, sẽ xảy ra tai biến bất trắc. Chi bằng bệ hạ hãy đi lên Cao Bằng, Huy Túc hiện còn hầu thái hậu ở đó. Trong thì dùng các phiên thần hộ vệ, ngoài thì dựa vào sự cứu viện của thiên triều, ngô hầu mới có thể làm được việc.

Vua nói:

- Trước kia, ta đã sai Ngô Thì Chí lên Cao Bằng (ở trên nói đi Lạng Sơn, đây lại nói đi Cao Bằng, có lẽ là chép lầm) để sắp đặt sẵn mọi việc. Nghe đâu Chí bị ốm giữa đường, nay không biết ra sao?

Danh Án thưa:

- Chí bị bệnh nặng, không đi được, phải cáng về huyện Gia Bình, rồi mất. Chúng thần nghe tin, nhưng chưa kịp tâu.

Vua ứa nước mắt, nói:

- Mất một người bề tôi giỏi rồi đấy! Tiếc thay!

Rồi vua bèn tự tay viết tờ chiếu, truy tặng Chí làm chức hàn lâm thị chế, tước Dự trạch bá, trao cho Án và nói:

- Nhà ngươi cầm tờ chiếu này đưa cho vợ con của ông ta, cho họ biết ý của trẫm.

Đản tiến lên nói:

- Hiện nay những kẻ thần dân theo giặc, đem hết tình hình nước nhà nói với chúng, cho nên mình sắp mưu toan việc gì, thế nào chúng cũng biết trước. Thậm chí có kẻ còn đưa giặc đến để bức bách nhà vua. Biến tự trong sinh ra, không chỉ có giặc ngoài mà thôi. Vì thế mà việc ở Chí Linh và Giáp Sơn, cả hai lần đều không làm nên chuyện; liền đó, việc ở Sơn Nam cũng vậy. Ngày nay chỉ còn có cách là sai sứ sang cáo cấp với nhà Thanh, xin họ dàn quân sát biên giới nước ta, để hỏi cái tội của quân Tây Sơn gây việc binh đao và bọn người trong nước theo giặc; làm cho bọn giặc không thể ở yên, mà lũ phản nghịch cũng có phần sợ. Như vậy, thì lòng mộ nghĩa của người ta mới được bền vững mà mưu cơ khôi phục mới khỏi bị tiết lộ và khỏi bị phá rối.

Vua cho là phải, bèn sai thảo bức thư, đưa trước cho viên tổng đốc lưỡng Quảng (tức hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây (Trung Quốc)), đại lược nói rằng:

"Ba trăm năm nay, nước chúng tôi nhờ đội oai đức của thiên triều, đời đời giữ chức phiên phong, trong nước yên lặng. Chẳng may vận nước giữa chừng gặp buổi suy vi, vua trước qua đời. Nguyễn Huệ Tây Sơn là kẻ nước tôi, quên ơn bội nghĩa, nhân khi nguy biến, đánh người trong lúc có tang; lại chiếm cứ đất nước, để đến nỗi người cháu nhà vua phải trốn chạy ra ngoài, chưa kịp sai sứ báo tang và xin phong, thế lệ nhiều điều thiếu thốn. Nếu không tới cửa ải mà bày tỏ, e lại vì thế mà mang tội. Vì vậy, nay xin bẩm rõ nguyên do, mong rằng quan lớn thương tình kẻ ở xa, đề đạt giúp cho. Tôi đã có biểu trần tình, xin giao cho một người đem đi, lại có chép một bản phụ, xin trình lên ngài xem. Vời trông thiên triều, ví như trời che đất chở, xa gần không sót chỗ nào. Xét đến tấm lòng kính thuận của các đời trước nhà tôi, và thương đến nỗi khổ yếu ớt, lang thang của tôi; xin hãy truyền cho đem quân tới sát bờ cõi, đánh kẻ có tội, dẹp yên loạn lạc, để gây dựng lại nước tôi. Muôn vàn lần nhờ ơn thiên triều, ơn đức của đại hoàng đế không sao kể xiết, mà công giúp đỡ của quan lớn cũng sẽ cùng bền vững với núi sông của nước tôi vậy".

Thư thảo xong, vua sai Đản và Án sung chức chánh, phó sứ. Hai người đem vài kẻ thân tín cùng đi, chỉ đội nón cũ, bận áo rách như người thường dân đi đường. Vua Lê tiễn hai người đến vùng núi Bảo Lộc và dặn rằng:

- Đối đáp ở đất nước người là chức trách của sứ thần. Chuyến đi này quan hệ đến sự mất, còn của nước nhà và sự thành, bại của công việc. Các người nên tùy cơ ứng biến, đem cái tài học chất chứa lúc bình sinh mà thi thố ra việc làm. Tài kinh luân ở ba tác lưởi, việc từ lệnh ấy không thể thiếu được. Các người nên cố gắng, cho xứng đáng với tấm lòng trông chờ của trẫm.

Hai người lạy tạ rồi đi. Đản nói riêng với Ân rằng:

- Bọn ta tiếng là bồi thần, thật ra chẳng khác gì kẻ vong mạng, ra đi lúi xùi chẳng có ai đưa đón, trên đường thì nhiều sự cách trở, lại phải trèo leo vất vả trong chôn núi rừng. Nếu chưa đến đất Trung Hoa mà đã bị quân giặc đuổi bắt, thì đó chính là sự dở dang rất đáng lo ngại. Còn như đã tới được gần doanh của đốc bộ lưỡng Quảng thì ta không còn lo gì nữa.

Ân nói:

- Nếu như lòng trời còn giúp xã tắc, chắc sẽ không có việc ấy, cần gì mà phải lo xa? Có điều, từ khi nước ta có nước đến nay, trong việc đi lại với Trung Hoa tuy rằng các đời sáng nghiệp và trung hưng cũng đã từng gặp cảnh gieo neo không biết là bao nhiêu phen, nhưng mà kẻ bồi thần đi sứ, chưa có ai lại như chúng ta ngày nay.

Nhân thế, Ân làm bài thơ, trong có hai câu rằng:

*"Ngàn thuở còn truyền câu chuyện lạ:
Sứ thần áo rách, nón mê tàn*

Rồi hai người theo con đường tắt trong núi, qua cửa ải Lạng Sơn mà đi.

Thật là:

*Rời nước một thân qua ải Hán
Đau lòng hai mắt khóc sân Tần **

Chưa biết hai người đi chuyến này ra sao? Hãy xem hồi sau phân giải.

* Dịch ở hai câu chữ Hán như sau: Thiên cổ do truyền kỳ tuyệt sự, Tệ soa tàn lạp sứ thần trang)!

Đời Xuân thu, nước Sở bị nước Ngô chiếm đóng, quan đại phu nước Sở là Thân Bao Tư sang cầu cứu với nước Tần. Vua Tần không nghe, Bao Tư cứ đứng khóc ở sân luôn bảy ngày đêm: sau đó vua Tần phải cho quân sang cứu Sở-Đây mượn ý đó để nói việc bọn án sang cầu cứu nhà Thanh cũng khó khăn như vậy.

Hồi thứ mười hai

*Lê sứ thân qua đất Bắc xin quân
Tôn đốc bộ tới ải Nam truyền hịch.*

Lại nói, viên tham tri chính sự Lê Duy Đản và viên phó đô ngự sử Trần Danh Ấn theo đường tắt trong núi đi đến vùng Hoà Lạc (thuộc huyện Hữu Lũng, Lạng Sơn), gặp lúc quân do thám của viên đô đốc Tây Sơn Nguyễn Văn Diệm đi tuần, xét hỏi rất ngặt, người nào không có giấy tờ đều bị ngăn trở. Hai người bèn cải trang làm người lái buôn, nhập theo bọn khách trú (tiếng đương thời, dùng để chỉ những người Hoa kiều ngụ cư ở Việt Nam), men núi đi tắt sang Trung Hoa, rồi nhờ quân của viên quan giữ cửa ải đưa đến doanh phủ Thái Bình (thuộc Quảng Tây).

Bọn Đản lạy rạp dưới sân mà nói:

- Kinh thành của nước chúng tôi từ năm Bính-Ngọ (1786), bị giặc Tây Sơn là Nguyễn Huệ đánh phá, quốc vương qua đời, cháu nối nghiệp do dòng chính thống lên làm chủ việc tế tự. Mùa đông năm Đinh-vị (1787), Huệ lại sai tướng ra đánh. TỰ QUÂN PHẢI CHẠY TRỐN RA NGOÀI, CÁC BÈ TÔI LỚN NHỎ ĐỀU PHIÊU BẠT NƠI SƯỜN NON GÓC BIÊN. Người ở lại bị chúng bắt bớ, người đi ra bị chúng ngăn chặn, hễ chúng bắt được là giết chết liền. Trước đây, tự quân của chúng tôi chạy vào Sơn Nam cùng một vài người bè tôi tập hợp quân dân, tính việc khôi phục, lại bị chúng đánh phá, phải chạy vào trấn Thanh Hóa. Nay nhân khi dân mộ nghĩa còn mền chủ cũ, đều muốn tự quân của chúng tôi lên về phía bắc sông Nhĩ Hà, đem tình hình báo với thiên triều, ngược mong thương đến nước chúng tôi, đem quân cứu viện để cho tự quân của chúng tôi có thể khởi sự ngay ở trong nước, rồi dựa vào uy thế của thiên triều mà sai khiến các nghĩa sĩ. Như vậy thì việc khôi phục đất nước mới mong có cơ hội. Hiện nay tự quân của chúng tôi đóng ở huyện Phượng Nhãn, sai chúng tôi lên lút sang đây. Đường đi đến cửa ải, tính ra chỉ có bốn ngày nhưng vì chúng tôi sợ giặc bắt, phải vượt suối trèo non, đi vòng theo đường quanh co, nên hơn một tháng mới tới nơi. Cúi xin nghĩ lại: Nước nhỏ mọn chúng tôi làm bè tôi của thiên triều đã hơn ba trăm năm, lo giữ chức phận và việc tiến cống không bao giờ ngớt. Nay bỗng chốc bị giặc chiếm đoạt, xã tắc tàn hoang. "Người ta đến lúc cùng thì quay về gốc", không thể không gọi ông trời mà kêu. Đức đại hoàng đế cũng tức là vua nước nhỏ mọn chúng tôi, mà các vị quan lớn lại là bậc quan lại giúp việc nhà trời. Muôn trông thương đến kẻ ở nơi biên ải xa xôi, dựng lại nước đã mất, nối lại dòng đã đứt, để cho họ Lê là người bè tôi tiến cống, được đội phúc lớn của trời.

Bọn Đản nói rất thảm thiết và đem các tờ biểu, tờ bẩm trình lên. Viên phân phủ họ Vương ngờ rằng quân Tây Sơn giáo quyết, giả làm sứ thần của họ Lê để dò la tình hình Trung Quốc, bèn vờ hỏi vặn rằng:

- Vua trước của nước Nam mất đi đã hai năm nay. Nếu như trong nước có biến, tự tôn đáng lập mà không được lập, sao lại không tới cửa ải bày tỏ sự tình ngay từ năm ấy? Và chẳng, trước đây có tiếp được công văn đệ sang, chẳng qua chỉ nói về việc làm mất quốc ấn, xin cấp cho chiếc khác mà thôi. Còn như duyên cớ tại sao không được lập, nguyên do tại sao bị đuổi đi thì không hề nói tới một lời. Nay việc đã trải qua hai năm, tự tôn nương nấu ở đâu, quân giặc động tĩnh ra sao, người trong nước theo ai phản ai như thế nào, tình hình đều chưa rõ rệt. Lại nữa, trong tờ biểu này đứng tên tự tôn họ Lê, mà chưa có tờ biểu báo tang và cầu phong, chưa được cấp lại quốc ấn thì sao được khinh suất dâng tờ biểu lên, và vội vã sai sứ thần đến? Xét ra, những việc ấy đều là việc chưa hợp thể lệ. Cần phải có tự tôn họ Lê tự mình đến đây khai báo, để ta giáp mặt mà hỏi rõ tình do. Nếu chỉ bằng vào lời nói của người khác thì không được. Ta là bề tôi giữ đất, việc ở ngoài bờ cõi là việc lớn, quyết không thể nhẹ dạ mà tin các người. Nhưng thôi được, các người đã vì việc cáo cấp mà đến đây, nghĩ tình ta cũng không nỡ đuổi đi. Hãy cho ở lại đây, để ta bẩm rõ với quan đốc bộ, phái người ra ngoài bờ cõi, dò xét một phen cho đích xác, rồi mới có thể làm tờ biểu tâu lên nhà vua mà chờ chỉ ý quyết định.

Đản và Án nghe vậy, không biết nói sao, đành phủ phục dưới sân mà gào khóc. Viên phân phủ họ Vương xét thấy thật tình, bèn dỗ dành rằng:

- Xem ra lũ các người trung thực đáng khen, mà tình cảnh thật đáng thương! Thiên triều sẽ có cách phân xử, không nên kêu mãi cho nhàm, cứ ra nhà trọ để chờ mệnh lệnh.

Hai người mừng rỡ, bái từ lui ra. Bấy giờ là năm 53 niên hiệu Càn-Long, tức là tháng chín mùa thu năm Mậu-thân (1788).

Đản và Án ở đó được ít lâu, viên phân phủ họ Vương gọi vào mà bảo rằng:

- Việc bên ấy xin cứu viện, đã được thấu đến triều đình. Hoàng đế thương đến các vua đời trước của nhà Lê làm bề tôi tiến cống nhiều đời, đã hạ chỉ cho quan tổng đốc lưỡng Quảng là Tôn đại nhân, hiệp đồng cùng quan tổng đốc Vân, Quý (Vân Nam, Quý Châu (Trung Quốc)) là Phú đại nhân, điều động năm chục vạn lính đồng ở Điền Châu ra ngoài biên thủy tìm kiếm tự tôn họ Lê, hộ tống về nơi kinh thành nước An Nam. Những tình hình đó, từ cuối mùa đông năm Đinh-vị (1787), quốc mẫu bên ấy và viên trấn mục ở Cao Bằng là Nguyễn Huy Túc đã qua cửa ải Đầu áo sang bày tỏ rồi. Nhưng chưa rõ hai anh em tự tôn thất lạc ở đâu. Còn tự tôn thì sau khi chạy trốn, mẹ con cách trở, cũng không rõ tình trạng bên này nên lại sai các người trèo đèo vượt suối sang đây (theo Cương mục, thì việc mẹ Chiêu thống sang cầu cứu nhà Thanh như thế nào, Chiêu Thống đã được Lê Quýnh về báo cáo rõ cả rồi, lúc này cử Đản và Án sang chỉ là để đón quân Thanh mà thôi). Các người đã là người do tự tôn sai đi, mà tự tôn đang ở đất Phụng Nhãn, thế thì

tình hình ra sao, các người hãy làm tờ cung khai, bẩm lên quan đốc bộ, chờ khi đại quân xuất phát, ta sẽ dẫn các người tới lạy chào và cung khai.

Bọn Đản, Ân được tin ấy, mừng lắm, bèn xin để một người ở lại chờ hầu, một người về trước phỉ báo cho tự tôn rõ, để nhóm họp những kẻ đồng chí, kêu gọi người trong nước, khiến cho xa gần đều biết, và các nơi đều nổi dậy, chờ thời cơ hưởng ứng với thiên binh. Lại dựa vào oai linh của thiên triều, các nơi sẽ nhắm những chỗ hiểm yếu mà đóng đồn trại để ngăn chặn quân địch. Đó thật là một cơ hội rất tốt.

Viên phân phủ họ Vương bằng lòng cho. Thế là Ân ở lại phủ Thái Bình, còn Đản thì theo đường cũ về nước.

Lại nói, từ khi kinh thành thất thủ, vua Lê chạy sang phương bắc. Còn hoàng thái hậu cùng mấy người tôn thất chạy trước lên Cao Bằng; viên đốc đồng Cao Bằng là Nguyễn Huy Túc đem thiên binh đón rước mời về ở tạm tại một nhà dân bên cửa ải Đầu áo, để mưu đồ sang cầu cứu nhà Thanh.

Nguyên lúc Huy Túc mới đến Cao Bằng, có người khách trú tự hiệu là Ngô-Sơn tiều ần, vốn quen với Nguyễn Đình Tổ, thường vẫn hay đi lại nơi dinh trấn. Túc lần đầu được gặp và nói chuyện với hắn ta, lấy làm lạ lắm. Đến lúc Tổ mất, người khách đến viếng, Túc lấy lễ thượng khách mà đối đãi, mời ở lại hơn mười ngày. Việc tang của Đình Tổ đã xong xuôi, người khách mới cáo từ ra về. Lúc sắp chia tay, người khách bảo riêng với Túc rằng:

- Quý quốc từ nay sẽ có nhiều việc, quan đốc thân trước cũng đã biết, không hiểu lúc gần mất ngài có nói lại với các vị đồng liêu không?

Túc nói:

- Nước tôi, bên ngoài có giặc mạnh, sau này chắc là không thể yên ổn, đó là việc mà người trong nước ai cũng biết. Nhưng kết cục ra sao, không phải là điều Túc này có thể biết trước. Quan đốc thân trước với Túc này đều lấy làm lo. Nay tôi làm quan ở ngoài, đã không được dự vào nơi trọng yếu, thì dù có ý kiến nông cạn cũng không làm được gì?

Người khách nói:

- Chính vì làm quan ở ngoài nên mới không thể không đương lấy việc nước. Cứ như tài của ông, há chẳng có thể làm được một phen kinh trời động đất, khiến người cả nước vội vàng chạy vạy ư? Nhưng chẳng qua chỉ là một giấc chiêm bao mà thôi. Đó thật là khí số với nhân sự có quan hệ với nhau; đáng cười mà cũng đáng tiếc vậy!

Túc năn nỉ hỏi mãi, nhưng cuối cùng người khách vẫn không chịu nói rõ, cáo từ mà đi.

Đến lúc Túc đưa thái hậu qua đất Trung Hoa, tới Long Châu lại gặp người khách ấy giữa đường. Túc đem tình hình trong nước nói với hắn ta không hề giấu giếm, và nói thêm:

- Việc gấp lắm rồi! Ông có cách gì dạy cho tôi không?

Người khách nói:

- Khi ông ở trấn Cao Bằng, bắt đầu nghe có tai biến nếu có thể cùng viên đốc đồng trấn Lạng Sơn, đồng một lòng hợp sức giữ lấy đất hai trấn ấy, tụ tập phiên tướng phiên binh, chống nhau với giặc, làm hùng bá ở một phương; rồi đưa thư sang các phủ Long Châu, Bằng Tường (đều thuộc Quảng Tây, giáp liền với Cao Bằng, Lạng Sơn), hẹn khi có việc nguy cấp thì họ cứu giúp, để nhờ cái tiếng viện trợ của họ. Ngày xưa họ Mạc đã dùng kế ấy mà duy trì được 56 năm (theo Lịch triều hiến chương loại chí thì sau khi vương triều nhà Mạc đổ, dư đảng họ Mạc chiếm giữ Cao Bằng còn kéo dài được 96 năm nữa, kể từ Mạc Kính Cung (1592) đến Mạc Kính Vũ (1688)). Nếu quả ông mà làm được như thế, há chẳng giữ được trọn đời của ông hay sao? Sao lại bỏ chỗ ấy cho người ta? Đã bỏ lỡ mất cơ hội đó không làm, thì nay chỉ có cách liên lạc với các xứ Long Châu, Bằng Tường, thiết tha xin với quan tổng đốc, đem việc tâu lên nhà vua, trông vào điều may trời cho, để cầu xin cứu viện mà thôi. Sau khi lấy lại được nước nhà, ông nên cố gắng "đào giếng đắp núi", tự mình phải hết sức, đừng để làm cái trò cười cho đời sau.

Túc nói:

- Đó là cái ý quan trọng xa xôi, tôi xin kính vâng lời dạy, không dám lãng quên. Nay Túc tôi đưa quốc mẫu chạy sang đây, cũng chính là ý như thế, song chỉ sợ tình của kẻ dưới, không thể thấu lên đến bề trên. Nếu được nhờ ơn ngài chỉ đường vạch lối, đem việc này thưa trước lên trên cho chúng tôi, thì xin đội ơn vạn lần, vạn lần!

Người khách nói:

- Đất lạ quen nhau, tôi dám đâu không hết sức?

Người khách bèn cùng đi với Túc. Viên đô ty Long Bằng (Long Châu, Bằng Tường) tên gọi Trần Hồng Thuận là bạn quen của người khách. Khách bèn dẫn Túc đến đây, nói là mẹ, vợ và thân thuộc của tự tôn nước An Nam bị quân giặc Quảng Nam (chỉ quân Tây Sơn) đuổi giết, trốn đến cửa ải, cúi đầu đợi mệnh...

Hồng Thuận lập tức hội đồng với viên phó quan ở Long Châu là Trần Thốt đi tới nơi tra xét. Tất cả đàn ông đàn bà gồm 64 người, Hồng Thuận tùy tiện cho ở bên cửa ải, rồi đem việc ấy nói rõ với viên quản đạo Giang Tả thuộc tỉnh Quảng Tây là Thanh Hùng Nghiệp, để bẩm lên quan tổng đốc lưỡng Quảng là Tôn Sĩ Nghị. Tiếp đó, Hồng Thuận lại cho sao đơn khiếu nại của nước Nam đại ý nói rằng: "Quốc thành bị giặc đánh phá, cướp bóc, không biết kêu xin với ai? Ai cũng căm thù giặc, thề không cùng sống với chúng, nhiều người lên núi ở trong núi, kết thành đồ đảng, chỉ vì chưa có người đứng ra làm chủ, cho nên họ còn rời rạc khó bề hợp nhất. Nếu được thiên binh sang cứu thì các nơi sẽ cùng hưởng ứng ngay, và có thể hẹn ngày mà lấy lại quốc thành".

Sỹ Nghị thấy giấy báo tin ấy, liền bảo bọn liêu thuộc rằng:

- Nước An Nam từ đời Hán, Đường, là đất phụ thuộc vào nước ta; đến đời nhà Tống, họ Đinh quật cường, mới trở thành nước tiến công. Trải mấy đời nối theo nhau cho đến ngày nay, lại không thể giữ được nước. Hoặc giả trời khiến nước ấy lại làm quận huyện của Trung Quốc chẳng?

Lập tức, Sỹ Nghị ruổi ngựa tới vùng Long Bằng, dò xét tình hình biên giới, rồi họp bàn với viên tuần phủ là Vĩnh Thanh.

Vĩnh Thanh nói:

- Mở mang bờ cõi là một việc lớn, lợi hại không phải nhỏ. Quả như lời họ nói, thì nước ấy kẻ cũng đáng thương. Nhưng thế lực của giặc, đoán chắc là không phải như vậy. Chúng ở ven biển nổi lên, theo việc binh nhưng từ khi đầu còn để chỏm, một lần khởi quân mà lấy được cái nước đã ba trăm năm, nhất định không phải là yếu, và cũng nhất định không đời nào chịu để cho người ta đoạ dẫm, mới nghe tiếng đã phải đem hôm lên trốn đi. Trừ phi chúng có bị đánh cho giập gãy một vài phen thì chúng mới chịu rút lui và nghe theo. Trung Quốc ta thái bình đã hai trăm năm nay, dân chúng không biết đến việc binh. Nay bỗng dưng họ tới chỗ nóng nực lam chướng, dù thắng được cũng không phải là mạnh. Huống chi chưa chắc đã thắng, mà vạn nhất vấp ngã thì tổn thất thật không nhỏ. Cự lớn là vị đại thần của nước, nắm quyền ở chốn biên thủy, cần phải giữ vững bờ cõi; há nên vừa mới nghe kêu nài một tý đã vội gây hấn ở nơi biên ải? Cái gương của bọn Hoàng Phúc, Trương Phụ ở đời Vĩnh-Lạc, Tuyên-Đức (Hoàng Phúc và Trương Phụ là tên các tướng nhà Minh. Vĩnh-Lạc là niên hiệu Minh Thành tổ, Tuyên-Đức là niên hiệu Minh Tuyên tông. Đây chỉ việc quân Minh sang xâm lược Việt Nam hồi đầu thế kỷ XV, sau bị Lê Lợi đánh bại), cũng chưa phải xa xôi, xin nghĩ kỹ cho!

Nghị nói:

- Nước An Nam được phong, đời đời lo giữ chức phận tiến công. Tây Sơn là bọn giặc nhỏ, dám diệt nước họ. Nạn của công thần không thể không cứu, tội của cuồng tặc không thể không trị. Vì nghĩa mà hành quân ai dám không theo? Nếu lấy cớ là mọi rợ mà bỏ ra ngoài, ngồi nhìn bọn họ giết hại nhau mà không cứu thì tám xứ "man", chín xứ "di" làm bề tôi Trung Quốc, còn trông cậy gì nữa?

Rồi Nghị gọi sáu người là bọn Nguyễn Huy Túc, Lê Quýnh, Hoàng Ích Hiều, Nguyễn Đình Quán, Nguyễn Quốc Đông và Nguyễn Đình Mai đến cửa quan, để hỏi tình trạng.

Trước hết, Nghị hỏi tụt tôn có mấy anh em, sau khi chạy trốn, hiện nay ở đâu?

Bọn Túc khai là: Tụt tôn có ba anh em, rất yêu mến nhau. Anh trưởng là Lê Duy Kỳ, tức là người đáng được nối ngôi, thứ hai là Tụt quận công Duy Tự, thứ ba là Lan quận công

Duy Chí. Hiện nay, Duy Kỳ chạy xuống lộ Sơn Nam hạ (năm Lê Cảnh Hưng thứ Qui Nhơn (1741), chia xứ Sơn Nam làm 2 lộ: lộ Sơn Nam thượng (Vùng Hà Nam, Hưng Yên, Hà Đông sau này) và lộ Sơn Nam hạ (vùng Nam Định, Thái Bình sau này)), để chiêu tập nghĩa binh. Duy Tự ở vùng Tuyên Quang, Hưng Hoá cũng đang nhóm họp các người đồng chí, xa xa làm thanh viện cho nhau. Nghe nói họ nương tựa lẫn nhau, thần dân thuận theo, quyết không đến nỗi tan tác. Nhưng không biết từ đây về sau có thể hăng hái làm nên việc hay không? Tới đây đã hơn bảy tám tháng, sự thế đổi thay, họ có còn giữ được chỗ ấy nữa không, điều đó chúng tôi không được biết.

Nghị lại hỏi tin tức của mẹ con tự tôn nay ra sao?

Túc nói:

- Chúng tôi trước ở Cao Bằng, rồi rước quốc mẫu sang nội địa (chỉ đất Trung Hoa). Tự tôn thì vẫn ở trong nước. Quan san cách trở, tin tức không thông. Nay nếu được phép thì xin lên về báo cho tự tôn biết tin của mẹ và gia quyến. Xin cho ba người chia đi hai ngã. Đình Mai xin đi đường cửa ải núi Mông Tự. Quýnh và Đống xin theo đường Long Môn mà vượt biển. Ngựa trông cụ lớn cho người dẫn đến biên giới, để chúng tôi gặp đường chạy về; chừng trong một tháng, dò xem tin tức ra sao, sẽ xin bẩm rõ.

Nghị lại hỏi lâu nay ở bên ấy mùa màng ra sao?

Túc thưa:

- Nước chúng tôi luôn mấy năm bị mất mùa, giá gạo rất đắt, một thung gạo giá đến sáu trăm đồng tiền. Lộ Sơn Nam hạ vốn được gọi là nơi giàu có, bây giờ dân gian cũng không có thóc lúa để dành, các nhà đều trống rỗng như chiếc chuông treo. Tự tôn trước kia đóng ở xứ ấy, vì lương thực không đủ, cho nên hề làm việc gì cũng bị thất bại. Chúng tôi khi ở nước nhà, chỉ nghe như thế, đó là việc thực.

Nghị quay sang hỏi Lê Quýnh, Quýnh liền đáp:

- Họ Lê giữ nước hơn ba trăm năm, dùng ân huệ buộc chặt lòng người, dùng lễ nghĩa vun trồng sĩ khí. Cho nên, dù bọn phản nghịch tiếm quyền mà lòng người mến chúa cũ vẫn như xưa. Chỉ vì họ Trịnh hiếp chế, lòng dân căm giận. Tây Sơn nhân lúc sơ hở ấy, mượn tiếng phò Lê diệt Trịnh, nên người trong nước không ai chống cự. Chúng nhân thế đắc chí, lại càng hung hăng, tự đặt niên hiệu, chiếm giữ kinh thành, đến nỗi tự tôn họ Lê phải phiêu bạt ra ngoài. Do đó, dân cày và những kẻ lặn lội khắp nơi, không ai hèn ai mà người nào cũng xưng là quân họ Lê. Nếu như thượng quốc rủ lòng bao dung kẻ nhỏ mọn, giúp đỡ kẻ khốn cùng, sai một đạo quân tới sát bờ cõi để làm thanh viện, thì người trong nước nghe tin, ai không trời dậy, thề cùng phục thù? Mà như vậy, chắc cũng không hao tổn đến binh lực của thiên triều nhiều lắm.

Nghị nghe được lời khai rõ ràng, bèn đem một bức địa đồ nước Nam, bảo bọn Quýnh duyệt lại, và hỏi:

- Có đúng không? Không sai chứ?

Quýnh bẩm:

- Vị trí và phương hướng nhiều chỗ sai lầm, ước chừng mười phần sai đến bốn năm. Nghị nói:

- Cho phép các người cứ thật mà sửa lại.

Rồi Nghị sai gọi một người thợ vẽ đến, theo chỗ Quýnh sửa đổi mà vẽ lại. Lại bảo Quýnh lưu ý xem những vùng nào đã theo giặc, vùng nào chưa theo giặc, anh em vua Lê hiện đóng ở đâu, nhất nhất đều ghi chú thật rõ ràng vào địa đồ.

Rồi nhân đó, Nghị gọi bọn Túc và bảo:

- Chờ ta tâu lên triều đình, khi nào được chỉ của nhà vua, tức khắc sẽ chiếu theo những điều kêu xin của bọn người mà làm cho thật tốt tất cả mọi việc. Chuyến này các người về nước, phải tìm cho được đích xác chỗ ở của tự tôn. Lại phải dò xem quân giặc động tĩnh ra sao? Người trong nước có thể trở dậy được không? Hễ có dịp thuận tiện lập tức phải phi báo cho ta biết, ta sẽ phúc tấu về triều, xin cho kéo quân ra ải, thì công việc mới có thể mau xong.

Bọn Túc mừng lắm, cùng nhau ngoảnh mặt về hướng bắc, trông vờ cửa khuyết mà lạy và hô "vạn tuế" luôn mấy lần.

Sau đó, Nghị sai viên quản đạo Tả Giang, tỉnh Quảng Tây là Thanh Hùng Nghiệp hộ vệ quốc mẫu An Nam và các quyền thuộc đến đất Nam Đôn, tuý nghi cấp cho các thứ lương thực, chăn áo, để ai nấy đều được yên ổn.

Luôn thế, Nghị thảo tờ biểu tâu rằng:

"Cứ lời người trần mục của nước An Nam là Nguyễn Huy Túc, chạy sang nội địa cung khai: tháng sáu mùa hè năm thứ năm mươi một, niên hiệu Càn Long, em giặc Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc là Nguyễn Văn Huệ đem quân xâm phạm kinh thành nước ấy. Tiếp đến tháng tám, Văn Nhạc theo ra. Vừa gặp lúc các trấn đều chỉnh đốn binh lính, voi ngựa đến cứu. Anh em Văn Nhạc sợ không dám ở, ngay trong tháng ấy, đang đem phải đem quân lên trốn. Quốc vương là Lê Duy Đoan (tức Lê Hiển Tông) làm mất quốc ấn, liền đó bị bệnh mà mất. Vì con trưởng chết sớm cháu đích tôn là Duy Kỳ, theo lệ được nối ngôi, có thảo văn thư đệ sang, xin cấp cho quả ấn khác. Kế đó, tiếp được hịch của quan đốc bộ đưa sang, nói rằng như thế không hợp thể lệ, mà phải sai bồi thần dâng biểu báo tang rồi xin phong mới đúng. Không ngờ mùa đông năm sau, Văn Huệ lại sai bộ tướng là Võ Văn

Nhậm nhân khi nguy biến, đánh người giữa lúc có tang, đến nỗi tự quân phải chạy trốn, chưa kịp sai sứ thần qua xin. Bọn Túc đưa quốc mẫu của nước Nam chạy ra vùng Bắc Sơn thuộc huyện Võ Nhai, vua Lê thì chạy trốn sang phủ Thiên Trường. Tướng giặc chiếm cứ quốc thành, sai người đi khắp nơi lùng bắt. Lại có tên thổ dân trấn Lạng Sơn là Quyển Trâm, tên phiên mục Cao Bằng là Bé Nguyễn Trừ đầu hàng giặc, đem quân định cướp quốc mẫu để làm con tin. Bọn Túc liền đưa quốc mẫu lên Cao Bằng. Tháng năm năm nay, đi tới đầu xứ Bắc Nậm (thuộc huyện Quảng Yên và Phú Hoà, tỉnh Cao Bằng), bị quân giặc theo kịp, không còn kế gì để thoát thân, bọn Túc phải đứng cách sông kêu xin thiên triều cứu giúp. Rồi họ liều mạng đưa được quốc mẫu và bọn quyến thuộc lội nước sang bờ bên này, người nào không kịp sang sông đều bị giặc giết chết. Nay bọn Túc rập đầu kêu van, xin được ở lại chịu tội với thiên triều, không chịu mắc vào tay nhơ nhớp của giặc... Lại cứ lời bọn Túc nói thì hiện nay quốc thành bị giặc chiếm đóng các nơi khác cũng đều nghe tiếng mà tan rã toi bời. Các địa phương tiếp liền với nội địa như Mục Mã (thuộc Cao Bằng), Lạng Sơn, đều đã theo giặc. Riêng có vùng Diên Châu ở Nghệ An, các hạt Kinh Môn, Nam Sách ở Hải Dương... là còn có bọn thổ hào ứng nghĩa, ra vào các nơi hang núi, lura dịp đánh giết quân giặc, nên giặc cũng chưa thể đánh chiếm được hết cả. Và chẳng tuy quân giặc từ khi chiếm được đất Tây Sơn, một mực hung tợn, chỉ biết có việc tàn sát, nhưng cũng vẫn có những nơi không chịu hàng giặc. Tự tôn lẫn trốn, chắc cũng ở những nơi ấy. Mẹ và vợ của tự tôn đã chạy sang đất thiên triều, muôn lần trông được sự bao dung. Còn trong bọn bè tôi chạy trốn cũng có được một vài kẻ có chút tài cán, họ tự xin về nước, tìm kiếm tự tôn, để lại gắng sức lo toan một phen nữa. Nếu như sức chẳng chiều lòng, thì họ xin làm cái chước bảo tồn lấy người con cô, tha thiết xin được thiên triều thương xót... Các khoản tình do trên này, đều do tay tri phủ Nguyễn Hữu Nhân (có bản chép Đào Hữu Nhân) viết thành câu hỏi, đầu mục nước ấy lần lượt trả lời. Xét ra, họ cũng thật tình, lại có phần hăng hái, biết được nghĩa lớn. Thần trộm nghĩ, công thần họ Lê, theo lệ thì tự tôn của họ được nối ngôi, chẳng may nước ấy bị diệt, mẹ và vợ đã tới cửa ải kêu van, thực cũng nên thể tình mà chu cấp, để họ được yên chỗ, rồi chờ để xét rõ tin tức của nước họ, sẽ quyết định việc cho đi hay cho ở lại. Chỉ nghĩ bọn họ khi chạy đến ven sông, tức là đã thuộc về địa đầu bờ cõi của thiên triều; vậy mà tụi giặc trông thấy quân lính thiên triều đóng đồn ở đấy, lại vẫn còn dám hung hãn giết người, lòng giặc hiểm độc, không phải là không có ý dòm dò. Thần đã mật thư cho viên đề đốc là Tam Đức sắp đủ chiến binh, chỉ đi đóng giữ ở các cửa ải trong sáu xứ chung quanh Long Châu. Nếu chúng qua sông, tức thì bốn mặt chặn đánh, không để cho chúng chạy thoát; luôn dịp cũng tỏ cho chúng được biết binh uy của thiên triều, cho chúng hoảng sợ. Thần lại xin viết thư mật cho các viên quan coi giữ miền Triều Châu và Long Châu, bảo phải gấp rút đi tuần tra và dò xét kỹ càng ở các miền biên giới..., Nếu có tình hình gì khác, thần xin tiếp tục viết biểu tâu lên, chờ vâng chỉ cho thi hành".

Vua Thanh xem tờ tâu ấy, liền bảo viên đại học sĩ là Bá Hoà rằng:

- Lê Duy Kỳ ở An Nam, tuy chưa được phong, nhưng y là người đáng được nối ngôi, cũng không khác gì quốc vương. Nay mẹ và vợ cùng các quyến thuộc của y đều chạy sang

đây, thế là toàn cõi nước ấy đều đã mất cả. Việc dựng lại nước đã bị diệt, nối lại dòng đã bị tuyệt, cần phải trù liệu sắp đặt mà rút cuộc cũng phải hao phí rất nhiều binh lực. Nay xét ra, Duy Kỳ còn ở lại trong nước để tự lo lấy việc khôi phục, dân nước ấy theo giặc chẳng qua mới chỉ mấy xứ Mục Mã, Lạng Sơn, còn ở các vùng đông bắc, tây nam thì lòng người mến chủ cũ vẫn có thể tin cậy. Nếu dựa vào đó để lo nối lại ngôi vua ắt là có thể xong việc. Vậy truyền dụ cho Tôn Sĩ Nghị biết rằng: "Họ Lê thờ phụng thiên triều rất là kính thuận. Duy Kỳ theo lệ đáng được nối ngôi. Việc mất quốc ấn, ngày trước đã có dâng thư xin cấp ấn khác, song vì chưa cho sứ sang báo tang, không hợp thể chế, cho nên việc cấp ấn phải hoãn, đã có hịch dụ. Nay họ lại sai sứ thần tha thiết sang kêu xin, vậy chuẩn y việc sắc phong và cấp ấn cho họ. Xét cho kỹ. Duy Kỳ sở dĩ bị giặc đánh đuổi cũng chỉ là vì y không lo gắng sức trời dậy mà ra. Hiện giờ đất nước của y còn nhiều chỗ chưa bị giặc chiếm, thần dân cũng còn biết kính mến; Duy Kỳ nên nhân dịp ấy nhóm họp nghĩa quân, thu phục quốc thành, để cho nghiệp cũ không đến nỗi bị sụp đổ. Mẹ và vợ y chạy sang nội địa, đã được sắp đặt chỗ ở yên ổn, ăn mặc không thiếu, đất nước đã quen, y cũng không cần phải lo nghĩ, có thể chuyên ý lo việc trong nước, chờ khi khôi phục được kinh thành thì sẽ cho quân đưa mẹ và vợ y trở về. Lúc y sai sứ thần, thì lại nên sai người đã thông tin lần này sang, để làm chứng cứ, ngõ hầu mới khỏi bị kẻ gian lừa dối mưu hại. Đến như Nguyễn Huệ cậy mạnh cướp nước, phép không thể tha, đã giáng chỉ điều động đại quân ở Quảng Tây, để chờ khi gọi đến. Nếu giặc cứ hung hăng như trước, mà tự tôn họ Lê không thể phàn chắn để làm nên việc, thần dân nước họ lại cam lòng theo giặc thì sẽ cho đem đại quân bốn mặt họp lại mà đánh, cho sáng tỏ tội trạng của chúng. Như thế, trước tiên phải đưa hịch phi báo cho thần dân nước ấy, khiến họ đều biết, để làm mạnh thêm thế của họ Lê và làm cho bọn Tây Sơn mất vía kinh hồn, mà đối với việc giúp đỡ cho sự thanh viện cũng là có ích. Những người đi theo như bọn Nguyễn Huy Túc, tình nguyện về nước, tìm kiếm chỗ ở của tự tôn, để cùng giúp việc khôi phục, chí ấy rất đáng khen, lẽ nên cho họ về sớm; sớm một ngày là tự tôn của họ đỡ lo một ngày, và sau này trăm cũng được nghe tin nước ấy mau hơn một ngày. Tôn Sĩ Nghị vốn có tiếng nhanh nhẹn, sáng suốt, sao không liệu trước điều đó, mà còn lo trăm không ưng cho làm, để phải tâu đi tâu lại, không khỏi phạm sai lầm về sự câu nệ. Nay Nghị cần phải sớm tới Long Châu, giáp mặt mà hiểu dụ bọn sứ thần, giục họ lập tức lên đường; đem ý của trăm truyền bảo cho họ biết, để họ về nước báo tin với anh em Duy Kỳ; đồng thời phải sao các tờ hịch thành nhiều bản, bảo họ đem về trong nước, ngõ hầu có thể truyền bá rộng rãi. Ngoài ra, bọn họ lặn lội khó nhọc, hành lý sơ sài, vậy ở đường thủy và đường bộ đều phải cấp phu trạm, hộ tống cho họ gấp đường mà đi; lại cấp cho mỗi người mười lạng bạc để tiêu pha về việc ăn uống. Nói tóm lại, việc này, nếu như cả nước An Nam bị mất, Duy Kỳ lại bị giết hại, thì nghĩ tình công thần, không thể bỏ qua mà không hỏi tới. Vả chẳng bờ cõi nước Nam chưa đến nỗi hoàn toàn mất hết, tự tôn tuy phải chạy trốn, nhưng thần dân vẫn còn mến phục. Như vậy, ta chỉ cần làm thanh viện cho họ, để họ tự lo lấy công việc, bắt tất phải dấy quân làm to chuyện đem binh lực trong nước hao phí ở ngoài cõi nóng nực, xa xôi. Đó mới là kế tuyệt hay. Tôn Sĩ Nghị phải theo chỉ dụ trước, tới nơi biên thủy, trù tính cho kỹ, đốc thần (chỉ Tôn Sĩ Nghị) là người thạo việc, chắc có thể hiểu được ý của trăm. Việc kinh lý biên thủy ở

đấy, cho phép đốc thần được cùng viên phủ thần là Tôn Vĩnh Thanh họp bàn thoả đáng, tùy tiện thi hành. Hãy kính theo chỉ dụ này!".

Lại nói, quan lại hai hạt Triều Châu, Long Châu từ khi tiếp được thư mật của Nghị, lập tức đi tuần tra dò xét miền biên giới và cho người đưa hịch sang bá cáo ở trấn Thái Nguyên.

Bấy giờ có hai họ Trương và Cát quê ở hạt Triều Châu, chuyên sống về nghề khai mỏ lấy bạc, sang cư trú tại làng Tống Tinh trong trấn Thái Nguyên. Họ võ về mọi người, làm kẻ tù trưởng địa phương, đồ đảng có đến hơn vạn người, đều là các gia đình người Trung Hoa. Hai họ ấy nghe được tờ hịch, liền tìm đến chỗ trọ của người đưa hịch mà trình rằng:

- Chúng tôi chuyên sống về nghề mở xưởng khai mỏ, đời đời ở nước Nam. Trước đây nghe tin kinh thành của nước An Nam bị mất, trong nước loạn to, sợ rằng cháy thành và lây, nên đã cùng người địa phương luyện tập súng, nỏ, làm chước giữ mình. Có lần, mấy trăm quân giặc đến cướp, chúng tôi mới thử đánh một trận mà đã giết hết được tất cả. Nghĩ rằng chúng tức giận, ắt lại đến nữa, chúng tôi bèn chia ra làm mười đoàn, mỗi đoàn một nghìn người thề cùng liều chết chống giặc. Nay tiếp được hịch văn, ai cũng nô nức nhảy nhót, xin làm tiên phong. Vả lại chúng tôi vốn là nhân dân Triều Châu, nay cũng muốn xin được cùng ra sức một phen với quân nghĩa dũng ở Điền Châu.

Người đưa hịch nghe họ nói như vậy, liền lấy tờ khai và đem tình hình duyên do về bẩm.

Lại nói, vua Lê trước kia đã sai bọn bồi thần sang trần tình và cầu cứu với nhà Thanh. Đến bây giờ, Lê Duy Đản ở Thái Bình về, báo tin viên đốc bộ tỉnh Quảng Tây đem việc tâu lên, đã được vua Thanh chuẩn y, chẳng bao lâu đại binh sẽ sang.

Rồi tiếp đó. Lê Quýnh lại từ Long Châu về báo, nói là thái hậu và quyền thuộc hiện ở thành Nam Ninh, ăn ở yên ổn. Vua mừng lắm bèn chấp tay lên trán mà rằng:

"Kẻ tiểu tử này, gặp lúc vận nhà lâm nạn, nhờ được chín miếu thiêng liêng, đức đại hoàng đế rủ lòng thương, bao bọc cho kẻ nhỏ mọn, trong nước lại được thấy bóng mặt trời, cơ hội trung hưng phải chăng là ở lúc này?".

Rồi nhà vua sai thảo tờ biểu tạ ơn và các thư từ trình bẩm, để cùng đưa sang một thể. Trong đó nói rõ: "Giặc Tây Sơn tàn ngược, dân không chịu nổi. Hiện nay thần tuy chạy trốn ở ngoài, nhưng may nhờ lòng người vẫn còn nhớ đến chủ cũ. Nhân đó thần cũng đã cử sự được một vài phen, song đều bị thất bại. Gần đây tiếp được văn thư, thần đã ngấm ngầm khuyến dụ hào kiệt trong nước, ai cũng hăng hái, thề giết quân giặc, hằng ngày trông mong ở sự viện trợ của thượng quốc. Nhờ cậy oai trời, việc chắc phải thành. Khi tiếp được hịch văn do viên sai quan mang về, thần đã đem tuyên cáo với mọi người trong nước, ai nấy đều mừng rỡ, hơn hờ hơn là chết đi được sống lại; quân giặc cũng vì thế mà mất hết

nhuệ khí. Hiện nay, các nơi đều đã nhóm họp quân nghĩa dũng, chờ thiên binh qua cửa ải, thì sẽ đến cửa quân lay chào, và xin chịu kỷ luật làm quân đi tiên phong. Đàng giặc chắc sẽ bị bắt và quốc đô chắc sẽ được khôi phục. Ôn tái tạo của đức đại hoàng đế, cùng với đức gậy dựng của cụ lớn, thật đáng ghi tạc dài lâu mãi mãi như sông Lô non Tản vậy!".

Tôn Sĩ Nghị vừa tiếp được tờ bẩm của Triều Châu lại được luôn tin ấy, liền hội đồng với viên tuần phủ, tâu xin xuất quân. Trong tờ biểu đại khái nói rằng:

"Vâng lời thượng dụ: Chỉ nên làm thanh viện cho họ, để họ tự lo lấy không cần phải dấy quân làm to chuyện. Kính tuân theo thánh chỉ ấy, thần đã tra xét kỹ càng các nơi đường sá qua lại. Từ đài Chiêu-Đức đến đô thành nước họ, quân đi chẳng qua chỉ mất sáu ngày. Ở Lạng Sơn hơi có lam chướng. Qua khỏi đó, thủy thổ đều tốt lành. Đại quân tiến lên đóng ở La Thành (người Trung Quốc bây giờ cũng thường gọi Thăng Long là La Thành (một thành do Cao Biền đắp ở vùng Hà Nội từ thời thuộc Đường)) vừa không nóng nực lại không có lam chướng. Và lại cũng cần điều võ giương oai, phô trương thanh thế quân ta ở đây, để cho giặc biết là không thể địch nổi. Rồi sau mới sai phái các quân ứng nghĩa của nước họ tự đi đánh dẹp lấy. Quân ta sẽ không đến nổi phải vấy máu mũi gươm, mà quân giặc đều bị bắt giết. Như vậy, công trạng hẳn chóng thành. Trộm nghĩ lần đi này thực đúng như lời thánh thượng đã dạy. Lần trước cứ tâu đi tâu lại thần tự biết là đã phạm cái sai lầm câu nệ, chậm trễ. Việc binh cần mau chóng, nếu gặp được cơ hội, thần dám đâu không hết sức tính việc biên thủy để xứng đáng với sự giao phó của bề trên? Đến như sau khi dẹp yên, các công việc cần phải xử trí ra sao, thần sẽ xin kính cẩn viết tờ biểu tiếp tục tâu lên".

Rồi đó, Nghị hoả tốc tư cho bọn đốc thần ở các tỉnh Vân Nam, Quý Châu, tuân theo như chỉ vua đã gửi trước từ hai tỉnh ấy kéo quân theo đường Tuyên Quang mà đi, còn đại binh thì qua ải Nam Quan, do đường Lạng Sơn tiến sang.

Thật là:

*Vâng lệnh, nguyên hung coi hồng hách,
Ra quân, đại tướng vẽ vên vang.*

Chưa rõ lần ấy thua được ra sao? Hãy xem hồi sau phân giải.

Hồi thứ mười ba

*Khiếp thanh thế, giặc mạnh rút lui
Nhờ viện binh, vua xưa trở lại*

Lại nói, lúc sắp xuất quân, Tôn Sĩ Nghị lại dâng tiếp một tờ sớ, đại ý nói:

"Thần nghe họ Lê ở nước An Nam hèn yếu, sau này không chắc đã giữ được nước. Nay họ sang cầu cứu, bản triều theo nghĩa phải cứu giúp. Vả chăng, An Nam vốn là đất cũ của Trung Quốc (chỉ nước ta ở thời kỳ Bắc thuộc), nếu sau khi khôi phục họ Lê rồi, nhân đó lại cho quân đóng giữ, thì như thế là bảo tồn họ Lê mà đồng thời lại chiếm giữ được nước An Nam, một công mà hai việc vậy".

Tuần phủ là Tôn Vĩnh Thanh dâng sớ chống lại lời bàn ấy của Nghị, đại để nói:

"Triều đình mượn tiếng khôi phục họ Lê, khi thấy họ Lê không thể giữ được nước, lại định sai quan chiếm nước họ; ban đầu thì làm việc nghĩa, cuối cùng lại theo việc lợi, thần trộm cho là không nên. Hiện nay họ Lê họ Nguyễn (họ Nguyễn đây là chỉ Tây Sơn) đang đánh nhau, họ Lê thế nào cũng bị họ Nguyễn thôn tính. Chi bằng cứ đóng quân yên lặng, rồi sau đó, nhân lúc cả hai bên đều kiệt quệ, bấy giờ ta sẽ đánh lấy cũng chưa muộn gì".

Rốt cuộc, vua Thanh nghe theo lời Nghị. Vì không hợp ý với Nghị, Vĩnh Thanh bèn cáo ốm không đi.

Nghị một mình vâng chiếu đem quân bốn lộ Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu, ra khỏi cửa ải, rồi chia làm hai đạo: một đạo đi đường Lạng Sơn, do Nghị đốc suất; một đạo đi đường Tuyên Quang, do viên tổng binh đốc suất. Cả hai đạo đều chịu dưới quyền tiết chế của Nghị (theo Cương mục thì quân Thanh kéo sang gồm ba đạo: một do tổng đốc lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị và đề đốc Hứa Thế Hanh chỉ huy, theo đường ải Nam Quan qua Lạng Sơn kéo xuống; một do đề tổng Vân Quý là Ô Đại Kinh chỉ huy, do đường Mông Tự qua Tuyên Quang tràn sang; một do tri phủ Điền Châu Sầm Nghi Đống điều khiển, từ Khâm Châu qua Cao Bằng đổ xuống).

Nghị họp các tướng sĩ, ban bố quân luật gồm 8 điều như sau:

Điều thứ 1. - Đại binh ra ải, vốn để dẹp giặc an dân. Hễ qua các nơi đều phải nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi, không được quấy nhiễu nhân dân, cướp bóc chợ búa.

Điều thứ 2. - Ngoài ải, non cao rừng hiểm, miền ấy rất dễ mai phục, trước hết phải san bằng đá tảng, phát hết bụi rậm, để cho trước mắt quang đãng, có thể vững lòng mà tiến lên. Nếu gặp chỗ nào đất mới xấp bờ, càng nên để ý xem xét, để đề phòng mưu gian của giặc.

Điều thứ 3. - Hễ nơi nào đại binh địch đóng thì trước hết phải xem xét địa phương, chọn lấy hình thế, tìm nơi dễ lấy nước, lấy cỏ, chớ có đóng gần rừng rậm, bốn mặt phải đào hào đắp lũy và đốc suất binh lính đêm ngày tuần phòng, ngày đêm phải chia quân đi dò xét ở ngoài mười dặm, không được ồn ào, để gây ra kinh sợ rối loạn.

Điều thứ 4. - Người Nam đánh trận, hay dùng sức voi. Voi không phải là vật nội địa từng tập quen, nên hễ gặp phải, trước tiên quân ta thế nào cũng tránh chạy. Không biết rằng, sức voi tuy khoẻ, chung quy cũng là thân máu thịt, không thể đương được với súng ống của ta. Nếu thấy voi ra trận, xa thì bắn súng, gần thì dùng cung và lao, làm cho nó bị đau mà chạy trở lại, giày xéo lẫn nhau, quân ta nhân cơ hội ấy mà tiến lên chém giết, thế nào cũng thắng trận, không còn nghi ngờ gì nữa. Cần phải chỉ bảo cho nhau cùng được biết.

Điều thứ 5. - Quân Nam không có sở trường gì khác, toàn dùng thứ ống phun lửa làm lợi khí, gọi là "hoả hổ". Khi hai quân giáp nhau, trước hết họ dùng thứ đó đốt cháy quần áo người ta, buộc người ta phải lui. Nhưng tài nghệ của họ cũng chỉ có thế mà thôi, so với súng ống của ta thì còn kém rất xa. Hiện nay ta đã chế sẵn vài trăm lá chắn bằng da trâu sống. Nếu gặp "hoả hổ" của người Nam phun lửa, thì quân ta một tay cầm lá chắn đỡ lửa, một tay cầm dao chém bừa, chắc rằng chúng sẽ phải bỏ chạy tan tác.

Điều thứ 6. - Đại binh đi đường, nếu gặp khe suối dòng sông, chỗ nào nước sâu thì phải chặt lấy tre gỗ bắc làm cầu phao, để binh mã vượt qua cho tiện, chỗ nào sông hẹp nước nông, thì viên quan coi quân phải dò thử đích xác, rồi cho quân lính nối tiếp nhau như xâu cá mà kéo đi. Lúc xuống nước, không được đem bụi nhùi, thuốc súng bạ đâu vứt đấy để bị ẩm ướt.

Điều thứ 7. - Rau củ của đại binh dùng hàng ngày, đã có tiền công cấp phát; chỉ được đổi chác với người Nam bằng cách thuận tình, không được tự tiện chặt cây cối ở các làng xóm, để sinh ra tranh giành. Nếu ở chỗ nào cách rừng núi độ một hai dặm, cần sai quân lính bảo vệ cho kẻ đi kiếm củi, không được tự ý đi xa, để xảy ra biến cố khác. Đến như việc lấy nước nấu cơm, cũng phải do viên quan coi quân xét nghiệm rõ ràng, quả thật trong sạch không có độc mới cho múc uống.

Điều thứ 8. - Những quân lính bị thương hoặc bị ốm, viên quan coi quân phải tra xét tường tận, làm giấy bẩm rõ, rồi cho đưa về doanh điều trị, để tỏ sự giúp đỡ, thương xót. Nếu có bọn quân lính không tốt, giả làm bị thương hay đau ốm, hòng được về nhà, một khi tra ra sẽ trị tội ngay tức khắc. Và lại, lần này hành quân xa xôi qua miền biên ải, triều đình thương đến binh lính, đã chu cấp rộng ra ngoài thể lệ, mỗi người lính được cấp một tên

phu. Các viên coi quân cần hiểu dụ trước cho mọi người biết. Lính và phu cũng cần phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, không được tùy tiện sai khiến một cách tàn ngược. Đến như lúc hành quân, lính đều phải lấy khí giới, không được tự mình buông tay đi không, vật gì cũng giao cho phu dịch mang đội, để đến nỗi họ không thể chịu nổi, phải giữa đường bỏ trốn. Ngoài ra, số phu quá nhiều, tra cứu rất khó, thậm chí có người ở doanh trước lẫn vào doanh sau, người này người kia không quen biết nhau, dễ sinh ra lộn xộn. Do đó, phải cấp cho mỗi tên phu một mảnh thẻ bài đeo ở lưng, kê rõ tên họ, doanh hiệu, để tiện nhận xét phân biệt. Các điều quân luật trên đây, quân lính đều phải tuân theo một cách nghiêm túc. Kẻ nào làm trái, nhất thiết xử theo quân pháp, không tha.

Rồi đó, trước tiên Nghị sai truyền hịch sang dụ nước Nam, đại lược nói:

"Dây nước đã diệt, nổi dòng đã tuyệt, việc đáng làm nào kẻ nơi man rợ, xa xôi; vớt người bị chìm, cứu kẻ bị thiêu, đừng chẳng được phải dùng đến cung tên, binh lính. Nghĩ lại họ Lê ở An Nam vốn là công thần của thiên triều. Ba trăm năm vật sản tiến dâng, kính theo chức phận; mười lăm lộ đất phong chia cắt, gồm có nước nhà. Thế mà khoảng năm Càn-Long, tù trưởng trong nước là bọn Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, dấy quân làm loạn, đánh phá La Thành: vua Lê trước vì lo sợ mà phải qua đời, tự tôn là Duy Kỳ phiêu bạt ra ngoài. Bè tôi cũ là Nguyễn Huy Túc đem mẹ và vợ tự tôn chạy sang nội địa, tha thiết xin quân cứu viện. Sau khi hỏi rõ bọn Túc, thì tự tôn hiện nương nấu ở vùng Kinh Bắc, Lạng Sơn, thần dân còn nhớ chủ cũ. Nguyễn Nhạc là quân mọi rợ như giống trâu dê, quen thói hung tợn của loài lang sói, đến đâu cướp bóc đó, trăm họ oán đến xương tuỷ. Từ một tên dân ở nơi biên thủy nổi dậy, can phạm luân thường, làm trái nghĩa lý, đạo trời không thể dung tha; lại dám hoành hành ở nơi nội địa, bạo ngược quần chúng, tàn hại nhân dân, phép vua cũng cần phải đánh. Hiện đã đem việc này tâu lên, vâng được đức đại hoàng đế thương xót đến họ Lê tan nát, không nỡ để Giao Châu làm than; đặc cách sai quan đốc phủ đeo ấn chinh Man (xưa bọn thống trị Trung Quốc gọi các dân tộc ở phương nam là Man (man rợ chưa khai hoá); "chinh Man" đây nghĩa là: đi đánh Việt Nam) đại tướng quân, điều động năm mươi vạn quân, thẳng tới La Thành, trị tội bọn Nguyễn Văn Nhạc, không để chúng trốn thoát hình phạt của trời. Dân nước Nam đời đời tôn đội vua Lê, nhờ ơn nuôi dưỡng đã lâu, tri năng chưa mất, tình cảm đang còn, không thể để mất lương tâm trời cho, bỏ vua theo giặc. Kẻ nào có thể xướng trước tiếng nghĩa, dựa vào thiên triều làm nơi cứu viện, nhóm họp các người đồng chí, ra sức trừ diệt quân thù, cửa ải hát khúc khai ca, mạc phủ (chỗ làm việc ở nơi đóng quân của các tướng soái đời xưa) dâng lên công trạng, sẽ được cắt đất chia phong, hưởng chung phúc lộc với họ Lê, như ông tổ họ Trịnh ngày trước. Hịch văn đưa tới, quân lính đều nên hăng hái, mài giữa giáo mác của các người mà chống lại quân thù của nhà vua. Đồng lòng chung sức, ắt có công lao. Rồi sẽ ngựa trông ban thưởng ở cửa công, giữ mãi phúc chung ở trong nước. Hãy cố gắng lên!".

Lúc đó, tướng Tây Sơn là Nguyễn Văn Diễm và Phan Khải Đức đang đóng giữ Lạng Sơn, thấy tờ hịch đến đều run sợ. Trong khoảng một ngày, thổ binh do họ chiêu tập được, bỏ trốn mất quá nửa. Khải Đức trước hết bí mật sai lính đem thư sấp đến cửa ải xin hàng.

Văn Diễm tự liệu quân mình lẻ loi, thế không chống nổi; vả mình lại là người Quảng Nam, nếu có hàng, chưa chắc đã được bao dung, bèn đang đêm rút quân bỏ trốn về Kinh Bắc, cùng với viên lưu thủ ở đó là Nguyễn Văn Hoà hợp sức giữ lấy trấn thành, rồi sai lính cưỡi ngựa đưa thư về Thăng Long cáo cấp.

Lại nói, Bắc bình vương Nguyễn Huệ từ mùa hè năm ngoái ra Thăng Long giết viên chủ tướng tiết chế là Võ Văn Nhậm, rồi thay đổi quan quân, chỉnh đốn công việc, chuyển giao cho các viên đại tư mã Ngô Văn Sở, nội hầu Phan Văn Lân, chương phủ Nguyễn Văn Duyệt, đô đốc Nguyễn Văn Tuyết, thị lang bộ Hộ Trần Thuận Ngôn, thị lang bộ Lại Ngô Thì Nhậm cùng giữ thành Thăng Long. Lúc sắp lên đường về Nam, Huệ mở tiệc họp đông đủ mọi người, rồi nói:

Sở và Lân là nanh vuốt của ta; Duyệt và Ngôn là tâm phúc của ta; Tuyết là cháu của ta; còn Nhậm thì vừa là bề tôi vừa là khách của ta, lại là dòng văn học Bắc Hà, thông thạo việc đời. Nay ta giao cho các người cả mười một trấn trong toàn hạt (thời Lê, Bắc Hà gồm 11 trấn. Về sau, Quang Trung có chia lại). Những việc quan trọng trong nước, đều cho tùy tiện mà làm. Mọi việc cùng nhau họp bàn ổn thỏa, chớ vì kẻ cũ người mới xa cách nhau. Ai nấy phải đồng lòng hiệp sức, lo chung công việc để xứng đáng với sự trông mong của ta. Các người hãy cố gắng nữa lên!

Mọi người đều đứng dậy lạy tạ và xin vâng mệnh. Sau đó, Bắc bình vương chọn ngày lên đường về Nam.

Từ khi ấy, trên rừng dưới biển hễ có ai dám ngang ngạnh, Sở chỉ cần sai một viên tỳ tướng đi đánh là dẹp tan được ngay. Các phủ huyện có đệ án kiện, giấy tờ lên thì Sở cứ theo việc mà xử, không để ứ đọng. Trong những ngày rỗi, Sở thường cưỡi ngựa qua các đường phố để mua vui, tự cho rằng ở Bắc Hà không còn việc gì khó.

Một hôm, mọi người cùng họp nhau ăn uống ở nhà hiệp nghị, Sở bảo Lân và Tuyết rằng:

- Chúa công đem cả thành lớn giao phó cho ta, cũng ví như sai người cất áo gấm mà chưa thể tin là có biết cách cầm kéo hay không. Các ông thấy việc đó ra sao? Giả sử có Tề thiên đại thánh từ trên trời rơi xuống hay Diêm vương từ dưới đất lên, ta cũng chỉ quét một lười là hết. Huống chi cái lũ tạp nhep, chẳng qua chỉ để người ta thử xem grom có sắc hay không, chứ làm được trò trống gì?

Rồi Sở ngoảnh lại bảo Ngô Thì Nhậm rằng:

- Quan thị lang thật giỏi về nghề văn học, còn việc cung kiếm có thông thạo gì không?

Nhậm nói:

- Có văn tất phải có võ, văn võ không phải chia làm hai đường. Nhưng người xưa dùng binh, gặp việc thì lo sao ngài lại lấy việc binh làm trò chơi mà coi thường như thế? Tôi trộm nghe bọn người nước ta chạy sang bên Trung Hoa, trong đó có nhiều người định xúi họ, mở mang bờ cõi, gây ra binh biến. Ngài chịu sự ký thác ở cõi ngoài, e rằng không khỏi một phen bạc đầu vì lo lắng, đến lúc ấy ngài nên nhớ đến lời nói của tôi.

Sở cười và nói:

- Lúc ấy sẽ phiền ông làm một bài thơ để lui quân giặc. Nếu không làm được như thế, thì túi dao bao kiếm chính là phận sự của kẻ võ thần, can gì phải quá lo?

Chẳng bao lâu, nghe tin báo ở ngoài biên ải đưa về. Sở rất kinh sợ, tức thì hội họp các quan văn võ cũ của nhà Lê, mượn tiếng Sùng nhượng công Duy Cận coi việc nước, làm một bức thư đứng tên Duy Cận; lại giả danh các hào mục lập một tờ trạng suy tôn Duy Cận làm giám quốc; rồi sai bọn quan văn là Nguyễn Quý Nha, Trần Bá Lãm, Võ Huy Tấn, bọn quan võ là Nguyễn Đình Khoan, Lê Duy Chử, Nguyễn Đăng Đàn đem bức thư và tờ bẩm tới cửa ải để xin hoãn binh. Một mặt, Sở họp với bọn Văn Lân bàn việc đánh giặc. Chương phủ là Nguyễn Văn Dụng nói:

- Trộm nghe hồi cuối đời Trần, người Minh sang lấn nước ta, có bọn Hoàng Phúc, Trương Phụ, Mộc Thạnh, Liễu Thăng đều là những tướng kiệt hiệt của Trung Quốc. Bấy giờ vua Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở vùng Lam Sơn, thế lực không địch nổi họ. Nhưng hành binh theo cách quỷ quyệt, lại hay dùng mưu mẹo khôn ngoan; rồi nhờ khéo dùng cách mai phục, nhân lúc quân giặc không phòng bị mà đánh úp; cho nên có thể lấy ít quân mà đánh được kẻ nhiều quân, vây Vương Thông ở bến Đông Bộ, giết Liễu Thăng ở núi Mã Yên (Bến Đông Bộ tức bến Đông Tân ở khúc sông Nhĩ Hà, Hà Nội. Núi Mã Yên ở xã Mai sao thuộc huyện Ôn Châu, Lạng Sơn) võ công tuyệt lạ, ngàn thừa ngợi khen. Nay người Thanh ở xa đến đây, phải trèo đèo vượt suối, ta lấy quân nghỉ ngơi mà đón đánh quân nhọc mệt, nhắm trước các nơi xung yếu, cho quân nấp sẵn để chờ; cứ làm theo kế ấy, lo gì mà không thắng?

Thì Nhậm nói:

- Không phải thế! Ông chỉ biết một mà chưa biết hai. Việc thiên hạ, tình tuy giống nhau mà thế có khác nhau, sự đắc thất do đó cũng khác hẳn. Xưa kia, nước ta bị phụ thuộc vào Trung Quốc, quân Minh buông tuồng làm điều tàn bạo. Người cả nước ai cũng muốn đuổi chúng đi. Cho nên vua Lê Thái Tổ chỉ gọi một tiếng là xa gần hưởng ứng, hào kiệt trong nước kéo đến như mây tụ. Mỗi lúc đánh nhau với giặc, người trong nước chỉ lo quân mình bất lợi. Mỗi khi có tin thắng trận, ai nấy đều hết sức vui mừng. Lòng người như thế, nên hễ chỗ nào có quân mình mai phục, thì người ta đều giấu kín cho, khiến giặc không hề biết. Sở dĩ thắng được giặc, đều bởi có ấy. Ngày nay, những người bề tôi trốn tránh của nhà Lê, đâu đâu cũng có nghe tin quân Thanh sang cứu, họ đều ngẩn cổ mà trông. Sĩ dân cả nước, giành nhau mà đón chúng. Quân ta mai phục ở đâu, địa thế hiểm hay không, số

quân nhiều hay ít, quân giặc chưa biết thì họ đã báo trước với chúng. Chúng sẽ nhân kế của ta mà lập kế của chúng, rồi bốn mặt kéo đến vây bắt. Quân cơ đã bị tiết lộ, tự nhiên mất hết điều tiện lợi. Ấy là mình tự hãm mình vào chỗ chết. Còn hồng đánh úp được ai? Binh pháp có nói: "Khéo che đây không khi nào không thắng, vụng che đây không khi nào không thua". Được thua khác nhau là do ở chỗ xưa với nay khác nhau vậy!

Sở hỏi:

- Vậy thì nên làm thế nào?

Nhậm trả lời:

- Phép dụng binh chỉ có một đánh một giữ mà thôi. Nay quân Thanh sang đây, tiếng tăm rất lớn. Những kẻ trong nước làm nội ứng cho chúng, phần nhiều là phao tin đồn nhảm, làm cho thanh thế của chúng to thêm, để cho lòng người sợ hãi lay động. Quân ta có ai được sai phái đi đâu, vừa ra khỏi thành là đã bị bắt giết. Số người Bắc Hà thuộc vào số quân của ta, hễ gặp dịp sơ hở là bỏ trốn liền. Đem đội quân ấy mà đánh, không khác gì xua bầy dê đi chọi cọp dữ, không thua sao được? Đến như việc đóng cửa thành mà cố thủ, thì lòng người đã không vững, ắt thế nào cũng sinh ra mối lo ở bên trong. Dầu cho Tôn, Ngô (tức Tôn Võ, người nước Tề đời Xuân Thu, và Ngô Khởi người nước Vệ đời Chiến quốc; hai nhà quân sự nổi tiếng của Trung Quốc thời xưa) sống lại, cũng phải bó tay, không thể làm được gì. Thật chẳng khác gì đem một con chạch bỏ giỏ cua. Xin nghĩ kỹ mà xem! Đánh đã chẳng được, giữ cũng không vững. Vậy thì cả hai chức đánh và giữ đều không phải là kế hay. Nghĩ cho cùng thì chỉ còn một cách này: sớm sớm truyền cho thủy quân chở đầy các thuyền lương, thuận gió giương buồm, ra thẳng cửa biển, đến vùng Biên Sơn mà đóng. Quân bộ thì sửa soạn khí giới, gióng trống lên đường, lui về giữ núi Tam Điệp. Hai mặt thủy bộ liên lạc với nhau, giữ lấy chỗ hiểm yếu, rồi cho người chạy giấy về bẩm với chúa công. Thử xem quân Thanh đến thành, khu xử việc nhà Lê ra sao? Vua Chiêu thống sau khi phục quốc, xếp đặt việc quân việc nước thế nào? Chờ chúa công ra, bấy giờ sẽ quyết chiến một phen cũng chưa muộn gì.

Sở nói:

- Chúa công về Nam, đem thành này giao phó cho ta. Giặc đến thì phải sống chết với giặc, còn mất với thành, trên không thẹn là kẻ bề tôi giữ đất, dưới không phụ chức trách cầm quân. Nếu mới thấy bóng giặc đã trốn, bỏ thành cho giặc, chẳng những mang tội với chúa công mà người Bắc còn coi ta ra cái gì?

Nhậm nói:

- Tướng giỏi thời xưa, lường thế giặc rồi mới đánh, nắm phần thắng rồi mới hành động, tùy theo tình thế thay đổi mà bày ra chước lạ. Giống như đánh cờ, trước thì chịu thua người một nước, sau mới được người ta một nước; đừng có đem nước sau làm nước

trước, đó mới là tay cao cờ. Nay ta hãy bảo toàn lấy quân lực mà rút lui, không bỏ mất một mũi tên. Cho chúng ngủ trọ một đêm, rồi lại đuổi đi, cũng như ngọc bích của nước Tấn đời xưa, vẫn nguyên lành chứ có mất gì. Nếu có vì thế mà mắc lỗi, tôi sẽ xin bặc bạch với chúa công, thế nào cũng được chúa công lượng xét, xin ông chớ nghi ngại.

Sở bèn nghe theo, rồi mật truyền cho các viên trấn thủ ở Kinh Bắc, Thái Nguyên, Lạng Sơn một mặt nói phao là đem quân đắp lũy ở sông Như Nguyệt, một mặt cất lên rút quân về. Lại tư cho các viên trấn thủ ở Hải Dương, Sơn Tây, hẹn ngày họp quân ở thành Thăng Long. Còn trấn Sơn Nam thì sắp sửa thuyền bè, chờ thủy quân đến sẽ cùng xuất phát.

Qua năm ngày, các đạo quân đều kéo đến đầy đủ, cùng dự cuộc duyệt lớn ở bãi sông. Rồi đó, Sở hạ lệnh cho quân bộ sắp sẵn lương khô để chờ sai phái. Trước hết, Sở cho thuộc tướng là Đặng Văn Chân đốc suất lính thủy đi xuống phía đông. Cất đặt vừa xong, thì trời sập tối, chợt thấy bọn Nguyễn Quý Nha, Nguyễn Đình Khoan từ trên ải Nam Quan chạy về nói rằng: khi họ đến Nam Quan, bị bọn lính canh cửa ải của nhà Thanh ngăn chặn không cho sang; hiện nay quân Thanh đã qua Nam Quan, quân bộ và quân kỵ của đội tiền phong đã tiến đến địa phận huyện Phượng Nhãn và đóng tại đó.

Sở liền họp các tướng, định rút lui. Phan Văn Lân nói:

- Quân không cứ nhiều, nước không cứ lớn. Nay ta làm tướng cầm quân ở ngoài, giặc đến chưa từng đón đánh, chỉ mới nghe tiếng dọa hãi đã vội rút lui, thì còn làm tướng làm gì nữa? Tôi xin đem một ngàn quân tinh nhuệ, đến thẳng sông Như Nguyệt, đánh nhau với chúng một trận, xem khí thế của chúng ra sao và người Nam với người Thanh ai khỏe hơn ai, để cho chúng biết rằng bọn ta cũng không phải là hèn nhát. Đó cũng là sự tính toán tất thắng trước dùng thanh thế của mình để dè bẹp bên địch vậy!

Sở cũng cho là phải.

Lân bèn đem quân qua sông đi sang phía bắc. Canh ba tới bờ phía nam sông Như Nguyệt, nghe tin quân của Tôn Sĩ Nghị đã đóng ở núi Tam Tầng. Lúc ấy tiết trời giá rét, lân kéo quân qua sông thách đánh. Tướng sĩ vốn sợ oai của Lân, phải liều với khí lạnh mà lội bừa xuống nước. Ra đến giữa sông, những kẻ cồng quá không thể qua được, đều bị chết đuối. Còn những kẻ vào tới được bờ cũng đều bị quân Thanh giết chết. Lân liệu chừng không thể giao chiến được nữa, liền vẫy quân chạy lui. Đám quân tan vỡ trốn vào các làng, đều bị dân chúng bắt nộp cho quân Thanh. Lân chỉ trợ một mình một ngựa mà chạy về.

Sở sợ quá, giấu kín việc bại trận không cho ai biết, rồi truyền lệnh cho các đạo quân nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi. Đúng giữa trưa, đi qua Phú Xuyên (thuộc Hà Đông (Hà Sơn Bình)), người ta mới biết là Sở rút quân. Hôm sau tới huyện Yên Mô (thuộc Ninh Bình

(Hà Nam Ninh)), Sở sai chia quân đóng đồn dọc theo ven núi Tam Điệp, thẳng đến bờ biển, hai mặt thủy bộ liên lạc với nhau để cố thủ.

Trước đó, vua Lê đang lẩn lút ở vùng Kinh Bắc, Lạng Sơn, nghe tin Tôn Sĩ Nghị đưa hịch sang nước Nam và hẹn ngày đến cửa ải, nhà vua bèn bí mật sai người đi gọi nghĩa sĩ bốn phương. Các quan văn võ nghe tin, cũng đều khuyên bảo hào mục các địa phương, nhóm họp hương binh để chờ đợi.

Rồi đó, vua sai Lê Duy Đản đem thư lên cửa ải để yết kiến Tôn Sĩ Nghị, bẩm rõ tình hình trong nước với Nghị và nói rằng: TỰ quân vừa bị cầm hàn, không thể đi đường, xin chờ đón ở trấn thành Lạng Sơn.

Đến khi nghe tin quân Tây Sơn rút lui, vua mới truyền cho các đạo quân cần vương đều tới nơi hành tại; rồi kén lấy hạng khỏe mạnh một ngàn người sung làm quân túc vệ ở doanh vua; còn bao nhiêu thì giao cho các tướng lập thành đội ngũ, ai đem bộ thuộc của người nấy chia giữ các trấn. Trần Quang Châu lĩnh trấn Kinh Bắc. Nguyễn Đạo lĩnh trấn Hải Dương. Hoàng Tố Nghĩa lĩnh trấn Sơn Nam. Hoàng Phùng Tứ lĩnh trấn Sơn Tây. Mọi người đều vâng mệnh đi tới lỵ sở. Riêng Trần Quang Châu thì ở lại hành doanh bảo vệ xa giá. Châu xin dõng xe vua về trấn Kinh Bắc, sửa sang thành lũy, xây dựng nhà cửa để chờ quân Thanh. Vua nghe lời.

Đoạn nhà vua lại sai bọn binh chương Phạm Đình Dữ, tham tri Vũ Trinh đem thiệp thỉnh an lên đất Hoà Lạc gặp Sĩ Nghị, nói rõ: Hiện nay đã phái quân chia đi kinh lược bốn trấn ở ngoài đô thành, lòng bắt bọn giặc lên trốn ở các nơi. Xin đưa một số thổ sản nhỏ mọn là mười con trâu, một trăm vò rượu, làm lễ khao quân, ngược trông thu nhận cho.

Vua lại truyền phải sức cho các kỳ lão và các xã dân mấy huyện ven đường, sửa soạn đón rước quân Thanh.

Đại quân của Sĩ Nghị đi sang phương Nam, dọc đường đều thuận lợi thông suốt. Kịp khi tới núi Tam Tầng đóng quân lại, đến đêm, tuy Phan Văn Lân định quấy rối, nhưng bị giá rét làm cho thương tổn, nên Nghị chưa đánh mà quân Lân đã tan. Ngô Văn Sở nghe tin cũng thu quân bỏ chạy cả đêm từ lâu rồi. Thế là trên đường tiến quân không còn ai dám ngăn trở Nghị. Do đó, Nghị không hề lo sợ mà lại có vẻ kiêu căng. Mới thấy Vũ Trinh, y liền hỏi:

- Lúc đại binh ra cửa ải, trước hết đã có đưa hịch sang bá cáo, quân giặc sợ hãi đã ôm đầu chạy trốn. Nghĩ rằng thần dân bên ấy, ai lại không phấn chấn nổi dậy? Dựa vào oai trời mà lo giết giặc nước, chẳng mấy chốc sẽ có thể thành công, sao cứ một mực nhu nhược, để chúng được chạy trốn một cách rảnh rang? Bây giờ đại binh đã đến địa giới nước mình mà các người vẫn tuyệt nhiên không làm nên công trạng gì. Như thế, còn gọi là nước có người được chăng?

Trình nói:

- Nước nhỏ này tự mình không thể làm được việc, mới đến nỗi phải gõ cửa ả cầu cứu. Nếu sức của chúng tôi có thể chế ngự được chúng thì đâu dám phiền đến đại binh? Nay cụ lớn lấy điều đó quở trách, tôi còn biết nói làm sao? Xin thưa về tình hình của giặc. Nguyễn Nhạc sinh trưởng ở vùng Tây Sơn, có sào huyệt hiểm yếu để nương tựa. Nguyễn Huệ là tay lão luyện về trận mạc, lại nắm giữ đội quân hùng mạnh. Từ khi kéo quân về Nam, anh em chúng đánh lẫn nhau. Nhạc ở Tây Sơn, Huệ chiếm Thuận Hoá, ai nấy tự xưng hùng, kẻ đế, người vương. Còn ở quốc thành của nước tôi, chỉ có đồ đảng của chúng là bọn Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân mà thôi. Được tin thiên binh đến, bọn chúng chưa biết hư thực thế nào, nên hãy thu quân tạm lánh. Nhưng nghe đâu bọn chúng đóng quân chặn ở núi Tam Điệp, ngăn hẳn từ đất Trường Yên (tên phủ, thuộc Ninh Bình, giáp liền với Thanh Hoá) về Nam, mưu đồ lại tiến ra đất Bắc lần nữa. Một tên tỳ tướng, còn kiệt hiệt như thế, huống chi tên đại tù trưởng của chúng? Nếu không dùng đạo binh thật lớn mà đánh, làm sao có thể bắt sống được chúng? Nước tôi sau khi loạn lạc tan tác, tướng ít quân hèn, sợ rằng khó lòng làm xong việc. Nhờ oai linh lừng lẫy của cụ lớn, tên tù trưởng mọi rợ sợ oai phải đến hàng, đó là điều mong mỏi của nước nhỏ này.

Nghị cười mà rằng:

- Nước người vì bị tàn ngược đã lâu, mất cả tinh thần khí khái, nên động một tý là đem hùm sói doạ nhau. Theo ta xem xét thì chúng chỉ như hạng trâu dê, sai một người đem thừng buộc lấy cổ mà lôi về, hẳn cũng không khó gì. Đợi khi quân ta đến La Thành, nhỏ bãi nước bọt xoa tay là làm xong việc. Người hãy chờ mà xem!

Lúc Nghị tới trấn Kinh Bắc, vua Lê tự đem các quan đến chào, Nghị yên ủi rằng:

- Quý tự ("Quý tự" là người nối nghiệp tôn quý, đây trở Chiêu Thống) mắc phải nạn lớn đã nhiều năm, nhờ đức đại hoàng đế thương xót, sai bản chức đem quân hộ tống mẹ và vợ ngài về nước. Chuyến này sang đây, giúp việc kinh lý, trước hết cần bắt cho hết đảng giặc, rồi sau chỉnh đốn quy mô, làm kế lâu dài. Bao giờ mọi việc đều muôn ngàn lần ổn thoả rồi, bấy giờ mới rút quân, xin chớ lo gì về việc nước nữa.

Vua Lê nói:

- Đội ơn đại hoàng đế, đức cả như trời, không sao hình dung được cho hết. Lại nhờ cụ lớn hạ mình tới đây, khiến cho nước chúng tôi được thấy ánh sáng của áo cừu, đai ngọc, được thoả lòng ngửa trông sao Bắc Đẩu, núi Thái Sơn. Mọi tình vui mừng, kính mến, không sao kể xiết!

Rồi nhà vua mời Nghị vào dinh nghỉ tạm. Nghị nói:

- Đây cách quốc thành không xa, cần đi ngay, không nên dùng dằng.

Nghị liền sai bắn chín phát súng và nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi.

Chập tối, đến bờ bắc sông Nhĩ Hà, vua Lê xin qua sông vào kinh thành trước, rồi sai sắm sửa giường màn ở điện Kính Thiên, mời Nghị vào ở, Nghị không ưng, nói:

- Chỗ ấy không phải là hành doanh của đại tướng, đối với việc quân có nhiều điều bất tiện.

Đoạn Nghị truyền lệnh chia quân đóng ở nơi quang đãng trong hai bãi cát phía bờ nam và bờ bắc sông Nhĩ Hà; lại sai bắc cầu phao trên mặt sông để tiện đi lại. Hôm ấy nhằm ngày 11 tháng 11 năm Mậu thân (1788).

Hôm sau, vua thân hành đến chờ đón ở doanh của Nghị.

Nghị sai người bày biện nghi trượng rất long trọng ở điện Kính Thiên, rồi truyền cho trăm quan tới hầu. Vua Lê đội mũ miện, mặc áo cổn quý ở giữa sân. Nghị dẫn bọn liêu thuộc đến, rồi tuyên đọc tờ sắc của hoàng đế nhà Thanh phong cho vua Lê làm An Nam quốc vương. Trong tờ chế phong vương, đại lược nói rằng:

"Chia ra cõi bờ mười ba đạo, không phải tham gì đất đai này; đã lo chức cống ba trăm năm, há chẳng nghĩ đến tổ tông trước?...".

Xong lễ thụ phong, vua bèn theo lệ thảo tờ biểu tạ ơn, xa trông cửa khuyết mà lạy tạ, rồi nhờ Nghị cho đệ tờ biểu đi.

Nghị nhận lời.

Tuy vua Lê đã được phong Vương, nhưng giấy tờ đưa đi các nơi, đều dùng niên hiệu Càn-Long. Vì có Nghị ở đây nên không dám dùng niên hiệu Chiêu Thống. Ngày ngày sau buổi chầu, vua lại tới chờ ở doanh của Nghị để nghe truyền việc quân, việc nước. Vua cuời ngựa đi trước, Lê Quýnh cuời ngựa đi sau, quân lính hộ vệ chỉ vài chục người. Người trong kinh có kẻ không biết là vua. Hoặc có người biết, thì họ nói riêng với nhau rằng:

"Nước Nam ta từ khi có đế, có vương tới nay, chưa thấy bao giờ có ông vua luôn cúi đê hèn như thế. Tiếng là làm vua, nhưng niên hiệu thì viết là Càn-Long, việc gì cũng do viên tổng đốc, có khác gì phụ thuộc vào Trung Quốc?".

Nghị cũng ngông nghênh tự cho mình là tôn quý; có lúc vua tới yết kiến, y không buồn tiếp, chỉ cho người đứng ở dưới linh các truyền bảo: "Hôm nay không có việc quân, việc nước gì. Hãy về cung yên nghỉ!".

Lễ ý và sự thù tiếp của y đối với nhà vua hết sức sơ sài như vậy. Còn đối với quân lính, thì y lại hay dung túng cho chúng mặc sức làm điều phi pháp.

Trước kia, người Trung Hoa ngụ cư ở các nơi như phường Hà Khẩu (khu vực phố Hàng Buồm, Hà Nội bây giờ) ở đô thành, phố Cơ Xá ở trấn Kinh Bắc và phố Hiến Doanh (nay là Hưng Yên (Hải Hưng)) ở trấn Sơn Nam có tới hơn vạn người. Đến lúc ấy, bọn họ đều đến bám theo các đồn quân của Nghị, hoặc lập riêng ra điểm Liễu để. Bọn họ thông thạo tiếng nước Nam, am hiểu phong tục tập quán nước Nam; do đó, họ liền nhân cơ hội kiếm mọi cách vu hãm những người lương thiện, áp bức cướp bóc những nhà giàu có, thậm chí giữa chợ, giữa đường cũng cướp giạt của cải, hãm hiếp đàn bà, không còn kiêng sợ gì cả. Nhân dân ở quanh kinh kỳ luôn luôn bị khổ sở với bọn họ.

Vua Lê tuy biết sự tệ hại ấy, nhưng đã trót mời quân Thanh sang, chỉ sợ vì việc đó mà làm méch lòng chúng, nên cũng khó ăn khó nói.

Nghị cũng không phải không biết tình trạng như vậy, song cũng mặc cho bọn ấy tha hồ làm bậy, không hề ngăn cấm gì hết.

Lại nói, từ khi vua Lê trở về kinh thành, các quan văn võ trước kia phiêu bạt đều lục tục kéo đến lạy mừng. Vua bèn ban thưởng cho những người đã từng theo đi trốn, hoặc những người có công giúp đỡ. Phong cho Phạm Đình Dữ làm thượng thư bộ Lại, kiêm bình chương sự, Nguyễn Huy Túc làm đồng bình chương sự, Lê Duy Đản, Vũ Trinh đều làm tham trí chính sự, Nguyễn Đình Giản làm thượng thư bộ binh, kiêm tri xu mật viện sự, Nguyễn Duy Hiệp, Chu Doãn Lệ làm đồng tri xu mật viện sự, Trần Danh án làm phó đô ngự sử, Lê Huy Tấn, Phạm Quý Thích làm độ chi bộ Hộ, Lê Xuân Hạp, Ngô Vi Quý làm đồng tri binh chính, Lê Quýnh làm quân trung uý đốc, tước quận công, lĩnh quân cần vương theo Tôn Sĩ Nghị lo liệu và xử trí việc quân. Ngoài ra, các quan liêu trong ngoài đều về các dinh thự làm việc như cũ.

Viên phó hiến ở trấn Kinh Bắc là Ngô Tường Đào lấy cố già ốm, từ chối không nhận chức, và dâng sớ nói rằng:

"Vận trời đang lúc gian truân, không ngờ lại được thấy bóng mặt trời, thật là cái phúc vô cùng của xã tắc. Thần trộm nghĩ rằng: Việc binh cốt phải mau chóng. Nếu cơ hội có thể làm được, hà tất việc gì cũng cứ giao phó cho quân nước ngoài để đến nỗi dềnh dàng ngày tháng. Hiện nay quân cần vương các lộ, ai không muốn hết lòng hết sức lập công ít nhiều? Nhân khi quân giặc vừa rút lui, ta nên lập tức đem đại binh đuổi sát gót, như tiếng sét chớp nhoáng không kịp bịt tai, bọn ngông cuồng giáo quyết kia ắt chẳng còn thì giờ để mưu tính. Hai xứ Thanh, Nghệ nghe tin, chắc cũng sẽ hưởng ứng. Nguyễn Huệ bị ngăn cách ở phía nam Hoành Sơn. Sở và Lâm chơ vơ ở đây, hình thế cách trở, không liên lạc được với nhau; không ngoài mười ngày ta có thể bắt được bọn chúng. Vây cánh của chúng đã bị cắt đứt thì sào huyệt của chúng cũng có thể lần lượt bị san bằng. Thần ngu dại cho rằng cái cơ trung hưng chính là ở lúc này, không thể bỏ qua".

Tờ sớ ấy đưa tới, vua trao cho bọn Nguyễn Đình Giản xem, ai cũng cho là phải. Riêng Lê Quýnh chống lại mà rằng:

- Sức mình không địch nổi, mới phải cầu cứu. Hành doanh quan đốc bộ còn ở đây, việc quân mình không bắm trước, lại tự tiện mà làm, việc xong thì thôi, vạn nhất bị vấp ngã, họ sẽ đổ cho ta làm lỡ quân cơ, rồi rút quân về cửa ải, ngồi xem mình làm; như vậy việc lớn sẽ hỏng mất. Chi bằng để thân đến trình bày trước, xin họ chỉ bảo phương lược và hợp sức với mình, như thế là được cả hai việc.

Vua cho là phải. Quýnh bèn đến dinh Nghị, nói về việc đó.

Nghị trả lời:

- Việc gì mà phải vội vã như vậy? Ví như thò tay lấy đồ vật ở trong túi, đến sớm lấy sớm, đến muộn lấy muộn đó mà thôi. Bây giờ đã sắp hết năm, đại quân xa xôi tới đây, cần phải nghỉ ngơi, không nên đánh vội. Giặc gậy mà ta đang béo, hãy để chúng tự đến nộp thịt. Nhưng, nếu nước ngoài đã có lời xin như thế, thì hãy nên tính tự đô thành về nam chừng sáu chục dặm, chia làm ba nơi mà đóng quân; đó chính cũng là cách canh gác từ xa để đề phòng bất trắc vậy. Còn đối với bọn giặc, thì các nơi cứ chờ đến đầu năm mới ta sẽ cho thủy quân tiến đánh cũng chưa muộn!

Sau đó, Nghị sai đắp lũy đất, một ở bờ bắc sông Nguyệt Quyết, huyện Thanh Liêm, một ở làng Nhật Tảo huyện Duy Tiên, một ở làng Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì rồi chia quân ra mà đóng giữ.

Từ bấy giờ trở đi, vua Lê chỉ lấy Nghị làm chỗ dựa vững chắc nhất. Còn các quan thì cũng không ai nói năng gì đến chuyện xuất quân phục thù nữa.

Lê Quýnh suốt ngày say mê tửu sắc; ân oán riêng dù bằng cái tơ, sợi tóc cũng đều đền báo không hề sót. Quýnh lại còn xui vua rằng:

- Trước đây lúc nhà vua gặp nạn, hoàng thân và bọn quan trong triều, nhiều kẻ lấy tai họa làm điều may mắn, vui mừng, khai hết tình hình với giặc, cam tâm làm chó săn, chim mồi cho chúng để mưu đồ giàu sang, ngược đạo lý, trái nhân nghĩa, không gì hơn thế. Thần xin được trị tội bọn đó, để thiên hạ biết rằng danh phận cương thường không thể rời loạn. Đó cũng là việc cần kíp, không nên dung túng bỏ qua, khiến cho kẻ ác, người thiện không có gì phân biệt.

Vua cho là phải, bèn giao cho các quan đình thần họp bàn.

Mọi người đều tâu, năm ngoái thượng thư bộ Hình kiêm bình chương Trần Côn Xán đi xứ Tây Sơn, vì không chịu khuất phục, bị địch giết hại, thật là đáng thương; xin cho quan về tế tại nhà và thăm viếng các người con. Vua nghe lời, bèn tự tay thảo bài văn tế, trong có câu: "Tiết lớn nghiêng non lật biển, cùng sương thu nắng lửa tranh hơn; lòng son yêu nước trung vua, gặp đốt rần rã chùm càng tỏ". Lại bàn sang đến tội của bọn phản nước theo Tây Sơn: Lúc vua đi trốn, trấn thủ Tuyên Quang là Phạm Như toại bắt em vua là Duy Tụ đem nộp cho địch; phò mã úy Nguyễn Bành dẫn quân địch đuổi tìm chỗ vua ở; theo

luật phải tội chém ngang lưng; Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích đem thân theo địch, lại nhận chức tước của chúng, đều truất làm dân, về làng gánh vác sai dịch; Nguyễn Hoàn, Phan Lê Phiên quì gối ở sân địch; Trương Đăng Quĩ đi theo xe vua, giữa đường bỏ dõ, đều bị giáng làm chức tư huân; Nguyễn Quý Nha, Trần Bá Lãm, Vũ Huy Tấn, viết thư mạo xưng là giám quốc Sùng nhượng công, để mong xin hoãn binh cho địch, đều bị hạ ngục; Nguyễn Bá Khoan vì là kẻ võ biên, lại già nua, dốt nát không biết gì, nên được miễn tội.

Bấy giờ Quýnh nghe nói Nha mới ở Cao Bằng về, vàng bạc đầy xe, bèn sai người đòi lấy hai chục lạng vàng, rồi nói rõ cho vua biết. Vua cười mà bảo rằng:

- Bớt chỗ nhiều để bù chỗ ít, mặc người làm chi thì làm, không hề gì!

Ngoài ra, có ba người chú vua liên lạc với Tây Sơn, lại gả con gái cho họ, đều bị vua ngầm sai người bắt đem chặt chân, rồi vát xuống cái giếng ở trong cung (theo Cương mục thì Chiêu Thống còn sai mổ bụng cả một tôn nữ đang có mang, vì người con gái này đã lấy viên tướng Tây Sơn. Do đó, lòng người dần dần ngờ vực, không nhất trí).

Kịp khi ấy, thái hậu ở Cao Bằng về, vừa tới kinh, thấy vua chỉ thích làm những việc báo ân báo oán trái với phép thường như vậy, bèn nổi giận nói:

- Ta phải trèo đèo lội suối khó nhọc vất vả, mới xin được quân sang đây... Phòng chừng nhà nước chịu được mấy phen ơn, thù phá hoại như thế? Nếu cứ cách ấy mà làm thì trị sao được thiên hạ? Gái già này lại đến làm đũa lưu vong mất thôi!

Rồi thái hậu gào khóc, không chịu vào cung.

Vua bèn ngầm sai Nguyễn Huy Túc khuyên giải thái hậu. Túc vào thưa với thái hậu rằng:

- Ngược trông đức hiếu sinh của thái hậu như là trời đất, cố nhiên phải lấy thể làm lạ. Nhưng hình phạt là phép lớn của nước, cho nên Chu công phải giết Quản, Thái; nước Lỗ phải đánh thuốc độc giết chết Thúc Nha (Quản Thúc, Thái Thúc là em Chu công, định giúp Võ Canh là con vua Trụ nổi loạn. Chu công liền đem giết Quản Thúc và đày Thái Thúc. Thúc Nha là bà con của vua nước Lỗ, có tội phải chạy ra nước ngoài, sau định xin tha tội để trở về nước, nhưng người nước Lỗ không nghe, bắt uống thuốc độc chết). Người xưa cũng không vì chỗ họ hàng hay quen biết mà bỏ pháp luật. Mong rằng lượng trên khoan hồng, để cho hoàng thượng được làm việc nước thì thật là vạn phúc!

Thái hậu nể Túc có công lớn theo hầu khi mình đi trốn, không nỡ trái lời Túc, đành gắng gượng nghe theo, song thật ra trong bụng vẫn không cho là phải. Thái hậu bèn vào cung.

Lúc bấy giờ là tháng mười hai, sắp đến ngày tết Nguyên đán. Quan coi lễ tâu xin đến ngày 25 thì phong ấn cất đi (cuối năm làm lễ cất ấn (hạ ấn) để nghỉ việc ăn tết). Các lễ

trong miếu xã, triều đình đều chiếu theo lệ thường mà làm. Riêng quan đại soái của thiên triều ở xa xôi tới, thì về phần vật phẩm cung đón, xin theo như lệ thiết đãi sứ thần sang phong vương mà thêm gấp lên một lần nữa. Các quan và quân lính cũng đều cho phép nghỉ mười ngày, để cùng vui đón tiết xuân.

Thật là:

*Én sẻ trên nhà còn hơn hổ
Đà đồng trong bụi chẳng lo âu*

Chưa biết việc tới ra sao? Chờ xem hồi sau phân giải.

Sách Khổng tùng tử chép: Chim én chim sẻ ở trên nóc nhà, mẹ mớm cho con ăn mà không biết rằng nhà sắp cháy. Đời Tấn, có Sách Tĩnh thấy con lạc đà bằng đồng để ở cửa cung điện, liền đe rằng: "Mày sắp phải vứt vào bụi gai". ý nói đời sắp loạn lạc. Đây ám chỉ bọn Sĩ Nghị, Chiêu Thống như đang ngồi trên đồng lửa, tai họa sắp đến mà vẫn nhởn nhơ không biết gì cả.

Hồi thứ mười bốn

*Đánh Ngọc Hồi, quân Thanh bị thua trận
Bỏ Thăng Long, Chiêu Thống trốn ra ngoài*

Lại nói, Tôn Sĩ Nghị sau khi đem quân ra cửa ải, xuyên rừng vượt núi, như giẫm đất bằng; ngày đi đêm nghỉ, không phải lo lắng gì, kéo thẳng một mạch đến thành Thăng Long, không mất một mũi tên, như vào chỗ không người. Từ xưa, các nhà cầm quân chưa có khi nào được dễ dàng như thế. Cho nên y xem thường, cho là vô sự, không cần phải đề phòng. Rồi đó, y lại càng thêm kiêu căng, buông tuồng, mặc cho quân lính các đồn tự tiện bỏ cả đội ngũ, đi lại lang thang, không còn có kỷ luật gì cả. Có kẻ đi ra khỏi thành đến hơn mười dặm, để kiếm củi đun, có kẻ đi tới các chợ búa dân gian để buôn bán, hàng ngày sớm đi tối về xem như việc bình thường. Bọn tướng tá cũng ngày ngày chơi bời tiệc tùng, không hề để ý gì đến việc quân. Hễ ai nhắc đến tình hình giặc giã thì bọn họ đáp rằng: "Chúng nó như cá chấu chim lồng, còn chút hơi thừa thoi thóp, không đáng nói đến. Vâng lệnh của quan lớn đốc bộ, định đến ngày mừng 6 tháng giêng, nhân dịp đầu xuân sẽ xuất quân kéo thẳng đến sào huyệt của quân Tây Sơn. Bọn giặc ấy nhất định sẽ lần lượt bị bắt sống không một tên nào lọt lưới. Người Nam Hà sẽ đến mà xem!".

Thế là người trong nước, kể cả các viên quan đã từng trốn tránh hồi xưa mà bây giờ đã được thấy lại bóng mặt trời, ai nấy mới đều yên tâm vui mừng về cuộc sum họp trước mắt. Rồi họ dựa vào tổng đốc họ Tôn làm bức tường thành, không còn nghĩ gì đến việc cung khuyết bị tàn hoang, không còn lo gì đến việc kẻ địch đang ở nơi cửa ngõ; võ lặng, văn im, thấy đều bệ trễ.

Vừa lúc ấy, có người cung nhân cũ từ phủ Trường Yên tới, nói với thái hậu rằng:

- Xe vua trở về kinh thành, đã gần một tháng. Hiệu lệnh ban ra, chẳng qua mới đến các vùng Ứng Hoà, Thường Tín, Từ Sơn, Thuận Thành, Quảng Oai, năm lộ mà thôi. Còn như từ Trường Yên về nam, Thanh Hóa là đất căn bản, lăng tẩm tiên triều ở đó, Nghệ An cũng là quận chân tay, quân cấm và quân túc trực đều lấy người ở đấy, thì nay vẫn bị mất về tay giặc, tin tức không thông, đó thật là điều đáng lo rất lớn. Hiện nay, việc nước hư thực thế nào, thế giặc mạnh yếu ra sao, những người đứng ngoài mà xem, không ai không biết. Trước đây, hoàng thượng gặp nạn phải chạy, các quan trèo đèo vượt suối, khó nhọc vất vả đã hơn một năm, bao nhiêu nhân tình chắc đã từng trải hết rồi, sao vẫn điềm nhiên không lo nghĩ gì cả? Tổng đốc họ Tôn từ thượng quốc tới đây, thế nước và tình hình của giặc chỉ biết đại khái. Đến như các miền, cũng có nơi xung yếu, nơi bình thường, chia đồn và mai phục, cần phải trù tính kỹ càng. Việc binh có lúc nên đánh, lúc nên giữ, phải tùy cơ

úng biến trong chốc lát. Tất cả những điều ấy, họ làm sao mà hiểu được rõ ràng, đích xác? Và chẳng, khi trước Lê Quýnh khai báo ở bên ấy, nói rằng: "Nhiều nơi trong nước ta không chịu theo giặc, người chuộng nghĩa còn nhiều, lòng người cũng có thể trông cậy, nếu được đại binh sang làm thanh viện thì công việc khôi phục có thể thành...". Đó chỉ là một cách nói, để tổng đốc họ Tôn không cho việc ấy là khó. Quýnh vì muốn chóng được quân sang cứu, cho nên mới bịa ra lời nói hão để lừa dối họ. Họ cũng tưởng là thật, hăng hái tiến lên, không còn lo nghĩ gì về sau. Cứ xem lời lẽ trong bài hịch, thì những điều họ bắt buộc mình phải đương lấy, rất là nặng nề; còn họ thì chỉ lảng vảng ở bên bờ sông, lấy thanh thế suông để dọa dẫm mà thôi. Không biết rằng, Nguyễn Huệ là một tay anh hùng lão luyện, dũng mãnh và có tài cầm quân. Xem hấn ra Bắc vào Nam, ẩn hiện như quỷ thần, không ai có thể lường biết. Hấn bắt Hữu Chính như bắt trẻ con, giết Văn Nhậm như giết con lợn, không một người nào dám nhìn thẳng vào mặt hấn. Thấy hấn trở tay, đưa mắt, là ai nấy đã phách lạc hồn xiêu, sợ hơn sợ sấm sét. E rằng chẳng mấy lâu nữa, hấn lại trở ra, tổng đốc họ Tôn đem thứ quân nhớ nhà kia mà chống chọi, thì địch sao cho nổi? Họ chẳng qua chỉ là người khách, chuyến này sang cũng cốt xem sự thế khó hay dễ để liệu bề tiến lui mà thôi. Nhưng còn nhà nước của ta thì sao? Thái hậu có thể chạy sang đất Trung Hoa một chuyến nữa chẳng?

Thái hậu giạt mình nói:

- Đó chính là tâm sự của gái già này, vẫn ngày đêm lo lắng mà chưa biết làm thế nào?

Rồi nhân tiện, thái hậu đem việc đó nói lại với vua. Bấy giờ nhà vua mới hoảng sợ, liền cùng bọn Quýnh đến doanh quân của Nghị tha thiết xin xuất quân. Nghị gọi Quýnh đến mà căn vặn rằng:

- Người nước mày nay quả thật không thể trông cậy được, thế thì lời cung khai của mày trước đây ra sao? Dám lừa dối ta chẳng?

Rồi Nghị ngoảnh sang bảo vua:

- Tự vương trẻ tuổi, chưa từng trải công việc, trước đây tới đón chào ta ở Lạng Sơn, sao không nói cho rõ? Bấy giờ, nhân khi ta thắng, dè bẹp ngay lúc chúng đang khốn đốn, há chẳng dễ dàng hơn hay sao? Nay đã bỏ lỡ cơ hội ấy, để chúng có thì giờ thông thả mà bày mưu đặt chước, cách trị chúng cần phải tính toán cho chu đáo, không thể hấp tấp. Và lại, đã định đến sang xuân, vào ngày mùng sáu thì sẽ xuất quân, như vậy cũng không còn xa gì nữa. Nếu muốn đi gấp thì cho phép vua tôi nhà ngươi đem một đạo quân đi trước cũng được.

Vua lui ra bảo với Quýnh rằng:

- Người từng dốc lòng với ta, việc nước cũng đã được quá nửa rồi. Vậy nay hãy cố gắng làm cho tròn công trạng trước, đừng để người trong nước có thể bàn tán về ta, và thiên triều có chỗ quả trách được ta.

Lại nói, Lê Quýnh là người làng Đại Mão, huyện Siêu Loại (nay là huyện Thuận Thành, Hà Bắc) vốn là một tay phong lưu công tử, con trai của tiến sĩ triều Lê là Lê Doãn Giản. Khi tuổi trẻ, Quýnh chỉ biết uống rượu, đánh bạc, việc văn việc võ đều chưa hề luyện tập qua. Trước kia vì là con nhà quý tộc thân cận, nên được vào làm gia thần nhà vua. Đến khi quân Tây Sơn tới xâm lấn, kinh thành thất thủ. Quýnh vâng mệnh vua theo hầu thái hậu lên Cao Bằng, rồi bị quân giặc đuổi bắt, phải chạy sang Trung Quốc. Vì Quýnh hơi biết chữ nghĩa, cho nên khi chuyện trò với người Thanh, thường bịa ra nhiều câu khoác lác. Tôn Sĩ Nghị cũng không xét đến chỗ đó, đem lời tâu lên, vua Thanh ưng thuận. Thế rồi may được khôi phục lại nước nhà. Quýnh tự cho là công lao của mình. Sau khi về thành Thăng Long, Quýnh chỉ lo đèn oản trả oán và công nhiên ăn của đút lót. Những tay hào kiệt trong nước đều không ưa Quýnh. Vua cho là Quýnh có công, giao cho cầm quân. Nhưng Quýnh, mắt còn choáng lộn bóng tinh kỳ, tai chưa nghe quen tiếng chiêng trống, nói gì đến chuyện sắp đặt việc binh bị? Quýnh bèn mượn cớ không muốn xa rời cạnh vua, xin vua truyền cho viên trấn thủ Sơn Tây đem quân bản bộ đóng trước ở Giản Khẩu, để chặn đường ra của quân Tây Sơn. Đó là Quýnh cốt cho mình khỏi phải ra trận; còn việc chinh chiến được hay thua, nước nhà còn hay mất, Quýnh chẳng cần biết đến làm gì.

Nhắc lại, Ngô Văn Sở sau khi đem các đạo quân rút lui, tức tốc sai Nguyễn Văn Tuyết chạy trạm vào Nam cáo cấp. Một mặt chặn ngang đất Trường Yên làm giới hạn, đóng thủy quân ở hải phận Biện Sơn, quân bộ thì chia giữ vùng núi Tam Điệp, hai mặt thủy bộ liên lạc với nhau, ngăn hẳn miền Nam với miền Bắc. Vì thế, việc ở bốn trấn đường ngoài không hề thấu đến hai xứ Thanh, Nghệ. Vì vậy việc quân Thanh đến Thăng Long và việc vua Lê thụ phong ngày 22 tháng 11, từ Thanh Hóa trở vào, không một người nào được biết. Ngày 20 tháng ấy, Sở lui về Tam Điệp, thì ngày 24 Tuyết đã vào đến thành Phú Xuân. Bắc bình vương tiếp được tin báo, giận lắm, liền họp các tướng sĩ, định thân chinh cầm quân đi ngay. Nhưng các người đến họp đều nói:

- Chúa công với vua Tây Sơn có sự hiềm khích, đối với ngôi chí tôn, lòng tôn phò của mọi người chưa thật vững bền, nay nghe quân Thanh sang đánh, càng dễ sinh ra ngờ vực hai lòng. Vậy xin trước hết hãy chính vị hiệu, ban lệnh ân xá khắp trong ngoài, để yên kẻ phản trắc và giữ lấy lòng người rồi sau sẽ cất quân ra đánh dẹp cõi Bắc cũng chưa là muộn.

Bắc bình vương lấy làm phải, bèn cho đắp đàn ở trên núi Bân (ở địa phận xã An Cựu, huyện Hương Trà, Thừa Thiên (Bình Trị Thiên)), tế cáo trời đất cùng các thần sông, thần núi; chế ra áo cổn mũ miện, lên ngôi hoàng đế, đổi năm thứ 11 niên hiệu Thái Đức của vua

Tây Sơn Nguyễn Nhạc làm năm đầu niên hiệu Quang Trung. Lễ xong, hạ lệnh xuất quân, hôm ấy nhằm vào ngày 25 tháng chạp năm Mậu thân (1788).

Vua Quang Trung tự mình đốc suất đại binh, cả thủy lẫn bộ cùng ra đi. Ngày 29 đến Nghệ An, vua Quang Trung cho vời người công sĩ ở huyện La Sơn là Nguyễn Thiệp vào dinh và hỏi:

- Quân Thanh sang đánh, tôi sắp đem binh ra chống cự. Mưu đánh và giữ, cơ được hay thua, tiên sinh nghĩ như thế nào?

Thiệp nói:

- Bây giờ trong nước trống không, lòng người tan rã. Quân Thanh ở xa tới đây, không biết tình hình quân ta yếu hay mạnh, không hiểu rõ thế nên đánh nên giữ ra sao. Chúa công đi ra chuyến này, không quá mười ngày, giặc Thanh sẽ bị dẹp tan.

Vua Quang Trung mừng lắm, liền sai đại tướng là Hám hổ hầu kén lính ở Nghệ An, cứ ba suất dinh thì lấy một người, chưa mấy lúc, đã được hơn một vạn quân tinh nhuệ. Rồi nhà vua cho mở cuộc duyệt binh lớn ở doanh trấn, đem số thân quân ở Thuận Hoá, Quảng Nam chia làm bốn doanh tiền, hậu, tả, hữu, còn số lính mới tuyển ở Nghệ An thì làm trung quân.

Vua Quang Trung cười voi ra doanh yên ủi quân lính, truyền cho tất cả đều ngồi mà nghe lệnh, rồi dụ họ rằng:

- Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện ở Thăng Long, các ngươi đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam phương Bắc (chỉ đất Trung Quốc) chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vợ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng nữ vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ; các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc. ở các thời ấy, Bắc, Nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài. Từ đời nhà Đinh tới đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc xưa kia. Mọi việc lợi, hại, được, mất ấy, đều là chuyện cũ rành rành của các triều đại trước. Nay người người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các ngươi đều là những kẻ có lương tri lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn. Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra, sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai, chớ bảo là ta không nói trước!

Các quân lính đều nói: "Xin vâng lệnh, không dám hai lòng!".

Hôm sau, vua Quang Trung hạ lệnh tiến quân. Các quân đều nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi. Khi đến núi Tam Điệp, Sở và Lân ra đón, đều mang gươm trên lưng mà xin chịu tội.

Vua Quang Trung nói:

- Các người đem thân thờ ta, đã làm đến chức tướng soái. Ta giao cho toàn hạt cả 11 thừa tuyên (từ thời Lê Hồng Đức, các trấn ở Bắc Hà đều gọi là "thừa tuyên"), lại cho tùy tiện làm việc. Vậy mà giặc đến không đánh nổi một trận, mới nghe tiếng đã chạy trước. Binh pháp dạy rằng: "Quân thua chém tướng". Tội của các người đều đáng chết một vạn lần. Song ta nghĩ các người đều là hạng võ dũng, chỉ biết gặp giặc là đánh, đến như việc tùy cơ ứng biến thì không có tài. Cho nên, ta để Ngô Thì Nhậm ở lại đây làm việc với các người, chính là lo về điều đó. Bắc Hà mới yên, lòng người chưa phục, Thăng Long lại là nơi bị đánh cả bốn mặt, không có sông núi để nương tựa. Năm trước ta ra đánh đất ấy, chúa Trịnh quả nhiên không thể chống nổi, đó là chứng cứ rõ ràng. Các người đóng quân trợ trợ ở đây, quân Thanh kéo sang, người trong kinh kỳ làm nội ứng cho chúng, thì các người làm sao mà cử động được? Các người đã biết nín nhịn để tránh mũi nhọn của chúng, chia ra chặn giữ các nơi hiểm yếu, bên trong thì kích thích lòng quân, bên ngoài thì làm cho giặc kiêu căng, kế ấy là rất đúng. Khi mới nghe nói, ta đã đoán là do Ngô Thì Nhậm chủ mưu, sau hỏi Văn Tuyết thì quả đúng như vậy...

Thì Nhậm bèn lay hai lay để tạ ơn. Vua Quang Trung lại nói:

Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã có tính sẵn. Chẳng qua mười ngày, có thể đuổi được người Thanh. Nhưng nghĩ chúng là nước lớn gấp mười nước mình, sau khi bị thua một trận, ắt lấy làm thẹn mà lo mưu báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, không phải là phúc cho dân, nữ nào mà làm như vậy. Đến lúc ấy, chỉ có người khéo lời lẽ mới dẹp nổi việc binh đao, không phải Ngô Thì Nhậm thì không ai làm được. Chờ mười năm nữa, cho ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng, bấy giờ nước giàu quân mạnh, thì ta có sợ gì chúng?

Bọn Sở, Lân đều lay tạ và nói:

- Chúa thượng thật là lo xa, chúng tôi ngu dại không thể nghĩ tới chỗ đó. Hiện nay phương lược tiến đánh ra sao, xin chúa thượng nhất nhất chỉ rõ để chúng tôi tuân theo mà làm.

Vua Quang Trung bèn sai mở tiệc khao quân, chia quân sĩ ra làm năm đạo, hôm đó là ngày 30 tháng chạp. Rồi nhà vua bảo kín với các tướng rằng:

- Ta với các người hãy tạm sửa lễ cúng Tết trước đã. Đến tối 30 Tết lập tức lên đường, hẹn đến ngày mùng 7 năm mới thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng. Các người nhớ lấy, đừng cho là ta nói khoác!

Sau đó nhà vua truyền lệnh:

Các viên tướng ở trung quân thuộc về doanh vua sai phái là đại tư mã Sở; nội hầu Lân đốc suất tiên quân làm tiên phong; Hám hồ hầu đốc suất hậu quân làm đốc chiến; đại đô đốc Lộc, đô đốc Tuyết đốc suất tả quân, trong đó gồm có thủy quân vượt biển vào sông Lục Đầu; rồi Tuyết vẫn kinh lý vùng Hải Dương để tiếp ứng với mặt đông; còn Lộc thì đi gấp lên các hạt Lạng Sơn, Phượng Nhãn, Yên Thế để chặn đường về của quân Thanh; đại đô đốc Bảo, đô đốc Long đốc suất hữu quân, trong đó gồm quân voi và quân kỵ mã; Long xuyên qua huyện Chương Đức, theo đường đến thẳng làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì để đánh ngang vào đồn quân Điền Châu; Bảo thì thống đốc quân voi ngựa do đường Sơn Minh ra làng Đại Áng huyện Thanh Trì để tiếp ứng cho cánh hữu.

Cả năm đạo quân đều lạy vâng mệnh lệnh, đúng ngày, gióng trống lên đường ra Bắc (theo Cương mục thì trước khi tiến quân ra Bắc, vua Quang Trung có viết thư cho Sĩ Nghị vờ xin đầu hàng để khiêu gợi lòng kiêu căng, khinh địch của Nghị. Theo Lê triều dã sử, khi tiến quân ra Thăng Long vua Quang Trung bày cho quân lính cứ ba người một tốp thay phiên vờ nhau đi, thành ra quân trẩy đi liên miên không phải dừng mà ai nấy đều lần lượt được nghỉ. Do đó, quân Tây Sơn đã hành binh cực kỳ thần tốc).

Khi quân ra đến sông Gián, nghĩa binh trấn thủ ở đó tan vỡ chạy trước. Lúc đến sông Thanh Quyết, toán quân Thanh đi do thám từ đằng xa trông thấy bóng cũng chạy nốt. Vua Quang Trung liền thúc quân đuổi theo, tới huyện Phú Xuyên thì bắt sống được hết, không để tên nào trốn thoát. Bởi vậy, không hề có ai chạy về báo tin, nên những đạo quân Thanh đóng ở Hà Hồi và Ngọc Hồi (thuộc Thường Tín (nay thuộc tỉnh Hà Sơn Bình) và Thanh Trì (nay thuộc thành phố Hà Nội)) đều không biết gì cả.

Nửa đêm ngày mùng 3 tháng giêng, năm Kỷ Dậu (1789), vua Quang Trung tới làng Hà Hồi, huyện Thượng Phúc, lặng lẽ vây kín làng ấy, rồi bắc loa truyền gọi, tiếng quân lính luân phiên nhau dạ ran để hưởng ứng, nghe như có hơn vài vạn người. Trong đồn lúc ấy mới biết, ai nấy rụng rời sợ hãi, liền xin ra hàng, lương thực khí giới đều bị quân Nam lấy hết.

Vua Quang Trung lại truyền lấy sáu chục tấm ván, cứ ghép liền ba tấm làm một bức, bên ngoài lấy rom dấp nước phủ kín, tất cả là hai mươi bức. Đoạn kén hạng lính khỏe mạnh, cứ mười người khênh một bức, lưng giắt dao ngắn; hai mươi người khác đều cầm binh khí theo sau, dàn thành trận chữ "nhất"; vua Quang Trung cưỡi voi đi đốc thúc, mờ sáng ngày mùng 5 tiến sát đồn Ngọc Hồi (theo Dã sử, thì lúc này vua Quang Trung sai đốt hết lương thực và tự mình quần khăn vàng vào cổ để tỏ ý quyết chiến quyết thắng, không chịu lùi). Quân Thanh nổ súng bắn ra, chẳng trúng người nào cả. Nhân có gió bắc, quân Thanh bèn dùng ống phun khói lửa ra, khói toả mù trời, cách gang tấc không thấy gì, hòng làm cho quân Nam rối loạn. Không ngờ trong chốc lát trời bỗng trở gió nam, thành ra quân Thanh lại tự làm hại mình.

Vua Quang Trung liền gấp rút sai đội khiêng ván vừa che vừa xông thẳng lên trước. Khi gươm giáo của hai bên đã chạm nhau thì quặng ván xuống đất, ai nấy cầm dao ngắn chém bừa; những người cầm binh khí theo sau cũng nhất tề xông tới mà đánh.

Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết. Tên Thái thú Diên Châu là Sầm Nghi Đống tự thất cổ chết (Cương mục ghi Sầm Nghi Đống thất cổ chết ở Loa Sơn (tục gọi gò Đống Đa). Theo Bang giao lục, trong chiến dịch mùa xuân Kỷ Dậu, số quân Thanh bị chết là 27 vạn). Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại.

Trước đó, vua Quang Trung đã sai một toán quân theo bờ đê Yên Duyên kéo lên, mở cờ giống trống để làm nghi binh ở phía đông. Đến lúc ấy, quân Thanh chạy về trông thấy, càng thêm hoảng sợ, bèn tìm lối tắt theo đường Vịnh Kiều mà trốn. Chợt lại thấy quân voi từ Đại áng tới, quân Thanh đều hết hồn hết vía, vội trốn xuống đầm mực, làng Quỳnh Đô (thuộc Thanh Trì, Hà Nội), quân Tây Sơn lừa voi giày đạp, chết đến hàng vạn người.

Giữa trưa hôm ấy vua Quang Trung tiến binh đến Thăng Long, rồi kéo vào thành (có sách chép khi Quang Trung vào Thăng Long, chiếc chiến bào màu đỏ đã bị nhuộm đen vì khói thuốc súng).

Nguyên trước đó, đô đốc Long đốc suất hữu quân đã đem binh đến đóng ở làng Nhân Mục huyện Thanh Trì. Lúc vua Quang Trung đang đánh với quân Thanh ở Ngọc Hồi, thì sáng hôm ấy Long đã đánh tên thái thú Diên Châu ở trại Khương Thượng thuộc huyện Quảng Đức (trại Khương Thượng tức làng Khương Thượng nay thuộc thành phố Hà Nội). Quân Thanh tan vỡ bỏ chạy, Long liền tiến trước vào thành.

Lại nói, Tôn Sĩ Nghị và vua Lê ở thành Thăng Long, tuyệt nhiên không nghe tin cấp báo gì cả cho nên trong ngày Tết mọi người chỉ chăm chú vào việc yến tiệc vui mừng, không hề lo chi đến việc bất trắc. Nào hay cuộc vui chưa tàn, cơ trời đã đổi. Ngày mùng 4 bỗng thấy quân ở đồn Ngọc Hồi chạy về cáo cấp. Thật là: "Tướng ở trên trời xuống, quân chui dưới đất lên". Bọn ấy lại nói:

- Quan quân ở đồn Hà Hồi đều bị quân Tây Sơn đánh úp bắt hết cả. ở đây cách đồn Ngọc Hồi không xa, sớm chiều thế nào cũng bị đánh tới.

Tôn Sĩ Nghị hoảng hốt sợ hãi, lập tức sai lãnh binh Quảng Tây là Thang Hùng Nghiệp dẫn viên hàng tướng Tây Sơn là Phan Khải Đức đem nghĩa binh tới cứu; lại sai hai mươi lính kỵ mã ở dưới trướng của mình cùng đi với Nghiệp, và dặn họ rằng:

- Trong khoảng chốc lát, phải tiếp tục báo tin về ngay.

Ý của Nghị chỉ lo có một mặt đó, không ngờ lại có mặt khác ập tới. Canh tư đêm ấy, chợt nghe ở phía tây bắc thành tiếng súng nổ ùng ùng không ngớt. Nghị vội sai người

cưỡi ngựa ra xem, thì nghe báo tin đồn quân Điền Châu tan vỡ, quân Tây Sơn đã vào cửa ô, đốt giết lung tung, khói lửa bốc lên đầy trời rồi.

Tôn Sĩ Nghị sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc giáp, dẫn bọn lính kỵ mã của mình chuồn trước qua cầu phao, rồi nhằm hướng bắc mà chạy. Quân sĩ các doanh nghe tin, đều hoảng hồn, tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, xô đẩy nhau rơi xuống mà chết rất nhiều. Lát sau cầu lại bị đứt, quân lính đều rơi xuống nước, đến nổi nước sông Nhĩ Hà vì thế mà tắc nghẽn không chảy được nữa (có sách chép, đạo quân Vân-Quy lúc này mới kéo sang đến Sơn Tây, nghe tin Nghị thua chạy, nên cũng vội vàng tìm đường tháo lui về).

Vua Lê ở trong điện, nghe tin có việc biến ấy, vội vã cùng bọn Lê Quýnh, Trịnh Hiến đưa thái hậu ra ngoài. Cả bọn chạy đến bên sông thì thấy cầu phao đã đứt, thuyền bè cũng không, bèn gấp rút chạy đến Nghi Tàm thỉnh linh gặp được chiếc thuyền đánh cá, vội cướp lấy rồi chèo sang bờ bắc. Trưa ngày mùng 6 vua Lê và những người tùy tùng chạy đến núi Tam Tầng, nghe nói Tôn Sĩ Nghị đã đi khỏi đó. Bấy giờ quân Thanh chạy về nước, trên đường đông nghịt như chợ, đêm ngày đi gấp, không dám nghỉ ngơi. Vua đưa thái hậu cùng đi với họ đến đồn Hoà Lạc thì gặp một người thổ hào. Hồi trước vua Lê chạy ra ngoài, người ấy đã được biết mật; lúc đó thấy vua, người ấy bất giác lộ rơi, nhân tiện mời vua vào trại trong núi tạm nghỉ. Bấy giờ, vua Lê và những người tùy tùng luôn mấy ngày không ăn, ai nấy đều đã mệt lử. Người thổ hào kia liền giết gà làm cơm thịt đãi. Vua sai bưng một mâm lên mời thái hậu; còn mình thì cùng ăn với bọn Quýnh, Hiến ở mâm dưới.

Ăn vừa xong, chợt nghe tin quân Tây Sơn đã đuổi theo đến nơi. Vua cuống quýt bảo người thổ hào rằng:

- Muôn đội hậu tình, không có gì để báo đáp, chỉ có trời cao đất dày chứng dám tác lòng thành của ông mà ban phúc cho thôi. Bấy giờ quân giặc gần tới, trước mắt đây có con đường sông nào có thể chạy gấp lên cửa ải, xin tính kế ngay cho.

Người thổ hào vội vã sai con đưa đường, theo lối tắt trong núi mà đi. Trời nhá nhem tối thì nhà vua đến cửa ải, theo kịp chỗ nghỉ của Tôn Sĩ Nghị. Một lát các viên quan khác cũng lục tục theo đến, cùng nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt. Tôn Sĩ Nghị cũng lấy làm xấu hổ.

Nhân tiện, vua từ giả Sĩ Nghị và nói:

- Cô (lời xưng nhún mình của các vua chúa đời xưa) không có tài, chẳng giữ nổi xã tắc. Đội ơn tướng quân vâng chỉ của hoàng đế sang cứu viện; nào ngờ lòng trời không giúp nước nhỏ, nay ngài lại bỏ mà đi. Kính chúc tướng quân về triều được hai chữ "vạn phúc", Cô xin ở lại đất nước, thu nhặt dân binh, để tính việc nổi lên chuyện khác. Xa nhờ oai linh, may được nên việc, đều là ơn của tướng quân ban cho. Nếu như sự thế không xong, lại xin sang hầu tướng quân, như thế cho tiện.

Nghị nói:

- Nguyễn Quang Trung chưa diệt, việc này còn chưa thôi. Nay hãy dâng biểu tâu lên xin quân, không đầy một tháng, đại binh sẽ lại tới. Chỗ này gần kề đảng giặc, ở lại không tiện, hãy tạm vào Nam Ninh nghỉ ngơi để chờ thánh chỉ cũng được.

Vua Lê nghe lời. Nghị bèn cùng bọn tướng tá thu nhặt tàn quân kéo về.

Vua lại sai bọn Quýnh, Hiến ở lại để ngầm chiêu dụ những người trung nghĩa ở trong nước. Còn vua thì cùng viên phụ đạo (tên gọi chức tù trưởng ở ngoại phiên) Cao Bằng là Địch quận công Hoàng Ích Hiếu, viên trấn thủ Kinh Bắc người làng Nộn Liễu huyện Nam Đường là Lê Hân, viên đề lĩnh bốn thành người huyện Thư Trì, trấn Sơn Nam là Phạm Như Tùng viên phó đề lĩnh người làng Thanh Tuyên, huyện Nam Đường là Nguyễn Viết Triệu, viên thư tri công lượng chính người làng Nghĩa Động, huyện Nam Đường là Lê Văn Trương, viên hiệp lý quân vụ, người làng Quỳnh Côi, huyện Nam Đường là Phạm Trần Thiệu, người bà con bên vợ ở làng Tỳ Bà, huyện Lang Tài là Nguyễn Quốc Đống, viên chưởng tứ bảo người làng Đồng Bảng trấn Thanh Hóa là Lê Quý Thích, cùng đưa thái hậu theo Nghị sang Trung Quốc.

Thực là:

*Bờ cõi chưa xong bẽ tính liệu,
Nước non buồn nổi lúc chia ly.*

Chưa biết việc ấy ra sao! Hãy chờ hồi sau phân giải.

Hồi thứ mười lăm

Đẹp yên cõi Bắc, Nguyễn Huệ được phong

Đánh phá Cao Bằng, Duy Chi bị hại

Lại nói, khi Tôn Sĩ Nghị chạy trốn về nước, trong lúc vội vàng, không kịp thu nhặt đồ đạc. Đến khi tới huyện Phụng Nhãn lại nghe nói tướng Tây Sơn là Đắc Lộc hầu đem quân từ mặt đông kéo lên chặn đường, đã gần tới nơi, Nghị lại bị một phen khủng khiếp, các vật cần thiết mang theo, đều phải vứt bừa ra giữa đường để mong chạy thoát lấy thân mình. Cho nên những vật của vua Thanh ban cho như sắc thư, kỳ bài, quân ấn đều bị quân Tây Sơn bắt được đem về.

Nguyên mùa đông năm ngoái, theo lời xin của Nghị, vua Thanh đã truyền lệnh cho Nghị đem quân ra ngoài cửa ải Nam Quan. Sau đó, vua Thanh lại có chỉ dụ bảo Nghị đi từ từ, chớ có vội; hãy làm tờ hịch đưa sang trước làm thanh viện cho nhà Lê, rồi thả bọn bề tôi nhà Lê về nước, tập hợp nghĩa binh, tìm tạt tôn họ Lê, để cho ra mặt đối địch với Nguyễn Quang Trung, thử xem sự thế ra sao? Nếu như lòng người An Nam còn mến nhà Lê, lại được thiên binh kéo sang, thì ai chẳng háng hái nổi lên, và như vậy, Quang Trung ắt phải lui tránh. Bấy giờ sẽ bảo tạt tôn họ Lê đi tiên phong đuổi đánh còn Nghị thì đem đại binh tiếp theo, chắc là không khó nhọc gì mà sẽ thành công. Đó là chức hay thứ nhất. Nếu như người trong nước, nửa theo đảng nọ, nửa theo đảng kia, thì Quang Trung nhất định sẽ không chịu lui. Khi ấy, cần phải viết thư nói rõ họa phúc, xem hẳn đối phó ra sao? Rồi chờ cho thủy quân các tỉnh Môn, Quảng (Phúc Kiến và Quảng Đông, Quảng Tây) của ta vượt biển đánh trước vào Thuận Quảng (Thuận Hoá và Quảng Nam), bấy giờ sẽ thúc quân tiến lên. Quang Trung mặt trước mặt sau đều bị đánh, tất phải hàng phục. Ta nhân đó mà bảo tồn cho cả hai. Thuận, Quảng về nam cho Quang Trung ở; Hoan, ái (Nghệ An, Thanh Hoá) về bắc, phong cho tạt tôn họ Lê. Rồi đó, đóng đại binh ở nước ấy, xa xa kiểm chế họ, sau này sẽ có cách xử trí khác.

Đến khi đại quân của Nghị ra khỏi cửa ải Nam Quan nghe tin quân Tây Sơn đã lui chạy, tức thì Nghị sai chinh đốn đội ngũ, kéo thẳng đến đóng ở thành Thăng Long, không còn lo lắng gì cả, vì thế mới thua một trận tan tành.

Bấy giờ dân Thanh thái bình đã lâu, không biết gì đến việc binh, thấy Nghị tất tả chạy về, nhân tình đều nhón nháo sợ hãi. Tiếp đó lại nghe tin quân Tây Sơn đuổi đến Lạng Sơn, nói phao lên rằng: "Sẽ giết hết rợ Hung Nô". Do đó, ở đất Trung Quốc, dân chúng lại càng nhón nháo. Từ cửa ải Nam Quan trở về bắc, trai gái già trẻ, bồng bế dắt díu nhau chạy trốn, suốt vài trăm dặm, lạng ngắt không còn bóng người.

Vua Thanh được tin, giận lắm, lập tức hạ chỉ, sai viên quan ở nội các là Phúc Khang An làm tổng đốc lưỡng Quảng, đem binh mã chín tỉnh sang kinh lý việc An Nam và đòi Sỹ Nghị về kinh chịu tội.

Lại nói, Nghị ở Thăng Long chạy đi, nhằm đêm mùng 5 tháng giêng. Đến trưa hôm ấy, vua Quang Trung tiến quân vào thành.

Sau khi đã hoàn toàn quét sạch quân Thanh, vua Quang Trung bèn đóng quân tại thành Thăng Long, rồi hạ lệnh chiêu an. Phàm những người Thanh trốn ở các nơi, đều bảo phải tới đầu thú, dân gian không được chứa chấp. Trong khoảng mười ngày, quân Thanh ra thú có đến hơn vài vạn, đều được cấp phát lương ăn áo mặc.

Nhân bắt được chiếu thư và quân ấn do Sỹ Nghị bỏ rơi, vua Quang Trung bèn đưa cho Ngô Thì Nhậm xem và bảo:

- Ta xem tờ chiếu của vua Thanh, thì chẳng qua họ cũng chỉ cốt xem tình hình ta mạnh yếu ra sao để mà định bề tiến lui, chớ còn việc nghĩa cử để dựng lại nhà Lê, không phải là bản tâm của họ. Họ chỉ mượn tiếng để mưu đồ lợi riêng mà thôi. Nay họ đã bị ta đánh thua, nhịn đi thì thẹn, báo thù thì khó. Vậy những tàn quân ta bắt được, đều nên cấp lương và đưa hết lên cửa ải. Người vốn giỏi về nghề văn từ đối đáp, nên thảo ngay bức thư đưa sang cho họ, đại khái nói:

"Ta là nước nhỏ, một lòng kính thuận, sợ mệnh trời, thờ nước lớn, sao dám có ý gì khác. Trước đã có biển văn đệ sang, bị ngài tổng đốc họ Tôn dim đi, không thấu đến bề trên được. Gần đây, ta từ miền Nam tới, vốn là muốn biện bạch lòng thật thà với ngài tổng đốc họ Tôn. Không ngờ đường sá đồn nhảm, làm to thanh thế của ta, khiến cho mọi người nghi ngờ sợ hãi, bỏ đội ngũ mà chạy trước, để đến nỗi cầu phao bị đứt, quân lính thiên triều phải chết đuối, những kẻ tranh đường chạy trốn lại giày xéo lẫn nhau nhiều người bị thương bị chết. Đó thật là do ngài tổng đốc họ Tôn gây nên, không phải là tội của nước nhỏ dám giao chiến. Hiện nay đã thu góp được số tàn quân hơn một vạn người, lại đã tra rõ họ tên, quê quán, cấp lương đầy đủ và đưa lên cửa ải; vậy xin kê sổ dâng nộp..."

Thì Nhậm vâng lệnh, lập tức theo ý đó thảo một bức thư, rồi sai người phi ngựa giao cho viên đầu mục ở Lạng Sơn đưa tới ải Nam Quan, nhờ chuyển đệ sang Trung Quốc.

Lại nói, viên tổng đốc lưỡng Quảng mới là Phúc Khang An vốn là người Mãn, thuộc đội Cờ viền vàng (hộ khẩu của dân Mãn chia theo binh chế, gồm có tám đội Cờ (bát kỳ): Cờ vàng, Cờ trắng, Cờ đỏ, Cờ xanh, Cờ viền vàng, Cờ viền trắng, Cờ viền đỏ, Cờ viền xanh. Các đội Cờ này lúc thường thì làm dân, lúc động thì làm lính. Về sau, khi người Mông, người Hán qui phục nhà Thanh, vua Thanh Thái tông cũng tổ chức ra bát kỳ người Mông và bát kỳ người Hán như vậy, để làm lực lượng nòng cốt trong việc thống nhất Trung Quốc) do chân âm sinh làm đến chức quan trong Nội các, vua Thanh vốn rất tin dùng, nên mới giao cho kinh lý việc nước Nam.

Vừa mới thay Nghị làm chức tổng đốc, Khang An đi trạm đến mặc phủ Quảng Tây, đã chính mắt thấy Nghị trơ trọi một thân chạy về, rồi đó, tai lại được nghe thanh thể của vua Quang Trung, nên trong bụng không khỏi rụt rè lo sợ. Đến khi tiếp được bức thư từ biên cương đưa tới, Khang An quyết liền tự mình gánh vác lấy việc phương Nam, bèn nói kín với viên phân phủ họ Vương ở phủ Thái Bình rằng:

- Nam Bắc thôi việc binh đao, đó là phúc của sinh dân, mà thực là điều may lớn cho các quan ở ngoài bờ cõi. Ta nghe nói có viên quan coi việc giấy tờ của nước Nam tên là Ngô Thì Nhậm, bao nhiêu thư từ từ trước đến giờ đều do tay y mà ra. Vậy ông nên viết thư trả lời, bảo y chuyên tâm chủ trương việc giảng hoà, gấp rút viết tờ biểu tạ tội đưa sang, ta sẽ ở trong giúp đỡ cho, việc ấy thế nào cũng xong.

Phân phủ họ Vương lui ra, tức thì viết thư cho Ngô Thì Nhậm. Nhậm đem việc ấy tâu với vua Quang Trung.

Bấy giờ, vua Quang Trung tuy đã dẹp yên Bắc Hà, nhưng ở miền Nam, vẫn có cái lo bên trong, nên muốn gấp rút về Nam, bèn họp các tướng sĩ lại mà bảo:

- Việc binh ở Bắc Hà, ta giao cho Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân. Việc giao thiệp với Trung Quốc ta giao cho Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích. Mọi việc đều cho phép các người tùy tiện xử trí. Ta hãy về Nam, nếu việc gì không quan hệ lắm thì bắt tất phải qua lại bẩm báo cho thêm phiền phức.

Rồi đó, vua Quang Trung dẫn quân về Nam, để Văn Sở ở lại, coi giữ hết thảy việc quân, việc nước. Còn Ngô Thì Nhậm thì làm chủ về việc giao thiệp với Trung Quốc, cùng với viên quan giữ biên ải của nhà Thanh là phân phủ họ Vương hai bên liên lạc với nhau; ngoài thì có Phúc Khang An đề đạt ý kiến, trong thì có Các thần Hoà Khôn chủ trương mọi việc.

Hoà Khôn người Mãn Châu, thuộc đội Cờ vàng, cũng do chân âm sinh vào làm ở Nội các, cùng với Khang An quản lý việc hộ.

Khang An gửi thư cho Thì Nhậm, bảo Nhậm đưa vàng bạc đút lót Khôn. Khôn liền tâu với vua Thanh xin bãi việc binh, phong vương cho Quang Trung, và không nên gây hấn với nước ngoài, làm hao phí cho Trung Quốc. Khôn lại nói: "Từ xưa đến nay, chưa có đời nào làm nên công trạng ở cõi Nam. Nhà Tống rồi nhà Nguyên, nhà Minh, rốt cuộc đều bị thua trận, gương ấy hãy còn rành rành".

Vua Thanh cho là phải, bèn quyết ý giảng hoà. Bọn Hoà Khôn đón ý vua Thanh làm cho mọi việc đều ăn khớp, nên không việc gì là không vừa lòng nhà vua. Bởi vậy, vua Thanh rất thích, thường viết thư khen ngợi họ.

Khi ấy, Khang An liền báo tin cho Thì Nhậm biết, giục Nhậm viết tờ biểu tạ ơn. Nhậm thảo một tờ biểu, trong đó nói kèm thêm rằng: "Nước chúng tôi đã đến kỳ tiến cống,

theo lệ phải kính sai bồi thần đệ dâng lễ vật. Nhưng tiểu phiên (nước phiên thuộc nhỏ mọn, ở đây là một cách nói nhún để chỉ vua Quang Trung) còn là tạm quyền việc nước, không dám tự ý làm việc ấy, vì sợ chưa hợp lệ. Mà nếu điềm nhiên bỏ đi lòng cũng không yên. Nay các vật phẩm tiến cống và các người bồi thần đều đã kính cẩn đợi sẵn trên cửa ải. Vậy xin cúi mong bề trên quyết định, chúng tôi khôn xiết run sợ chờ lệnh...".

Khang An tiếp được tờ biểu tạ ơn ấy, lập tức sai ngựa trạm đệ về Yên Kinh. Hoà Khôn liền đem biểu dâng lên. Vua Thanh xem xong, thích lắm, bèn truyền cho các bồi thần nước Nam là bọn Võ Huy Tấn, Ngô Vi Quý, Nguyễn Đình Cử được phép qua cửa ải, vào chờ ở thành Quế Lâm; lại sai sứ thần sang phong cho vua Quang Trung làm An Nam quốc vương và ban thưởng cho rất hậu. Còn các phẩm vật tiến cống đều chiếu lệ cũ mà thu nhận. Liền đó, vua Thanh lại giáng chỉ vời vua An Nam sang châu.

Ngô Thì Nhậm bèn kén viên quan võ người làng Mạc Điền, huyện Nam Đường ở trấn Nghệ An, tên là Nguyễn Quang Thực (Đại nam chính biên liệt truyện sơ tập lại chép là Phạm Công Tri, cháu gọi Nguyễn Huệ bằng cậu), dung mạo đoan trang, giả làm quốc vương; lấy Văn Sở làm trọng thần hàng võ, Huy Ích làm trọng thần hàng văn, đô đốc Nguyễn Duật làm hộ vệ, Võ Huy Tấn làm bề tôi coi giấy tờ, cùng hầu "quốc vương" sang yết kiến vua Thanh. Ngoài lễ dâng thưởng của địa phương lại dâng thêm hai thớt voi đực. Dọc đường, người Thanh phải phục dịch chuyển vận rất khó nhọc. Trong ngoài ai cũng biết là giả dối, mà không ai dám nói.

Khi "quốc vương" tới Yên Kinh, vua Thanh mừng lắm, không hề biết đó là vua Quang Trung giả. Lúc "quốc vương" vào yết kiến, vua Thanh cho cùng ăn yến với các vị thân vương, lại ban ơn đặc biệt cho làm lễ ôm gối hết như tình cha con trong nhà. Lúc "quốc vương" lạy tạ về nước, vua Thanh sai thợ vẽ truyền thần bức chân dung mà ban cho, ân lễ rất trọng hậu, thực là một cách đối đãi khác thường từ ngàn xưa hiếm có.

Lại nói, vua Lê khi ở cửa ải Nam Quan theo Sỹ Nghị vào đất Trung Quốc, trú ngụ ở thành Nam Ninh, thì vừa gặp lúc Phúc Khang An đến thay Sỹ Nghị, và mưu đồ giảng hoà với Tây Sơn. Khang An bèn đón vua Lê vào nghỉ ở thành phủ Quế Lâm. Hỏi ấy những người nước Nam lần lượt sang Trung Quốc theo vua Lê gồm có: Chử vua là Trung quận công Duy Án, đi đường Du Quan (ở hồi 9 đã chép Duy Án đi cùng với phái bộ Trần Công Xán vào Tây Sơn đòi đất Nghệ An, sau phái bộ bị chìm chết ở ngoài biển. Đây lại thấy Duy Án xuất hiện, không hiểu là chép lầm hay Án còn sống sót mà người viết không ghi rõ chăng?); Đinh Nhạ Hành và Đinh Lệnh Dận quê ở Hàm Giang, đi đường Long Môn; nội hàn Trần Duy Lâm, quê ở Nam Chân; xuất nạp Lê Doãn, quản cơ Hậu Kính Lê Dĩnh người ở Đồng Trạch và bọn Phan Khải Đức người Nghệ An đều đi đường ải Nam Quan; bọn Bé Nguyễn Cung, Bé Nguyễn Doãn là phụ đạo ở Cao Bằng đi đường Cao Bằng. Lúc họ vào ra mắt, Khang An tùy tiện sắp đặt chỗ ở và cấp cho lương ăn áo mặc, rồi dùng Phan Khải Đức làm chức đô ty ở Liễu Châu, Đinh Nhạ Hành làm chức thủ bị ở Toàn

Châu, Bế Nguyễn Doãn làm chức bả tổng. Còn Trung quận công cùng các người khác thì đều đưa vào ở chỗ vua Lê trong phủ Quế Lâm.

Sau hơn một tháng, Khang An cũng từ Nam Ninh về Quế Lâm, liền hạ lệnh bãi hết binh mã các tỉnh, rồi bày ra yến tiệc và âm nhạc linh đình, rộn rã. Vua Lê lấy làm lạ hỏi, thì Khang An nói:

- Mùa hè nắng nực, không lợi cho việc sang đánh miền Nam, cần chờ đến mùa thu mát mẻ, sẽ điều động một thể.

Tiếp đó, Khang An lại mời vua Lê yến tiệc say sưa, rồi ung dung nói:

- Ngày xuất quân không còn xa, vương nên tự mình đem tá hữu liêu thuộc làm quân dẫn đường đi trước. Nhưng bây giờ nên gọt đầu gióc tóc (kiểu đầu của người Mãn Thanh: gọt tròn xung quanh như cái nồi đất, rồi tết đuôi xam ở đằng sau), thay đổi quần áo giống như người Trung Quốc, để khi về Nam quân giặc không thể phân biệt được, thì công lớn mới có thể thành. Sau khi khôi phục nước nhà, bấy giờ sẽ lại theo như tục cũ. "Việc binh không ngại dùng cách xảo trá" Vương nên nghĩ tới chỗ đó.

Vua Lê cho là phải và đáp:

- Chúng tôi không giữ được nước nhà, may nhờ thiên triều cứu viện, dù cả nước phải ăn mặc như người Trung Quốc, cũng xin vâng lệnh. Việc ấy còn có tiếc gì?

Rồi vua Lê cùng các bề tôi đều gióc tóc, thay đổi đồ mặc. Khang An thấy vậy, mừng lắm, liền cho một số tiền bạc và tiếp đãi tử tế. Vua Lê nhà Lê đều không biết sự lừa dối của Khang An. Nhân đó, Khang An bèn làm một tờ biểu kín tâu với vua Thanh, trong đó đại ý nói: "Vua An Nam là Lê Duy Kỳ, không còn có ý xin cứu viện, vua Lê đều đã gióc tóc đổi đồ mặc, xin ở lại yên ổn trong đất Trung Quốc. Vậy xin bãi bỏ các đạo quân định đưa sang đánh dẹp phương Nam". Còn Hoà Khôn cũng luôn dịp tâu xin phong vương cho vua Quang Trung. Thế là các lời xin ấy đều được vua Thanh chuẩn y.

Một hôm, Khang An lại mời vua Lê vào dinh. Giáo mác trang hoàng la liệt, quân hầu đứng khắp chung quanh, cung mã, nghi trượng rất là nghiêm chỉnh, chính giữa dựng cây cờ lớn, có thêu sáu chữ: "Đề đốc cửu tỉnh binh mã" (đề đốc binh mã chín tỉnh).

Sau khi uống trà và ăn hoa quả xong, An im lặng không nói câu gì, vua Lê cũng không hiểu ý của An ra sao. Lúc từ giả đi ra, thì thấy sứ giả Tây Sơn đã ở ngoài cửa. Vua Lê tức tối hỏi lâu, rồi đành phải về quán trọ yên nghỉ.

Trước kia Trường phái hầu là Lê Quýnh vâng mệnh ở lại trong nước, chiêu dụ hào kiệt các địa phương để lo việc khôi phục. Lúc này, Quýnh và bọn Trịnh Hiến, Lý Tạo, Lê Hợp (có bản chép là Lý Nhu Đạo, Lê Doãn Thực) tất cả gồm vài chục người đều kéo sang

đất Trung Quốc. Khang An cho trát đòi bọn Quýnh đến bàn việc nước. Lúc họ tới nơi, An chẳng hỏi han gì, chỉ bàn về việc gọt đầu gióc tóc và đổi đồ mặc mà thôi.

Quýnh biết An dối trá, giận lắm, nói:

- Đòi ta đến ngõ là để giáp mặt mà bàn bạc, nay té ra lại chẳng bàn bạc gì, mà chỉ toàn bảo gọt đầu gióc tóc và đổi đồ mặc. Chúng ta đây, đầu có thể chặt, tóc không thể cắt, da có thể lột, đồ mặc không thể đổi!

Khang An biết là không thể ép buộc được, bèn sai đem bọn họ an trí ở tỉnh Quảng Tây.

Hồi cuối mùa đông năm ấy là năm Kỷ Dậu (1789), vua Thanh sau khi đã sai sứ phong cho vua Quang Trung làm An Nam quốc vương và nhận các vật phẩm tiến cống, liền giáng chỉ đòi vua cũ của nước An Nam phải đến Yên Kinh.

Nguyên lúc kinh thành Thăng Long tan vỡ, vua Lê chạy sang bắc, em thứ ba của vua Lê là Lan quận công Duy Chi đưa hoàng phi chạy ra, đến bến sông Nhĩ Hà thì gặp lúc cầu phao đã gãy, liền theo bờ sông chạy về phía tây. Đến Tuyên Quang, Duy Chi bèn lên lút ở đấy, rồi nhân dịp chiêu dụ các tay hào mục địa phương, để cùng nhau gắng sức lo việc khôi phục. Về sau, Duy Chi dấy quân ở đất Bảo Lạc (nay thuộc Cao Bằng), đắp đồn lũy, trưng thu lương thực, chống nhau với quân Tây Sơn. Được vài tháng, quân và lương không đủ, bị quân Tây Sơn đánh thua, Duy Chi và các tướng tá đều bị bắt, đóng cũi đưa về Nam, rồi đều bị hại (theo Đại nam chính biên liệt truyện và Bang giao lục thì Duy Chi đánh phá cả các vùng Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên; sau lại liên kết với Lào để định đánh úp Nghệ An. Vì thế, quân Tây Sơn phải đánh dẹp rất gay go, kéo dài hàng năm (1789-1790) mới bắt được Chi). Quân dân cả nước, ai cũng thương xót. Có người viếng bài thơ, trong có câu rằng:

Phú Xuân có đất chôn hờn mới.

Bảo Lạc không trời báo oán xưa.

Duy Chi đã chết, hoàng phi bèn trốn về vùng Kinh Bắc, lên lút trong dân gian, quân Tây Sơn tìm bắt nhưng không được.

Lúc bấy giờ, vua Lê ở Yên Kinh, tin tức không thông, các hoàng thân đều bị quân Tây Sơn giết hại. Các bề tôi trung nghĩa ngày xưa như bình chương Nguyễn Huy Túc, tham tri Phạm Đình Dữ, thượng thư bộ Binh Nguyễn Đình Giản, thiêm thư xu mật viện sự Lê Ban, phó đô ngự sử Trần Danh Án, trấn thủ Kinh Bắc Trần Quang Châu đều phải trốn nấp ở các nơi thôn ổ, quân Tây Sơn lùng bắt không được. Còn con cháu dòng dõi của các nhà quyền quý phần nhiều cũng vẫn có cảm tình với chủ cũ. Nên chi, trong chốn làng quê, tiếng trống thường nổi lên luôn luôn.

Nguyễn Đình Giản, từ khi vua Lê chạy sang Trung Quốc, không kịp chạy theo, bèn ẩn ở huyện Lập Thạch thuộc trấn Sơn Tây (nay thuộc Vĩnh Phú).

Vua Quang Trung cho người đến trấn Thanh Hóa, bắt con gái yêu của Giản đưa vào hậu cung muốn để vờ Giản ra làm quan. Nhưng Giản nói:

- Con bé ấy không chết, làm nhục nhà ta, ta không vì tình nhi nữ mà bỏ nghĩa vua tôi.

Quân Tây Sơn biết không thể đoạt nổi chí hướng của Giản, bèn lập mưu bắt sống Giản về. Giản không chịu khuất, rồi chết. Giản có làm bài thơ tự thuật như sau:

Vị thân hay vị nước nhà,

Thân còn nước mắt biết là làm sao?

Đội non khôn hoá thân ngao

(Sách Liệt sử chép: ở biển Đông có năm hòn núi nổi lên đênh trên mặt nước, trời sai 15 con ngao đỡ cho núi đứng vững. Đây mượn ý để nói việc chống đỡ quốc gia),

Dễ đem mình cuộc khóc gào núi sông

(xưa vua Thục là Đỗ Vũ mất nước, sau khi chết hoá thành con cuốc, tiếng kêu ai oán).

Giận không Vương Xúc gươm trung

(Vương Xúc làm quan nước Tề đời Chiến Quốc, sau Tề vị nước Yên chiếm, Vương Xúc dùng gươm tự tử),

Đọc ca chính khí dãi lòng sắt đanh

(Chính khí ca của Văn Thiên Tường, một trung thần đời Tống, làm khi bị giam ở yên kinh).

Ngoảnh nhìn cung khuyết Long thành,

Thân này với nước nhục vinh nữ rời!

Lê Ban khôi ngô, hùng dũng, sức khoẻ hơn người; mỗi bữa ăn gấp mấy chục người. Sau khi vua Lê bị nạn, Ban thường quanh quần bên cạnh, không từ hiểm nghèo. Đến khi vua Lê chạy sang Trung Quốc. Ban theo không kịp, bèn đi đường tắt về quê ở Nghệ An, cùng các hào mục địa phương họp quân đánh nhau với Tây Sơn, bị thua mấy trận rồi bị bắt. Ban giữ vững chí cũ, không chịu khuất phục. Quân Tây Sơn bèn thả cho về. Sau Ban chết ở Thăng Long.

Trần Danh An lưu lạc ở miền rừng núi, thôn quê trong xứ Bắc Giang. Vua Quang Trung sai Ngô Thì Nhậm viết thư vờ án. án cố từ, thề chết không chịu ra, lời lẽ phần nhiều gay gắt. Nhân dịp, An lại làm bài thơ trả lời Nhậm như sau:

Gặp bác đời nay dễ mấy lần,

Dung nhan phảng phất mộng luôn gần.

Về ai nước ấy thôi đành kệ,

Nương trợ, đời nay chỉ biết thân.

Song bắc giấu mình còn nhớ Tấn

(Điền Song bắc trở Đào Tiềm người đời Tấn, vì khi Đào Tiềm cáo quan về nhà, trong một lá thư gửi cho bạn, ông có viết câu "Bắc song cao ngoạ..." (Nằm hóng mát dưới cửa sổ phía bắc) để nói về cái thú ở ẩn. Đào Tiềm là tôi cũ của nhà Tấn, khi Tống cướp nước Tấn, Đào Tiềm viết lách gì cũng vẫn đề niên hiệu của nhà Tấn để tỏ lòng trung nghĩa)

Biển Đông thà chết chẳng theo Tần

(điền Biển Đông trở Lỗ Trọng Liên người nước Tề đời Chiến-quốc. Khi Lỗ Trọng Liên sang chơi nước Triệu, gặp lúc nước Tần vây Triệu rất gấp; bấy giờ có sứ nước Ngụy sang Triệu bàn nên tôn Tần làm hoàng đế thì sẽ khỏi bị vây; Trọng Liên nghe nói, không bằng lòng, gặp sứ Ngụy bàn lẽ phải trái và nói; nếu Tần xưng đế thì Liên này thà nhảy xuống biển Đông mà chết chứ không chịu làm tôi tớ cho Tần... Lời nói khảng khái ấy của Trọng Liên, quả nhiên đã làm cho quân Tần phải rút lui, không vây Triệu nữa).

Người sau bên mộ giờ tay trở:

Tiến sĩ đời Lê cũ, họ Trần.

Nhậm biết không thể khuất phục được án, bèn ngậm sai người đem quân đến hăm dọa. Nhưng Án vẫn ngồi làm thơ, thần sắc như thường, trong có câu rằng:

*Kiếp này dầu béo mồm hùm sói,
Thà chết không làm bụng chó heo!*

Quân Tây Sơn lại dễ cho làm quan to, cuối cùng án vẫn không theo, họ bèn thôi.

Trần Quang Châu cùng bọn bộ tướng, nhóm quân đánh lại Tây Sơn, ngang dọc trong hai trấn Đông Bắc (Hải Dương và Kinh Bắc). Khoảng trong bốn năm năm liền, luôn luôn phá vỡ đồn lũy và giết được rất nhiều tướng tá của Tây Sơn, khiến cho quân Tây Sơn cũng phải khiếp sợ Châu. Sau mắc mưu gian, Châu bị quân Tây Sơn bắt sống. Châu cũng không chịu khuất phục, rồi chết (theo các tài liệu lịch sử, thì những cuộc chống đối của đám cựu thần nhà Lê bấy giờ còn có: Dương Đình Tuấn (Bắc Giang). Nguyễn Phủ (Bắc Ninh), Phạm Đình Đạt (Bắc Ninh)... Nhưng cuối cùng cũng đều bị Tây Sơn dẹp tan).

Từ đó trở đi, các trấn yên lặng, không phải lo sợ về nạn binh hoả nữa.

Sau khi nhận sắc phong của vua Thanh, vua Quang Trung bèn tự coi mình như hoàng đế, lập con cả là Quang Toàn làm thái tử, con thứ hai là Quang Thuý là Khang công, lĩnh chức tiết chế các quân thủy bộ miền Bắc, con thứ ba là Quang Bàn làm Tuyên công lĩnh chức đốc trấn Thanh Hóa, Tổng lý mọi việc quân, dân. Các trấn đều đặt một viên trấn thủ, một viên hiệp trấn. Mỗi huyện đặt một viên phân tri và hai viên tả hữu quản lý để trung thu binh lương và xử lý việc kiện cáo. Lại lập ra binh chế, chia ra các cấp quan võ; lấy đạo thống lĩnh làm cơ, lấy cơ thống lĩnh các đội, để quản thúc và luyện tập cho quân lính.

Các trấn từ sông Gianh ra Bắc đều phải kê khai sổ đinh, chiếu theo lệ cũ kén lính và thu các thứ thuế dung (tức thuế thân, do Trịnh Cương đặt ra), thuế cước. Lập sổ ruộng, định lệ thóc thuế. Chia ruộng công, ruộng tư ra làm ba bậc để thu thuế. Vua Quang Trung cho rằng Nghệ An ở vào chính giữa nước, đường sá từ Nam ra từ Bắc vào đều vừa bằng nhau, quê tổ tiên mình cũng ở đấy, bèn sai trưng dụng rất nhiều thợ thuyền, chuyên chở gỗ, đá, gạch ngói, để xây dựng cung phủ, lầu đài. Đắp thành đất chung quanh và sai các quân lính đào đá ong ở địa phương để xây thành trong. Dụng toà lầu Ròng ba tầng cùng điện Thái-Hòa hai dãy hành lang, để phòng dùng đến trong những khi có lễ triều hạ (các quan vào chầu và chúc mừng nhà vua). Thành này được gọi là Phụng Hoàng trung đô hoặc Trung kinh Phụng Hoàng thành (thành này Quang Trung định lập làm nơi đóng đô nên mới gọi là "trung đô" hoặc "trung kinh"; còn tên "Phụng Hoàng" là gọi theo tên ngọn núi ở chỗ xây dựng thành, "tức rú Quyết cạnh đường Bến Thủy bây giờ". Khi xây dựng "Phụng Hoàng trung đô", Quang Trung có viết chiếu mời Nguyễn Thiếp ra xem đất. Trong tờ chiếu, có đoạn viết như sau: "Nay kinh Phú Xuân thì hình thế cách trở. ở xa trị Bắc Hà, sự thế rất khó khăn. Theo định thần nghị rằng, chỉ đóng đô ở Nghệ An là độ đường vừa cân, vừa có thể khống chế được trong Nam ngoài Bắc, và sẽ làm cho người tứ phương đến kêu kiện, tiện việc đi về" - Xem thêm chi tiết trong La Sơn phu tử của Hoàng Xuân Hãn).

Năm Canh Tuất (1790), nước Ai-lao chưa chịu tiến cống. Vua Quang Trung bèn sai viên đốc trấn Nghệ An là Nguyễn Quang Diệu (có sách chép Trần Quang Diệu. Việc Quang Trung đánh Lào, thực ra không phải nhằm mục đích chiếm đất, mà chỉ cốt phá tan âm mưu cầu kết giữa Duy Chi và vua Lào) làm chức đại tổng quản, viên đô đốc lĩnh tượng chính là Lê Văn Trung làm chức đại tư lệ xuất quân tiến đánh.

Quân Tây Sơn tiến đến đô thành nước Ai Lao, vua Ai Lao chống cự không nổi, đem quân chạy trốn. Bọn Diệu vào thành, thu hết vàng bạc, châu báu, voi ngựa đem về.

Sau khi được vua Thanh phong vương, vua Quang Trung càng thêm kiêu căng, có ý xem khinh Trung Quốc. Vừa lúc ấy, có giặc Tàu ô (tên gọi chung bọn giặc biển người Trung Hoa bấy giờ, thường đi tàu thuyền ở ven biển Việt Nam để ăn cướp) ở lưỡng Quảng cướp bóc miền ven biển, quân Thanh đuổi đánh, bọn giặc liền chạy xuống vùng Nam Hải và xin quy phục nước Nam. Vua Quang Trung bèn cho bọn đầu mục của chúng đều làm chức thống binh, đồng thời lại sai chúng trở lại cướp bóc quấy nhiễu miền duyên hải của Trung Quốc. Từ đấy các thuyền buôn bán không thể qua lại giá cả hàng hoá cao vồn vọt. Vua Quang Trung lại dung nạp cả bọn giặc Tàu ô ở Tứ Xuyên gọi là "Thiên địa hội" ("Thiên địa hội" không phải là giặc Tàu ô, mà là một tổ chức bí mật của nhân dân Trung Quốc, nhằm lật đổ triều đình Mãn Thanh, thành lập năm 1674, lúc đầu trung tâm ở vùng Phúc Kiến, sau phát triển khắp nơi trong nước, thâm nhập cả vào các tầng lớp Hoa kiều ở ngoài nước). Tổng đốc nhà Thanh bấy giờ sợ sức mạnh của nước Nam, nên cũng không dám hỏi chi đến.

Qua những việc đó, vua Quang Trung càng cho người Thanh là dễ đánh, bèn tính việc kén chọn quân lính, dành dụm lương thực, đóng tàu biển thật lớn, có thể chở nổi voi, rồi cùng các quan văn võ ngầm ngầm để ý dòm ngó Trung Quốc.

Thật là:

*Cõi Bắc vừa xong trường chiến đấu,
Ái Nam lại nảy dạ anh hùng.*

Chưa biết việc ấy ra sao? Chờ xem hồi sau phân giải.

Hồi thứ mười sáu

*Tể Linh đường, sứ Thanh bị lừa
Chết Yên Kinh, vua Lê nuốt hận*

Lại nói, vua Quang Trung toan lập mưu đánh Trung Quốc, đêm ngày bàn bạc với các tướng tá, họ đều nói:

- Nên kê sổ dân cho đúng để kén quân lính, đó là việc cần kíp ngày nay.

Vua Quang Trung lấy làm phải, bèn hạ lệnh cho các trấn phải đốc thúc các xã sửa lại sổ đinh, phát "tín bài" (thẻ làm tin) để thống kê dân chúng vào sổ, rồi cử người coi sóc xét hỏi. Tổng trưởng các huyện có nhiều người vì cố tình giấu giếm mà bị chém. Việc đi lại trên đường, nhân dân đều lấy làm khổ. Viên phân tri ở các huyện nhóm họp sổ dân đã ghi trong sổ lại, chiếu sổ cấp cho mỗi người một cái thẻ; giữa thẻ in bốn chữ triện "Thiên hạ đại tín" (niềm tin lớn của thiên hạ), bốn mép chung quanh thì viết họ tên quê quán của những người có thẻ và in dấu ngón tay trở bên trái để làm bằng cứ. Mọi người đều phải đeo thẻ ấy, gặp khi xét hỏi thì đưa ra trình; đó gọi là "tín bài". Ai không có thẻ, tức là dân lậu, sẽ bị bắt đem sung quân (bị đày đi các nơi biên giới xa xôi để làm lính thú) và bắt tội các người tổng trưởng, xã trưởng của họ.

Sổ đinh thành rồi, vẫn theo lệ ba đinh bắt một người lính. Lại sai các viên phân quản đem quân đến các xã vây bắt, tra xét. Vì thế, dân gian nhón nháo, nhiều người lẩn trốn vào các khe núi.

Có người ở làng Ngọc Điền, huyện Thạch Hà, trấn Nghệ An, tên là Trần Phương Bính (nhiều sách chép là Trần Danh Bính), nguyên là con viên tiến sĩ đời Lê xưa là Trần Danh Tô, không chịu đeo thẻ. Trần thủ Nguyễn Diệu khen và tha cho không bắt tội.

Bính là một người bản tính thông minh nhanh nhẹn, lại sẵn có khí tiết, thường làm thơ để tỏ chí của mình, có hai câu rằng:

*Tim gan chất chứa hờn trời đất,
Mặt mũi đành tro với tháng ngày.*

Về sau, các công sĩ và các hào mục địa phương họp quân ở làng Nga Khê, huyện Thiên Lộc, định đánh úp thành Nghệ An. Họ bèn suy tôn Bính làm quân sư. Bọn Bính kéo quân đến xã Bình Lăng, ven núi Hồng Lĩnh để đánh nhau cùng quân Tây Sơn. Bị thua trận, Bính liền trèo lên đỉnh núi cao nhất của núi Hồng Lĩnh, tựa tay đề một bài thơ vào vách chùa ở đó như sau:

*Đền nước không còn chước,
Bên mình có mũi dao.
Ngoái cổ nhìn Hồng Lĩnh.
Chín mươi chín đỉnh cao.*

Rồi Bính lấy dao đâm thọc vào bụng mà chết; quân dân nghe tin, ai cũng thương xót.

Lại nói, vua Quang Trung, sau khi quyết định việc đánh Trung Quốc, bèn sai bề tôi là Chiêu viễn Vũ Văn Dũng sang nhà Thanh, dâng biểu cầu hôn và đòi lại đất hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây. Điều đó không phải là bản tâm của vua Quang Trung, chẳng qua chỉ muốn thử xem ý nhà Thanh ra sao mà thôi. Nhưng vừa lúc ấy thì vua Quang Trung bị bệnh rồi mất. Hôm đó nhằm ngày mùa thu, tháng tám năm Nhâm Tý (về tháng vua Quang Trung mất, có một vài tài liệu chép là tháng 9. Nhưng theo sự chứng minh rất xác đáng của ông Hoàng Xuân Hãn (La Sơn phu tử, tr. 158-160), dựa vào sách Đại Nam thực lục và tài liệu của các giáo sĩ phương Tây đã chép lúc đương thời, thì vua Quang Trung đã mất vào ngày 29 tháng 7 năm Nhâm Tý (1792). Cũng theo ông Hoàng Xuân Hãn, thì việc Hoàng Lê nhất thống chí chép mất vào tháng 8 như ở đây cũng không hẳn là sai; vì theo sách lịch Tây Sơn đương thời, tháng 7 năm Nhâm Tý là tháng thiếu, ngày 29 lại là ngày cuối tháng, mà vua Quang Trung lại mất vào khoảng nửa đêm, như thế thì chép tháng 7 hay tháng 8 cũng chỉ chênh nhau chừng nửa giờ mà thôi), sau khi lên ngôi hoàng đế được 5 năm. Trước đó, khi sứ nhà Thanh sang phong, vua Thanh có ban cho vua Quang Trung chiếc áo màu, trong thêu bảy chữ bằng kim tuyến: Xa tâm chiết trực đa điền thử (câu này nghĩa đen là: "Bụng xe gãy trực, nhiều chuột đồng"). Theo Hán văn, chữ xa với chữ tâm hợp lại thành chữ Huệ tên vua Quang Trung. Chuột thuộc về tý. Ý nói năm tý vua Quang Trung chết). Bây giờ không ai hiểu ra sao, thì ra đến lúc này mới nghiệm.

Sau khi vua Quang Trung mất, việc cầu hôn và việc đòi đất không thấu đến triều đình Trung Quốc, nên vua Thanh cũng không biết (theo gia phả họ Vũ (Vũ Văn Dũng) thì tờ biểu đã đệ lên vua Thanh, và đã được vua Thanh nhận lời gả công chúa cùng trả lại đất Quảng Đông. Sau nghe tin vua Quang Trung chết nên việc đó mới đình chỉ).

Tháng ấy con trưởng vua Quang Trung là Quang Toàn theo di mệnh của vua cha, lên nối ngôi, đời năm sau tức là năm Quý Sửu (1793) làm năm đầu niên hiệu Cảnh Thịnh, và truy tôn vua Quang Trung làm Thái tổ Vũ hoàng đế. Rồi đó, Quang Toàn sai sứ thần sang Trung Quốc báo tang, đem dâng các sản vật địa phương và hai thớt voi đực; lại sắp xếp lễ cống hàng năm và làm tờ biểu xin phong vương, để hai sứ bộ cùng đi một lúc. Trong tờ biểu có nói: "Vâng lời dặn lại của vua cha, sau khi chết, không đưa di hài về quê hương, mà chôn cất ở làng Linh Đường (thuộc huyện Thanh Trì (Hà Nội)) phía ngoài kinh thành để tỏ lòng mến nhớ cửa khuyết...".

Vua Thanh khen ngợi, tức thì sai sứ thần sang làm lễ tế. Quang Toàn bèn làm ngôi mộ giả ở làng Linh Đường để nhận lễ thăm viếng của nhà Thanh. Trong bài văn tế của nhà

Thanh có câu: "Chúc ngôi Nam cực, lòng trung đà tỏ trước sân triều; yên giấc Tây Hồ, trọn đời vẫn không quên cửa khuyết".

Vua Thanh lại ban cho thụy hiệu là "Trung thuần" và ban tặng một bài thơ, bảo khắc vào đá, dựng bên trái mồ vua Quang Trung để làm nổi rõ sự vinh hiển.

Rồi đó, vua Thanh phong cho Quang Toản làm An Nam quốc vương.

Sau khi được phong, Quang Toản bãi lệnh đeo "tín bài", triệt hồi các đạo quân đi bắt dân lậu, nghiêm cấm việc quấy nhiễu nhân dân, dùng cậu ruột là Bùi Đắc Tuyên làm chức thái sư, coi tất cả mọi việc chính sự của triều đình.

Vì thấy Quang Toản còn nhỏ, Đắc Tuyên ra mặt chuyên quyền, tha hồ làm oai làm phúc, các quan văn võ đều nem nếp kiêng sợ, mâm mống tai họa bắt đầu từ đây.

Lại nói, vua Lê từ mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789) chạy sang đất Trung Hoa, trọ ở thành Quế Lâm.

Mùa đông năm ấy, vua Thanh nghe lời bàn của bọn Khang An, Hoà Khôn, phong vương cho Nguyễn Huệ, lại giáng chỉ đòi vua Lê vào Yên Kinh. Mùa xuân năm Canh Tuất (1790), vua Lê bắt đầu lên đường, tháng năm mùa hè năm ấy thì đến Yên Kinh. Các quan văn võ của nước ta trước sau sang đất Trung Quốc đều được lần lượt đi theo.

Vừa khi ấy, vua Thanh đi tuần du, gặp bọn Lê Quýnh ở tỉnh Sơn Đông, bèn sai người gọi vào ra mắt và dụ rằng:

- Chủ các ngươi đã xin yên ổn ở lại Trung Quốc, lũ các ngươi giốc lòng cùng theo, thì nên lập tức gọt đầu gióc tóc, đổi đồ mặc để chờ mệnh lệnh.

Bọn Quýnh tâu rằng:

- Lũ tiểu thần từ xa xôi muôn dặm theo trốn sang đây, xin cho được dùng phong tục bản xứ để ra mắt quốc vương, rồi sau sẽ xin vâng chỉ.

Vua Thanh khen ngợi hồi lâu, rồi bảo họ đi thông thả lên Yên Kinh.

Lúc bấy giờ, vua Lê cùng thái hậu và con đầu của vua trọ ở cửa Tây Định trong thành Yên Kinh, cạnh nhà Quốc tử giám, trước cửa có biển đề: "Tây An Nam doanh" (Dinh An Nam phía tây). Còn các bề tôi thì ở trong cửa Đông Trực, cạnh nhà Dương phố, ngoài cửa có biển đề: "Đông An Nam doanh" (Dinh An Nam phía đông). Tất cả bọn đều được nhà Thanh chiếu theo số người mà cấp phát cho lương ăn, và cho phép tự do qua lại.

Một hôm, nghe tin vua Thanh sắp ra Nhiệt Hà tránh nắng, mờ sáng ngày mai thì lên đường. Nhân dịp đó vua Lê liền cùng các bề tôi thảo ra tờ biểu xin quân cứu viện, rồi nhờ vào viên đô thống đội Cờ viền vàng tên là Kim Giản, để xin yết kiến vua Thanh.

Đến khi xe vua Thanh đi qua, vua Lê cùng các bề tôi đều quỳ xuống yết kiến ở mép đường bên trái. Xe vua Thanh dừng lại một chút, có viên thông ngôn báo rằng: "Hoàng đế có chỉ khen thưởng". Rồi viên đó giục họ lạy tạ và trở về doanh. Lát sau, đã thấy Kim Giản vâng chỉ vua Thanh phong cho vua Lê chức tá lãnh, đời đời nối chức và được lĩnh áo mũ tam phẩm.

Vua Lê bắt đắ dĩ phải nhận vậy. Cách mấy hôm sau, lại thấy có viên quan ở nội phủ vâng chỉ vua Thanh đòi vua Lê vào sân điện, ban cho bốn trăm lạng bạc và sai người sắp sẵn cho các thứ đồ vật. Còn những bề tôi đi theo, đều được cấp mỗi người năm trăm đồng tiền. Các lễ mừng, lễ điếu ở trong nước, đều chiếu theo như thể lệ đã định cho những người thuộc tám hiệu cờ.

Năm ấy, vua Lê thấy người Thanh không thể tin cậy được, bèn cùng bọn Phạm Như Tùng, Hoàng Ích Hiếu, Lê Hân, Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Viết Triệu, Lê Văn Trường, Lê Quý Thích và Nguyễn Đình Cẩm, người làng Hương Ngạnh, huyện Từ Liêm, Lê Tùng người làng Tây Đàm, Lê Thức người làng Đáp Cầu, huyện Hoằng Hoá cùng nhau uống máu ăn thề, rồi cùng thảo tờ biểu, xin quân cứu viện. Lại bàn nếu xin quân không được, thì sẽ xin đất cũ là hai châu Tuyên Quang, Hưng Hoá để thờ tổ tiên, hoặc lên vào Gia Định để mưu đồ việc khôi phục, nhờ có gặp sự bất trắc thì sống chết cũng liều.

Thảo xong tờ biểu, bọn họ đến báo trước cho Kim Giản biết, Kim Giản không tiếp. Vua tôi nhà Lê cùng nhau rập đầu xuống đất mà kêu thật to. Kim Giản bắt đắ dĩ phải mời vào nhà, pha trà thết đãi, rồi bảo:

- Vương hãy cứ về quán trọ mà chờ, sẽ bàn bạc sau.

Được hơn một tháng, thấy có viên quan nhà Thanh tên là Khoa Lan tới báo với vua Lê rằng: "Đã có chỉ truyền tạm cho vương vùng đất Khâm Châu (thuộc Quảng Đông). Chờ đến năm sau vào dịp mùa xuân hoa nở sẽ trở về nước cũng không muộn gì".

Vua tôi nhà Lê đều không tin.

Tháng ba, mùa xuân năm Tân hợi (1791). Hoà Khôn lập mưu chia đám vua tôi nhà Lê ra mỗi người một nơi để họ khỏi kêu ca, bèn sai Khoa Lan cưỡi ngựa tới nói dối rằng:

- Đã có chỉ truyền cho vương về ở đất Tuyên Quang, vậy các bề tôi cần phải chỉnh đốn mũ áo để cho vương vào triều tạ ơn.

Các bề tôi nhà Lê ở doanh Đông đều tin là thật, bèn theo đến ẩn phòng. Khôn sai người lấy khoá sắt khoá luôn lại, rồi dùng xe trâu đưa họ đi ra ngoài ba trăm dặm, an trí Hoàng Ích Hiếu ở Y Lê, Lê Hân ở Phụng Thiên, Như Tùng ở Hắc Long Giang, Quốc Đống ở Cát Lâm, Viết Triệu ở Trương Gia Khẩu thuộc Nhiệt Hà, chỉ để một mình Trần Thiện ở lại hầu hạ quốc vương.

Vua Lê nghe tin ấy, lo giận bồn chồn, đến sáng sớm cưỡi ngựa vào nhà Kim Giản, định kêu cho các bề tôi. Vừa lúc ấy, Kim Giản đã vào chầu vua Thanh ở vườn Viên Minh. Vua Lê lập tức ruổi ngựa đi thẳng tới cửa vườn, nhưng đến nơi thì bị lính canh cửa ngăn lại. Người dắt ngựa của vua Lê là Nguyễn Văn Quyên, quê ở Bồ Vệ, phục xuống đất kêu ầm lên. Bọn người Thanh sợ tiếng kêu gào vang đến chỗ vua Thanh, bèn giật lấy con ngựa của vua Lê, rồi vục luôn cả nhà vua lên xe bắt đến toà Thận Hình giữ lại.

Văn Quyên bèn cất tiếng mắng to:

- Bọn chó Ngô vô lễ, dám làm nhục vua ta!

Sau đó, Văn Quyên lập tức lấy gạch ở sân ném bừa vào bọn chúng. Đám quân lính giữ vườn nổi giận, xúm lại đánh Văn Quyên gần chết, đoạn cũng bắt đến giam ở toà Thận Hình đúng một tháng mới tha cho về. Văn Quyên nhân thế bị bệnh mà chết.

Lúc bấy giờ, Nguyễn Huy Túc đang lánh ở vùng núi Tản Viên (tức núi Ba Vì ở Sơn Tây (Hà Nội)), nghe thấy việc ấy, cho Văn Quyên là có nghĩa, bèn làm bài "Tán" như sau:

"Trung thay mã đồng! Giỏi thay mã đồng! (người hầu ngựa)

Mến chúa lòng trung nghĩa, theo đuổi việc binh nhưng.

Tác dạ như voi, khí; một đức như kiến, ong.

(Đường Huyền-Tông thường tập cho voi quỳ lạy, lúc An Lộc Sơn cướp ngôi, cũng bắt voi quỳ nhưng voi không nghe. Đường Chiêu Tông có con khí biết quỳ lạy; lúc Chu Toàn Trung cướp ngôi, cũng bắt khí lạy, khí không chịu)

Mạnh mẽ như loài gấu; thẳng thắn như chim hồng

Cắt dâm chẳng lánh, hổ doạ cũng xông.

Ngựa trời vung cẳng; hùm sói tranh phong.

Phì nguyện da ngựa; để tiếng vô cùng. (theo ý câu nói của Mã Viện nhà Hán: "Làm trai nên lấy da ngựa bọc thân". Chỉ việc hăng hái hy sinh nơi chiến trận)

Kìa ai đó?

Xiêm bào ngoài mặt; sâu mọt trong lòng.

Ruồi xanh xu nịnh, hươu ngựa gian hùng (thơ "Thương dăng" Kinh Thi ví bọn tiểu nhân như đàn ruồi xanh. Triệu Cao, gian thần nhà Tần, chỉ con hươu mà nói với vua là con ngựa).

Sao chẳng bảo chúng:

Sung làm hầu ngựa; bắt muỗi giết trùng.

Vậy dám đặt tên cho anh là Trung tráng công!"

Trong lúc vua Lê ở toà Thận Hình, một hôm Hoà Khôn sai người đến doanh Tây, ép thái hậu bảo phải thảo tờ biểu nói rằng: quốc vương tình nguyện ở lại đất Trung Quốc, việc xông vào cửa khuyết và làm huyên náo là tại các người bề tôi gây ra...

Biểu đang thảo thì viên giám thân là Nguyễn Trọng Đắc trông thấy, liền giật lấy bản nháp xé đi và nói:

- Bị người ta lừa dối mà đưa các bề tôi đến chỗ chết thì làm thế nào?

Người Thanh lại bắt ép Trọng Đắc về ở doanh Tây, rồi cấm hai doanh không được tự tiện đi lại với nhau.

Một hôm, con vua Thanh, tức vương thứ sáu, nhân lúc lui triều thư thả, tới nhà Hoà Khôn nói chuyện, có bàn đến việc nước An Nam. Vương nói:

- Vua tôi họ Lê gặp nạn chạy sang nước ta, mà cầu cứu không được, cũng nên thương xót, giúp đỡ họ. Chắc các bề tôi của họ cũng đều là người trung nghĩa. Nay họ không có tội gì mà bắt giam ở đất xa, nước ngoài nghe thấy, họ sẽ bảo Trung Quốc ra sao?

Khôn nói:

- Hoàng thượng đã có chỉ truyền như vậy, việc ấy đức vương không cần phải biết đến!

Vương nói:

- Hoàng thượng tuổi đã già, việc nước đều do quốc lão đây xử trí; mọi việc đúng hay sai, quan hệ không phải nhỏ. Ta đây sao lại không cần biết!

Khôn vốn cậy thế vua Thanh yêu mến, lại ăn nói vô lễ, khiến cho vương giận lắm, lập tức cầm chiếc bàn cờ đánh Khôn. Cả bọn người ngồi đấy đều đứng dậy khuyên giải, can ngăn, Khôn mới thoát nạn.

Hôm sau, Khôn hậm hực vào kêu với vua Thanh. Vua Thanh tức thì nổi giận lôi đình, sai người đòi vương vào, định tự tay đánh đòn. Viên quan nội các là A Lâm rạp đầu xuống đất cố sức can, vua Thanh mới chịu thôi, liền sai người đánh vương ở trước sân điện mười gậy.

Vương lui ra, tức quá thành bệnh. Cách vài ngày, bệnh thêm nặng, vương bèn gọi các vương thứ tám, thứ mười một và thứ mười bảy tới dặn rằng:

- Trong ba em, chưa biết sau này hoàng thượng lập ai? Hễ ai nổi ngôi thì phải trừ khử tên gian tướng ấy đi, đừng có để mối lo lại cho xã tắc!

Ba người nghe lời, đều lạy hai lạy xin vâng và lui ra. Sau đó, vương mất.

Từ đấy, vua Lê không còn dám nói đến việc xin quân cứu viện nữa, nhưng trong lòng uất ức không bao giờ nguôi.

Tới mùa hè, năm Nhâm Tý (1792), con đầu của vua Lê lên đậu rồi mất. Nhân thế, vua Lê lo buồn sinh bệnh, thoi thóp nằm liệt không dậy được. Năm sau, bệnh nhà vua càng nguy kịch, các bề tôi bị an trí ở những nơi khác đều dâng biểu về hỏi thăm.

Lúc đó, có người gia đồng của Lê Như Tùng tên là Lê Huy Vượng, vì có công hầu hạ khó nhọc, vua Lê cho làm con nuôi, đặt tên là Duy Khang, bảo giữ việc thờ tự hoàng khảo và hầu hạ thái hậu.

Lúc hấp hối, vua Lê gọi các thị thần tới nhận lời trăng trối, nhà vua nói:

- Trẫm gặp phải lúc vận nhà suy kém, không thể giữ được xã tắc; phiêu bạt ở đất nước người để hòng tính việc khôi phục, lại bị đọa quyền gian lường gạt; uất ức đến mãi bây giờ, phải ôm hận mà chết, thật do lòng trời gây nên. Sau này nếu các người được về nước, thì nên đèo nắm xương tàn của trẫm cùng về, chôn ở cạnh lăng tẩm của các vị thánh hoàng đời trước, để tỏ rõ chí hướng của trẫm. Các người nên ghi nhớ lấy và nói cho mọi người đều biết.

Các bề tôi đều khóc lạy, xin vâng lời.

Rồi đó vua Lê tắt thở, thọ 28 tuổi. Bấy giờ là ngày 16 tháng mười, mùa đông năm thứ 58 niên hiệu Càn-Long nhà Thanh (1792).

Vua Thanh sai dùng lễ quốc công an táng vua Lê ở khu Quảng Lăng, ngoài cửa Tây Trục, đất rộng chừng ba mẫu, xung quanh có giậu ngăn; lại bảo các bề tôi đi theo đều theo lễ mà chế đồ tang trở. Sau đấy, vua Thanh bèn cho Duy Khang nối chức tá lãnh.

Nguyễn Viết Triệu ở Nhiệt Hà, tiếp được tin buồn, liền đặt linh vị làm lễ thành phục, khóc lóc thảm thương, hôn mê luôn mấy ngày, rồi phát bệnh mà chết.

Đến năm đầu niên hiệu Gia-khánh nhà Thanh, tức là năm Bính Thìn (1796), hết trở vua Lê, Thái hậu thấy các bề tôi đi theo, ở nơi đất khách cô đơn khổ sở, mà chưa biết đến ngày nào mới trở về, bèn dâng tờ biểu xin cho các người theo trôn sang Trung Quốc đều được lấy vợ.

Vua Thanh cho phép và ban cho mỗi người tám lạng bạc, 35 đồng tiền lớn để làm lễ cưới, bảo họ ai ở chỗ nào, cứ tùy tiện yên phận mà sinh cơ lập nghiệp ở chỗ ấy.

Lại nói, vua Tây Sơn (từ đây, trong bản chữ Hán đều theo quan điểm của triều Nguyễn dùng chữ "Tây ngụy" để trỏ nhà Tây Sơn) là Quang Toản, tuổi trẻ nối ngôi, Đắc Tuyên chuyên chính đã lâu, hình ngục phiến hà, trong ngoài chia lìa, Bắc, Nam nhốn nháo, lòng người lung lay. Mặt khác, quân của triều Nguyễn (trong bản chữ Hán, từ đây về sau đều dùng hai chữ "hoàng triều" để chỉ triều Nguyễn (Gia-Long)) từ năm Mậu thân (1788) đã lấy lại thành Gia Định; năm Canh Tuất (1790) lấy lại được hai phủ Bình Thuận và Duyên Khánh. Từ đó trở đi, quân triều Nguyễn luôn luôn tiến đánh mặt bắc, thanh thế rất

manh. Mười ba thừa tuyên ở Bắc Hà cũng đều nghênh cổ để chờ sự trung hưng của triều nhà Nguyễn. Sự bại vong của nhà Tây Sơn, những kẻ am hiểu tình thế đều nhìn thấy rõ ràng, nhưng riêng vua tôi nhà Tây Sơn thì vẫn không biết.

Thật là:

*Gặp nước thường luồng đã hoạt bát,
Ở nhà én sẽ vẫn im lìm*

Chưa biết sự thế ra sao? Hãy xem hồi sau phân giải.

Theo điển trong sách Khổng tùng tử, én sẽ ở trên mái hiên, không biết rằng người nhà đã có lửa cháy... Ở đây ý nói nhà Nguyễn đã gặp thời cơ như thường luồng gặp nước; Quang Toản sắp bị diệt mà vẫn không biết gì cả.

Hồi thứ mười bảy

*Mất thành Thăng Long, vua Cảnh Thịnh bị bắt
Táng lăng Bàn Thạch, Nguyễn Hoàng Phi chết theo*

Lại nói, vào năm đầu khi vua Tây Sơn Quang Toàn mới lên nối ngôi tức là năm Quý Sửu (1793), đại quân của nhà Nguyễn (Nguyễn Ánh) cả thủy lẫn bộ, từ Gia Định kéo ra đánh vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc ở thành Qui Nhơn. Tướng sĩ của Nhạc đánh mãi đã mệt nhọc, thể lực dần dần cùng quẫn, Nhạc bèn sai người đến chỗ Quang Toàn xin quân cứu viện. Quang Toàn hợp các tướng mà bảo rằng:

- Ta nghe nói "môi hờ răng lạnh, môi còn răng âm", nay vua bác có nạn mà sức chống giữ kém cỏi, không thể không cứu.

Rồi Toàn cho đô đốc Nguyễn Diệu làm chức đại tổng quản, dẫn quân vào Nam cứu Nhạc. Quân chúa Nguyễn lại rút về.

Tháng 8 năm ấy, Nhạc mất, con cả là Quang Thiệu lên nối ngôi. Nhân thế, Diệu chia quân giữ lấy thành. Tiếng là cứu viện, nhưng thực ra là thôn tính ngầm ngầm.

Năm sau, tức là năm Giáp Dần (1794), Quang Toàn lại sai Đắc Trụ (có sách chép Đắc Thân, là con Đắc Tuyên) làm chức tán nghị, đi vào Qui Nhơn cùng với Quang Thiệu trấn giữ thành ấy và lấy Nguyễn Diệu làm thống suất, lĩnh đại quân tiến đánh thành Nha Trang. Từ Lê Văn Trung trở xuống, tất cả bảy tướng đều được gia phong làm tước quận công quản binh và nghe theo lệnh chỉ huy của Diệu. Diệu tiến sát thành Nha Trang, mà quân tuần tiễu thì đã đến tận địa phận tỉnh Bình Thuận. Quân nhà Nguyễn hết sức chống giữ khiến Diệu không thể thắng nổi. Hồi đó, quân Tây Sơn luôn luôn đến xâm lấn miền Nam, hai bên chống chọi với nhau đến hàng năm.

Thình lình Diệu nghe tin cha con Bùi Đắc Tuyên và Ngô Văn Sở đều bị bọn tư đồ Dũng và thái bảo Hoá giết chết, bèn vội vàng kéo quân về, họp bàn cùng bọn tướng tá, định dùng quân lực bắt hiếp bọn Dũng.

Nguyên từ năm Quang Toàn mới lên ngôi tới khi ấy, Đắc Tuyên thì chuyên quyền, còn Văn Sở thì trấn giữ thành Thăng Long, coi hết việc quân, dân, rồi được thăng chức đại tổng lý, tước quận công. Năm ấy Quang Toàn lại sai đại tư đồ Dũng ra coi binh mã bốn trấn ở miền Bắc. Dũng đến nhà trạm Hoàng Giang, gặp trung thư lệnh là Trần Văn Kỳ phạm tội bị đày ở đó. Dũng cùng ngủ đêm với Kỳ, Kỳ bèn nói với Dũng rằng:

- Quan thái sư (chỉ Đắc Tuyên) chức vị đã cao tột bậc, trong tay nắm quyền làm oai làm phúc, lại đẩy ông ra ngoài, nếu có sự chẳng lợi cho nhà nước, các ông phòng còn giữ được đầu chằng? Bây giờ chẳng sớm liệu đi, sau này ăn năn sao kịp?

Dũng vốn tin và trọng Văn Kỳ, bèn cho lời Kỳ là phải. Hôm sau, Dũng đem quân bản bộ gấp đường quay về, hợp mưu với thái bảo Hoá, bắt phe đảng Đắc Tuyên bỏ ngục; lại sai người vào Qui Nhơn bắt Đắc Trụ và sai đô đốc Hải ra thành Thăng Long lập mẹo bắt Ngô Văn Sở đưa về, rồi thêu dệt thành tội trạng làm phản mà đem chìm xuống nước cho chết hết.

Quang Toàn không thể ngăn chặn nổi, đành chỉ khóc lóc mà thôi. Sau đó, Dũng lại sai Hoá vào giữ thành Qui Nhơn.

Chẳng mấy chốc, Diêu ở Nha Trang nghe tin, đêm ngày lo nghĩ, chỉ sợ vạ lây đến mình, bèn bảo các tướng rằng:

- Chúa thượng không cương quyết, đại thần giết lẫn nhau, tai biến không gì lớn hơn thế nữa. Nay hãy kéo về để dẹp yên cuộc phiến loạn ở bên trong, rồi sau lại vào đánh giặc cũng được.

Các tướng đều nói:

- Xin theo mệnh lệnh!

Ngay hôm ấy Diêu giải vây cho thành Nha Trang rồi kéo quân về thành Qui Nhơn. Hoá nghe tin, đến tạ tội trước. Diêu lờ đi không hỏi. Về tới làng Yên Cựu (ở phía nam thành phố Huế, trên bờ sông Hương (Bình Trị Thiên)), Diêu đóng quân ở bờ nam sông. Dũng cùng bọn nội hầu Tứ thì đem bản bộ đóng ở bờ bắc sông, mượn mệnh lệnh của nhà vua để chống lại với Diêu.

Quang Toàn sợ lắm, phải sai bọn trung sứ qua lại vỗ về, hoà giải, Diêu mới chịu đem bọn tả hữu vào yết kiến Quang Toàn và giảng hoà với bọn Dũng; kế đó Diêu lại xin gọi Hoá về và xin cho Lê Văn Trung thay chân Hoá, trấn giữ thành Qui Nhơn.

Lúc đó, bọn người ở bên cạnh Quang Toàn ngày đêm gièm pha rằng, oai quyền của Diêu lớn quá, đang toan có mưu khác. Toàn tin là thật, liền rút hết binh quyền của Diêu, chỉ cho giữ một chức quan vào hàng thị thần mà thôi. Bình sinh Diêu vốn tương đắc với Lê Văn Trung, bèn gửi thư mật vào Qui Nhơn, hẹn Trung cất quân lập Quang Thiệu làm vua mà bỏ Quang Toàn. Trung theo lời, bèn kéo quân về, đồng thời xin Quang Thiệu thân đem quân tiếp ứng phía sau.

Quân Trung về đến Quảng Nam, trong ngoài nhốn nháo sợ hãi. Quang Toàn họp các quan lại bàn bạc, mọi người đều nói:

- Bảo Văn Trung lui quân, phi Diệu không ai làm được!

Quang Toàn liền sai Diệu đi. Văn Trung không báo trước với Quang Thiệu mà một mình một ngựa theo Diệu về yết kiến Quang Toàn. Quang Thiệu nghi ngờ, sợ hãi, lập tức rút quân và voi về thành Qui Nhơn, đóng chặt cửa thành để cố thủ.

Quang Toàn sai tướng đến đánh liên tiếp mấy tuần không hạ được, bèn tự mình làm tướng đem quân đi. Đến Lê Giang, có viên thái phủ tên là Mân nói với Toàn rằng:

- Cuộc biến loạn Quang Thiệu thực do Văn Trung gây nên, tội không thể tha, xin giết ngay để răn kẻ khác.

Quang Toàn cũng cho là phải, bèn sai vờ Trung vào dinh, bảo võ sĩ trói lại đem chém. Sau đó, Toàn vỗ về tướng sĩ, hạ lệnh tiến đánh Qui Nhơn, mười ngày hạ được thành, bắt sống được Quang Thiệu. Toàn bèn để Mân ở lại giữ thành Qui Nhơn, rồi cùng Quang Thiệu đưa về, dùng thuốc độc giết chết.

Nhà Tây Sơn kể từ khi Văn Nhạc, chiếm giữ Qui Nhơn vào năm Mậu Tuất (1778), tức là năm thứ 39 niên hiệu Cảnh Hưng, thì tự xưng là thiên vương, đặt niên hiệu là Thái Đức; năm Canh Tý (1780) lại xưng hoàng đế, lập Quang Thiệu làm thái tử. Năm Quý sửu (1793), Nhạc mất, Thiệu lên nối ngôi, được năm năm, đến năm Mậu Ngọ (1798) thì mất nước, tất cả là 21 năm.

Lại nói, sau khi Văn Trung bị Quang Toàn giết, con rể Trung là Chắt nghi ngờ, sợ hãi, bèn phản Tây Sơn, vào Nam đầu hàng chúa Nguyễn ở Gia Định. Chúa Nguyễn cho coi quân ngự lâm.

Nguyên lúc đầu, Chắt thờ Quang Toàn, giỏi về tài đánh dẹp, làm đến chức đại đô đốc. Đến khi Văn Trung chết, Chắt bỏ quân lính chạy trốn. Thái phủ Mân sợ Chắt làm loạn, liền lùng bắt rất gấp. Chắt có người dày tở nghĩa hiệp hoá trang như hình dáng của Chắt, rồi tự tử ở khe núi, để cho Mân thôi, không lùng bắt Chắt nữa. Chẳng bao lâu, Mân biết là giả dối, bèn treo giải thưởng truy lùng Chắt hết sức ráo riết. Chắt bắt đắc dĩ phải ra thú ở cửa quan của Mân. Mân liền sai Chắt coi toán quân tiền phong, để chờ sai phái, và định bụng dùng quân luật mà giết chết. Chắt biết ý ấy, bèn dỗ bọn tướng tá của y, gồm sáu mươi người, đem quân và voi vào Nam, dâng biểu xin hàng. Sau Chắt vâng mệnh chúa Nguyễn đem quân đánh nhau với Mân. Quân Mân thua to, Mân phải chạy vào núi rừng mà trốn; quân, voi, khí giới đều bị Chắt thu sạch.

Quang Toàn nghe tin, lại sai đại tư đồ Vũ Tuấn dẫn binh tới trấn, chiêu tập tàn quân để đóng giữ.

Đến năm Canh Thân (1800), quân chúa Nguyễn vượt biển ra đánh, sức Tuấn chống không nổi, dâng thành xin hàng. Chúa Nguyễn bèn đổi thành Qui Nhơn làm trấn Bình

Định, sai quan coi hậu quân là Tính quận công Võ Đình Tính (cũng thường gọi là Võ Tính) đem quân đóng giữ, còn thượng thư bộ Lễ là Ngô Tông Chu thì làm chức hiệp trấn.

Được vài tháng, Quang Toản sai thống suất Diêu và tư đồ Dững đốc suất các đạo quân thủy bộ vào đánh Qui Nhơn. Diêu coi quân bộ, Dững coi quân thủy, hai đạo hợp sức mà đánh. Quân Nguyễn hết sức chống giữ bọn Diêu không thể đánh thắng. Dững bèn dùng ba chiếc tàu chiến lớn, chặn ngang cửa biển Qui Nhơn, trên tàu lập chòi gác, đặt súng lớn; phía trong lại dàn quanh vài trăm chiếc chiến thuyền, đốc thúc quân thủy canh giữ đề phòng quân cứu viện ở ngoài đến.

Năm sau, bị quân Nguyễn đánh tan, tàu lớn và chiến thuyền đều bị thiêu huỷ. Dững lên bộ, dẫn tàn quân mà chạy, rồi hợp quân với Diêu.

Quân Tây Sơn đã mất đường thủy, bèn đắp lũy đất, ụ đất ở xung quanh thành Qui Nhơn, để đứng trên đó mà bắn vào thành; lại lập nhiều đồn trại kiên cố, chứa chất quân lương, làm kẻ ở lâu. Nhưng quân Nguyễn canh giữ rất cẩn mật, bọn Diêu không sao hạ được thành. Quang Toản rất lấy làm lo.

Lúc ấy lại có bọn cha cố của đạo Gia-tô tây dương (tiếng dùng để gọi các nước phương Tây nói chung) ở trong nước Nam, đi khắp nơi dụ các đạo đồ làm loạn. Các nơi nổi lên như ong, Quang Toản liền sai bắt bọn trùm trưởng của họ đem giết chết, rồi triệt hạ các nhà giảng, phá huỷ các ảnh tượng và đốt các sách tây của họ. Hễ bắt được đồ đảng của họ, lại bắt phải giẫm chân lên ảnh thì mới tha, ai không chịu thì bắt sung quân nuôi voi, cắt cỏ cho voi ăn. Bởi thế, giáo dân tức giận, càng xui giục lẫn nhau, đâu đâu cũng đều náo động.

Còn quân nhà Nguyễn thì hàng năm ra đánh, thanh thế lừng lẫy. Mỗi khi gió nam nổi lên, thì nhân dân các trấn lại nói với nhau: "Chúa cũ ra đây!" (bấy giờ hàng năm cứ đến khoảng tháng 4, tháng 5 khi gió nam thổi mạnh thì Nguyễn ánh đốc quân thủy bộ ra đánh, đến lúc có gió mùa đông bắc thổi thì lại rút quân về. Người đương thời thường gọi những đợt tấn công như vậy là những trận "giặc mùa". Bọn sĩ phu phản động chống Tây Sơn và ngã theo Nguyễn ánh mới nhân đó, đặt ra câu ca dao: Lạy trời cho chóng gió nồm, Cho thuyền chúa Nguyễn thuận buồm trẩy ra).

Lúc đó, nhà Nguyễn cho rằng tướng mạnh và quân tinh nhuệ của Tây Sơn đều tụ họp cả ở Qui Nhơn mà Quang Toản ở thành Phú Xuân thì quân lính phòng giữ rất yếu ớt, bèn đốc suất hết thủy quân và trên một ngàn chiến thuyền, hẹn ngày thuận theo gió nam vượt biển ra phía bắc. Cờ quạt chói nắng, chiêng trống vang trời, xông thẳng vào đánh cửa Thuận An. Tướng Tây Sơn là phò mã Trị đem hết quân lính chống giữ, địch không nổi, phải tan vỡ. Quang Toản nghe tin, lại đốc hết tướng sĩ, tự mình cầm quân tới đánh nhau với quân Nguyễn. Gần trưa, quân Toản đại bại, vỡ chạy tan tác. Quân chúa Nguyễn bèn tiến lên, chiếm lại đô thành. Hôm đó nhằm vào ngày mùng 3 tháng năm, mùa hè năm Tân dậu (1801), tức là năm thứ 24, kể từ khi chúa Nguyễn Ánh quyền giữ việc nước.

Sau khi thua trận, Quang Toàn rụng rời hoảng hốt, liền thay đổi đồ mặc, cùng vài người quan hầu, cưỡi ngựa chạy trạm, chạy ra miền Bắc. Đến Nghệ An ở lại vài ngày, rồi lại ra Thăng Long hội họp tướng sĩ, lo việc chống giữ. Tháng sáu mùa hè năm ấy, thỉnh linh viên trấn thủ Nghệ An là Nguyễn Thận sai người báo tin lầu Rồng ba tầng ở đấy tự dung đổ sụp. Những người nghe tin đều cho là điềm chẳng lành.

Sang đầu mùa thu, quan nhà Nguyễn là Tường quang hầu cùng Thụy ngọc hầu vâng chỉ đem quân theo hai đường Hương Sơn và Trấn Ninh ra đánh, để quấy rối trấn Nghệ An. Nguyễn Thận sai tướng đón đánh, quân của Thận luôn bị thua. Sau vài ngày, Tường quang hầu vì lũ lụt không thể ở lâu, bèn đem thuyền cũ cắm ở cửa sông vùng Hương Sơn, đầu và đuôi thuyền bện cỏ làm hình quân lính, cho mặc áo giáp cầm kích, trong thuyền đắp vài đĩa đèn để cho quân Tây Sơn nghi ngờ, rồi nhân lúc đêm tối đem quân bán bộ cưỡi thuyền nhẹ xuôi dòng xuống phía đông, ra cửa Nam Giới, vượt biển mà về Nam. Đến khi quân Tây Sơn biết thì quân của Tường quang hầu đã đi được hai ngày rồi. Thụy ngọc hầu cũng từ Trấn Ninh rút quân theo đường mạn ngược mà về kinh sư.

Ngày tháng tám năm ấy (1801), Quang Toàn ở Thăng Long, xuống tờ dụ võ về quân dân các trấn, và đổi niên hiệu Cảnh Thịnh làm năm đầu niên hiệu Bảo Hưng. Tháng mười một mùa đông năm ấy, Quang Toàn thân hành đem quân và voi của bốn trấn Hải Dương, Sơn Tây, Sơn Nam, Kinh Bắc và hai trấn Thanh Hóa, Nghệ An vào đánh, nhưng bị quân nhà Nguyễn đánh thua, lại phải rút về.

Mùa xuân năm Nhâm Tuất (1802), quân nhà Nguyễn qua sông Gianh tiến đánh hạ được đồn Tâm Hiệu thuộc châu Bố Chánh. Quân Tây Sơn tan vỡ, chạy về doanh Hà Trung trong hạt Kỳ Anh. Tháng năm mùa hè năm ấy (1802), chúa Nguyễn hạ chiếu đổi niên hiệu làm năm đầu niên hiệu Gia Long, ban tờ dụ ra cho quân dân Nam Hà, Bắc Hà đều biết.

Nguyên từ năm 49 niên hiệu Cảnh Hưng, tức là từ năm Bính Ngọ (1786) trở về sau, nhà Nguyễn vẫn dùng niên hiệu cũ của nhà Lê.

Năm Nhâm Tuất (1802) này, lúc đầu cũng vẫn còn gọi là năm Cảnh-Hung, đến bây giờ mới đổi ra niên hiệu mới.

Bấy giờ, trong thành Qui Nhơn hết ăn, quan quân đều đói mệt. Viên tham tán là Ngô Tông Chu uống thuốc độc chết trước. Tính quận công cũng tự đốt mà chết. Tướng sĩ hơn vài vạn người đều ra thành xin đầu hàng. Diệu bằng lòng nhận cho hàng.

Sau khi vào thành, Diệu lập tức bàn với bọn tướng tá đem quân về đánh kinh thành (Phú Xuân (Huế-Bình Trị Thiên)). Qua vài ngày, Diệu đem quân ra khỏi địa giới trấn Qui Nhơn thì bị viên phó tướng của nhà Nguyễn là Đắc lộc hầu chặn lại. Nguyên từ năm ngoái, sau khi nhà Nguyễn lấy lại kinh thành, liền sai Đắc lộc hầu tới đó lập đồn cắm trại để ngăn chặn sự tiến công của quân Tây Sơn. Lúc ấy, Diệu đem quân về qua đó, đánh phá hàng nửa ngày mà không thể hạ được. Quân Diệu bị quân nhà Nguyễn bắn sang, người

chết và người bị thương gôi nhau mà nằm. Diêu chẳng biết làm thế nào, bèn đem quân và voi dọn núi mở đường đi vào địa giới nước Ai Lao, định ra Nghệ An. Chúa Nguyễn nghe tin, lập tức cắt đặt các tướng, thống lĩnh các đạo quân thủy bộ, hẹn ngày kéo ra Bắc.

Ngày 28 tháng năm, quân thủy của nhà Nguyễn đi tới cửa biển Đan Nhai thuộc trấn Nghệ An, tiến đánh và phá được đồn Quần Mộc. Quân bộ cũng tiến đến phía nam sông Thanh Long, nổ ba tiếng súng rồi vượt sang bờ phía Bắc. Hai mặt thủy bộ đều tiến công, quân Tây Sơn kinh sợ, bỏ chạy tán loạn. Quân nhà Nguyễn bèn xông lên cướp kho thóc Kỳ Lâm, rồi kéo cờ pháp phới. Viên trấn thủ của Tây Sơn là Nguyễn Thận cùng với hiệp trấn Nguyễn Triêm, thống lĩnh Đại, thiếu úy Đăng bỏ thành chạy ra miền Bắc. Đến đồn Tiên Lý, Triêm tự thắt cổ; còn Thận chạy ra trấn Thanh Hóa. Thế là quân nhà Nguyễn lấy được thành Nghệ An.

Diêu ở Qui Hợp xuống đến địa phận Hương Sơn thì nghe tin Nghệ An đã tan vỡ, bèn đến Thanh Chương, qua sông Thanh Long, do đường phía trên huyện Nam đường chạy ra trấn Thanh Hóa. Tướng sĩ đi theo Diêu dần dần tản mát mỗi người một nơi. Quân nhà Nguyễn đuổi theo, bắt sống được Diêu.

Ngày tháng sáu, quân nhà Nguyễn tiến đánh thành Thanh Hóa. Em Quang Toàn là đốc trấn Bàn cùng bọn Thận, Đăng đều đầu hàng.

Ngày 18, vua Gia Long tiến ra Thăng Long, truyền lệnh cho các quân đánh thành, quân Tây Sơn hoàn toàn tan vỡ. Quang Toàn bỏ thành cùng với em là Quang Thủy và bọn đô đốc Tú qua sông Nhĩ Hà chạy về hướng bắc. Sau, Thủy và vợ chồng Tú đều tự thắt cổ. Còn Quang Toàn cùng các bề tôi thì đều bị thả hào Kinh Bắc bắt được đóng cũi đưa đến trước cửa quân. Bọn quan lại ở các trấn hoặc trốn, hoặc hàng, không một ai dám chống lại. Quân Tây Sơn đến đây là hoàn toàn bị dẹp tan.

Vua Gia Long ở lại thành Thăng Long, hạ chiếu kêu gọi nhân dân yên ổn làm ăn, chia đặt quan văn, quan võ ở các trấn: lại vời các quan văn, võ nhà Lê và các bậc kỳ lão, hỏi về công việc ở Bắc Hà; tha bớt thuế khoá, phu phen, bãi bỏ mọi sự phiền hà, chiếu theo sổ định cũ của nhà Tây Sơn cứ bảy suất đình kén một người lính, rồi lập ra các quân năm doanh và mười cơ.

Vài tháng sau, vua Gia Long về kinh đô Phú Xuân, sửa lễ cáo miếu dâng tù, đem bọn vua tôi Quang Toàn ra dùng cực hình giết chết, rồi bố cáo cho khắp cả nước đều biết (theo Đại nam thực lục chính biên, thì Quang Toàn cùng những người con khác của anh em Nhạc, Huệ đều bị Gia Long sai dùng cực hình 5 voi xé xác để giết chết. Còn Huệ, Nhạc cũng bị trả thù rất dã man: Mỏ mả bị khai quật, hài cốt bị giã nát vứt đi; đầu lâu của Nhạc, Huệ, Toàn và mộ chủ của vợ chồng Nguyễn Huệ đều bị giam ở nhà Đồ Ngoại, sau lại đưa vào cấm vô vĩnh viễn trong ngục thất). Từ đây Nam, Bắc yên vui, cõi bờ chung hiệp, cơ đồ sẽ thống nhất muôn đời vậy.

Lại nói, từ khi thái hậu nhà Lê chạy sang Yên Kinh, ở tại "Tây An Nam doanh" được bốn năm thì cháu đầu (tức con trai cả của Chiêu Thống) mất, năm năm thì vua Lê mất. Những người đi theo đều bị Hoà Khôn đưa đi các nơi khác, chỉ còn thái hậu và Duy Khang ở lại Yên Kinh mà thôi. Tác lòng cố quốc tha hương, tơ sầu muôn mối; mưa xuân sương thu, mấy độ thở than. Thái hậu với các thị thần thường muốn dâng biểu xin về nước, nhưng vì đất nước đang bị Tây Sơn chiếm cứ, lại đành phải ngậm sầu mà thôi.

Ngày 11 tháng mười, mùa đông năm thứ tư, niên hiệu Gia Khánh nhà Thanh, tức là năm Kỷ vị (1799), thái hậu lo buồn thành bệnh, mất ở "Tây An Nam doanh". Vua Thanh giáng chỉ sai quan bộ Lễ trông coi việc tang, và đem di hài quần tằm ở cạnh lăng vua Chiêu Thống.

Trước đó, từ năm Ất Mão (1795), tức năm thứ 60 niên hiệu Càn-Long, vua Thanh đã truyền ngôi cho con thứ 11, tức là vua Gia Khánh. Sau khi lên ngôi, vua Gia Khánh bèn tôn vua Càn Long làm thái thượng hoàng. Bấy giờ vua Gia Khánh nghĩ lại lời dặn của anh, tức là vương thứ sáu, định giết Hoà Khôn, nhưng vì Hoà Khôn là người được thượng hoàng yêu mến, nên vẫn chưa dám hạ lệnh giết.

Đến mùa xuân năm ấy, thượng hoàng mất, vua Gia Khánh liền sai bắt Hoà Khôn, ép buộc hẳn phải tự tử, đồng thời tịch thu hết thầy gia tài của hắn.

Sau khi giết Hoà Khôn, nhân tiện bàn đến việc vua cũ của nước Nam, vua Thanh cũng tỏ vẻ thương hại, bèn vời các bề tôi của nhà Lê bị an trí trước kia, cho vào ở trong xưởng Lam thần, ban ơn rất hậu, đầu tóc, quần áo đều cho được tùy tiện.

Năm Quý Hợi (1803), năm thứ tám niên hiệu Gia Khánh nhà Thanh, tức là năm thứ hai niên hiệu Gia Long ở nước ta; lúc đó đã dẹp yên xong quân Tây Sơn, nhà Nguyễn bèn sai sứ thần sang nhà Thanh, dâng biểu trần tình và xin phong vương. Các bề tôi cũ của nhà Lê nghe tin, liền làm tờ bẩm trình với quan nội các, xin đem linh cữu của vua cũ và thái mẫu về nước an táng. Viên quan nội các đem việc ấy tâu lên.

Năm Giáp Tý (1804), vua Thanh giáng chỉ cho đưa di hài của vua Chiêu Thống về táng ở quê nhà và cho các người bề tôi trốn theo đều được về nước; lại truyền xuất tiền công cấp cho viên tá lãnh mười lạng bạc, viên kiêu kỵ tám lạng, còn từ lãnh viên trở xuống thì kể cả đàn ông đàn bà, mỗi người lớn được năm lạng, mỗi người nhỏ được ba lạng; đồng thời bảo các tỉnh dọc đường phải giúp đỡ và tiễn đưa họ ra cửa ải.

Tháng giêng năm ấy, các bề tôi mở quan tài vua Lê Chiêu Thống thì thấy da thịt đã nát hết, chỉ có trái tim không nát, mà sắc máu hầu như vẫn còn đỏ tươi. Tính từ khi quần đến bây giờ đã mười hai năm. Ai trông thấy cũng đều lấy làm lạ và than thở. Rồi đó, họ lại lượm di hài của thái hậu và con đầu của vua. Cả di hài của Viêt Triệu và Văn Quyên cũng được đưa về theo.

Ngày 13 tháng 8 mùa thu năm ấy, di hài vua Lê đưa về đến cửa ải. Hoàng phi là Nguyễn Thị Kim nghe tin, liền từ Kinh Bắc lên cửa ải để đón linh cữu. Ngay từ hôm ấy, hoàng phi tuyệt thực, mỗi ngày chỉ uống một chén hồ, vật vã bên linh cữu mà khóc lóc. Ngày 23 tháng 8 di hài đưa về đến Thăng Long, các quan dựng rạp tế ở nhà Diên tự công. Hằng ngày hoàng phi chỉ nhắm vài đốt mía mà thôi.

Ngày 12 tháng 10, các quan thay hài cốt vua Lê sang một chiếc tiểu khác, thấy trái tim vẫn còn y nguyên.

Tế xong, hoàng phi đến trước hương án khóc lóc thảm thiết và nói với Diên tự công rằng:

- Ta nhẫn nhục vất vả đã mười lăm mười sáu năm trời nay, trong những ngày ấy không phải là không dám chết, chỉ vì thái hậu, vua ta, con ta vẫn ở bên Trung Quốc, âm tín không thông, còn mắt không rõ, nên ta còn chờ đợi một chút. Nay thái hậu cùng vua ta đều mất, con ta cũng chết, linh cữu đã về đến nước nhà thế là việc của ta xong rồi, ta phải chết theo để hầu bên lăng tẩm mới phải.

Rồi đó, hoàng phi liền uống thuốc độc tự tử. Ai nghe tin ấy cũng đều thương xót. Sứ thần Trung Hoa bấy giờ đang ở đấy cũng than thở, ngợi khen mãi.

Ngày 13, các quan lại sắm quan khách khâm liệm cho hoàng phi, rồi ngày 28 cùng rước xuống thuyền đưa về trấn Thanh Hóa.

Ngày 24 tháng 11, các quan làm lễ an táng vua Lê, thái hậu, hoàng phi, con vua ở cạnh lăng vua Hiến-tông, trên núi Bàn Thạch (thuộc huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá). Hai quan tài của Nguyễn Viết Triệu, Nguyễn Văn Quyên cũng táng theo ở gần đó.

Trước đây, khi di hài vua Lê đưa về đến ải Nam Quan, Duy Khang bái biệt trước linh cữu rồi đi về nẻo Lạng Sơn. Còn viên trấn thủ cũ của xứ Kinh Bắc là Lê Hân về đến Thanh Hoá thì bị bệnh chết. Vợ Hân là người Trung Quốc đưa quan tài chồng về tại quê chồng ở làng Nộn Hồ (tục gọi là làng Non Hồ), huyện Nam Đường, trấn Nghệ An, tìm họ hàng nhà chồng để làm lễ an táng. Rồi nàng ở lại, không về Trung Quốc; lấy người cháu trong họ chồng làm con kế tự giữ tiết trọn đời, đến 80 tuổi mới mất.

Các bề tôi theo vua Lê lúc đó đều về quê quán. Chỉ có Trịnh Hiến lại ra làm quan với nhà Nguyễn; rồi sau về làng, vì việc tài sắc bị kẻ thù giết chết.

Sau khi hoàng phi đã chết theo vua Lê, người khắp cả nước ta và người Trung Quốc đều khen là bậc tiết nghĩa.

Có người làm bài "Tiêu cung tuấn tiết hành" (bài trường ca về người cung phi chết theo vua) để lưu truyền đời sau, lời rằng:

"Đất Thuận An cạnh sông Thiên Đức, (tức sông Đuống)

Người đời xưa gọi áp Tỳ Bà.

Khúc tỳ mượn ý đặt ra,

Trời sinh người đẹp sánh hoa Đại-đề

(tên một khúc ca trong Cổ nhạc phủ, ca ngợi người con gái đẹp như hoa. ở đây mượn tên đó để chỉ người con gái đẹp)

Khí tươi tốt nhóm về khuê tú,

Năm Cảnh Hưng ất-dậu mừng sao,

Nhà sang sinh bậc nữ hào,

Công, dung, ngôn, hạnh vẻ nào kém đâu.

Tuổi mười bảy kén vào cung khuyết,

Bính ngọc liền sớm biết điềm hùng

(điềm con gái; thơ "Tư can" Kinh Thi nói năm mộng thấy con bi con hùng (gấu) là điềm sinh con trai)

Ởn trên cao cả muôn trùng,

Đượm nhuần mưa móc phúc hồng chứa chan,

Năm đình vị Tây Sơn khởi biến.

Cảnh phong trần chợt đến khôn lường.

Ngoài thành giông ruổi xe hương,

Quân hầu tan tác, bàng hoàng bên sông.

Vó ngựa lạc Văn phong mấy độ,

Theo từ vi (trò mẹ vua) đến Võ Nhai sơn.

Quần Hồng lặn đận núi ngàn

Liễu bồ phải chịu muôn vàn long đong,

Xa trông đợi tin rồng vắng bật,

Chốn nhàn đình nước mắt chứa chan.

Bỗng đâu tiếng trống nổi ran,

Tướng Cao Bằng rước xe loan lên đường.

Tới Mục Mã vội vàng nghỉ lại,

Thuyền vua giông lên ải Phất Mê.

Địch nghe tin, kíp đuổi kẻ,

Tên bay đạn lạc bốn bề rối ren.

Bè một mảng qua phen kinh hãi,

Bao hiểm nghèo rồi lại bình yên.

Vin cây giã đá trèo lên,

Mưa mù lam chướng đầy trên một trời.

Dân sở tại chào mời, đưa dất,

Gập ghềnh theo lối tắt đường ngang.

Hết đường, tới núi, vào hang,

Giếng thơm trong suốt, nước đang dạt dào.

Biết động ấy thuở nào đào đục?

Mà hôm nay hưởng phúc thần tiên!
Nước ngàn rau núi cũng yên,
Chim kêu, hoa rụng, nỗi buồn tạm khuây.
Trong nội địa (chỉ Trung Quốc) tin đâu bay đến,
Quan trên liền sai khiến người sang.
Trước sau căn vặn tỏ tường,
Long Châu tạm đón dọc đường nghỉ chân.
Cấp phẩm vật mọi phần tươm tất,
Lính đưa đường cẩn mật, tận tình.
Rồi cho đến ở Nam Ninh,
Cửa nhà rộng rãi quán đình nghiêm trang.
Dù Nam, Bắc, đôi đường chua xót,
Lễ nghi thường chưa chút đơn sai,
Một niềm từ huân vâng lời,
Tiêu phòng (phòng ở cửa cung phi có trát hồ tiêu vào vách cho ẩm; đây chỉ vợ vua)
giữ lễ trong ngoài phân minh.
Nhờ thượng quốc đề binh cứu viện,
Muôn dặm xa đưa đến tin vui,
Về Nam cò quạt rợp trời,
Vườn xưa điện cũ sáng ngời vẻ xuân.
Tiếng đàn, trống muôn phần rộn rã,
Cảnh cỏ hoa thoả dạ lâu nay.
Nào ngờ vạ gió tai bay,
Buồn vui chốc lát đổi thay khôn lường
Trên ngự giá vội vàng ra ải,
Từ vi và cháu đại cùng đi.
Nỡ lòng thay lúc biệt ly,
Bỗng đứng kẻ ở người đi rã rời.
Sang phía tây tìm nơi lánh tránh,
Cảnh chơ vơ, cô quạnh, đau thương.
My, Ngu xưa cũng một phường
(My Châu, vợ Trọng Thủy; Ngu Cơ, vợ Hạng Võ; cả hai người con gái đều chết
trong cảnh loạn lạc, rồi My Châu hoá thành viên ngọc, Ngu Cơ hoá thành cỏ thơm),
Ai làm nên nỗi dặm đường gian truân.
Xưa nhà Hạ có lần suy bại,
Một lũ, thành dấy lại cơ đồ.
Giáo gươm thượng quốc giùm cho,
Năm gai ném mật vua lo đủ điều.
Vĩ xã tắc có nhiều người giỏi,
Phận thuyền quyền đâu phải gian nan.
Khoảng năm quý sửu đôn sang,

"Châu trời" tin ấy bàng hoàng một phen (chỉ vào tin Chiêu Thống chết).
Nghĩ vì lẽ dân đen mong mới,
Nên Tây Sơn kia nói sai ngoa,
Đến khi vận mở nước nhà,
Sứ thần sang, mới biết là không sai.
Vị ngọc nát, về nơi chín suối,
Hương hồn khôn bạn với tiên quân
(hai câu này ý nói, nếu hoàng phi chết trước di thì hương hồn không được làm bạn với vua Lê, lúc đó thì hài còn ở Trung Quốc).
Mười sáu năm, biết mấy lần,
Rắp theo Tôn muội làm thân chết chìm
(Tôn muội tức em gái Tôn Quyền và là vợ Lưu Bị đời Tam quốc. Tôn muội bị anh bắt về ở bên Giang Đông; lúc Lưu Bị đánh Giang Đông bị hại, có tin đồn Lưu Bị đã chết, Tôn muội bèn nhảy xuống sông tự tử. - ở đây ý nói hoàn cảnh chưa cho phép Lê Hoàng phi chết được như Tôn muội).
Khiến gia thuộc dò tìm máu độ,
Lên ải quan hỏi rõ nguyên nhân.
Thề sang tới mộ cố quân,
Quyết liễu tính mệnh với khăn lụa là.
Sống là khó, xưa đã có biết,
Nào hay đâu muốn chết cũng gay.
Cơ trời sao khéo vẫn xoay,
Quan trên đã lấy việc này tâu lên.
Cho về nước, vua liền có chỉ,
Tiết Trung thu, Giáp Tý vừa qua.
Vội vàng lên đón linh xa,
Cháo cơm biếng nuốt, mặt hoa vỹ vàng.
Thuyền dừng đỉnh Lô Giang qua bến,
Kiệu toàn che, rước đến từ đường.
Thần liêu dưng chén quỳnh tương,
Trông lên, trăm họ đôi hàng lệ sa.
Tình khuê phụ thật là khó vẽ,
Rửa nước thơm làm lễ gọi là.
Mở quan, cúi mặt nhìn qua,
Chấp tay vái lạy lệ nhoà hai mi.
Cầm thuốc độc thắm thì từ tạ
Lui vào màn uống cả một hơi,
Trẻ già ai nấy rụng rời,
Triều đình nghe tiếng bồi hồi tiếc thương.
Ban gấm vóc bạc vàng phúng viếng,
Bao văn thơ lên tiếng ngợi khen.

*Khen thay! một chết phỉ nguyên,
Thơm tho muôn thuở con thuyền thanh danh,
Kìa khuê các ngọc lành hiếm có,
Sá chi luống mộ vũ triều vân*

(mộ vũ triều vân: Chiều mưa sớm mây. Nguyên ở tích Sở Tương Vương đi chơi Vân-mộng, nằm mơ thấy một thần nữ chung chăn gối với mình, khi từ biệt có nói rằng: Nhà thiếp ở phía nam non Vu, sớm làm mây chiều làm mưa... Sau người ta thường dùng chữ "mây mưa" để chỉ việc trai gái giao hoan. - ở đây ý nói không thiết gì đến chuyện ái ân nữa).

*Đai vàng nọ đưa nịnh thân,
Một đời ton hót làm thân gian tà.
Kịp đến lúc sơn hà biến đổi,
Trước quân thù quỳ gối, chấp tay.
Lạnh lòng khi đọc thơ này,
Khác nào roi quất, mặt dày mày ê.
Thân khuê các giúp bề Tiết giáo,
Mặt phấn sơn phụ đạo Cao hình*

(tiết giáo, cao hình là việc giáo dục của ông Tiết và việc hình án của ông Cao Dao; hai ông này đều là những danh thần mẫu mực đời vua Thuấn).

So thơ Cù, Cát đã đành

(thơ "Cù mộc" và thơ "Cát đằm" trong Kinh Thi, nội dung đều ca ngợi các bà hậu phi nhà Chu),

Trúc Tương vẫn đẹp lưu danh muôn đời

(tương truyền vua Thuấn chết ở núi Thương Ngô, hai vợ là Nga Hoàng và Nữ Anh đến viếng, khóc lóc thê thảm, nước mắt thấm vào các khóm trúc ở xung quanh, thành ra các cây trúc có vằn rất đẹp. Tục gọi là "trúc Tương phi" hoặc "trúc Tương". Sau hai bà nhảy xuống sông Tương để chết theo chồng).

Người xưa làm việc dễ rồi.

Nay làm việc khó không người đó sao?

(hai câu này ý nói, chết ngay theo chồng như hai bà vợ vua Thuấn xưa đã làm, là một việc dễ; còn chịu đựng đau khổ trong một thời gian dài rồi mới chết theo chồng như bà Lê hoàng phi, là việc khó)

Bài này do bề tôi cũ nhà Lê là đồng bình chương sự Tô phái hầu Nguyễn Huy Túc làm.

Tổng trấn Bắc Thành là Thành quận công (tức Nguyễn Văn Thành) đem việc ấy đề đạt lên. Vua Gia Long bèn hạ chỉ ban khen, sai lập đền ở quê hoàng phi, là xã Tỳ Bà thuộc huyện Lang Tài để thờ; cấp ruộng tế và tha thuế khoá cho dân làng ấy để dùng vào việc đền nhang thờ cúng; lại sai dựng bia khắc chữ để nêu gương tiết hạnh.

Còn các bề tôi đi trốn theo vua Lê thì đến mùa hè, năm Tự Đức thứ 14 (1860), các quan ở Bộ theo lời bàn kê rõ lý lịch, vâng chỉ dụ của nhà vua cho lập đền thờ ở phía tây

thành Thăng Long, tại phường Thụy Chương, thuộc huyện Vĩnh Thuận. Thứ tự các bài vị đều sắp đặt theo như lời bàn của Bộ. Chính giữa là linh vị của Trường phái hầu Lê Quýnh đặt thụy hiệu là "Trung Nghị". Bên tả bày linh vị của mười một người, gồm có đề lĩnh Nguyễn Viết Triệu, thượng thư Bút phong Đình Giản, Đình võ hầu Trần Quang Châu, Trần Danh Kê, hữu thị lang Nguyễn Huy Diệu, trấn thủ Lê Hân, chỉ huy Lê Doãn Trị, chương tể bảo Lê Quý Thích, Nguyễn Hùng Trung, Lê Tùng, tả tham chính Kinh Bắc, Bình vọng Lê Trọng Trường. Bên hữu bày linh vị của mười một người, gồm có tể nạn công thần Trần Danh án, thanh hình hiến phó sứ Tuyên Quang Nguyễn Đình Viện, nội thị Nguyễn Quyên, Trần Đĩnh, đốc đồng Nguyễn Quốc Đống, Địch quận công Hoàng Ích Hiều; Nguyễn Đình Miên, Đoàn Thận Xương võ úy Nguyễn Trọng Du, Lê Thức, Cận quang hầu Phạm Như Tùng. Tất cả hai mươi hai người ấy đều được đặt thụy hiệu là "Trung mẫn".

Ngoài ra, ở phía đông thờ năm người là Nguyễn Ngọc Liễn, Vương Triệu, Vương Chấn Thiều, Tôn Hạp, Lê Diên Định. ở nhà phía tây thờ năm người là Trần Lương, Trần Đăng, Vũ Trọng Dật, Trần Dân, Trần Hạp.

Từ Lê Quýnh trở xuống cộng ba mươi ba người, trên đầu đều đề là "Cố Lê tiết nghĩa thân" (các bày tôi tiết nghĩa đời Lê) và ngai đền cũng đề là "Cố Lê tiết nghĩa từ" (đền thờ các bậc tiết nghĩa đời Lê). Việc ấy nêu lên ý nghĩa giáo huấn của triều đình, là muốn gạn đục khơi trong và bồi đắp phong tục, khiến cho người sau xem đây cũng biết rằng:

Vì nước, người ta dù có phải chịu khốn khổ trong một lúc mà vinh quang sẽ lưu truyền muôn thuở vậy.